

VIÊN GIÁC



SỐ - NR. TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

107

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

PL. 2542 ■ NĂM THỨ 20 ■ THÁNG 10 ■ JAHRGANG 20. ■ OKTOBER 1998 ■ AUSGABE IN VIETNAMESSISCHE & DEUTSCH





Thế giới đang chuyển động ở mọi lãnh vực như: chính trị, kinh tế, văn hóa, môi sinh, thời tiết v.v... Tất cả những gì xảy ra vào cuối thế kỷ thứ 20 này như nạn lụt, cháy rừng, tai nạn máy bay, tàu thủy v.v... là kết quả của những gì mà con người đã gây ra trong đầu và giữa thế kỷ thứ 20 này.

Theo nhà Phật, người gây nhân nào, phải hưởng quả đó; nhưng quả có được cũng bị lệ thuộc bởi nhân duyên. Khi nào nhân duyên thuận, thì nhân lại nảy sinh và quả lại tựu thành. Vậy thì những gì mà kết quả ngày hôm nay chúng ta đang hưởng nơi đây, hoàn toàn là do những nguyên nhân sâu xa trong quá khứ mà ta đã gây ra vậy. Do đó, chúng ta không trách trời, trách người mà quên trách mình; quả là điều thiếu sót. Do vậy cụ Nguyễn Du cũng đã nói rõ trong truyện Kiều rằng:

*"Đã mang lụy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách bởi trời gần trời xa
Thiện căn vốn tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"*

Đây là một điều căn bản và rất tế nhị; nhưng rất ít người lưu tâm đến.

Vừa rồi ngày 2.9.98, chính quyền Cộng Sản Việt Nam đã trao trả cho hơn 5.000 tù nhân chính trị trong đó có Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo, hai Thượng Tọa Thích Trí Siêu và Thích Tuệ Sỹ là những nhà học giả uyên thâm của Phật Giáo Việt Nam cũng như của dân tộc Việt Nam. Ngoài ra Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Lý Tổng v.v... cũng đã được trao trả tự do. Sở dĩ sự kiện này có được là do áp lực của quốc tế và sự tranh đấu liên tục của Phật Giáo cũng như của các Hội Đoàn, Tổ Chức tại ngoại quốc. Do vậy, nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam muốn được bang giao với quốc tế, không thể thiếu vấn đề tôn trọng nhân quyền được. Đây là một kết quả, mà suốt hơn 20 năm qua, đồng bào Việt Nam chúng ta ở ngoại quốc đã kiên trì đấu tranh. Đây là một cái quả đã gặt được sau 20 năm đã gây nhân.

Ở Mỹ trong hiện tại, đời sống đạo đức của Tổng Thống Clinton bị xuống dốc; nhưng đồng thời nền kinh tế lại tăng vọt; trong khi đó Á Châu thì đứng lại và thối lui. Á Châu đang giữ thăng bằng về cả hai phương diện Đạo Đức và Kinh Tế. Đời sống là cái gì mà con người khó có thể tự chế được, do vậy mà khủng hoảng, loạn

lạc khắp nơi. Cho hay khi tâm con người loạn động thì thế giới cũng bị ảnh hưởng theo. Nếu tâm chúng ta bình, thì thế giới sẽ bình. Nếu tâm chúng ta loạn, thì thế giới cũng sẽ loạn. Loạn hay động đều do khởi nguồn từ bên trong, ấy là tâm, chứ không phải phát xuất từ bên ngoài. Nếu mọi người, ai ai cũng hiểu lý duyên sanh này, chắc chắn sự khổ đau sẽ vơi bớt và hận thù sẽ không còn nữa.

Xã hội ngày nay, ở bất cứ nơi đâu như Âu, Á, Mỹ, Phi, Úc cũng đều phải cần đến đời sống tinh thần, tức đời sống tâm linh của Tôn Giáo. Nếu một người sống không có lòng tin, tức người ấy không có một mục đích để hướng tới và một nơi để quay về. Quả thật, đối với những người này thật tội nghiệp. Vì họ không có một hướng đi nhất định.

Những ngôi chùa đồ sộ càng ngày càng được mọc lên khắp nơi; những khóa tu Thiền, tu Tịnh Độ và những buổi lễ công cộng giảng pháp cho công chúng của Đức Đạt Lai Lạt Ma hay của các bậc Đại sư, đã là những nơi chốn và những cơ hội tốt để quay về. Riêng người Việt Nam chúng ta ở ngoại quốc ngày nay có hơn 300 ngôi chùa và hơn 500 vị lãnh đạo tinh thần của Phật Giáo. Đây là một gia tài đồ sộ của Phật Giáo Việt Nam mà chúng ta đang hiện có. Trước năm 1975 không ai có thể nghĩ đến điều này. Quả thật đây cũng là một nhân duyên hy hữu vậy.

Từ ngày 1 đến ngày 4 tháng 10 năm 1998 vừa qua tại Sydney - Úc Châu, chùa Pháp Bảo đã làm lễ Lạc Thành và Hoàn Nguyên. Trong lễ này có Đại Giới Đàn Hương Sơn quy tụ các giới tử Thập Thiện, Bồ Tát, Sa Di, Thức Xoa Ma Na, Tỳ Kheo Ni, Tỳ Kheo v.v... nhằm tấn tu đạo nghiệp và khuyến tấn những người xuất gia đi vào con đường giải thoát cũng như gìn giữ giới luật. Vì đó là con đường sinh lộ của Phật Giáo. Rồi Lễ Vớt Vong nơi biển Sydney cũng như Lễ Chấn Tế Cô Hồn để âm được siêu và dương được thái. Ngoài Lễ Lạc Thành Hoàn Nguyên được cử hành trang nghiêm trọng thể vào ngày Chủ nhật 4 tháng 10 năm 1998 còn có Lễ Truy Diệu Cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh bị nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam bức tử trong tù vào tháng 10 năm 1978; năm nay đúng 20 năm. Một thế hệ đã trôi qua; nhưng ai ai cũng nhỏ thương và kính mến một nhà lãnh đạo tài ba của Phật Giáo Việt Nam ở vào hậu bán thế kỷ thứ 20 này. Đặc biệt nhất, Gia Đình Phật Tử Việt Nam cho dù ở quốc nội hay Hải Ngoại luôn luôn tôn thờ lý tưởng áo lam của mình, mà Hòa Thượng Thích Thiện Minh là người sáng lập, là cha đẻ của phong trào thanh niên này.

Sau lễ tưởng niệm, có sự hiện diện của Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tại Hoa Kỳ cũng như chư tôn đức đến từ Âu Châu, Mỹ Châu và Úc Châu đã chánh thức tấn phong chư vị Tỳ Kheo Thích Quảng Ba, Thích Phước Nhơn, Thích Minh Trí, Thích Bốn Điền và Thích An Thiên lên ngôi vị Thượng Tọa. Đây là một thành quả về Đạo Đức thăng hoa mà ngôi nhà Phật Giáo tại Úc Châu đã gặt hái được.

Lễ khánh thành hoàn nguyên đã qua, một cơn mưa xảy ra trước khi Đại Lễ mấy ngày và lại một trận mưa nữa đã được rưới xuống khung trời Sydney sau lễ. Quả là phép Phật nhiệm màu, đã làm sống lại những màu hoa Anh Đào đang rụng rỏ nở để đón Xuân sang tại xứ này, trong khi đó tại Âu Châu đã vào Thu và năm nay nhiều người đã có 2 mùa Xuân, cũng là mùa mang nhiều niềm hy vọng.

KỀ CẬN TỪ QUANG

Nguyên tác: *Closer to the Light*
Tác giả: Dr. Melvin và Paul Perry

Người dịch:
Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn

CHƯƠNG I I

KHẢO CỨU Ở SEATTLE

"Tin có sự truyền thông giữa Chúa và người hoặc cho rằng có năng lực từ bên ngoài vào tâm trí của con người sau khi y chết là chuyện riêng của mỗi cá nhân. Khoa học không giải đáp các vấn đề này"

Wilder Penfield, Tổ sư khoa giải phẫu thần kinh

*

Nhiều tháng sau khi Kartie có kinh nghiệm cận tử, tôi rời Pocatella, đến hành nghề ở Bệnh viện Nhi đồng Seattle.

Tôi được trợ cấp để nghiên cứu về hiệu quả của một hóa chất chống ung thư tên là *methotrexate* trên hệ thần kinh não tủy của chuột để rồi xem thuốc này ảnh hưởng con người như thế nào.

Nhưng tôi còn muốn làm nhiều hơn là mổ óc chuột và nghiên cứu hiệu quả của thuốc đối với thú vật. Tôi muốn khảo cứu về nguyên lý và ý nghĩa của kinh nghiệm cận tử. Tôi vạch chương trình nghiên cứu ngoài giờ làm việc để tìm giải đáp cho vấn đề: Một người có cần phải lâm cảnh thập tử nhất sinh mới có được kinh nghiệm cận tử? Câu hỏi có vẻ lạ đời, nhưng chưa thấy ai giải đáp.

Bà Janet Lunceford, Giám đốc khoản trợ cấp cho tôi ở Viện Ung Thư Quốc Gia Hoa Kỳ, rất ủng hộ việc khảo cứu kinh nghiệm cận tử của tôi. Bà giải thích rằng mục đích của loại trợ cấp bỏ ngõ mà tôi đang nhận nhằm thiết lập, thực hiện những cuộc điều tra mà mình thấy cần trong thời gian trợ cấp. Nhưng trước hết phải được bà đồng ý.

Tôi bắt đầu lập nhóm nghiên cứu gồm 8 người. Trong số này có Bác sĩ Don Tyler giàu kinh nghiệm về việc gây tê, gây mê

và ảnh hưởng của chúng đối với não bộ. Bác sĩ Jerrold Milstein, Giám đốc phân khoa giải phẫu thần kinh cho nhi đồng thuộc Đại học Washington, có nhiều kiến thức về cuống não và chức năng của chân hải-mã (brainstem and hippocampal function). Về thần kinh bệnh học, tôi chọn Bác sĩ Bruce Greyson, Trưởng phân khoa thần kinh bệnh học nội trú của Đại học Connecticut và cũng là Chủ bút tập san khảo cứu về cận tử *Journal of Near-Death Studies*. Ông đã phát hành hơn 20 tờ về đề tài này và được xem là nhà khoa học hàng đầu về kinh nghiệm cận tử của người lớn.

Kim Clark là một nhà nghiên cứu nổi tiếng ở Hoa Kỳ về cận tử. Bà được chọn vì rất rành việc cố vấn những ai có kinh nghiệm chết hụt. Bà là Trưởng khu đông-bắc của Hội Quốc Tế Khảo Cứu Về Cận Tử (*International Association of Near-Death Studies*).

Bà Clark bắt đầu để ý đến việc khảo cứu cận tử cũng giống như tôi. Khi còn là một tâm lý gia trẻ ở bệnh viện Harborview ở Seattle, bà cố vấn cho một bệnh nhân tên Maria từng bị đứng tim. Bà chuẩn bị tinh thần cho bệnh nhân này sắp xuất viện bằng cách chỉ dẫn những điều chỉnh tâm lý mà nhiều người mắc bệnh tim cần phải làm.

Nhưng Maria đâu chú ý đến những gì bà Kim nói. Trái lại chị muốn kể chuyện chị đã bay quanh bệnh viện trong khi các bác sĩ loay hoay làm cho tim chị đập lại.

Để chúng tôi mình từng lia khỏi xác, Maria quả quyết rằng có một chiếc giày ở bệ xi-măng bên ngoài của sổ phòng làm việc của Kim. Bà Kim mở cửa sổ nhưng có thấy chiếc giày nào đâu. Ma rìa nhấn mạnh: "Nó ở ngoài đó mà!". Kim rướn mình ra ngoài mà cũng chẳng thấy chi. Maria bảo: "Nó ở đằng góc tường cơ". Kim can đảm bò trên bệ xi-măng bên ngoài cửa sổ phòng bà ở tầng lầu 5 và đến chỗ góc tường. Quả có chiếc giày ở đó như Maria tả. Sự việc này khiến bác sĩ Kim Clark lưu tâm đến việc nghiên cứu kinh nghiệm cận tử.

Để tìm hiểu xem có phải cần lâm cảnh thừa chết thiếu sống mới có kinh nghiệm cận tử, chúng tôi lập hai nhóm trẻ. Nhóm thứ nhất là "Nhóm Kiểm Soát" gồm 121 em bệnh nặng, nhưng chẳng có đứa nào gần chết. Chúng phải dùng phổi nhân tạo để thở, thuốc an thần hay thuốc ngủ, tuổi từ 3 đến 16, nằm ở khu chăm sóc tăng cường của Bệnh Viện Nhi Đồng. Chúng đều sợ hãi và thần kinh căng thẳng vì phải nằm ở khu này.

Dù chưa hề trải qua những thời kỳ nguy hiểm đến tính mạng, nhưng chúng bị

bệnh nặng lắm. Thí dụ như có một đứa bé gái hoàn toàn bị bại liệt trong ba tháng. Châu chưa từng cận kề với cái chết, nhưng chắc chắn có lý do để thấy ảo giác. Một cháu gái khác mắc bệnh kỳ lạ là huyết áp của nó hay tụt thẳng xuống một cách bất thần khiến nó bất tỉnh. Có trẻ em khác trong nhóm thì lại mắc bệnh kinh khiếp là chất sụn bao bọc khí quản bỗng sưng lên làm nghẹt thở, tức là bị viêm tiểu-thiệt (*epiglottitis*). Tất cả đều nằm liệt giường từ lâu và đa số đều dùng rất nhiều thuốc trong một khoảng thời gian nào đó. Chúng đã biết hiệu quả của thuốc ngủ, thủ thuốc mà vài bác sĩ cho rằng đã khiến cho Katie thấy cảnh này cảnh nọ. Tất cả 121 trẻ em của Nhóm Kiểm Soát đều bệnh nặng, nhưng có dưới 5% có nguy tử vong.

Nhóm thứ hai là "Nhóm Khảo Cứu" gồm các trẻ em đã giáp mặt với tử thần, ắt hẳn chúng đã chết hoặc tàn phế nặng nếu chẳng được y khoa hiện đại chăm sóc. Nhóm gồm 12 em. Muốn có được ngàn ấy, tôi phải lục lọi hồ sơ lưu trữ mười năm của bệnh viện và phỏng vấn từng đứa sống sót sau cơn bệnh thập tử nhất sinh. Chúng được phỏng vấn trong khoảng vài tuần cho đến mười năm sau khi có kinh nghiệm cận tử.

Mười hai em này tiêu biểu cho nhiều chứng bệnh hay tai nạn. Tất cả đều bị đứng tim vì suyết chết đuối, -bị tai nạn ô-tô, bị đau thận hoặc trong một cuộc giải phẫu. Với sự chăm sóc tân tiến hiện nay, khoảng 50% người bị đứng tim sẽ chết.

Đồ án khảo cứu của tôi thật đơn giản. Tôi tự giới thiệu là một bác sĩ muốn tìm hiểu kinh nghiệm tâm lý của những trẻ ở khu chăm sóc tăng cường. Tôi cẩn thận tránh nói đến việc khảo cứu cận tử, vì không muốn ảnh hưởng đến câu trả lời của chúng. Tôi chỉ nói đại khái muốn biết việc bị bệnh nặng là như thế nào và mong các cháu chia sẻ kinh nghiệm đó với tôi, dù kinh nghiệm có kỳ lạ đến thế nào chẳng nữa. Cuộc phỏng vấn trung bình khoảng hai tiếng đồng hồ và theo một danh sách mẫu các câu hỏi đơn giản:

- Cháu nhớ gì về lúc bị bệnh?
- Cháu có nằm mơ hoặc nhớ rằng mình đã từng bị bất tỉnh?
- Xin kể mọi chuyện còn nhớ được về thời gian nằm bệnh viện.
- Chuyện gì xảy ra tiếp theo đó?
- Cháu nghĩ chuyện gì xảy ra khi ta chết?
- Có thể cho biết gia đình cháu theo đạo nào?
- Có thể vẽ một bức tranh về kinh nghiệm của cháu ở bệnh viện?

Các câu hỏi có tính cách bỏ ngõ cho nên trẻ em không bị hướng dẫn khi trả lời. Hỏi xong các câu này, tôi sử dụng bảng 26

câu hỏi về kinh nghiệm cận tử của Bác sĩ Bruce Greyson. Các câu hỏi đó nhằm vào những đặc tính của kinh nghiệm cận tử và giúp ta so chiếu các câu trả lời của trẻ với những nét chính của kinh nghiệm cận tử.

1. PHẢI GẦN CHẾT

Sau hằng trăm giờ nghiên cứu, phỏng vấn, tôi có được giải đáp: Một người cần phải suýt chết mới có được kinh nghiệm cận tử. Trong số 121 trẻ em bị bệnh nặng, chẳng đứa nào có được một cái gì giống như kinh nghiệm chết hụt.

Vài đứa có những giấc mơ sống động, loại chiêm bao mà ta nghĩ là chúng có thể có. Một đứa mơ thấy quái vật mặc áo choàng trắng đang tấn công nó. Đứa khác nhớ rằng đã nghe các y tá xin thuốc hoặc bao tay. Trong số 121 trẻ, có 118 em chẳng còn nhớ gì về việc nằm bệnh viện, dù được sống sót sau những cơn bệnh trầm kha và phải chịu bao khổ hình ở khu chăm sóc tăng cường.

Rồi tôi phỏng vấn 37 em khác (không thuộc nhóm kiểm soát) từng được chữa trị với hầu hết mọi loại thuốc tác động mạnh lên tâm trí như: thuốc gây mê, gây mê, thuốc ngủ, Valium, Thorazine, Haldol, Dilantin, thuốc chống trầm-cảm, thuốc phần chấn, thuốc trấn thống. Mục đích là muốn biết được-chất có gây ra kinh nghiệm cận tử cũng như thấy rõ các bác sĩ đã nghĩ, không tin kinh nghiệm của Katie đó họ đúng hay sai. Chẳng đứa nào có điều gì tương tự như kinh nghiệm cận tử.

Ngay cả đứa bé gái từng được *trợ giúp* để có ảo giác, nhưng cháu không có được một cái gì giống như kinh nghiệm chết hụt. Cháu 13 tuổi, có hội chứng Guillain-Barre nên toàn thân bại liệt trong nhiều tháng. Bệnh bắt đầu lan dần từ dưới chân lên đầu. Trước hết cháu đi đứng khó khăn. Sau đó không thể ngồi, không thể thở và cuối cùng không thể cử động bất cứ một bắp thịt nào. Dù vậy người mắc bệnh Guillain-Barre vẫn hoàn toàn tỉnh táo, biết rõ mọi việc xảy ra chung quanh.

Bệnh này làm đau đớn cùng cực, khổ sở vô cùng. Chẳng hạn ngứa mà chẳng thể gãi. Có thể bị ngứa liên tục nhiều giờ nhưng không thể nào làm cho bớt. Tuy vậy bệnh nhân Guillain-Barre chưa hề làm cảnh thập tử nhất sinh.

Trong nhiều tháng, đứa bé gái này khốn đốn vì các cảm giác, bị mất ngủ và phải nằm ở khu chăm sóc tăng cường. Cháu chỉ có thể cử động các cơ mí mắt. Vì nằm liệt giường và thở bằng phổi nhân tạo, cháu chỉ thấy ánh đèn trên trần nhà.

Để cháu bớt khổ, hầu hết các loại thuốc trấn thống đều được dùng. Đau nhiều đến độ bác sĩ phải dùng thôi miên

trị-liệu-pháp (hypnotherapy) giúp cháu "liạ" thân xác.

Dù vậy cháu không hề có kinh nghiệm nào tương tự như kinh nghiệm cận tử. Cháu nhỏ là đã bị thôi miên, nhưng bảo đó chỉ là một kinh nghiệm mơ hồ, siêu thực: "Cháu trôi nổi, lơ lửng. Nghe tiếng nhạc. Nhưng luôn biết rằng cháu đang bị thôi miên. Phương pháp này thực ra chẳng giảm đau bao nhiêu".

Nếu kinh nghiệm cận tử là ảo giác, tại sao bệnh nhân này không có kinh nghiệm gì na-ná như kinh nghiệm cận tử?



Còn "Nhóm Khảo Cứu" gồm các trẻ em được hồi sinh sau khi bị đứng tim, hoặc tỉnh dậy sau một cơn hôn trầm, đều gặp chuyện khác hẳn. Đa số các em có ít nhất một đặc điểm của kinh nghiệm cận tử, như: hồn lìa khỏi xác, đi xuyên qua một đường hầm, thấy ánh sáng, gặp những người đã chết, gặp Sinh-Thể Ánh-Sáng, xem lại quá khứ của mình, và có lẽ đã tự ý quyết định nhập trở về xác.

Thường thì các em bắt đầu kể kinh nghiệm chết hụt với nét mặt bối rối, nói những câu tương tự như sau: " , cháu còn nhớ một chuyện khá ngộ mà không thể tả một cách chính xác. Cháu thấy mình bay lơ lửng và nhìn xuống chính mình. Khung cảnh tối tăm, nhưng đồng thời cũng có ánh sáng. Cháu đến một nơi nào đó, nhưng chẳng biết là đâu".

Nếu được gợi ý, chúng có thể kể được chuyện. Vài em nêu ra nhiều hình ảnh rời rạc của một kinh nghiệm sống động. Máy cháu khác còn kể được chi tiết kỳ diệu, hấp dẫn, giống như Katie vậy. Thường thì các em không nói cho cha mẹ biết về các kinh nghiệm cận tử này. Và cũng chẳng có đứa nào thuật cho bác sĩ, y tá rõ, trừ khi chúng buột miệng thốt ra trong lúc nửa tỉnh, nửa mê.

Tôi đã phỏng vấn một bé gái 12 tuổi từng bị đứng tim vì suyễn nặng, nhưng cháu không biết là đã bệnh nặng lắm. Sau một tiếng đồng hồ hỏi cháu mọi chuyện về việc nằm bệnh viện, như ý tá chăm sóc như thế nào, các thức ăn ra sao, tôi kết

thúc vói câu: "Cháu còn nhớ gì nữa về lúc bị bệnh?". Bé nhăn mũi đáp: " , có một việc đã xảy ra, nhưng khó nói thấy rõ. Bác sĩ hẳn sẽ cho là cháu "mát", nhưng cháu nhỏ là đã rời khỏi xác. Thấy cháu nhìn xuống bản thân mình. Còn thấy mẹ cháu nắm tay cháu, và cháu thấy ánh sáng".

Trẻ em đều bối rối về những chuyện đã xảy ra. Chúng biết có một cái gì đặc biệt đã xảy đến nhưng vì nhỏ tuổi nên không chắc đó là cái gì. Vài đứa thấy kinh nghiệm này chẳng có chi đặc biệt. Nó đã xảy ra, thế thôi. Còn đối với những đứa khác, nó lại ảnh hưởng sâu đậm. Vài đứa cảm thấy được sống lại vì một mục đích nào đó. Có đứa trở nên trưởng thành hơn so với bạn bè cùng trang lứa, hoặc sau đó học giỏi hơn. Chẳng đứa nào lãnh hậu quả tai hại vì kinh nghiệm cận tử. Trái lại dường như ai cũng khá hết.

Xin đan cử một số trường hợp khảo cứu.

2. BỆNH NHÂN THỦ NHẤT

"Cháu thấy một bóng đèn trong thân thể của cháu".

Một bé trai 11 tuổi thường hay bị bất tỉnh trong nhiều tháng qua. Cuối cùng cha mẹ mang nó đến Bệnh Viện Nhi Đồng để khám. Lúc ngồi chờ ở hành lang, nó lại bất tỉnh rồi đứng tim. Náo loạn cả lên. Các bác sĩ chạy ào ra hành lang, cấp cứu bằng cách hà hơi thổi ngạt và xoa nắn tim. Rồi nó được khiêng lên băng-ca, đưa ngay vào khu chăm sóc tăng cường, và bác sĩ tim cách làm cho tim nó đập trở lại.

Tim nó ngừng đập ít nhất trong 20 phút. Trong khoảng thời gian này, nhiều thuốc trị bệnh tim được dùng song không hiệu quả. Một cô y tá hiện diện nhỏ là đã thốt: "Phải chi mình đừng làm như vậy", hàm ý cho rằng cấp cứu cũng vô ích thôi.

Cuối cùng thì bác sĩ thử dùng lại các bộ phận hình boi chèo của máy khử rung (cardioversion paddles). Họ áp những miếng này lên ngực bé rồi ấn nút cho dòng điện kích động tim. May thay nó mở mắt ra, nói: "Kỳ cục quá. Mấy người hút tôi nhập trở về xác". Rồi nó lại bất tỉnh. Nó được đưa vào phòng mổ để giải phẫu ngay. Nó bị hội-chứng bệnh xoang (sick sinus syndrome) vì nút xoang nhĩ (sinus node), một trung tâm tự động điều hòa nhịp đập tim, ngừng hoạt động. Phải ghép trong ngực nó một máy điều hòa nhịp tim (pacemaker).

Bây năm sau tôi mới gặp cháu. Cháu đang học trung học và làm việc bán thì cháu bình phục hẳn sau lần đứng tim đó.

Thoạt tiên cháu nhỏ rất mơ hồ về thời kỳ kinh khiếp này. Chẳng còn nhớ chuyện

đã mở mắt ra và nói với bác sĩ, y tá sau khi được cứu sống. Cháu tá lại cảnh đau đớn và bị điện giật, "một đau đớn mà cháu sẽ không bao giờ quên. Giờ đây vẫn còn bị ác mộng về việc họ áp các miếng hình bôi chèo lên người của cháu".

Dù cha mẹ cháu bảo nó chẳng còn nhỏ chi về kinh nghiệm đầu tiên ở phòng chờ đợi của bệnh viện, tôi cảm thấy cậu thanh niên này vẫn còn bị chuyện đó ám ảnh. Tôi tìm hiểu thêm, hỏi cháu nhiều chi tiết về hôm ấy và đặc biệt về các giấc mơ mà cháu có thể đã thấy.

Cuối cùng cháu nhìn thẳng vào mắt tôi nói: ", nếu bác sĩ hứa sẽ không chọc què, cháu sẽ kể những gì còn nhớ được. Nhớ mồn một như mới xảy ra hôm qua cơ".

"Cháu nhớ hôm đó đến bệnh viện. Cùng với cha mẹ ở trong một cái phòng (phòng nhập viện), thỉnh thoảng cháu nghe một tiếng hút ở hai tai. Thấy thót ruột như ngồi xe hơi chạy nhanh qua một cái mỏ. Rồi nghe có tiếng lào xào trong tai.

Đoạn cháu thấy mình ở trong một căn phòng, thu mình nơi góc trần nhà. Cháu thấy thân thể của chính mình đang nằm dưới kia. Tối mò mò. Sờ dĩ thấy được xác mình vì nó được soi sáng, tựa như có một bóng đèn ở bên trong.

Cháu thấy các bác sĩ, y tá làm việc. Bác sĩ của cháu và một trong các y tá tên là Sandy. Nghe Sandy nói: "Phải chi mình đừng làm như vậy". Cháu tự hỏi họ đang làm gì kia. Thấy một bác sĩ xoa va-sô-lin lên ngực cháu. Tóc cháu rối bù. Có vẻ bẩn lắm, ước chi cháu đã gội đầu trước khi đi bệnh viện. Họ cắt toạt quần áo của cháu, chỉ còn chừa quần lót.

Rồi nghe bác sĩ bảo: "Lùi lại". Và ông ấn nút trên một trong các dụng cụ hình mái chèo. Lúc đó cháu đang nhìn xuống mặt của cháu. Còn thấy cả đỉnh đầu các bác sĩ. Sau khi bác sĩ ấn nút, đột nhiên cháu nhìn vào mặt ông. Ông ơi, đau quá. Đau cùng cực. Cháu sẽ chẳng bao giờ quên là đã đau đớn như thế nào khi bác sĩ ấn nút đó. Vẫn còn ác mộng về cái đau này. Đau đến nỗi nhiều khi ban đêm giật mình thức giấc và la hét.

Không, Cháu chưa hề nghe nói về kinh nghiệm chết hụt. Cũng ít xem TV. Nếu đọc sách, cháu chỉ thích những truyện bằng tranh, không. Cháu đâu kể mấy chuyện này cho cha mẹ biết. Chẳng hiểu tại sao. Chỉ thấy không muốn nói, thế thôi. Cháu cũng đâu có nghe ai bảo là đã từng gặp chuyện như vậy. Cũng không dám kể bạn bè nghe, sợ bị coi là đồ khùng".

Chàng thanh niên này từng có kinh nghiệm xuất hồn, một trong những yếu tố cốt lõi của kinh nghiệm cận tử. Đặc biệt là cậu thấy thể xác được một ánh sáng trắng

chiếu rục lên, trong khi mọi vật chung quanh như chìm trong bóng tối.

Cậu không cho đây là một kinh nghiệm cận tử. Chỉ là giấc mơ thôi. Dù sao, kinh nghiệm này đã thay đổi cậu, một hậu quả nửa của kinh nghiệm cận tử. Tôi thấy giờ đây cậu nghĩ rằng "sống ở trên đời là có một mục đích". Không như nhiều bạn bè khác, cậu ít ham các nhu cầu vật chất. Cậu muốn có nhiều kiến thức hơn là tiền bạc. Cậu nói: "Sao cháu chẳng thích hội hè, nhậu nhẹt nhiều như chúng bạn, hoặc làm những chuyện nhố nhăng. Cháu biết cuộc sống có một lý do cao đẹp hơn".

Điểm đáng chú ý ở kinh nghiệm cận tử này: Cậu kể lại nhiều chi tiết đã kinh qua mà ta có thể kiểm chứng. Cậu mô tả rất chính xác việc cấp cứu cho chính bản thân cậu, như là lúc đó đang ở bên ngoài thân xác. Một đứa bé 11 tuổi đầu thể tá đứng phương pháp hồi sinh trong phòng cấp cứu, cho dù cháu có xem truyền hình nhiều thế mấy chẳng nữa. Cháu có thể tả vị trí, màu sắc các dụng cụ trong phòng, ai là nam hay nữ bác sĩ, và cả những câu đối đáp lúc đó.

2. BỆNH NHÂN THỦ NHÌ

"Xin kể chuyện bí mật lạ lùng"

Khi lên mười, Chris bị huyết áp cao vì đau thận. Nặng đến nỗi bác sĩ phải ghép một quả thận của mẹ cháu cho cháu.

Sau đó Chris bị sốt âm ỉ mà không thể chữa. Cuối cùng vì đau bụng và quá yếu, cháu vào bệnh viện để khám. Kết quả xấu: bị nhiễm trùng khi thay thận, và vi-khuẩn đã nhập vào tim làm súng van động mạch chủ.

Bác sĩ phải giải phẫu van tim Chris. Khi ấy Chris "chết" đi rồi sống lại. Những gì Chris kể đều được mẹ cháu xác nhận, vì bà đã ở bên giường của cháu sau khi nó ra khỏi phòng mổ và nghe nó thuật câu chuyện kỳ lạ này. Câu chuyện mà sau này nó cũng nói tôi nghe;

"Cháu tỉnh lại sau khi giải phẫu và thấy mẹ ở đó. Cháu kể ngay cho mẹ nghe những gì xảy ra khi cháu nằm trên bàn mổ: Mẹ à, con xin kể một chuyện bí mật, lạ lùng. Con đã leo thang lên đến thiên đường. Thấy an lạc hết sức. Kỳ diệu quá. Con đứng trên một thang lầu và xung quanh tối om. Con bắt đầu đi lên. Được nửa chừng thì quyết định không lên nữa. Con cũng có ý muốn leo thêm, nhưng biết rằng nếu lên cao quá ắt chẳng thể quay về. Như vậy sẽ làm cha mẹ đau khổ bởi vì em trai con đã chết, đâu còn ai để phụng dưỡng song thân".

Rồi Chris quay lại và đi xuống. Đến chân cầu thang, Chris thấy nó chui tọt vào thân.

Nhưng chỉ mấy tháng sau Chris quên ráo những chuyện này. Giờ nghe tôi nhắc lại, cháu mỉm cười, rùn vai tưởng như đây là điều đã xảy ra cho ai đó.

Tuy nhiên Chris không quên cái cầu thang. Cháu đã dùng nhiều thuốc ngủ và Valium, mấy thứ này làm mất trí nhớ. Trường hợp của Chris cũng như các trường hợp tương tự khiến tôi nghĩ rằng người nào lâm cảnh thập tử nhất sinh ắt có kinh nghiệm cận tử. Thường thì họ chẳng nhớ chi bởi thuốc men họ dùng đã xóa đi bao ký ức.

3. BỆNH NHÂN THỦ BA

"Sẽ chẳng bao giờ cháu quên người ấy"

Dean, mười sáu tuổi, đau thận nặng cần có thẩm-tách (dialysis) mỗi ngày để lọc máu. Sau khi bị hụt hơi và mất định hướng (disorientation), cháu được cha mẹ đưa vào Bệnh Viện Nhi Đồng. Ở phòng nhập viện, cháu đang ngồi bỗng nhiên gục xuống. Một y tá vội chạy đến bắt mạch, nhưng đâu thấy gì.

Dean được đưa ngay vào khu chăm sóc tăng cường để các bác sĩ ép vào ngực và tiêm epinephrine cùng vài thứ thuốc nữa nhằm làm tim hoạt động trở lại. Cấp cứu có kết quả. Hai mươi bốn giờ sau, Dean tỉnh dậy và có thể định hướng.

Dean nói với các bác sĩ rằng cháu nhớ là đã rời khỏi nhà, và chỉ nhớ chừng ấy thôi. Nhưng với gia đình, cháu kể nhiều hơn: "Con đã có một kinh nghiệm mà không lời lẽ nào diễn tả nổi". Khi được hỏi chuyện gì đã đặc biệt xảy ra, Dean chỉ đáp là có được một "kinh nghiệm siêu nhiên".

Câu chuyện ngưng ở đó cho đến khi Dean vào phòng làm việc của tôi hai năm sau. Chúng tôi nói về việc chữa trị cho Dean nơi khu chăm sóc tăng cường cho đến lúc cháu cảm thấy thoải mái. Rồi tôi hỏi có điều gì kỳ lạ đã xảy ra hay không. Dean đáp: "Có chứ". Đoạn cháu kể về một thiên thần:

"Dường như cháu đang nằm trên một cái bàn ở khu chăm sóc tăng cường, đột nhiên thấy mình đứng dậy rồi đi chuyển trong một con đường hầm rộng lớn. Cháu chẳng thấy bờ vách đường hầm, nhưng vẫn có cảm giác đây là một đường hầm. Còn có cảm giác đang đi động rất nhanh dù đâu có gió thổi trên mặt.

Cháu biết đang đi đến một nơi nào đó, nhưng không rõ là đâu. Cháu biết sẽ có cái chi đó ở cuối đường hầm, và cháu rất mong đến nơi. Theo chỗ cháu biết thì chẳng có gì cao quý hơn là cái đang có ở cuối đường hầm. Quên đi thân xác, quên đi mạng sống, cháu chỉ muốn làm sao đến cuối đường hầm.

Đến một chỗ nào đó của đường hầm, bỗng thấy những đốm sáng lấp lóe chung quanh. Chúng làm cháu tin chắc rằng mình đang ở trong một đường hầm, nếu căn cứ vào cách cháu vượt qua chúng, biết là đang di chuyển với tốc độ trăm dặm một giờ.

Đồng thời cháu cũng cảm giác là có một người hiện diện. Người đàn ông này cao độ 7 Feet (2,13 mét), khoác một chiếc áo choàng dài màu trắng với một cái thắt lưng đón số. Tóc ông màu vàng và dù chẳng nói một lời, cháu không thấy sợ hãi bởi cảm nhận người ấy tỏa ra sự an bình và lòng từ ái.

Không. Người này chẳng phải đức Kitô, nhưng cháu biết Chúa sai vị này đến. Chắc đây là một thiên sứ hay một đấng nào đó được phái đi để dẫn cháu lên trời".

Thình lình Dean thấy lại nhập vô xác. Cháu bảo thực ra cháu biết có gì ở cuối đường hầm, nhưng chắc hẳn phải rất ư là đặc biệt. Dean còn cảm giác toàn bộ kinh nghiệm này khiến cháu không giống những người khác, bởi vì nó "siêu nhiên" quá.

Dean nói: "Chuyện đã xảy ra và cháu không thể dùng lời lẽ gì để diễn tả. Cháu nghĩ là phải trở lại dương trần vì đời mình quả là có mục đích".

Kinh nghiệm của Dean sâu ẩn, khó nói. Nhưng sau khi trò chuyện với người khác, Dean xem một chương trình truyền hình về kinh nghiệm cận tử, hiểu được chuyện gì đã xảy ra. Lúc nghe họ kể chuyện chết hụt, Dean mới thuật chuyện của nó rõ ràng hơn.

Nghe Dean kể, gia đình tin rằng nó thiên hướng. Và do đó cả nhà trở nên sùng kính Chúa.

Sau này tôi biết thêm là lúc lên mười, Dean từng có kinh nghiệm cận tử: ở tuổi đó cháu phải thay đến hai quả thận cũng như mất mấy trăm giờ lọc máu.

Một hôm đi bơi Dean suýt chết đuối. Tất cả những giờ phút thân thể nổi lên với máy thẩm-tách được diễn ra trước mắt. Cháu còn cảm nhận sự đau đớn khi hồi lực sau cuộc giải phẫu. Nó nghĩ: "Ồi chao. Đau như vậy mà ích lợi chi đâu!".

Rồi Dean thấy hồn lìa khỏi xác, tầm gọi trong ánh sáng trắng rực rỡ. Cháu bảo tôi: "Lúc ấy có một cái gì huyền diệu xảy đến, nhưng thực sự chẳng rõ đó là chi".

Kinh nghiệm cận tử đầu tiên của Dean đáng được lưu ý vì có sự xem lại cuộc đời mình, một chuyện hiếm hoi đối với trẻ em hay vị thành niên.

(Còn tiếp)

● Đoàn Văn Thông

Bí ẩn về tiền kiếp và hậu kiếp

Chương VIII

* Những bằng chứng về Tái Sinh
* Sự tái Sinh của những vị Hóa Thân

* Những bằng chứng về tái sinh qua những trường hợp có thật đã xảy ra khắp nơi trên thế giới

Lịch sử về nguồn gốc của thuyết tái sinh thật quá lâu đời, có thể nói thuyết này xuất hiện từ khởi thủy của nền văn minh nhân loại như Đại Đức Dhammananda đã phát biểu, tuy nhiên trước đây thuyết này vẫn bị nhiều người cho rằng đó chỉ là một thuyết hoàn toàn có tính cách tôn giáo mà thôi. Mãi đến sau này, các nhà nghiên cứu, nhất là các nhà khoa học đã bắt đầu đi sâu vào lãnh vực tìm hiểu vấn đề tái sinh. Không ai tưởng tượng được một vấn đề lúc đầu được xem là có tính cách tôn giáo, siêu linh và có khi còn gọi là mơ hồ nửa lại đã và đang được vô số các nhà khoa học ở thế kỷ 20 đổ xô vào nghiên cứu, phần lớn họ là những nhà vật lý, những giáo sư, những bác sĩ, những nhà báo... Họ làm việc hết sức vô tư mà chủ đích là mong tìm được lời giải đáp cho vấn đề vì khắp nơi trên thế giới (chỗ không riêng gì một nơi nào) hiện tượng luân hồi tái sinh mãi mãi diễn ra như luôn luôn thách thức và kêu gọi trí tò mò của họ.

☐ Trường hợp của chính nhà nghiên cứu hiện tượng tái sinh Ruth Simmons

Paris Match là tạp chí có tiếng không những ở nước Pháp mà còn khắp thế giới đã đăng tải câu chuyện lạ kỳ có thật của cô Ruth Simmons là nhà nghiên cứu về hiện tượng luân hồi tái sinh. Cô đã nhờ nhà thôi miên lỗi lạc là Morey Bernstein giúp tìm lại tiền kiếp của mình. Sau những lần được đưa vào giấc ngủ thôi miên, cô Ruth Simmons đã thấy rõ từng giai đoạn thời gian mà cô đã trải qua nhất là từ năm một tuổi đến năm mười tuổi. Cô mô tả tiền kiếp của mình một cách chi tiết. Cô cho biết, kiếp trước mình là một cô gái trẻ bình thường thuộc dòng họ Murphy người Ái Nhĩ

Lan. Năm 1898 cô lấy chồng. Người chồng tên là Brian Mac Carthy một giáo sư Luật. Nguyên quán của cô là làng Cork. Năm 1921 cô qua đời, nhưng năm 1923 cô mới lại tái sinh vào làm người con gái thuộc dòng họ Simmons với tên là Ruth tại Hoa Kỳ. Khi được hỏi tại sao cô qua đời năm 1921 nhưng tái sinh vào năm 1923 thì cô Ruth cho biết như sau: "Một người chết đi không chắc là được tái sinh liền mà đôi khi còn trải qua nhiều năm chờ đợi điều kiện thuận hợp cho sự đầu thai của mỗi linh hồn vì thế mà đôi khi có sự mất liên tục. Cô còn cho biết: Sau khi đã được an táng, tôi chưa thể đầu thai trở lại nên phải ở tình trạng dật dờ vô định, trạng thái mà con người thường gọi là ma".

Ruth Simmons về sau rất nổi tiếng, các nước Âu Châu, Mỹ Châu rất thích đọc sách của người đàn bà này vì chính cô là người vừa nghiên cứu hiện tượng tâm linh siêu hình, vừa là người có kinh nghiệm về những gì liên quan đến lãnh vực ấy.

☐ Trường hợp người con gái con ông Cà Hiêu ở Cà Mau (Việt Nam)

Hòa Thượng Thích Thiện Hoa đã nêu lên một số bằng chứng về hiện tượng luân hồi, những bằng chứng này được ghi lại trong cuốn Phật Học Phổ Thông tái bản tại Việt Nam vào cuối năm 1990. Sau đây là một trong những bằng chứng ấy:

Câu chuyện có thật này xảy ra tại làng Tân Việt ở Cà Mau (vùng Đầm Dơi). Ở đây có một gia đình gồm hai vợ chồng và 3 người con. Người cha trong gia đình này là ông Cà Hiêu. Cô con gái trong gia đình được ông Hiêu cưng chiều như trứng mỏng nhưng không may, cô bị bệnh và qua đời lúc 19 tuổi. Cả nhà ai cũng đau buồn thương xót. Ông Cà Hiêu thì như điên như dại.

Câu chuyện không chấm dứt ở sự qua đời của cô gái mà lại là chuyện bắt đầu vì do sự trùng hợp nào đó (mà sau này người trong 2 vùng này mới tìm thấy thêm chi tiết), ở cách làng Tân Việt khoảng 100 cây số là làng Vĩnh Mỹ, Bạc Liêu, cũng có một cô gái bị bệnh (cùng thời gian với cô con gái ông Cà Hiêu) và qua đời. Người nhà khóc lóc, lo việc táng liệm thì bất ngờ ngày hôm sau cô gái sống lại làm mọi người vừa mừng vừa sợ. Cô gái tự nhiên mạnh khỏe, như không có gì gọi là đau ốm bệnh hoạn

cả. Điều lạ lùng là từ khi sống lại, cô gái này cứ một mực đòi người trong gia đình đưa cô đến nhà ông Cà Hiêu. Mọi người trong nhà hết sức ngạc nhiên vì không biết ông Cà Hiêu là ai. Khi hỏi cô gái thì cô cho biết cha của cô chính là ông Cà Hiêu người làng Tân Việt. Người nhà nghĩ rằng cô gái có lẽ bị ma nhập, quý ám nên lo sợ, đi tìm thầy về cúng và trừ tà. Nhưng cô gái vẫn khẳng khái đòi đi gặp cha mình và bảo rằng cô biết rõ đường đến nhà ông Cà Hiêu. Cô mô tả đường đi, tả ngôi làng, tả cái nhà, số nhà từng chi tiết và kể về những người nhà ông Cà Hiêu nữa. Cô gái bảo ông bà Cà Hiêu là cha mẹ ruột của mình. Cuối cùng cha mẹ cô gái buộc lòng phải cùng đi theo chuyến xe đò đến làng Tân Việt để tìm hiểu thực hư. Khi đến bến xe, mọi người xuống xe còn đang ngỡ ngàng không biết đi theo hướng nào để về nhà ông Cà Hiêu thì cô gái nói: "Đừng có ngại, để con dẫn đường cho". Thế rồi khi đến cổng nhà ông Cà Hiêu, cô gái tỏ vẻ mừng rỡ vô cùng và chạy nhanh vào nhà. Lúc đó hai vợ chồng ông Cà Hiêu đang ngồi trong nhà. Cô gái chạy lại ôm chầm lấy ông Cà Hiêu vừa khóc vừa nói: "Ba ơi, con đây ba ơi!". Hai vợ chồng ông Cà Hiêu còn đang ngỡ ngàng không hiểu chuyện gì xảy ra thì vừa lúc cha mẹ cô gái bước vào nhà kể lại chi tiết câu chuyện cho vợ chồng ông Cà Hiêu nghe. Ông Cà Hiêu lấy làm lạ, cũng kể lại chuyện con gái mình bị bệnh đã qua đời cho cha mẹ cô gái nghe. Ông còn chỉ tay lên bàn thờ có đặt tấm ảnh của cô gái con ông. Trong khi đó cô gái mới đến cứ đi lại trong nhà tự nhiên như là người đã ở đó từ lâu rồi. Câu chuyện đến hồi kết thúc khi sự kiện đã rõ ràng; cô gái nhất quyết ông bà Cà Hiêu là cha mẹ mình và ông bà Cà Hiêu cũng chấp nhận điều đó vì cô gái nói rõ những chi tiết mà ngoài con gái ông Cà Hiêu ra khó có ai biết rõ chuyện gia đình ông bà. Thế là hai gia đình kết thân với nhau. Dân chúng hai vùng Cà Mau, Bạc Liêu biết được một chuyện lạ lùng hân hỉu trên thế gian, họ bảo cô gái ấy có hồn là con của ông bà người làng Tân Việt nhưng thân xác lại là con của ông bà người làng Vĩnh Mỹ.

☐ Trường hợp của nhà báo Ray Bryant (Anh Quốc)

Trong tạp chí Yêu (phát hành vào hạ tuần tháng 8 năm 1922 tại Hoa Kỳ) có đăng tải một câu chuyện có thật về những bằng chứng của tiền kiếp. Theo đó thì Ray Bryant là nhà báo người Anh, 44 tuổi, tự nhiên nhớ lại tiền kiếp của mình rất rõ. Theo Ray Bryant thì khoảng năm 1855, anh ta là một trung sĩ tên là Reuben

Stafford và đã tham dự nhiều trận đánh kinh hồn trong đó có trận Crimée vô cùng khủng khiếp. Đó là trận chiến dữ dội nhất giữa quân Nga và quân Anh, Pháp, Thổ. Trong trận này quân Anh bị quân Nga tiêu diệt 700 người. Trường hợp nhà báo Anh Ray Bryant nhớ lại tiền kiếp đã một thời xôn xao dư luận nước Anh.

Lúc bấy giờ chính Bộ Quốc Phòng Anh phải nhờ đến Đại tá John Bird đích thân tìm hiểu sự thật. Đại tá này đã cùng với một số sử gia lục lại các tài liệu trong Nha Văn Khố Quốc Phòng, Bảo Tàng Viện Chiến Tranh, các Thư viện quốc gia, các tài liệu xưa và đã đi đến kết luận là câu chuyện không phải bịa đặt vì họ đã tìm thấy tên của một Trung sĩ tên là Reuben Stafford. Điều chính xác là qua giấc ngủ thôi miên, nhà báo Anh này còn cho biết tiền kiếp của mình là Trung sĩ Stafford, đã chết ở Sebastopol thì trong tài liệu tìm được tại Bảo Tàng Viện Chiến Tranh Anh Quốc cũng có sự kiện này. Đó là chưa kể những sự trùng hợp lạ lùng ẩn khớp với nhau về những gì mà nhà báo Anh này đã mô tả vào thời đó: nào là chuyện gia đình, đời sống trong quân đội, tên người chỉ huy, các loại súng, lương tiền và cả huy chương nữa.

☐ Trường hợp của bé gái Jimmy ở Canada

Jimmy là cháu của bà Emma Michell, 82 tuổi, sống ở British Columbia. Bà này đã kể lại cho nhà nghiên cứu về sự chết của Jeffrey Iverson câu chuyện dị kỳ có thật sau đây:

Một hôm, Jimmy đang ngồi chơi trong nhà thì bỗng nhiên nghe tiếng chuông nhà thờ rung. Bé hỏi bà rằng: Tại sao không có gì mà tự nhiên chuông nhà thờ đổ thì bà cho biết: Hôm nay có đám ma của một người địa phương đã qua đời. Bé Jimmy bỗng đứng dậy nhìn qua cửa sổ và nói:

- Bà biết không? chính người chết ấy đã thuê người đánh đập con và liệm xác con xuống sông đó! Bà Emma ngạc nhiên về câu nói của đứa cháu gái, nên hỏi:

- Tại sao con thốt lên những lời kỳ dị ấy?

Bé Jimmy ngồi lên ghế rồi nói như phân trần:

- Để con kể cho bà nghe về chuyện một người cậu, ông cậu này là người đã bị người ta đánh đập dữ dội đến chết và thân xác ông đã được tìm thấy ở sông Bulkeley. Khi người này bị đánh chết và bị liệm xuống sông thì lúc đó con chưa ra đời. Nhưng giờ đây con biết được mọi chuyện là do bởi con chính là người cậu ấy!

Bà Emma nghe Jimmy nói thì vô cùng kinh ngạc và run sợ vì bà nghĩ là cháu bà bị ma nhập. Hơn nữa, quả thật trong gia đình bà có người đã bị kẻ lạ mặt nào đó đánh chết liệm xác xuống sông và lúc đó, đúng như lời cháu bà nói thì Jimmy chưa chào đời.

Điều cần lưu ý là gia đình dòng dõi của bà Emma Michell là một gia đình kiểu mẫu, nghiêm túc ở vùng Bắc Mỹ Châu, họ tin tưởng rằng con người khi chết vẫn có thể tái sinh và sự tái sinh ấy thường quay lại trong gia đình dòng họ.

☐ Trường hợp thai nhi có dấu tích luân hồi

Câu chuyện có thật này xảy ra trong gia đình Traveed ở nước Pháp. Gia đình bà Traveed rất đau buồn vì sinh con hai lần nhưng lần nào đứa con mới chào đời được vài giờ cũng đều chết cả. Hai vợ chồng rất buồn. Họ ngày đêm cầu nguyện Chúa. May mắn là chưa đầy một năm sau khi đứa con thứ hai qua đời, bà Traveed lại chuyển bụng. Đây là đứa con thứ ba. Cả hai vợ chồng đều hồi hộp. Họ chẳng mong chỉ con trai hay con gái, con nào cũng được, miễn rằng đứa bé ra đời mạnh khỏe sống lâu là hai vợ chồng vui, sướng đời. Quả thật trời không phụ lòng họ, đứa con sinh ra lần này trông vui vẻ, khỏe mạnh. Hai vợ chồng đặt tên cho con là Paull Traveed. Điều kỳ lạ chỉ có bà Traveed để ý theo dõi là trên ngực Paull có cái vết giống cái vết mà đứa con thứ hai của bà lúc chào đời cũng có. Thật ra lúc đó bà có làm một dấu chấm màu xanh như vết chàm lên ngực đứa con đã chết này vì trong thâm tâm bà bà nghĩ rằng đứa con thứ hai này chết đi thì đứa con kế tiếp cũng có thể là nó sẽ lại ra đời. Bà Traveed làm dấu ấn như vậy để xem thử lần thứ ba hài nhi ra đời có còn mang dấu vết ấy không, nếu không thì điều bà nghĩ không đúng. Giờ đây khi thấy dấu chấm màu xanh hiện rõ trên ngực đứa con thứ ba thì bà Traveed vô cùng lo lắng vội vã gọi chồng và nói:

- Anh ơi, xem này, thằng bé này cũng có dấu chấm xanh ở ngực giống cái dấu mà em đã làm lên ngực đứa con bất hạnh thứ hai của mình. Vậy cái dấu chấm này là gì? Có phải là dấu chấm trước đây không? Hay là...Paull chính là đứa con thứ hai của mình? Ngoài ra thằng Paull lại còn có thêm một vết sẹo dài ở bắp đùi mà lúc sinh ra mình đã thấy đó. Người chồng nghe vợ nói thì chạy lại nhìn chăm chăm vào ngực đứa bé. Trên bộ ngực trắng hồng mơn mớn của Paull rõ ràng có một dấu chấm màu xanh.

Hai vợ chồng bà Traveed từ đó sống trong lo âu hồi hộp, họ chờ đợi từng giờ từng phút sự ra đi của đứa con. Nhưng thế rồi suốt trong 12 năm dài đằng đẵng, Paull vẫn khỏe mạnh, ăn ngủ, học hành, đi chơi bình thường như bao đứa trẻ khác. Điều kỳ lạ là mặc dầu còn trẻ con nhưng dáng dấp, cử chỉ, lời nói của Paull lại giống như người lớn. Thành thạo ngồi trước mặt mọi người trong gia đình, Paull thường phát biểu những câu mà không ai có thể ngờ được rằng ở tuổi nó lại nói được những câu như thế.

Một hôm bé Paull hỏi mẹ:

- Mẹ à! Bên cạnh cửa ngõ vườn nhà mình trước đây có một cây lớn tốt tươi nhưng nay lại không còn. Vậy ai đã chặt nó vậy?

Bà Traveed vô cùng kinh ngạc khi nghe con nói câu đó vì sự thật cái cây mà con bà nhắc đến đã bị chồng bà đốn ngã trước khi Paull ra đời. Tuy vậy bà Traveed cũng lấy làm tò mò, bà hỏi Paull:

- Tại sao con lại biết cây này vì lúc đó ba con đốn ngã nó thì con chưa ra đời mà? Paull nhăn mặt tỏ vẻ bực tức và nói:

- Tại sao ba lại đốn cây ấy đi?

Bà Traveed giải thích:

- ! là tại vì cây này dễ trở thành chỗ thuận tiện cho kẻ trộm leo vô nhà.

Paull dần từng tiếng rất rõ ràng:

- Trong số những kẻ trộm ấy có một đứa bị ba đâm chết mẹ có hồ vụ đó không? Đứa bị đâm chết tên là Jainqueville.

Bà Traveed vừa kinh ngạc vừa lo sợ. Hai tay bà ôm lấy ngực mồm há hốc, bà hỏi Paull dồn dập:

- Này con! Ai đã chỉ vẽ lời nói bậy bạ ấy cho con! Ai? nói cho mẹ biết đi...

Paull nói như phân bua:

- Việc này xảy ra đã lâu rồi má à! Con biết rõ điều này. Không ai kể cho con nghe hết. Con đã biết rõ sự việc là ba đã dùng dao đâm Jainqueville chết gục nơi gốc cây ấy. Jainqueville có một vết sẹo ở bắp đùi.

Bà Traveed quá sợ hãi nên dùng tay che miệng con lại và nói:

- Thôi đi! Con nói nghe ghê quá! Ai dạy con nói thế? Từ nay con đừng nói bậy nữa nhé!

Paull vẫn tiếp tục nói có vẻ hần học:

- Con phải nói; vì đó là sự thật. Con cũng có vết sẹo ở bắp đùi mà ba má thường đẩy đó.

Sau đó, Paull đợi người cha đi làm về và cũng nói tất cả những lời mà nó đã nói với mẹ nó. Tự nhiên ông Traveed lo sợ thấy rõ. Ông có cảm tưởng như tên cướp Jainqueville đã nhập vào thân xác Paull để nói chuyện với ông. Từ đó ông ít khi tiếp xúc với đứa con. Trong khi đó Paull thường tỏ ra làm lì. Thường ngày nó chỉ loay hoay

chơi với một con dao nó mua ở đâu đó. Hết mài lại ngắm nghía. Ông bà Traveed thấy con như vậy càng thêm lo sợ.

Thế rồi một hôm, Paull từ đâu không biết chạy bay về nhà. Bà Traveed kinh ngạc kêu lên: Paull, gì thế con, có việc gì xảy ra thế? Paull vừa khóc vừa đưa cho mẹ xem tờ giấy nhỏ có viết chữ. Trong thư là lời lẽ của ông Traveed thuê người đầu bếp nơi trường học tìm cách giết Paull để phi tang mọi chuyện.

Bà Traveed thấy rõ ràng chữ của chồng mình viết chỗ không ai xa lạ. Bà sợ quá nói với Paull: Trời ơi! Sao lại có chuyện xảy ra quá ghê gớm lạ lùng như vậy? Vậy con cứ ở đây với mẹ, đừng đi đâu cả. Paull vừa khóc vừa nằm xuống chiếc ghế trường kỷ cạnh giường mẹ. Sáng hôm sau, trời con tinh mơ, bà Traveed tự nhiên choàng tỉnh dậy, bà không thấy Paull đâu. Hoảng hốt, bà xô cửa đi tìm, căn nhà vắng lặng, bà cất tiếng gọi, chỉ có người giúp việc chạy lên. Không nghe tiếng Paull cũng như ông Traveed lên tiếng trả lời. Bà Traveed và người giúp việc liền phá cửa buồng của Paull. Cánh cửa mở tung, một cảnh tượng rùng rợn hiện ra: Ông Traveed và thằng Paull đều nằm chết dưới sàn nhà, máu ra lênh láng. Nổi ngực ông Traveed, con dao mà thằng Paull thường mân mê hằng ngày cắm sâu đến tận cán.

Câu chuyện có thật trên đây đã được tờ báo của Pháp tên là Revue des Deux Mondes đăng tải vào năm 1889 và mỗi đây được tác giả Thiện Nhựt lược thuật lại trong một đặc san Phật Đản xuất bản tại Hoa Kỳ.

Trường hợp cậu bé George Fild

George Fild là một cậu bé Hoa Kỳ. Năm 15 tuổi, Fild bắt đầu có những cảm giác và hình ảnh lạ lùng chột ẩn chột hiện trong trí và luôn luôn cậu tỏ ra áy náy, thối mắc, băn khoăn về những gì giống như mình đang rơi vào mộng ảo. Lúc bấy giờ có nhà thôi miên nổi danh tên là Williams. Ông này yêu cầu được giúp George Fild khởi dậy các hình ảnh từ tiền kiếp. Qua giấc ngủ thôi miên, George Fild đã kể lại rất rành rọt những gì của tiền kiếp mình như sau:

- Lúc bây giờ tôi là một người dân vùng Bắc Carolina, tôi là một nhà nông bận rộn đủ thứ việc đồng áng. Tên tôi lúc đó là Jonathan Powell. Cuộc sống thật buồn bã vô vị. Tôi sống lẽ loi cô độc như kẻ lạc vào chốn hoang vu. Tôi nhớ rõ mình sinh vào năm 1832 tại thị trấn Jefferson và 31 năm sau tức là vào năm 1863 trong cuộc nội chiến, tôi vào quân ngũ và bị giết chết khi một đám lính nổi loạn tôi nhớ mãi những

nơi tôi đã đi qua và nhất là vùng đồng cỏ ở Bắc Carolina hiu quạnh.

Nhà thôi miên Williams đã kiểm tra lại các tài liệu, hồ sơ, giấy tờ ở các thư viện, các văn khố, các vùng liên quan đến Jonathan Powell và biết được rằng những gì cậu bé mô tả đều đúng cả. Để kiểm chứng lại rõ hơn, nhà thôi miên đã cùng George Fild đến ngay thị trấn Jefferson tại đây, trước sự hiện diện của nhà Địa phương chí trong thị trấn, cậu bé George Fild lại được nhà thôi miên đưa vào giấc ngủ thôi miên lần nữa và lần này cậu còn nêu tên cả những địa danh trong thị trấn cùng những người có tiếng ở đó. Đặc biệt, cậu bé còn mô tả quang cảnh và nhà của đường sá của thị trấn rất rõ ràng. Tất cả những gì George đã kể đều được nhà Địa phương chí hiện diện xác nhận là đúng. Ngoài ra cậu bé còn cho biết danh tánh của bà nội Jonathan là Mary Powell. Trong tài liệu còn lưu trữ tại nha văn khố thì Mary Powell là một người đàn bà đã đứng tên mua một khu đất ở vùng Jefferson. Hồ sơ ghi năm 1803. Điểm đáng quan tâm là về sau, cậu bé George Fild có nhận được một lá thư của một người trong dòng họ Jonathan Powell gửi đến kể lại rất chi tiết về cuộc đời sự nghiệp của Jonathan Powell. Trong thư có đoạn viết như sau: "Các tài liệu này được lưu giữ cẩn thận trong gia phả dòng họ tôi. Theo những gì ghi trong gia phả thì ông Jonathan chính là ông của tôi và ông đã bị những người lính Mỹ giết năm 1863".

Trường hợp bé Nicola

Khoảng năm 1800 tại thành phố Haworth Anh Quốc, có một gia đình mà người chồng tên là Benson. Hai vợ chồng Benson có hai người con gái và một người con trai. Người con trai tên là John Henry. Một hôm John Henry chạy băng qua đường rầy xe lửa thì bị xe lửa cán chết thê thảm. Sự kiện đáng thương tâm này rồi cũng theo thời gian mà xóa mờ dần. Nhưng không lâu sau đó, một gia đình ở vùng kế cận Haworth có người đàn bà tên là Kathleen Wheaters, bà này sinh hạ được một bé gái đặt tên là Nicola. Bé Nicola sống bình thường như bao nhiêu bé khác nhưng điều lạ lùng là lúc lên 5 tuổi, Nicola có cử chỉ và lời nói rất chững chạc giống như người lớn. Vào một buổi trưa, bé Nicola đang ngồi chơi với mẹ bỗng nhiên bé hỏi một câu:

- Mẹ ơi! Con đâu phải là con gái? Con là con trai mà? Trước đây con là John Henry, mẹ con là bà Benson rất mộ đạo và hay đi nhà thờ. Ba con là thợ làm đường rầy xe lửa. Con bị xe lửa cán chết và bây

giò con trở thành bé Nicola của mẹ. Tại sao mẹ không dẫn con đến nơi mà trước đây con đã ở. Con biết ngôi nhà đó mà.

Bà Kathleen nghe con nói rất kinh ngạc cứ tưởng Nicola nói mê sáng nên sợ lắm. Nhưng Nicola cứ thỉnh thoảng lại nêu lên câu hỏi tương tự khiến bà Kathleen quyết định tìm thủ thật hư. Hai tháng sau, bà cùng Nicola đến Haworth để dò la về tin tức gia đình nhà Benson. May mắn bà Kathleen có quen biết một vị có chức sắc trong Đạo Cơ Đốc nên nhà thờ chính cố xưa ở Haworth lục lại hồ sơ và biết được gia đình Benson có ba người con nhưng có một người con bị tai nạn xe lửa mà qua đời. Người con ấy tên là John Henry.



Bé NICOLA

☐ Trường hợp của bé gái Manju Sharma

Đây là một trường hợp tái sinh khá lạ lùng. Câu chuyện có thật này do bác sĩ Pasricha thuật lại như sau:

Manju Sharma là một cô gái Ấn Độ, sinh ra và lớn lên tại thành phố của Brindevan (phía Bắc Ấn Độ). Manju thường nhỏ lại quá khổ. Nhưng ở đây, Manju không phải nhỏ lại quá khổ của đời mình mà là những gì đã xảy ra ở kiếp trước. Manju kể như sau:

"Tôi cứ nhớ hoài hình ảnh mà mình rơi xuống giếng nước tại làng Chaumula. Lúc tôi vừa đúng 10 tuổi hồi đó tôi tên là Krishna chó không phải Manju như bây giờ. Tôi đã tái sinh trở lại.

Tôi đã gặp chú tôi, người chú của tiền kiếp tên là Tanji. Tôi nhận ra người chú ấy ngay và đã nói chuyện rất lâu với chú ấy mặc dầu chú Tanji không nhận ra tôi là cháu của chú trước đây. Khi tôi nhắc đến Krishna thì chú nhỏ và tỏ dấu tiếc thương vô cùng. Tuy không tin chuyện tôi là Krishna tái sinh nhưng chú tôi đã đồng ý để người mẹ tiền kiếp của tôi đến gặp tôi. Ba ta đến, tôi ngồi bên bà và kể lại những

nỗi bất hạnh đã đến trong đời tôi cho bà nghe. Bà xoa đầu tôi và tỏ vẻ thương yêu tôi nhiều khi nghe tôi nhắc đến tên Krishna. Tôi ngỡ ý muốn theo bà, người mà tôi khẳng định là mẹ tiền kiếp của tôi. Ý muốn của tôi được thỏa mãn và tôi đã trải qua 10 năm sống với ba má tiền kiếp tôi. Về phần ông bà thì sẵn lòng đón tôi về sống chung vì hai người luôn luôn nhìn tôi qua hình ảnh của đứa con thân yêu bị chết sớm.

Bác sĩ Pasricha và một số nhà khoa học Ấn đã đến gặp Manju lúc đó Manju đã là một người đàn bà có chồng và đã có 2 con. Khi hỏi người cha tiền kiếp về cảm tưởng của ông đối với Manju ra sao thì ông này cho biết như sau:

- Chúng tôi gọi Manju là Krishna Devi. Chúng tôi tin tưởng rằng đó là con gái của chúng tôi. Các con của Manju gọi tôi là ông ngoại và vợ tôi là bà ngoại. Chúng tôi sống với nhau rất hòa thuận. Theo bác sĩ Pasricha thì Manju là con gái trong một gia đình người Bà La Môn (Brahmin) là một đẳng cấp rất cao đối với người Hindu. Đây là một tập cấp ở Ấn Độ đã một thời vượt lên trên các tập cấp khác (theo Will Durant) trong xã hội Ấn. Nhưng Manju lại chịu đến sống với gia đình thuộc đẳng cấp thấp hơn rất nhiều. Như vậy không thể nào nghĩ rằng trường hợp Manju là trường hợp tạo dựng ra sự kiện luân hồi tái sinh để mưu cầu lợi nhuận hay sung sướng cho đời mình được vì thông thường người nghèo thường muốn tìm đến người giàu. Ở đây, trường hợp của Manju thì ngược lại.



Manju Sharma (Ấn Độ) người nhỏ lại tiền kiếp mình là cô bé Krishna bị rơi xuống giếng chết lúc 10 tuổi. Hiện nay Manju đã là một người đàn bà có chồng và 2 con. (nh từ liệu trong cuốn In Search of the Dead của tác giả Jeffrey Iverson. Nhà xuất bản Harper Collins - Hoa Kỳ 1992)

☐ Trường hợp tái sinh của Sudeih babu

Tại thành Beranes (Balana) thuộc xứ Ấn Độ (lúc bấy giờ Ấn Độ là thuộc địa của người Anh) có nhiều nhà chiêm tinh, nhiều Đạo sĩ, nhiều vị chân tu nhưng nổi tiếng

nhất về lãnh vực chiêm tinh, ngoài Bhrigu ra, kể đến phải kể Sudeih Babu. Sudeih Babu vừa là một nhà hiền triết và cũng là một nhà chiêm tinh lừng danh của Ấn Độ. Dân chúng Ấn, nhất là những người Ấn Độ giáo đã xem Sudeih Babu như là một vị Thánh Sống. Ông thường ngày xem sách cổ và tĩnh tọa trong một ngôi nhà nhiều phòng với hàng vạn cuốn sách cổ bí truyền. Chính vào thời đó một phái đoàn khoa học người Anh gồm các giáo sư, tiến sĩ đến xin gặp ông và đã nghe ông thuyết giảng về mọi vấn đề thuộc các lãnh vực khoa học, kỹ thuật, sinh vật tự nhiên và các hiện tượng siêu nhiên. Chính Sudeih Babu đã tiên đoán rằng từ năm 1975 trở đi thế giới vẫn tưởng rằng chủ nghĩa Duy vật sẽ phát triển và bành trướng khắp nơi. Nhưng thật sự, thuyết duy vật chỉ cực thịnh vào thời kỳ đầu và giữa của thế kỷ 20 mà thôi. Dần dần phong trào Duy tâm lại bắt đầu nở rộ hơn và đến cuối thế kỷ 20, chủ nghĩa Duy vật sẽ hoàn toàn sụp đổ khi đó những gì thuộc về Tâm linh sẽ nảy nở và phát triển nhanh. Nhiều nhà khoa học đã quay ra nghiên cứu các hiện tượng siêu hình với tinh thần hăng say thẳng thắn vì theo Sudeih Babu thì những nhà khoa học này chính là những hạt giống đang được gieo để sau này mầm đóm hoa kết quả phát tán khắp thế giới. Cũng theo nhà chiêm tinh này thì trong vòng 25 năm cuối của thế kỷ 20 (kể từ năm 1975) thế giới sẽ có nhiều thay đổi lớn...

Sudeih Babu ngoài tài tiên tri ông còn là người cứu giúp vô số những người cùng khổ ở Ấn Độ bằng nhiều phương cách khác nhau theo những tài liệu và những lời truyền khẩu thì Sudeih Babu đã từng làm nhiều phép lạ. Ông còn biết trước ngày ông qua đời và ghi rõ từng ngày giờ tháng năm và những gì ông cần dặn mọi người sau khi ông mất. Vị Thánh Sống Sudeih Babu đã viên tịch đúng vào năm ông loan báo trước, đó là năm 1918. Lời di chúc của ông là dân tộc Ấn nên đoàn kết và nếu cần, nên hợp nhất tôn giáo. Ông cho hay: đất nước Ấn Độ sẽ còn nhiều xáo trộn và đau khổ, nạn đói và sự phân chia giai cấp, kỳ thị tôn giáo còn nhiều và sẽ có nhiều xô xát đẫm máu xảy ra. Ông khẳng định với các tín đồ Ấn Độ giáo rằng ông sẽ tái sinh vào năm 1926.

Thời gian trôi qua, lời di chúc như chìm dần vào quên lãng. Nhưng thời gian vẫn tiến và năm 1926 nhằm ngày 23 tháng 11, có một cháu bé chào đời tại một ngôi làng nhỏ ở Ấn Độ, cháu được đặt tên là Satyanarayana Raju. Cháu bé mạnh khỏe không đau ốm gì. Sau đó bỏ bú sữa, cháu bé lớn nhanh nhưng tuyệt đối không bao giờ chịu ăn thịt. Tuy còn nhỏ nhưng đáng đấp cử chỉ của Raju giống người lớn,

thường có vẻ đăm chiêu, tú lự và thích chơi một mình. Mỗi lần trông thấy người ăn xin qua đường là Raju vội vã chạy ra dẫn vào nhà lấy cơm cho ăn. Càng lớn Raju càng thích đến lễ bái ở các đền thờ và cung cách hành lễ rất rành rẽ mặc dù chưa học qua lần nào, điều này đã khiến cha mẹ Raju và ngay các bà con bạn bè cũng lấy làm kinh ngạc. Dân chúng quanh vùng đã bắt đầu bàn tán về chú bé lạ lùng Raju. Thế rồi việc gì đến sẽ đến... Năm Satyanarayana Raju đúng 13 tuổi bỗng có một sự kiện lạ lùng xảy ra. Cậu bé đang ngồi suy tư thì bỗng nhiên vụt kêu thét lên một tiếng lớn rồi lại đi đứng tự nhiên như không có gì xảy ra. Người nhà lo sợ hỏi nguyên do thì chú bé chỉ lắc đầu im lặng. Qua đến chiều hôm sau, bỗng nhiên chú bé té xuống đất bất tỉnh nhân sự. Gia đình lo việc chạy chữa đến gần khuya chú bé Raju mới tỉnh lại. Lần này Raju có vẻ ngỡ ngàng xa lạ. Mọi việc quá khứ Raju đều không nhớ. Ngay cả đồ vật dùng hằng ngày cũng không biết để đâu. Rõ ràng lần này Raju đã là con người khác, chỉ có thể xác hình hài là của Raju mà thôi. Từ ngày đó trở đi, người nhà chứng kiến chuyện lạ này đến chuyện lạ khác nào Raju hát những bài hát xa xưa lạ lùng hay đọc những câu kinh dài và khó đọc. Đặc biệt nhiều khi Raju yêu cầu cả nhà ngồi quanh mình để nghe thuyết giảng những bài kinh bằng tiếng Phạn, thủ tiếng mà ngay cả cha mẹ Raju cũng công nhận là rất khó thì làm sao mà Raju đọc được? Cha mẹ sợ cậu bé bị ma nhập nên tìm thầy hóa giải nhưng mọi cố gắng đều vô hiệu. Trong khi đó, càng ngày cậu bé Raju càng có nhiều hành động lạ lùng hơn nữa. Rồi vào một buổi trưa đứng bóng, cậu bé Raju bước ra sân, dang 2 tay rộng ra như hít thở dưỡng khí và chậm rãi tuyên bố:

- Tôi không phải là Satyanarayana Raju, tôi chính là Sudeih Babu.

Sau đó, để mọi người tin chắc mình là hóa thân của Sudeih Babu, Raju đã mô tả lại những gì mà trước kia mình đã sống như cảnh tượng thành phố Benares, ngôi nhà nhiều phòng của vị thánh sống, các tú gõ đầy áp sách cổ, tên tuổi những người nổi tiếng vào lúc đó và nhất là đọc lại lời di chúc mà Sudeih Babu đã viết trước khi qua đời vào năm 1918... Và hình như để tăng cường cho niềm tin của mọi người, vị thánh sống này đã dùng tay không lấy từ không khí ra nhiều đồ vật và yêu cầu mọi người lần lượt nêu tên những thứ mình ưa thích để ông biểu tặng cũng bằng cách lấy từ không khí ra. Chính các ảo thuật gia nổi danh thế giới khi nghe tiếng của Babu đã không ngại xa xôi tốn kém tìm đến quan sát và tìm hiểu vì họ nghĩ rằng Babu cũng chỉ là một ảo thuật gia và đã áp dụng một

phương cách biểu diễn khác lạ nào đó mà họ cần phải đến quan sát tận mắt để phê phán hay học hỏi. Tuy nhiên, khi đối diện trước con người kỳ lạ đó, những nhà ảo thuật đã phải lắc đầu than phục vì dù họ có tài ba diệu nghệ trong màn trình diễn lấy đồ vật trong không khí thì họ cũng chỉ giới hạn trong vài thứ mà họ đã định sẵn. Còn riêng Sudeih Babu (tức Raju hóa thân) thì có thể lấy bất cứ thứ gì mà người khác yêu cầu. Có lần giữa đám đông người có một Fakir tò ý thách thức nên yêu cầu Babu hãy lấy từ không khí ra cho mình một thứ đồ vật mà ông đang tìm. Điều này quả thật khó khăn, tuy nhiên, chỉ trong vòng 5 phút, Babu đã đưa tay lấy từ không khí ra một nắm đinh sắt và vui vẻ nói:

"Đây là vật ông bị thiếu chỗ không phải bị mất, tất cả là 5 cái đinh ở bàn chông của ông".

Vị Fakir giật mình khiếp sợ vì quả thật ông đang kiếm vật đó. Hiện nay qua thân xác của Satyanarayana Raju, Sudeih Babu đã có đến hàng triệu tín đồ theo ông. Ông có tài tiên tri và thường nhắc các tín đồ làm việc thiện, cứu giúp người cùng khổ. Ông thường dùng đôi tay chữa bệnh nan y cho nhiều bệnh nhân và nhiều tin đồn còn cho biết có lần một người chết đuối quá lâu, bác sĩ vô phương cứu chữa, ông nghe tin vội vã đến bên giường xoa nắn lưng ngực và mũi người chết, chỉ trong 15 phút người ấy cựa quậy thở ra hơi và sống lại. Những sự kiện về Raju đã làm sôi nổi dư luận Ấn và cả thế giới. Nhiều khoa học gia đã tìm đến quan sát, nghiên cứu và hầu hết đều cho rằng: "Đây là một vấn đề vượt khỏi tầm ranh của khoa học thực nghiệm". Chính Colin Wilson, một người luôn tìm tòi nghiên cứu những vấn đề khúc mắc cũng đã viết như sau: "Raju là hiện thân của vị Thánh Sống Ấn Độ".

☐ Trường hợp của Michael Wright

Walter Miller là một thanh niên bảnh trai có nhiều nhân tình. Tuy nhiên trong số các người tình, anh ta yêu nhất là cô gái bạn học cũ. Hai người yêu thương nhau rất mực. Không may, vào năm 1967, Walter Miller bị tai nạn xe hơi và qua đời. Cô gái nghe tin bất tỉnh mấy lần. Cô quên ăn bỏ ngủ, khóc lóc suốt ngày đêm. Thế rồi liên tiếp mấy đêm liền cô ta nằm mơ thấy Walter Miller trở về đứng trước mặt cô nét mặt hôn hờ và nói: "Em à! anh sẽ trở lại với em!". Cô gái mỗi lần tỉnh giấc đều buồn chán vì nghĩ rằng đó chỉ là giấc mơ vì không bao giờ người yêu của cô lại có thể trở về với cô lần nữa. Walter Miller đã chết và nắm mồ anh đã bị phủ biết bao lần là rụng mùa thu rồi.

Bốn năm sau cô gái lấy chồng và sinh hạ một bé trai kháu khỉnh đặt tên là Michael Wright. Khi đứa bé đúng 3 tuổi nó trở nên khôn lanh lạ lùng và nói chuyện như người lớn. Một hôm Michael nói: "Con chính là Walter Miller. Cách đây khoảng ba bốn năm đã bị tai nạn xe hơi, chiếc xe lăn xuống dốc, cửa kính vỡ tan..." Sau đó, Michael kể hết tất cả những gì về mình, về cô nhân tình (giò đây chính là mẹ của Michael) và còn nói rõ tên người em gái của Walter Miller nữa, đã mô tả rõ ràng thành phố mà Walter Miller đã cùng người bạn dùng lại nghỉ ngơi trước khi tiếp tục lái xe lên đường rồi tai nạn chết người xảy ra... Câu chuyện này đã được tác giả Quỳnh Châu lược thuật lại trong Tiền Phong (1991 Hoa Kỳ).

Trong cuốn Have we lived before của Linda Atkinson, vị nữ giáo sư triết học này đã nêu lên một số bằng chứng về sự kiện luân hồi tái sinh (tác giả Nguyễn Minh đã dịch lại năm 1985 do Hội Phật Học Quan Âm ở Canada ấn hành). Chúng tôi xin tóm lược 5 trường hợp tái sinh có thật như sau:

☐ Trường hợp bà Bridey Murphy



Virginia Tighe (nh từ liệu trong The People's Almanac 2. - David Wallechinsky Irving Wallace - Bantam Books - 1987 - USA)

Nhà thôi miên nổi tiếng Morey Bernstein đã dùng phương pháp thôi miên để dẫn dụ bà Virginia Tighe đi vào giấc ngủ và tìm về quá khứ xa xăm của mình. Bà Virginia Tighe là một người đàn bà trẻ đẹp thông minh, sáng trí. Qua giấc ngủ thôi miên bà đã nhớ lại một tiền kiếp của mình lúc đó bà là một cô gái trẻ tên là Bridey Murphy. Cô là người Ái Nhĩ Lan, sinh năm 1798 tại Cork. Cha cô tên là Duncan Murphy và mẹ tên là Kathleen. Cô

có một người anh cũng có tên là Duncan. Vào thời gian đó gia đình Bridey sống hạnh phúc trong một căn nhà gỗ xinh xắn. Về sau Bridey lấy chồng. Người chồng là một luật sư tên là Brian Mc Carthy. Cả hai đến Belfast sinh sống. Số phận không may, Bridey qua đời khiến người chồng đau khổ khôn nguôi. Qua giấc ngủ thôi miên, bà Virginia Tighe cho biết rằng: "Lúc bấy giờ tôi (Bridey Murphy) tuy đã chết nhưng linh hồn tôi vẫn lẩn quất trong nhà, ở ngay đấy với Brian một thời gian nên tôi biết Brian đau khổ vì nhớ thương tôi nhưng anh ta chẳng bao giờ thấy được tôi. Tôi cũng trở về Cork thăm anh tôi, tôi ở ngay bên cạnh anh ấy, nói chuyện với anh ấy nhưng anh ta chẳng thấy tôi và chẳng nghe được tôi nói."

Nhà thôi miên Morey Bernstein đã đưa bà Virginia Tighe vào giấc ngủ thôi miên nhiều lần nữa. Ông đã ghi âm lại tất cả những lời kể của bà. Và hỏi ý kiến những luật sư, bác sĩ, giáo sư, ký giả về trường hợp lạ lùng này bằng cách để những người này nghe những lời kể của bà Virginia Tighe về tiền kiếp của mình qua các cuộn băng ghi âm lại. Sau đó, nhà thôi miên Morey quyết định viết một cuốn sách về trường hợp của Virginia và Bridey Murphy. Để cuốn sách có giá trị trung thực chỗ không phải viết chuyện bịa đặt, một nhà xuất bản đã đứng ra lãnh nhiệm vụ kiểm chứng sự việc. Nhà xuất bản này đã liên lạc với các cơ sở liên hệ trong việc kiểm chứng sự kiện và hợp tác với một số nhân vật đáng tin cậy khác ở Ai Nhĩ Lan, các thư viện để kiểm tra về nhân vật Bridey Murphy cùng những sự kiện liên quan mà qua giấc ngủ thôi miên, bà Virginia Tighe kể lại rõ ràng.

Kết quả cho biết rằng các tài liệu số bộ ở Cork ghi rõ năm 1800 có một luật sư tên là John Mc Carthy làm việc ở đó. Ngoài ra trong cuốn niên giám có ghi thêm 2 tiệm tạp hóa mà qua giấc ngủ thôi miên bà Virginia có nhắc đến. Đó là tiệm tạp hóa ở Belfast tên là Farr's và một tiệm tên là John Carrigan's. Về những địa danh khác mà bà Virginia nhắc đến qua giấc ngủ thôi miên thì phần lớn đều được xác nhận là đúng.

Cuốn sách do nhà thôi miên Morey viết nhan đề là The Search for Bridey Murphy lúc bấy giờ (khoảng thập niên 1950) được coi là sách bán chạy nhất. Các báo chí đua nhau đăng tải và bình luận về chuyện lạ của Virginia Tighe, người đã nhớ lại tiền kiếp mình. Hồi đó tại Hoa Kỳ, phát sinh 2 phe, một phe chống đối, bài bác, một phe bênh vực, ủng hộ mạnh mẽ về chuyện bà Virginia Tighe và cho hiện tượng tái sinh là có thật. Chuyện tái sinh của bà Virginia mới đây còn được đăng tải

lại trong cuốn The People's Almanac của David Wallechinsky và Irving Wallace - Battaw Books xuất bản.

☐ Trường hợp của hai người không quen biết nhau: Phil và Ann

Đây là một trường hợp ngẫu nhiên, lạ lùng đã xảy ra bắt đầu từ cuộc gặp gỡ của hai người chưa từng quen biết nhau bao giờ, một người tên là Phil một người tên là Ann.

Một hôm Phil lái xe hơi đến Malibu thì bị lạc đường. Phil còn đang ngỡ ngàng thì thấy một người đang đứng bên lề phố nên dừng xe lại hỏi thăm. Mặc dầu người này không biết rõ đường để chỉ vì thật ra cô ta không phải là dân ở đây nhưng vào lúc này tự nhiên Phil không quan tâm nhiều vào chuyện lạc đường nữa vì hai người tự nhiên cảm thấy cảm tình với nhau ngay mặc dầu mới gặp nhau lần đầu. Cô gái tự giới thiệu mình tên là Ann. Họ rủ nhau đi chơi đến chiều thì chia tay Phil về Los Angeles còn Ann thì về Monterey. Hai người lại gặp nhau vào tuần kế tiếp, lần này, trước khi chia tay Ann buồn rầu bảo rằng nàng sẽ về trường học tại tiểu bang Arizona. Hai người đều buồn bã và họ thấy thật sự đã thương yêu nhau rất nhiều, một thú tình cảm lạ lùng đồng điệu giữa hai người thật hiếm thấy trên đời, đặc biệt họ có cảm tưởng lạ lùng như họ đã quen biết nhau từ thuở nào rồi và họ cảm thấy bằng mọi cách phải sống bên nhau...

Thế rồi trong giấc mơ tự nhiên Phil thấy Ann xuất hiện. Trong mơ rõ ràng Phil và Ann sống vui vẻ bên nhau. Phil lúc ấy có tên là Walter Morris và Ann là Martha Williams. Walter Morris là một mục sư thường đi diễn thuyết ở nhiều nơi và được nhiều người kính nể. Walter Morris có vợ nhưng ông ta ly dị vợ để theo sống với Martha Williams và Walter đã cùng Martha qua Trung Hoa làm việc chung với nhau trong Giáo Hội cứu giúp những người đau khổ bệnh tật. Thế rồi quân Nhật tiến chiếm Trung Hoa, chúng bắt bớ và sát hại vô số người. Mục sư Walter và Martha đã tình đến chuyện đưa một số trẻ em mồ côi xuống tàu để đến Hoa Kỳ nhưng tàu vừa rời bến đã bị chiến hạm Nhật chặn bắt và giết hại trong số đó có cả Martha. Mục sư vô cùng đau xót và uất hận nên đã liên kết với những người bị Nhật bắt trên tàu nửa đêm thỉnh linh tấn công các thủy thủ Nhật. Cuộc tàn sát diễn ra, nhưng sau đó một chiếc tàu khác của Nhật đã đến tiếp ứng nên toàn thể người nổi loạn đều bị chết. Mục sư bị rơi xuống biển và cố bơi thật xa trong đêm. Sáng hôm sau được một chiếc tàu đi qua vớt lên và qua bao

gian khổ, mục sư đến được Hoa Kỳ và chết ở đó sáu tháng sau. Cái chết của mục sư Walter, tự nhiên làm Phil tỉnh giấc và từ đó giấc mơ cứ ám ảnh Phil hoài. Phil tự hỏi đó có phải chính là cuộc đời của mình không? Đó có phải là tiền kiếp mình không? Nhưng đó chính là giấc mơ. Tuy nhiên tại sao giấc mơ lại đủ chi tiết như thế? Cái tên Walter Morris hiện ra rõ ràng trong trí Phil, các hình ảnh sự việc, địa danh, năm tháng đều đầy đủ. Chỉ có cách là kiểm chứng lại qua các số bộ thành phố tỉnh hạt liên quan, thế rồi Phil viết thư hỏi phòng số bộ thành phố này và được trả lời rằng Walter Morris là một mục sư sống ở đây khoảng thập niên 1930. Phil còn được cho biết tại thành phố này vẫn còn cháu chắt họ hàng liên hệ với mục sư Walter Morris. Phil liền nghĩ đến việc gửi thư liên lạc với những người này theo những địa chỉ đã được các viên chức trả lời thư của Phil trước đây cho biết.

Một thời gian sau, Phil nhận được một số thư trả lời trong đó có thư của một người đàn bà cho biết trong khoảng thập niên 1930 bà ở gần Walter Morris từ lúc mục sư đi Trung Hoa cứu giúp những người nghèo và trẻ mồ côi cho đến khi người Nhật xâm lăng Trung Hoa. Một người đàn bà khác tên là Crawley ở South Carolina thì cho biết bà ta là con gái của Mục sư Walter Morris. Khi đọc thư của người đàn bà tên là Crawley này, Phil vừa kinh ngạc vừa hồi hộp vừa lạ lùng vì bà cho biết: "Cha tôi đã bỏ mẹ tôi khi bà còn mang thai để theo một người đàn bà khác, mặc dầu vậy, ba tôi lại thường gửi thư về cho má tôi. Ông ta rất chi tiết những gì ông đã trải qua..."

Thế rồi, Phil yêu cầu được đến South Carolina để gặp mặt Crawley. Phil được bà này trao cho một xấp thư dày của mục sư Walter Morris gửi cho mẹ bà lúc đó. Đọc cẩn thận cả tập thư, Phil vô cùng kinh ngạc vì tất cả những gì mục sư viết trong thư đều giống hệt các sự việc mà Phil đã từng thấy rõ từng chi tiết trong mơ. Tự nhiên Phil linh cảm được rằng mình chính là Walter Morris chính nhờ gặp Anna mà câu chuyện hiện ra rõ ràng từ đầu tới cuối trong ký ức của Phil. Như thế Anna và Phil đã có một thời sống bên nhau ở kiếp trước... và bà Crawley phải chăng là con của Phil ở kiếp trước?

(Còn tiếp)



THỨC THỦ TÁM

(Tiếp Theo)

2. NGHIỆP (Kamma, Karma)

A. Định nghĩa của Nghiệp

Nghiệp hay nói cho đủ là "nghiệp báo" đó là phiên âm từ tiếng Trung Quốc. Tiếng Pali gọi là Kamma, tiếng Sanscrit gọi là Karma.

Trong kinh Trung A Hàm (Majjhima Nikāya) có câu: "Tất cả mọi chúng sinh đều có cái nghiệp của mình".

Nghiệp đây có nghĩa là hành động hay việc làm có tác ý. Sự suy nghĩ, lời nói, việc làm tất cả đều phát xuất từ ý muốn hay ý chí đó là tác ý. Tất cả những gì do Thân Khẩu Ý biểu hiện có tác ý đều tạo ra nghiệp. Tác ý là yếu tố tối quan trọng để tạo nghiệp, Kinh tạng Nhứt A Hàm có câu: "Tác ý là nghiệp".

Đức Phật dạy: "Này các Tỳ Kheo, Như Lai xác nhận rằng chính tác ý là nghiệp. Có ý muốn làm mới có hành động bằng thân, khẩu hay ý" (Anguttara Nikāya iii 415). Thế nhưng tất cả những ý nghĩ lời nói việc làm đó đều phát xuất từ căn bản thức tức là Thức Thủ Tám còn gọi là Tâm, tất cả do tâm tạo và giữ gìn những hạt giống thiện ác. "Không kèm chế tâm tức nhiên không kèm chế được việc làm, lời nói và tư tưởng. Kèm chế tâm tức là kèm chế thân, khẩu, ý. Chính tâm dẫn dắt thế gian. Chính tâm lôi kéo thế gian". (Atthasālini tr. 68; The Expositor, phần I tr. 91).

Trong kinh Pháp Cú có câu: "Tâm dẫn đầu mọi hành động. Tâm làm chủ, Tâm tạo ra tất cả. Nếu ta nói hay làm với tâm ác thì sự khổ đau sẽ theo ta như bánh xe lăn theo dấu chân con bò kéo xe".

Nhưng nếu tất cả những ý nghĩ, lời nói hay việc làm của ta đều phát xuất từ tâm trong sạch, tâm thiện, thì: "Hạnh phúc sẽ theo ta như bóng với hình" (Dhammapada, câu 2).

Một câu đơn giản như sau có thể nói lên giáo lý của Nghiệp báo: Nếu con học chăm chỉ đạt được thành quả tốt cha mẹ sẽ khen thưởng, con sẽ cảm thấy sung

suối, hạnh phúc vô cùng. Ngược lại nếu con lười biếng cãi lời cha mẹ, ham chơi không chịu học, kết quả không tốt sẽ bị cha mẹ phạt, con sẽ cảm thấy đau khổ, hối hận.

Nghiệp là hành động. Quả là kết quả, là phản ứng của hành động ấy. Bởi vì nghiệp có thể tốt hay xấu nên Quả có thể lành hay dữ.

Kinh Samyutta Nikāya, Tập A Hàm có những câu như sau: "Đã gieo giống nào thì sẽ gặt quả nấy. Hành thiện sẽ thu gặt quả lành. Hành ác sẽ thu gặt quả dữ. Hãy gieo giống tốt ta sẽ hưởng quả lành".

Nghiệp Báo tự nó là một định luật có hiệu lực trong phạm vi riêng biệt, không chịu ảnh hưởng của những tha lực. Thế nhưng Nghiệp Báo có thể hiểu dễ dàng hơn khi giải thích nó tương quan với luật nhân quả.

Có một số người ngoại đạo cố tình xuyên tạc rằng nếu theo định luật nghiệp báo thì người chịu khổ trong hiện tại hãy cứ cam tâm chịu đựng vì đó là sự trả nợ cho cái nghiệp kiếp trước đã làm. Thế nhưng Đức Phật không dạy như vậy. Vì tất cả nghiệp xấu của kiếp trước đều trở thành chủng tử (hạt giống) xấu nằm trong Thức Thủ Tám, ta có thể cố gắng làm nhiều điều thiện để tạo ra những hạt giống tốt để triệt tiêu những hạt giống xấu đó đi. Đó tức là khả năng chuyển nghiệp của mỗi người.

Ta thử tìm hiểu xem nguồn gốc của nghiệp bắt đầu từ đâu?

Trong 12 nhân duyên có câu: "Do nơi Vô Minh, Hành phát sinh, do nơi hành Thức phát sinh" và còn có câu: "Ái Dục đi liền với Vô Minh". Do nguồn gốc của nghiệp là Vô Minh. Do chúng phàm phu không am hiểu chơn tướng của các Pháp nên sinh ra chấp Ngã và chấp Pháp mà sinh ra những ý tưởng, lời nói và hành động bất thiện đưa đến việc tạo ra nghiệp. Như vậy muốn tận diệt Nghiệp là phải tận diệt Vô Minh và Ái Dục.

Phân tích đến đây ta không thể quên vai trò tạo nghiệp của Căn Bản Thức, cũng gọi là Tâm hay Thức Thủ Tám, vì "Tác Ý là Nghiệp" mà Tác Ý là do Thức chủ đạo. Khi đã tạo Nghiệp rồi chúng ta cũng không quên vai trò tàng trữ Nghiệp ấy trong Thức Thủ Tám dưới dạng thức hạt giống. Một điều tối quan trọng đó là việc giải Nghiệp bằng cách tinh tấn tạo ra những hạt giống tốt để triệt tiêu hạt giống xấu do Nghiệp tạo ra đó là lối tu giải Nghiệp.

B. Tại sao có những sự bất đồng về nhiều mặt trong nhân loại.

Trong nhân loại có nhiều người sanh ra liền hưởng sự giàu sang phú quý, nhưng

nhiều người lại sống cảnh lầm than cơ cực. Tại sao có nhiều người thông minh xuất chúng, nhiều bậc thiên tài, nhưng nhiều người lại ngu si đần độn. Tại sao có những thần đồng về âm nhạc, văn chương, hội họa, thể thao... Tại sao có kẻ sinh ra đã bị câm điếc, mù lòa. Tại sao có những đấng Giáo Chủ thánh thiện trong những xứ nghèo nàn, xã hội hỗn loạn phân hóa v.v...

Phải chăng có những nguyên nhân nào đã tạo nên những sự bất đồng đó? Hoặc là đó chỉ là những sự ngẫu nhiên hoàn toàn do sự may rủi?

Có một số tôn giáo cho rằng có một đấng tối cao trong vũ trụ có quyền năng sắp đặt mọi việc.

Đức Phật không nhìn nhận có một đấng tạo hóa quyền năng như vậy. Do đó Ngài đã đưa ra nhiều giáo thuyết để giải thích những sự bất đồng đó, ví dụ như Thập Nhị Nhân Duyên, Nghiệp Báo v.v...

Các nhà Bác học cố gắng giải thích những sự bất đồng đó theo phương pháp khoa học như nguyên nhân hỗn hợp vật lý và hóa chất, do truyền thống, do giới thân cận và môi trường sinh hoạt v.v...

Ta hãy nghe nhà sinh lý học trú danh, Julien Huxley, giải thích theo thuyết Truyền Thống đặt căn bản vào sự di truyền do GENE như sau:

"Mầm giống sơ khởi cấu tạo con người là do GENE trong tinh trùng, nhờ nó mà mầm giống của cha truyền qua cho con gọi là Định Luật Truyền Thống.

"... Có những loại Gene tạo ra màu sắc cho cơ thể. Có loại chi phối bề cao và sức nặng. Có loại ảnh hưởng đến khả năng sinh sản, tuổi thọ và sức khỏe của con người. Cũng có loại Gene ảnh hưởng đến hình hài thể vóc. Phần lớn các đặc tính di truyền, nếu không phải là tất cả, đều do Gene chi phối".

"Riêng về những đặc tính tinh thần, phức tạp và tế nhị hơn, thật khó mà chúng minh được một cách cụ thể. Mặc dầu có những sự kiện hiển nhiên chứng tỏ rằng có sự di truyền thuộc về tinh thần, nhưng không có hiện tượng nào xác nhận rằng những đặc điểm tinh thần từ ông bà cha mẹ truyền xuống cho con cháu phải theo một thể thức nào giống như thể thức truyền thống về thể xác".

"Mọi truyền thống tinh thần và vật chất, bằng cách này hay cách khác, đều tùy thuộc nơi tác động tương quan giữa các mầm thụ Gene mà mỗi người mang trong mình từ lúc mới được thụ thai" (The Stream of Live trang 15).

Thuyết Truyền Thống căn cứ vào Gene, cực nhỏ, lối một phần ba chục triệu phần Anh (1/30.000.000 inch) để giải thích các sự khác biệt về thân thể của loài

người, nhưng họ đành bó tay khi phải giải thích về tinh thần. Chúng ta không thể phủ nhận Thuyết Truyền Thống vì nó đã giải thích được một phần của vấn đề nhưng không phải là tất cả. Vì Thuyết Truyền Thống không thể giải thích được tại sao hai đứa trẻ song sinh có cùng một giống di truyền cùng được nuôi dưỡng trong một môi trường giống nhau lại có người thông minh, người kia không thông minh bằng, và tính tình lại khác hẳn nhau... Thuyết Truyền Thống không thể giải thích được tại sao một gia đình bình thường có thể sinh được thần đồng và chỉ không thể sinh thêm thần đồng thứ hai hay nhiều hơn. Thuyết này cũng không thể giải thích được tại sao một gia đình rất lương thiện lại sinh ra con ngổ nghịch, trộm cướp, giết người, và ngược lại gia đình không mấy hiền lương lại sinh con thông minh tánh tình lương thiện...

Dr. Th. Pascal trong sách Reincarnation, khi bàn về Thuyết Truyền Thống, ông viết như sau:

"Quay về vai trò bẩm thụ của Gene trong vấn đề truyền thống, chúng ta lặp lại rằng bẩm thụ vật lý Gene tự nó chỉ giải thích phần vật chất của con người. Về khả năng trí thức và đạo hạnh bẩm thụ Gene không rọi được tia sáng nào. Nếu Gene cấu tạo được trọn vẹn con người, ta sẽ tìm thấy trong mọi người tất cả bẩm tính của cha mẹ và không khi nào có những tánh khác.

"Nhu vậy sẽ không có những đứa con sát nhơn trong gia đình lương thiện và cũng không có những bậc hiền nhơn sinh trưởng trong gia đình hung ác. Trong đời sống thường ngày ta có thể gặp hai đứa trẻ sanh đôi, cùng cha cùng mẹ, cùng thừa hưởng một bẩm thụ của cha mẹ, cùng được sanh ra trong những điều kiện như nhau, cùng trưởng thành trong một giới thân cận, thân hình mặt mày thật giống nhau, nhưng một đứa thì hiền lương, còn một đứa lại hung ác tàn bạo.

"Ngoài ra, số trẻ thần đồng cũng khá nhiều và đủ làm bối rối các học giả chủ trương thuyết Truyền Thống. Nếu đi ngược dòng thời gian phẳng mãi lên trong gia phả các vị thần đồng, ta có thể tìm được chẳng những vị tổ tiên cũng thần đồng như vậy? Như vậy không phải tất cả bẩm tính và trí tuệ đứa trẻ hoàn toàn do nơi cha mẹ, ông bà. Ta cũng có thể nói rằng tất cả bẩm tính và trí tuệ của ông bà và cha mẹ không truyền lại hết cho con cháu. Bằng chứng là trong hàng con cháu của Mozart, Beethoven và Dante không có một thần đồng hay một vĩ nhân nào cả! Như vậy ta phải kết luận rằng cho đến ngày nay và trong phạm vi các nhà duy vật học chưa

có gì chứng minh một cách thiết thực thuyết Truyền Thống.

"Về mặt thể xác không phải tất cả các đặc điểm vật lý của cha mẹ đều được truyền hết cho con. Trong nhiều gia đình, cha mẹ có những chứng bệnh nguy hiểm mà con cháu lại không có. Về mặt khác, trong một gia đình đông con, trí tuệ và tính nết mỗi đứa một khác. Nhiều gia đình lương thiện lấy làm đau khổ khi họ có những đứa con ngổ nghịch bất lương".

Về trường hợp văn hào trữ danh của Anh là Shakespeare, Đại tá Ingerslo đã viết như sau: "Cả cha lẫn mẹ ông Shakespeare đều không biết đọc và biết viết. Ông trưởng thành trong một làng bé nhỏ giữa những người đói". Trường hợp Shakespeare rõ ràng là kiến thức thiên tài của ông về thơ văn kịch nghệ không phải do Gene của cha mẹ truyền lại, cũng càng không phải do môi trường sống trong làng đã hun đúc cho ông những trí tuệ mà ông có...

Nhu vậy những di truyền thiên tài đó do đâu mà có? Chúng ta lần lần phân tích và tìm hiểu ở những phần sau đây.



Phật Giáo không phủ nhận thuyết Truyền Thống nói trên nhưng cho rằng Thuyết ấy chưa đủ để giải thích tất cả những bất đồng của nhân loại. Do đó Phật Giáo có giáo lý Nghiệp Báo để giải thích những sự bất đồng nêu trên và nhấn mạnh vai trò của THỨC THỦ TÂM trong chức năng tàng trữ Nghiệp trong quá khứ và đem đến cho đời này.

Câu "nhất thiết duy tâm tạo" ở đây được minh thị rõ ràng. Chính con người tự tạo ra cho mình tất cả. Ta là người tự tạo ra tướng lai cho chính mình. Mỗi người phải chịu trách nhiệm lấy cho những hành động trong quá khứ và hiện tại. Sự tàng trữ và vai trò nối tiếp đời sau của Thức Thủ Tâm được chứng minh một cách rất rõ ràng qua những dẫn chứng ghi trên.

Thuở Đức Phật còn tại thế có thanh niên tên Subha muốn biết những tình trạng bất đồng của loài người đến bạch Đức Phật:

"Bạch Đức Thế Tôn, vì lý do gì và do nguyên nhân nào mà trong đời có người yếu và có người thọ, người bệnh hoạn và người mạnh khỏe, người xấu và người đẹp đẽ, có hạng người làm gì cũng không ai theo, nói gì cũng không ai nghe và hạng người có thể lực làm gì cũng có người theo, nói gì cũng có người nghe, có người nghèo khổ và người giàu sang, có người sanh trong gia đình bần tiện và có người dòng dõi cao sang quyền quý, có người dốt nát và người thông minh trí tuệ...?"

Đức Phật giải thích như sau:

"Tất cả chúng sanh đều mang theo cái Nghiệp (Kamma, Karma) của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chí thân, như chỗ nương tựa. Chính vì cái Nghiệp riêng của mỗi người mỗi khác nên mới có cảnh dị đồng giữa chúng sanh" (Majjhima Nikaya III 135, Cūlakammvibhanga Sutta).

Đức Phật còn giải thích rõ từng trường hợp một về Nghiệp Quả của chúng sanh như sau:

- Nếu người kia trọn đời chỉ biết sát sanh, người thợ săn chẳng hạn, bàn tay luôn luôn đẫm máu, hằng ngày sống trong sự giết chóc và gây thương tích không chút xót thương. Do tính hiếu sát ấy, nếu tái sanh trong cõi người, người ấy sẽ là một người yếu.

- Nếu người kia luôn luôn thận trọng không hề xúc phạm đến đời sống của ai, sống xa gươm đao, giáo mác và các loại khí giới, lấy lòng từ ái đối xử với tất cả chúng sanh. Do tâm từ bi không sát sanh ấy, nếu tái sanh trong cõi người, người ấy sẽ là một người thọ.

- Nếu người kia độc ác, luôn luôn tìm cách hại người, luôn luôn dùng đấm đá và gươm đao đối xử với mọi người. Do nét hung dữ ấy, nếu tái sanh trong cõi người, người ấy sẽ ươn yếu bệnh hoạn.

- Nếu người kia không bao giờ làm tổn thương ai khác, do đức tánh hiền lương nhu hòa ấy nếu tái sanh trong cõi người, người ấy sẽ mạnh khỏe.

- Nếu người kia thô lỗ cộc cằn luôn luôn giận dữ, chửi mắng, nguyên rủa kẻ khác, do kết quả của sự thô lỗ cộc cằn ấy, nếu tái sanh trong cõi người, người ấy sẽ xấu xí.

- Nếu người kia thanh tao nhã nhặn, dầu ai có chửi mắng thậm tệ cũng không hề oán giận và tìm cách trả thù. Do kết quả của sự thanh nhã ấy, nếu tái sanh trong cõi người, người ấy sẽ đẹp đẽ.

- Nếu người ấy có tánh đố kỵ, thèm thường ham muốn lợi danh của người khác, không biết tôn kính người đáng kính, luôn luôn chấp chửa lòng ganh tị. Do kết quả của tánh tật đố kỵ, ganh tị ấy, nếu tái

sanh trong cõi người, sẽ là người không có ảnh hưởng, nói gì cũng không ai nghe, làm gì cũng không ai làm theo.

- Nếu người kia không có tánh đố kỵ, không thèm thường ham muốn lợi danh của người khác, biết tôn trọng người đáng kính, không chứa chấp lòng ganh tị, do ảnh hưởng của tâm không ganh tị ấy, nếu tái sanh trong cõi người sẽ là người có thể lực, nói gì cũng có người nghe theo, làm gì cũng có người làm theo.

- Nếu người kia không bao giờ biết bố thí vật gì cả, do tánh keo kiệt bám víu vào tài sản sự nghiệp của mình, nếu người ấy tái sanh vào cõi người, sẽ là người nghèo nàn thiếu thốn.

- Nếu người kia giàu lòng quảng đại, tính ưa bố thí, do lòng quảng đại rộng rãi ấy nếu tái sanh trong cõi người, người ấy sẽ là người giàu có dư dả.

- Nếu người kia không biết phục thiện, tánh ưa kiêu hãnh không tôn trọng người đáng kính, do tánh ngạo mạn và vô lễ ấy, nếu tái sanh trong cõi người, sẽ là người đê tiện thấp hèn.

- Nếu người kia biết phục thiện, tánh không kiêu hãnh, biết tôn trọng người đáng kính, do đức tính biết phục thiện và lễ độ ấy, nếu tái sanh trong cõi người, sẽ là người sang trọng quyền quý.

- Nếu người kia không chịu gần người có tài đức để học hỏi điều hay lẽ phải và phân biệt chánh tà, do sự kém học ấy, nếu sanh trong cõi người sẽ là người dốt.

- Nếu người kia có công tìm đến người có tài đức để học hỏi, do sự tìm cầu học hỏi chánh đáng ấy nếu tái sanh trong cõi người, người ấy sẽ là người thông minh trí tuệ.

Những đoạn kinh đã trích dẫn và những dữ kiện thực tế cho ta thấy rằng trên đường tái sanh luân hồi con người bị ảnh hưởng của Nghiệp quá khứ nhiều hơn ảnh hưởng của Truyền Thống Di Truyền. Nhờ đúng trên giáo lý Nghiệp Báo của Phật Giáo chúng ta đã giải thích và hiểu rõ về những trường hợp thần đồng, thiên tài và sự ra đời của những đấng Giáo Chủ thánh thiện xưa nay.

Hơn thế nữa, nếu không quán triệt giáo lý Duy Thức, không nghiên cứu tường tận về chức năng của Thức Thủ Tám làm thế nào ta có thể giải thích được việc tái sanh, đời nối tiếp đời và sự thọ nghiệp từ đời trước đến đời hiện tại để có thể kết luận rằng sự thông minh trí tuệ, sự giàu sang tốt đỉnh là do con người đã tạo ra từ nhiều kiếp trước. Đã tạo trong nhiều kiếp trước rồi cất giữ nơi nào, cất giữ dưới dạng thức nào và đem đến đời hiện tại ra sao? Tất cả những dấu hỏi về sự tạo Nghiệp, thọ Nghiệp, tái sanh đưa đến sự xuất hiện

những Thần Đồng hay người ngu muội đều được giải thích qua chức năng của Thức Thủ Tám như đã trình bày ở những phần trên.

Theo gia phả dòng họ của Đức Phật Thích Ca thì từ Ngài trở về trước, tổ tiên của Ngài không ai có tài trí đức độ có thể so sánh với Ngài được. Vì Ngài đã sanh ra với cái Nghiệp phi thường do chính Ngài đã tạo ra từ vô lượng kiếp trước chứ không phải do sự di truyền từ tổ tiên, cha mẹ của Ngài mà có được.

Do đó mà theo kinh Lakkhana Sutta: Đức Phật sanh ra với tướng mạo phi phạm, Ngài có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp không người nào trên thế gian này có được là do chính Ngài đã tu tập tích tụ từ vô lượng kiếp trước.

Khi đề cập đến sự khác biệt giữa chúng sanh, Đức Phật còn dạy trong kinh Attasālinī rằng:



"Do sự khác biệt giữa cái Nghiệp của mỗi chúng sanh nên mỗi có sự chênh lệch trong xã hội như: được, thua, hơn, thiệt, danh thơm, tiếng xấu, được kính vì hay bị khinh rẻ, phúc hậu hay bần cùng.

Do Nghiệp thế gian luân chuyển, Do Nghiệp chúng sanh tồn tại. Và cũng do Nghiệp mà chúng sanh vướng víu, liên kết với nhau như bánh xe, cấu hợp, dính liền và quay xung quanh cái trục".

Những trường hợp Nghiệp đã tạo ra trong quá khứ được Thức Thủ Tám tàng trữ dưới dạng thức hạt giống, sau đó phát khởi ra trong đời hiện tại tại Duy Thức Học gọi là Chủng Tử Sinh Hiện Hành do công năng của Thức Thủ Tám điều khiển.

Những Nghiệp lực đó không chỉ do những kiếp trước tạo ra không mà thôi mà còn do chính những Nghiệp con người tự tạo ra ngay trong đời hiện tại nữa. Đó là những trường hợp mà Duy Thức Học gọi là Hiện Hành Sinh Hiện Hành.

Như trên đã nói không phải tất cả những sự bất đồng trong nhân loại đều do Nghiệp trong quá khứ truyền lại mà còn do chính những hành động của người đó trong hiện tại gây ra. Dù cho những Nghiệp ác từ quá khứ truyền lại đi chăng

nữa, theo Duy Thức Học ta có thể chuyển Nghiệp đó bằng cách tạo ra những hạt giống đối kháng để triệt tiêu Nghiệp đó đi. Ví dụ vì Nghiệp trong đời trước dẫn dắt người đó làm nghề trộm cướp đi chăng nữa thì người ấy cũng có thể tự kiềm chế mình bỏ nghề xấu tìm nghề tốt hơn để sinh sống vẫn là điều mà Phật Giáo khuyên họ phải làm và ai cũng có thể làm. Không ai có thể viện lý do rằng vì Nghiệp trong kiếp trước đã tạo là ngu dốt rồi lại buông xuôi không chịu học tập để theo kịp người chung quanh đó là điều trái với lời Đức Phật đã dạy.

Do đó cho nên: "Không phải những quả lành, dữ hay không lành không đủ tất cả đều phát sanh do những hành động nào đó trong quá khứ".

Trong kinh Anguttara Nikāya Đức Phật dạy rằng:

"Nếu iuận như vậy và quả quyết rằng do những hành động trong quá khứ mà con người trở thành sát nhân, trộm cướp, dâm loạn, láo xược, thô lỗ, nhảm nhí, tham lam, xảo quyệt, hủ hèn thì ta sẽ có lý do để ý lại, dựa trên quá khứ mà không muốn thực hiện, không cố gắng thực hiện và cũng không thấy cần thiết phải thực hiện một hay nhiều hành động-rất cần phải thực hiện để cải thiện bản thân và tạo ra những ảnh hưởng tốt cho mọi người".

Giáo lý Nhân Quả Nghiệp Báo của Phật Giáo có tính cách rất tích cực của nó như đoạn kinh vừa dẫn trên đây vì con người chẳng những có khả năng chuyển Nghiệp xấu để trở thành thánh thiện mà còn có thể tiến xa hơn nữa là có thể thành Phật để giác ngộ, giải thoát cho chúng sanh nữa như kinh Pháp Hoa, Phật đã dạy "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và là những vị Phật sẽ thành". Như vậy thì không ai có thể xuyên tạc được giáo lý Nghiệp Báo giống như thuyết Định Mệnh hay Tiền Định của các triết gia Tây phương.

Giáo lý Phật Giáo hoàn toàn khác với những đức tin cho rằng con người là do một đấng toàn năng hay Thượng Đế tạo ra và định đoạt tất cả số mệnh của người đó, không thể tự mình cải sửa được! Nếu tin như vậy con người dễ lạc vào mê tín và tiêu cực, xuôi tay với số mệnh đã an bài và họ sẽ trở thành mù quáng bất lực, tiêu cực không nỗ lực để vươn lên tự cải tiến cho số phận của mình, chỉ ngồi cầu nguyện chờ Thượng Đế phán xét! ...

Phật Giáo không tin có Thượng Đế hay đấng toàn năng nào tạo ra con người và sắp đặt, định đoạt số mệnh cho họ. Phật Giáo chủ trương "Tam Giới Duy Tâm, Vạn Pháp Duy Thức". Nghiệp của mỗi người là do người ấy tự tạo ra và thọ lãnh lấy hậu

quả của nó. Do đó người ấy có thể tự cải đổi Nghiệp xấu thành thánh thiện bằng cách nỗ lực tạo ra những hạt giống tốt đối kháng để triệt tiêu những hạt giống xấu đang tiềm tàng trong Thúc Thủ Tám là có thể từ người xấu trở thành người tốt ngay trong hiện thế này. Ví dụ người bị nghiện thuốc phiện, cờ bạc, đâm chém... có thể những hành động xấu ấy là do cái Nghiệp xấu từ kiếp trước phát khởi ra hiện hành, nhưng nếu người ấy biết nỗ lực tự cai thuốc, ăn năn hối cải tội lỗi, trở lại làm người lương thiện, thì những Nghiệp xấu ấy lần lần sẽ tiêu tan, Những hạt giống xấu trong Thúc Thủ Tám hoàn toàn bị tẩy đi thì người ấy sẽ tạo được những hạt giống tốt cho hiện tại và trong tương lai nữa.

Để làm sáng tỏ thêm cho vai trò, bản chất của Thúc Thủ Tám trong việc tàng trữ Nghiệp và Nghiệp dẫn tái sanh, xin trích dẫn bài tụng trong Bát Thức Qui Cũ của Ngài Huyền Trang, như sau:

"Hạo hạo tam tàng bất khả cùng
Uyên thâm thất lãng cảnh vi phong
Thọ huân trì chủng căn thân khí
Khử hậu lai tiên tác chủ ông"

Như Tạng: Việt dịch:

Vời vợi ba Tàng thật khôn cùng
Vực sâu gió cảnh bảy lần sóng reo
Gom nhận giữ chủng căn thân khí
Tối trước đi sau chủ lối về.

Bài thơ trên câu đầu có từ "ba Tàng" nghĩa là "Năng Tàng (Thúc Thủ Tám có công năng chứa tất cả các hạt giống), "Sở Tàng" (Thúc này là nơi để tất cả các Pháp hiện hành huân tập vào), "Ngã Ái Chấp Tàng" (Thúc Thủ Bảy chấp Kiến Phần của Thúc này làm Ngã, làm người chủ khả ái không buông thả).

Vì thể và dụng của Thúc Thủ Tám sâu rộng vô cùng nên gọi là vời vợi khôn cùng. "Gió cảnh" ý nói các cơ quan (Căn) khi tiếp xúc với cảnh vật bên ngoài (Cảnh) có sự tham dự của Ý Thức (Tác Ý) sẽ gây nên Nghiệp và Thúc Thủ Tám tàng trữ Nghiệp dưới dạng thức hạt giống (chủng tử). Như vậy Gió Cảnh là chỉ cho sự tác động của bốn duyên (căn, cảnh, tác ý, chủng tử) sẽ khiến cho Bảy Sóng tức là: Nhân Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, Ý Thức và Mạt Na Thức khởi lên tác dụng phân biệt.

Thúc Thủ Tám có những công năng duy trì Chủng Tử, Căn Thân và tất cả ngoại cảnh (tức là "Khí") và tất cả các pháp hiện hành huân tập vào.

Thúc này còn đóng vai trò chủ nhân trong việc dẫn Nghiệp tái sanh ở đời sau vì khi thọ thai Thúc này tới trước và khi một con người chết đi thì Thúc này rời khỏi thân xác sau cùng ● (Còn tiếp)



Người về nuông cánh của không

(Viết cho nhà văn Nguyễn Văn Ba,
đã về cõi An Lạc ngày 14.8.1998)

Người về gần với chân như
Buồn vui thôi cũng già từ mà thôi!
Nụ cười vừa đọng trên môi
Cũng tan như hạt sương rơi âm thầm

Người về thoáng động phù vân
Bao phen ảo mộng, mấy lần phù du
Bây giờ mãi đến thiên thu
Bụi mù trong cõi hoang vu vẫn còn

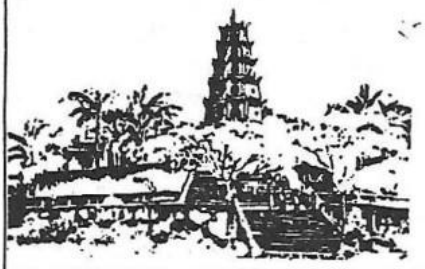
Người về trăng khuất đầu non
Chút thương, chút nhớ hao mòn dung
nhân
Cánh hoa thương tiếc cũng tàn
Trầm hương từ cõi nhân gian vẫn
nồng

Người về nương cánh của Không
Thân danh đã hết còn trông đợi gì
Một đời theo cánh chim di
Dấu chân đã mờ hẳn vì nghiệp
duyên

Người về ru giấc ngủ yên
Ngàn năm trôi hẳn đã quên hết rồi
Từ sinh, sinh tử luân hồi
Từ trong tiền kiếp bao đời hóa duyên

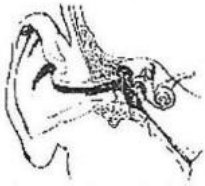
Người về vui với an nhiên
Nụ cười tự tại trên miền hư không...

● Tùy Anh
(Thất Sơn, 31.8.98)



Viễn Mộng

Anh say mê, đốt đèn đom
đóm
Ôm mây trời nghe phảng
phất hương què
Ngọt môi hôn, tình thuở
nhỏ vụng về
Rời bình tĩnh, sao trời
đầy giấc ngủ
Nửa vầng trăng ngoài
kia còn ấp ủ
Mộng xử người thương
cát bụi què hương
Một lời yêu theo từng
vạn nẻo đường
Nghe quận thất nổi
niềm người xa xứ
Em, em đâu? Cuộc đời
trong mộng lữ
Anh đi tìm.. Ôi vẫn mãi
xót đau!



Thân thể con người

◆ Cú si Tâm Quang

(Tiếp theo)

Quan Sát LỔ TAI

"Tai" là "căn" của nhĩ thức. Cũng gọi nó là nhĩ quan tức là cơ quan cho sự nghe biết.

"Nhĩ Quan" thu những tiếng động lớn nhỏ xa gần, thu những tiếng nói, tiếng hát, tiếng âm nhạc và các tiếng dội của thế giới vật chất, gọi chung là "Thanh Trần".

Nhĩ Thức chẳng những nghe được các Thanh Trần, mà nó còn nghe được những tiếng nói siêu việt hơn Thanh Trần nữa. Đó là những tiếng nói nội tâm, tiếng của sự "yên lặng".

Nhĩ Thức nhờ có Nhĩ Căn mà có. Vậy chúng ta cũng cần quan sát "Căn" này để được biết nó một cách rõ ràng.

Theo như Sinh Vật Học (Biologie) thì Nhĩ Căn chia ra làm 3 phần, mỗi phần gồm một bộ phận, gồm có:

Thứ nhất: Bộ phận *Vành Tai* gọi là ngoại bộ. Bộ này cũng gọi là *Loa Tai* (Le Pavillon). Nó dùng để thu hút những tiếng động và đồng thời làm cho lớn thêm lên.

Loa Tai dài ra phía dưới, có một bộ phận dính liền với nó, gọi là *Hoa Tai* hay là *Trái Tai* (Lobe). Bộ phận này cũng quan hệ cho cái nghe vì nó tập trung nhiều *Tiểu Trụng Giác Quan* (Bâtonnets de sensibilité).

Phía trong vành tai có mọc nhiều lông cứng để làm thành một cái phễu lọc (Filtre) ngăn không cho bụi hay nước lọt vào bên trong trung bộ của Tai. Nó cũng chặn được các luồng ác khí không cho xâm nhập được vào đầu não con người.

Loa Tai và *Vành Tai* tuy có nhiều diệu dụng phi thường, nhưng không phải là hoàn toàn cần thiết. Vì nếu giả sử bạn bị một tai nạn làm cho mất đi *Loa Tai*, thì trên mặt thẩm mỹ *Tai* bạn sẽ bị mất cái đẹp, nhưng bạn vẫn nghe như thường, không vì sự mất mát này mà cái nghe bị mất theo.

Nên biết ngoại bộ của *Tai* chỉ bổ ích cho cái nghe trong việc thu được những tiếng quá xa hay quá nhỏ vào thính giác quan mà thôi.

Kế đến là bộ phận nằm giữa tai gọi là *Trung Bộ*. *Trung Bộ* của tai gồm có *bộ lông mi* (Partie Ciliée). Đó là một bộ phận có mọc nhiều lông nhỏ (Cils). Bên dưới bộ lông mi này có nhiều *tế bào cảm giác* (Cellules sensorielles). Bộ lông mi lại nằm trên bộ phận chánh của nhĩ quan, có hình như con Ốc Sên (Appareil Cochlairé).

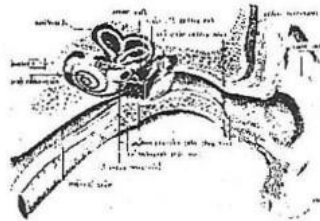
Máy tổng tin này thu và chuyển tất cả những Âm Bá Động vào nội bộ của Nhĩ Căn, để bộ phận này cô đọng lại, làm thành một *thụ ám* (một trong 5 ám trong con người) (Formation d'Agglomération) để cho con người sự sống.

Nhiều lúc bất không có tiếng động ở bên ngoài mà chúng ta cũng vẫn nghe có tiếng kêu trong tai, đó là bộ phận Ốc Sên có sự sống động đang làm việc, phát âm trong lỗ tai (Otoémission). Bộ phận Ốc Sên này lại có những ngoại mi (Cellules Cilliales Externes) có sự co giãn tự động làm rung chuyển bộ Ốc Sên, khiến cho bộ phận này phát ra âm ba mà chúng ta nghe được trong tai. Những âm ba này cũng được ghi ký vào não bộ, và có sự ghi âm cục bộ (Tonotopie).

Năm 1980, tại Montpellier có một nhóm nhà vật lý học đã phát hiện ra trong bộ phận Ốc Sên có 4 sự dính dáng với nhau và hỗ

tương với nhau để làm thành Thính Giác, và xác nhận là Nhĩ Thức của con người chiếm phần quan trọng lớn lao trong việc hiểu biết.

Hoàn thiết đồ của Lổ Tai



Bộ phận ốc sên

Ốc Sên (La Cochlée) là nơi trung tâm mà các tiếng động được truyền vào não bộ (Hình chụp qua ống kính hiển vi)

Phía sau đó là phần nội bộ của Thính Giác (Lổ Tai)

Nội bộ Thính Giác nằm phía sau bộ phận Ốc Sên

Việc nghiên cứu để biết rõ bộ phận này hiện nay chỉ mới biết vào giai đoạn đầu. Đó là việc nghiên cứu về "Hệ thần kinh tế bào nằm trong máy tổng tin Ốc Sên" (Neurochimie Cochlaire).

Việc nghiên cứu nhằm việc tìm hiểu cách chuyển các tín hiệu vào não bộ như thế nào để cho các tín hiệu ấy có thể phân tích ra từng loại được.

Nhờ sự nghiên cứu này mà các nhà Bệnh Lý Học (Pathologie) mới biết được tung tích của bệnh Điếc. Khi tai bị điếc, thì con người trở nên bất cụ, vì nhĩ thức là một thức rất quan trọng cho việc học đạo và việc tu hành.

Nhĩ Căn (tức là Lổ Tai) có sự cấu tạo như thế nào

Không nói đến bộ phận ngoại bộ, tức là vành-tai, loa tai, thì nhĩ căn gồm ở bên trong: Hai bộ phận chánh là trung bộ và nội bộ, ghép lại với nhau như một, nhưng chúng vẫn có hai nhiệm vụ khác nhau: Một bộ phận chủ về cái Nghe, và một bộ phận chủ về việc quân bình cách hoạt động.

Phần nội bộ của Tai thật là kỳ lạ. Nó chỉ lớn bằng một hạt dẻ, mà có được một số đường dây truyền tin nhiều bằng số đường dây điện thoại trong một trung tâm điện thoại của một thành phố cỡ lớn. Phần nội bộ này chủ về cái nghe.

Phần trung bộ gồm có một cái ống, gọi là Thính Quán (La trompe d'Eutache), nối liền với cổ họng, để cho không khí được lưu thông vào tai trong, chủ việc thông hơi và quân bình được sức ép của màng tan khi nhĩ căn hoạt động.

(Biết qua các cách cấu tạo của Nhĩ Căn như trên, để biết vì sao phải bảo trọng Tai, để biết phần nào là phần quan trọng để chăm sóc và giữ gìn).

Nhĩ Căn được ví như con dao có hai lưỡi, bên nào cũng sắc bén cả.

Nếu muốn tự cứu thì phải biết dùng nhĩ căn trong việc nghe đạo, nghe những thanh cao, nghe những lời khuyên chánh đáng, đó là biết dùng cái sắc bén lưỡi dao nhĩ căn, chặt đứt những sự trói buộc mình vào chỗ luân hồi.

Không nên mê làm ham lời dịu ngọt nhưng sai quấy, đưa mình ra xa cái tánh *bản lai thường trụ* của nhĩ căn, để chạy theo sự sanh diệt của các Thanh Trần, đắm nhiễm với tiếng đàn giọng hát, hoặc mê lụy vì các thuyết sai lầm như thuyết thịnh sanh, thịnh hiện, các danh ngôn biến thể, sai sự thật, v.v... Như vậy là đã dùng sức bén của lưỡi dao nhĩ căn cắt đứt sự giải thoát của mình.

Phải ở trong *bản tánh thường trụ* của nhĩ căn.

Bản tánh thường trụ của nhĩ căn không sanh, không diệt, không có, không không. Nó không có Năng (chỗ phát ra) và không có Sở (chỗ nhận).

Nhưng vì vô minh (không có sự sáng suốt) nên chúng sanh bỏ mất cái bản tánh thường trụ đó, để tạo ra các Tướng Năng Văn (Biết nghe) và Sở Văn (Bị nghe). Hai cái tướng này luôn luôn làm sự "đối đãi" với nhau để cô đọng, có tịnh, có những cái không tồn tại. Cái nghe vì vậy mà thành ra hư huyền không có tánh cách chân thật, như hoa đóm giữa trời.

Người học đạo phải biết phân biệt cái thật và cái giả để hưởng tánh nghe của mình cho đúng chỗ. Phải biết hưởng cái tánh nghe của mình đến chỗ thanh tịnh, đến chỗ bản lai thường trụ, chân thật.

Ngày Phật còn tại thế, Ngài muốn giúp cho những người học đạo biết được pháp môn thuận hợp cho việc tu hành để có mau được Phật quả, nên Ngài mới bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, lựa trong các thức, coi với thức nào người tu có thể dùng để triển khai cái biết của mình, chứng mau đạo quả.

Sau khi dẫn dắt và lựa chọn, Ngài Văn Thù bạch lên Phật rằng:

"Kính bạch Đức Thế Tôn. Phật ra đời trong cõi Ta Bà, dùng lời chân thật nói pháp độ sanh. Thanh tịnh ở lời nói, và phải thanh tịnh chỗ nghe. Muốn chứng được Tam Ma Đề, phải biết dùng Nhĩ Căn".

Ngài Văn Thù Sư Lợi biết rằng Phật đã dùng lời nói chân thật để truyền pháp và chúng sanh đã dùng "Tai" để nghe pháp và để tu hành chứng đạo, cho nên Ngài đã dành cho Nhĩ Thức cái địa vị tối thắng trong việc luyện đạo.

Ngài Văn Thù cũng có bạch thêm rằng: "Như lời của Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, thì người ở chỗ yên lặng có thể nghe rõ được tiếng trống khắp trong mười phương của người đánh trống, như vậy là nhĩ căn có sự viên dung cùng khắp, hơn hẳn các căn khác trong con người. Nếu so sánh nhĩ căn với các căn khác, thì khi cách tường, nhãn căn không thể thấy, cho đến thiệt căn, tỷ căn, thân căn một khi có sự ngăn cách thì đều không thể có cái biết được".

Tóm lại, tất cả các căn của con người đều không bằng được nhĩ căn, và nhĩ thức là thức "Thông Chân Thật".

Khi có tiếng động, có thanh trần thì nhĩ căn nghe. Nhưng khi không có tiếng, không có thanh trần thì nhĩ thức cũng có sự nghe.

Tánh nghe không do sự có tiếng mà sanh ra, không diệt vì sự không có tiếng. Không sanh, không diệt nên nhĩ căn mới thông được chân thật.

Người ta thường lầm tưởng là không có tiếng là mất tánh nghe, nhưng mất tánh nghe thì làm sao biết được "không có tiếng"?

Tánh nghe, nghe được khi có tiếng, và cũng nghe được khi không có tiếng. Vì vậy mà nhĩ thức được thường trụ, không vì Có hay Không có mà bị thay đổi.

Dù cho trong giấc ngủ, ý thức chẳng có sự hoạt động, mà tánh nghe cũng vẫn như nguyên. Cho nên trong giấc ngủ nếu có vật đụng vào tường thì mình nghe, mà nghe lớn hơn là đang khác, làm cho tỉnh giấc.

Bản tánh của cái nghe ở ngoài sự phân biệt. Vì vậy mà trong sự phân biệt không có căn nào qua được nhĩ căn.

Trong thời Thủ Lăng Nghiêm, Phật có hỏi Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát: Làm thế nào để tu chúng về tánh nghe?

Bồ Tát đã bạch với Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Tôi đã dùng sự màu nhiệm của đạo pháp để làm cô đọng lại cái nghe rồi tu theo đó. Nhờ tu theo pháp cô đọng cái nghe mà tôi nghe rõ được các tiếng kêu cầu của chúng sanh khắp cả mười phương, đem công đức vô lượng đến cứu độ cho họ. Phải biết tự nghe rồi mới nghe đến sự niệm tưởng của chúng sanh, để khi cái nghe cùng dung thông với nhau, mỗi thấu cảm được lòng mong cầu của họ".

Cái nghe của Đức Quán Thế Âm là cái nghe của tự tánh bản lai, nó cũng như Tánh Nước.

Nước biển, nước sông, nước ao hồ, nước mưa hay nước trong chén, Tánh Nước đều như nhau, dung thông được với nhau.

Trong thời mật pháp, sự tu hành có nhiều mật duyên làm cho nao loạn tâm thức, khó mà vượt qua khỏi các sự thử thách.

Biết được việc này, Đức Thế Tôn đã lập ra Pháp môn Tu Niệm Phật, niệm niệm, tai nghe, tâm được chinh đốn.

Cái nghe đem câu niệm Phật ghi vào A Lợi Da Thức, lâu ngày thức này chuyển được tâm ý đến chỗ thanh tịnh. Vì vậy mà nhĩ thức là một lợi khí cho việc tu hành ở thời nay.

Từ ngàn xưa, Lỗ Tai đã cô đọng được nhiều sự mê tín về tướng số và về các biểu hiệu của sự sống.

Như người ta cho rằng những người có "vành tai nhỏ", là những người có số "Yếu" (không thể sống lâu), và bị sắp vào hạng "bùn xin, bần tiện, gian lận". Còn những người có "vành tai lớn, và chĩa về phía trước" thì tánh tình không khác gì người có vành tai nhỏ, nhưng có chút ít độ lượng, mà lại hay thô tháo.

Người ta lại tin rằng khi lỗ tai tự động phát ngửa bên trong, là có điềm người khác đang nói đến mình: nếu ngửa bên tai trái thì họ đang nói tốt cho mình, mà ngửa bên tai phải là họ đang nói xấu mình. Nếu lỗ tai trái có sự nhúc nhích là điềm có người muốn hại mình. Vì vậy mà người Hy Lạp và nhiều dân tộc khác đều tin rằng lỗ tai là trung tâm của trí khôn.

Nhưng ngày nay, với sự nghiên cứu khoa học, thì sự hiểu biết về hình dáng con người có khác.

Hình dáng bên ngoài của con người được gọi là "Tướng" chỉ là những sự khác biệt chỉ rõ tung tích của một người, từ thân thể đến lỗ tai, chỗ không nói lên số mạng hay tánh tình của con người ấy, cũng như những điềm xấu tốt do lỗ tai phát hiện ra.

Trong các huyền thoại về tai, có lẽ chỉ có việc này là nên thơ hơn cả: đó là lấy một vỏ ốc để áp vào lỗ tai thì nghe được tiếng nói của đại dương, tiếng sóng vỗ ầm ỉ của biển cả. Nhưng sự thật thì không phải là tiếng của biển, của đại dương, mà là tiếng dội của nội bộ tai khi có tiếng của bộ phận ốc sên hoạt động.

Đến lúc tuổi già, thì cái nghe tự nhiên bị giảm, vì tấm màn "cổ mạc" nằm trong tai bị dùn lại. Những người bị bệnh "bán thân bất hoại" cũng bị giảm cái nghe.

Các chứng bệnh đau tai (Otagie) xảy ra ở lỗ tai bị sưng, bị bệnh men nấm, bị sưng cổ họng, bị hầu hạch (Amydale), bị bệnh lỗ gần não bộ (Zona), các bệnh trong hệ thống thần kinh, tóm lại là tất cả các chứng bệnh đau tai đều cần đến bác sĩ khám liền, hầu tránh những hậu chứng về tai rất nguy hiểm cho cái nghe.

Cũng có những lúc cái nghe bị giảm mất ở một bên tai, có khi vì đau nhức, và cũng có khi vì ống nhĩ quản (Conduit auditif) bị trít vì "cứt ráy". Nếu vì đau nhức thì phải đi bác sĩ, và nếu vì "cứt ráy" trám, thì có thể tự váy lỗ tai bằng một cái móc nhỏ, hay củ để cho các lông mi (Cils) trong nhĩ quản đẩy lần cục "cứt ráy" (Cérumen) ra ngoài. Tuyệt đối chẳng nên nhỏ một thứ thuốc nào vào tai.

"Cứt ráy" là một thứ dịch tuyến do nhĩ quản tẩm ra đóng lại như sáp ong. Dùng ham "váy tay", vì càng váy thì chất này càng mau sanh và nhĩ quan sẽ bị trám đầy.

Đơn vị tiêu chuẩn dùng để đo tiếng động gọi là "Décibel" (một phần mười của tiếng đồng hồ reo). Âm giai lọt vào tai chỉ có 10 Décibels. Mỗi một khối 10 Décibels tăng lên là cường độ của âm giai đã tăng lên gấp 10 lần: Như một âm giai có 40 décibels thì có sức mạnh 10 lần hơn một vật có âm giai 30 décibels. Nếu kéo dài một tiếng động có 80 décibels trong một khoảng thời gian khá lâu, có thể làm điếc được tai (Vi theo như sự nhận xét của một chuyên môn về tai, thì các tế bào của mi bộ không chịu được sự ồn ào của đời sống văn minh hiện đại) ●

Kỳ tới:

Quan sát TỶ CĂN (Lỗ mũi)

AUF DEUTSCH

WEG OHNE GRENZEN

■ Thich Nhu Dien

(Fortsetzung und Ende)

Die Congregation hatte die Mönche damals ins Ausland zum Studieren geschickt in der Hoffnung, daß dies zur Entwicklung des Dharmas in Vietnam sowie im Ausland beitragen könne. Es waren wenige Nonnen in Japan. Nur eine einzige Nonne, mit Dharmanamen *Mandala*, studierte im Jahre 1964 Buddhologie an der Universität Komazawa. Sie lebt jetzt in Frankreich und arbeitet für die kommunistische Regierung Vietnams. Deshalb haben wir keinen Kontakt mit ihr. Die Nonne *Nhu Chinh* war 1975 in Japan und lebt jetzt in den USA. Die *Hochehrwürdige Nonne Vinh Buu* war eine Zeit in Japan, um Meditation zu studieren. Aber sie ist schon gestorben. Später waren *Herr Tran Duc Giang* und *Herr Nguyen Quang Duc*, die früher in Japan studiert hatten und schon lange in Japan lebten, in die Hauslosigkeit gegangen, zu den Sekten in Japan. Es gab auch einige Mönche und Nonnen, die geflüchtet waren und vom Schiff gerettet und hierher gebracht wurden. Aber sie blieben nur kurze Zeit in Japan und kamen dann in andere Staaten, wie der *Ehrw. Thich Nhu Hue*, *Reverend Thich Minh Nhan* und die *Nonne Dieu Tu*.

Japan hat viel gutes und auch nicht wenig schlechtes. Aber wir sollen nur das Gute lernen, um es als Gepäck unseres Lebens zu nutzen. Denn damit werden die buddhistischen Tätigkeiten wertvoller sein. Im Verhältnis zu den anderen Ländern, in die die Congregation unsere Mönche

geschickt hatte, wie Indien, Sri-Lanka, Thailand, Taiwan, USA, England und Deutschland, war in Japan die Zahl der Mönche ziemlich hoch, und die Mönche hatten viel Erfolg. Zwar hatten die meisten Mönche den Doktor-Titel nicht erreicht wie alle Mönche in Taiwan und in Indien, aber mit dem Diplomzeugnis oder dem höheren Abschluszeugnis hatten die Mönche in allen Bereichen über die Beziehung zwischen Buddhismus und dem weltlichen Leben viel erreicht.

Ich kam wieder nach Japan, diesmal, um zu sehen, ob die Pfirsichblüten voll erblüht waren und allmählich in den Nachmittag gingen. Denn nach 10 Jahren sahen alle Menschen viel älter aus, im Verhältnis zu der heranwachsenden jungen Generation. Diese jungen Menschen besuchten damals, als ich nach Japan kam, die Grundschule, und jetzt sind sie bald fertig mit dem Studium an der Universität. Ich fühlte mich viel älter und wurde stiller. Ich war aber nicht mehr bekümmert und nachdenklich, weil ich sah, wie bedeutungsvoll und wunderbar es hier war!

Noch dazu verändert die Zeit, das Leben, die Gedanken, die Menschen, sogar auch die Gesichtspunkte des Lebens. Damit meine ich nicht die Reform des Vietnam-Buddhismus im Ausland, sondern, daß die Auffassung der Menschheit sich verändert, wie die Pfirsichblüten mal blühen und mal welken. Die Blüten in diesem Jahr sind bestimmt nicht so wie die Blüten im nächsten Jahr, obwohl die Blüten vom selben Stamm kommen.

Das Flugzeug fliegt und meine Gedanken sind zahlreich und einmütig. Sie tanzen in der Luft, angewiesen auf die magische Kraft der Götter, die die Gedanken an einen fremden Ort zu überbringen vermögen. Auf der Route von Tokyo über Hongkong und Singapur nach Holland und Deutschland überfliegt das Flugzeug Vietnam, und ich möchte mit eigenen Augen meine liebe Heimat Vietnam tief unter mir wiedersehen. Aber in 10.000 m Höhe konnte ich nur die weißen Wolken und das klare Wasser sehen. Meine Heimat ist zur Zeit immer noch unterdrückt. Mein Großmeister ist sehr bekümmert und leidet, und meine Dharma-Freunde haben auch keine Freiheit, den Glauben auszuüben. Allein diese Gefühle bringen mir viele schlaflose Nächte. Früher sagte es die Stewardess immer an, wenn das Flugzeug über Vietnam flog. Jetzt aber verbreiten die 2 Wörter Viet-Nam in

der ganzen Welt Schrecken, sodaß die Stewardess sie nicht mehr mitteilt!!!

Das Vietnam des Krieges, das Vietnam der Not, das Vietnam der Nachbarinvasion usw. Oh! Die Tränen der Mutter Vietnam sind tausendmal geflossen! Oh! Die Knochen und das Blut von Vietnam haben viele Meere vollgefüllt! Bis wann denn können die Kommunisten in Vietnam ein Einsehen haben in voller Toleranz und Offenheit!

Nach 15 Tagen in Thailand, Hongkong und Taiwan sowie 21 Tagen in Japan kam ich wieder in das immer kalte Land zurück und brachte viele frohe Nachrichten für die Buddhisten.

Ich hatte diese Reisebeschreibungen von 1980 an bis heute, 1987, geschrieben. Insgesamt 8 Jahre lang. Jedes Jahr wurden sechs Abschnitte daraus in der VIEN GIAC Zeitschrift abgedruckt, die regelmäßig alle 2 Monate erscheint. Eigentlich wird der Bericht "Der Weg Ohne Grenzen" weitergehen, wie der Titel schon sagt. Nicht wahr, meine Damen und Herren? Aber um die Stimmung zu wechseln und damit das Buch erscheint nach 8 Jahren, hatte ich es immer im Sinn, auf dem Schreibtisch, in der Erinnerung usw. Deshalb muß ich hier anhalten, und dies könnte man eine provisorische Grenze nennen. Irgendwann aber werde ich den Weg fortsetzen mit dem einen oder anderen Artikel.

Durch 8 Jahre hindurch, mit Regen und Schnee, hatten viele Leser den Berichten Aufmerksamkeit geschenkt und sich immer wieder nach meiner Reisestrecke erkundigt, um uns zu trösten und Beifall zu spenden für den Weg der Dharmaausübung. Durch so viele Bezeugungen von Mitgefühl und Sympathie der Leser überall von Buddhisten und Nichtbuddhisten, habe ich viel Freude und Schwung erhalten.

Binnen 10 Jahre in Deutschland hatte ich 8 Bücher veröffentlicht, und dieses Buch ist mein 8. Werk. Also wurde jedes Jahr durchschnittlich ein Buch herausgegeben. Die normalen Menschen haben Familie und Kinder, und für sie ist dies eine Freude. Und ich, ich habe die Freude eines Schreibers. Obwohl ich kein Schriftsteller bin, gebe ich mir Mühe, alle Ereignisse in meinem Leben zu notieren, während ich den Glauben ausübe. Vielleicht gibt es eines Tages jemanden, der die alten Schritte wiederfinden möchte, und er kann weiterkommen, wenn er über diese Ereignisse nachliest. Schöne Paläste,

riesige Pagoden, hohe Positionen und der gleichen Dinge können nicht die Geschichte überdauern, auch wenn es möglich ist, daß sie hundert Jahre so existieren. So ist es mit den nichtsprechenden Dingen. Aber ein Buch, ob es schlecht ist oder gut, wenn es überdauert, dann ist es schon Zeuge der Geschichte. Deshalb muß ich es schreiben.

Vor 11 oder 12 Jahrhunderten gingen die Hohen Mönche Fa Xi und Hüang Tsang nach Indien, um die Heiligen Schriften für China zu erwerben und ihre Kenntnisse über das Dharma zu vertiefen. Wenn sie nicht alle Geschehnisse, Erlebnisse und die Erinnerungen notiert hätten, dann hätte in der heutigen Zeit die Menschheit keine genaue Kenntnis mehr über das Geschehen damals, falls sie auf der Suche nach der damaligen Geschichte ist.

Wir haben überlegt, daß der Buddhismus früher nur in Asien Fuß faßte, weil die Verkehrsmittel und die Möglichkeiten zur Gedankenübermittlung begrenzt waren. In der heutigen Zeit breitet er sich auch in Europa aus. Durch die Zivilisierung der Menschheit werden Fortschritte erreicht und die Gedanken werden entwickelt. Daher denke ich bei mir, daß der Buddhismus in Europa etwas Besonderes, Charakteristisches sein sollte, das man aufschreiben muß. Der Buddhismus ist eine der Religionen, die gegen Ende dieses 20. Jahrhunderts nach Europa gebracht wurden.

Vietnam ist ein Land mit einer alten Zivilisation und einem Buddhismus, der über 18 Jahrhunderte währte. Aber Vietnam hatte viel Unglück durch den Krieg. So breiten Tod und Haß sich überall aus in diesem lieben Land. Wenn es keinen Krieg gäbe, wären wir auch nicht hier. Natürlich ist der Einfluß des vietnamesischen Buddhismus in diesem Land noch nicht besonders groß.

Früher sahen die Europäer unsere asiatischen Länder und fanden sie alle sehr ähnlich und kaum unterscheidbar. Aber jetzt verstehen die Europäer viel über Asien. Und damit sie uns jeden Tag mehr verstehen, müssen wir unbedingt die Kultur sowie die Religionen miteinander bekanntmachen, um ein tiefes Verständnis herzustellen. Meine Heimat, von DONG VAN bis zum CAP CA MAU, hat ungefähr 2.500 km Länge, viele Flüsse, viele Gebirge und

viel Meer, die Stadt HANOI mit 36 Stadtvierteln, die Kaiserstadt HUE mit vielen geheimnisvollen inneren Palästen und SAIGON prächtig und imposant. Aber ich hatte nicht die Möglichkeit, überall zu reisen und die alten Paläste zu besichtigen. Während ich im Ausland wieder die Möglichkeit habe, viel zu reisen, überall in die USA, nach Asien oder nach Europa. Nach 5 Jahren in Japan war ich fast überall in diesem Land und nach 10 Jahren in Deutschland war ich auch wieder überall. Und hier sind einige Städte, in die ich schon gekommen war, vom Norden bis zum Süden. Die ersten Regionen von der oberen Grenze Deutschlands sind es Flensburg, Kiel, Neumünster, Plön, Lübeck, Stade, Norddeich, Emden, Coppenburg, Pappenburg, Hamburg, Salzburg, Bentheim, Osnabrück, Bad Iburg, Georgmarienhütte, Hagen, Rheine, Berlin, Bielefeld, Stadthagen, Uelzen, Lüneburg, Celle, Friedland, Göttingen, Hildesheim, Dortmund, Barntrup, Detmold, Münster, Recklinghausen, Mönchengladbach, Bochum, Essen, Neuss, Düsseldorf, Aachen, Düren, Jülich, Dorsten, Bonn, Köln, Koblenz, Kassel, Gießen, Frankfurt, Wiesbaden, Saarbrücken, Mannheim, Karlsruhe, Pforzheim, Stuttgart, Münnersstadt, Rotterhausen, Schweinfurt, Reutlingen, Fulda, Sindelfingen, Tübingen, St. Georgen, Fürth, Erlangen, Nürnberg, Augsburg, Ulm, München, Bodensee usw. Das waren fast 70 Städte in der BRD, in denen ich schon mal war. Sie blieben mir in Erinnerung und die, an die ich mich nicht erinnere, waren vielleicht nochmal ebenso viele.

Früher war ich bekannt, für ein gutes Gedächtnis und gute Auffassungsgabe. Jetzt habe ich nicht mehr so viel Talent wie früher. Es liegt aber nicht daran, daß der Geist nachgelassen hat, sondern in der Kindheit hatte man weniger Arbeit und dabei lernte man auch viel schneller. Als Erwachsener hat man so viel Arbeit, wie ein vollgefülltes Glas Wasser, in das kein Wasser mehr zugegeben werden kann. Ab und zu mal versuchte ich, nachzuprüfen, ob mein Gedächtnis noch so gut wie früher war. Dabei fand ich, daß es immer noch so gut war. Auf einem weißen Papier wird man einen kleinen Tintenfleck sofort sehen. Aber auf einem farbigen Hemd oder einem schmutzigen Kleid kann man ihn sehr schlecht erkennen. Viele Menschen sagten, daß man in die Pagode geht, wenn man alt wird. Es wäre schade, wenn dies so ist. Man sollte die Pagode auch besuchen, wenn man

jung ist. Das ist meine Meinung. Offenbar kann ein Mensch im hohen Alter einen tugendhaften Lebenswandel führen. Aber dann ist man sehr vergeßlich, außerdem noch stumm und mit gebeugtem Rücken schafft man es nicht, die Verantwortung eines Buddhasohnes zu erfüllen. Deshalb gab Buddha den älteren Leuten (über 60 jährigen) seine Zustimmung, daß sie Mönch werden konnten, aber dabei keine Sittlichkeitsregeln einhalten brauchten.

Wenn jemand in seinem jugendlichen Leben keinen standhaften Glauben hat und er alles Talent und alle Fähigkeiten sowie alle Kräfte benutzt, um einen tugendhaften Lebenswandel zu führen, und seinem Ideal zu dienen, dann ist es bewunderswert. Anstatt dessen genießen wir aber das weltliche Vergnügen bis unsere Körper verstümmelt sind. Dann suchen wir die Zuflucht in der Pagode, um die weltlichen Bindungen zu meiden. Wäre dann der Buddhismus nicht pessimistisch, abgetrennt vom Leben und unnütz für die Gesellschaft?

Viele Personen sahen, daß der Sohn einer Familie in die Hauslosigkeit ging und sagten auch dazu, daß diese Familie großes Wohlergehen hatte. Aber wenn ihre eigenen Kinder denselben Weg gingen, sagten sie wieder, daß ihre Kinder noch ein paar Jahre abwarten sollen. Das ist nur eine Verzögerungstaktik, denn danach verbieten sie, daß die Kinder das Dharma lernen. Den Weg in die Hauslosigkeit gehen ist eine große Ehre, das wissen alle Menschen. Aber nur wenn diese Ehre dem anderen gehört, aber nicht dem eigenen Kind, dann wünschen sie es.

Früher gab es in Vietnam viele, die Mönche werden wollten, unglücklicherweise ertrugen sie nicht mehr das klösterliche Leben und mußten in das weltliche Leben zurückkehren. Aber unter den Menschen war es nicht einfach, zu leben, weil sie von der Umgebung verspottet oder angeschwärzt wurden. Ich habe eine andere Meinung nach vielen Jahren im Ausland. Natürlich muß das Ziel die Vollendung sein, aber die Meinung muß geändert werden. Wenn wir die Mönche zwingen, daß sie lebenslanglich das klösterliche Leben führen und sie es nicht schaffen können, was ist dann? Sollen sie weiter in der Pagode leben oder sollen sie wieder zurückkehren ins normale Leben? Wenn sie noch in der Pagode bleiben, wäre ihr Gewissen glücklich, weil der Weg in

die Hauslosigkeit nicht mehr weiter verfolgt werden muß. Meiner Meinung nach sollen wir die Mönche ermutigen, damit sie ihr Ideal zur Vollendung bringen. Und wenn sie nicht mehr mitmachen möchten, sollen sie die Pagode ohne Beurteilung verlassen. Das Führen eines tugendhaften Lebenswandels in dieser Zeit ist schon wertvoll, und diese Person ist bewundernswürdiger als die, die es noch nicht geleistet hat. Warum haben wir dann kein Verständnis für sie? Wir müssen sie ermutigen, obwohl sie nur für eine kurze Zeit in der Pagode weilen. Die Thais, die Kambodschaner und die Laoten haben die Vorstellung, daß die Person, die eine Zeit in der Pagode lebte, später gesegnet sein wird. Und danach können sie eine Familie gründen. Und unsere Auffassung ist einfach sehr streng. Ich wünsche, daß unsere Buddhisten die alte Meinung ändern und die neue annehmen, damit die Mönchswärter etwas erreichen könnten.

Ich habe nicht die Absicht, den vietnamesischen Buddhismus zu reformieren, weil es keinen Grund gibt, ihn zu verändern, außer den engstirnigen und strengen Auffassungen unserer Buddhisten. Wahrscheinlich hat jeder von uns eine Art von Moral, ein eigenartiges Lebensrecht. Aber wir hoffen, wenn das Recht zu leben und das Recht Mönch zu werden bei einem Buddhisten dazugehört, dann sollen wir dies so lassen.

Aus solchen Gründen nehme ich meinen Schüler mit vielen neuen, offenbar und freiwilligen Bedingungen an. Die Sitten, Gewohnheiten, Ansichten usw. passen sich nur ungefähr an jedem Zeitpunkt und in jedem Staat, aber nicht unbedingt an allen Orten auf dieser Erde an. Nur die Wahrheit ist immer gültig und wertvoll. Die weißen behaupten, daß sie sehr zivilisiert, fortschrittlich, sauber usw. sind. Aber wenn sie in die Menge der Schwarzen eindringen, verliert dies an Bedeutung. Die Asiaten sind genau so. Sie können nur stolz sein, wenn sie in ihrem Land leben. Aber wenn sie aus der Heimat und deren Sitten und Gewohnheiten weggehen, wird es schwer zu sagen, was es richtig oder falsch ist.

Unsere vietnamesischen Buddhisten sind sehr nett, haben viel Gutes, aber auch ungewöhnliche Gedanken. Dadurch machen wir die obengenannten Vorschläge und hoffen, daß diese wahren Worte die

Menschen mit Dharma-Hezen nicht beleidigen.

Wir sind hier wegen des unglücklichen Machtwechsels der Kommunisten 1975 anwesend. Wir müssen auch sagen, daß im Unglück auch Glück entsteht. Deswegen sind wir, die Vietnamesen heutzutage überall auf dieser Erde anwesend. Dadurch haben die Ausländer unser Volk Vietnam sowie den vietnamesischen Buddhismus kennengelernt.

Wir haben den Bodhi-Baum aus dem warmen Land in das kalte Land gebracht. Es ist aber nicht leicht, den Bodhi-Baum einzupflanzen. Bis der Baum zu gedeihen anfängt, brauchen wir viel Mühe und Kräfte. Umgekehrt, als die europäischen Missionare damals nach Asien kamen, um ihren Glauben zu verbreiten, trafen sie auf viele Schwierigkeiten und Hindernisse. Wir können ihnen auch Verständnis entgegenbringen. Am schwierigsten war der Zeitpunkt, als die asiatischen Länder nicht offen waren, um die religiösen Gedanken von Europa zu empfangen.

Heute ist es umgekehrt, der Buddhismus ist in das Tor von Europa durch den Weg der Barmherzigkeit und der Gewaltlosigkeit gegangen. Auf die Verbreitung des Buddhismus folgen weder jubelnd erhobene Arme noch Siegesgeschrei von Soldaten in allen 4 Richtungen. Der Buddhismus dringt still bis ins Fleisch und Blut der einheimischen Bevölkerung ein. Daher ist es nicht zu viel gesagt, wenn der Buddhismus als Staatsreligion betrachtet wird.

Jetzt ist auch der günstigste Zeitpunkt, an dem die Europäer mehr über den Buddhismus im Allgemeinen sowie über den vietnamesischen Buddhismus im Einzelnen wissen. Die Wissenschaft schreitet fort, und entfaltet sich jeden Tag mehr und mehr. Ebenso wird der Buddhismus sich verbreiten. Denn die Lehreden von Buddha stimmen mit dem Charakter der Wissenschaft überein. Und sein Klerus besteht nicht nur aus den Personen, die einfach an Buddha glauben, sondern auch ein klares Denken besitzen, um die Ereignisse, die schon geschahen, und geschehen werden, zu bewerten.

Bevor diese Notizen provisorisch zu Ende gehen, muß ich mich bei den drei Juwelen bedanken. Sie segnen mich mit großem Wohlergehen, denn ich kam nach Deutschland und begegnete in zehn Jahren bei den

buddhistischen Tätigkeiten keinen Hindernissen. Die Zweige, die Blätter von dem Bodhi-Baum gedeihen immer besser.

Der Bundesregierung und der Deutschen Bevölkerung möchte ich hier auch meinen Dank aussprechen. Sie haben ihre Arme mit ganzem Herzen geöffnet, um uns aufzunehmen. Wir sind auf dem Weg zwischen Leben und Tod geflüchtet. Mittels ihrer Hilfe haben wir die Chance bis heute zu überleben, um die Lehre des Buddha zu praktizieren und zu verbreiten.

Wir danken auch allen, die ihre Aufmerksamkeit dem vietnamesischen Buddhismus schenken und schenken werden sowie allen, die uns bei der Verbreitung des Dharma Unterstützung geben.

Zum Abschluß beten wir für unsere Heimat Vietnam, damit eine Rückkehr des Friedens bald geschehen wird. Wir beten, damit unser Volk nicht wieder Feuer und Waffen, Haß und Feindseligkeit, erfährt. Wir beten, damit alle Menschen die Chance zum Überleben und die Fähigkeit zur Verwirklichung des Bodhis erhalten

Vollendet am 22.04.1987 zum Gedenken des 10. jährigen Tages meiner Ankunft in Deutschland ●



Impressum

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger
e.V)

Die Zeitschrift der-Vietnamesen und
Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in
der Bundesrepublik Deutschland

Verlag :

c/o Viengiac Pagode

Karlsruher Str.6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963
E-Mail pagode-viengiac @oln.comlink.apc.org

Herausgeber :

Congr. D. Verein Vietn. Buddh. Kirche
Redaktion :

Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-
Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)
Erscheinungsweise : 6 mal Jährlich
Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt.
Nach druck nur mit schriftlicher Genehmigung
der Redaktion erlaubt.

Trang

HOA PHƯỢNG

Hồng Nhiên phụ trách

Các em Hoa Phượng thân mến, Những chiếc lá đã úa vàng rơi rải rác và nằm bên vệ đường gọi mùa thu đến. Phong cảnh buồn buồn của đất trời không nắng lắm, mùa nhiều đã khiến cho Mặt khách, Tao nhân lằng lằng hồn mình rồi viết ra những vần thơ tuyệt diệu.

Các em nhìn ra sân trường cũng đã thấy những chiếc lá úa đang quện tròn và rơi theo qua cơn gió nhẹ, hẳn lòng các em đang có sự cảm xúc về mùa thu vàng.

Trên đất người, trong hiện tại, trước mắt các em là con đường học vấn để tạo dựng sự nghiệp tương lai, các em cần cố gắng. Ngoài ra các em còn phải có sự hiểu thảo với Ông Bà, Cha Mẹ, thuận hòa cùng anh chị em, làm việc thiện nghĩa với mọi người; bởi đó là điều cần thiết nhất. Vì dù muốn, dù không mình cũng là con người của Đông Nam Á tóc đen nói chung và Việt Nam của mình nói riêng, những tập tục cổ truyền từ đời Tổ Tiên ngày xưa để lại, là cháu con mình nên bảo quản..

Sách có câu: Nhân chi sơ, tánh bản thiện. Con người mới sanh ra đã có tánh thiện rồi, vì thế các em không thể bắt chước những kẻ gian ác, phỉnh lừa làm những việc trái ngược lương tâm mà bỏ đi bản chất đã có. Cho dù sự tiến hóa xã hội về văn minh, vật chất có thể làm đổi thay hay với bất đi sự tử thiện trong lòng con người.

Hoa Phượng thân mến chào các em.

Một người nghèo lạ

● Hồng Nhiên sưu tầm

Chàng nghèo thật hết chỗ nói, cả sự nghiệp của chàng chỉ có một mẹ già thôi.

Lâu lắm người ta mới cho chàng một cái búa để đền ơn cứu sống một em bé chết đuối.

Được búa, chàng đưa mẹ vào núi, tìm một hang đá, chàng lót rơm êm và có gió mát để mẹ ăn ở; như thế chàng an tâm

lắm. Ngày ngày chàng đi kiếm củi rồi về chợ đổi gạo, mặc dù ít tiền, chàng vẫn mua được thịt để mẹ ăn. Tu Lại, tên chàng, chẳng những lan rộng với chủ hiệu, mà người ta còn gọi chàng là tráng sĩ, vì chàng thường giúp đỡ nhân dân trong vùng, bất luận ai gặp tai nạn gì chàng thường tận lực giúp họ.

Vì chàng ở núi, nên người ta đặt chàng những món tiền lớn để bắt các thú rừng như: nai, khỉ, chồn, thỏ v.v... Tu Lại từ chối vì chàng là một Phật tử chơn chính, không bao giờ giết hại một sinh vật. Chẳng những chàng không bắt chúng mà còn yêu mến chúng nữa, càng ngày chúng quen và thường đến chỗ hai mẹ con chàng ở. Cái hang ấy bây giờ trở thành vui, hoa lạ nở hai bên, những tổ chim treo trên cành cây, tiếng chim hót líu lo suốt ngày.

Có những đêm trăng sáng, mẹ chàng tụng kinh niệm Phật, chàng ngồi một bên kết cỏ khô làm thành áo để mẹ mặc mùa đông.

Nhưng suốt sáu tháng qua, trời mưa luôn, gạo đã gần cạn, chàng rất lo ngại nếu mưa cứ kéo dài. Hôm nay trời bùng sáng, Tu Lại sung sướng quá, chàng vác búa ra đi, đến chỗ thường đốn củi, thì xa xa có bóng ba thiếu nữ. Thấy có người, ba bóng kia bỏ đi nơi khác. Chàng để bầu nước xuống và sửa soạn vào việc thì lạ thật, một chiếc trâm cài tóc óng ánh nằm ngả nghiêng bên tảng đá, không còn nghi ngờ gì nữa, chàng vội nhặt lấy, rồi chạy theo ba thiếu nữ kia trả lại cho họ. Người ta nhìn chàng với cặp mắt cảm ơn; nhưng không trả ân người tráng sĩ bằng tiền gạo được, vì người ta biết tiếng chàng nhiều lắm. Nhưng, từ đó ấy về sau, nơi hang mẹ chàng thỉnh thoảng có người đem biếu gạo và thức ăn trong lúc chàng đi làm củi vắng, củi thế, rồi một ngày kia...

Một sáng mai khi chàng còn mở màng chưa tỉnh hẳn thì có một nàng tiên đến ngồi bên chàng, nàng tiên ấy trên trời sa xuống lâu hay mau không biết, hỏi nào không hay, nhưng nàng là tiên thật, vì nàng đẹp quá, một tấm "voan" màu nước biển phủ nhẹ toàn thân, trên mái tóc xanh là một tràng hoa tươi. Chàng phải ngượng với bộ áo sơ sài của mình. Tu Lại ngồi phất dậy, hỏi: "Nàng là ai? Sao lại đến đây?"

- Thiếp là sứ nữ đánh rơi chiếc trâm cài hôm nọ, được tráng sĩ cho lại, về nhà thiếp suy nghĩ: "Ồ đời giàu sang không phải chân hạnh phúc, được gần bậc hiền nhân mới chắc chắn sống một cách của con người biết sống! Thiếp nay giàu có, của cải dư dật, không cha mẹ, chồng chết, chỉ có hai con thơ, nay thiếp đến đây nguyện theo chàng, mong chàng đừng phụ, thiếp xin thay chàng hầu hạ mẹ già và giúp chàng học hành để thành danh đức,

hầu sau làm lợi ích cho đời, nếu chàng có chấp không nghe, thiếp rất tiếc tài ba đức độ của chàng vui sâu trong hang thẳm".

Tiếng này trong và êm quá, trong như tiếng suối chảy, êm như tiếng chim kêu, nàng nói với một vẻ thiết tha thành thật. Câu chuyện mới các cổ làm sao, mỗi lời nói của nàng như rót vào tai tráng sĩ.

Tu Lại mở màng như người trong mộng, chàng suy nghĩ: "Không biết ta chiêm bao hay thật, mà nàng là người thật hay ma?" Bỗng chàng nghiêm nét mặt và bảo: "Tôi xem nàng là người đoan chính lại giàu sang là do phúc báo của đời trước đã gây tốt nhiều, còn tôi chỉ là một kẻ nghèo khổ, làm sao xứng đáng với nàng; theo tôi, một sứ nữ phụ cần phải thờ chồng, nuôi con, dạy dỗ cho con nên người, xứng đáng với ý nghĩa con người mới phải. Thiết thực hơn, tôi nay còn mẹ già, nếu tôi lập gia đình, tình yêu mẹ sẽ san sỏi, nàng còn có con thơ, nếu nàng lập gia đình, tình yêu con sẽ không còn nguyên vẹn, mẹ tôi cần có tôi mỗi vui, còn nàng cần có nàng mỗi sống. Vì vậy tôi khuyên nàng trở về nuôi con và dứt bỏ câu chuyện này. Còn nàng sợ đức độ tài ba của tôi sẽ mai một, nếu tôi quả có đức độ như nàng nói, thì trong rừng sâu các loài cầm thú cũng cần có đức độ để che chở cho chúng, như thế có đức độ thì ở đâu mà không dùng được?"

Nàng tiên ấy bay đi, trời đường sáng bỗng tối hẳn, người tráng sĩ cũng thấy nao nao trong lòng, nhưng rồi chàng lại vui lên, vì chàng đã chiến thắng. Song không hiểu sao, những chuyện kỳ lạ lại hay đến với người nghèo lạ ấy.

Một hôm, có một người lạ mặt hốt hoảng chạy đến hỏi ra một thoi vàng rồi thưa với Tu Lại: "Thưa tráng sĩ, tôi xin biếu chút quà mọn này, nhờ tráng sĩ giúp cho tôi một lời nói. Ngày mai nếu ai hỏi: Có một đoàn người qua đây không? thì tráng sĩ nói "có", ở đây chỉ có tráng sĩ và tôi, ngoài ra không còn ai hay chuyện này cả; và lại tráng sĩ cho một tiếng cũng không sao". Nói xong, người đó bỏ vàng lại, rồi chạy mất.

Tu Lại chưa kịp suy nghĩ gì cả, nhưng chàng vội lượm vàng rồi chạy theo thật nhanh mỗi dịp. Tu Lại kéo tay người kia: "Không, vàng này ông hãy cầm lấy, tôi không thể làm theo lời ông được, tôi là một Phật tử không bao giờ làm việc ám muội, lời nói của người quân tử trọng hơn cả thân mạng, nếu ông đem nghìn vàng hay dùng uy thế hại đến mạng tôi, bảo tôi nói dối, tà chết chủ không bao giờ phạm giới cấm của Phật". Nói xong Tu Lại bỏ vàng rồi chạy thẳng.

Tiếng tốt của người tráng sĩ bay xa như ngọn gió mát vô tình thổi từ rừng sâu đến thâm cung. A Dục Vương là người hiểu kỳ, muốn thử chàng, nên những chuyện bỏ rơi

trâm cài và người con gái đến tận hang chàng chính là cung nhân của vua A Dục Vương. Sau mấy lần thử thách, nhà vua biết Tu Lại là bậc hiền nhân nên đem lòng đổ kỵ sai người đến hại chàng. "Tôi vâng lệnh nhà vua đến giết tráng sĩ" người đao phủ cầm gươm sáng bảo thể.

- Ô thế thì tốt, tôi rất cảm ơn Ngài đã vì tôi mà hủy cái thân ô uế đầy tội lỗi này. Song tôi còn một mẹ già nhờ Ngài chiếu cố cho...

Tên đao phủ ngạc nhiên trước thái độ của Tu Lại:

- Ông là người vô tội, nhà vua vì lòng đổ kỵ sai ta đến hại ông, vậy ông không giận nhà vua sao?

- Không, tôi không giận mà còn thương hại nhà vua đã gây nhiều nghiệp ác, trước khi chết tôi xin cầu đức Phật cho nhà vua phát Bồ Đề Tâm hồi hướng thiện niệm.

Tên đao phủ mím môi, đỏ mặt đưa gươm lên cao giáng xuống đầu chàng... nhưng lưỡi gươm kia xuống từ từ rồi chui thẳng vào vỏ kiếm...

Sáng hôm sau vua A Dục lên tận hang chàng ở, đến nơi, chàng đi làm củi sớm, vua chờ trọn ngày mỗi gặp. Vua A Dục mừng rỡ từ tốn bảo: "Trẫm làm vua, trong nước có hiền tài mà Trẫm không biết thật là đáng tiếc! Ngày nay nước nhà loạn lạc Trẫm mong tráng sĩ về triều cùng Trẫm chăm lo việc nước, được vậy thật là hạnh phúc cho nhân dân".

Chàng từ chối năm bảy lần, vua nài nỉ đôi ba phen, cuối cùng chàng hẹn trong bảy ngày sẽ trả lời.

Trong bảy ngày, ba lần vua đến thăm, ba lần vua cho người lên thăm hỏi. Tu Lại hỏi ý kiến mẹ, mẹ chàng bảo:

- Hiện nay mẹ nghe trong nước, nhà vua thì vô đạo, hà khắc dân tình, nhân dân oán thán đến nỗi họ đặt tên nhà vua là Chiêm Đà La A Dục (ông vua hung tợn như người hàng thịt). Triều đình thì nịnh thần ô lại; ngoài thì cha hung tàn, con ngổ nghịch, vợ bất chánh, chồng bất lương... đạo đức hầu như mất hẳn tất cả tâm niệm xấu xa độc ác kết hợp lại do đó giặc cướp nổi lung tung. Con nay chấp kính cũng phải tùng quyền, vậy nhón cơ hội này con có dịp đem giáo lý của Đức Phật để cảm hóa chúng sanh hầu mong cứu vãn non sông, đưa lại sự an ninh cho nhân loại.

Vâng lời mẹ, Tu Lại về triều, vua A Dục lấy hai chữ Quốc Bửu (vật quý của nước) tặng chàng làm tên.

Trước hết Quốc Bửu đem ba pháp quy y, năm điều cấm giới cảm hóa vua. Vua A Dục từ khi biết quy đầu về Phật không bao lâu trở thành một vị minh quân. Ông đổi hẳn chính sách, lấy đức độ trị dân, không dùng oai thế tàn bạo như trước nữa. Vì thế mà nhân dân trong nước trở lại cảm phục

vua, từ đó họ đặt tên nhà vua là Thích Ca A Dục (ông vua hay làm điều nhân từ)●



Gia Đình Phật Tử

●Thiện Căn Phạm Hồng Sầu

Các em Đoàn Sinh thân ái,

Những ngày trại mạc, hợp bạn, hợp vui sum họp dưới ánh đạo vàng cũng như ngày Đại Lễ Vu Lan cài hoa lên áo để tưởng nhớ đến Đức Mẹ Kiên Liên Bồ Tát và đồng thời luôn cho cả người Mẹ kính yêu của mình, nay đã đi qua. Bây giờ trời đã vào thu, các em đang trở lại bận rộn nơi học đường, nơi thực tập hoặc đang làm việc tại các hãng, xưởng trên nước Đức này. Tuy nhiên mình là người Phật tử, ngoài việc Đồi mình còn có việc Đạo. Sự phấn đấu để trau dồi đức hạnh và tấn tu trên con đường học Phật là bổn phận của mình cho nên các em phải có nhiều cố gắng.

Các em đã nghe hoặc thường thấy các anh chị Huỳnh Trường (HT) trong Ban Hướng Dẫn (BHD) mở ra các khóa huấn luyện hoặc trại huấn luyện HT sơ cấp Lộc Uyển hay HT A Dục. Mục đích là đào tạo những HT mới hầu có người hướng dẫn, điều hành sinh hoạt cho các GDPT. Và trong tương lai để có người đảm trách chức vụ thay thế các HT đàn anh khi các HT này đã cao niên không còn đủ khả năng sức khỏe để trực tiếp hay tiếp tục sinh hoạt tại Đoàn hoặc GDPT nữa.

Lộc Uyển mới chỉ là khóa đào tạo HT sơ cấp, đến khi nào các HT sơ cấp này đạt được kết quả qua chương trình học và thi của khóa HT A Dục thì mới trở thành một HT thực thụ. Từ đó theo qui định về thâm niên và khả năng sinh hoạt, các HT này sẽ được Hội Đồng xét cấp xếp cấp để được thọ cấp, sau đó mới được theo học các khóa cao hơn.

Sở dĩ các HT trong BHD lấy tên nơi chốn hay tên của một danh nhân nào đó có ghi trong tích sử Phật Giáo để làm danh xưng cho trại hoặc khóa huấn luyện cũng có mục đích không ngoài sự nhắc nhở cho chúng ta nhớ lại nơi chốn nhân vật đó, đồng thời phân cấp cho trại hay khóa huấn luyện dành cho trại sinh, khóa sinh theo thụ huấn.

Các em cũng đã biết Lộc Uyển là tên một khu vườn thuở xưa tại xứ Ấn Độ. Khi

Phật Thích Ca đấng đạo, đầu tiên Ngài đã đến đó thuyết pháp "Bốn Đế" độ cho nhóm ông Kiều Trần Như. Và cũng chính từ nơi đó mới cho sự bắt đầu có đủ Phật, Pháp, Tăng ba ngôi báu.

Còn A Dục là một vị vua tàn bạo, độc ác, so với thời đó không có vị vua nào sánh bằng, nhưng sau rồi Ngài cũng bỏ ác, làm lành, lập nhiều công đức và Phật Giáo sử đã ghi tên Ngài.

Để hiểu rõ, dựa theo Truyện Cổ Phật Giáo do Minh Chiếu sưu tầm và Thiện Dụng kể. Tôi xin lược thuật lại cho các em nghe:

Nguyên nhân nào vua A Dục trở về với Phật Giáo

Lúc Đức Phật còn tại thế, Ngài đã đem chánh Pháp phú chúc cho các vị quốc vương và đại thần, để sự truyền bá Phật Pháp mau phổ biến.

Từ ngày Đức Phật diệt độ, nếu quán sát trong lịch sử Phật Giáo, thì thấy có 2 vị quốc vương thật hết lòng lo hộ trì Phật Pháp. Tại xứ Ấn Độ thì có vua A Dục. Ở Trung Hoa thì có đến mười vị vua có nhiệt tâm với đạo, nhưng chỉ có ông Lương Võ Đế hết lòng vì đạo hơn cả.

Nay xin thuật sơ lịch sử của vua A Dục:

Nguyên vua A Dục là dòng dõi của A Xà Thế vương, thân phụ của Ngài tên là Tần Đầu Sa, thân mẫu thuộc phái Bà La Môn.

Khi Ngài còn nhỏ thì thân thể rất thô kệch, xấu xa nên vua cha chẳng thương yêu. Đến lúc Ngài thành niên, thì oai dũng hơn người và võ nghệ xuất chúng.

Sau nhân có việc nội loạn tại thành Hưu Thị La, vua cha mới sai Ngài đi chinh phục. Khi đầu đó được bình yên, vua cha thấy Ngài có công lao nên phong làm Thái Tử.

Cách ít lâu, vua Tần Đầu Sa thăng hà, thì Ngài lên kế vị, song tánh rất bạo tàn vô đạo, đến nỗi giết hết mấy trăm người tôi đại thần và kẻ thân thuộc.

Mùa xuân năm ấy... trăm hoa đua nở, cảnh vật vui tươi, Ngài mới dẫn bọn cung nữ đi dạo khắp vườn hoa mà thường ngoạn. Khi ra ngắm cảnh vườn xuân, bọn cung nữ chỉ lo chơi giỡn và trầm trồ khen ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, chỗ chẳng quay quần bên Ngài như lúc ở tại nội điện. Ngài nổi giận, truyền lệnh bắt giết tất cả, rồi tức thì trở về cung, bỏ dở cuộc đi thường ngoạn. Lúc ấy toàn dân trong nước đều ta thán cho Ngài là một vị vua đại gian ác. Đã vậy mà Ngài còn lập ra một chỗ gọi là: "Địa ngục ở chốn nhân gian", đặt tên là vườn "Ái Lạc", ngoài thì sắp đặt cực kỳ tốt đẹp, nào là ao sen, non bộ, cỏ quý hoa thơm cũng như công viên, để nhân dân mặc tình đến đó mà thường thú, giải trí...

Nhưng trong, thì có non đảo, rừng rùng, lò lửa, vạc dầu và đủ các món khí cụ để hành hình người một cách ghê gớm.

Hễ người nào vào trong vườn Ái Lạc đó, thì ngục tốt bắt giam, rồi cũi đem hành hình. Còn những thể nữ ở trong cung mà cãi cọ xung đột với nhau, thì bắt đem vào cho chủ ngục phân xử. Thật là một thảm trạng thống khổ của nhân gian không thể kể xiết.

Khi ấy có một vị Tỳ Kheo, nhân đi khất thực nói thành Hoa Thị, vì chẳng thông thuộc đường sá nên lạc vào vườn "Ái Lạc", nhìn thấy cảnh tượng bên ngoài thì tốt đẹp lạ lùng, còn phía trong thì quả là một chốn địa ngục trần gian.

Thầy Tỳ Kheo hoảng kinh, toan kiếm đường trở ra, ai ngờ bị ngục tốt bắt lại. Thầy hết sức yêu cầu được thả mà bọn ấy không dung thứ, nên Thầy bèn khóc òa lên.

Chủ ngục thấy vậy liền hỏi: Thầy là người tu hành, sao mà sợ chết đến nỗi như con nít vậy?

Thầy Tỳ Kheo đáp: Tôi chẳng phải sợ chết mà khóc, mà vì sự lợi ích cả một đời người của tôi, nên mới ai bị như thế!

- Sự lợi ích làm sao, Thầy bày tỏ cho tôi nghe thử?

- Số là tôi mới xuất gia, chưa chứng được đạo quả. Tôi nghĩ lại thân người khóặng, Phật Pháp khó gặp, nay rùi sa vào chỗ ác địa này, thế nào cũng phải hủy mạng, thì còn đâu mà tu học nữa nên tôi mới khóc, chứ tôi đâu có sợ chết.

Thầy Tỳ Kheo nói rồi, mới khẩn cầu với chủ ngục xin dung thứ cho Thầy được sống trong bảy ngày, sau đó sẽ hành hình chẳng muộn.

Chủ ngục thấy người tu, thì cũng động lòng, nên y theo lời của Thầy xin mà đình lại bảy ngày mới toan hạ thủ.

Ngày đầu, Thầy Tỳ Kheo nhìn thấy cách hành phạt rất độc ác, nào là người phụ nữ thân hình tốt đẹp mà bị bỏ vào cối quyết người, quyết cho xương tan, thịt nát, trông rất ghê sợ; nào là bọn ca nhi nhan sắc tuyệt vời mà cũng bị quăng vào lò lửa, đũa thì rút tay, co cổ, đũa thì há miệng, nhấn răng.

Thầy Tỳ Kheo thấy cảnh tượng ấy thì sanh lòng nhàm chán, mới nhỏ lời Phật dạy rằng: "Sắc lịch dục dằng dường như bọt nhóm, dung nghi đẹp đẽ mà đâu còn hoài". Nhờ chỗ chứng dẫn lời của Phật dạy đó mà Thầy tỏ ngộ, dứt hết các điều tạp nhiễm, liền chứng được quả Tu Đà Hàm, rồi trong bảy ngày ấy Thầy càng tinh tấn tu tập, nên chứng được quả A La Hán.

Đến ngày thứ tám, ngục tốt bèn bắt Thầy đem bỏ vào chảo dầu, rồi chắt cùi mà đốt. Song khi lửa hạ, cùi thành tro mà dầu trong chảo vẫn tự nhiên không nóng.

Chủ ngục thấy vậy nổi giận, đánh đập bọn ngục tốt, rồi hối đem củi cho nhiều mà chụm thêm vào không cho tắt, nhưng khi đến xem lại trong chảo dầu thì thấy Thầy Tỳ Kheo ngồi kiết già trên hoa sen, xem bộ tự nhiên chẳng hề lay động chút nào cả. Chủ ngục hoảng kinh, lật đật đi đến tâu tự sự cho vua A Dục rõ.

Vua tánh nóng như lửa, khi nghe tin ấy liền tức tốc đi thẳng đến vườn Ái Lạc. Vua vào đến nơi, thì thấy Thầy Tỳ Kheo hiện thân lên hư không, biến đủ 18 phép thần thông, trên mình thì nước trần lành lãng, phía dưới thì lửa cháy rần rần, giống như một hòn núi lớn ở giữa không gian vậy.

Vua A Dục đứng nhìn sùng sốt một hồi, rồi tự nghĩ: "Mình với Thầy Tỳ Kheo này cũng đồng là loài người, có sao Thầy lại đặng phép thần thông tự tại như thế, còn mình thì lo việc sát hại nhân dân, làm việc đại ác!".

Vua nghĩ như thế nên vội vàng quý xuống bạch với vị Tỳ Kheo ấy rằng: "Ngửa mong Thánh giá chiếu cố đến tôi, xin hạ xuống nơi đây, tôi nguyện từ rày về sau bỏ dữ, làm lành mà quy y với Ngài".

Thầy Tỳ Kheo đáp: "Hay thay! Hay thay! Nay đại vương đã tự hối mà quy đầu Tam Bảo, thì sẽ đặng phước đức vô cùng và hân hạnh cho dân chúng biết bao".

Thầy Tỳ Kheo nói xong, liền dùng thần lực của mình mà trở về tịnh xá.

Khi vua A Dục đã quy y theo Phật rồi, thì trong lòng hân hoan vô cùng, định sửa soạn trở về cung. Bỗng người chủ ngục đến tâu: "Khi Đại Vương lập ra cảnh "Nhân gian địa ngục" này, có ra lệnh, hễ ai vào đây thì không cho ra. Tôi đã thọ mạng rồi, nên không dám cãi. Còn Đại Vương là bậc Thiên Tử cũng phải nhứt ngôn mới được!".

Nghe chủ ngục nói như thế, vua A Dục mới hỏi:

- Cứ theo lời của nhà người nói đó, thì bây giờ nhà người muốn giết ta hay sao?

Chủ ngục đáp:

- Quả như lời của Đại Vương đó, thì mới đúng với quân lệnh.

Vua A Dục liền hỏi lại chủ ngục:

- Vậy khi ban sơ tạo vườn Ái Lạc này, nhà người với quả nhơn ai vào đây trước?

Chủ ngục thưa:

- Tâu Đại Vương! Tôi vào đây trước.

Vua nghe đáp như vậy, tức thì truyền cho ngục tốt áp lại bắt chủ ngục bỏ vào chảo dầu, đồng thời ra lệnh phóng hỏa đốt hết cả vườn Ái Lạc.

Từ đấy về sau, vua bỏ hẳn các điều dữ mà làm những việc lành và tâm tánh hết sức từ bi nên kẻ thời nhơn đồng ca tụng là Đạt Ma A Dục Dương (ông vua hiền lành).

Sau lại nhờ đức Ưu Ba Cúc Đa (Tổ thứ tư) giáo hóa thêm, nên vua càng tin ngưỡng Phật Pháp hơn nữa, chính vua A

Dục đã phái 256 vị cao Tăng đi khắp trong xứ để truyền bá Phật Giáo ...



TRẢ LỜI CÂU HỎI

Trả lời cho một em Đoàn Sinh Nữ (GDPT) đã hỏi anh.

Hỏi: Thưa anh, vì nguyên nhân nào mà người ta lúc lâm chung hay nói một cách khác là lúc họ sắp chết hoặc đã chết rồi, thì người ta thường niệm Phật A Di Đà hay tụng kinh A Di Đà, để làm gì?

Còn lúc người ta gặp đau khổ, buồn chán, nguy hiểm, tai nạn v.v... thì người ta hay niệm danh hiệu của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát ?

Đáp: Như em đã biết, Đức Phật A Di Đà là một vị Phật ở cõi Tây phương cực lạc, nơi mà không có sự tranh chấp, giết chóc lẫn nhau, nơi cảnh vật toàn là vui tươi, có đủ hoa thơm, trái lạ và có đủ mọi thứ có thể làm thỏa mãn những sở thích của chúng sanh, khỏi phải sợ bị đọa đày hay lao khổ nữa.

Đức Phật A Di Đà tượng trưng cho hạnh Thanh Tịnh và Ngài đã hứa phát 48 lời nguyện rộng lớn để cứu độ tất cả chúng sanh, trong ấy có lời nguyện: Nếu chúng sanh nào lúc lâm chung niệm đến danh hiệu Ngài đều được Ngài tiếp dẫn vãng sanh lên cõi cực lạc, nơi trụ xứ hoàn toàn sáng suốt của Ngài:

**Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế
Giới Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư
A Di Đà Phật.**

Còn Đức Quán Thế Âm là một vị Bồ Tát thường hay quán xét tiếng đau khổ của chúng sanh để cứu độ, thương chúng sanh ví như một người Tử Mầu thương con.

Hạnh nguyện của Ngài là Từ Bi và Ngài thường hiện thân vào tất cả tầng lớp của chúng sanh để cứu chúng sanh thoát khỏi các tai nạn, tai ách. Cho nên chúng sanh lúc gặp những điều không may xảy đến thường niệm danh hiệu Ngài là:

**Nam Mô Đại Từ, Đại Bi Cứu Khổ Cứu
Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát.**

VIỆT SỬ BẰNG TRANH HUYỀN SỬ ĐỜI HÙNG

Soạn giả :

Bảo Vân Bùi Văn Bảo

Họa sĩ :

Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp

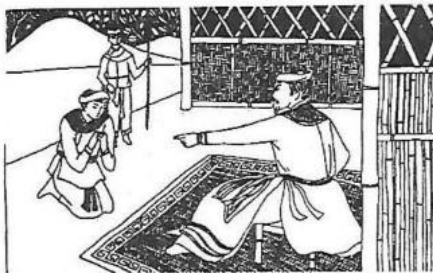
QUẢ DƯA ĐỎ



1. Vào đời Hùng Vương, ở một vùng quê cách xa kinh đô Phong Châu, có một cậu bé mồ côi, thường theo người lớn đi săn bắn và đánh cá... Năm tám tuổi, cậu bé được lên kinh đô và gặp vua Hùng. Thấy cậu bé thông minh, nhà vua nhận làm con nuôi và đặt tên là Mai An-Tiêm.



2. Lớn lên, Mai An-Tiêm rất khỏe mạnh và chăm chỉ làm việc. Vua Hùng cưới vợ cho An-Tiêm và cho cả hai vợ chồng đi phá rừng, làm rẫy trồng trọt. Chỉ ít lâu sau, An-Tiêm đã dựng được nhà cửa và gặt được nhiều thóc lúa chứa đầy kho.



3. Thấy thế, bọn người ganh tị tâu với vua Hùng: "An-Tiêm coi thường ớn Vua. Hắn cho rằng của cải làm ra đều là nhờ ơn Trời và tài sức của hai vợ chồng hắn với các con". Vua Hùng nghe tâu giận lắm, không cần tìm hiểu hư, thực ra sao!



4. Nhà Vua truyền lệnh đầy gia đình An-Tiêm ra một đảo hoang vắng ở biển Đông. Ngoài lương khô đủ ăn trong vài tháng, không được mang theo gì hết xem còn nhỏ Trời vào đâu? Thế là cả gia đình An-Tiêm lệnh đênh ở giữa biển khơi.



5. Cuối cùng, thuyền tới một đảo hoang, đầy cát trắng. Ngoài ít lương khô, không có một con dao hoặc một hạt giống gì nữa. Vợ An-Tiêm khóc. Chàng dỗ vợ: "Chúng ta là người có khối óc và hai bàn tay thì gian nan, vất vả mấy cũng vượt qua được!..."



6. Hôm sau An-Tiêm kiếm được cành cây nhọn, liền đào xuống đất thật sâu và thấy nước ngọt để uống. Rồi chàng cùng các con bê cành cây, khuôn đá xếp lại, làm nơi trú mưa nắng. Vợ chàng xuống ven biển mò được cua, ốc để ăn thêm.



7. Nhờ kiếm được những viên đá lửa lớn, An-Tiêm đánh hai viên đá vào nhau là có lửa để nấu cua, luộc ốc. Một hôm, An-Tiêm thấy có con chim trắng ở đâu bay tới, làm rớt hạt đen đen xuống bãi cát trắng. An-Tiêm liền đem hạt này trồng thử.

8. Mấy tháng sau, những hạt ấy mọc thành những cây nhỏ bò lan trên mặt cát. Cây có nhiều trái màu xanh thẫm to bằng đầu người lớn. An-Tiêm hái một trái đem về cho cả nhà ăn thấy ruột đỏ mà ngọt, lại có lấm nước. Thế là An-Tiêm liền trồng thêm nhiều nữa.



9. Đến khi dưa có nhiều trái rồi, An-Tiêm dùng que nhọn vạch chữ vào, thả xuống biển cho trôi đi khắp nơi. Thuyền buôn qua lại, vớt được trái này, ăn thấy ngon, liền tìm tới đảo, đổi hàng hóa, vải, gạo lấy những trái đỏ đem đi các nơi bán. Đó là trái dưa hấu, "tức quả dưa đỏ".



10. Tiếng đồn về quả dưa đỏ đến tai vua Hùng. Vua biết tài của An-Tiêm nên cho cả gia đình An-Tiêm trở lại đất liền. Lần này vua lại phong thưởng cho An-Tiêm và khuyên chàng dạy mọi người cách trồng dưa. Kể từ đó, nước Văn Lang có thêm loại dưa đỏ vừa để ăn, vừa để bán.

LÝ ÔNG TRỌNG



1. Cuối đời Hùng Vương, ở huyện Từ Liêm, quận Giao Chỉ có một người tên là Lý Thân, thân hình to lớn và khỏe mạnh khác thường. Có lần thấy hai con trâu đực đang húc nhau, Lý Thân nhảy vào giữa. Chàng dùng hai tay, mỗi tay nắm sừng một con trâu mà kéo ra thật xa...



2. Đến đời An Dương Vương, Tần Thủy Hoàng muốn xâm chiếm nước Âu Lạc. An Dương Vương phải cho Lý Thân sang Tàu cầu hòa. Thấy Lý Thân to lớn, khỏe mạnh, lại giỏi võ, Vua Tần cho đấu với các vệ sĩ thì Lý Thân đã lần lượt vật ngã mọi người...



3. Tần Thủy Hoàng mừng lắm, giữ Lý Thân lại để cho ra trấn giữ vùng đất Lâm Thao. Nhờ sức mạnh và thân hình cao lớn Lý Thân đã khiến cho bọn Hung nô phương Bắc khiếp sợ không dám quấy nhiễu. Vua Tần phong cho Lý Thân làm Vạn Tín Hầu.



4. Sau đó Lý Thân nhớ nhà nên xin trở về nước Âu Lạc. Vắng bóng Lý Thân, Hung nô lại kéo đến quấy nhiễu bờ cõi nhà Tần. Tần Thủy Hoàng liền cho người sang mời Lý Thân nhưng kỳ này Lý Thân không muốn sang Tần nữa. An Dương Vương phải trả lời là Lý Thân đã chết.



5. Vua Tần thương tiếc, cho đúc tượng Lý Thân bằng đồng và ban hiệu là Lý Ông Trọng. Khi đẩy tượng này ra biên ải, Hung nô trông thấy tượng, cho là Lý Thân còn sống nên rút quân về... Thế là tượng của Lý Ông Trọng đã giúp vua Tần đuổi được Hung nô cho tới khi nhà Tần bị nhà Hán chấm dứt... ●



Bà Ngoại

Ngoại

*Một con tim vĩ đại
Trong thân hình mảnh mai
Thường cháu không bờ tể n
Trên đời chẳng có hai.
Đây toàn đàn cháu của Người
Cùng nhau hô lớn ngàn lời cảm ơn.*

Ngoại

*Linh hồn và cột trụ
Của tổ ấm gia đình
Hết lòng vì con cháu
Quên cả tấm thân mình.
Công lao tận tụy hy sinh
Xin cho các cháu cúi mình cảm ơn.*

Ngoại

*Làm việc không bẽ t mòi
Suốt ngày chẳng thấy ngừng
Cho lũ cháu hưởng thụ
Không bao giờ kể công.
Đây đàn cháu của Ngoại cùng
Đồng thanh lên tể ng chúc mừng
cảm ơn.*

Ngoại

*Lúc phong ba hoạn nạn
Tay chèo lái vũng vàng
Để đền ơn báo đáp
Xin tặng ngàn cái hôn.
Với lời thề sẽ rất ngoan
Cả đàn cháu hát "cảm ơn Ngoại
nhiều".*

● Đồng Châu

(Dịch bài "Mamine" của Guy Robin)



Mamine

*Mamine, familière,
et si frêle apparence,
dont le coeur si grand
et l'invisible amour
ont de loin débordé
le fragile contour,
nous tes petits-enfants,
pour ta seule présence,,
nous te disons merci.*

*Mamine, âme et chamière
du familial essaim,
en te souciant des uns
puis des autres, sans cesse,
ton dévouement se lit
dans tes yeux qui caressent.
Nous tes petits-enfants,
pour la bonté sans fin,
nous te clamons merci.*

*Mamine, charitable
tout autant qu'inlassable,
pour toutes ces tâches
assurées sans relâche,
et qui prennent ta vie,
insouciant profitteurs,
nous tes petits-enfants,
de tous nos pŕuvres coeurs,
nous te crions merci.*

*Mamine, dans l'orage,
consolante silhouette,
ne pouvant acquitter
une si grande dette,
par douze mil baisers
trop souvent oubliés,
nous tes petits-enfants,
en jurant d'être sages,
nous te chantons merci.*

Guy ROBIN
Paris

Vườn Thơ Viên Giác



Hương mùa Thu cũ

Khi gặp những muộn phiền, tôi thường lang thang dọc theo bờ hồ hay ngồi lặng thinh trên ghế đá công viên. Tôi không hành thiền, không ngồi đồng bởi lòng chưa tịnh, tâm chưa lắng. Những vọng động bên ngoài thường gợi nhắc hiện tại, những hình ảnh quen thuộc thường gợi nhớ đến dĩ vãng. Thu đến rồi đây. Trong đời đã trải qua bao nhiêu mùa thu, rồi còn bao nhiêu mùa thu nữa sẽ đến? Trong đời đã trải qua bao nhiêu cuộc tình và chắc hẳn không còn cuộc tình nào nữa sẽ đến! Trong đời đã có bao nhiêu lần chờ đợi, nhưng sẽ chẳng còn bao giờ chờ đợi ai nữa!

*Em ngồi đếm lá vàng bay
Trong công viên cũ tỉnh ngày hợp tan
Anh đi nhặt lá thu vàng
Trong hoang liêu nhỏ điều tàn dáng xưa!*
(Tùy Anh)

Chẳng còn gì nữa. Vàng thu mấy lá xa bay.
Hỡi ơi:

...
*Em không nghe rùng thu
Lá thu kêu xào xạc
Con nai vàng ngó ngác
Đạp trên lá vàng khô?*

Bây giờ chúng ta chẳng bao giờ còn được nghe "Tiếng Thu" của Lưu Trọng Lư trong những mùa thu trữ tình lãng mạn, chẳng còn bao giờ được thấy hình ảnh những mùa thu bình yên với con nai hiền lành trong khu rừng hoang vắng! Những mùa thu hòa bình đã mất kể từ khi có "những mùa thu năm xưa cách mạng tiến ra sa trường..." để "thề quyết phanh thây, xé xác quân thù..." thì những mùa thu trên quê hương chỉ toàn là xuống phố thành núi, máu chảy thành sông! Có những mùa thu bom đạn chiến tranh xâm lược của người cộng sản miền

Bắc đã cày nát những ruộng đồng, núi rừng quê mẹ! Có những sáng thu sương bàng hoàng nghe tin xe dò chờ hành khách bị giết mìn do những "anh hùng đặc công" giết hại dân lành! Có những đêm mùa thu ẩn mình thức trắng trong hầm tối để tránh màn đạn pháo kích của những người anh em nhân danh giải phóng! Có những đêm thu trên quê hương có ánh hỏa châu thay cho ánh trăng huyền diệu, có lửa đạn thay cho ánh đèn trung thu, có tiếng đạn pháo gầm thét thay cho tiếng cười trẻ thơ! Ôi những mùa thu tội nghiệp thảm thương của dân tộc chúng tôi! Chung quy cũng vì có kẻ manh tâm muốn đem chủ nghĩa ngoại lai trùm lên đạo lý cổ truyền của đất nước thân yêu.

Cuối cùng miền Nam trở thành "những mùa thu chết" khi đất nước rơi vào tay cộng sản. Những cha, anh, bạn bè, chiến hữu phải gánh chịu tủi nhục trong "những mùa thu cải tạo", rồi liêu chết trong "những mùa thu vượt biên" và nếu may mắn được đến bến bờ tự do để sống "những mùa thu lưu vong"! Ôi mùa thu! Mùa thu thường mang cho tôi những ngậm ngùi với "thời gian lặng rớt một dòng buồn tênh" ...

*

Qua chị Lê Thị Bạch Nga từ Canada, một cộng sự viên thường xuyên của báo Viên Giác, tôi nhận được một số bài thơ của nữ sĩ Trinh Chung- sau này tôi mới được biết, đó là thân mẫu của chị. Vào cuối năm qua, chị gởi cho tôi thi tập thứ 2 Nắng Chiều của Nữ sĩ Trinh Chung và một lá thư ngắn báo tin vừa mới đưa bà cụ vào bệnh viện.

Nữ sĩ Trinh Chung có khuê danh là Trần Thị Kim Chung, quê quán Quận Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị - Việt Nam, từ 14 tuổi đã tập làm thơ. Sau khi lập gia đình (21 tuổi), vì bạn khuyếch trưởng doanh nghiệp cùng phu quân (Ông Lê Hữu Trinh), nên bà chỉ sáng tác một số ít trong vòng 35 năm theo ngẫu hứng. Từ 1975 trở lại sáng tác đều đặn.

Rời quê nhà từ năm 1980 để định cư tại Montréal, Canada cùng với các con cháu. Hội viên Trung Tâm Văn Bút Québec từ năm 1986. Hội viên Văn Lâm Xã từ năm 1994.

Thơ của bà được trích đăng trên một số báo chí hải ngoại và luân lưu trong vòng bạn hữu thân tình. Bà thường thích xuống họa thơ, vẽ thơ Đường, cùng bạn hữu để học hỏi thêm kinh nghiệm về thi văn.

Tác phẩm đã xuất bản: Kỷ Niệm Xưa (TTXB Hải Ngoại, 1986), Nắng Chiều 2 (Gia đình xb., 1997)

Góp mặt trong: Thi Tuyển Văn Lâm Xã, xb. 1995 và 1997, Hoa Vườn Mối (do VBVNHN Trung Tâm Québec xb.).

Không chỉ một vài dòng mà tôi có thể giới thiệu trọn vẹn thi tập Nắng Chiều 2, bởi thơ của bà trang trải những cảm xúc dài theo tuổi tác của bà, theo dâu biển của cuộc đời, theo thăng trầm của vận nước qua các tiểu mục: Bao la vũ trụ bốn mùa, Bạn bốn

phương, Thơ Xưởng Họa, Cho gia đình và con cái, Cổ nhân.

Đây là thi tập kỷ niệm do con cháu thực hiện để đánh dấu 17 năm từ khi bà rời cố quốc. Do đó trong thi tập này, bà đã không dấu được nỗi buồn quạnh vắng nơi xứ người và nước mắt ngậm ngùi nhỏ về cố hương khi lá vàng rơi, cánh nhạn bay về vùng nắng ấm báo hiệu mùa thu trở lại:

*Rải rác khung vườn lá thu rơi
Xa trông chiếc nhạn điểm lưng trời
Không trung vận chuyển mây lơ lững
Cổ thụ vì vu gió về vơi
Xử lệ khỏi buồn niềm khó tả
Nhà xưa chạnh nhớ dạ ngùi với
Quanh mình vắng vẻ sương thu lạnh
Vững mối tỏ sầu, lệ bỗng rơi.*
(Thu Về Hoài Cảm)

Bài họa của Cụ Trinh Xuyên:

*Rả rích Ngâu tuôn, nhạn vắng trời
Rừng phong hiu hắt lá vàng rơi
Những bông cúc nở hưởng kỳ diệu
Mấy vận thơ gieo tử tuyết vơi
Ngao ngán chàng Ngưu duyên đã lờ
Xút xút á Chử lệ khôn vơi!
Sống thu ai rắc cho mình lạnh
Lãng đàng mây Tần tuốt đậm khơi.*

Thân thể của người tha hương cũng chẳng khác gì đám mây phiêu bạt trùng khơi. Thu về ở phương này, gọi nhớ thu ở khung trời cũ. Lá thu vàng rơi rụng ở mảnh vườn này, gợi nhắc những giọt nắng chiều trong khoảnh vườn xưa. Nơi đó, hẳn thi nhân đã dày công vun quén cho cây thêm xanh, hoa thêm đẹp muôn màu. Nơi đó, hẳn đã cùng người thân yêu ngắm hoa thường nguyệt. Rồi mùa thu tới. Ôi:

...
*Mỗi mùa thu tới, mùa thu tới
Nhặt lá vàng rơi, lặng lẽ sầu*
(TTKH)

*Thu đã đến, lá vàng rơi lác đác
Ánh nắng chiều, vũng vẩn ngọn cây cao
Khung trời cũ, chạnh lòng trong trí nhớ
Mảnh vườn này, nhỏ lại khoảnh vườn xưa.*

*Tuổi bốn sáu, dày công trồng cây kiểng
Ta không ngừng vun xới một vườn hoa
Hoa vừa nở, chàng say sưa đứng ngắm
Ngắm nhìn hoa, mắt tưởng thường người
trông*

*Phút cách cảm, thần giao hòa, độ ấy
Lời ban khen bằng ánh mắt chìm sâu
Chuyện xa vơi, nhắc lại ích gì đâu
Tiềm thức, nhỏ, quên, tâm hồn phấn đấu*

*Giải pháp gần con, liều thuốc nhiệm màu
Giúp được mẹ, vơi dần nguồn thảm hận
Cùng con, chung vui những ngày vô tận
Cổ lai hay, lập lại khoảnh vườn nhà
Vội thời gian khung vườn nơi xử lệ
Lúc nhân du, thưởng ngoạn các loài hoa
Quén chuyện đời, năm tháng đã trải qua
Cùng con cháu, những ngày vui cõi mả.*
(Vĩnh Mùa Thu Tới)

Với cảnh điền viên nơi xứ lạ, dù có lúc cũng tìm được những giây phút nhàn du để vui cùng con cháu; nhưng củ mỗi độ thu tàn, lá rụng, cành trỏ, thì nhân lại nghe thấm lạnh trong gió và buốt giá trong sương, thì mỗi cảm hoài về cố quận lại trào dâng, bởi:

*Thu tàn ủ rũ cảnh số đông
Vi vút heo may, ngọn bắc lồng
Cổ thụ trỏ cành, ngân bão tố
Rừng đường ngạo nghễ, đón cuồng phong
Gieo vần khai bút, ngòi khô cạn
Thi hứng dâng cao, mực thấm dòng
Tuyết phủ ngàn cây, sương giá lạnh
Đời hoang ái ngại, cánh chim hồng.*
(Cảnh Thu Tàn)

Cùng với thi tập Nắng Chiều, tôi cũng nhận được Văn Lâm xã tập 2, Canada xuất bản năm 1997. Trong Lời Tựa của Văn Lâm Xã đã ghi những ước vọng khi thực hiện tuyển tập, để:

"...Quãng đời tha hương ta thấy bớt cô đơn, thấy còn anh em, còn làng xóm, còn phong tục, còn được kể cho nhau những buồn, những vui, những lưu luyến dĩ vãng, những mơ ước ngày mai.

Mọi sự vật đều biến chuyển không ngừng, đâu có gì bền vững, tình cảm ta, lòng ta cũng chịu ngoại cảnh biến chuyển theo tuổi đời, theo thời gian, không gian. Biết lấy gì ghi lại những đổi thay đó...

Thực vậy, ngày xưa bao giờ cũng đẹp...chắc rằng dân Xã cũng nghĩ những dòng văn, câu thơ, điệu nhạc hôm nay dù một mực đến mấy, cũng sẽ đẹp bất tận sau bao nhiêu năm nhìn lại.

*Rời một ngày, bỗng trong giường
Ta nhìn ta, thấy ngỡ ngàng phiêu pha
Ngày vui cũ, nét thơ xưa
Tìm đâu còn thấy những mơ mộng này".*

Trong tuyển tập Văn Lâm Xã, tôi cũng tìm thấy những vóc dáng những mùa thu cũ qua thơ văn của bằng dân thiên hạ trong làng trong xã. Với Hoài Chi, cung điệu nhịp nhàng, đã vẽ lại mùa thu nơi xứ người với mây bàng bạc, gió sang mùa, lá vàng bay; đã vẽ lại vóc dáng cuộc tình ngày xưa tay trong tay tình tự; đã vẽ lại nỗi tiếc nuối khôn nguôi những mùa thu an bình trên quê hương:

*Mây trời bàng bạc
Gió chuyển mùa sang
Hàng cây lá biếc
Vội thay áo vàng*

*Mùa thu lá bay
Dáng xưa vai gầy
Quê hương tình tự
Tay ấm vòng tay*

*Vàng thu nơi đây
Lá gấm trải dài
Rừng phong dật thắm
Ngút ngàn chân mây*

*Tuổi thu cuộc đời
Ngày tháng êm trôi
Nhỏ về cố quận*

Nghe sầu rụng rỗi

(Vàng Thu)

Người thơ, một nàng Tôn Nữ, hẳn đã rất yêu màu vàng- màu áo vàng hoàng hậu, màu Huế, màu Thành Nội, màu chốn hoàng cung; chỉ đọc những vần thơ hoa cúc mà đã tưởng nhớ về Huế. Cung vàng, điện ngọc. Cung tần, mỹ nữ. Vườn Thượng Uyển, hướng hoa ngào ngạt trong chiều...

Gửi về Huế nụ hoa vàng. Áo còn vàng bay trong cổ đô hay nay đã phai màu trong cuộc đời đầy phong ba bão tố? Thôi đành, nơi đây thi nhân thù nắng vàng trên áo lụa, để mai sau dù có trở về với cát bụi hư vô cũng còn thơm hương hoa vàng ép trong trang vở học trò ngày cũ:

*Đọc mấy vần thơ hoa cúc
Nhỏ về xứ Huế thân yêu
Vườn xưa hoa vàng trải lối
Hương bay thơm ngát gió chiều*

*Hái nụ hoa vàng hoàng hậu
Gửi về chốn cũ năm xưa
Áo có còn vàng Thành Nội
Hay đã phai màu gió mưa*

*Vàng hoa ép vào trang vở
Đẹp sao là thuở học trò
Thêu nắng cho vàng áo lụa
Đấu đời cát bụi hư vô*
(Lụa Vàng Năm Xưa)

Vi thể người thơ thường lưu luyến về hoa vàng, nón Huế, hồn sách vở, tuổi học trò, mùa thu lá bay...:

*Mây trời bàng bạc chuyển mùa sang
Lá biếc xôn xao đổi áo vàng
...
Áo lụa thu nào gió nhẹ bay
Nghiêng nghiêng nón Huế dáng vai gầy
Tay ôm sách vở hồn thêu mộng
Mộng đẹp như mùa thu lá bay
...
Nhỏ mãi thu xưa hồn cố quận
Thăm nghe sầu rụng một phượng trời*
(Như Lá Thu Bay)

hoặc:
*Nắng chiều rỗi rụng bên song cửa
Đếm tuổi mùa thu theo lá rơi*
(Bóng Thời Gian)

hoặc:
*Đếm tuổi mùa thu trên xứ người
Buồn vui ngày tháng vẫn êm trôi*
(Như Lá Thu Bay)

Giờ đã lỡ làng. Mùa thu vàng của thuở ban đầu chắc cũng tàn phai theo năm tháng. Xin hẹn với người, thu sau sẽ gom hết màu vàng rực rỡ của thế gian để kết thành cung điệu cho riêng nhau:

...
*Xin hẹn cùng người đến thu sau
Mùa thu rực rỡ buổi ban đầu
Ta gom hết lá vàng thu lại
Kết thành vần điệu của riêng nhau.*
(Thu Lối Hẹn)

Thế nhưng không phải ước mơ nào trong đời cũng có thể thực hiện được, nên con người thường dễ chìm vào nỗi buồn trầm mặc khó người khuấy. Mùa thu nào rực rỡ ban đầu? Mùa trăng nào xem hoa nở? Hoa Quỳnh, Dáng tiên, Hương đêm huyền ảo? Một thoáng hư ảo, vô thường. Trăm năm còn lại những gì? Con sóng vỗ bờ! Ngàn năm lưu lại những gì? Mây trắng phiêu du! Cuộc đời phù vân, như hoa sớm nở, tối tàn:

*Trăng về nở nụ Quỳnh hoa
Dáng tiên thanh thoát, dáng ngà thơm hương
Đài trang một đóa vô thường
Hương đêm huyền ảo trăng vườn liễu trai
Sắc không một thoáng hình hài
Nường theo ánh đuốc Như Lai cõi nào
Hành trang nhẹ gánh trăng sao
Ta về gõ cửa lối vào hư vô
Ngàn năm con sóng vỗ bờ
Ngàn năm mây trắng lững lờ phiêu du*
(Nụ Quỳnh)

Nếu những dòng lục bát của Hoài Chi mềm mại uyển chuyển, thì những dòng lục bát của Nguyễn Thị Hoa được trích dẫn sau đây cũng nhẹ nhàng dễ thương, giản đơn, dung dị nhưng lại tràn đầy tình cảm triu mến.

Trong Vườn Thơ Viên Giác, tôi đã có lần giới thiệu nhà thơ trẻ, 30 tuổi, gốc Hà Nam Ninh, đến từ Đông Âu, đang xin tỵ nạn tại Đức. Chúng ta thử đi sâu vào tâm tư của lớp người tuổi trẻ miền Bắc để thấy được tình cảm thiên phú mà tạo hóa dành sẵn cho mỗi người, cho dù chế độ cộng sản chủ trương diệt bỏ tình yêu nam nữ, chỉ có tình yêu dành cho Đảng, cho Xã Hội Chủ Nghĩa.

Nơi đây rất dễ nhận diện mùa thu, cũng lá vàng lộng lẫy rơi, cũng mây trời lãng đãng phượng trời, cũng gió buồn hiu hắt. Thế nhưng cũng trong những mùa thu đó, tình hoài hương thường với vợ hơn, nỗi nhớ thương về người yêu xa cách thường ngậm ngùi hơn và nỗi thao thức thân thế lạc loài cũng thường xót xa hơn!

*Đong đưa lá lụy xuống dàng
Mùa thu lá chín ươm vàng lối em
Lẻ loi một áng mây êm
Gió vườn hương nhẹ dải thêm tình sâu
Thu về, em ở nơi đâu?
Tỏ duyên theo đám lá đau lia cành
Tiếng đàn thốn thức năm canh
Cho anh mãi kiếm tìm anh thuở nào!*
(Lá Thu)

Thức trắng canh dài, lòng lại hỏi lòng, ta ở một nơi nào trong cuộc sống lưu vong? Có được chấp nhận ở lại hay lại bị trục xuất trở về. Dừng dằng như chiếc lá vàng khô sắp rơi rụng. Cô đơn như bóng cây đổ dài khi nắng lên. Buồn nghe gió lạnh, sầu thấy đông sang:

*Phất phơ một chiếc lá buồn
Nửa như muốn xuống, nửa còn đợi ai
Chiều buông màn nắng nhạt phai
Cây đơn soi bóng đối dài quận đau
Người xưa vội bỏ đi đâu
Đế buồn-gió lạnh, để sầu-đông sang?*
(Giọt Sầu Cuối Thu)

Thu về gợi nhớ, Nguyễn Thị Hoa cũng như những nhà thơ trẻ khác, cũng có những niềm vui vì tình yêu và niềm đau vì tình phụ. Tình yêu, tình phụ thường lưu diễn bất chấp thời gian; nên lắm lúc ta phải chấp nhận hợp tan, hạnh phúc và khổ đau:

*Em nhớ anh, mùa thu vàng lá đỏ
Càng bó vớ khi gió lạnh lay động
Tóc mây buồn u ám cả dòng sông
Mà năm tháng em cầm sào đứng đợi
Anh có biết, lòng em thu với vội
Man mác mùa đau, mùa nhỏ, mùa thương
Từ lúc xa anh, khúc giọt thu vũng
Rời rồi mãi trong lòng anh lạnh giá
Anh còn nhớ, khi xưa mình xa lạ
Dẫu tán bàng em nhặt lá thu rơi
Anh nhìn em rồi lặng lẽ mỉm cười
Em e thẹn đôi má hồng chột đỏ
Và tình yêu bắt đầu như thế đó
Em rộn ràng đan áo đội mùa đông
Từng sợi tơ quấn quít cuộc tình nồng
Em đan trọn mong tình mình ấm mãi
Chợt thu qua, mùa đông chưa kịp lại
Tình đang say anh vội vã sang ngang
Anh phụ em tròn trịa đến ngỡ ngàng
Áo tổ duyên bẽ bàng tử đạo ấy
Lòng nhủ lòng, tình ta thôi có vậy
Như lá thu vàng vớ nhỏ cánh cao
Trăm đắng cay bởi tình quá ngọt ngào
Càng sâu đậm khi hồng thu gõ cửa
Lại đợi, lại chờ, lại mong, lại nhớ
Lại ấm nồng ảo ảnh của ngày xưa
Rời thu qua lòng lại đổ đêm mưa
Và lá rữa âm thầm trong tình lệ!*

(Thu Về Nhớ Anh)

Chia xa và chia tay. Chúng ta cảm thông từng mùa đắng cay bẽ bàng của người tình phụ mà nhà thơ Nguyễn Thị Hoa sử dụng những điệp ngữ rất đặc địa như:

*Anh có biết, lòng em thu với vội
Man mác mùa đau, mùa nhỏ, mùa thương
...
Lại đợi, lại chờ, lại mong, lại nhớ
Lại ấm nồng ảo ảnh của ngày xưa*

Hoặc trong cách sử dụng từ, từ rất nhân gian như "tròn trịa" được đặt trong một câu thơ nghe rất dễ cảm như:

*Tình đang say anh vội vã sang ngang
Anh phụ em tròn trịa đến ngỡ ngàng*

Hoặc
"Tình môi say mà ly biệt cũng vừa gần"
trong bài thơ dưới đây:

*Thu chợt đến trong mắt em với vội
Môi giộng cười chồm úa tuổi thanh xuân
Tình môi say mà ly biệt cũng vừa gần
Gió phảng phất ru niềm đau muốn thu
Mây phủ kín một phương trời thương nhớ
Mây u sầu xé nát cả chiều hoang
Tay ấm trong tay, lần cuối phụng
Em nhàu lệ dẫm hồn thu từ đó...*

(Chia Tay Mùa Thu)

Thơ tình của Nguyễn Thị Hoa là thơ của chia xa, thơ tình phụ, thơ của hạnh phúc nhỏ nhoi ngắn ngủi mà đau khổ dài lâu:

*Một phút bên em, ngàn đời lưu luyến
Nét quê hương em màu áo thanh thiên
Dáng thanh cao, kiêu diễm, dịu hiền
Sâu đáy mắt một niềm nồng với vội
Tôi với em hai mảnh đời vô tội
Đến từ hai miền đất lạ xa xôi
Chẳng hiểu vì sao, duyên phận cuộc đời
Lần đầu gặp, ngỡ yêu từ tiền kiếp
Làn da mịn thoảng hưởng nhai tinh khiết
Trái chín đầu mùa những nét mộng làn môi
Em trao tôi niềm hạnh phúc ngập trời
Ta bên nhau thế gian không còn nữa
Ôi tình yêu! Tình yêu muốn thu
Giờ chia ly choáng vảng một niềm đau
Ngõ quanh ta thỏn thức đại dưỡng sâu
Trong đáy mắt đen sâu đang ngấn lệ
Có lẽ nào tình yêu là như thế
Đến phút giây rời vội vã về đâu?
Mảnh tang đen trời chật mối tình đầu
Ta lặng lẽ bên nhau không lời cuối
Em về đâu, con thuyền không bến đợi?
Hoa héo tàn, nụ hôn đắng đôi môi
Em nhìn tôi, sụp lổ cả bầu trời
Tìm rặng võ, tôi gục đầu nhắm mắt!*

(Tình Đầu)



Tình đầu. Anh ơi, rồi một ngày đó trong mùa thu mênh mông có tiếng gió chuyển mình, anh đọc được trang nhật ký buồn thảm của kiếp tha phương, anh sẽ hiểu em. Anh ơi:

*Anh có nghe mùa thu đang trở dậy
Giữa mênh mông tiếng gió vội chuyển mình
Lá nhuộm buồn len lõi cõi tâm linh
Trang nhật ký ám màu trời âm đạm
Kiếp tha hương lòng như khung ruộng hạn
Đời thiếu anh tình cần cõi bốn mùa
Hồn lén về xào xạc góc vườn xưa
Hòa nhịp sống hai con tim đồng khổ.*

(Hương Tình Thu Cũ)

Trong tháng 8 vừa qua tôi lại nhận được thư của Giáo sư Nguyễn Thùy. Thật đúng như anh viết cho tôi: "...Quen nhau qua hai tập thơ, qua báo Viên Giác, qua thư từ đã trên 4,5 năm mà chưa gặp mặt. Thời thì hẹn dịp khác, vì đời chúng ta còn dài như tuổi tác Việt Nam!". Kèm theo đó là một số bài thơ của anh Võ Thu Tịnh (trước đây khá lâu, tôi

có thư yêu cầu anh Tịnh gửi cho tôi một số bài thơ để tôi giới thiệu với độc giả, nhưng anh im lặng). Trong thư anh Thùy viết: "...Hôm lên Paris, ở nhà anh Tịnh mấy ngày vui đáo để. Lược lại từ sách, tôi vô được tập thơ của anh Tịnh, đọc qua thấy nhiều bài khá hay, hôm nay gửi cho anh đây. Anh Tịnh chưa gửi cũng như chưa đọc thơ của anh ta cho ai nghe cả, ngay cả tôi. Anh luôn bảo, thơ anh chẳng hay ho gì, (như anh Phương Hà hay bảo thơ mình là thơ dỏm) và lâu nay người ta biết anh qua những bài biên khảo, nay dẫm qua địa hạt khác làm gì...".

Anh Võ Thu Tịnh, quán làng Long Xuyên, Duy Xuyên, Quảng Nam, Cử nhân Văn Chương Giáo Khoa Việt Nam. Nghề chính: Giáo sư tư thực. Chủ bút Mưa Lúa Mới, Huế (1944-1945), Bulletin des Amis du Royaume Laos, Vientian (1970-1975); Présence Indochinoise và Péninsule, Paris (1975-1985).

Tác phẩm: Việt Văn Thế Kỷ 19-20 (Saigon, 1958-1962), La littérature orale et populaire du Vietnam (Paris 1987), la découverte du Bouddhisme (Paris, 1987), La Ramayana Laos (Paris, 1985), Les origines du Laos (Paris, 1993).

Cộng tác với: Nguyệt San Thế Giới (Houston, Mỹ), Người Việt Diễn Đàn (California, Mỹ), Viên Giác (Đức), Như Hà (Bi), Về Nguồn, Đuốc Thiêng, Nhân Bản, Sự Thật, Văn Hóa, Trùng Dương (Pháp).

Tôi quen anh Tịnh qua duyên văn nghệ trên báo Viên Giác và càng gần bó thêm bởi chúng tôi cùng có chung những người bạn tâm giao, nhưng đã trên hai năm vẫn chưa có duyên hội ngộ.

Độc giả biết anh Võ Thu Tịnh nhiều qua những bài biên khảo văn học, nhưng chưa biết được anh Tịnh qua những bài thơ mang tính trữ tình của con người cũng thuộc giống "nồi tình", qua những bài thơ thời thế hoài niệm về quê hương đất nước, về thân phận lưu vong...

Thơ tình của anh lãng mạn, đam mê, say đắm.

Anh ở Paris, chiều thu nghe lạnh lắm. Em đến thăm anh, lá vàng rơi có xua tan những tháng năm lạc loài? Hay rồi hồn vẫn lạc lõng trên những nẻo đường quanh hiu. Paris, với anh không là một kinh đô hoa lệ mà vẫn là một khung trời chát ngắt đau thương!

Paris, em đến thăm anh- tình ế ẩm, đời ghè lạnh. Còn gì cho nhau, nắng úa nghẹn ngào trên kiếp đời lưu lạc.

Paris, em đến thăm anh. Em đến bên anh, môi ngọt, tình say, hương tình sưởi ấm lòng nhau. Ôi, ba sinh, một ngày hương lửa mặn nồng...

*Em đến thăm anh một chiều thu lạnh
Lá vàng xưa năm tháng lạc muôn phương
Trời Ba Lê hoa lệ giữa đau thương
Hồn lạc lõng trên nẻo đường hiu quạnh*

*Em đến thăm anh một chiều không hẹn ước
Nghe nghẹn ngào nắng úa kiếp tha hương
Thành Ba Lê tàn nhạt cảnh nghệ thường
Tình ế ẩm giữa chợ đời ghê lạnh!*

Em đến bên anh
Hương nồng sưởi ấm
Đôi môi ngọt thắm
Men tình ngọt say
Thân mai gửi trọn vòng tay
Ba sinh gửi trọn một ngày đam mê
Chập chôn cánh bướm hồn quê
Chàng Lưu quên hẳn đường về trần gian!
(Em Đến Thắm Anh)

Nồng nhiệt, đắm say dù biết rằng cuộc tình chỉ là "tình bọt nước" nhưng đây thi vị như người thơ Ng. H. đã gởi cho anh:
... Ngàn năm bọt vỡ trên thành đá,
Đập tan từng chút kỷ niệm hồng

Anh viết bài thơ cảm tạ lòng ưu ái của "một người biết thông cảm một con người", để khẳng định một "hòa điệu tâm tư" giữa người và người. Thế cho nên anh vươn lên để sống, dù khó tìm ra thần tượng, dù không có cuộc tình nào tuyệt mỹ!
Anh vẫn sống với đời, dù em bảo đời là bào ảnh, nhất mốt những mảnh tình mong manh chỉ để đánh lừa mình giữa cuộc đời ghê lạnh. Nhưng dù cuộc tình dang dở, anh vẫn khát khao một phút huy hoàng ngàn hoa mở hội...

Anh vẫn cố quên đau thương để sống, ngày này tiếp nối ngày qua, vì khi vốn là kẻ nòi tình thì phải chấp nhận cái đẹp khi còn trong ảo mộng.

Anh dám yêu, dám sống dù biết phủ phàng hay gặp bao nhiêu gian khổ, những vẫn củ yêu, củ sống- sống cho mình, cho người, cho sông núi:

Chẳng cần nói, em cũng đã đủ biết
Anh đam mê tìm từng phút rạt rào
Cố ngoi lên để thoát kiếp tù ao
Sống phẳng lặng, vật vờ, dang dở chết

Em từng bảo ngàn năm tình bọt nước
Tìm đâu ra thần tượng giữa trăng sao?
Tìm đâu ra giữa đất rộng trời cao
Tình tuyệt mỹ trên nguồn đào lạc bước?

Em từng bảo đời chỉ là ảo ảnh
Đừng hoài công nhặt mốt những mảnh tình
Mong manh, để lừa cái "chính mình"
Đang lạc lõng giữa chợ đời ghê lạnh!

Những anh vẫn khát khao, dù dang dở
Cùng ngàn hoa mở hội đón muôn phũ phàng
Cho đôi bờ nồng thắm giấc Tiêu Túng
Tìm giây phút huy hoàng trong một thuở

Anh không thể lãng quên đi để sống
Vi ngày nay còn vang bóng ngày qua
Vi những ai trót nặng kiếp hào hoa
Đời chỉ đẹp khi còn trong ảo mộng!

Đời đáng sống khi lòng ta dám sống
Biết phủ phàng mà ta vẫn củ yêu
Biết gian lao mà ba bảy cũng liều
Cho sông núi, muôn người, tình mở rộng
(Đam Mê)

Từ đó anh nhớ lại ngày gặp gỡ tình cờ đầu tiên vào một chiều thu lạnh, khép nép nhìn nhau, nhưng lòng rạo rức tưởng như đã quen nhau từ tiền kiếp. Tình cảm càng

khẩn khít hơn trong mối cảm hoài về tình sông nghĩa núi. Em là gái anh thơ của nguồn sông Hát. Anh mang dòng máu nghĩa quân của núi Lam Sơn.

Em là mây phôi phôi tháng ngày ngang dọc giữa trời xanh, là trùng đường với với âm thanh của khúc trường ca tình bất tận. Mắt đắm đuối, môi ngọt ngào mong một đời kề vai tựa má, trọn kiếp hưởng nguyên với em để nối lại bài thơ dang dở:

Anh gặp em một chiều không hẹn ước
Một chiều thu lạnh lẽo giữa sông rơi
Thoáng nhìn nhau khép nép chẳng nên lời
Lòng rạo rức như quen nhau từ trước

Anh gặp em trong tâm tình đất nước
Trong cảm hoài của nguồn Hát, sông Nam
Trong mảnh người còn sót lại của trời Nam
Trong trăng nước động đào thơ dẫn lối

Em như mây trắng ngàn năm bay phất phôi
Theo tháng ngày ngang dọc giữa trời xanh
Em là trùng đường ôm ấp vạn âm thanh
Của bao khúc trường ca tình với với

Mắt đắm đuối chôn vùi bao huyền thoại
Môi ngọt bụi tó nhạt vị nồng cay
Khi cuộc đời trao lại giữa vòng tay
Đầu ngã kề vai, một trời luyến ái

Cho bướm say hoa, cho trăng say gió
Cho yêu đường ngưng đọng giữa tháng ngày
Cho hương nguyên kiếp trước hẹn về đây
Cho nối lại lời thơ còn dang dở.
(Gặp Gỡ)

Lời thơ dang dở trong lần "Gặp Gỡ" hay cung đàn dang dở trong "Nước Chảy Hoa Trôi" với thể điệu lục bát già dặn trau chuốt, với nhịp điệu âm thanh trầm bổng dịu dàng, với lối sử dụng điệp ngữ tài tình, anh Võ Thu Tịnh đã truyền đạt những xúc cảm của mình đến tận tâm khảm của người đọc. Đầu đó ta còn nghe tâm tình gởi cho gió trắng, đong đưa theo ngày tháng nhạt phai lời thề. Đầu đó ta còn nghe cung đàn bi thương trên những nẻo đường Paris, vẫn vương tìm lại dấu chân người cũ, bây giờ đã biệt mù dấu chim, cũng tựa như nước chảy mây trôi. Em ơi, yêu chỉ một lần, đốt lò hướng cũ, tìm lại vóc dáng ngày xưa... :

Nỗi niềm gửi gió- gió bay
Gửi trăng- trăng lặn, gửi ngày- ngày trôi
Gửi tình- tình những phai rồi
Gửi người- người đã nhạt lời sát son!

Vi ai sông cạn, núi mòn
Cung đàn dang dở vẫn còn vương tỏ
Ba Lê lối cũ còn trở
Mà người trong mộng bây giờ về đâu?

Kể từ khi môi gặp nhau
Thuở ai hôm sôm dãi dầu một thân
Yêu ai nỗi khúc xa gần
Kính ai "đời chỉ một lần yêu thôi"...

Bây giờ nước chảy mây trôi
Đốt lò hướng cũ hỏi lời nguyên xưa...
Tháng ngày khân gò gió đưa
Ai đâu đi sôm về trúa với nàng?!

(Nước Chảy Hoa Trôi)

Ngoài ra, anh Võ Thu Tịnh còn có những vần lục bát dễ thương:

Hai hôm là mấy dặm đường
Mà thêm chín nhử mười thưởng hồi người!

Về đây lẩn trốn tình đời
Tâm tư lạc giữa hướng trời sắc hoa
Mây gần trả lại núi xa
Trường đình trả lại cho ta với nàng

...

(Một Chuyến Đi)

Hoặc:
Bây giờ lỗi nhịp cung thường
Mà dư âm vẫn còn vương tỏ đồng

...

Đoạn trường anh hỏi có hay
Giọng vui với cảnh, giọng khuấy với đời!
(Một Lần Yêu Thôi)

Tóm lại, thơ Võ Thu Tịnh chan chứa hoài cảm, thơ trang trải hoài niệm về cố nhân, về quê hương, về thân phận lưu vong. Thơ viết cho mình, cho người, cho đời.

Thơ Võ Thu Tịnh, thơ của một người đã từng trải với trường đời, đã gặp nhiều truân chuyên với trường tình. Thơ chấp nhận gian lao khổ vò để tìm một đoàn tụ yên vui, để chung hòa tâm cảm giữa người và người và để thủ hòa điệu sống với cuộc đời vọng động...

*

"...Quê hương tôi nghèo lắm ai đi mùa đông thiếu áo, hè thời thiếu ăn. Trời hành, trời hành cơn lụt mỗi năm...", nếu được nghe lại bài ca "Tiếng Sông Hương" của Phạm Đình Chương qua tiếng hát vượt thời gian của Thái Thanh trong một đêm mưa gió mùa thu năm nay, thì hẳn chúng ta không khỏi chạnh lòng thương xót cho hàng trăm triệu nạn nhân trước những cảnh tang thương do thiên tai bão lụt đã xảy ra trên thế giới. Từ Bangladesh, Trung Quốc, Nhật Bản, Phi Luật Tân, Mỹ Tây Cỏ, Cu Ba, Cộng Hòa Dominik, Hoa Kỳ. Chưa kể ở các quốc gia khác, chỉ ở Bangladesh đã có hơn 10 triệu người không nhà, ở Trung Quốc 240 triệu và ngay ở Hoa Kỳ... chính quyền cũng phải di tản hơn 1,5 triệu người đến tạm trú ở các vùng an toàn để tránh những cơn bão tố kinh khiếp chưa từng có trong lịch sử từ 30 năm qua. Những nạn nhân này cần phải có những mái nhà, hay ít ra là những mái nhà chung!

Không có nhân thì chẳng có quả. Gieo nhân lành, nhận quả tốt. Gieo gió, gặt bão. Con người thường sống chết vì tham vọng, cường quyền, nên thế giới luôn luôn sôi động từ năm này qua năm khác. Chiến tranh tiếp diễn khắp nơi. Hòa bình vẫn hồi nơi này, thì biến động xảy ra nơi khác. Rất ít thấy ai xót thương cho sinh linh vô tội. Phải chăng, mỗi người chúng ta đều mang một nghiệp quả, phải trả, phải đền cho kiếp trước đã nợ nần vay mượn! Rất ít thấy ai lo lắng hay quan tâm đời sống tâm linh cho người- nhất là những người trọng tuổi. Trong những năm dài theo cuộc sống, họ đã hưởng được hạnh phúc an lạc hay họ

phải thọ lãnh những bất hạnh đau thương. Nhận hay trả, mượn hay cho, có hay không... dù bất cứ ở lứa tuổi nào, ở tình huống nào chúng ta đều phải tiếp tục tu học, tu tập hạnh lành...

Phải chăng từ nhận thức đó, từ lòng từ bi tế độ, Thượng Tọa Thích Như Điển, Chi Bộ Trưởng Chi Bộ Phật Giáo VNTN tại Đức Quốc đã quyết tâm tạo dựng "Mái Nhà Chung"- một Viện Dưỡng Lão thuần túy Việt Nam, mặc dù Thượng Tọa biết rằng mình đang đứng trước vô vàn khó khăn mà cá nhân phải nhận trách nhiệm.

Phải chăng, Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng cũng còn mang cái nghiệp dẫn thân vào xã hội để lo cho đời sống tâm linh của chúng sinh, từ Viên Giác "mái chùa che chở hồn dân tộc", đến "Mái Nhà Chung" cho những người già nua có nơi an dưỡng tuổi già. Trong phần kết của bài trình bày về chương trình xây dựng và kêu gọi sự ủng hộ của Phật Tử, Thượng Tọa viết:

"... Lỗi cuối, mong rằng Mục đích đã được đặt ra phải gặt hái được. Do vậy mà, nếu chỉ có một đầu óc suy nghĩ và hai bàn tay đón lễ thì sẽ không thành đại sự. Mà đại sự đó là vì chung chứ không phải vì riêng lẻ cho ai cả; nên mong rằng sẽ có được nhiều bàn tay xây dựng, đóng góp, hỗ trợ vào thì mới mong thành công viên mãn được".

Xin chân tâm cầu nguyện mười phương chú Phật gia hộ cho hạnh nguyện bồ tát của Thượng Tọa sớm được hoàn thành! *

(Thất Sơn, 10.98)



Chủ đề cho các số tới:

- VG.108 tháng 12.98: Những dòng Thơ Mới (góp bài cuối tháng 10.98)
- VG.109 tháng 02.99: Số Đặc Biệt về Xuân và Tết Kỳ Mão (góp bài cuối tháng 12.98)
- VG.110 tháng 4.99: Số Tân Niên (góp bài cuối tháng 02.99)

Lưu ý: Bài cho các số chủ đề, xin các văn thi hữu gởi đúng thời hạn ấn định.

Bài nhận trễ về số chủ đề Mẹ và Vu Lan nên không thể xuất hiện trên VG.106: - Thiện Bảo Nguyễn Ngọc Thạch (Đức), - Vũ Phi Vân (Pháp), - Trần Minh Hòa (Đức), - Trần Thị Ngọc Lan (Đức), - Nguyễn Phú Thủ (Pháp). ●

Thơ

* Thiện Mẫn Nguyễn Minh Cần

(Ghi lời người tù sắp được thả nói với bạn tù)

Kính tặng các chiến sĩ dân chủ và tù nhân lương tâm vừa ra khỏi ngục tù)

Ngày mai anh ra đi

Ngày mai anh ra,
Còn em ở lại!
Ngày mai anh ra
Mà lòng tế tái!
Ngày mai anh ra,
Núi rừng ở lại,
Sương chiều xuống rải
Trên bao nấn mỡ
Lạnh lẽo, đơn côi
Một màu tang tóc!
Chim đêm thềm khóc
Cho những oan hồn
Lấy thân lột đui đờng
Để Tự Do tới!

Ngày mai anh ra
Để về với mẹ,
Với cha,
Về với vợ,
Với con,
Về với xóm thôn,
Về ngôi chùa cũ!
Mẹ cha héo úa,
Vợ con xác xơ,
Thôn xóm bỏ phố,
Chùa xưa khác lạ...

Ngày mai được thả,
Anh nào được trả
Tự Do !?
Ra khỏi tù nhỏ
Lại vào tù to,
Nơi nhốt mẹ cha,
Vợ con, làng xóm,
Nhân dân, bầu bạn!

Ngày mai anh ra,
Thôi, em ở lại
Cố gắng giữ mình!
Còn anh?
Anh lại đấu tranh
Cho ngày mai tới,
Ngày mai chói lọi
Ánh sáng Tự Do,
Tù ngục thành tro,
Toàn dân vùng dậy.

1.9.98



● Hoàng Ngọc Quỳnh Giao

Buồn Tàn Thu



(Cảm tác theo Buồn Tàn Thu của Văn Cao và Tiếng Hát Vượt Thời Gian)

Em vẫn biết thời gian đi rồi không trở
lại
Không gian biến hình cho mở ước một
thoáng tàn phai
Nhưng ngày đi đêm tới... dấu ngày tháng
mãi hững hờ
Niềm thương nhỏ vẫn triền miên... dâng
ngập tràn mi mắt
Em vẫn biết tình yêu kia chợt say rồi
chợt mất
Một thoáng ngỡ ngàng những nụ hôn đòi
vội trời chặt mắt môi...
Rồi mãi quanh em những dấu chân của
kỷ niệm vẫn không rời
Và xuân đi... thu đến, gió hôn nhẹ chợt
lá vàng rơi!

Em lặng lẽ âm thầm nghe thời gian buồn
trở bước
Trời chớm thu sao nghe lòng nay đã
sang thu
Trắng mãi cao vợi vợi buồn không tỏ nên
lời
Và muôn triệu nghìn sao phút chốc... là
muôn trùng xa cách!
Em biết anh sẽ đi nên lòng vẫn không
lời oán trách
Và thời gian là tháng năm của ngày đêm
trông ngóng...

Những sao anh ơi
Thu vợi đến nay rồi thu cũng đã vội đi
Như yêu thương kia trong ánh mắt đã vội
phai tàn
Và... thôi tình em đó
Rồi cũng như những chiếc lá chợt úa
vàng
Rồi chết lịm dần... tan tác với mỗi một
dáng thu phai...

(Trích trong Vàng Hướng Mộng Ngọc)

VẤN ĐỀ PHIÊN DỊCH ĐƯỜNG THI

Bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu

■ THÁI CAN

LTS. Bác sĩ Thái Can, thi sĩ tiền chiến mà Hoài Thanh đã dành nhiều trang sách *Thi Nhân Việt Nam* (1941) để trích dẫn, phê bình thơ của ông. Trong bài *Vi thanh "Nhỏ To"* Hoài Thanh có câu "khi tôi xem Thái Can đã quên hẳn Xuân Diệu". Vì sao? Hai người này tuy cùng phái Thơ Mới, nhưng Xuân Diệu thuộc dòng Pháp, Thái Can thuộc dòng Đường. Ở Thái Can hồn thơ Đường có cái cốt cách đời Thịnh. Khi phê bình thơ Quách Tấn, Hoài Thanh còn viết: "Mùa Cổ Điển" (tập thơ *Đường Luật*) gồm cả cái giàu sang của Thái Can và Leiba. Như vậy Thái Can và Leiba là chứng môn phái Thơ Mới có căn bản Đường Thi.

Thi tập *Nét Đan Thanh của Thái Can* xuất bản năm 1934 là tác phẩm Thơ mới đầu tiên. Bốn năm sau tập *Thơ Thơ của Xuân Diệu* mới ấn hành.

Sau đó Thái Can còn học thêm chữ Hán nhiều năm và làm thơ chữ Hán. Với cái vốn Đường Thi ấy bài viết sau đây của Bác sĩ Thái Can phải có nhiều kiến thức thâm thúy.

...
O đây tôi chỉ xin nói về mỗi một vấn đề phiên dịch Đường Thi. Thế nào là một bài thơ dịch Đường Thi hay? Nói một cách tổng quát, một bài thơ dịch Đường Thi hay phải thỏa mãn được 4 điểm chính yếu sau đây:

1. Đúng với *Nghĩa* và *Ý Tinh* của bài thơ nguyên tác. Tôi không nói phải thật sát nghĩa từng chữ Hán. Nếu thường thường nếu dịch sát từng chữ (littéral) thì sẽ làm mất cái Thi hồn của câu thơ Việt ngữ. Chỉ cần phải đúng sai hoặc đi quá xa nghĩa và ý tinh của câu thơ nguyên tác.

2. Về hình thức, đúng *Niêm, Luật* Văn của Đường thi, nếu dịch theo thể Luật thi. Nếu dịch theo thể thơ khác của Việt thi, Lục Bát, Song Thất lục bát v.v... thì phải đúng luật của thể thơ ấy.

Gần đây có người dịch theo thể thơ tám chữ hay tự do. Nhưng các thể thơ này không giữ được cái cốt cách cái phong thái Đường thi.

3. *Âm điệu, nhạc điệu* của câu thơ phiên dịch. Thất ngôn bát cú hay tứ tuyệt, lục bát hay song thất lục bát v.v... mỗi loại

đều có cái nhạc điệu riêng của nó. Nếu đúng niêm luật, vẫn nhưng khổ đọc thì vẫn mất đi cái âm điệu du dương lên bổng xuống trầm của nó.

4. Từ tạo hay lời thơ một yếu tố quan trọng. Ý tinh, tứ thơ đã có sẵn trong nguyên tác, dịch giả chỉ cần nương theo đó mà tìm lời thơ cho đẹp, cho chính xác, cho thích hợp thích nghi (approprié), diễn tả cho song suốt, êm ái đĩnh vi kệt vàn đối ngẫu mà bịa thêm ý tình hay sự vật vô vấn để giải quyết mấy cái kệt kia, làm cho câu thơ hóa ra ngô ngẩn, buồn cười. Người hiểu thơ khó lòng chấp nhận.

Trên đây là mấy điểm chính yếu. Giữ cho đúng phạm đến mới được gọi là một bài thơ dịch chỉnh túc, nghiêm trang không thừa không thiếu ý chính, không sai lạc, không đi quá xa câu thơ nguyên tác. Tôi nói ý chính vì lẽ câu thơ Hán văn thường có lối sắp chữ sít nhau (justaposer les mots) thành ra cùng có 5 hay 7 chữ không thể nào phiên dịch đầy đủ nghĩa của 5 hay 7 chữ Hán. Vì vậy người dịch phải chọn ý chính, bỏ bớt ý phụ mà không phung phí đến ý nghĩa của toàn bài thơ.

Theo những nguyên tắc vừa kể ở trên mà hầu hết những nhà thơ nghiêm khắc đã chấp nhận. Chúng ta thử xét mấy câu dịch sau đây:

Nguyên tác:

*Tinh Xuyên, lịch lịch Hán Dương thu
Phương thảo thể thể Anh Vũ Châu.*

Nghĩa:

Trời xanh mặt sông phản chiếu rõ cây cối Hán Dương, Cỏ thơm trên bãi Anh Vũ xanh tươi.

Thi sĩ danh tiếng Vũ Hoàng Chương dịch:

*Cây bến Hán Dương còn nắng chiếu
Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi*

Đối chiếu câu thơ dịch với nghĩa của câu thơ nguyên tác, chúng ta thấy cái ý nước sông Hán Dương phẳng lặng thấy rõ hàng cây (ở về trên). Về dưới thiếu ý: cỏ thơm xanh tươi, và thừa ba chữ "chẳng ai chơi" quá xa lạ với nguyên tác Hán văn. Có lẽ dịch giả đã đem vào để thỏa mãn đối ngẫu và vần.

Thi hào Tản Đà dịch:

*Hán Dương sông tạnh cây bầy
Bãi xa Anh Vũ xanh đầy cỏ non.*

Nhà thơ Chi Điền dịch:

*Hán Dương cây cỏ dòng sông tạnh
Anh Vũ bờ thơm bãi cỏ tươi.*

Phê bình câu thơ dịch của Tản Đà, học giả Đào Đăng Vỹ viết: "Tứ thơ nguyên tác, vần được tôn trọng, mà cái hồn thơ Việt ngữ được giữ trọn. Thật là thánh thót du dương, lại thêm cái thể lục bát đặc biệt của thi sĩ Việt Nam nó làm cho câu thơ thêm bóng trầm truyền cảm".

Phê bình câu thơ dịch của Chi Điền, học giả Đào Đăng Vỹ viết: "Cũng trong nguyên tắc vừa tôn trọng ý tứ thơ Hán Văn vừa giữ trọn cái hồn thơ Việt ngữ. Với thể thất ngôn thì giữ được cái khuôn khổ và âm điệu Đường thi. Cái ưu điểm đáng được nêu ra là chữ thơm đã dịch được chữ phương và chữ tươi dịch được chữ thể thể. "Phương thảo thể thể" của nguyên tác mà dịch đủ cả hai trạng thái thơm và tươi thì kể cũng là tài tình, khéo gói ghém vào trong bảy chữ của câu thơ Đường Luật.

Nguyên tác:

Nhật mộ hương quan hà xứ thị?

Yên ba Giang thượng sử nhân sầu.

Nghĩa:

Trời tối rồi, đâu là quê hương mình?

Trên sông khói tỏa, sóng gợn, khiến người cảm thấy buồn.

Vũ Hoàng Chương dịch:

Gần xa, chiều xuống đâu quê quán?

Đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi!

Nếu là một câu thơ sáng tác thì thật là hay thật sống động. Nhưng là một câu thơ dịch thì nó xa câu thơ nguyên tác quá. Nó không còn tính cách phiên dịch. Nó là một câu thơ phóng tác lấy ý của nguyên tác mà làm một câu thơ khác; van xin: "sóng đừng giục cơn sầu người ta nữa", chứ không phải là: "khói sóng trên sông làm người ta buồn". Xét ra ý tinh có khác (xin xem điều 1 & 4 ở đoạn đầu)

Tản Đà dịch:

Quê hương khuất bóng hoàng hôn

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai!

Chi Điền dịch:

Chiều xuống quê nhà... đâu đó tá?

Trên sông khói sóng nào lòng ai!

Bốn câu thơ dịch của hai dịch giả sau không sống động như hai câu thơ của họ Vũ, nhưng là những câu thơ dịch đúng phong thái và cách điệu, nó phiên dịch đầy đủ cảnh vật và ý tinh gói ghém trong hai câu thơ của Thôi Hiệu. Ngoài ra từ tạo và âm điệu rất hoàn hảo.

Nhân có hội tôi muốn bàn rộng đến những bài thơ dịch khác. Mặc dầu tôi có nghiên cứu về thơ và sáng tác thơ Đường luật từ đầu thập niên 30 và phê bình gia Hoài Thanh nói đến trong quyển *Thi Nhân*

Việt Nam xuất bản năm 1941 nhưng khi rành rồi đọc sách thơ dịch Đường thi của các nhà thơ danh tiếng Tản Đà, Ngô Tất Tố... thì chỉ đọc ngâm nga cho vui và yên trí đây là những dịch phẩm tuyệt vời hơn nữa cái hào quang của dịch giả ở trên văn đàn làm cho mình thêm tin tưởng. Thành ra không nghĩ đến vấn đề nghiên cứu phân tách, đối chiếu, so sánh các bài thơ dịch. Vào giữa thập niên 80 di cư qua đây, nhận rồi quá mỗi đọc kỹ bộ Đường thi Tuyển Dịch của Chi Điền Hoàng Duy Tử. Nhờ trong sách này tác giả có in kèm theo bài thơ mình, nhiều bài thơ khác của Tản Đà, Ngô Tất Tố, Trần Trọng Kim v.v... làm cho việc so sánh đối chiếu các bài thơ rất thuận tiện không phải tìm kiếm đâu xa. Ngoài ra trong bài giới thiệu của học giả Đào Đăng Vỹ cũng như bài Lời Nói Đầu đã có nhiều chỉ dẫn giúp cho độc giả nghiên cứu. Do đó, tôi mới khám phá ra rằng cái yên trí cái định kiến của mình cộng với cái hào quang của các nhà thơ lớn đã đem đến cho mình nhiều sai lầm trong việc đánh giá các dịch phẩm. Cũng có thể mình quên nghĩ rằng có lúc một nhà thơ trong khi mệt mỏi không có thi hứng, mà cũng phải gượng dịch một bài thơ cho kịp đưa nhà in là đang phiên dịch mà cứ ngỡ là đang sáng tác rồi phóng bút để thơ theo thi hứng, quên cả ý tình tứ thơ nguyên tác nên mới có những câu dịch như sau:

"Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi"

hay là bài dịch: Tùng Hạ vấn Đồng Tử của Gia Đào dưới đây:

Tùng Hạ vấn đồng tử
Ngôn sứ thái được khứ
Chỉ tại thú sơn trung
Vân thâm bất trí xử

Tản Đà dịch:

Dưới thông hỏi chú học trò
Rằng thầy hái thuốc là mò đi xa
Chỉ trong dãy núi đây mà
Mây che mù mịt biết là nơi nao?

Ai cũng thấy mấy cụm từ: là mò đi xa, dãy núi đây mà, mù mịt... nó thiếu "chất thơ" nhiều quá. Làm sao thi bá Tản Đà mà có thể viết những câu thơ như thế? Nếu không phải vì vội vã, mệt mỏi bị thúc hối rồi viết đại cho xong.

Cũng bài ấy Chi Điền dịch:

Dưới thông hỏi chú tiểu đồng
Thưa thầy hái thuốc nên không có nhà
Thầy đi quanh núi không xa
Mây dày che khuất biết là nơi đâu?

Vừa sát nghĩa, đúng ý tình, lời thơ nhẹ nhàng thanh tao.

Hai câu thơ trong bài Thanh Bình Điệu của Lý Bạch:

Tá vấn Hán cung thùy đặc lệ
Khả liên Phi Yến ý tân trang

Ngô Tất Tố dịch:

Uống hỏi Hán cung ai mãng tướng
Điểm tô nàng Yến tốn bao công?

Vừa khó hiểu và không thật đúng nghĩa.

Chi Điền dịch:

Hỏi trong cung Hán ai bằng?
Khả thương Phi Yến nhọc lòng điểm trang!

Vừa dễ hiểu vừa đúng nghĩa, lại bình dị nên thơ.

Sáu câu thơ chót của bài Tương Tiến Tửu (Sắp Mời Rượu) của Lý Bạch:

Chủ nhân hà vi ngôn thiếu tiên
Kinh tu cô thủ đối quân chuốc
Ngũ hoa mã
Thiên kim cừu

Hồ nhi tương xuất hoán mỹ tửu
Dữ nhi đồng tiêu vạn cổ sầu

Trong sách Ngô Tất Tố ký tên Vô Danh dịch:

Tiền chủ nhân bao quản ngân dài
Cũng mua nữa cùng người khuyển rót
Ngựa hoa tốt mà áo cừu cũng tốt
Gọi đồng ra mà đối lấy rượu ngon
Cùng người giải vạn kiếp buồn!

Ông Tố không dịch mà lấy bài dịch của Vô Danh để in vào sách mình, như vậy có nghĩa là ông Tố cho bài dịch này hay rồi, không cần dịch nữa.

Chi Điền dịch:

Sao chủ lại cứ lo tiền hết?
Rượu mua đi để thết bạn vàng
Ngựa năm sắc, áo cừu sang
Gọi đồng đem đối rượu ngon mấy bầu
Cùng nhau tiêu vạn cổ sầu!!!

Theo tôi năm câu thơ dịch này thật là sát nghĩa, lột hết ý thơ của nguyên tác nhất là ba câu thơ chót thật độc đáo.

Ngũ hoa mã, thiên kim cừu
Hồ nhi tương xuất hoán mỹ tửu

mà dịch là:

Ngựa năm sắc, áo cừu sang
Gọi đồng đem đối rượu ngon mấy bầu.

thì thật là tuyệt diệu! Hơi thơ mạnh mẽ, đôn đật, rồi bắt qua mệnh lệnh phóng khoáng của kẻ cả. Đúng là giọng thơ của Lý Bạch. Cũng như cái giọng kẻ cả và mệnh lệnh của ông trong bài Sơn Trung Dữ U Nhân Đối Chuốc.

Lưỡng nhân đối chuốc sơn hoa khai
Nhất bôi nhất bôi hửu nhất bôi
Ngã tuy dục miên khanh khả khứ
Minh triều hửu ý báo cầm lai

Chi Điền dịch:

Hoa nở đầy non cùng chuốc chén
Rót ly với... nốc cạn ly đây
Ta say muốn ngủ, người về trước
Mai nhớ mang đàn trở lại đây

Sau hết xin mời bạn đọc thường lãm bài Oán Tĩnh cũng của tiên thi Lý Bạch, bài thơ trữ tình rất được truyền tụng.

Mỹ nhân quyến châu liêm

Thâm tòa tần nga mi

Đàn kiến lệ ngân trấp

Bất trị tâm hận thù!

Tản Đà dịch:

Người xinh cuốn bức rèm châu

Ngồi im thắm thắm nhãn châu đôi mày

Chỉ hay giọt lệ rơi đây

Đố ai biết được lòng này giận ai?

Chi Điền dịch:

Nhẹ nhàng người đẹp cuốn rèm châu

Thoang thoáng mày xuân thoáng nét

sầu

Ngán lệ rúng rúng tràn khóe mắt

Vi ai? Ai biết? Lệ vì đâu?

Chắc quý vị độc giả thấy ba câu đầu diễn tả người đẹp với những câu thơ trang trọng êm đềm từ củ chỉ cuốn rèm đến nét buồn thoáng trên đôi lông mày, cái buồn xa vắng đang sầm sập đến đũa ngán lệ tràn mi, rồi dồn dập trên câu thơ đứng quãng. Vi ai? Ai biết? Lệ vì đâu?...

Dùng một thi phong thích đáng để diễn tả nỗi buồn của giai nhân đang ôm ấp trong lòng vì mối tình u uẩn thì phải nói là thật tài tình.

Nếu "nhà thơ dịch" không rung cảm với cái rung cảm của "nhà thơ sáng tác" thì không thể nào diễn tả được một cách sống động đầy thiết tha, dẫn vật như thế được. Đến đây tôi thiết tưởng không nên nhắc đến lời phê bình của nhà văn đương thời Phạm Nam Sách trong bài Mà Nghìn Thi Vọng Mãi đăng trong báo Thời Luận mùa Xuân 1989 sau in lại thay lời tựa trong Đường Thi Tuyển Dịch IV Bạch Cư Dị của Chi Điền Hoàng Duy Tử, 1989.

Phạm Nam Sách viết: "...Ông (Chi Điền) để tâm hồn rung động với ý thơ của người xưa, ông trao tình cảm cho ý thơ ấy chuyển đi, và ông sáng tạo trong chữ, vần, âm thanh, âm điệu. Với Chi Điền tiếng nước ta thật là phong phú và súc tích không kém gì chữ Hán. Hãy đọc thử hai câu trong Lâm Giang Tống Hạ Chiên của Bạch Cư Dị:

Sầu kiến chu hành phong hựu khởi

Bạch đầu lãng lý, bạch đầu nhân

rồi tưởng tới hình ảnh con thuyền ra khơi giữa lúc trời nổi gió vùn vùn, con thuyền ấy lại mang theo một cố nhân đầu bạc, mình đứng trên bờ tần ngần nhìn theo, thấy giữa làn sóng bạc, một cái đầu bạc... Ý như thế thì thật tuyệt! Chi Điền chuyên chở ý ấy vào hai câu thơ lục bát:

Buồn trông gió cuốn thuyền xa

Bạc đầu ngọn sóng chan hòa mái sượng!

Tường không làm sao chuyển ngữ hay hơn, vừa sát nghĩa, vừa giữ đúng ý, mà lại dồi dào âm thanh và nhạc điệu. Lời thơ của Chi Điền tôi gọi là thơ, tôi không gọi là thơ dịch không còn mang ý Hán mà chuyển thành ý Việt. Lời thơ ấy có giọng thơ, hơi thơ và nhạc thơ. Tôi đã thích hai câu dịch của Tân Đà:

*Buồn trông ngọn gió theo thuyền nổi
Sóng bạc đầu quanh khách bạc đầu!*

Những hai câu thất ngôn này vẫn "nặng nề" về cấu trúc, nên thiếu hẳn cái nhạc bên trong. Nhạc bên trong chính là bản chất tâm trạng cảm xúc của nhà thơ lúc sáng tạo.

Đọc xong Đường Thi Tuyển Dịch của Chi Điền tôi mới thấy những lời bình phẩm trên đây và những câu thơ cảm đề của mấy thi hữu sau đây là thích đáng và thành thật:

*... Ý thơ diễn thoát thanh tao
Lời thơ, âm điệu, ngọt ngào êm tai
Chọn vần lựa chữ thật tài
Chuyển thơ nguyên tác chẳng sai thơ*

minh

(Đào Hữu Dương)

*... Lời sao dịch khéo như hoa
Đọc thơ nay, ngỡ đâu là thơ xưa!...*
(Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh)

*... Câu thơ trác tuyệt dịch thơ Đường
Tử cựu, lời tân, khắp mấy chướng
Khen bạn Chi Điền gieo vần khéo
Chữ ngân tiếng nhạc giã lên hương!...*
(Hương Thủy Hoàng Trọng Thuộc).

*... Chi Điền riêng tạo lối dịch Đường
Thi,
Phiên dịch so nguyên tác chẳng kém
gi
Về đặc sắc giữ y hồn, nhạc, điệu.*
(Y Vân Tú Nguyễn Trung Ấn)

Nhà thơ Nam Xuyên với những câu thơ 8 chữ đã duyên dáng và rất văn chương viết:

*Hỡi nàng thơ! Đây là trang hào nhã,
Dòng thu hương thanh giá đất Thần
Châu*

*Có sông Hương, có núi Ngự xinh sao!
Yêu vẻ đẹp trong thơ Đường tha thiết
Hoàng quân đã diễn ra bằng tiếng Việt
Những ý thơ diễm tuyệt của người xưa
Như cảnh Lương Viên chiều xuống tiêu
sơ*

*Người đã vắng khi xuân về hoa nở...
... Hỡi Chi Điền! cảm đề trao đến bạn
Giọng Hàn Thuyên tỏ rạng ý thơ
Đường*

*Quý càng thêm trên màu giấy Lạc
Dương (1)*

Xin tán thưởng với đôi hàng trân trọng.
(Nam Xuyên)

Thơ cảm đề sách Tuyển Dịch Đường Thi còn rất nhiều, tôi chỉ trích dẫn mấy dòng điển hình cống hiến độc giả thường lãm và xin tạ lỗi với quý thi hữu có thơ cảm đề mà không đề cập đến. Vì bài phiếm luận đã quá dài mà cột báo thì có hạn.

● Vọng Chi Thái Can

Chú Thích:

(1) Lạc Dương chỉ giấy quý. Giấy Lạc Dương quý đắt và khan hiếm. Lấy ở điển tích: Tả Tù dời nhà Tấn (khoảng 200 năm trước Công nguyên) ở Lạc Dương làm bài Phú Tam Đô, 10 năm mới xong. Bài phú hay quá đến nỗi văn nhân thi sĩ vương hầu khanh tướng cũng như dân chúng đều đua nhau mua giấy chép lại, đến nỗi giấy ở thành Lạc Dương trở nên khan hiếm, quý và đắt. Lạc Dương ở trong tỉnh Hà Nam, kinh đô nhà Chu, Hán là đất nghìn năm văn vật.

Dùng điển tích này tác giả ý muốn cho sách Đường Thi Tuyển Dịch được độc giả ưa thích như phú Tam Đô của Tả Tù.

(Đường Thi Tuyển Dịch I xb. 1984, của Chi Điền Hoàng Duy Tú).

Nếu ...

Tặng Tuy Anh, tác giả bài "Về Rừng"

*Tôi cúi đầu ngâm ngợi niềm thông cảm
Cảnh bó tay chiến sĩ chốn sa trường
Ôi lệnh "tan hàng, buông súng" quá đau thương
Máu sôi sục cảm hồn tiêu danh dự!*

*Khắp mặt trận vẫn tinh thần quyết tử
Suốt dọc Trường Sơn mong giữ vững cờ đỏ
Mảnh đất miền Nam mạch sống tự ngàn xưa
Quân cõi Bắc đang cố tình xâm chiếm!*

*Nếu lẽ phải xưa nay là bất biến
Nếu ngoại bang không yểm trợ quân thù
Lấy tiền đồn Bắc Việt lập chiến khu
Mong nhuộm đỏ toàn cầu thành một khối*

*Thì quân Bắc đã không mang tội lỗi
Cảnh tượng tàn cốt nhục, nát Quê Cha
Đẩy dân Nam vào biển thảm ngút phong ba
Ôm khối hận lia Quê Cha Đất Tổ*

*Tôi ghê mãi cảnh hãi hùng quá khứ
Nghĩ về bao chiến sĩ đã hy sinh
Bao chiến sĩ còn giam mình trong ngục tối
Bao chiến sĩ xử người đang trôi nổi
Nuôi chí quật cường tìm lại Quê hương.*

** Vân Nường*



HỒ XUÂN HƯƠNG nàng là ai ?

Hồ Xuân Hương nàng là ai? mà tài thơ văn, sắc đẹp khuynh thành nàng làm say đắm các bậc thi hào, danh sĩ đương thời.

Nàng mất rồi, hai trăm năm sau, dân tộc Việt Nam còn đổ bao bút mực, giấy sách để tìm kiếm nàng, truyền tụng về nàng. Thơ văn nàng tạo nên một trường phái Thơ Hồ Xuân Hương, thơ già lẫn lộn với thơ thật, giai thoại truyền khẩu thêm thắt, thêu dệt đời này đến đời khác cứ thêm vào.

Nhưng rồi nàng sinh năm nào? Tên thật là gì? Gia phả thế tộc nàng ra sao? Nàng cư ngụ nơi đâu? Sắc đẹp nàng như thế nào đối với các danh sĩ đương thời? Tài văn chương chữ Nôm chữ Hán của nàng ra sao? Thơ nàng còn lại những gì? bao nhiêu bài chữ Hán, bao nhiêu bài chữ Nôm? Thơ truyền khẩu Hồ Xuân Hương trong nhân gian, bài nào thật, bài nào giả? Các mối tình nàng với các bậc thi hào, danh sĩ đương thời, các vị ấy ngâm vịnh xướng họa với nàng bài gì nơi Cổ Nguyệt Đường? Bốn đời chồng của nàng thế mà người sau tiếc thương cho thân phận tài sắc vẹn toàn mà hồng nhan đa truân? Nàng mất năm nào, mộ nàng nơi đâu?

May mắn thay cho nền văn học nước nhà, năm 1956-1957 Cụ Nguyễn Văn Tú, Cử nhân Hán Học, quê làng Hành Thiện, một làng có trình độ văn hóa cao nhất thời xưa, tìm thấy trong tủ sách gia đình có tập Lưu Hương ký mang chú dẫn Hoan Trung Cổ Nguyệt Đường Xuân Hương nữ tử tập

琉香記
驍中古月堂春香女史輯

Với lòng yêu dân tộc, bảo tồn văn hóa gốc, ông đã đóng lại cẩn thận, gửi cho Ban Văn Sử Địa vừa thành lập ở Hà Nội, nhưng sách chưa có người chú ý đến.

Năm 1963, Ông Trần Thanh Mại phát hiện tại Thư Viện Khoa Học Trung Ương đóng lẫn với bài **Du Hương Tích Động Ký** của Chu Mạnh Trinh, một bài văn tựa của một tập thơ Hồ Xuân Hương nhan đề Lưu Hương Ký 琉香記 chính nàng đã đưa cho bạn bút tự là Tôn Phong 吳風 Sau bài tựa ấy không có thơ Lưu Hương Ký, nhưng có 31 bài thơ chữ Hán của Tôn Phong làm tặng đáp với nữ sĩ. Trần Thanh Mại mong muốn tìm lại Lưu Hương Ký gặp cụ Nguyễn Văn Tú năm 1965 thì chính cụ cho hay là Lưu Hương Ký đã nằm sẵn trong tủ sách Ban Văn Hóa đã 10 năm. Di cảo còn 22 trang viết hàng tám, có 52 bài thơ hay thể tử, gộp lại dưới 30 đầu đề gồm 24 bài chữ Hán và 28 bài chữ Nôm, phần xướng họa có lẫn thơ văn các danh sĩ đương thời. Các thơ Hồ Xuân Hương truyền khẩu góp nhặt trong tập Giai

Nhân Di Mặc của Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến gốc tích các thơ Hồ Xuân Hương về sau không có trong tập này.

Tại Paris, năm 1952 nhân làm đề yếu thư mục sách Hán-Nôm cho Thư Viện Quốc Gia Paris. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn tìm được 5 bài thơ chữ Hán của Hồ Xuân Hương đề Vịnh Hạ Long. Tháng 12 năm 1983 ông công bố toàn thể nghiên cứu về Hồ Xuân Hương, mà ông đã dày công nghiên cứu trong nhiều năm trời trên Tạp San Khoa Học Xã Hội tại Paris số 10-11. Với sự tổng hợp các khám phá trong nước và các tài liệu tìm được ở Paris. Văn bản chữ Nôm của Antony Landes, Giám Đốc Trường Thông Ngôn Sài Gòn muốn Lê Quý, Nguyễn Văn Đại chép thơ Hồ Xuân Hương truyền khẩu năm 1892 hiện lưu trữ tại Société Asiatique Paris. Bản Hồ Xuân Hương thi tập chữ Nôm in tại Thăng Long năm 1914 hiện lưu trữ tại Thư Viện Hoàng Xuân Hãn Paris. Và những tình tiết về cuộc đời Hồ Xuân Hương, các bản gia phả họ Hồ Quỳnh Lưu, các sách sử chép việc người chồng cuối cùng của Hồ Xuân Hương là quan Tham Hiệp Trấn Yên Quảng, bị viên án thủ Dung ghen ghét tố cáo, xúi giục dân kiện tội hối lộ, bị giam một năm và bị Vua Gia Long phê án tử hình.

Tại Hà Nội, cụ Trần Văn Giáp công bố tìm được tám bài thơ chữ Hán của Hồ Xuân Hương Vịnh Đờ Sơn Bát Cảnh trên báo Văn Nghệ số 247.

Trong Tạp chí Văn Học số 3-1974, Nguyễn Huệ Chi và Hồ Tuấn Niệm công bố tìm được ở Thanh Hóa một sách tàn phế chép thơ liên quan đến xứ Nghệ, sách chép tay có 4 bài thuộc loại Lưu Hương có hai bài thơ tặng-đáp Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Trần Ngọc Quán.

Mùa hè năm 1983, tôi đưa gia đình về nghỉ hè tại Dã Thụ Cam Tuyền tại Trouville bờ biển Normandie nước Pháp của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn. Bác Hãn vẫn về đây mỗi dịp hè. Năm ấy bác vừa hoàn thành xong công trình nghiên cứu về Hồ Xuân Hương. Tôi có dịp đọc và học hỏi nơi bác Hãn về Hồ Xuân Hương, dịp này tôi dịch hơn trăm bài thơ chữ Hán của Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du, bác Hãn xem lại và lấy làm đặc ý mừng được thấy có thanh niên trẻ yêu thích văn học, bác khuyến khích tôi nghiên cứu di sản văn hóa dân tộc.

Công trình nghiên cứu về Hồ Xuân Hương, tôi cũng không quên ơn nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc, nguyên Giáo sư Trung học Phan Bội Châu, Phan Thiết, người đã truyền cho tôi sự yêu thích thơ Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du.

Từ năm 1981 đến năm 1985, trước khi mất, thi hào Xuân Diệu có gửi tặng tôi toàn bộ di cảo, tác phẩm cà đời viết văn thơ của ông, nhờ tôi gìn giữ những tâm sự ông cho người đời sau. Trong đó có nhiều bài viết về Hồ Xuân Hương, những bài viết thật giá trị và sâu sắc, những so sánh giữa thơ Hồ Xuân Hương và Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Vua Lê Thánh Tông, giúp ta nhận chân được tài sử dụng ngôn ngữ, văn điệu của Xuân Hương qua đó chúng ta có thể thẩm định được đâu là thơ Xuân Hương thật cùng mạch thơ với Lưu Hương Ký, đâu là thơ giả.

Nối tiếp việc làm của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, Học giả Trần Thanh Mại và Thi hào Xuân Diệu, tôi tiến tới việc hoàn thành: **Hồ Xuân Hương toàn tập**, cho xứng đáng với tài nghệ, tính tình, thân

thế của một nữ thi hào độc đáo trong Văn Học Việt Nam mà Xuân Diệu gọi là Bà Chúa Thơ Nôm. Thơ sẽ gồm:

Phần một : Gồm giễu cợt lúc thiếu thời được nhân gian truyền khẩu.

Phần hai: Thơ lãng mạn lúc yêu đương, thơ tuy đầy vẻ gió mây trắng móc, nhưng đều tự đáy lòng mà phát ra, phần lớn là thơ trong **Lưu Hương Ký**. Xuân Hương đã tự chọn để ghi lại cuộc đời tình của mình lúc gần 50 tuổi, nàng chỉ chọn một mặt phong thái thơ mình cốt cho người đời sau hiểu mình, các loại thơ đùa nghịch hồi còn trẻ nàng không để vào đó.


Phần ba gồm các bài thơ ngâm vịnh nghiêm túc như các bài thơ Vịnh Hạ Long hay Đền Sơn Bát Cảnh. Xuân Hương viết sau tập Lưu Hương Ký, lúc nàng là bà Tham Hiệp ngồi sảnh đường phê án cùng chồng. Thơ chữ Hán tôi sẽ cố dịch cho gần với mạch thơ Hồ Xuân Hương vì e rằng ngày sau không còn bao người đọc được chữ Hán, Nôm và người dịch thơ lại không phải là nhà thơ nên chữ dùng gượng ép, không trình độ trau luyện công phu thơ Đường Luật làm mất đi những tinh anh của tài nữ Hồ Xuân Hương.

Phần bốn sẽ gồm thơ văn xuôi họa Cổ Nguyệt Đường, thơ các danh sĩ đương thời viết tặng Xuân Hương. Và phần phụ lục là các bài thơ trường phái Hồ Xuân Hương do các nhà thơ vô danh đời sau viết và gán ghép cho Xuân Hương.

Các thơ truyền khẩu Hồ Xuân Hương được in, xuất phát từ năm 1913, ông Nguyễn Ngọc Xuân sớm có máy in chữ quốc ngữ tại Bắc Kỳ, liền mở nhà xuất bản Xuân Lan để in truyện và thơ chữ quốc ngữ. Xuân Hương Thi Tập chữ quốc ngữ xuất hiện lần đầu tiên năm này, để bán chạy những bài thơ có tính khiêu dục nặng, châm chọc ít tú thơ, nghịch ngợm châm chọc ít tế nhị, người đưa ra nó cũng không nói rõ lấy từ đâu, e rằng thơ ngụy tạo.

Năm 1917, Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến viết Giai Nhân Dị Mặc thì số thơ gán cho Hồ Xuân Hương cũng tăng nhiều và thơ cũng được chỉnh đốn. Đông Châu cộng tác với Nam Phong Tạp Chí, giữ mục Tôn Cổ Lục có dịch một bộ tiểu thuyết cổ của Trung Quốc tên Lĩnh Nam Dật Sử ông biến thành tiểu thuyết Việt đời Trần với cái tựa ngụy tạo của danh nhân đời Trần là Trần Nhật Duật. Trong không khí thiếu nghiêm túc và không kiểm soát đó, người góp nhặt cũng không có đức tính nghiêm túc khi khảo cứu, đến đổi nhiều lúc lẫn lộn điều mình tưởng tượng hay giả tạo với điều thật thấy, thật nghe; thơ Hồ Xuân Hương được góp nhặt in thành sách. Các sách đời sau lại căn cứ vào Giai Nhân Dị Mặc tạo thành những lầm lẫn nghiêm trọng trong suốt thế kỷ. Phải chăng lúc làm việc tại Trường Viễn Đông Bác Cổ; Nguyễn Hữu Tiến đã đọc và dùng bản của Landes năm 1892 ?

☐ Hồ Xuân Hương. Nàng là ai ?

Hồ Xuân Hương tên thật là Mai, đó là lý do khiến chàng Tố Phong trong 31 bài thơ tặng nàng đã có 29 bài nhắc đến Mai, có bài nhắc đến hai ba lần. Tên Hồ Phi Mai hiệu là Xuân Hương, Phi Mai, hoa mai bay trên hồ nơi ngắm cảnh xuân, Mai là hướng hoa mùa Xuân, thật là đồng điệu. Như chàng Tố Phong tên Huân  nghĩa là Nam Phong. Gió Nam cũng gọi là Tố Phong hiệu Nham Giác Phu là chàng ẩn trong núi mà hiểu sự đời.

Người "Hoan Nam, Thạch Ẩn Nhi", chàng họ Phan huyện Thạch Hà họ Phan Huy Ích.

Hồ Phi Mai hiệu *Xuân Hương*

Phan Huy Huân hiệu *Tốn Phong*

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn và Học giả Trần Thanh Mại đã đồng ý với nhau việc giải ẩn mã tên của nàng.

Hồ Xuân Hương tên húy là Hồ Phi Mai, sinh năm 1772 tại phường Khán Xuân, huyện Vĩnh Thuận, Thăng Long Hà Nội. Nhà trông xuống Hồ Tây nơi có đền Khán Xuân Vua Lê Chúa Trịnh thường cùng cung nữ ra đó ngắm xuân, họp hội chợ, thả hoa đăng dưới hồ.

Thân phụ nàng là Hồ Phi Diễn, sinh năm 1703 và mất năm 1786. Năm 20 tuổi ông đậu Tam Trường đời Bảo Thái thứ 4 năm Quý Mão, 1723. Ông đỗ Nghệ phiêu bạt đi dạy học tại Hải Dương và kết hôn với mẹ nàng họ Hà quê Hải Dương làm thú thiếp, ông sinh nàng lúc gần 70 tuổi, bà có lẽ chỉ hai mươi và còn sống đến sau năm 1814, năm Tố Phong trở lại đề tựa Lưu Hương Ký.

Hồ Phi Diễn chánh quán tại làng Quỳnh Đôi huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An. Họ Hồ tại Quỳnh Lưu rất có tiếng tại Nghệ An và có từ đời đất còn bị nhà Hậu Hán (917 - 971), Trung Quốc cai trị. Viên Thái Thú Diễn Châu là Trạng Nguyên Hồ Húng Dật làm nhà ở đây, con cháu phồn thịnh sau khi nước nhà độc lập. Đời Trần có chi ra Thanh Hóa sau sinh ra Hồ Quý Ly. Gia phả họ Hồ ở Nghệ An chép đến đời Trần Xương Phù (1377-1389) một cách liên tục. Đời Trần có một chi vào đất Đông Thành cùng phủ sinh Hồ Tông Thốc có ba đời Trạng Nguyên. Chi ở xã Hoàn Hậu đời Lê có nhiều người đậu Tiến sĩ và nổi danh như Hồ Sĩ Dương một nhà chính trị học, sử học. Riêng chi ở Quỳnh Lưu thì đời thứ 8 Hồ Sĩ Anh (1618 - ?) đời Lê có hai người đậu Hoàng Giáp Hồ Phi Tích (1665-1734) đậu năm 1700 và Hồ Sĩ Đống (1744-1785) đậu năm 1772. Có chi ra Tây Sơn đời họ Nguyễn Hồ Phi Phúc sinh ra Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ.

Vua Quang Trung Nguyễn Huệ, Hoàng Giáp Hồ Sĩ Đống và nữ sĩ Hồ Xuân Hương, Tú Tài Hồ Phi Hội đều cùng một đời thứ 12 cùng có một ông tổ đời thứ 8 là Hồ Sĩ Anh.

Theo Hồ Quỳnh gia phả của chi Hồ Phi Tích. Thư viện Hoàng Xuân Hãn, Paris.

8. HỒ PHI ANH

9. Thế Viêm ↓	Phi Quyền ↓	Phi Cơ - ↓	Phi Tích 1665-1734 ↓
10. Phi Khang ↓ ↓	Phi Da ↓	Phi Toàn 1724-1793 ↓
11. Phi Phúc ↓	Sĩ Danh 1704 -1783 ↓	Phi Diễn 1703 -1786 ↓	Phi Thiện 1770 - 1836 ↓
12. Nguyễn Huệ 1753-1792	Sĩ Đống 1744 -1785	Phi Mai Xuân Hương 1772-1822	Phi Hội 1802- 1875

Thuở nhỏ Hồ Xuân Hương học với cha, cha dạy học tại gia, mẹ có lẽ dệt lụa trồng dâu, nuôi tằm và buôn bán chợ phiên như bao phụ nữ ở làng Nghi Tàm. Hồ Trọng Chuyên soạn Hương Biên làng Quỳnh Đôi năm 1941 và biên nối Hồ Tộc hiền lục thuật lại rằng:

"Nàng từng ở quê nhà thuở nhỏ, nhưng đã sớm rời quê hương, theo cha ra Bắc Hà. Cô ta rất thông minh, đỉnh ngộ, chỉ nghe lóm

mà hay chữ. Năm 13 tuổi đã biết làm thơ, có biệt tài về thơ quốc âm: đã từng xuống họa với Dương Trí Tận, một danh sĩ trong làng. Một đời Hồ Xuân Hương có giúp tiền cho một vài bà con nghèo trong họ. Hồ Xuân Hương rất dạn trai, không bẽn lẽn khi con trai chọc ghẹo, tính hồn nhiên. Dương Trí Tận đã mượn cổ vịnh cái điệu bát để đùa với nàng:

*Eo lúng thắt đáy thật xinh xinh
Điếu ai hơn nữa điệu cô mình
Thoát châm, thoát bện duyên hương lửa
Càng núc càng say nổi tình tình.*

Năm 1786 Hồ Xuân Hương 14 tuổi, cha mất thọ 84 tuổi. Nàng tự học tự đọc sách cổ văn và nối nghề dạy trẻ của cha và giúp mẹ dệt lụa, buôn bán sinh nhai.

Hồ Xuân Hương xinh đẹp, thuở nàng 18. Nguyễn Du trong bài *Mộng Thấy Hải Sen*, đã kin đáo ví nàng như hoa sen:

*Hoa sen đẹp xinh xinh
và
Hoa sen ai cũng yêu*

Nàng đã là đóa hoa, cách sau khóm hoa chỉ nghe tiếng hồn nhiên nói cười.

*Nàng đến tự bao giờ
Cách hoa nghe cười nói.*

Năm 1807 nàng 35 tuổi. Chàng thi sĩ đa tình Tố Phong đã làm thơ tặng nàng, ca tụng vẻ đẹp của nàng trong thi tập của mình:

*Nét thanh xuân ấy nghìn vàng khó mua
(bài số 23)*

*Mười phần xuân sắc tới trời Nam
(Bài số 8)*

*Người Tiên rạng rỡ từ mây đến
(Bài số 13)*

*Như dáng cây mai, xinh cốt cách
Mười phần xuân sắc rạng trời xanh
(Bài số 22)*

Và bài thơ số 12 Tố Phong đã ca tụng nàng, họ nhà quan đẹp như tiên nữ đầu thai xuống trần, vẻ đẹp của Hoan Châu đẹp thuần, nàng như sao Khuê ngôi sao Văn Học, đẹp mười phần vẹn mười. Nàng là tinh anh 99 ngọn núi Hồng Lĩnh. Nàng là hoa Mai riêng chiếm cả trời Xuân kinh thành Vua Lê.

*Tao đàn nay đã có Thần
Gặp nàng đồng quận bội phần hân hoan
Hỏi ra thật họ nhà quan
Ngắm dường tiên nữ thác thân xuống trần
Hoan Châu vốn tiếng đẹp thuần
Sao Khuê rạng rỡ mười phần vẹn toàn
Tinh anh "chín chín Hồng Sơn"
Hoa Mai riêng chiếm trời Xuân Đế Thành.*

Nói theo ngôn ngữ ngày nay, chàng thi sĩ Tố Phong, đã chấm nàng chiếm giải Hoa Khôi thành Thăng Long. Thơ Tố Phong đã đánh đổ giả thuyết nàng xấu xí, mặt rỗ lại uẩn úc về tình dục.

Xuân Hương danh giá, em họ quan Hoàng Giáp, dạy học trò một thầy đồ hiếm hoi phái nữ, khác với các thiếu nữ dòng dõi đương thời chỉ chăm sóc Công-Dung-Ngôn-Hạnh và phần trí tuệ

thơ phú dành cho phái Nam. Người đến đủ trình độ xuống họa đối đáp với nàng cũng không phải là những thứ sinh tầm thường. Một đàn thằng ngọng đứng xem chuông, nó bảo nhau là ấy ái uông. Mà là những danh sĩ, những nho sĩ dạy học, những quan tri huyện, tri phủ, tham hiệp, hoặc con, em của bậc công hầu bậc nhất triều đình như Nguyễn Du, hay Tiến sĩ Phạm Quý Thích...

Tài thơ văn của nàng, Tố Phong đã tả trong bài tựa Lưu Hương Ký:

"Tú thơ dồi dào, nhưng vẫn tỏ ra vui mà không buồn tuồng, buồn mà không đau thương, khổn mà không lo phiền, cùng mà không bức bách. Thật là do tính tình nghiêm chỉnh mà ra, cho nên khi hát lên, ngâm lên những thơ ấy, thì tay cứ muốn múa, chân cứ muốn dậm mà không tự biết.

Lưu Hương Ký tuy đầy về gió mây trăng móc, nhưng đều tự đáy lòng mà phát ra, biểu hiện thành lời nói, lại cũng đều đúng với cái ý đã nói trên kia là: xuất phát từ mối tình mà biết dừng lại trên lẽ nghĩa".

Trong bài tựa trên Tố Phong cũng đã dẫn lời khen của bạn là Cú Đình:

"Cổ Nguyệt Đường Xuân Hương học rộng mà thuần thực, dùng chữ ít mà đầy đủ, từ mới lạ mà đẹp đẽ, thơ đúng phép mà văn hoa, thực là một bậc tài nữ".

Tố Phong ca ngợi:

"Tôi thường nghe: Người đất Nghệ An thuần tú mà ham học. Đúng như thật! Đàn ông tuần kiệt thì có các bậc khoa bảng đời trước, đàn bà tinh anh thì có những người như Phan My Anh và Hồ Xuân Hương. Người ta nói núi cao sông sâu sinh ra nhân tài tuần kiệt, quả không sai vậy".

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn nhận xét:

"Một người thẩm phán về mặt hình thức văn thái - (Cú Đình) một người xét về mặt ý tứ văn (Tố Phong). Cả hai lời phẩm bình đều đúng. Riêng về mặt thơ nôm, ta nhận thấy có kỹ thuật chắc, lời nghiêm nghị mà bóng bẩy, từ thiết tha. Nhưng thơ trữ tình mà không có gì là lời hay bốn cột trái với hầu hết những thơ nôm mà ta thường đọc trong các sách báo dưới mục "Thơ Hồ Xuân Hương".

Những lời bình phẩm thơ văn của Hồ Xuân Hương của người đương thời đã đánh đổ truyền thuyết, xem Hồ Xuân Hương là một kỳ nữ lẳng lơ, dâm ô. Trái lại nàng là một nữ sĩ tinh tình nghiêm chỉnh, thành thật, học rộng, thơ xuất phát tự đáy lòng, chữ mới lạ, văn hoa. Có lẽ vì thơ Lưu Hương Ký chưa bao giờ được khắc bản in ra, chỉ được các bậc danh sĩ xuống họa với nàng chép lại. Nàng là một nhà thơ trữ tình, lãng mạn đầu tiên của Văn Học Việt Nam. Khi nàng mất đi, những huyền thoại về nàng tiếp tục phát triển theo dệt dần dần do thị hiếu dâm tục, làm xa đi con người thật của nàng.

Cổ Nguyệt Đường là nơi Hồ Xuân Hương dạy học, bên cạnh có trà quán của bà mẹ đã là Phòng khách Văn Học của Việt Nam cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19. **Cổ Nguyệt** là chiết tự chữ **Hồ** là nơi các tao nhân mặc khách, các nhà thơ, nhà văn lớn của Việt nam đương thời xuống họa. Thi hào Nguyễn Du tác giả Truyện Kiều, Phạm Đình Hổ tác giả Vũ Trung Tùy Bút. Tiến sĩ Phạm Quý Thích người khắc bản và in thơ Nguyễn Du. Nguyễn Huy Tự tác giả Hoa Tiên Ký, Quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Trần Ngọc Quán Cổ Nguyệt Đường. Mai Sơn Phủ, Tố Phong Phan Huy Huân, Cú

Đình, Trần Quang Tĩnh, Trần Phúc Hiến... Cổ Nguyệt Đường từng tổ chức thi thơ văn mà người đoạt giải nhất là Trần Ngọc Quán.

Năm 1814, Tôn Phong trở lại Thăng Long gặp Xuân Hương có tặng nàng bài thơ trong đó có hai câu:

Mai, quả đã từng ba độ kết

Khách, tình vẫn vậy sáu năm nay.

Có nghĩa là trước năm 1814 nàng đã ba lần lấy chồng. Dựa vào thơ Lưu Hương Ký ta thấy có ba khoảng thời gian, ba khoảng trống quan trọng nàng vắng làm thơ: 1794-1798, 1802-1806 và 1810-1812 có lẽ là ba thời kỳ Xuân Hương lấy chồng rồi bị góa. Tương truyền nàng lấy lần thứ nhất một thầy thuốc, chồng mất sớm, bài thơ bà lang khóc chồng. Lần thứ nhì bà lấy một Chánh Tổng tên Cóc, Vĩnh Tổng Cóc. Theo Xuân Diệu, trong Hồ Xuân Hương bà chúa thơ nôm, hiện nay tại Vĩnh Yên vẫn còn nhà thờ Chánh Tổng Cóc. Xuân Hương lấy Tổng Cóc có lẽ do tình hình Thăng Long bị loạn lạc khi nhà Tây Sơn sụp đổ, nàng về Vĩnh Yên lánh nạn, không hạnh phúc với Tổng Cóc vì chịu đấm ăn xôi, "xôi lại hồng" và "nòng nọc đứt đuôi" ? vợ cả ghen tuông, nàng sống như kẻ làm muốn không công, nên lại trở về Cổ Nguyệt Đường. Lần thứ ba nàng lấy một quan Tri Phủ, bài Khóc Ông Phủ Vĩnh Tường. GS Hoàng Xuân Hãn bác bỏ việc lấy ông Phủ Vĩnh Tường vì lẽ tên Phủ Vĩnh Tường năm 1822 mới có, phủ ấy giữ tên Tam Đái suốt đời Gia Long. Đại Nam Thống Nhất Chí quyển Sơn Tây chép năm Minh Mạng thứ hai 1821 đổi ra Tam Đai, có lẽ kiêng tiếng Đái cho là tục, năm thứ ba 1822 lại đổi ra phủ Vĩnh Tường. Theo đó nếu Hồ Xuân Hương mất vào năm đó thì không thể là vợ ông phủ Vĩnh Tường. Do đó bài thơ nôm Khóc Ông Phủ Vĩnh Tường quyết không phải là thơ Hồ Xuân Hương. Ba mối tình trên không có dấu vết trong Lưu Hương Ký, mà chỉ có trong thơ văn truyền tụng, có lẽ nàng không muốn nhắc đến, do ông lang chỉ biết đến các vị thuốc bắc trần bì, cam thảo, quế chi... do số phận phải lấy lẽ người chồng ít học: "*chịu đấm ăn xôi xôi lại hồng, cầm bằng làm muốn muốn không công*". Tôi sẽ làm theo dấu vết thơ truyền khẩu để tìm cuộc đời nàng.

Dựa vào năm ghi trên các bài thơ Lưu Hương Ký và tựa viết tên các danh sĩ, ta biết được Hồ Xuân Hương đã kết bạn thơ và bạn tình với các danh sĩ sau:

Nguyễn Du vào khoảng	1790-1793
Lấy chồng lần thứ nhất	1794-1798
Mai Sơn Phủ	1799-1801
Lấy chồng lần thứ hai	1802-1806
Tôn Phong	1807-1808
Trần Quang Tĩnh	1808-1809
Lấy chồng lần thứ ba	1810-1812
Trần Phúc Hiến	1813 ...
Tôn Phong trở lại	1814
Trần Ngọc Quán	1815-1816
Lấy chồng lần thứ tư	
Tham Hiệp Trần Phúc Hiến	1816
Hồ Xuân Hương mất 51 tuổi	1822

Người yêu đầu tiên Hồ Xuân Hương thổ lộ trong thơ văn là Nguyễn Du. Qua bài thơ chữ đề: Cảm cụu kiêm trình Cần Chánh

Học Sĩ Nguyễn Hầu, Hầu Nghi Xuân, Tiên Điền nhân (Cảm tình cũ và trình quan Cần Chánh Học Sĩ họ Nguyễn người huyện Nghi Xuân làng Tiên Điền). Cho biết mối tình kéo dài được ba năm, sau đó rời tan vỡ, vì chàng ra đi về quê Hồng Lĩnh. Có lẽ khoảng năm 1790-1793, thời gian này Nguyễn Du đã đỗ Tam Trường ở Sơn Nam năm 19 tuổi, 1784 sau đó nhà Trịnh sụp đổ, loạn lạc, nên không thi tiếp được, dinh thự của anh bị loạn kiều binh phá tan hoang, Tây Sơn đem quân ra Bắc, anh cả là Tiến sĩ Nguyễn Khản đã mất, một người anh là Nguyễn Quỳnh nổi lên chống Tây Sơn, nên làng Tiên Điền bị đốt sạch, anh cùng mẹ là Nguyễn Nể ra làm quan với Tây Sơn, xuất tiền ra trùng tu lại từ đường và chùa làng, Nguyễn Du về ở với anh Nguyễn Nể cạnh Giám Hồ nơi đây Nguyễn Du nghe tiếng đàn người nhạc nữ cung vua Lê cũ. Tôi sẽ phân tích kỹ hơn trong chương mối tình Hồ Xuân Hương và Nguyễn Du. Lúc ấy nàng khoảng 18 tuổi và chàng 25 tuổi, chàng và nàng có nhiều kỷ niệm cùng hái sen trên Tây Hồ. Mối tình đó còn lưu dấu vết trong nhiều bài thơ khác của Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương. Hai người cảm phục thơ nhau, Hồ Xuân Hương yêu chàng "Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung". Nhưng Nguyễn Du lúc này đã có vợ là em Đoàn Nguyễn Tuấn người đi sứ Tây Sơn cầu phong nhà Thanh năm 1790. Nguyễn Du thân phận còn ăn nhờ ở đậu nơi các ông anh, mai quê vợ, khi gốc bể chân trôi. "Chữ tình chốc đã ba năm vẹn" ba năm yêu nhau mà không đi đến đâu, chàng không danh phận cũng không muốn nàng làm thú thiếp, rồi Nguyễn Du dứt áo về quê Hồng Lĩnh và năm 1795 toan tính về Gia Định giúp Nguyễn Ánh, bị Quận Công Thận bắt, nhưng nể tình bạn là Nguyễn Nể nên chỉ giam ba tháng, ra tù chàng lại lang thang ăn nhờ ở đậu, có lúc đi xin ăn: "*Chống gươm ngừa mặt thét trời xanh. Ba chục năm trong bùn hôi tanh. Sách vở ích gì cho cuộc sống, nào ngờ đời rách người thương tâm*" (Thơ Nguyễn Du - Bài Khất Thực).

Khi Gia Long thắng trận, Nguyễn Du đón xe, dâng sớ được Gia Long cho đem thú hạ cùng ra Bắc. Tháng 8.1802 được bổ làm Tri Huyện Phủ Dung, Trấn Sơn Nam, năm sau được thăng Tri Phủ Thường Tín, gần Hà Nội, nhưng thời gian này Hồ Xuân Hương trong cơn tao loạn, mẹ già, nhà túng, thân gái một mình, nàng đã nhận lời lấy Tổng Cóc ở Vĩnh Yên. Chàng có trở lại Cổ Nguyệt Đường thì cũng ngậm ngùi tình xưa dang dở. Bài thơ Độc Tiểu Thanh Ký nhắc đến cảnh Tây Hồ đã thành gò hoang, Tây Hồ của nàng Tiểu Thanh phải chăng cũng là Tây Hồ của Nguyễn Du. Mùa thu 1804 Nguyễn Du cáo bệnh về quê nghỉ một tháng, rồi được triệu về kinh giữ chức Đông Các Học Sĩ. Năm 1809 giữ chức Cai bạ Quảng Bình. Tháng 2-1813 được thăng Cần Chánh Học Sĩ, được cử làm Chánh Sứ sang cầu phong nhà Thanh, tin này đến Thăng Long, Hồ Xuân Hương gửi bài thơ mừng, lúc này Nguyễn Du đã có một vợ hai thiếp, con đã cả chục. "*Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập*", còn nàng đã góa chồng lần thứ ba trở về Cổ Nguyệt Đường "*phấn son càng tui phận long đong*", chàng có nhớ tình cũ chăng. "*Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng chong*" nàng thao thức năm canh bên đèn một mình, ngắm trăng cũng một mình.

Không biết hai lần đi sứ, làm Chánh Sứ, công việc quan trọng như Bộ Trưởng Ngoại Giao ngày nay, Nguyễn Du có dám xé rào đi thăm Hồ Xuân Hương khi đi ngang qua Thăng Long chăng? Một người đa tình như Nguyễn Du, trong bữa tiệc tiễn sứ ở nha Tuyền

Vũ, chàng xót xa khi nghe tiếng đàn nguyệt cũ của người nhạc nữ đã về chiều nhan sắc tàn tạ, lẽ nào không nhớ đến Xuân Hương?

Mối tình để lại thơ văn nhiều nhất trong Lưu Hương Ký, là mối tình với Mai Sơn Phủ, những bài thơ hẹn thề nồng nàn thắm thiết. Hồ Xuân Hương viết bài Cảm Nghi khi thề:

*Mười mấy năm trời một chữ tình
Duyên tơ này đã sẵn đầu dành
Mái mây cất nửa nguyên phu phát
Giọt máu đây hai chén tử sinh
Một kiếp đã thề cùng dạ thắm
Trăm năm đành phụ với đầu xanh
Mai sau lòng chẳng như lời nữa
Dao búa nguyên xin lụy đến mình*

Mai chỉ là một thứ sinh ra học tại Thăng Long trong thời Tây Sơn, chưa có danh phận gì. Vì đâu Hồ Xuân Hương không kết hôn cùng Mai Sơn Phủ?, khi chàng tử biệt nàng về quê Hoan Châu năm 1801, sau đó không còn tìm thấy dấu vết của chàng, chàng mất trong một cơn bạo bệnh hay vì trái lời thề nguyên mà bị dao búa trong cơn loạn lạc triều Tây Sơn sụp đổ?



Sau khi triều Nguyễn được thiết lập năm 1802, nhiều văn nhân, danh sĩ được bổ vào các chức vụ Tri Huyện, Tri Phủ, Tham Hiệp, Hiệp Trấn ở các địa phương và các chức ở ba tào Bắc Thành. Sự kiện này đã mang lại cho Xuân Hương nhiều bạn mới: Tống Phong, Trần Quang Tĩnh,

Trần Ngọc Quán, Trần Phúc Hiến

Tống Phong, cùng họ với Phan My Anh, người huyện Thạch Hà, Hoan Châu, ra Thăng Long thi Hương năm 1807, thi hỏng, chàng ở lại Thăng Long dạy học cạnh Hồ Kim Âu, khu Sinh Tử ngày nay, qua lời giới thiệu của Cú Đình, chàng quen biết Xuân Hương, hai người kết bạn thơ tri kỷ tri âm, nhưng chàng chưa thi đỗ, thi chưa... cưới nàng được. Năm 1808 chàng lại về quê và năm 1814 chàng lại trở ra thi Hương, lại thi hỏng nữa, nàng thổ lộ mọi tâm tình, kể chàng nghe mọi mối tình, đứa chàng tập thơ Lưu Hương Ký nhờ chàng đề tựa, nhưng yêu chàng thì nàng không thể vì đã trót yêu quan Tham Hiệp Trần Phúc Hiến, người hò hẹn sẽ cưới nàng đưa nàng về Vịnh Hạ Long.

Mối tình Xuân Hương với quan Hiệp Trấn Sơn Nam Hạ Trần Quang Tĩnh cũng không kém phần thắm thiết trong bài Họa vãn thơ Quan Sơn Nam Hạ Hiệp Trấn năm 1809, Thơ chữ Hán, Hoàng Xuân Hãn dịch ra lục bát:

*Chia tay giữa tiệc, tình còn
Nghẹn ngào ngậm ngất tan hồn Sảnh Nường.*

Hồ Xuân Hương muốn thoát hồn như chuyện Sảnh Nường yêu Vương Trụ, trong Liêu Trai Chí Dị. Mối tình bị cha mẹ ngăn cản

nàng bất bình suốt năm năm, nàng thoát hồn theo Vương Trụ, Vương đang đi thi thấy Sảnh Nường chạy theo, hai người lấy nhau đi xa làm ăn, năm năm sau hai người trở về thú tội, cha mẹ sùng sốt, xác Sảnh Nường tử trong buồng chạy ra ôm lấy hồn và nhập lại thành một. Ai ngăn cản mối tình Hồ Xuân Hương và Trần Quang Tĩnh? cha mẹ chàng chẳng?

Còn mối tình Hồ Xuân Hương và quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng Trần Ngọc Quán, có lẽ là mối tình đến muộn sau khi nàng đã yêu Trần Phúc Hiến, nên chỉ là bạn thơ. Trần Ngọc Quán nguyên Cai bạ Quảng Đức, Thừa Thiên ngày nay. Tháng ba năm Ất Hợi, 1815, được bổ nhậm chức Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng, Trấn này gồm đất hai tỉnh Hà Nội và Hưng Yên và trị sở ở Châu Cầu, Phú Lý. Ở tại chức được hơn ba năm, đến tháng năm năm Mậu Dần, 1818, thì bị bệnh mất.

Khi mới tìm đến Cổ Nguyệt Đường năm 1815, gặp Xuân Hương chàng đã tán:

*Tài cao nhà phượng, thế gian kinh,
May đến Long Thành, được thấy danh
Chạm học tự cười, tài vốn kém,
Mở rờng thêm thẹn, thuật chưa tinh.*

Chàng khen nàng có tài làm thơ hay như phượng múa, thế gian kinh phục, nay mới đến Thăng Long được hân hạnh gặp nàng. Chàng tự khiêm nhường học còn vụng, chạm chim hạc hóa ra con cò. Muốn làm thơ cao như chuyện chàng đi học nghề mở rờng tinh diêu, nhưng học xong chẳng có rờng mà mở, thẹn mình học thuật chưa tinh, chưa làm được gì cả.

Xuân Hương họa lại:

*Tài tôi thẹn kém khiến ai kinh?
Lặn đạn mười năm tự dối mình!
Vào cuộc mới hay tay đối giới,
Cần chi gọt giũa chữ cho tinh...*

Từ đó Hồ Xuân Hương lập Tao Đàn tại Cổ Nguyệt Đường, nàng mời các bạn thơ "chung đỉnh" chung chí hướng, cùng chung đốt đỉnh hương trầm, uống rượu, trà, thi nhau làm thơ. Bài gửi quan Hiệp Trấn Sơn Nam Thượng họ Trần cho ta biết. Trong cuộc thi Trần Ngọc Quán đã chiếm giải nhất, làm về vang danh sĩ đất Hoan Châu, Nghệ An, kể cả chủ nhân, riêng nàng mang tiếng theo đàn bà mà làm thơ văn, hội họp văn nhân tài tử. Bài thơ như sau:

*Vào cấm tao đàn một ngọn cờ,
Ấy người thân đấy, phải hay chưa?
Lắc đây phong nguyệt, lũng bầu rượu,
Giắt lỏng giang hồ, nửa túi thơ,
Đình Nguyệt, góp người chung đỉnh lại,
Trời Hoan mở mặt nước non xưa
Bấy nay tài tử bao nhiêu tá,
Thèo đành khen ai khéo đặt cho.*

Năm 1816 Hồ Xuân Hương được quan Hiệp Trấn Yên Quảng Trần Phúc Hiến cưới làm thiếp. Trần Phúc Hiến con Trần Phúc Nhân, giữ chức Tham Mưu trong quân đội Nguyễn Ánh trước khi

khôi phục Phú Xuân, có lễ tử trận, để đền công, khi lên ngôi Gia Long phong cho con là Phúc Hiến được bổ chức Hàn Lâm Viện Thị Thư năm 1803, sau đó được thăng dần đến chức Tri Phủ Tam Đái thuộc Trấn Sơn Tây; đến tháng 12 năm 1813 được thăng nhậm chức Tham Hiệp Trấn Yên Quảng. Phép trị gia ngày xưa vợ cả không theo chồng tại chức mà ở lại quê cai quản gia trang, sai khiến gia nhân, chăm sóc cha mẹ chồng, con cái, Phúc Hiến rời phủ Tam Đái, Việt Trì ngày nay, dòng thuyền qua Thăng Long rủ bạn tình Hồ Xuân Hương cùng đi, khi gần đến trấn lỵ trên sông Bạch Đằng, "nghĩ mình phượng diện quốc gia, quan trên trông xuống người ta dòm vào", Phúc Hiến để bạn tình trở lại Thăng Long và hẹn sẽ rước nàng về làm vợ. Xuân Hương trong bài thơ Tiễn Đưa bạn trên sông Bạch Đằng tỏ rõ lòng thắc mắc, sợ bạn tình bội bạc, rồi mình lại thêm một phen đau khổ.

*Vui hoa khéo khéo lay cành gắm
Vực nước coi mà động bóng trắng
Lòng nọ chớ rằng mây lạt lạt
Lời kia hay đã núi giăng giăng
Với nhau tình nghĩa sao cho trọn
Chớ thói lũng với cỡ nước Đàng.*

Nàng sợ chàng chỉ theo nhục dục, chơi hoa lay cành, vực nước rung trắng, sợ chàng hẹn hò dong dài vu vơ: mây lạt lạt, núi giăng giăng. Nàng xin tình lang ở sao cho trọn tình sâu nghĩa thắm, chớ có như nước sông Bạch Đằng khi lên cao, khi thật cạn.

Với lòng băng khuông ấy Xuân Hương trở lại Thăng Long. Chừng tháng sau bạn cũ Tố Phong trở lại an ủi, cảm thông khuyến khích cầu duyên. Nàng đang nghĩ đến Tham Hiệp Yên Quảng nên trả lời bài thơ họa vận của Tố Phong:

*Kiếp này chẳng gặp nữa thì liều
Những chắc trăm năm há bấy nhiêu
Nghĩ lại luống đau cho phận bạc
Nói ra thêm nhẹ với thân bèo
Chén thề thuở nọ tay còn dính
Món tóc thời xưa vẫn cánh đeo
Được lửa tài tình cho xứng đáng
Nghìn vàng muốn nước cũng tìm theo.*

Nghìn muốn non nước chỉ vùng Hoa Phong Vịnh Hạ Long, nàng vô tình hay hữu ý dùng thành ngữ ấy; người xứng đáng mà nàng đã tìm được là quan Tham Hiệp trấn Yên Quảng.

Năm 1816 Trần Phúc Hiến trở lại cưới Hồ Xuân Hương làm thiếp, nàng tham dự việc quan cùng chồng. Trong thời gian này nàng viết sáu bài thơ Vịnh Cảnh Hạ Long và tám bài thơ Vịnh Đồi Sơn Bát Cảnh bằng chữ Hán.

Năm 1818, nhân vụ việc ruộng tại Châu Vạn Ninh bị bỏ hoang nhiều, quan Hiệp Trấn ép dân phá ruộng cày, dân không chịu. Viên án thủ Dung, phụ trách an ninh vốn có tị hiềm với Phúc Hiến và Xuân Hương, xui dân kiện Phúc Hiến đòi ăn hối lộ 700 quan. Phúc Hiến bị bắt. Vua Gia Long phê án "Tham những như thế mà không giết thì lấy gì khuyến liêm", bảo quan Bắc Thành trị tội. Phúc Hiến bị giam một năm, đến tháng 5 âm lịch năm 1819 thì bị tử hình. Cùng một thời kỳ đó nhiều công thần của Gia Long cũng bị tội, bị giết như Hữu Quân Nguyễn Văn Thành và con là Nguyễn Văn Huyền, như Đặng Trần Thường, như Tả Quân Lê Văn Duyệt, Đại Công Thần Lê Chất mà cũng bị san bằng. Phải chăng khi về

già, lo sợ uy quyền triều đại bị các công thần lấn lướt, Gia Long đã hành xử theo lối "được chim bẻ ná, hết thỏ thọt chó săn".

Sau khi chồng mất, Hồ Xuân Hương vào tu chùa Hoa Yên núi Yên Tử, nhưng sau đó nàng lại trở về Cổ Nguyệt Đường. Trong số bạn thơ cũ có Trần Quang Tĩnh bấy giờ đã trở nên một vị quan to Tham Tri Bộ Binh coi Tào Binh Bắc Thành không biết có giúp đỡ gì được nàng không?

Các mối tình Hồ Xuân Hương, tôi sẽ lần lượt dẫn chúng qua thơ nàng, qua thơ xuống họa, và qua những dữ kiện lịch sử xảy ra từng năm tháng.

Hồ Xuân Hương mất chồng lần cuối năm 1819 vài năm sau 1822 thì mất, hưởng dương được 50, 51 tuổi, mộ chôn tại làng Nghi Tâm Hồ Tây.

Năm 1842, hai mươi năm sau Vua Thiệu Trị ra Hà Nội tiếp sứ nhà Thanh, sang phong Vương tại Bắc Thành. Tùng Thiện Vương Miên Thẩm theo anh đi du lịch. Vương thăm Hồ Tây có viết 14 bài thơ Tú Tuyệt thể liên hoàn trong đó có đoạn viết về mộ Hồ Xuân Hương. GS Hoàng Xuân Hãn dịch ra lục bát như sau:

*Đầy hồ rức rở hoa sen
Sai người xuống hái để lên cúng dường
Chớ trò qua mộ Xuân Hương
Suối vàng còn giặt tơ vương lỗ làng
Sơn tàn phấn rữa mờ hoang
Xuân Hương đã khuất bên đàng cỏ xanh
U hồn say tí làm thình
Gió Xuân mấy độ vô tình không hay.*

Mộ Xuân Hương bên Hồ Tây. Một nước nghìn năm vẫn hiển mà để mộ nàng tan biến như mộ Đạm Tiên chẳng? Dựng lại tấm bia kỷ niệm nàng, dựng lại Cổ Nguyệt Đường cho người sau đến đó thăm viếng là việc làm ý nghĩa cho văn hóa dân tộc ngày nay.

Paris 3-1998

Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh

Tiến Sĩ Khoa Học Giáo Dục
Viện Đại Học Paris V. Sorbonne, nhà thơ.

Tài liệu tham khảo:

- Hoàng Xuân Hãn: Hồ Xuân Hương với Vịnh Hạ Long. Phụ lục Tình Sử và Văn Thơ Hồ Xuân Hương. Tạp Chí Khoa học Xã Hội số 10-11 Paris tháng 12.1983.
- Xuân Diệu: Hồ Xuân Hương. Các nhà thơ cổ điển Việt Nam. Nxb Văn Hóa Hà Nội, 1981.
- Nguyễn Du. Thơ chữ Hán. Văn Học Hà Nội, 1965.
- Nguyễn Lộc. Thơ Hồ Xuân Hương. Văn Học. Hà Nội 1982.
- Bùi Bội Tinh. Tình-sử Hồ Xuân Hương. Nxb Phụ Nữ. Hà Nội 1996.
- Trần Thanh Mại. Thủ bản lại vấn đề dâm và tục trong thơ Hồ Xuân Hương.
- Tạp Chí Nghiên Cứu Văn Học 4.1961. Hồ Xuân Hương. TCVH 3.1963.

HÒA TINH

từ những huyền thoại xưa
đến thực trạng ngày nay

■ Phan Hùng Nhon

Từ những thời xa xưa của lịch sử, loài người ở địa cầu vẫn luôn luôn nghĩ rằng Hòa Tinh là một hành tinh đầy những khủng khiếp kinh hoàng. Mỗi khi nhìn thấy được Hòa Tinh sáng chói đỏ rực trên nền trời đêm xa xăm, con người địa cầu thường cho đó là dấu hiệu báo tin trước rằng sa đọa, suy nhược, chiến tranh sắp đến với nhân loại. Người xưa cho rằng màu đỏ của Hòa Tinh là màu của máu, của lửa, tiêu biểu cho bạo lực và tàn phá.

Ngày xưa người Babylon thường nghĩ rằng Hòa Tinh là nơi trú ngụ của thần Nergal, một hung thần thường gieo rắc bệnh tật, chết chóc hay chiến tranh cho những vùng được thần ghé qua.

Cho rằng những sinh vật ở Hòa Tinh là những tiêu biểu của bạo tàn, hung dữ hay chủ chiến người La Mã dùng tên của thần chiến tranh MARS để đặt tên cho hành tinh đỏ này. Còn người Hy Lạp thì gọi là ARES. Thần thoại Hy Lạp thường kể rằng mỗi lần hung thần Ares nổi giận là ông bỏ nhà đi rong khắp nơi, gặp gì tàn phá nấy. Phụ lục với hung thần Ares còn ba vị thần đồng hành là Deimos (chuyên gieo phiến muộn), Plabos (gieo rắc hãi hùng) và Eris (chuyên gieo bất hòa).

Ngay một số nhà thiên văn xưa cũng cho rằng khi nào thấy được Hòa Tinh hiện rõ trên nền trời ban đêm thì đó là điềm báo hiệu trước những nạn bệnh tật, đói khát hay chiến tranh.

Từ cả thế kỷ nay loài người thường lo ngại có sự hiện diện ở đâu đó trên địa cầu những sinh vật lạ lẫm đến từ Hòa Tinh. Trong khoảng 30 năm gần đây thỉnh thoảng lại có những tin đồn về sự xuất hiện của những Đĩa Bay ở bầu trời Âu hay Mỹ. Có người cho rằng đó là những người tiên phong từ Hòa Tinh đến địa cầu để thám thính, để chuẩn bị một cuộc đổ bộ xuống địa cầu trong tương lai. Có kẻ còn nói phóng đại rằng tại một nơi nào đó người Hòa Tinh đã bắt ngò cho phi thuyền họ hạ xuống và đã bắt cóc một vài người ở

địa cầu đem lên phi thuyền, chắc có lẽ để khám nghiệm. Để làm bằng chứng cho lời họ nói, họ đã chụp ảnh những dấu vết mà phi thuyền lạ đã lưu lại trên đồng cỏ. Thậm chí khi thấy nơi nào trên địa cầu có chiến tranh, thì có người đặt câu hỏi không rõ những lãnh tụ những nước chủ chiến đó có huyết tộc bí mật với những người Hòa Tinh từng hạ xuống địa cầu chăng?

Mỗi câu chuyện kể lại tuy có khác nhau nhưng về nhân vật chủ chốt thì luôn luôn là những người đến từ Hòa Tinh. Mặc dầu trong thái dương hệ đâu chỉ phải có một mình Hòa Tinh. Nhưng lạ lùng ở điểm là không ai nói đến những sinh vật có thể đến ví dụ như từ Kim Tinh hay Thủy Tinh nhưng lại chỉ nói nội từ Hòa Tinh mà thôi.

Có người cho rằng việc loài người chuyên nói nhiều đến những sinh vật ở Hòa Tinh là do sự phiến dịch sai lầm trên báo chí:

Vào tháng 9 năm 1877. ông Giovanni Schiaparelli, giám đốc thiên văn đài Milan (Ý) đang quan sát bầu trời. Tinh cò đêm đó, Hòa Tinh đang ở vào vị trí gần địa cầu



nhất. Schiaparelli kể lại rằng ông hết sức xúc động khi nhận thấy trên mặt nền của hành tinh này có những đường lằn tuy nhỏ nhưng rõ ràng thật dài. Có nhiều lần lại rất thẳng. Schiaparelli cho rằng đó là những "CANALI" những máng để dẫn nước. Mà hề có nước tất nhiên có thể có sinh vật. Sau đó Schiaparelli có viết bài tường thuật trên một tạp chí khoa học. Bài báo đó được dịch sang Anh ngữ. Vào thời đó loài người vừa thực hiện xong con sông đào Suez nối liền Địa Trung Hải với Hồng Hải. Con sông đào Suez có thể được xem như là một kỳ công thời đó vì giúp được cho tàu bè từ Âu Châu sang Á Châu hay từ Á Châu sang Âu Châu thuận được hành trình, đỡ mất thời gian dài vòng quanh Châu Phi. Trong lúc đó dân ở địa cầu đang xôn xao về lợi ích của con sông đào Suez thì các nhật báo Anh ngữ lại loan tin về những "sông đào" thấy được trên Hòa Tinh. Từ đó ở đâu, đi đâu cũng chỉ nghe bàn tán về Hòa Tinh mà thôi. Tiếp đó do sự phong phú của trí óc con người địa cầu,

đã phát sinh ra lắm chuyện không tưởng: họ tưởng tượng ra những hình dáng kỳ cục, những nét sinh hoạt lạ lùng của người Hòa Tinh. Có người còn nói trên Hòa Tinh có những công trình kiến trúc rất vĩ đại. Chuyện kể lại ai nghe cũng tưởng như thật, đến nỗi ông Percival Lovel (1855-1916) thuộc một dòng họ giàu có ở Boston, đã từ bỏ chức Đại sứ ở Đại Hàn để về nước dựng một đài thiên văn ở Flagstaff để đêm đêm nhìn về Hòa Tinh. Tiếp đó ông Percival lại nói những sông đào được thấy trên Hòa Tinh thuộc hệ thống dẫn thủy nhập điền để đưa nước vào những ruộng đồng bao la. Percival lại nói người Hòa Tinh có trình độ văn minh như người địa cầu, chỉ khác nhau về hình dáng mà thôi. Ông lại nói người Hòa Tinh hô hấp bằng mang chứ không bằng phổi như người địa cầu vì khí quyển ở Hòa Tinh rất thưa.

Nhà thông thái Pháp, ông Camille Flammarion (1842-1925) lại chủ trương rằng Hòa Tinh được hình thành trước địa cầu (thật ra không đúng), nên đời sống ở Hòa Tinh tiến bộ hơn ở địa cầu. Ông nói người Hòa Tinh có thể bay như chim ưng cùng cho biết người Hòa Tinh hằng đêm cũng luôn đang theo dõi quan sát địa cầu.

Cùng thời những sách truyện về khoa học giả tưởng tràn đầy khắp nơi và đề tài vẫn là những con người ở Hòa Tinh. Sách được nổi tiếng nhất là quyển "Hòa Tinh Chinh Phục Địa Cầu" của ông H.G. Wells. Viện Hàn Lâm Khoa Học Pháp cũng treo giải thưởng một trăm ngàn quan cho bất cứ ai đầu tiên thiết lập được liên lạc với người ở ngoại cầu.

Phong trào tìm hiểu Hòa Tinh dấy lên khắp nơi. Nhà thiên văn Áo Joseph Johann von Littrow đề nghị thiết lập những mương cống hở vĩ đại ở Sa mạc Sahara, đổ đầy dầu và đốt lửa lên để ra hiệu với người Hòa Tinh. Nhà thông thái Cos người Pháp lại đề nghị nên dựng nhiều tấm gương vĩ đại ở Sa mạc Sahara để phản chiếu ánh mặt trời lên Hòa Tinh để ra dấu hiệu.

Ngày nay với sự tiến bộ vượt bậc của khoa học người địa cầu đã hiểu biết khá nhiều về Hòa Tinh.

Vào thời được hình thành cách nay 4, 5 tỷ năm cả ba hành tinh Kim Tinh, Địa Cầu và Hòa Tinh đều cùng có một khí quyển nguyên thủy giống như khí quyển của hành tinh Mộc Tinh. Nhưng lần lần khí quyển này bị gió trời tống đuổi và được thay thế bằng một loại khí quyển bao gồm chủ yếu là khí than. Ở đây khí than có tác dụng phóng nhiệt như một lò sưởi. Do vì Kim Tinh ở gần mặt trời hơn, cho nên tác

dụng của khí than có tính cách phân tán, nước nóng lên rồi bay hơi và bị phân giải ở cao độ bởi các tia tử ngoại từ mặt trời rồi khinh khí đào thoát ra thiên không. Như thế lần lần theo thời gian Kim Tinh bị hết nước trở thành khô cạn. Địa cầu chúng ta ở xa hơn nên ít bị nóng hơn. Hiện nay nếu không có tác dụng phóng nhiệt của khí than, nhiệt độ trung bình của địa cầu sẽ xuống dần -18 độ C và sẽ có băng đá khắp địa cầu ngoại trừ vòng xích đạo. Chính nhờ có tác dụng của khí than, nhiệt độ trung bình của địa cầu hiện nay là 15 độ C. Cách đây 4,2 tỷ năm, mặt trời yếu hơn hiện nay, nếu không có tác dụng phóng nhiệt của khí than, địa cầu chúng ta đã bị đông giá. Một hiện tượng đáng lưu ý là nếu ở Kim Tinh, than khí bị bẫy biến thành các-bô-nát để biến hẳn trong khí quyển thì ở địa cầu các chất các-bô-nát lại lắng xuống đáy các đại dương để được thấm qua lớp lầy nhầy ở vỏ địa cầu để rồi được phun trở lên qua các núi lửa, nghĩa là khí than đã được hồi phục lại để duy trì được tác dụng phóng nhiệt. Nhờ vậy suốt 4 tỷ năm qua, địa cầu chúng ta đã bảo tồn thuận tiện cho nước vẫn ở thể lỏng và sự phát triển của mọi sinh vật. Trên Hỏa Tinh, hành tinh ở xa mặt trời nhất trong ba hành tinh, thì cảnh ngộ lại ngược lại cảnh ở Kim Tinh. Ở Hỏa Tinh lại quá lạnh và khí than lại không được hồi phục như ở địa cầu. Khí quyển càng ngày trở thành thưa hơn và ảnh hưởng của khí than không đủ để bảo nhiệt cho hành tinh. Mọi vật đều lạnh buốt. Nước bị đông giá trong lòng nền đất. Hiện nay nhiệt độ ban ngày ở Hỏa Tinh còn đáng ngại hơn nhiệt độ ở Nam Cực của địa cầu. Ban ngày thời tiết thay đổi từ -90 độ đến -30 độ C và nhiệt độ trung bình cũng khoảng -60 độ C. Theo nhà vật lý thiên văn Hart, nếu địa cầu ở 5% gần mặt trời hơn hiện nay thì địa cầu cũng tiến triển như Kim Tinh và nếu địa cầu ở 1% xa hơn vị trí hiện nay, địa cầu đã bị đông giá như Hỏa Tinh. Câu hỏi chính của các nhà nghiên cứu ngày nay là sự đông giá của Hỏa Tinh đã được thực hiện mau hay chậm. Họ cũng đã nhận thấy trên Hỏa Tinh có nhiều lưu vực hình U, hình thục băng hà mà theo địa hình các sơn khẩu vẫn thạch, ước định niên hiệu ở khoảng từ 3,5 đến 3,8 tỷ năm. Vì nhận thấy Nam bán cầu của Hỏa Tinh có nhiều sơn khẩu (giống như miệng núi lửa) hơn Bắc bán cầu nên các nhà thông thái đều nghĩ đến sự hiện hữu của một đại dương ở Bắc bán cầu. Nhất là khi nhìn thấy những lưu dấu nhiều vũng của sông thật lớn ngày trước có lẽ từng tháo nước về hướng Bắc. Nhưng muốn xác nhận giả thuyết về sự hiện hữu của một đại dương, cần thực hiện những

tường kê cao độ kế. Nếu giả thuyết được xác nhận đúng thì có thể kết luận rằng ngày trước Hỏa Tinh đã có thể đủ nước để cung cấp cho đời sống vào thời mà địa cầu có đủ vi khuẩn đủ phát triển để có thể tự vi phân thành muôn một nhóm. Nếu có thể có được những cơ thể cổ sinh vật như thế ở Hỏa Tinh, người đời nay có thể cũng mừng tượng được một hình ảnh về đời sống nguyên thủy mà hiện nay mọi dấu vết theo thời gian đã biến hẳn khỏi địa cầu.

Nhưng làm sao tìm được dấu vết các vi khuẩn Hỏa Tinh? Các nhà bác học nghĩ đến vẫn thạch Hỏa Tinh từng sa xuống vùng Nam cực mà họ đã thấy vào năm 1984, và được gọi danh là "vẫn thạch ALH84001". Vẫn thạch ALH84001 đã sa xuống và lưu lại ở Nam cực gần 13.000 năm nay sau khi rời Hỏa Tinh cách đây 15 triệu năm. Các chuyên viên của cơ quan không gian NASA cho biết có tìm thấy ở vẫn thạch này nhiều dấu vết về vi khuẩn nguyên thủy. Nhưng muốn chắc chắn vẫn thạch đó đã từ Hỏa Tinh sa xuống thì trong vẫn thạch này phải có những bọt khí mang dấu vết của Hỏa Tinh. Tại các bọt khí tìm được ALH84001 chỉ thấy các chất các-bô-nát nhưng lại không có hơi khí. Vì vậy có người đã đưa ra chương trình nên tìm những vẫn thạch lún sâu trong lòng tuyết Nam cực, ít bị nhiễm bởi các nguyên tố địa cầu hơn. Nhưng đầu sao sự nghiên cứu các vẫn thạch từ Hỏa Tinh sa xuống cũng không bằng các cuộc quan sát trực tiếp Hỏa Tinh. Do đó cơ quan NASA đã dự thiết chương trình thám hiểm Hỏa Tinh bằng cú mỗi 25 tháng phóng lên Hỏa Tinh hai phi đỉnh nhỏ để thăm dò.

Năm 1964 Hoa Kỳ đã phóng Mariner 4 về hướng Hỏa Tinh. Mariner 4 đã bay quanh Hỏa Tinh và gửi về địa cầu những hình ảnh đầu tiên về hành tinh này. Năm 1971 tiểu đỉnh thăm dò của Liên Xô hạ xuống Hỏa Tinh nhưng sau đó mất liên lạc với địa cầu. Cùng năm này Hoa Kỳ đã phóng tiểu đỉnh thăm dò Mariner 9 lên quỹ đạo của Hỏa Tinh để vẽ bản đồ bề mặt của hành tinh. Trong năm 1976 Viking 1 và Viking 2 của Hoa Kỳ đã hạ xuống Hỏa Tinh và gửi về nhiều hình rất ngoạn mục. Năm 1988 Liên Xô phóng tiểu đỉnh Phobos lên thăm dò vệ tinh Phobos của Hỏa Tinh.

Năm 1992 tiểu đỉnh Observer được Hoa Kỳ phóng lên nhưng sau đó 11 tháng thì mất liên lạc. Năm 1996 tiểu đỉnh thăm dò Mars 96 của Nga Xô đã phát nổ thời gian ngắn sau khi vừa được phóng lên. Ngày 7 tháng 11 năm 1996 tiểu đỉnh quan sát Mars Global Surveyor đã được Hoa Kỳ phóng lên, tới quỹ đạo Hỏa Tinh vào ngày

11 tháng 9 năm 1997 để quan sát hành tinh này trong thời gian một năm. Vào ngày 4 tháng 7 vừa qua tiểu đỉnh thăm dò Pathfinder của Hoa Kỳ đã nhẹ nhàng hạ xuống mặt nền Hỏa Tinh tại lưu vực Arès nơi mà các chuyên viên NASA cho rằng là một vùng của sông cũ. Tiểu đỉnh Pathfinder sau khi mở rộng ba cánh cho rô-bô Sojourner thoát ra liền cho máy quay phim hoạt động. Những người ở địa cầu có thể nhìn thấy một địa hình đầy đá lờm chờm đủ cỡ lớn nhỏ. Tất cả địa diện Hỏa Tinh như được phủ lên một màn bụi đỏ. Các tảng đá đều cùn nhọt chứng tỏ chúng đã phải chịu đựng sự đào bồi của nước. Thêm vào đó những tảng đá ở lưu vực Arès này đều nằm nghiêng theo cùng một hướng khiến người quan sát có cảm tưởng như chúng từng chịu đựng sự lôi cuốn của một dòng nước mạnh. Tiểu rô-bô Sojourner tức Rocky sau khi rời khỏi Pathfinder và với sự điều khiển từ địa cầu, lần lượt xê dịch đây đó, với tốc độ 1cm/giây, bắt đầu khám nghiệm, phân tích, chụp hình các tảng đá. Đến nay mọi sự thăm dò khám nghiệm tại chỗ đều chứng minh tại Hỏa Tinh có nước nhưng tại đây ngày nay nước chỉ còn tồn tại dưới hình thức băng đá chôn vùi lẫn lộn đâu đó dưới lòng nền đất lạnh ngắt. Việc cần thiết sắp tới là phải định chỗ những nơi có băng đá đó để từ đó mới có thể tìm ra dấu vết các vi khuẩn xưa.

Được biết rằng Hỏa Tinh có một trọng khối 642 tỷ tỷ tấn. Đường bán kính ngang xích đạo dài 3.397 km (bán kính địa cầu: 6.378 km). Bề dày của khí quyển Hỏa Tinh là 11 km. Áp lực không khí ở mặt nền Hỏa Tinh là từ 6,9 đến 9 hPa (áp lực không khí ở địa cầu là 1015 hPa). Nhiệt độ trung bình ở Hỏa Tinh là -60 độ C. Khoảng cách trung bình từ Hỏa Tinh đến mặt trời là 227,9 triệu km. Địa cầu chúng ta cách mặt trời trung bình 149,6 triệu km. Một ngày ở Hỏa Tinh gồm 24 giờ 37 phút và một năm ở Hỏa Tinh gồm có 687 ngày.

Các chuyên viên của cơ quan không gian NASA ước đoán có thể ở một đời nơi nào đó ở Hỏa Tinh vẫn còn sự hiện hữu của nước thể lỏng dưới hình thức những geyser hay suối phun nước nóng. Hoa Kỳ dự định năm 1998 sẽ phóng phi tiểu đỉnh thăm dò Global Surveyor 2 lên tiếp tục công trình khám nghiệm và qua năm 2005 sẽ dùng các phi tiểu đỉnh để đem về địa cầu những mẫu đầu tiên của nền đất của Hỏa Tinh.

Trước những thành quả tốt đẹp của Pathfinder và Sojourner cùng những phi tiểu đỉnh thăm dò kế sau, có thể vào khoảng năm 2015, Hoa Kỳ sẽ thiết lập những chuyến bay đầu tiên đưa những

người đầu tiên từ địa cầu lên Hỏa Tinh để trực tiếp nghiên cứu hành tinh này. Khác với rô-bô, con người có khả năng lượng chùng các mạch lạc cấu tạo để quyết định mau mắn ngay tại chỗ những nơi nào cần khám nghiệm, những sự vật quan trọng cần phải tìm hay trực tiếp sờ mó hay là đụng chạm. Một người lão luyện có thể thấy ngay tức thì những cổ sinh vật. Trong giai đoạn thăm dò như thế sẽ tranh thủ được nhiều thời gian hơn.

Nhưng việc đưa những nhà thám hiểm lên Hỏa Tinh sẽ là một cuộc phiêu lưu vĩ đại của thế kỷ sắp tới. Đó là một cuộc hành trình đầy nguy hiểm và tốn kém nhất từ trước đến nay (độ 38 tỷ đô-la).

Phải mất 210 ngày để tới được Hỏa Tinh. Ở lại đó khoảng nửa năm rồi lại phải mất 210 ngày để trở về địa cầu. Về đến đây, dầu khỏe mạnh, phi hành gia cũng phải mất một tháng ở lại phòng kiểm dịch vì người ông ta có thể bị nhiễm độc trong thời gian ở ngoại cầu. Biện pháp này phải được áp dụng để tránh truyền nhiễm cho đồng loại. Từ trước tới nay chưa bao giờ phi hành gia đi lâu về và đi xa như vậy.

Một khi đã khởi hành, phi hành gia trở thành con người cô đơn phải tự lo mọi việc. Dầu trên phi thuyền có việc gì đi chẳng nữa, chuyến bay cũng không thể đình chỉ lại được, hoặc gọi lên một phi thuyền cấp cứu như trường hợp trạm không gian MIR. Nếu trong chuyến bay nếu có một bộ phận phi thuyền trục trặc, hoặc thiếu nhiên liệu hay phi hành gia bị đau ốm bất ngờ thì ở địa cầu cũng không có phương cách gì để giúp đỡ được cả. Phi hành gia phải luôn biết rõ vị trí của phi thuyền. Nếu phi thuyền lạc hướng, cả phi hành gia lẫn phi thuyền sẽ đi luôn vào không gian vô tận. Khác với phi hành gia đã lên cung trăng, phi hành gia đi Hỏa Tinh phải là người thông thái thông thạo mọi vấn đề từ vật lý, hóa học, y khoa, cơ khí, địa chất học v.v...

Nguy hiểm nhất là các vũ trụ tuyến có thể gây ra bệnh ung thư. Khi phi thuyền rời khỏi vòng từ tính của địa cầu con người không còn được bảo vệ chống các vũ trụ tuyến nữa và hiện nay cũng chưa phát minh được phương cách nào để bảo vệ con người chống vũ trụ tuyến khi đi vào không gian. Vì vậy người ta nghĩ rằng trong các chuyến bay đầu tiên đưa con người lên Hỏa Tinh, cơ quan NASA sẽ chọn những người thông thái cao niên tự biết cuộc đời mình còn lại không bao nhiêu tình nguyện hy sinh đi trước, nhất là khi họ biết trước họ dễ dàng bị nhiễm ung thư. Đó là cái giá mà con người phải trả để thỏa mãn sự hiếu biết những công trình bao la và vĩ đại của Tạo Hóa ●

● Đoàn Văn Thông

Các siêu cường bí mật phát triển Loại vũ khí mới

Loại vũ khí này là gì? Khởi sự nghiên cứu từ bao giờ? Vũ khí quan trọng thuộc lãnh vực hạt nhân, hay thuộc về chiến tranh tinh cầu?

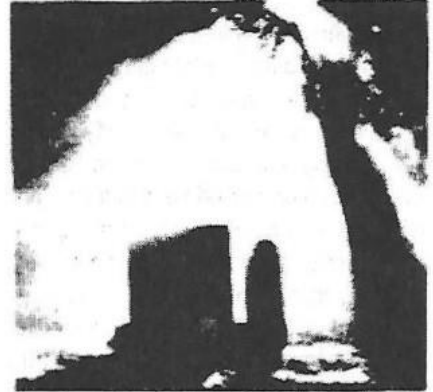
Loại vũ khí kỳ diệu lạ lùng như chuyện giả tưởng: vũ khí siêu hình thuộc loại chiến tranh thần thánh...

Từ lâu các cường quốc kinh chống nhau đã không ngừng quan tâm đến vấn đề thăm dò tìm hiểu đối phương về lãnh vực phát triển loại vũ khí Bí Mật. Nhưng mỗi đây chuyện bình thường đó trở thành đề tài nóng bỏng mặc dù những cường quốc liên hệ đã cố lờ đi như chuyện không có gì quan trọng xảy ra.

Sự kiện gây xôn xao đó là việc Nga Sô đang cố sức để bắt kịp chương trình phát triển loại vũ khí lạ lùng ít ai nghĩ đến mà Hoa Kỳ đã và đang quyết tâm thực hiện. Loại vũ khí đặc biệt này rất ít tốn kém về nhân lực và tài lực. Nếu phát triển thành công thì loại vũ khí này có khả năng xé núi lấp sông, san bằng doanh trại địch trong phút chốc mà không cần đến phi cơ tàng hình hoặc dùng bom nhiệt hạch. Loại vũ khí ghê gớm ấy chính là Ma thuật, là Huyền thuật Siêu hình, là hiện tượng Siêu Hình.

Những người có đầu óc hạn hẹp, bị khoa học chi phối, ảnh hưởng quá nhiều nên luôn luôn không tin vào bất cứ điều gì mà chưa qua sự lý giải của khoa học. Nhưng đối với các nhà chiến thuật, chiến lược, những con người có đầu óc chiến tranh, chiếm hữu thì trước mắt họ chỉ có một mục đích là chiến thắng. Họ cũng là những con người có đầu óc Khoa Học nhưng họ lại vượt quá giới hạn, tầm nhìn, để thoát xa hơn cả những gì mà Khoa Học đã bác bỏ. Với họ, phải chăng Khoa Học chưa đủ khả năng để giải thích?

Từ lâu, hiện tượng thần giao cách cảm đã là đề tài làm điên đầu giới Khoa Học vì hiện tượng đã được phơi bày trước mắt các nhà Khoa Học trong những Hội nghị



Chuyên Đề lớn lao tổ chức ở các nước Á và Âu Châu. Rồi những nhân vật Siêu Phạm xuất hiện trên thế giới với những khả năng kỳ lạ như nhìn xuyên suốt được mọi vật. Suy đoán hiện tượng từ xa, dùng năng lượng tinh thần để di chuyển đồ vật, ra lệnh cho kẻ khác bằng năng lực ý chí hoặc đọc được ý nghĩ của người khác v.v... Nguyên nhân nào làm phát sinh những nhân vật kỳ diệu đó? Không cần phải đợi các nhà Khoa Học tìm hiểu, trả lời. Ngũ Giác Đài, CIA của Mỹ đã bắt tay ngay vào sự việc nghiên cứu và ứng dụng các hiện tượng Siêu linh. Dĩ nhiên lãnh vực quân sự đã được xem là ưu tiên tuyệt đối.

Người Nga đã biết Mỹ đang nghiên cứu lãnh vực Siêu hình họ mới cảm thấy mình quá chậm dù rằng trước đó Nga đã có những Ban ngành nghiên cứu về sự kiện gọi là Trường Sinh Học.

Năm 1959, Hải-Quân Hoa Kỳ thực hiện một công tác Bí Mật. Công tác tuyệt mật này được khởi sự vào ngày 22 tháng 6 năm 1959 đến ngày 26 tháng 6 năm 1959. Hai người giữ vai trò quan trọng trong cuộc thí nghiệm này là J. Smith và một nhân vật có khả năng kỳ diệu là nhìn được xuyên không gian. Nhân vật này được bí mật giấu tên. Còn tên Smith thật ra cũng chỉ là một tên giả.

Đêm 22 tháng 6 năm đó, sinh viên Smith được chuyển bằng một xe buýt bùng đến địa điểm M và từ đó anh lại đưa xuống tàu ngầm Nautilus. Khi tàu ngầm ở đúng độ sâu 2.000 dưới đáy biển thì ở xa đó cách 2.000 cây số có một nhân vật (đã nói trên) được đưa đến một cơ sở bí mật. Nhân vật này có nhiệm vụ dùng năng lực

tử tưởng để tiếp nhận những gì mà qua không gian sinh viên Smith cũng dùng tư tưởng chuyển đi những thông tin. Smith ngồi trước những con bài ở tàu Nautilus dưới đáy biển sâu. Đây là một bộ bài Zen gồm 1.000 con với những hình ảnh đặc biệt khác nhau, Smith chọn một cách bắt ngò những lá bài và dùng năng lực tinh thần truyền đi bằng tư tưởng hình ảnh của con bài đó qua hình vẽ trên giấy. Trong khi đó, ở cách xa 2.000 cây số, nhân vật có khả năng nhìn xa bắt đầu thu lấy qua tư tưởng những hình ảnh của những con bài mà Smith đã chuyển đến qua tư tưởng. Kết quả cuộc thí nghiệm rất khả quan vì qua tư tưởng người truyền và người nhận hình ảnh đều thực hiện đạt thành công. Mặc dầu cách xa đến 2.000 cây số, ở hai môi trường khác nhau, đáy biển và đất liền, nhưng các hình vẽ suy đoán lại đạt độ chính xác gần 92%.

Cuộc thực hiện kế tiếp diễn ra qua 2 nhân vật có khả năng nhìn xa, mỗi người ở trong một chiếc tàu ngầm tại 2 khoảng cách vô cùng xa để truyền tư tưởng cho nhau. Lần thí nghiệm này đạt thành công đến 100%. Hai tiềm thủy đình thí nghiệm là chiếc Skipjak và Skate. Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ cảm thấy phấn khởi nên đã liên tiếp thực hiện các cuộc thí nghiệm liên quan đến các hiện tượng xuất thần, xuất hồn, tàng hình, phân thân hay Thần Giao Cách Cảm. Theo tiết lộ của Hoa Kỳ về lãnh vực Khoa Học Siêu Linh thì hiện nay Hoa Kỳ có khoảng 20 nhân vật kỳ diệu về lãnh vực Tâm Linh. Sự bí mật của Hoa Kỳ về chương trình nghiên cứu và thí nghiệm này đã không còn là tuyệt đối nữa. Họ đã hé mở cho đối phương và dân chúng biết vì thật ra họ có giấu thế nào đi nữa, điệp viên Nga cũng đã biết rõ. Do đó Nga và Mỹ đã đồng ý bắt tay nhau trao đổi kinh nghiệm về lãnh vực nghiên cứu các hiện tượng Siêu Linh Huyền Bí...

1. Một sự kiện đáng ghi nhận là Nga và Mỹ đã hợp tác thí nghiệm Siêu Linh. Người đứng ra làm thí nghiệm là Dzuma Davitashvili (Nga Xô) và Bác sĩ Keith Harry (Hoa Kỳ). Bác sĩ này rất bất ngờ được chở đến một địa điểm bí mật ở San Francisco, vậy mà Dzuma ở rất xa mô tả nơi Bác sĩ Harry ở rất chính xác

2. Đã có lần cuộc thí nghiệm về thần giao cách cảm thực hiện ngay trong khoang bí mật của chiếc tàu ngầm nguyên tử 33.000 tấn này. Chú ý vàng sáng chụp qua máy đặc biệt. Đó là vàng sáng do năng lượng tinh thần phát ra.

Thật ra, Nga Xô là nơi quy tụ nhiều nhân vật có nhiều năng lực kỳ diệu vượt khỏi phạm vi năng lực của con người. Đất nước Nga gồm cả Âu và Á nên họ có được một tập thể lớn các nhân vật có khả năng về Tâm Linh kỳ lạ. Năm 1967, Nga Xô thực hiện một cuộc thí nghiệm về Trường Sinh Học. Hai nhân vật được chọn là Kamenski và Nicolaiev. Hai người này ở cách xa nhau tại 2 địa điểm (Maxcova và Leningrad). Cuộc thí nghiệm kéo dài trong 1 giờ. Nicolaiev ngồi trong một phòng kín truyền tư tưởng qua khoảng cách rất xa đến Maxcova và tại đó Kamenski đã nhận tất cả mọi thông tin rõ ràng không sai lệch.

Năm 1984 Hoa Kỳ đã nâng mức độ hợp tác trao đổi nghiên cứu với Nga về lãnh vực Siêu Hình. Tuy nhiên Hoa Kỳ rất lo ngại vì biết Nga có nhiều nhà Ngoại cảm thần sâu. Rất may chính quyền Cộng Sản Nga sụp đổ kéo theo sự phân rã, mất liên kết giữa các nước chư hầu với Nga nên Nga hiện nay bị thiệt hại mất mát một số nhân vật có khả năng Siêu Linh. Như ở Bungari có bà Vangelia Gutsterova biệt danh là Vanga có khả năng tiếp xúc với những vong linh, người chết, điều mà các nhà khoa học Nga bối rối không ít vì chúng kiến những sự kiện lạ lùng về bà Vanga, nhưng không thể giải thích qua những hiện tượng khoa học được. Bà Vanga còn có khả năng nhìn xa và đứng trước mặt một người không quen biết bà có thể mô tả đời họ, vợ con và cả người thân đã chết của người đó nữa.

Ở Bungari năm 1988 còn có một cháu bé tên là Theodora có khả năng nhìn thấy những gì mà con người bình thường không thể nhìn thấy được. Riêng ở Nga có Roza Lulesova có khả năng thấy xuyên suốt mọi vật. Bà Sophia ở Nga cũng có khả năng kỳ lạ này. Bé Vera Petropna có khả năng nhìn xuyên cơ thể con người và loài vật. Bà Varvara Ivanova có khả năng truyền tư tưởng và trao đổi tư tưởng với loài thú. Bà Culia Vorobiova tích chứa trong cơ thể mình một năng lượng vĩ đại. Bác sĩ Albert Ignatenko có khả năng lạ lùng là điều khiển được thời tiết trong một phạm vi nào đó cần có được trời nắng ráo. Riêng những nhân vật có khả năng siêu đẳng Thần bí khác thì dĩ nhiên Nga không thể trình làng được.

Người Mỹ cũng vậy. Theo sự suy đoán của một số nhà báo thì Hoa Kỳ cũng có rất nhiều nhân vật lỗi lạc cổ của những nhà Phép thuật thần thông trong truyện Tàu

xưa cổ, tuy chưa đạt tới mức như Tề Thiên Đại Thánh.

Về lâu về dài, với sự phát triển, nghiên cứu không ngừng về lãnh vực Siêu Linh, chắc chắn tương lai sẽ có những nhân vật kỳ lạ xuất hiện. Từ nay đến năm 2.000 thời điểm mà theo Kinh Thánh, theo Sấm Ký, theo chu kỳ của thuyết Dịch Kinh Âm Dương là thời điểm có sự thay đổi lớn lao về quả đất, về cõi thế gian, song song với sự phát triển vừa kể trên. Tương cũng cần nói thêm, vào cuối tháng 12.1995 vừa qua, hai cơ quan Ngũ Giác Đài và CIA Hoa Kỳ đã tiết lộ trong cuộc tìm kiếm nơi trú ẩn của Đại Tá Quadafy, nước Lybia, họ đã dùng 6 đạo sĩ để khám phá nơi trú ngụ đó.

Điều đáng lo sợ cho nhân loại là không riêng gì Nga, Mỹ mà ngay cả Trung Quốc và rồi đây đến lượt Đại Hàn, Ai Cập, Iran, Irak sẽ không chịu ngồi yên khi Nga Mỹ thi đua phát triển loại vũ khí Siêu Linh để chuẩn bị kiểu Chiến Tranh Thần Thánh trong tương lai.

Một ghi thêm về sự kiện qua tài liệu của FBI (Hoa Kỳ): Trong cuộc tấn công của quân đội Hoa Kỳ vào Tổng Hành Dinh của Tướng Noriega tháng 12 năm 1989 tại Panama, người ta thấy có một hình nhân giống TT Bush. Hình nhân này bị nhiều đinh sắt nhọn chĩa vào tai, mắt và có lẽ cuộc trấn yểm thủ phủ còn bỏ dở. Cuộc điều tra cho biết chính Tướng Noriega đã chủ đạo việc này khi cho tìm những nhà Phù thủy, Đạo sĩ, dùng Ma thuật để trấn áp TT Mỹ.

Từ ngàn xưa Trung Hoa và Ai Cập là những đất nước của Thần Linh và Huyền Bí. Nếu phát triển lãnh vực Tâm Linh Siêu Hình thì chính hai quốc gia này là nơi sẽ phát triển mạnh. Ngay cả Iran và Irak cũng vậy. Một khi các nhà quân sự ở những quốc gia nhất là những quốc gia hiếu chiến tận dụng Ma Thuật Siêu Hình trong chiến tranh thì chính là lúc nhân loại đi vào tận diệt rõ ràng lúc đó thế gian này bị khống chế bởi Ma Vương, Ác Quỷ... Ác Đạo đã mở ra, nếu con người không biết suy nghĩ và tự hạn chế lòng tham và ý tưởng vô bờ về khả năng, quyền lực của mình thì hậu quả sẽ vô cùng tai hại.

Phải chăng câu tận thế vào năm 2.000 chính là lời cảnh cáo thâm sâu nhất, là Thông Điệp từ cõi vô hình nhắn gởi cho loài người sống trên quả đất này?

Đến Sài Gòn từ Thuận Hóa, Thăng Long và Luy Lâu

(Góp ý với nhà văn Sơn Nam, nhân dịp kỷ niệm 300 năm thành phố Sài Gòn)

Nhà văn Sơn Nam nhận định "Cách đây 300 năm, đúng vào triều Nguyễn, thời điểm này nhà Nguyễn đã coi Phật giáo là quốc đạo" (Giác Ngộ số 92). Quan điểm này khá táo bạo và mới lạ. Trên cùng tờ báo, đã có một độc giả trích dẫn một số quan điểm của vài tác giả khác và kết luận: "Qua một số trích dẫn trên thì không thể nói là nhà Nguyễn đã coi Phật giáo là quốc đạo, mà Phật giáo là tín ngưỡng của nhân dân" (GN số 107). Tôi bác bỏ quan điểm này và hoàn toàn đồng ý với nhận định của nhà văn Sơn Nam: Phật giáo là quốc đạo của Việt Nam khi Sài Gòn được chính thức khai sinh hay Phật giáo là quốc đạo của Việt Nam Đàng Trong, Việt Nam dưới sự lãnh đạo của các Chúa Nguyễn đầu tiên, từ giữa thế kỷ thứ 16, đạt đến cực điểm vào cuối thế kỷ 17, với sáu sự kiện nổi bật:

- **Thứ nhất** là chúa Nguyễn chinh phục vùng đất cuối cùng của Chiêm Thành, vùng đất Phan Rang, Phan Rí, vào năm 1693, kết thúc vĩnh viễn cuộc tranh hùng Chiêm-Việt kéo dài suốt 15 thế kỷ (Chiêm Thành là hậu thân của nước Lâm Ấp, lập quốc vào thế kỷ thứ hai).

- **Thứ hai** là việc chúa Nguyễn Phúc Chu quy y Tam Bảo và thọ Bồ Tát Giới với Đại sư Thạch Liêm, đồng thời bảo trợ cho việc tổ chức một giới đàn vĩ đại tại Huế (Thuận Hóa) với hơn 3.000 giới tử, trong đó có trên 1.400 Tăng, Ni vào năm 1695.

- **Thứ ba** là sự khai sinh chính thức của thành phố Sài Gòn vào năm 1698 bằng một Sắc Chỉ của chúa Minh Vương Nguyễn Phúc Chu, sau khi tiến chiếm vùng Prey Kor (Sài Gòn), Kampeap Srekatrey (Biên Hòa), Bà Rịa theo lời cầu cứu của một viên quan Chân Lạp nổi loạn.

- **Thứ tư** là việc quân chúa Nguyễn chinh phạt Nam Vang vào năm 1700, vua Chân Lạp là Nặc Thu đến đầu hàng, nhưng quân của chúa Nguyễn đã tự ý rút về, không chiếm đóng Chân Lạp.

- **Thứ năm** là vào năm 1708, Mạc Cửu, một nhà đại tư bản có tầm cỡ quốc tế, hoạt động hàng hải, buôn bán trên toàn vùng Đông Á và Đông Nam Á, lãnh chúa của vùng Hà Tiên, Rạch Giá, Cà Mau, Phú Quốc, đã đem lụa, ngọc đến Thuận Hóa dâng toàn bộ vùng đất này cho chúa Nguyễn. Điều này chứng tỏ vương quốc Phật giáo Đàng Trong của vị quân vương Phật tử Nguyễn Phúc Chu là vương quốc hùng cường, hưng thịnh nhất tại bán đảo Hoa An.

- **Và thứ sáu** là việc đúc Đại Hồng Chung nặng 3285 ký đặt tại chùa Linh Mục vào năm 1710 với lời chú nguyện rất độc đáo, do chính người lãnh đạo quốc gia viết ra "Mùa hòa gió thuận, quốc thái dân an, chúng sanh trong pháp giới đều thành đại viên chúng trí".

Điểm đáng chú ý là cả sáu sự kiện quan trọng này đều được thực hiện bởi một con người Phật tử nhiệt thành hay đều xảy ra trong thời gian trị vì của ông.

Khởi đầu từ vùng Bình Trị Thiên hoàn toàn thiếu tài nguyên thiên nhiên, không những thế còn khan hiếm người có học vấn, vùng đất này khi Nguyễn Hoàng mới vào cai trị, cũng như nhiều vùng Nam Bộ lúc mới mở mang, kiếm một trường học dạy chữ Nho chưa chắc đã có, hành trang lập quốc và mở nước của họ không có gì khác hơn là một bảo vật vô giá, đó là Phật Giáo. Chính Phật Giáo đã là yếu tố mạnh mẽ quy tụ, đoàn kết nhân tâm, là nguồn gốc sâu đậm của nền chính trị nhân tử và sáng suốt, là sức bật vạn năng đã đưa những đăm người phiêu bạt ít học thành một tập thể có văn hóa, đạo đức rất cao và chuyển hóa màu nhiệm vùng Bình Trị Thiên nhỏ bé thành một vương quốc hùng mạnh nhất tại Đông Nam Á.

Phật Giáo, với Việt Nam Đàng Trong trong buổi đầu dựng nước, đã trở thành một quốc đạo đầy hùng khí, cao ngất, một lực lượng tinh thần có khả năng dời núi lấp biển. Đây chính là đặc điểm nổi bật nhất

của Phật Giáo tại Việt Nam Đàng Trong, trong thế kỷ 16, 17, cũng như của Phật Giáo thời đại Lý, Trần trong các thế kỷ 11, 12, 13 và 14.

Quan điểm coi Phật Giáo chỉ là một tín ngưỡng là quan điểm quá đơn sơ, không nói lên được mức độ phát triển của Phật Giáo. Nhận định của nhà văn Sơn Nam không những chính xác mà còn thấu tóm được nội dung văn hóa, chính trị, của cả một thời đại.

Thật vậy nói Phật Giáo là tín ngưỡng của nhân dân, trong giai đoạn này hay các giai đoạn khác, là cũng như nói Phật Giáo là một tôn giáo, là một cách nói vô thường vô phạt, mà ta có thể dùng để chỉ cho bất cứ một tín ngưỡng hay một tôn giáo nào. Phật Giáo có cái gì đặc biệt trong giai đoạn này? Và Phật Giáo có quan hệ gì đến sự hình thành của Sài Gòn? Đó mới là điểm để chúng ta thảo luận. Từ "một tín ngưỡng của nhân dân" hay một tôn giáo đến quốc đạo là cả một bước phát triển dài, mà tại Việt Nam, không một tôn giáo nào vượt qua nổi suốt 2.000 năm qua, trừ Phật Giáo.

Từ tín ngưỡng đến quốc đạo

Một tín ngưỡng hay tôn giáo phải tiến lên một mức phát triển vượt bậc mới trở thành một tín ngưỡng của số đông quần chúng hay một tôn giáo lớn. Từ đó, nó còn phải phát triển ở một mức độ phi thường mới trở thành một tín ngưỡng của đại đa số nhân dân hay thành tôn giáo lớn nhất của đất nước.

Nhưng đây chỉ là điều kiện cần nhưng chưa phải đủ để nó có thể trở thành quốc đạo. Để trở thành quốc đạo, tức nền tảng tinh thần, chủ đạo văn hóa (mainstream) và nói rộng ra, là lối nghĩ, lối sống của đại đa số nhân dân thì tôn giáo lớn nhất này, hay tín ngưỡng của đại đa số nhân dân này, còn phải vượt qua một bước ngoặt lớn, đó là nó phải vượt qua khuôn khổ của một tôn giáo, một tín ngưỡng để trở thành, hay hòa nhập làm một, với nền văn hóa dân tộc. Và không những thế, trở thành chủ đạo chính trị của đất nước.

Trong suốt 2.000 năm qua, dù Phật Giáo lúc nào cũng là tín ngưỡng của đại đa số nhân dân, lúc nào cũng là tôn giáo lớn nhất của đất nước, nhưng chỉ trong những thời thịnh đạt huy hoàng nhất, Phật Giáo mới trở thành quốc đạo của Việt Nam, đó là trong các thời Sĩ Nhiếp -vời thủ đô Phật giáo Luy Lâu (Hà Bắc)- đây cũng là thủ đô chính trị-văn hóa của toàn cõi Lĩnh Nam vẫn còn là một cõi chạy dài từ hồ Động Đình, đến Hoành Sơn -thời Lý Nam Đế, với tên nước là Vạn Xuân và với chùa Khai

Quốc, thời Lý, Trần -thời kinh thành Thăng Long được khai sinh- bởi một số quân vương Phật Tử là Lý Công Uẩn và bóng dáng kỳ vĩ của Đại sư Vạn Hạnh, và thời các chúa Nguyễn trong buổi đầu lập quốc -thời thành phố Sài Gòn được chính thức chào đời.

Người ký giấy khai sinh cho thành phố Sài Gòn là chúa Nguyễn Phúc Chu, khi ông chỉ mới 24 tuổi. Ông là Cú sĩ pháp danh Hưng Long, pháp hiệu Thiên Túng đạo nhân, đệ tử đời 30 phái thiền Lâm Tế, một người thợ Bồ Tát Giới tại gia. Ông cũng là người đã đúc Đại Hồng Chung chùa Linh Mục với lời chú nguyện tuyệt đỉnh từ bi và trí tuệ, được đúc ngay trên chuông: Ta không muốn gì cho ta, cho triều đại ta, ta chỉ muốn mưa thuận gió hòa, nhân dân thái bình an lạc và mọi người đều thành Phật. Và đằng sau tất cả sự nghiệp vĩ đại này là bóng dáng lạ lùng của Đại sư Thạch Liêm.

Không có quân vương Phật tử Lý Công Uẩn và Đại sư Vạn Hạnh thì chắc gì đã có thủ đô Thăng Long -Hà Nội. Không có quân vương Nguyễn Phúc Chu và Đại sư Thạch Liêm, chắc gì đã có thành phố Sài Gòn. Và cũng không phải tình cờ mà chiếu dời đô từ Hoa Lư nhỏ hẹp về Thăng Long mệnh mông được soạn bởi một Thiền sư và Kiến trúc sư của thủ đô ngàn năm văn vật này là một Tăng sĩ: Ngải Vạn Hạnh.

Và dĩ nhiên không phải là ngẫu nhiên mà chúa Nguyễn Phúc Chu và các chúa Nguyễn khác đã đưa Việt Nam tiến cả 1000 cây số về phương Nam, chỉ trong hơn 100 năm ngắn ngủi.

Quốc đạo và quốc giáo

Phép lạ kỳ diệu này sẽ không thể nào có nếu Phật Giáo không phải là quốc đạo của Việt Nam Đàng Trong, nếu những triều đại này không phải là những triều đại quân chủ Phật Giáo. Chính Phật Giáo hưng thịnh sinh động của thời Lý Trần đã tái sinh thành Phật Giáo phát triển rực rỡ của thời các chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Trong cả hai giai đoạn huy hoàng này của lịch sử đất nước, Phật Giáo không những là tín ngưỡng của đại đa số nhân dân, không những là tôn giáo lớn nhất của quốc gia, mà còn là quốc đạo -chủ đạo văn hóa, chính trị- của Việt Nam. Và chính điều này là nền tảng sâu đậm nhất, là nguồn gốc vững chãi nhất, là nhân tố quan trọng nhất đã cho quê hương một thời đại Lý Trần hiển hách và một dãy đất chạy dài từ đèo Hải Vân đến mũi Cà Mau. Thăng Long chính là một đỉnh cao, Sài Gòn chính là một đỉnh cao khác, của sự nghiệp Ầ Trữ tích trấn vương kỳ (lấy tinh thần Phật

Giáo để xây dựng, phát triển quốc gia). Của các vị quân vương Phật tử, của các thế hệ tăng ni, Phật tử Việt Nam, không những chỉ trong vài trăm năm qua, mà trong suốt hai ngàn năm nay.

Sự nghiệp dựng nước này chính là sự nghiệp của Phật Giáo đã thành công trong sự vươn mình lên, hóa thân thành quốc đạo. Quốc giáo, tôn giáo được triều đình công nhận một cách chính thức là tôn giáo của quốc gia - không có giá trị gì bao nhiêu đối với Phật Giáo Việt Nam. Một khi nó đã trở thành quốc đạo. Vì điều này có lợi cho chính quyền trong việc tranh thủ nhân tâm, đoàn kết, thống nhất lòng dân và tạo cho chế độ một sự chính thống sâu đậm, vững bền. Tuy nhiên, khi Phật Giáo được công nhận là quốc giáo thì Phật Giáo sẽ có nguy cơ bị biến chất và trở nên suy đồi. Cho nên lý tưởng của người Phật tử là thể hiện sinh động, mạnh mẽ Phật Giáo trong cuộc đời để Phật Giáo trở thành quốc đạo của đất nước, hay nói cách khác, để mọi người sống theo Phật pháp và quốc gia thành một cõi tịnh độ, và sự công nhận từ chính quyền chỉ là điều tất yếu. Còn dù được chế độ công nhận là quốc giáo mà tự thân Phật Giáo không đủ sự hưng thịnh sinh động thì việc này không có lợi bao nhiêu cho Phật Giáo cả.

Còn khi Phật Giáo hay bất kỳ bất cứ một tôn giáo nào khác, được công nhận là quốc giáo, khi nó chưa trở thành trong hiện thực một quốc đạo tự nhiên của quốc dân, hay ít ra là một tôn giáo lớn nhất, một tín ngưỡng của đại đa số nhân dân, thì đây chỉ là một sự áp đặt thất nhân tâm và chỉ gây tai họa cho chính chế độ và cho đất nước. Nhất là khi nó chưa dung hóa với truyền thống văn hóa và đạo lý đã có từ ngàn xưa của dân tộc.

Sài Gòn, đỉnh cao của cuộc Nam tiến

Theo Việt Nam Sử Lược, thì "Năm Mậu thân 1698 chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Chu sai ông Nguyễn Hữu Kính là kinh lược đất Chân Lạp, chia đất Đông Phố ra làm dinh, làm huyện, lấy Đồng Nai làm huyện Phúc Long và Sài Gòn làm huyện Tân Bình. Đặt Trấn Biên dinh (tức là Biên Hòa) và Phan Trấn dinh (tức là Gia Định) sai quan vào cai trị. Lại chiêu mộ những kẻ lưu dân từ Quảng Bình trở vào, lập ra thôn xã và khai khẩn ruộng đất". Theo Việt Sử Xứ Đàng Trong 1558-1777 thì : "Với phủ Gia Định, bây giờ chúa Nguyễn đã có đất nghìn dặm, 4 vạn hộ dân".

Điều kỳ diệu là các chúa Nguyễn đã làm thế nào để có thể Nam tiến, mở mang

bờ cõi cả ngàn cây số khi đất nước bị phân đôi, hơn 9/10 lãnh thổ và dân số thuộc về chúa Trịnh (Đàng Ngoài), hai bên đã đánh nhau đến 7 trận lớn, gây tàn phá, chết chóc và kiệt quệ cho cả hai miền, thế mà chỉ với một mảnh đất Thuận Hóa, Quảng Nam chật hẹp, khô cằn, khắc nghiệt, Việt Nam đã lớn lên gấp đôi về lãnh thổ trong vòng 1, 2 thế kỷ? Và nếu chỉ kể riêng lãnh thổ của Nguyễn Hoàng khi ông mới đến lập nghiệp thu hẹp trong vùng Quảng Bình, Thuận Hóa, thì các vị quân vương nhà Nguyễn đã mở mang lãnh thổ rộng lớn hàng chục lần vương quốc của họ, trong một thời gian ngắn ngủi của vài thế hệ.

Theo bộ Lịch Sử Việt Nam thì "Xứ Thuận Hóa đầu thế kỷ XV có 5.662 suất đinh và 7.100 mẫu ruộng". Và "Cho đến thế kỷ XVI, vùng Thuận Hóa, Quảng Nam nói chung kinh tế còn lạc hậu, đất hoang còn nhiều và xóm làng cư dân còn thưa thớt". Ở Quảng Bình và Quảng Nam, dân số và ruộng đất chắc còn ít hơn nhiều con số 5.662 suất đinh của xứ Thuận Hóa (Huế-Thừa Thiên). Đó là tất cả tài nguyên mà Nguyễn Hoàng có được khi về khai phá xứ Đàng Trong vào năm 1558 với vài ngàn người lính. Thế nhưng đến năm 1776 Xứ Thuận Hóa số đinh tăng lên 126.857 người và số ruộng tăng lên 265.507 mẫu cùng với hàng triệu mẫu đất từ vùng Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên đến tận mũi Cà Mau.

Không những thế, cả vùng đất mới này, từ Thuận Quảng đến tận đồng bằng sông Cửu Long, theo nhận xét của một giáo sĩ Ý, Cristoforo Borri, thì dân ở đây "sống hòa hợp với nhau, cư xử với nhau rất thẳng thắn, thật thà y như anh em được nuôi sống và khôn lớn lên cùng trong một nhà, mặc dù họ chưa từng thấy và biết nhau bao giờ" (theo sách đã dẫn). Chính phục một vùng đất mới mệnh mông, giáo hóa cho những kẻ giang hồ, phiêu bạt thành những người hiền lương, đạo đức, đây là cả một sự nghiệp lớn mà không phải thời nào cũng có. Chúa Nguyễn do đâu mà đã thành tựu sự nghiệp mở nước dựng văn tuyệt đẹp này?

Theo các cuốn sử về Phật Giáo Việt Nam thì : chúa Nguyễn Hoàng là người nhân đức và mộ đạo, xây cất nhiều chùa, mở đường cho các vị chúa và nhân dân sau này tin mộ đạo Phật. Bằng chứng? Năm Tân Sửu 1601 sau khi chúa vô trấn Thuận Hóa ba năm có hôm chúa đi dạo chơi đến xã Hà Khê, huyện Hương Trà, thấy giữa cánh đồng nổi lên một gò cao, như hình đầu rồng quay lại, phía trước nhìn ra sông Hương, cảnh trí rất đẹp, ông cho xây chùa Thiên Mục ở nơi đó, và đã hiện thực một lời tiên tri lưu truyền trong

dân gian "sẽ có vị chân chúa đến xây chùa, để tụ hội khí thiêng cho bền long mạch". Năm Nhâm Dần 1602 rằm tháng bảy chúa đến chùa Thiên Mục lập đàn chay bố thí và trùng tu chùa Sùng Hóa ở xã Triêm An, huyện Phú Vang. Năm Đinh Mùi 1607, ông cho lập chùa Bửu Châu tại Trà kiệu, Quảng Nam, năm Kỷ Dậu 1609 dựng chùa Kính Thiên (tức chùa Hoàng Phước) ở quận Thuận Trạch, Quảng Bình. Sau khi dựng trấn Quảng Nam ở xã Cồn Húc, ông lập ngôi chùa phía sau trấn gọi là chùa Long Hùng.

Từ khi chúa Nguyễn Hoàng vô trấn đây dân được mùa no ấm, an cư lạc nghiệp... Buổi khai nguyên các chúa Nguyễn thì tinh thần Phật Giáo đã theo cuộc di dân nhiều đợt định cư trước đó lan rộng rồi. Chúa thủ nhất là Nguyễn Hoàng mở tâm kỳ nguyên sùng phụng Phật Giáo làm gương cho các chúa sau này. Chúa Nguyễn Hoàng còn được gọi là chúa Tiên, tiếp nối là chúa Sãi (cũng có nghĩa là chúa Bụt), chúa Hiền, chúa Nghĩa tiếp nối sự nghiệp trị quốc theo Phật pháp và lấy Phật Giáo làm quốc đạo. Và đỉnh cao hưng thịnh nhất là thời chúa Nguyễn Phúc Chu "Chúa hâm mộ đạo Phật vào bậc nhất" (theo *Lược Khảo Phật Giáo Sử Việt Nam*).

Chính trong thời vị chúa "hâm mộ đạo Phật vào bậc nhất" này mà Việt Nam Đàng Trong (Nam Hà) đã đạt đến giai đoạn hưng mạnh, thịnh trị nhất, và từ đó, thành phố Sài Gòn đã được chính thức khai sinh. Tầm lòng hâm mộ Phật pháp của chúa Nguyễn Phúc Chu đã bộc lộ trong tâm sự giải bày cùng Thiền sư Thạch Liêm "đệ tử tử bé nghe hai chữ Phật pháp đã sanh tâm kính ngưỡng, mỗi lúc gặp tu sĩ áo lam tức thì hoan hỉ, chẳng biết kiếp trước là ai? Làm phúc nghiệp gì? Mà nay sanh ra làm vua ở đây? Xin tôn sư chỉ điểm cho biết, hầu chẳng quên nghiệp trước, đời đức tử bi vô lượng" (sách đã dẫn). Xem thế đủ biết ông là một Phật tử nhiệt thành và chắc hẳn đã tu hành tử nhiều kiếp trước.

Với vài ngàn binh lính và dân đinh 5, 7 ngàn người, chúa Nguyễn Hoàng và con cháu của ông đã không bị nghiền nát bởi hàng vạn binh sĩ của chúa Trịnh qua suốt 7 lần đại tấn công liên tục trong gần nửa thế kỷ, mà trái lại ông và những người lãnh đạo tiếp theo đã ngăn chặn được những cuộc tấn công này và đưa Việt Nam tiến những bước thật dài chưa từng có trong lịch sử. Phép lạ của Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn đầu tiên chỉ được tìm thấy trong một điều sâu thẳm, vô hình, ít ai thấy, vì nó chìm sâu như móng chân cầu : đó là các chúa Nguyễn đã xây dựng Đàng Trong trên nền tảng một quốc đạo - một

chủ đạo văn hóa chính trị- phù hợp với lòng dân và với hoàn cảnh đặc thù của đất nước. Quốc đạo đó chính là Phật Giáo. Chính trên nền tảng của quốc đạo Phật Giáo này mà Đàng Trong đã trở thành một vương quốc hùng mạnh bẻ gãy những cuộc tấn công của chúa Trịnh ở Đàng Ngoài (Bắc Hà), Nam tiến chinh phục toàn bộ miền Trung và Nam Bộ, đưa đất nước vươn mình đến tận vịnh Thái Lan và lan tỏa ảnh hưởng trên toàn bán đảo Hoa Ấn. Không những thế những chiến thuyền của chúa Nguyễn đã đánh tan những chiến thuyền Hòa Lan, là để quốc có lực lượng hải quân hùng mạnh nhất thế giới thời đó. Các nhà truyền giáo ngoại quốc trong giai đoạn này đã hết sức ngạc nhiên và khâm phục trước lực lượng quân sự hùng mạnh cũng như trước mức độ văn hóa đạo đức rất cao của Việt Nam Đàng Trong dưới sự lãnh đạo nhân từ và trí tuệ của các chúa Nguyễn.

Nội Dung Của Quốc Đạo Phật Giáo

Nội dung của quốc đạo Việt Nam trong thời đại này là gì? Đó là lấy Phật pháp để trị quốc và người lãnh đạo quốc gia là những Phật tử hiểu đạo và biết áp dụng khôn ngoan đạo Phật vào việc chính trị. Họ biết lấy tâm hạnh bồ tát để lãnh đạo quốc gia trong viễn tượng vươn tới lý tưởng chuyển luân thánh vương. Xây dựng đất nước thành một quốc độ thịnh vượng, an lạc - một cõi Tịnh độ ngay giữa cuộc đời-.

Những biện pháp cụ thể của việc lãnh đạo quốc gia theo chánh pháp là gì? Chúa Nguyễn Phúc Chu hỏi đại sư Thạch Liêm về sự trai giới và ông đã được giảng về sự trai giới của một người lãnh đạo như sau : Sự trai giới của bậc vua chúa không giống như người thường. Trai giới không phải chỉ giữ trong sạch thân, khẩu, ý, mà còn phải làm sao cho đất nước được thái bình, dân chúng ấm no, hạnh phúc. Trai giới là làm cho quốc gia tử trên xuống dưới được thanh lý chính tề, không một người nào ngồi không đúng chỗ, không một việc nào chẳng giải quyết thỏa đáng. Làm được như thế mới là sự trai giới của một ông vua. Đồng thời đại sư Thạch Liêm đã đề nghị chúa Nguyễn Phúc Chu thực hiện trai giới bằng cách trả tự do cho những người bị giam cầm oan ức, phóng thích những tù nhân ở trong ngục thất, chấn cấp cho những người nghèo đói, tháo gỡ cho những người bị đè nén, ép uống, bãi bỏ những luật lệ quá nghiêm khắc, để dãi cho người buồn thúng bán bưng và cho thợ thuyền. Đó chính mới là sự trai giới của người lãnh đạo quốc gia (theo *Phật Giáo Việt Nam Sử Luận và Lịch Sử Phật Giáo Đàng Trong*).

Việt Nam Đàng Trong đã hưng thịnh một cách phi thường vì chúa Nguyễn Phúc Chu đã thực hành những biện pháp trai giới này hay nói cách khác đã lãnh đạo quốc gia bằng tinh thần khoan dung của Phật Giáo và bằng chính Phật pháp, mà nền tảng là ngũ giới, thập thiện giới và lục độ. Chính trên sự hưng thịnh này, của Phật Giáo và của Việt Nam Đàng Trong mà Sài Gòn đã được chính thức ra đời.

Nếu không có nền tảng quốc đạo vững chãi và hợp lòng dân này, có lẽ vương quốc non trẻ của các chúa Nguyễn đã bị xóa tên bởi đội quân đông đảo của các chúa Trịnh ở Bắc Hà, hay nó chỉ quanh quẩn trong vùng Thuận Hóa, Quảng Nam nhỏ hẹp. Như một thế lực cát cứ tầm thường không làm được gì ích quốc lợi dân.

Chính quốc đạo Phật Giáo đã làm cho vùng đất cát cứ, ly khai -trấn Thuận Hóa dân cư thưa thớt, kinh tế nghèo nàn-, thực chất chỉ là một tỉnh nhỏ mỗi khai khẩn, so với Thanh Hóa, Nghệ An cũng không bằng, đã lớn lên như thánh Gióng, thành một vương quốc hưng thịnh nhất tại bán đảo Hoa Ấn vào thời đó.

Cuốn theo những đợt sóng thần cuốn cuộn, cao ngất của quốc đạo Phật Giáo, các chúa Nguyễn và dân tộc ta, đã đi và đã đến, chinh phục trọn vẹn đồng bằng sông Cửu Long và toàn miền Nam, đã đạp chân lên đầu những đỉnh núi Thất Sơn, đã tung vó ngựa đến mũi Cà Mau và đã đưa những chiến thuyền tối tân, không thua kém những chiến thuyền Tây phương, khống chế biển Đông và vịnh Thái Lan vào giữa thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18.

Và từ đó, Sài Gòn đã chào đời chính thức vào năm 1698, và người đã ký giấy khai sinh cho Sài Gòn là quân vương Phật tử Nguyễn Phúc Chu.

Sài Gòn đã được sinh trên một chiếc nôi, chiếc nôi đó là vương quốc Phật Giáo Đàng Trong.

Đến Sài Gòn Từ Thuận Hóa, Thăng Long và Luy Lâu

Nếu không có quốc đạo Phật Giáo và những quân vương Phật tử, từ Nguyễn Hoàng đến Nguyễn Phúc Chu, có lẽ vĩnh viễn, chúng ta không bao giờ có Sài Gòn, không bao giờ có đồng bằng sông Cửu Long, không bao giờ có một đất nước tuyệt đẹp, hình chữ S, chạy dài từ Nam Quan đến Cà Mau.

Sẽ không bao giờ có Sài Gòn nếu không có Thuận Hóa, mảnh đất mà nơi đó, năm 1695, cách đây 303 năm, đã có một đại giới đàn 3.000 giới tử với 1.400 tăng ni.

Có bao giờ ta thấy 100 vị tỷ kheo mặc áo vàng chưa? Cả một góc phố sẽ tỏa ánh đạo vàng 1.400 vị tăng, ní thợ giới xếp hàng đi khất thực theo truyền thống Phật Giáo thời Đức Phật, do đại sư Thạch Liêm dẫn đầu, đi từ chùa Thiền Lâm đến phủ quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, đã làm cả Thuận Hóa, cả quê hương sáng rực trong ánh đạo vàng.

Nhưng ta cũng sẽ chẳng bao giờ có Sài Gòn, có Thuận Hóa nếu ta không có Thăng Long. Thăng Long, một kinh thành Phật Giáo rực rỡ trong 1.000 năm trước. Thăng Long ta vẫn nghe quân vương Phật tử Lý Công Uẩn đọc chiếu dời đô "thế đất rồng cuộn hổ ngồi, ở ngay trung tâm đất nước". Lý Công Uẩn, một chú tiểu chùa làng Đĩnh Bàng, dưới sự dạy dỗ của đại sư Vạn Hạnh, đã trở thành một pháp khí của thời đại, đưa Việt Nam thành cội, thành rồng từ 10 thế kỷ trước. Hay ngay cả đại tướng Lý Thường Kiệt như bia chùa Linh Xứng năm 1126 có khắc rõ "Tuy thân vương việc đời mà lòng vẫn hướng về đạo Phật" (Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam). "Thiên hạ Lý Trần bán vì tăng", một nửa dân số trong nước vào thời Lý Trần là tăng, ni. Thế nhưng ta đã ba lần đánh tan hàng chục vạn quân Mông Cổ, ngay nơi kinh thành Thăng Long, bằng quốc đạo Phật Giáo. Như chiếc thềm thần vĩ đại trong thần thoại Ấn Độ, quốc đạo này đã đưa dân tộc ta bay lên cao, làm nên những chiến công phi thường.

Thế kỷ 19, Việt Nam đã tự đánh mất quốc đạo siêu việt này, nên đã suy yếu cùng cực : 180 tên lính Tây phương đã đánh chiếm thành Thăng Long, và 5 thành quan trọng khác ở miền Bắc, như vào chỗ không người, như lấy đồ trong túi. Cái gì đã tạo sự khác biệt khủng khiếp này? Một đạo quân thiện chiến nhất thế giới, đã chinh phục cả Trung Hoa và cả một phần Âu Châu đã ba lần bị đánh bại ngay trên đồng bằng sông Hồng, trong thế kỷ 13. Cũng nơi này, Việt Nam đã trở thành một nước vô chủ trong thế kỷ 19. Chính chủ đạo văn hóa chính trị của mỗi thời đại đã quyết định sự thịnh, suy, thành, bại của cả một dân tộc.

Có quốc đạo Phật Giáo, ta có thành Thăng Long, ta có thời đại Lý Trần, ta có Thuận Hóa, ta có Sài Gòn và có tất cả. Mất quốc đạo Việt Nam, Việt Nam có ngay vua Lộn, vua Quý vào cuối thế kỷ 16 trong đời nhà Lê, và đất nước đi vào tan rã, nội chiến. Cũng vậy, mất quốc đạo Phật Giáo, Việt Nam đã loạn lạc, suy sụp, tan rã, rồi ren tới bờ và phải ngã gục và đầu hàng trong cuối thế kỷ 19. Ngược lại, có quốc đạo Phật Giáo, ta có chúa Tiên, chúa Sãi, chúa Hiền, chúa Nghĩa và minh vương

Nguyễn Phúc Chu (xứng đáng để được gọi là chúa Phật) ta có một Nam Hà hùng mạnh, ta có một dân tộc hiền lương, đạo đức và anh dũng. Và ta có Sài Gòn, có một dãy giang sơn mỗi lạ, phi nhiêu, xinh đẹp và hấp dẫn vô cùng.

Với quốc đạo Phật Giáo, ta đã thật sự hùng cường. Ta phải thật sự mạnh mới chiếm được Sài Gòn, giữa bao thế lực Chân Lạp, Xiêm La và các nước Tây phương. Cũng như ta phải thật sự mạnh mới chiếm được Thuận Hóa, mới giữ được Thăng Long trong cuộc tranh hùng với Trung Hoa, Mông Cổ, Chiêm Thành suốt bao thế kỷ.

Và ta đã không bao giờ có Sài Gòn, có Thuận Hóa, có Thăng Long - Hà Nội nếu ta không có, từ 20 thế kỷ trước, Luy Lâu (Hà Bắc), trung tâm Phật Giáo ra đời sớm nhất, kỷ cụ nhất tại Đông Á, trung tâm Phật Giáo đã chinh phục Trung Hoa bằng Phật Pháp, bằng giáo pháp vĩ đại của một người được sinh đẻ, xuất gia, tu học và thành danh ở Việt Nam, ngài Khương Tăng Hội (xem tác phẩm Khương Tăng Hội Toàn Tập), nơi đây đã mở đầu cho sự bẻ gãy gông cùm Bắc thuộc - nghĩa là cho sự giải phóng dân tộc - bằng một ngòi bút của một người sống ở Việt Nam khác, ngài Mậu Tử, tác giả Lý Hoạc Luận, tác gia về Phật Học và Tôn Giáo đối chiếu bằng chữ Hán đầu tiên trên thế giới, người đã phê bình từ cuối thế kỷ thứ hai : "Trung Hoa không phải là trung tâm của thế giới" (xem thêm tác phẩm Nghiên Cứu về Mậu Tử).

Chính trung tâm Phật Giáo Luy Lâu ở Hà Bắc, nơi dày đặc các ngôi chùa Phật Giáo cổ kính, đây cũng là thủ phủ của nước Việt Nam Lĩnh Nam rộng lớn nói chung, và của xứ Giao Châu nói riêng, đã cho ta hầu như tất cả.

Chính Phật Giáo, ngay từ cuối thế kỷ thứ hai, đã cảm hóa Sĩ Nhiếp, một người tinh thông Nho học và một đệ tử của Lão Giáo, trở thành "nhà cai trị Phật Giáo" (Buddhist ruler) đầu tiên của Việt Nam (theo tác phẩm The Birth of Vietnam). Từ trung tâm Phật Giáo Luy Lâu, ta có một thủ đô Phật Giáo Luy Lâu và một vương quốc Phật Giáo độc lập, đó là Việt Nam trong thời Sĩ Nhiếp, tuy trên danh nghĩa thuộc Đông Ngô nhưng trong thực chất là một xứ độc lập, tự chủ. Từ nền tảng hùng hậu này, từ gốc rễ bền vững này, mà trong đêm dài hung hãn của hơn một ngàn năm Bắc thuộc, ta có Lý Nam Đế dựng nước Vạn Xuân và dựng chùa Khai Quốc trong thế kỷ thứ sáu. Có những anh hùng Ngô Quyền, Lê Đại Hành trong cuối thế kỷ thứ 10, và thời đại Lý Trần với thủ đô Thăng Long từ đầu thế kỷ 11 (1009) đến cuối thế

kỷ 14. (xem thêm tác phẩm Phật Giáo và Quốc Đạo Việt Nam).

Từ Thăng Long ta có Nguyễn Hoàng, tiếp nối các quân vương Phật tử thời Lý Trần, mang guốc đi mở nước với quốc đạo Phật Giáo, mở đến Qui Nhơn, Tuy Hòa, đến Gia Định, Biên Hòa, đến Châu Đốc, Hà Tiên.

Tôi dám nói "hầu như tất cả" vì Việt Nam sau cuộc khởi nghĩa thất bại của Hai Bà Trưng năm 43, hầu như đã bị diệt chủng về văn hóa. Mã Viện tàn sát hàng chục ngàn người, lưu đầy 300 lãnh tụ người Việt đến Linh Lăng, Hà Nam, Trung Hoa, đầu tóc và phá hủy hết đỉnh cao và biểu tượng kỳ vĩ của văn hóa Việt Cổ, những chiếc trống đồng tinh xảo. Đất nước chưa có chữ viết, chưa có sách vở hay bia đá để ghi lại bất cứ cái gì. Nền văn hóa, học thuật chỉ thuần túy truyền khẩu. Dân số quá ít và văn hóa, văn minh, tư tưởng, học thuật cũng như tôn giáo, tín ngưỡng còn quá đơn sơ làm sao đương đầu nổi với đế quốc Trung Hoa hùng mạnh, đông đảo được trang bị bằng một nền văn hóa lâu đời và sáng chói. Và nhất là phải chịu sự thống trị của họ hơn 1.000 năm?

Tình thế thật là tuyệt vọng, như trứng chọi đá, không cách gì cứu vãn. Sự diệt chủng hay ít nhất là sự đồng hóa là điều hầu như không tránh được. Nhưng chính trong hoàn cảnh đen tối, bi thảm đó mà Phật Giáo, từ Ấn Độ, bằng đường biển, đã tràn tới, nhẹ nhàng như bước chân của chim bồ câu và làm thay đổi cả cục diện chính trị, cả sinh mệnh văn hóa, của Việt Nam bị nô lệ, khinh khi, chà đạp...

Dân chúng, tuyệt đại đa số sống bằng nghề nông, gặp lúc hạn hán, cả nước có thể bị chết đói. Thế rồi có một nhà sư, sư Khâu Đà La, chỉ gõ cây gậy xuống đất là nước phun lên như suối, hay ngay cả đệ tử của ông, bà Man Nửong, cũng làm được phép lạ kỳ diệu này, cứu sống cả dân làng, cả dân trong một xứ. Nhờ những công đức như thế, chẳng mấy chốc mọi người, mọi nhà đều theo đạo Phật... Từ nhân gian, đạo Phật hiện diện khắp nơi, sâu rộng, vững chắc. Còn giới trí thức thì kinh sách Phật Giáo nhiều như rừng, sách Khổng, Lão chưa bằng một phần ngàn, đã từ từ được chày tràn vào Giao Châu và dần dần thấm sâu trong tâm trí mọi người dân Việt... Từ dân gian, đạo Phật hiện diện khắp nơi, sâu rộng, vững bền. Và sức mạnh từ hạ tầng cơ sở này tác động ngược lên thượng tầng chính trị : Sĩ Nhiếp hướng về Phật Giáo và trở thành "nhà cai trị Phật Giáo" đầu tiên tại nước ta. Có thể nói từ cuối thế kỷ thứ hai, đầu thế kỷ thứ ba, Phật Giáo đã là

quốc đạo -là chủ đạo văn hóa, chính trị của Việt Nam.

Kỷ niệm Sài Gòn 300 năm hôm nay, ta không thể không uống nước nhỏ nguồn, không thể không nhỏ đến và biết ơn ánh sáng trí tuệ và tử bi của Đức Phật được bao vị thánh tăng, bao thế hệ tăng, ni, Phật tử, thấp sáng trên quê hương Việt Nam suốt 20 thế kỷ qua. Có Sài Gòn hôm nay là nhờ có Thuận Hóa trước đây, và có Thuận Hóa là nhờ có Thăng Long, và Thăng Long, cũng như nguồn sinh lực tâm linh, đạo lý vĩ đại nhất đã nuôi lớn Việt Nam từ thuở dựng nước đến nay, đều xuất phát từ trung tâm Phật Giáo Luy Lâu, Hà Bắc.

Một giòng sông lớn đôn hậu, tươi mát, hiền hòa đã chảy từ nơi đây, chảy ra khắp đất nước, chảy tràn khắp quê hương, chảy mãi trong lòng muôn dân : giòng sông Phật Giáo Việt Nam.

Và từ suối nguồn Phật Giáo, quê hương đã có một quốc đạo có đủ khả năng để xây dựng một nước Việt Nam hưng thịnh, an lạc và vinh quang. Các thời đại về vang của Sĩ Nhiếp, của Lý Nam Đế, của các quân vương Phật tử Lý Trần và của các chúa Nguyễn đầu tiên, nhất là chúa Nguyễn Phúc Chu, đã chứng minh cho chân lý và niềm tin này.

(Hoa Kỳ, tháng 5/1998, mùa Phật Đản 2542)

Sách tham khảo :

- Việt Nam Sử Lược. Trần Trọng Kim. Nhà xuất bản Miền Nam, Sài Gòn. 1971.
- Việt Sử Xứ Đàng Trong 1558-1777. Phan Khoang. Xuân Thu. Hoa Kỳ. 1983.
- Lịch Sử Việt Nam. Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội. Hà Nội. 1971.
- Việt Nam Phật Giáo Sử Luận. Nguyễn Lang. Nhà xuất bản Văn Học. Hà Nội. 1992.
- Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam. Minh Chi Lý Kim Hoa, Hà Thúc Minh, Hà Văn Tấn, Nguyễn Tài Thư. Viện Triết Học. Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội. Hà Nội. 1991.
- Lược Khảo Phật Giáo Sử Việt Nam. Văn Thanh. Sài Gòn. 1974.
- Lịch Sử Phật Giáo Đàng Trong. Nguyễn Hiền Đức. Nhà xuất bản TP. HCM, 1995.
- Khương Tăng Hội Toàn Tập. Lê Mạnh Thát. Tu Thư Vạn Hạnh. Sài Gòn. 1975.
- Nghiên Cứu về Mậu Tử. Lê Mạnh Thát. Tu Thư Vạn Hạnh. Sài Gòn. 1982.
- Hai Ngàn Năm Việt Nam & Phật Giáo. Lý Khôi Việt. Phật Học Viện Quốc Tế. Hoa Kỳ. 1981.
- Phật Giáo & Quốc Đạo Việt Nam. Lý Khôi Việt. Viện Tư Tưởng Việt Phật. Hoa Kỳ. 1997.
- The Birth of Vietnam. Keith Weller Taylor. University of California Press. Berkeley. 1983

● Tu-Di

Trần-Châu-Lam

THÔI, EM ĐỪNG KHÓC NỮA

*Ở tận phương trời xa,
Anh vẫn nghe em khóc
Vang động cõi ta-bà.
Thôi, em đừng khóc nữa!*

*Cuộc đời phải chăng toàn bất
mãn?
Vũ trụ này không ánh sáng sao
em?
Em đã sống trong vàng son,
nhưng gấm
Bên bếp lửa hồng, trong tiếng mẹ
ru êm,
Vỡ ngàn sao rục rọ i trời
đêm,
Và hoa bướm chấp chờn trong
nắng ấm.*

*Kỷ niệm còn đó, những ngày ta
tha thiết
Đi bên nhau, hòa hơi ấm cho đời,
Những cánh thú bay ướp hương
lòng tình khiết,
Nhớ những giảng buổi, theo gió
lộ ng ra khơi.
Nhớ chẳng em?
Ngày nào mình chia đôi trái bắp,
Cần từng hạt nhỏ mong không
vời.*

*Rời dòng đời đưa em về bến
khác,
Hạnh phúc đông đầy, ấm áp
giữa chồng con.
Anh ra đi tìm một phương trời i
bóng mát,
Vui sống an hòa, thôi hết kiếp
long đong.
Đời là thế, có chi là không
tuởng?*

*Chông gai càng tỏ đậm nét yêu
thương.
Dầu là ta đã lên đường về muôn
hướng,
Tình ta còn trong gió cuốn, mây
vuông.*

*Vâng,
Anh sẽ cắm cho em một cành hoa
trên mộ,
Khi em xuôi tay, nhắm mắt lìa
đời.
Nhưng em ơi!
Em đã ra đi từ muôn thuở
Có đợi gì lúc nằm xuống đâu
em?
Mỗi lời em nói đã đi về vạn nẻo,
Mỗi tiếng em ca đã vào tận lòng
người,
Xác thân em từ lâu chia từng
mảnh rò
Đã thấm sâu vào cây cỏ, đất đai,
Đã trở n vào xương thịt ở muôn
nơi.*

*Lời cuối xin đừng dùng đến
nữa,
Vì cuộc phiêu lưu không có lúc
bắt đầu,
Tất cả đều luân hoàn, chuyển
hóa,
Thì làm gì có đoạn cuối nơi đâu?*

*Em giờ đây là một con người
mới,
Ngày mai kia, em không phải là
em.
Làm sao anh có thể tìm ra em
ngày tổ i?
Đừng nói chi lúc em thoát thân
mềm.*

*Để tìm em,
Anh sẽ nhìn sao trời i lấm tấm,
Ngắm ánh trăng, trông sương
khói, mây bay,
Theo cánh bướm chấp chờn trong
nắng ấm,
Và mỉm cười i, gỏ i gió nụ hôn say.*



(Tiếp theo VG 105)

.....

Tình dậy thấy Khang Hòa y phục đã sẵn sàng, đang ngồi uống trà chờ đợi, nhìn ra ngoài thấy mặt trời đã lên khá cao, Liễu sinh hết hoảng:

- Chết rồi! Sao hiền hữu không đánh thức ta dậy?

Chàng hấp tấp thay đổi y phục rồi thúc hối Khang Hòa ra lấy ngựa chuẩn bị. Hai người vội vã nhắm hướng Nhạn Sơn phi nước đại, chừng độ một khắc sau họ đã đến chân núi Nhạn Sơn. Liễu Đạt và Khang Hòa cùng ghé cương đứng lại trước một cái cổng đá mà phía sau là căn nhà khá lớn nằm chơ vơ trên sườn núi.

Thấy vẻ mặt ngờ ngác của Liễu Đạt, Khang Hòa liền hỏi:

- Phải ở đây không?

Liễu Đạt gật đầu:

- Đúng rồi! đúng cái cổng đá này. Nhưng lần trước ta thấy có tám biển đề ba chữ Vĩnh An Đường, không hiểu ai đã gỡ đi?

- Lão Vĩnh An đang muốn giải tán gia trang, có thể mình đến trễ lão đã cho gỡ tám biển đi rồi. Ta vào trong hỏi xem sao? Khang Hòa nói.

Hai người cột ngựa vào một gốc cây nhỏ gần đó rồi theo con đường đất dốc đi vào trong. Đến trước cửa căn nhà họ chưa kịp gõ thì cánh cửa đã mở, một ông lão trạc độ lục tuần, mặt mũi khắc khổ, râu tóc bạc trắng bước ra, cất giọng khàn khàn:

- Quý khách chắc muốn đến mua hoa? Sáng sớm nay lão đã cho người chở sang chợ Quỳnh Mai hết rồi. Quý khách đến đó may ra thì còn.

Liễu sinh và Khang Hòa cùng cung kính chào, Khang Hòa lễ phép:

Bạch Cúc

● Giang Phúc Đông Sơn

- Kính chào Vĩnh An tiên bối! Tiểu sinh cùng hiền hữu đây ở khá xa, nghe nói tiên bối có một số kỳ hoa nên không ngại đường xa lặn lội tới xem, không ngờ tiên bối đã đem đi bán hết. Thật là đáng tiếc!

Ánh mắt lão già sáng lên, lão chăm chú nhìn Liễu Đạt và Khang Hòa rồi gật gù:

- À! Ít ra phải vậy chứ! Chẳng lẽ trên đời không có người biết thưởng thức các loài hoa mà Vĩnh An này đã một đời bỏ công chăm sóc, bắt sâu, tiả cành, nâng niu từng chút... với cả tâm hồn? Mối nhị vị vào dùng qua chén trà tưởng ngộ.

Lão Vĩnh An vừa nói vừa ra dấu mời, Liễu Đạt và Khang Hòa đưa mắt nhìn nhau, cùng bước vào trong. Gian phòng khách bày biện có vẻ đơn sơ, một số lớn đồ đạc đã được thu dọn, gói, cột chặt chẽ đôn vào trong một góc phòng chừng tỏ chủ nhân đang chuẩn bị dọn đi nơi khác, Giữa phòng khách kê một chiếc bàn và vài ba cái ghế. Lão Vĩnh An kéo ghế mời Liễu Đạt và Khang Hòa ngồi rồi đi vào trong, lát sau lão trở ra với một khay trà trên tay.

Ngồi xuống cạnh Liễu Đạt, lão rót trà ra ba chén nhỏ, ân cần trao cho Khang Hòa và Liễu Đạt, cất giọng buồn buồn:

- Xin mời nhị công tử! Lâu lắm rồi lão mới có dịp tiếp khách trong nhà này.

Khang Hòa đón lấy chén trà, nhấp một ngụm rồi vỗ hỏi:

- Tiên bối đang định dọn đi nơi khác à?

Lão Vĩnh An gật đầu:

- Công tử nói đúng! Lão phải dọn đi vì không thể tiếp tục ở lại đây!

Liễu sinh chen vào:

- Sao vậy tiên bối? Vùng này có thú dữ hay bị cướp bóc gì ư?

Lão già lắc đầu:

- Không phải vậy! Chẳng qua tại lão già rồi, một thân mình không thể chăm sóc nổi vườn hoa đòi hỏi quá nhiều công phu.

Hơn nữa dân trong vùng này hủ lậu, không biết thưởng thức vẻ đẹp của từng loại hoa, muốn bán lão phải đem qua tỉnh kế bên, đường đi cũng khá xa, đến nơi không được săn sóc kỹ càng, bị héo mất đi giá trị.

Khang Hòa liếc mắt nhìn bạn, nhận ra vẻ thất vọng trên mặt Liễu Đạt, chàng hỏi thêm:

- Lão không có con cháu hay dưỡng tử gì ư?

- Không!

Thấy không còn gì để hỏi thêm, Khang Hòa uống cạn chén trà, đàm đạo thêm một lúc rồi ra hiệu cho bạn đứng lên từ giả. Lão Vĩnh An lịch sự đưa tiễn hai người ra tận cửa nói:

- Thật là đáng tiếc! Uống công nhị vị lặn lội từ xa mà không được toại ý, lão cũng buồn lây.

Vừa lúc đó một cơn gió nhẹ thổi qua, Khang Hòa và Liễu Đạt cùng lúc ngửi thấy một mùi thơm thoang thoảng. Lão Vĩnh An như chợt nhớ ra một việc nói với:

- À quên! Lão còn một chậu hoa cúc đặc biệt không bán, quý công tử có muốn xem không?

Hai người gật đầu, họ quay trở vào. Lão Vĩnh An bưng ra một chậu hoa cúc trắng bằng sứ nhỏ chỉ có một cành và một bông duy nhất đang nở thật rực rỡ với những cánh hoa nhỏ, dài và trắng như tuyết thật mượt mà, toả mùi thơm nhẹ nhẹ và phải để ý lắm người ta mới nhận ra là nằm khuất dưới những chiếc lá non còn có hai cái nụ nhỏ khác. Cẩn thận đặt chậu hoa xuống bàn, lão đưa tay gỡ nhẹ cái nẹp đan bằng tre vót mỏng bao quanh chậu nói với Liễu Đạt và Khang Hòa:

- Chậu cúc này lão tốn nhiều công phu săn sóc nhất từ trước đến nay. Đặc biệt là nó chỉ có một bông và hai cái nụ nhỏ, không bao giờ tàn và lúc nào cũng có mùi thơm thoang thoảng. Cách đây gần một tuần trăng, thấy trời nắng đẹp, lão đem ra ngoài phơi cho thêm tươi rồi vì mệt mỏi quên đem vào, đến lúc nhớ ra thì nó đã bị phơi sương cả đêm ở rất nhiều nhánh, lão phải tốn biết bao nhiêu công làm cho nó sạch lại, sau đó lại phải làm nẹp bao lại vì nó rũ đi. Lão không dám bón phân hay tưới nước vì sợ nó chết, thế là nó héo đi luôn. Lão bèn chiết hai cái nụ nhỏ này qua chậu khác để nếu cái hoa này tàn thì còn có giống. Nhưng thật lạ lùng, hai cái nụ này chiết qua chậu khác bao nhiêu ngày không hề thay đổi, không chết đi mà cũng chẳng phát triển lớn hơn. Lão phân vân, bỏ đi thì tiếc mà giữ lại chẳng ích lợi gì, đang định vứt chậu hoa đi, không hiểu tại sao mấy

hôm nay nó đột nhiên tưới lại. Lão lại đem hai cái nụ nhỏ này trồng chung lại với chậu hoa thì kỳ lạ thay chúng bám luôn vào cành lại như trước, nhìn như chưa hề bị chiết ra bao giờ.

Liễu Đạt và Khang Hòa ngồi nghe lặng cả người. Một lúc sau Liễu Đạt mới lên tiếng:

- Tiểu sinh nói điều này có gì không phải, mong tiền bối thứ lỗi! Tiểu sinh từ xa lặn lội hơn ngàn dặm tới đây cũng chỉ vì nghe tiếng chậu hoa này. Tiền bối đã già, sống chết nay mai chưa biết ra sao lại một thân, một mình, ai sẽ là người chăm sóc chậu cúc này khi tiền bối khuất núi? Chi bằng tiền bối nhượng lại chậu hoa này cho tiểu sinh với ít vàng sau đây, tiểu sinh thật muốn vẫn cảm kích.

Nói xong chàng rút trong người ra cái túi nhỏ đựng vàng hơn chục lạng đổ lên bàn. Lão Vĩnh An trợn mắt nhìn chàng định nói gì đó nhưng lại thôi, lão nhìn số vàng chăm chăm rồi lại nhìn chậu cúc có vẻ suy nghĩ. Lát sau lão gật đầu:

- Thôi được! công tử nói cũng có lý. Hơn nữa nề tình nhị vị không ngại đường xa lặn lội đến đây, lão bằng lòng. Nhưng nhị vị phải hứa là không được bán lại cho ai khác và phải chăm sóc nó cẩn thận.

Liễu Đạt vui mừng ôm chậu cúc đứng lên:

- Gì chứ điều đó thì tiền bối có thể yên tâm.

Khang Hòa và lão Vĩnh An cũng đứng lên theo, lão trao cho Liễu Đạt một cái giỏ đan bằng mây:

- Đi đường công tử nên đặt chậu hoa vào đây cho kín gió và tránh bị rung lắc.

Liễu Đạt đón lấy cái giỏ mây, nhẹ nhàng đặt chậu cúc vào trong rồi cùng Khang Hòa từ già lão Vĩnh An. Ra khỏi cổng họ vội vàng nhảy lên ngựa dong cương chạy đi ngay như sợ lão Vĩnh An bất chợt đổi ý đòi lại chậu cúc.

Chạy được khá xa hai người mới cho ngựa phi chậm lại, Khang Hòa nhìn mặt trời đã xế về phương tây nhắc nhở:

- Hiền hữu! Có lẽ chúng ta nên trở lại phạn điểm hôm qua hỏi thăm về ngôi Bích Vân Tự mà lão đạo sĩ ở bờ sông nói tới.

Liễu Đạt gật đầu, hai người chạy tới phạn điểm hôm trước. Đến nơi chùa cột ngựa xong họ đã nghe tiếng gọi vui vẻ của Dương Cửu tử trong quán:

- Liễu, Khang công tử! Nhị vị đã trở về rồi ư? Có mua được chậu hoa nào không?

Hai người bước vào quán, Liễu Đạt cầm theo chiếc giỏ mây đựng chậu cúc trắng, họ ngồi xuống chung bàn với họ

Dương. Liễu Đạt kể vắn tắt cho Dương Cửu nghe chuyện ghé đến gia trang của lão Vĩnh An rồi thận trọng đưa cho họ Dương xem chậu cúc. Dương Cửu chỉ nhìn thoáng qua rồi cười khà khà, cầm bình rượu đưa lên cao:

- Đẹp thật! Nhưng với họ Dương thì vật này quý giá hơn.

Khang Hòa và Liễu Đạt cùng cười theo. Họ kêu rượu và thức nhắm rồi cùng Dương Cửu ăn uống, ăn gần xong Liễu Đạt mới hỏi:

- Dương tiền bối ở đây đã lâu có biết Bích Vân Tự ở đâu không?

Dương Cửu gật đầu:

- Biết chứ! Công tử muốn tìm ai ở đó?

Liễu Đạt uống nốt chén rượu dở rồi mới trả lời:

- Tiểu sinh nghe nói ở đó có một vị cao tăng, muốn đến hỏi một đôi điều về đạo pháp.

Dương Cửu lắc đầu:

- Bích Vân Hòa Thượng rất khó gặp. Ngài nay đây mai đó, đi khắp các nơi khát thực nhưng cũng là để hoằng dương chánh pháp, cứu khổ chúng sinh. Muốn gặp, công tử phải chờ dăm bữa nửa tháng là chuyện thường. Nhưng nếu công tử có duyên với Hòa Thượng hay có lòng thành thì không chừng lát nữa Ngài sẽ ghé tới đây.

Khang Hòa băn khoăn hỏi:

- Ở Bích Vân Tự ai thay thế Bích Vân Hòa Thượng khi Ngài vắng mặt?

- Không có ai hết! Ngài không có đệ tử tu học trong chùa, nhưng không vì thế mà chùa bị bỏ hoang, trái lại là khác. Bá tánh khắp nơi đến cúng kiến nhang đèn, hoa quả rất thường xuyên, nhất là những người đã nhờ Ngài mà giác ngộ, thấu hiểu được lẽ đạo.

Liễu Đạt hỏi thêm:

- Từ đây đến chùa Bích Vân có xa không?

Dương Cửu gật đầu:

- Cũng tương đối xa nhưng công tử có ngựa thì cũng chẳng hề gì! Công tử đi độ chục dặm về hướng bờ sông Tắc, phía bên trái có một ngọn núi nhỏ, Bích Vân Tự nằm khuất sau ngọn núi đó.

Khang Hòa nhìn ra ngoài trời đề nghị:

- Giờ cũng đã trễ rồi, chúng ta ngủ lại đây đêm nay. Sáng mai mua ít hoa quả, nhang đèn đến đó cúng chùa luôn, hiền hữu nghĩ sao?

Liễu Đạt nhìn bạn gật đầu. Họ ăn uống xong, đứng dậy từ già Dương Cửu trở lại lữ điếm thuê phòng.

Sau khi tắm rửa, thay đổi y phục, Khang Hòa mệt mỏi nằm lăn ra giường, một lúc sau đã ngủ say, hơi thở thật đều. Phần Liễu Đạt thì cũng mệt như bạn, chàng đem chậu cúc trắng ra khỏi cái giỏ mây, đặt ở đầu giường rồi cũng nằm xuống nghỉ ngơi. Tuy nhiên đầu óc còn mãi tơ tưởng đến hình bóng Bạch Cúc nên không sao chợp mắt được, đôi lúc chàng lại quay đầu ngắm nghía cành hoa trắng như tuyết, đầu óc vẫn vờ những ý nghĩ.

Trời tối dần, khi những vì sao bắt đầu lấp lánh rõ ràng trên bầu trời tối đen thì cũng là lúc Liễu Đạt chìm sâu vào giấc ngủ. Đang yên giấc Liễu Đạt chợt giật mình choàng dậy khi nghe tiếng người gọi bên tai:

- Liễu huynh! Liễu huynh!

Qua màn đêm mờ tối chàng thấy một bóng người mặc áo trắng ngồi ở chân giường cùng lúc ngủ thấy một mùi thơm phảng phất, dịu dàng, Liễu Đạt mừng rỡ kêu nhỏ:

- Phải Bạch tiểu thư không?

- Dạ phải! Thiếp cảm ơn chàng đã ra tay cứu thiếp ra khỏi cảnh giam cầm tù túng!

Tiếng Bạch Cúc ngọt ngào trả lời, Liễu Đạt đưa tay với ngọn đèn sáp nhỏ định thấp lên thì nàng đã đưa tay ra ngăn lại:

- Đùng! Liễu huynh! Hãy để cho Khang công tử ngủ yên!

Nghe tiếng Khang Hòa vẫn thờ ờ ở giường bên cạnh, Liễu Đạt nắm lấy tay Bạch Cúc kéo nàng vào lòng, Bạch Cúc vòng tay ôm lấy đầu chàng. Liễu Đạt âu yếm hỏi:

- Phương và Thục Nhi đâu? Sao không thấy chúng theo hầu nàng?

- Chàng sợ chúng dòm ngó mình chăng? Thiếp đã cho chúng đi ngủ rồi!

Bạch Cúc cười khúc khích trả lời Liễu Đạt. Tắm thân thon thả mềm mại của nàng khiến chàng say sưa, mê mẩn không còn biết trời đất gì nữa.

Đến lúc bị Khang Hòa lắc mạnh người mấy lần Liễu Đạt mới bừng tỉnh ngồi dậy. Ánh sáng chói chang từ bên ngoài hắt qua khung cửa sổ khiến chàng phải đưa tay lên che mắt cho đỡ chói rồi uể oải hỏi:

- Hiền hữu thức giấc bao giờ vậy?

Thấy vẻ mặt Liễu Đạt tái xanh đầy vẻ mệt nhọc, Khang Hòa rót một chén trà trao cho bạn, hỏi giọng đầy âu lo:

- Hiền hữu uống đồ chén trà cho tỉnh táo! Chuyện gì đã xảy ra đêm qua?

Liễu Đạt đưa tay bóp trán mấy cái rồi nhìn xuống chậu hoa cúc lấm lấm:

- Bạch Cúc! Bạch Cúc! Nàng đâu rồi?

Khang Hòa hiểu ngay mọi chuyện, chàng nhìn bạn thương cảm:

- Ta đoán không lầm! Người đẹp của hiền hữu chính là cháu hoa này. Đêm qua hiền hữu đã gặp nàng?

Liễu Đạt gật đầu, Khang Hòa đưa mắt ngắm những nhánh hoa trắng như sữa bao quanh ổ nhụy màu vàng của cái bông duy nhất trong chậu đang xoè ra rục rỏ trên chiếc cành xanh tươi mơn mớn những lá, lòng dấy lên những hoang mang lo sợ. Thoạt tiên lúc quyết định cùng Liễu Đạt đi Nhận Sơn, chàng chỉ muốn cùng bạn tìm hiểu một sự thật, không ngờ những diễn tiến của sự việc lôi cuốn cả hai vào tình trạng này mà xem chừng khá nguy hiểm cho Liễu Đạt. Chỉ mới qua một đêm mà bạn chàng đã có vẻ xanh xao, xuống sắc rõ rệt, nếu kéo dài... Khang Hòa lắc mạnh đầu cố xua đuổi viễn ảnh đen tối vừa hiện ra. Rồi lại còn món nợ với lão đạo sĩ ở bờ sông nữa, biết Bích Vân Hòa Thượng có giúp được không?

Khang Hòa thở dài đứng dậy nói:

- Hiền hữu chuẩn bị đi! Bây giờ chắc cũng đã quá giờ Thìn rồi, có lẽ ta nên khởi hành đến Bích Vân Tự là vừa.

Liễu Đạt gật đầu, nhưng vẫn ngồi yên trên giường, đưa tay che miệng ngáp dài rồi chợt ngáp ngừng:

- Ta thấy người... hơi lừ đừ... Hay là hiền hữu... đến đó một mình được không?

Thấy ánh mắt lơ đãng của Liễu Đạt, Khang Hòa ái ngại:

- Cũng được! Nhưng hiền hữu có thấy mệt lắm không? Hay để ta gọi lương y tới?

Liễu Đạt lắc đầu:

- Có lẽ không cần! Ta chỉ muốn ngủ thêm chút thôi! Hiền hữu kéo màn và đóng kín cửa lại cho ta trước khi đi nhé!

Khang Hòa thấy vậy lảng lạng làm theo lời Liễu Đạt, chàng kéo mấy tấm màn che kín cửa sổ rồi khép nhẹ cửa đi ra. Căn phòng trở nên tối đen nhưng Khang Hòa còn kịp trông thấy Liễu Đạt trước khi nằm lại xuống giường còn kéo chậu hoa cúc ôm vào lòng.

Ra đến ngoài Khang Hòa đi lấy ngựa chạy trở lại hướng Tắc Giang, chùng lặn nửa nện hướng chàng đã thấy bên trái hiện ra hòn núi nhỏ như theo lời chỉ dẫn của Dương Cửu. Vừa cho ngựa chạy vào con đường đất vòng ra phía sau núi, chàng thấy từ xa một người đang đi bộ ngược lại hướng mình. Khang Hòa vội ghì cương cho ngựa chậm lại. Lúc đến gần chàng mới nhận ra đó là một nhà sư già râu tóc bạc phơ, khuôn mặt trang nghiêm với đôi mắt sáng quắc, nhưng thật tử bi, bác ái, tạo

cho người đối diện một cảm giác bình an và tin cẩn. Khuôn mặt nhà sư quen quen, nhưng nhất thời Khang Hòa không nhớ mình đã gặp nhà sư này lần nào hay chưa? Đoán chừng đây chính là Bích Vân Hòa Thượng, chàng vội xuống ngựa, cúi đầu chấp tay vái chào:

- Nam mô A Di Đà Phật! Phải chăng Ngài là Hòa Thượng Bích Vân?

Vị sư già cũng vội vòng tay đáp lễ:

- Mô Phật! Không dám! Chẳng hay bần đạo có thể giúp gì được cho thí chủ?

Nghe giọng nói nhỏ nhẹ nhưng cũng thật rõ ràng của Bích Vân Hòa Thượng, Khang Hòa mới nhận ra đây chính là nhà sư mà chàng và Liễu Đạt đã gặp cách đây một tháng vào buổi chiều trước của phạn điểm, trước khi gặp Bạch Cúc.

Nhớ lại lời lẽ chê bai bất kính của mình đối với Hòa Thượng Bích Vân chiều đó, dù Ngài không nghe, Khang Hòa vẫn thấy ân hận và thẹn thùng không nói thành lời. Thấy Khang Hòa ấp úng, Hòa Thượng Bích Vân cười độ lượng:

- Thí chủ có điều gì khó giải quyết? Xin cứ giải bày! Nếu giúp được bần tăng nhất quyết không từ chối.



Do dự một lúc Khang Hòa mới chậm rãi nói:

- Bạch Hòa Thượng! Có một đạo sĩ ở Tắc Giang nhờ con hỏi Ngài rằng tại sao ông ta tu mãi mà không ngộ?

Bích Vân Hòa Thượng nhắm mắt lại trầm ngâm suy nghĩ, một lúc sau mới mở mắt ra hỏi Khang Hòa:

- Thí chủ có giấy mực ở đó không?

Khang Hòa gật đầu chạy lại bên hông ngựa rút trong túi hành trang ra một quyển mực, một bút lông và một xấp giấy hoa tiên kính cẩn cầm bằng hai tay đưa cho Bích Vân Hòa Thượng. Ngài đón lấy các thứ, cầm bút chấm mực viết nhanh vài câu lên một tờ giấy hoa tiên, gấp kín lại đưa cho Khang Hòa:

- Lưu Thuật đạo sĩ ở Tắc Giang! Bao nhiêu năm trời không gặp, tưởng ông ta đã thành chánh quả không ngờ vẫn còn qua lại nơi dòng sông Tắc. Tu mấy chục năm trời khổ hạnh, đạt được một ít công phu,

pháp thuật hơn người như Bạt Đảo Di Sơn, Đãng Bình Độ Thủy... lấy làm hãnh diện, bám vào dòng sông Tắc làm nghề đưa người qua sông trong lúc sóng to gió lớn, tưởng thế là cứu nhân độ thế thì làm sao mà đại ngộ được? Bây giờ lại cạy người đến hỏi. Tu là phải tìm đường giải thoát cho chính mình trước đã, còn chấp vào bất cứ một điều gì thì cũng đều khó thành chánh quả. Những phép lạ mà họ Lưu đạt được chỉ là phó sản của sự tu hành chứ không phải là mục đích. Lần gặp cuối cùng gặp nhau cách đây hơn chục năm bần tăng đã nhắc nhở, nhưng ông ta vẫn thế, không ngộ Lưu tôn ông vẫn còn quanh quẩn chưa tìm được lối ra. Thôi được! Thí chủ hãy đưa thư này cho tôn ông Lưu Thuật ở Tắc Giang.

Khang Hòa đưa hai tay đón lấy tờ thư cúi đầu cảm tạ. Bích Vân Hòa Thượng ân cần hỏi thêm:

- Thí chủ có còn điều gì nan giải nữa không?

Thấy Khang Hòa do dự, Bích Vân Hòa Thượng thân ái đặt tay lên vai chàng:

- Thí chủ cứ nói!

Thái độ khoan hòa của Sư Bích Vân khiến Khang Hòa thêm tin cẩn, chàng suy nghĩ rồi kể hết mọi chuyện của Liễu Đạt từ ngày gặp Bạch Cúc cho Ngài nghe. Khang Hòa dứt lời, Bích Vân Hòa Thượng kêu lên nho nhỏ:

- Mô Phật! Nghiệp chướng! Nghiệp chướng! Hiện giờ Liễu công tử ở đâu? Thí chủ hãy dẫn bần tăng tới, may ra còn cứu được.

Nghe nói thế Khang Hòa mừng rỡ:

- Xin Ngài theo con!

Nói xong chàng chạy lại kéo ngựa đến, kính cẩn mời Hòa Thượng Bích Vân lên nhưng Ngài đã mỉm cười:

- Thí chủ cứ việc chạy trước đi! Bần tăng theo sau.

Khang Hòa mời thêm hai ba lần nữa nhưng sư Bích Vân vẫn cương quyết từ chối, bắt đắc dĩ chàng phải leo lên ngựa đi chậm chậm phía trước, thỉnh thoảng quay đầu nhìn lại ra ý chờ Ngài. Thấy vậy Bích Vân Hòa Thượng cười nhẹ nói:

- Thí chủ cứ việc chạy bình thường đi! Đừng lo bần đạo không theo kịp!

Nghe sư nói thế, Khang Hòa nửa ngạc nhiên nửa tò mò nên lảng lạng cho ngựa chạy nhanh hơn, được một đoạn chàng quay đầu nhìn lại coi Sư đã đi đến đâu thì thấy Ngài vẫn cách sau lưng mình chừng hai trượng. Thấy vậy Khang Hòa thúc mạnh chân vào hông ngựa, con vật hí lên một tiếng dài cất vó phi ào ào đến độ gió

thời vào mặt chàng rất rạt, Khang Hòa phải cúi xuống ôm chặt cổ ngựa đồng thời quay đầu ngó lại đằng sau. Thật lạ lùng! Bích Vân Hòa Thượng vẫn khoan thai rảo bước sau lưng chàng với khoảng cách không thay đổi. Biết được khả năng Ngài, Khang Hòa lòng thêm kính phục, chàng ghi cương cho ngựa chạy lại bình thường.

Một lúc sau hai người đã về tới lữ điếm. Vừa mở cửa phòng ra, Khang Hòa kêu lên một tiếng kinh hoàng khi thấy Liễu Đạt và Bạch Cúc đang nằm ôm quấn lấy nhau trên giường, quần áo xốc xếch. Ánh sáng từ bên ngoài hắt vào khiến hai người bừng tỉnh, Bạch Cúc kêu lên một tiếng bi thương rồi nhảy thoát vào chậu nước biến mất trong khi Liễu Đạt ánh mắt đỏ đẫm, hai tay quờ quào vào không khí rên rỉ:

- Bạch muội! nàng đi đâu vậy? Ở lại đây với ta!

Bích Vân Hòa Thượng theo sau chân Khang Hòa, thấy cảnh tượng đó liền đi lại kéo màn mở tung hai cánh cửa sổ ra, ánh nắng mặt trời chiếu chiếu thẳng vào người Liễu Đạt khiến chàng kêu lên đau đớn đưa hai tay ôm mặt quay vào góc phòng. Khang Hoà sợ hãi nghĩ người ra trước những sự việc kinh dị, Hòa Thượng Bích Vân trông thấy vẻ nhẹ lên vai chàng một cái nói:

- Thí chủ! Cho bàn tăng xin một ly nước!

Khang Hòa bừng tỉnh đi lại bàn rót một chén trà trao cho Ngài. Sư Bích Vân đưa tay tháo tràng hạt Bồ Đề đang đeo trên cổ xuống, Ngài dứt lấy một hạt dùng tay bóp nát bỏ vào ly nước đoạn bước đến ôm lấy Liễu Đạt, kê chén trà vào miệng chàng, nói như quát:

- Uống mau!

Liễu Đạt bất chợt có vẻ sợ hãi, lấm lét nhìn Hòa Thượng Bích Vân rồi ngửa cổ uống ngay chén trà. Khi Liễu Đạt uống được chừng hơn nửa chén thì Sư Bích Vân lấy chén ra khỏi miệng chàng, phần còn lại Ngài đem đổ vào chậu nước. Chỉ trong một thoáng Liễu Đạt ôm lấy bụng quần quại rên la rồi chợt ho lên mấy tiếng phun ra một cục đờm đen pha lẫn máu, té xuống giường bất tỉnh. Bích Vân Hòa Thượng đưa tay chỉ chậu hoa cúc trắng đang từ từ héo quắt lại, hai cái nụ hoa nhỏ đã rụng đi, nói với Khang Hòa:

- A Di Đà Phật! Nguy hiểm đã qua! Liễu thí chủ sẽ tỉnh dậy trong chốc lát và chỉ cần tĩnh dưỡng độ một hai ngày là sẽ hoàn toàn bình phục. Thí chủ còn gì lo lắng nữa không?

Khang Hòa đưa mắt nhìn Liễu Đạt, thấy khuôn mặt xanh xám của bạn đang hồng hào trở lại, hơi thở cũng đều hòa hơn, chàng an tâm quỳ xuống lạy tạ Bích Vân Hòa Thượng, Ngài mỉm cười chấp tay chào lại rồi lùi dần ra cửa, thoáng mắt đã không còn thấy bóng.

Hai ngày sau lúc chậu hoa cúc trắng tàn lụi hẳn, thì Liễu Đạt hoàn toàn tỉnh táo và khôi phục lại sức khoẻ. Chàng ngó ngác như người mới trải qua một giấc mộng dài, khi nghe Khang Hòa nói rằng mình đã xa nhà hơn một tháng. Vừa ân hận, vừa nhớ nhà chàng thúc hối Khang Hoà lên đường trở về. Chiều ngày đó lúc gần đến bờ sông Tắc, Liễu Đạt và Khang Hòa đã trông thấy Lưu Thuật đạo sĩ đứng chờ dưới một gốc cây. Thấy hai người từ xa phi ngựa tới, Lưu Thuật bước ra tươi cười:

- Chào nhị vị! Tối qua bấm độn biết ngày nay nhị vị sẽ trở lại đây nên bàn đạo đã ra đón từ sớm. Nhị vị có câu trả lời về việc bàn đạo nhờ hỏi chứ?

Liễu Đạt và Khang Hòa cùng xuống ngựa vái chào, Khang Hòa cầm thú của Sư Bích Vân trên tay nói:

- Bạch tiên bối có đây! Nhưng phiền tiên bối đưa tiểu sinh và hiền hữu đây sang sông trước đã!

Lưu Thuật đạo sĩ cười khanh khách:

- Nhị vị chắc lép với ta quá! Thôi được! Không sao, mời nhị vị lên thuyền!

Nói rồi ông quay người đi xuống thuyền, Liễu Đạt và Khang Hòa liền dắt ngựa theo sau. Khi con thuyền vừa cập sát vào bờ Khang Hòa liền trao thú cho Lưu Thuật. Đạo sĩ chống chèo xuống, chờ cho họ bước lên bờ ông mới mở lá thú của Bích Vân Hòa Thượng ra lẩm nhẩm đọc:

- Trường đầu hủ! Lý đầu hủ!

Đêm kè gối mộng nghìn mơ,

Sáng ra nấu đậu như xưa khác gì? (*)

Đọc xong đạo sĩ họ Lưu nhìn lên trời có vẻ suy nghĩ, bất ngờ ông phát lên cười ha hả một tràng dài rồi vung tay đập mạnh mái chèo vào chiếc thuyền mấy cái làm nó vỡ tan ra từng mảnh, thuận tay ông quăng nốt mái chèo xuống dòng nước đang trôi cuộn cuộn rồi phóng người nhảy lên bờ. Khang Hòa và Liễu Đạt sững sốt trước hành động của Lưu Thuật, nhưng họ chợt hiểu khi đạo sĩ họ Lưu vòng tay chào ra dấu cảm tạ rồi lao mình chạy đi, chớp mắt không còn thấy tăm dạng!

(*) Trích trong Thiên Đạo Tu Tập - Người viết quên mất tên tác giả là ai.

Ngọt ngào tiếng Mẹ

*Thơ ngây như ngày nào con nhớ
mẹ*

*Đau khổ vô cùng mờ mịt nắm
cổ hoang*

Đất trắng dưới bàn chân

Ngày tàn cư, con ra đi

Nước mắt mẹ buồn lã chã

*Bụi cỏ quanh đời xém cháy cánh
hoa mơ*

Thở ấy đâu xa

Chừ con nhìn mẹ người ta

*Gió mùa đông con nghe nhạc
lòng âm ảm*

*Ánh trăng vàng tịch mịch một
dòng thương*

Con nghe thom thom héo hon

Ôi! nhớ lắm lòng con gấp rười...

Tương tư mẹ

Đổ muôn sương rơi đọng

Ngang qua đầu thương nhớ

Mãi ngàn sau

Mẹ ơi, mẹ ơi...

● Bích Xuân

(Trích trong Thi tập Bao Giờ Anh Đi)

Nhang ai khóc Mẹ

Thân mẫu qua đời ai khóc than?

Nơi đây viễn xứ nén hương tàn

Bao năm ly khách đời lưu lạc

Nhớ mẹ, lòng ai thêm nát tan.

Vọng quốc, hằng đêm ai xót xa

Bao giờ cho hết bọn gian tà

Về quỳ trước mộ mẹ yêu quý

*Thấp nén nhang lòng xin thứ
tha.*

● Ý Nga

(Trích trong Thi tập Góp Lửa)

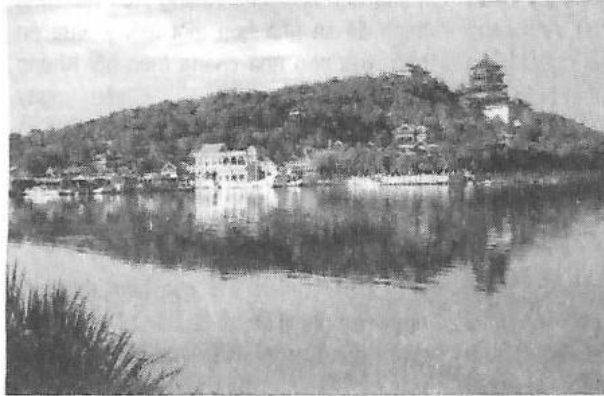
DI-HÒA VIÊN

Từ đời nhà Hán, các Hoàng-đế Trung-Hoa đã sở hữu hai kiểu cung-điện khác nhau: Cung-điện chính thức ở kinh-đô để điều-hành việc triều chính và cung điện mùa hạ xây ở ngoại ô, trong vùng rừng núi hay ven bờ hồ, giữa vùng cây cảnh, hoa thảo thiên-nhiên để nghỉ mát và hưởng thụ. Lúc thực-hiện khu ngự huê viên để du-ngoạn và giải trí này, các bậc quân vương đều muốn sưu-tập các giống cây và hoa, đá hiếm để trồng làm cảnh, để xếp đặt theo diễn biến tự nhiên của trí tưởng tượng. Niên sử nhà Hán đã đề-cập đến hai hồ lớn ở phía Bắc thành Trường-An, Đường Trung Hải và Thái-Di Hải, nơi mà cung Tiễn Thái đã được dựng lên ngay giữa hồ. Vua Hán-Vũ-Đế đã lập thêm Ngự Uyển, cho người trồng cây cỏ, hoa kiểng quanh các bờ hồ, gồm đầy đủ những thực-vật và cả phương vật thuộc khắp các tỉnh trong toàn quốc, như cách mô phỏng lại trong một tiểu vũ-trụ, toàn thể quyền uy của nhà vua trải khắp vương quốc. Mỗi triều vua tạo dựng riêng cho mình một kiểu cung điện mùa hạ, trong một ngự huê viên rộng lớn. Nhà Kim xây điện, trồng cây, lập vườn dọc theo một đoạn ven hồ dài. Nhà Nguyên mở rộng hơn trên cả ba hồ lớn, Bắc Hải, Trung Hải và Nam Hải. Nhà Minh kiến tạo cung mùa hạ và ngự hoa viên ở phía nam Bắc-Kinh. Còn nhà Thanh lại đưa về phía Tây Bắc. Hoàng-đế Khang-Hi sáng lập Trường Xuân Viên. Vua Càn-Long mở rộng vườn Viên-Minh với những cung-điện, lầu gác kiến trúc kiểu Tây dương và giếng phun nước.

Sau chuyến du Giang-Nam trở về Bắc-Kinh, vua Càn-Long lúc nào cũng tỏ-tưởng đến phong cảnh sơn thủy hữu tình của vùng thiên-đàng hạ-giới Tô-Hàng. Hoàng-đế lại là người con chí-hiếu. Nên đã mượn danh nghĩa chúc thọ Mẫu Hậu, sai người chọn những giống cây quý ở khắp nước, mang các tảng đá đẹp ở vùng Thái-Hồ về dựng lại viên cảnh Giang-Nam trong một khu vườn vây khắp hồ Côn-Minh, cách xa Hoàng Thành độ hai mươi dặm, đặt tên là Thanh-Y-Viên, lại cho xây lên những điện đài, đình các, xong nhà vua rước Thái-Hậu đến nghỉ mát vào mùa hè, nên đã trở thành cung-điện mùa hạ.

Những khối đá lớn, được tuyển chọn trưng bày trong ngự-viên, thường có dáng

gầy, lại tượng ra nhiều hình-thể đặc-biệt, mang nhiều hang hốc với những vết bào mòn của thời-gian. Ngoài đặc tính bền-bì chịu đựng những tàn phá của thời tiết khí-hậu và vũng-vàng trải qua những thăng trầm của thế-sự nhiều đời, các tảng đá đẹp ở đây còn ghi dấu những đường nét mà thiên-nhiên đã mượn mùa gió, nóng lạnh, để hình thành các tác-phẩm nghệ-thuật thanh-kỳ, trong kiểu cách rất tự-nhiên. Để đến nỗi có người đã tiêu-pha cả gia sản để đổi lấy. Thật vậy, một vị quan thời nhà



Bảo Liên Hoàng & Bến Thuyền Di Hòa Viên

Thanh thích sưu tập đá, trong nhà, ngoài vườn đã bày đầy những tảng đá đáng đẹp, thế hay nhưng đến lúc tìm gặp một khối đá tuyệt tác, vẫn còn muốn ra tay chiếm hữu, đã chẳng quản ngại đến sự tốn kém, vung tiền tiêu pha trong việc khai thác và vận chuyển từ vùng Thái-Hồ về Kinh-đô. Nhưng lại không may gặp lúc thiên tai giông bão, cướp phá chặn đường, khối đá to đã thất tán trong vùng rừng núi hiểm-trở, hay chìm sâu đáy nước, ông quan đó phải tung thêm của cải để muốn người, thuê phương-tiện truy tìm, trục vớt, rồi tiếp-tục chuyển-vận lên tận Bắc Kinh. Khối đá đưa được tới nơi, cũng vừa lúc nhà quan đã bị khánh-tận. Gặp đúng dịp vua Càn-Long ra chỉ-dụ sưu tầm đá đẹp để trang-trí khu vườn mùa Hạ mới, các quan trong triều vội tranh nhau mua, tìm mọi thủ-đoạn mưu đoạt cho kỳ được khối đá quý này, vì ai cũng muốn tăng công, nắm cơ-hội thăng quan tiến chức, nếu làm đẹp lòng vị Hoàng-Thượng thích thưởng-ngoạn những khối đá mỹ-thuật. Thành-thủ thêm vài quan đại thần nữa phải tán-gia bại-sản, khi khối đá được tiến cung. Đến lúc được nhà vua ngự-lâm, ai cũng tưởng khối đá đã hết khả-năng tác hại, vì đã được đưa tới nơi cao sang tốt đỉnh. Nhưng vì Hoàng-đế Càn-Long muốn an bài khối đá đẹp này ở khoảng vườn thanh-lich nhứt trong khuôn viên Nghi-Vân-Quán, mà tường cao đã vây kín, Nghi-Vân-Môn đã xây lên và quán Nghi-Vân, thư-viện hoàng đế cũng đã hoàn-tất. Nên nhà vua đành phải sai người

phá tường, đập cửa, nói rộng lối vào để đủ chỗ khiêng khối đá to vào bên trong vườn. Vì thế thiên-hạ đã gọi khối đá này là "Thạch phá gia"!

Đến đời Từ-Hi Thái-Hậu cầm quyền, nhân một buổi bày giá du-ngoạn ở huê-viên Tam-Hải vừa mới sửa chữa lại, bà bỗng nhỏ tới vườn Viên-Minh thuê trước, bèn cảm khái thốt lời: "Tam hải ngày nay tuy đẹp nhưng sánh với vườn Viên-Minh lúc xưa thực chỉ bằng một phần muôn! Đáng tiếc là Tiên-đế đã mất, mà Vườn Viên Minh cũng đã bị hủy! Cái ngày nào nhiệt phồn hoa xưa bên cạnh Tiên-hoàng còn làm sao thấy lại được nữa!"

Lý-Liên-Anh nhìn về mặt thể-thâm uốt lẹ của Thái-Hậu, liền nảy sinh ý-định. Nên ngay ngày hôm sau, tên Tổng Thái-Giám giỏi tài nịnh chủ này vội chạy tới chốn quân cơ, bàn tính với bọn đại thần phác-họa một

chương-trình trùng-tu vườn Viên Minh để làm vui lòng Thái-Hậu. Nhưng muốn tu sửa lại khu vườn rộng lớn này phải cần đến năm ngàn vạn (50 triệu) lạng bạc. Với số tiền đó có thể tạo dựng được một ngự huê-viên mới to-tát và đẹp đẽ hơn, mà lại còn tránh được những mối thương tâm do kỷ-niệm cũ gây ra. Cả bọn đại thần đồng lòng mong mỏi sẽ hoàn tất khu viên cảnh đó trong vòng năm năm để kịp mừng lễ vạn-thọ lục tuần của Tây Thái-Hậu. Tuy nhiên đào đâu ra số tiền lớn lao đó. Cũng chính Lý-Liên-Anh đã nghĩ ra cách, trích mỗi năm hai trăm vạn lạng trong số kinh-phí của Hải-quân. Trong năm năm sẽ dành được một ngàn vạn lạng. Lấy lý Trung quốc là đất liền, chung quanh các tiểu quốc chỉ toàn là man di nhưng địch, lại đều thần phục nhà Đại Thanh, nên dùng Hải quân làm qui gì. Bước thứ hai sẽ mượn danh nghĩa Chấn-hung Hải-quân, mở rộng cuộc lạc-quyên gọi là "Báo đáp Hải-quân". Rồi Hộ-bộ Thượng-Thư Diêm-Kính-Minh cắt hết nhân-khoản (tiền bổng tồn khoản chia nhau cuối năm) của bọn quan lại được hơn bảy trăm vạn lạng bạc (7 triệu) nhập vào để lấy lòng Thái-Hậu!

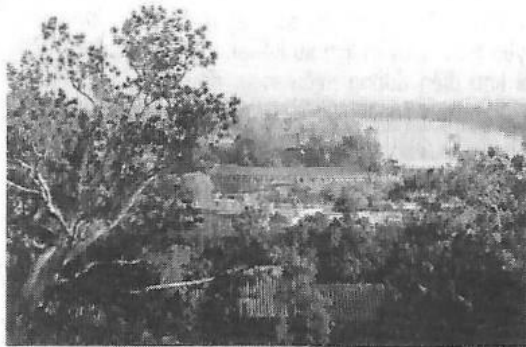
Với số tài chánh dư dả, vị đại thần giám-đốc kiến-tạo ngự-uyển tha hồ thiết-kế lại nền cũ Thanh-Y-Viên, tựa lưng vào Vạn-Thọ Sơn, xây cất lại những điện-đài hoa-lệ, kiến-trúc mới những lầu các nguy nga và vẽ vời tô-điểm thêm các khu vườn hoa đình-tạ đặng-đặng suốt năm năm trời, mãi tới cuối năm Quang-Tự thứ mười chín

mọi hoàn-tất. Từ sáng sớm hôm đó, Đôn-Thân-Vương đã đem theo đám đông đại thần tiến vào hoa-viên để xem xét lần chót. Hoa-viên này được thực-hiện vốn để chuẩn-bị khánh chúc ngày lễ Vạn-Thọ sáu mươi của Tây Thái-Hậu, bởi thế mọi người đồng thanh đặt tên là DI-HÒA VIÊN. Di-hòa nghĩa là di dưỡng mới Thiên-hòa. Phái-đoàn theo góc cổng Đông, nên phải qua Nhân-Thọ-Môn, gặp ngay tại trung-ương hoa viên tòa Nguyệt đài, xây nhiều lầu. Tại từng thủ nhút bên trong đài, bày bốn cái tín lớn. Lên từng thủ nhì, thấy hai chum đồng chạm trở lưỡng long tranh châu và cặp phượng múa lượn chung quanh. Vào ngôi điện Nhân-Thọ cao lớn đồ-sộ nhìn thấy một ngai lớn bằng gỗ mun quý, đặt ngay chính giữa. Quay ra hướng Tây đi chẳng mấy bước, đoàn người đọc được tám biển khắc bốn chữ "Thủy một tự thân". Mặt Tây này mở ra hồ Côn-Minh. Phía bắc hồ xây tòa Lạc-Thọ-Đường, về sau được Tây Thái-Hậu chọn làm tam cung. Trước mặt tòa đường này, cách chỗ trướng-bày mấy tượng hạc và hươu cái, tượng trướng cho vẻ cao sang quyền quý và lòng tử của bậc Mẫu-nghi thiên-hạ, cũng dựng lên một nguyệt-đài. Bên đài lại xây cất một ngôi đình theo kiểu nhã phòng (phòng ấm) toàn bằng pha-lê, tựa lưng vào một cây du toàn (tùng đầu) mọc sẵn đã năm trăm năm, đã được cắt tỉa như một cây san-hô khổng-lồ, về sau được Thái-Hậu gọi là Vạn hướng thụ. Vị Tổng công-trình-sư còn khéo léo cho trồng đó đây vài cội Ngọc-Lan (tên tộc của Từ-Hi). Lại theo hướng Tây quanh quần một hồi nữa, mọi người mới đi qua một dãy hành lang vòng cung dài gần hai trăm trượng (793 m, non một cây số), phân ra 280 gian, ngay đầu hồi mỗi gian phía trên đà ngang đều tô vẽ lại các cảnh phổ-biến trong tử đại tài tử, danh-tác cổ văn Trung-Quốc. Khi thì hình bốn thầy trò Tam-tạng đi thỉnh kinh hay Tôn-Ngộ-Không đại chiến Nhị-Lang thần; khi thì ảnh Lâm-Đại-Ngọc đang làm thơ xướng họa với Già-Bảo-Ngọc. Đây là cảnh Đào-viên kết nghĩa. Kia là màn Võ-Tòng đá hổ. Đi hết dãy Du-nguyệt lang này, ai cũng được ôn lại những hồi quan-trọng trong các bộ truyện Tây-Du ký, Hồng-Lâu mộng, Tam Quốc Chí và Thủy-Hử. Vừa đi vừa nhìn về phía Bắc, trên ngọn núi cao sừng-sững một tọa đài mang tên Quốc-Hoa đài cao đến vài chục trượng. Phía dưới mở ra tòa Bài-Văn điện, dài chín gian, hết sức rộng lớn. Muốn vào điện phải bước theo dãy thềm, đắp cao lên

dẫn tính ra tới mười bốn tầng. Về sau Thái-Hậu dùng nơi đây làm chỗ tọa trà, vì thế trong điện còn treo đôi câu đối:

*Vạn hốt tình sơn triều Bắc cực
Cửu hoa tiên nhạc tấu Nam huân*

Hai bên vách điện, xây đắp đến mấy chục cây thập cẩm cao đến tận xà nhà. Phía trước trên nguyệt-đài bày bốn cái đỉnh và chum bằng đồng, từng đôi một được chạm trở lưỡng long hoặc cặp



Du Nguyệt Lan (Di Hòa Viên)

phượng vũ. Phía sau điện dựng Phật-Hướng các, thềm cao đến vài chục bậc toàn bằng đá, để Thái Hậu đến hành hương, lễ Phật. Nếu thuận theo cửa ngạch mà vào, sẽ chạm mặt với một bia đá lớn khắc bảy chữ: "Mộ ái triều phong thường tự tá". Nếu do mặt Bắc mà đi, đoàn người sẽ gặp một gác cao, mái hình bát giác gọi là Bảo-Vân các, với cửa, cột bao lan, chấn song đều được đúc bằng đồng. Từ Bảo-Vân-các đi về hướng Đông, sẽ gặp già sơn Thái-Hồ, hòn núi nhân tạo che chở một hang động đi loanh quanh, khúc chiết y như một tổ kiến. Xuyên qua hết cái động này mới đến được Phật Hướng các. Bên trong gác thờ ba pho kim thân Tam Thế. Ra sau gác leo lên tới nơi cao nhất của Vạn Thọ sơn, mới vào ngôi ngấm cảnh bao quát chung quanh, trong một ngôi đình mang tên Chung Hương Giới. Lại theo hướng Nam mà đi xuống, qua một dãy tường thấp ôm quanh lấy đỉnh núi sẽ đến trước cổng đề bốn chữ "Đạo dưỡng chính tính". Tựa vào sơn tường trước cổng nhìn xuống mặt hồ, sẽ thấy quanh bờ, nào đình đài, nào lầu gác xen lẫn trong các khóm cây xanh, rõ mồn một chẳng khác chi nhìn phong cảnh chạm khắc trên một chiếc mâm bạc. Rồi theo động đá khác xuyên qua núi về hướng Đông sẽ gặp hai ngôi "Chuyển-Luân-Tạng", vốn là hai tòa bảo tháp dựng bằng gỗ, mỗi tòa cao đến mười mấy tầng. Mặt ngoài mỗi tầng đều khắc tượng Phật. Mỗi tòa tạng cao ba trượng này, liên tiếp xoay chuyển ngày đêm không bao giờ ngừng. Mãi về sau năm Canh Tý, khi Bát quốc liên quân đánh vào kinh thành, chiếm đóng Di-Hòa-Viên, lúc

đó hai tòa Chuyển-Luân Tạng mới ngừng hẳn, không xoay chuyển nữa. Cảnh đây còn cất thêm mấy ngôi đình bát giác và hai tòa Nhật Qui, trên mặt ghi số giờ khắc, chính giữa cắm một cây kim đồng. Mỗi khi mặt trời chiếu sáng, bóng cây kim chỉ vào con số giờ nào, khắc nào, là ta biết ngay mấy giờ mấy khắc. Rồi Chuyển Luân Tạng đi quanh ra, dẫn bước tới điện Huy-Đức ở mặt Đông, mang biển phía trên đề bốn chữ "Phu quang vinh khánh". Đối xứng với điện này qua Bài văn điện về mặt Tây là điện Thỉnh-Ly. Điện này còn đối-diện với một rạp hát, xây cất hết sức rực rỡ huy-hoàng. Thật hợp đúng ý thích của Thái-Hậu. Quanh co dọc theo đường núi một lát nữa thì được nghỉ chân ở một ngôi đình quanh biển đề "Họa trung-du" và chung quanh treo rất nhiều câu đối, chẳng những chữ viết hết sức tươi đẹp mà nét càng bay bướm, để ca tụng phong cảnh như sau:

*Cảnh tự viễn trần giai nhập vịnh
Vật hàm diệu lý tổng kham tầm*

*Kỳ hử sùng tình ký viễn tích
Vô biên giai hướng thiếp hương
khâm*

*Nhân vân qui tự liên phong ám
Phi bộc thủy không thấn thạch
lương*

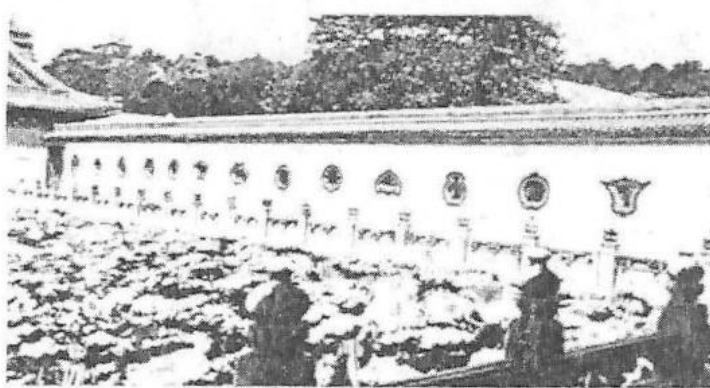
*U lại tình trung quan thủy động
Trần tâm túc hậu mịch lương lai*

*Xuyên nam độc chung tú
Thiên địa bất ngôn công*

*Sơn sắc nhân tâm viễn
Tuyền thanh nhập mục lương*

Xuyên qua động đá bên cạnh đình, gặp ngay bia đá lớn khắc một hàng mười chữ "Sơn xuyên án phát sử nhân ứng tiếp bất hạ". Đi lên chút nữa lại gặp một ngôi đình mang biển đề bốn chữ "Hổ sơn chân ý". Đây chính là nơi thừa lương của Thái Hậu sau này. Đứng trên cao điểm này trong Vạn Thọ Sơn, hướng về Bắc, nhìn xuôi xuống dưới núi, sẽ thấy bên ngoài bức tường lớn vây quanh, độ hơn mười dặm, phố xá chốn kinh thành xếp dọc ngang như bàn cờ, ngựa xe chạy tới lui như mắc cửi. Còn ngay trước mặt ngôi đình "Tri-Tuệ hài" nằm đối-diện với ba cổng vườn đồ sộ nguy-nga treo biển đề ba chữ "Chi Thụ Lâm". Về phía sau lầu cao hơi thấp hơn một chút, phóng tầm mắt xa chúng vài dặm, hướng qua đông bắc, sẽ nhìn ra một dãy tường thấp chạy loanh quanh như rắn bò trên một khu đất bằng, chính là nền cũ

của vườn Viên-Minh thuở trước. Từ trên đỉnh núi đi về phía đông, tất phải theo con đường lún lất toàn đá hoa cương vuông vút, mài nhẵn thín. Con đường dài mấy dặm này, khi còn trên núi tuy có chỗ trồi lên, nơi sụt xuống, nhưng nói chung đều bằng phẳng rất dễ đi và tận cùng bằng ngôi Hội Đình. Đường xuống núi dẫn tiếp tới gác Cảnh-Phúc, nơi hàng ngày Từ-Hi Thái Hậu sẽ đến ăn cháo. Rồi lại qua Như-Ý Trang và Bình-An Thất để thẳng tới Lạc-Nông Hiên. Chính giữa hiên này đặt một ngai vàng, phía sau bày một cái ghế và mé tà để cái giao ý làm theo kiểu Tây dương, bên trên trùm tấm màn vải vàng. Lại đi xuôi theo hướng đông nam qua Chúc Tân Lâu, đến một ao vuông phía trước ngôi Hàm-Viễn Đường. Một con suối nước tử trong núi chảy vào ao, róc rách suốt ngày đêm. Khuôn viên này đã được thiết-trí và xây cất giống y như khu "Đồng-Âm thâm xứ" lúc Thái-Hậu hầy còn là một phi-tử trong cung. Những dãy lan can quanh co, những chiếc chấn song được vẽ chạm hết sức tinh-vĩ khiến phong cảnh càng thanh-u hơn. Cạnh ao còn cất một tòa Hòa-Xuân Đường: diện đồ gie ra mặt



Lạc Thọ Đường - Di Hòa Viên

Lối đi lát đá quanh hồ sen, dùng tường hoa mở cửa sổ trang trí đa dạng

ao xây nổi một cây cầu gọi tên Tri Ngự Kiều. Bốn mặt chung quanh cầu đều xây lên các đỉnh đài tinh-xảo tráng lệ. Qua cầu Tri-Ngự mới gặp tòa Viên Lạc, mà mặt nam cũng như bắc đều dựng bốn năm căn nhà đối diện nhau. Khu nhà mặt nam chứa chiếc thuyền rồng, khu mặt bắc chứa bộ đồ thư tập thành. Kế đến Đúc-Hòa Viên bao quanh ngôi điện vũ Di-Lạc. Trước mặt điện xây một rạp hát lớn cao ba tầng. Trên từng cao nhứt nhìn ra xa, ai cũng thấy Ngọc-Lan Đường hiện ra trước mặt, Thái-Hậu về sau phân điện đường này cho vua Quang-Tự dùng làm tẩm cung. Hai bên giải vũ trước mặt điện gồm những dãy phòng dài mười một gian, mỗi gian đều được ngăn ngang bằng ván chắn, dành cho các bậc vương công đại thần ngồi xem hát. Từ đây có thể nhìn ra hồ Côn-Minh ở phía nam. Lại bước dọc theo bức tường đồng mà đi độ chừng hai dặm đường, đoàn người gặp của cung môn và một bia đá dựng ngay bên tà, gọi là Chúc-Nữ Thạch, cao tới bốn, năm thước, dựng lên từ năm Giáp Thân. Đối qua của cung mé hữu, tượng một con trâu đồng được đặt nằm trên mặt đất, dài bốn năm thước, gọi tên là Khiêu Ngưu. Cung môn mở hướng ra một cây cầu xây trên bờ Bạch Thạch Hà, dùng làm chỗ cập thuyền du-ngọa trên Côn-

Minh hồ. Dọc theo bờ hồ, đi về hướng Tây, qua cây cầu mười bảy nhịp, mới đến miếu Long Vương. Cột miếu hai bên treo đôi câu đối:

**"Thiên ngoại thị ngân-hà, yên ba uyển chuyển,
Vân tiền khai thúy ốc, hương vũ phi vi"**

Ba mặt đông tây nam ngoài cổng miếu, đều dựng bia đá. Đằng sau miếu là Hàm Hư Đường, rồi tới bờ hồ. Nhìn qua Côn Minh hồ về phía tây sẽ thấy rõ Ngọc Tuyên Sơn. Truyện lịch sử kể lại: Cứ đến mỗi khu điện đường miếu mạo, đều gặp vài chục viên Tống-Biện và Bang-Biện uy-viên, đứng chầu hầu, quá nửa là người

hà tại Di-Hòa Viên... để nhận những lời mừng chúc nơi Đái-Lai".

Đến tháng mười, khắp kinh thành đã treo tòng kết tuổi huy-hoàng và ban đêm giăng đèn sáng choang, màu sắc rực rỡ. Ba ngày trước lễ, chính-diện cũng như hậu điện đều trang hoàng xinh tươi muôn vẻ như gấm thêu. Chu vi chung quanh cách vườn hai mươi dặm, từ trên Vạn-Thọ Sơn xuống Côn-Minh Hồ, đều kết hoa, treo trướng buông màn, đủ ngũ sắc lóng la lóng lánh. Dưới mặt đất trải vài đoạn, phía trên đầu lại căng khắp mạn thiên trướng, trông y như rừng gấm, sông lụa, hoa lệ lạ thường.

Đúng ngày chánh lễ Vạn Thọ, Lão Phật gia dậy thật sớm, mình mặc một bộ thọ phục thêu long phụng, bằng gấm vóc. Lý-Liên-Anh và Giao-Tổ-Quân đã chuẩn bị sẵn sàng loan giá. Quý vị Phúc-Tấn, phu-nhân các Thân Vương hầu hạ hai bên, phò Thái Hậu rước lên xe loan, cùng kéo thẳng tới vườn Di-Hoà. Chẳng bao lâu loan giá tới cửa vườn. Bọn Thân Vương như Đông Vương, Cung Vương, Khánh Vương suất lãnh đủ các đại thần Hán Mãn qui sẵn tại đây từ trước để đón giá. Khi loan giá tiến vào vườn, bọn Thân Vương nhất loạt vào

theo sau. Chiếc ngai báu đã đặt sẵn trên điện Bài Vân, sửa soạn chu đáo để Thái Hậu lên ngôi chịu lễ mừng thọ.

Quang-Tự Hoàng Đế và Hoàng Hậu từ long xa phía sau đã tiến lên lễ mừng trước tiên. Tiếp sau đó, hai nàng Trần-Phi và Cấn-Phi cũng kịp tới để bái thọ. Nguyên lai hai phi Trần - Cấn còn đang bị giam trong lãnh cung chưa mãn hạn, nhưng vua Quang-Tự thừa dịp mừng vạn thọ, cầu xin Thái Hậu gia ân đại xá cho hai nàng.

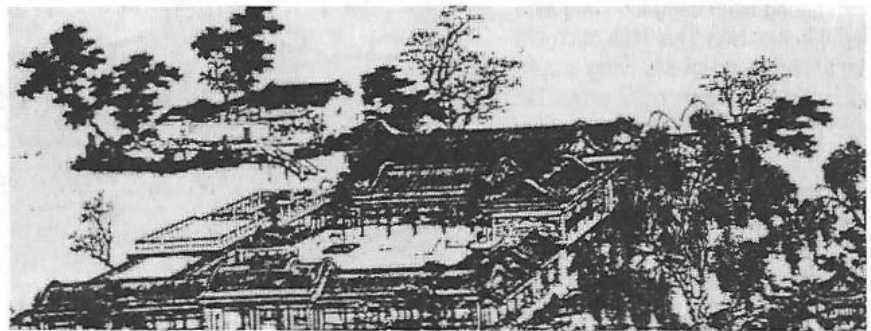
Cuối cùng đến các bà Phúc Tấn, các cô Cách Cách lần lượt kéo ra, từng nhóm dập đầu quỳ lạy để mừng thọ Thái Hậu. Cuộc lạy mừng chúc thọ vừa xong, Tây Thái Hậu truyền dụ: "Cho phép các Thân Vương, Đại Thần, Phúc Tấn, Cách Cách được dạo chơi trong vườn một ngày, đồng thời cho ăn yến bày tại đại viện, vừa được xem hát. Khi đoàn người dạo đến khoảng vườn Thập Nhị Giáp gần bờ hồ, nơi đã dựng sẵn tượng mười hai con giáp bao quanh, Thái-Hậu cùng Hoàng Đế và Hoàng Hậu đều xuống xe đi bộ vào để mở đầu cuộc phóng sinh điều ngư tạo phúc nhân lễ mừng thọ. Tổng Thái giám Lý-Liên-Anh tiếp các lồng chim ngũ sắc từ tay bọn Thái giám, để lần lượt dâng Thái-Hậu. Nhưng mọi người đều ngạc nhiên lúc Từ-Hi

Thái-Hậu mở cửa các chiếc lồng, dường như chẳng có con chim nào muốn bay đi. Thái Hậu phải bắt từng con tung lên, nhưng chúng chỉ bay là là rồi đáp xuống đất quanh chân Thái Hậu rồi kêu lên mấy tiếng chim chirp nhỏ nhỏ. Chùng đó Lý-Liên-Anh mới quỳ xuống tâu lên rằng: Thái Hậu đức độ hơn người, khiến cả loài cầm thú cũng quyến luyến dưới chân không nở rời và còn muốn kêu lên lời chúc thọ. Vậy xin Thái-Hậu ban thưởng cho chúng. Vừa nói hần vừa tiếp lấy rổ ngũ cốc từ tay tiểu thái giám, để dâng lên cho Thái Hậu rải xuống. Lũ chim mổ ăn xong, mới từ từ vỗ cánh bay đi. Đến lúc thả cá xuống hồ cũng vậy. Mấy con cá chép vàng, cá bông, thảo ngư củ lủng lờ thả nổi trên mặt nước. Đợi Thái Hậu rải cám trộn thức ăn ban thưởng, chúng đớp sạch mỗi lần lượt bơi lặn đi. Khiến Thái Hậu vô cùng sướng thích. Nhưng cũng có vài người tinh mắt nhìn ra thủ-đoạn lấy lòng chủ của tên Tổng thái giám nhiều mưu mô: Chỉ cần bỏ đôi lũ chim, bầy cá mấy ngày liền, đến lúc thả ra chúng đâu còn sức bay, hay bơi lặn nổi! Lòng vui, cảnh đẹp, không khí tươi mát, nên Thái Hậu tiếp tục tàn bộ, kéo theo một đoàn người dài, dạo quanh các nẻo đường, thăm viếng những đình các cho đến lúc hoàng-hôn. Thật là một ngày náo nhiệt chưa từng có! Người đời sau đặt bài Tử để ca tụng cảnh hoa lệ của Di-Hòa Viên :

*"Bích song liêm ảnh lạnh như băng
 Liêm ngoại nguyệt hoa minh
 Xuân minh y cựu tại
 Tĩnh nhật tri đường hà xử tâm
 Cô thức thanh thanh
 Do nhiên trực vân chi hành
 Uyên ương hà lãn
 Hiệp điệp thiên khinh
 Nhị thập tử kiều vị văn địch
 Nhi nữ thương thương
 Chậm tình dã vị tình
 Đa thiếu thương tan hận.
 Vãng sự bi hà hạn?
 Tiền triều phiến hoa bất trùng kiến.
 Nhân vân tán mạn vô biên.
 Khán lục dương thiên viên.
 Lê hoa thâm thâm đình viện.
 Đào hoa môn hạng
 Do đắc hà hoa trí quán.
 Nhất thanh khương địch bi yết!
 Tích nhật phong lưu.
 Thuyết khởi bất do nhân đoạn trường"
 Dịch:
 "Bóng rèm song biếc lạnh như băng,
 Ngoài rèm trắng sáng chiếu
 Xuân tươi vẫn còn đó!
 Ao chuôm thuở nọ hỏi tìm đâu?
 Chim khách lẻ kêu sầu.*

*Khác nào đuổi áng mây trôi?
 Uyên ương sao nhác?
 Bướm nở thờ ơ!
 Hăm bốn nhịp cầu chưa nghe tiếng
 sáo,
 Nhi nữ sao buồn thương.
 Tình chưa? Sao chưa tỉnh.
 Nhiều ít giận tang thương
 Việc qua buồn biết mấy?
 Triều trước phồn hoa thấy nữa đâu?
 Mây buồn tan tác bao la.
 Trời xa, nhìn cảnh dương.
 Hoa lê thăm thẳm viện đình.
 Hoa đào trong ngõ xóm.
 Bông súng còn nở trên ao.
 Một tiếng địch khương bi thiết!
 Ngày trước phong lưu.
 Càng nói càng đau cảnh đoạn trường"*

Trong Di-Hòa Viên sân khấu rạp hát xây cao đến năm tầng, từ thấp lên cao: Tầng thứ nhứt cũng giống như các sân khấu tại các rạp hát thông thường, nhưng



Vườn Viên Minh

được trang-trí sang trọng, quý phái hơn. Tầng thứ hai dùng để trình diễn những vở tuồng thần kỳ qui quái! Nên được bố-trí gần giống những nơi thần động, Phật tự. Phía trên tầng thứ ba chuyên dùng để sửa soạn màn cảnh. Trên tầng thứ tư bày bàn ghế và đủ mọi đồ dùng cần thiết cho đào kép trang điểm, chuẩn bị lên sân khấu đóng tuồng. Còn tầng thứ năm, đặt bàn thờ Phật và chữ Thần để cúng kiến, tế lễ. Phía trước hai bên sân khấu, cất dọc hai dãy phòng, dùng làm chỗ ngồi cho bọn Vương công Đại thần, được ân thưởng cho xem hát. Đối diện sân khấu xây toà viện chính ba gian, cao hơn một trượng, dành riêng cho Hiếu Khâm Hoàng Thái Hậu (Tứ-Hi), ngồi xem hát nơi gian giữa. Hai gian bên để nghỉ ngơi, nên có đặt giường dài. Mỗi lần Thái Hậu tới xem hát, tùy ý muốn ngồi thì ngồi, muốn nằm thì nằm, thực vô cùng thoải mái!

Hôm lễ vạn thọ, những đào kép nổi danh vùng Bắc Kinh, Thiên Tân như Đàm-Khiếu-Thiên, Uông-Quế-Phân... đều được mời vào đại nội, kéo theo cả đoàn hát lớn. Trời vừa sụp tối, khắp vườn Di-Hòa đèn

được sáng choang, chẳng khác chi lúc ban ngày. Tây Thái Hậu và vua Đức-Tôn (Quang-Tự) cùng ngự trên đại viện để xem hát, hai bên ngồi đông đủ nào Thân Vương, nào Phúc-tấn, nào Cách-cách, nào nội giám thân tín... Rồi một tên thái giám trình lên một cuốn sổ tay để Thái-hậu và Hoàng-Thượng chọn tuồng. Thuận tay, Thái Hậu chấm vở Thiên Lôi Báo, một kiệt tác của Tiểu-Khiếu-Thiên. Kép Thiên cất tiếng hát mê ly lạnh lốt, tới chỗ sét đánh, Tây Thái Hậu quay mặt nhìn Đức-Tôn cười nhạt, có ý chế giễu, mai mĩa cảnh vua Hán Hiếu-Đế, cô thế nhu nhược bị lãng nhục vô cùng thâm-thâm. Ngược lại Đức-Tôn chọn tuồng Tiêu-Dao Tân, đến lúc Thái Hậu thấy Hoàng Đế mở sáng đôi mắt, cất cao đôi lông mày lên, kêu gọi nội giám liên tiếp khen thưởng bọn đào kép, mới biết tuồng này ngụ ý phản đối mình, nên lấy làm bực tức lắm, định hạ lệnh đình diễn. Song thấy Cung Vương ngồi gần, chẳng dám phát tác. Chỉ chờ cho vua Quang-Tự xem chán xin về, Tây Thái Hậu cũng bảo bọn Thân

Wương về nốt, chỉ để các cố Cách Cách ở lại xem hát cho đến lúc mãn. Sau đó bà cùng Lý-Liên-Anh sang chơi bên Trí-Tuệ Hải, vốn là một thủy cảnh đẹp vào bậc nhứt trong Di-Hòa Viên. Cách thiết-kế phong cảnh đại khái cũng giống như Doanh Đài, nhưng quy-mô kiến tạo xem ra công phu và khéo léo hơn. Bốn phía chung quanh bờ hải đều cắm châu ngọc chen bên các tảng đá quý, lại treo cả những kiêu đèn ngũ sắc lộng lẫy của Tây dương. Ở giữa bể (hải) neo một chiếc thuyền rồng, phần thân dài một trượng tám, cao một trượng, chạm khắc vẽ vời đủ ngũ sắc. Sàn ván bên trong thuyền rồng được trải những tấm đoạn lớn màu đỏ sậm, lại bày lên đủ loại bàn ghế, giường nằm, giao ý. Bất luận vào nằm hay ngồi, chỗ nào người ta cũng thấy êm ấm thoải mái cả. Trên mũi thuyền bày đủ nào cờ quạt, nào tiết việt. Trong khoang đuôi còn dựng một căn phòng nhỏ, luôn luôn được hai tên tiểu thái giám trông coi và châu chực cẩn thận, để sẵn sàng dâng lên ngự điểm (các bữa ăn của vua chúa) cho đúng lúc. Một toà nguyệt cung nằm trên đất liền, đối diện với chiếc thuyền

rờng, vang qua tiếng trống tiếng tiêu suốt ngày đêm không dứt. Các quả phẩm tươi ngon cùng đào sen ướp lạnh được bày sẵn la liệt trong cung.

Sau khi dong thuyền vòng quanh Trí Tuệ Hải một lượt, vừa thọ yến, hoan ca sướng ẩm, Tây Thái Hậu lại truyền Lý-Liên-Anh đưa sang Bảo Liên Hàng, tức là chiếc thuyền ụ đẽo bằng đá cẩm ngọc hết sức tinh xảo, nên còn gọi là Thạch Hàng (thuyền đá). Vì vậy phải chế thêm hai chiếc khí thuyền (thuyền chạy hơi nước). Tuy không được hoàn toàn như khí thuyền ngày nay, nhưng có thể hạ thủy chạy đi chạy lại được, nên hồi đó đã xem như tài khéo tuyệt-luân, cướp luôn cái công của tạo hóa rồi. Bên trong khí thuyền còn giăng đèn điện, chiếu sáng ra tận ngoài vườn. Tây Thái Hậu một mình cưỡi thuyền chạy đi chơi. Ánh đèn điện tỏa ra sáng choang một vùng, rồi nhỏ dần còn lốm đốm như sao. Thuyền đã chạy cách xa điện Nhân Thọ hướng về phía Vạn Thọ Sơn, phong cảnh càng lúc càng xinh đẹp hết sức. Nên Thái Hậu thích chí lắm tự nhủ sẽ trở lại đây dong thuyền hơi ngắm cảnh ban ngày nhiều lần nữa. Du ngoạn như vậy đã qua đầu hôm, mà vẫn thấy thú vui chưa thỏa, tiện đường Thái-Hậu cùng Lý-Liên-Anh ghé thăm Đồng Âm thâm xứ, một địa điểm bí mật trong vườn Di Hoà đã hiện diện từ đầu thời nhà Thanh, nhưng đã được cất thêm một ngôi nhà ba gian, được che chắn chung quanh bởi mấy hàng cây ngô đồng rất cao lớn. Cú đến đêm khuya, tú bề vắng lặng, ngọn suối trong bên cạnh reo lên róc rách và nhỏ vào kẹt đá những tiếng tí tách y như tiếng đàn cầm, tạo thành điệu nhạc vô cùng êm ái mê ly. Đọc dài theo nguồn suối còn dựng biết bao lan can chạm ngọc mài đá, thanh nhả như trong bức họa. Mái nhà lợp ngói lưu ly, chịu trên hàng cột chạm và dây tường vẽ mười phần tinh xảo. Bên trong bài trí đầy đủ giường kệ, bàn ghế, màn trướng. Lại thiết trí thêm tiện nghi những chậu rửa mặt, những gương soi. Vì tính Thái Hậu vốn ham thích điểm trang dù đã tới sáu mươi tuổi. Hễ đến một chỗ nào, tất nhiên bọn cung nữ phải lo sửa sang lại mái tóc, giời phấn thoa son lại cho bà. Cũng từ hôm đó Thái Hậu và Lý Liên-Anh ở lại luôn trong Đồng Âm thâm xứ, du ngoạn thâu đêm suốt sáng một cách vô cùng bí mật. Bọn cung nữ, thái giám trong Di Hoà Viên vẫn thường nghe những tiếng trai gái cười đùa bốn cột trong chốn thâm xứ này, nhưng đã được lệnh dặn chỉ được ngồi chờ chực tận đằng xa mà thôi, tuyệt-đối không dám bén mảng tới

gần. Dần dần Tây Thái Hậu nhứt quyết khởi cư tại Di Hoà Viên, không còn thấy can dự vào việc triều chính nữa.

Ngày ngày chỉ thấy bọn nội giám đưa phu vào làm vườn, trồng thêm Quế hoa... Lại nghe lệnh truyền mở Như-Ý Quán tại hiện Nông-Lạc về phía hữu, cách gác Cảnh-Phúc không bao xa. Trong quán chúng bày toàn thư họa của các danh nhân. Nhóm người phục vụ trong đồ thư quán này không phải là cung nữ, cũng chẳng đúng là thái giám, mà toàn là thanh thiếu niên điển trai khỏe mạnh. Thực là một điều trái với lệ luật trong cung cấm các vua chúa xưa nay. Khi cho xây cất Như Ý



Sơn Miên Điện - Di Hoà Viên

Quán, Thái Hậu đã từng ra cáo thị chiêu khảo bọn thanh niên mặt mũi thanh tú, giỏi tài hội họa, nhứt là vẽ các loại hoa lá cây cỏ. Do đó bọn trai trẻ khắp các tỉnh phủ đều nườm nượp về kinh ứng thí. Điều kiện ngoại hình còn khắt khe hơn văn tài thi Hội, thi Đình. Lần tuyển lựa vòng nhứt chọn được một trăm bảy mươi tên. Qua vòng nhì bọn nội giám khảo chọn lại còn năm mươi lăm người, xong đưa vào quán Chiêu Lưu, để đợi đích thân Tổng thái giám tuyển lựa lần thứ ba, còn lại mười một cậu. Nhóm thanh-niên ưu tú này được chính Lý Liên-Anh trau chuốt sửa soạn, ăn diện bành bao và đưa luôn vào khu Đồng-Âm thâm xứ để chính mắt Tây Thái Hậu xét duyệt lần chót. Đến lần chung kết này chỉ hai chàng được chấm đậu hạng tối danh dự. Tây Thái Hậu truyền lệnh cho hai anh chàng này được ở lại Như Ý Quán để

phục vụ và ban thưởng mỗi chàng hàng năm hai ngàn lượng bạc và mười tám gấm hoa. Còn chín chàng kia được lưu lại quán Chiêu Lưu làm toán dự bị, phòng hồ khi cần sẽ gọi đến để sai sử. Hai anh chàng tốt phúc này, một người tên là Liễu-Như-Mi vóc dáng thu-sinh đi đứng dịu dàng, dung nghi dễ thương như một thiếu nữ tuyệt sắc, vốn con nhà quan miền Trúc-Lệ xuất thân, lại không được lòng "khoái thích" của Thái Hậu. Còn người kia tên Quán-Cầu-An, quê ở Hồ-Dương tỉnh Giang-Tô, tướng tá khá mạnh bạo. Nói chung cả hai đều đẹp trai tài hoa, nhưng về nghệ-thuật xu phụng, nịnh bợ Thái Hậu thì Mi thua xa An. Thành thử chỉ trong vòng nửa năm mà An đã được Tây Thái Hậu tín nhiệm hết mức, chỉ thua có Lý Liên-Anh một chút, nhưng lại hơn Anh vì không phải là thái-giám! Sự chênh-lệch sùng ái còn do Quán cầu An xuất thân là một tên lãng tử giang hồ, ăn chơi từng trải, tuy tam giáo cừu lưu không rành, nhưng lại họa tài hát hay, nhứt là trình diễn những bài ca tiểu khúc. Từng là kép hát, nhưng vì thua bạc, nợ điểm, ôm sạch trọn gói của gánh hát, chuồn thẳng về quê, nhưng ai cũng ghét cái đời vô lại, nên gia đình tử, bà con đuổi ra khỏi họ. Phải cầu bớ cầu bắt lang thang hát dạo, ngựa chậu xin tiền thỉnh giả bên vệ đường, rồi nhờ giọng ca tuyệt hảo lân la vào được quán rượu, trà lâu. Bọn thực khách phương Bắc, được nghe cái giọng ca ngộ nghĩnh miền Nam, lấy làm thú, móc túi cho tiền, đố cho An tạm sống. Mãi đến khi nội giám Lý-Lục trong cung ra của Tiễn Môn uống trà nhìn ra tài nghệ của tên lãng tử đưa ngay vào Chiêu-Khảo Quán. Thật không ai

ngờ, Cầu-An ngày một cao giá hẳn lên. Kể từ khi được vào Như-Ý Quán, được Tây Thái hậu triệu kiến, sai hẳn vẽ hoa hí.

Lúc bức họa về hoa thảo, cây cối để chúc mừng này dâng lên, Thái Hậu tán thưởng hết sức. Bà phong ngay cho An giữ chức chủ nhiệm quán Như-Ý. Rồi đến một hôm trời đã tối. Cầu-An đang ngồi ca hát với mấy tên tiểu thái giám trong quán, chợt một cung-nữ bưng tới mâm cơm, miệng cười hí hí bước vào. Vừa đến trước mặt An, cung nữ nói liền:

"Người thật sướng nhá! Thái Hậu đang giận người đó!"

Nghe xong Quán Cầu An thộn mặt ra, mở miệng mà không nói lên được một tiếng. Trong khi cô cung nữ vẫn nhí nhảnh, vừa cười duyên, vừa dờ lờng bàn đậy mâm thức ăn lên, đùa mời và thốt lời:

"Lão Phật gia sai đem ban cho người đó. Có lẽ lát nữa đây, sẽ có lệnh tời tuyên triệu. Người nên chú ý cẩn thận đó".

Nhìn vào mâm cơm, thấy toàn là trân tu mỹ vị, An hơi yên lòng về lời nói giận mà lại thường thức ăn hiếm quý. Nên vội vàng dập đầu tạ ơn. Nhưng lúc đứng thẳng lên, mới hay cô cung nữ đã đi rồi. Trong lòng Cầu-An vẫn vừa thắc mắc, vừa băn khoăn nghĩ, chẳng hiểu Thái Hậu có chuyện gì cần dùng tới mình, mà trọng đãi đến thế! Phải chăng đây là chuyện sai báo quan hệ tới sinh mạng? Không đi thì mang tội nghịch chỉ, mà đi lại sợ nguy đến thân mạng. Vấn vô nghĩ mãi một hồi, chẳng tìm ra cách nào để quyết định. Suy đi tính lại, thấy trước đây mình bắt quả chỉ là thằng ăn mày hát dạo, may mà gặp được Lý-Lục-Lục, nếu không, thân ăn mày vẫn còn chiếu một manh, quần một tấm vá quàng, lang thang lê gót trên phố vắng, khan cổ hát xin tiền. Hòn nửa năm nay được sung sướng, rồi chúc tước như vậy, thì dù phải chết ngay tức khắc, cũng chẳng còn hối tiếc nổi gì! Nghĩ suốt được, An bỗng cảm thấy lòng mình hừng khởi, tinh thần thêm vui tươi, liền ăn một loạt hết sạch mâm cơm. Cũng vừa tới lúc cô cung nữ khi nãy quay lại, lớn tiếng tuyên chỉ:

"Thái hậu có lệnh, truyền cho Quán Cầu An đến Trí-Tuệ Hải kiến giá".

Vội vàng An xốc áo sửa khăn cho tề chỉnh, rồi theo chân cô cung nữ đi về hướng Trí Tuệ Hải. Quan co trên con đường đèn đuốc sáng choang, cảnh trí vô cùng u nhã, An cứ phải dừng bước ở mỗi chặng đường để trả lời cật vấn kỹ càng của bọn nội giám, đứng chực sẵn hai bên. Nhờ cô cung nữ biết ám hiệu nói ra, lúc đó An mới được thông dong tiến bước, không còn bị ai ngăn cản nữa. Đưa mắt nhìn quanh An mới nhận diện được các điện đài, lầu gác nguy nga, xinh đẹp như tranh vẽ. Loanh quanh thêm lát nữa, hai người mới tới Chuyển Luân Tạng, nhìn qua chiếc đồng hồ bên cạnh, xây trụ bằng đá hoa, để xem giờ khắc cả lúc ban đêm. Rồi đi tiếp đến Thịnh Ly Điện và vòng lên đầu phía đông gặp ngôi đình kiến trúc rất tinh xảo, trên đề ba chữ "Họa Trung Du" to bằng cái đấu và hai câu đối:

"Cảnh tự viễn trần giai thập vịnh
Vật hàm diệu lý tổng kham tầm"
dịch

"Cảnh tử cõi xa đều vào vịnh
Vật gồm tinh nghĩa thây nên tìm"

"Nhân vân qui trục liên phong ám
Phi bộc thủng không thấu thạch lương"
dịch:

"Mây bay về núi, non che khuất,

Thác rót lũng không, đá rửa mòn"

Quán-Cầu-An cứ theo sát gót cô cung nữ qua hết nơi này đến nơi khác, lại chun qua một căn thạch động, rồi nép dưới một ngôi đình nhỏ, mới thấy từng lầu cao vòm vòm, trên đề ba chữ "Trí Tuệ Hải". Tới phía dưới lầu, An có ý muốn dừng bước. Nhưng cô cung nữ cười bảo:

"Còn xa ! Người cử việc theo ta mà đi lên!"

An đành phải tiếp tục lên đường. Lại đi quanh co một hồi nữa qua đến tám, chín khoảng đường, mới gặp ngôi thạch điện đường như xây toàn bằng đá tảng, dựng hai lầu cửa bên ngoài. Phía trên đều chạm long vẽ phượng. Đến đây cô cung nữ bảo An:

"Người ở lại đây một lát, ta vào phúc chỉ cái đã!"

Nói xong cô ta đi ngay, mắt hút trong tòa nhà đá, mặc cho An đứng ngơ ngác phía ngoài. Khoảng tàn một cây nhang, cô cung nữ mới trở ra, dặn dò An:

"Thái Hậu đang ngự trong đó! Người nên cẩn thận nhá!"

An chỉ đáp nhỏ một tiếng, rồi cùng cô cung nữ tiến vào gian thạch thất. Qua bốn lần cửa nữa, An chợt thấy bên trong mở rộng hẳn ra, như bước tới một phương trời khác. Nhìn quanh bốn phía rồi dừng mắt nơi tòa đại sảnh, ngăn ngay chính giữa, mang biển đề "Luân Lạc Đường". Đi luôn qua tòa đại sảnh, đến tuyến hành lang, cặp dọc bên hông một dãy nhà bằng nóc, chạy dài chừng mười mấy gian, bên trong trần thiết hết sức hoa-lệ. Nhìn tới gian giữa đèn đuốc sáng trưng, Quán Cầu An nhanh mắt đã sớm thấy Tây Thái Hậu ngồi một mình đang xem sách. Chẳng cần đợi cô cung nữ vào trước tâu lên, An tự mình bước ngay vào, khấu đầu yết kiến. Tây Thái Hậu thông thả bỏ cuốn sách xuống, sai cô cung nữ truyền lời cho phép An ngồi, rồi vừa mỉm cười vừa hỏi An, như người lớn hỏi thăm cậu nhỏ mới quen, nào là mấy tuổi, nào gia cảnh ra sao. Sau khi An lần lượt tâu xong. Thái Hậu lại hỏi: Người biết hội họa, vậy người có phân biệt được nét vẽ của họa sĩ đời Tống không?

An vội tâu ngay:

"Tiểu thần mắt thịt, sợ rằng phân biệt không nổi. Ít ra cũng phải như Ung, Đình, nhị vị họa sư may ra mới xét đoán được vài phần!"

Tây Thái Hậu gật đầu bảo An:

"Nếu vậy, ta cho người xem bức họa này".

Vừa nói Thái Hậu vừa quay lưng đi thẳng vào buồng trong. An đã run lập cập cố bước theo sau, ngay cả hơi thở cũng

muốn nén lại nữa! Sợ đến như vậy mà An vẫn cứ đi luôn vào trong buồng, biệt tâm mất dạng, mãi cho tới trưa hôm sau, mới thấy An lò dò về tới Như Ý Quán. Đố ai biết được, An theo Thái-Hậu vào buồng trong để phân tích cổ họa hay cùng đọc sách! Thiên hạ chỉ thấy từ sau đêm hôm đó, bất cứ lúc nào An cũng có thể bị gọi vào trong Trí Tuệ Hải. Rồi mấy tháng sau lại nghe Thái Hậu ban thưởng cho An, được vào trú ngụ trong tòa nhà đồ sộ rộng lớn ở ngoài cửa trước và gà thêm cho một cô cung nữ về làm vợ!

Qui-hoạch và nghệ-thuật Ngự Huê-Viên đến đời Thái-Hậu Từ-Hi đã tiến lên tột đỉnh. Di-Hòa Viên đã chiếm ngự cả ba mặt hồ lớn Côn Minh. Các công trình kiến-trúc tập trung về phía Vạn-Thọ Sơn. Toàn thể được thiết-kế hầu như cùng một lượt trong khoảng thời gian năm năm, nên giữ được vẻ đồng bộ. Chính trong nghệ-thuật viên cảnh, các nghệ-nhân Trung-Hoa đã thể-hiện phản-ứng chống lại sự gò bó của tôn-ti trật tự, sự đóng khung cứng nhắc của lễ-nghi và các qui tắc ràng buộc nhiều đời. Khu vườn hoa cảnh đã cung-cấp cho con người khả-năng trốn khỏi sự cầu nhệ hình thức và sự chùng mực đều đặn đến chán nản của cuộc sống; một nơi để phát huy tự do cá nhân, mà không đụng chạm vào mối tương quan tập-thể trong xã-hội.

Có điều ở nơi Tây Thái Hậu, nhân vật quyền uy bậc nhất thời đó mọi phản-ứng, khả-năng và tự do cá thể đã vượt quá mức tưởng tượng.

Như loại công-trình nhứt thời, Ngự Hoa Viên chấp nhận tính nghệ-thuật phù du của đời sống hoa kiếng. Chỉ một thời gian không chăm sóc cây cỏ trở nên hoang tàn. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một động-lực tiềm tàng, trong những cây cổ thụ trường sinh qua những thăng trầm của lịch sử; trong các đặc tính cơ bản của loại kiến-trúc cây gỗ, được diễn dịch qua tính uyển chuyển trong kết cấu, sự sinh động của những đường nét, thể vượt trội của đỉnh cao trên các đầu hồi và còn biểu lộ ở đây, trong khu vườn cảnh, qua nhịp cầu vòng cung, cuối ghềnh bắt ngang dòng suối róc rách uốn khúc, qua ngõ trúc quanh co, qua con đường lát đá đối xứng chữ chi và qua trò nhảy múa của ánh sáng chiếu xuyên cành lá, như cội nguồn cuộc sống và hóa thân tái sinh trong vòng tuần hoàn của tập hợp thiên-nhiên ●



Truyện ngắn:

Các bạn đang làm gì nhỉ? ⁽¹⁾

Sveta yêu mến!
Mẹ nó đừng lo gì cho tớ cả, ở nhà thường điện của bọn tớ mọi sự đều tốt cả: thức ăn thừa mùa đến tận cổ, chỉ thỉnh thoảng mới phải tiêm thuốc thôi, còn những thằng y tá thì cũng ít khi đánh bọn tớ. Hơn nữa, ở đây thật vui. Có những thằng bệnh buồn cười bỏ bố. Mới đây người ta đưa đến hai thằng cha, tên là Fedia và Ivan, chúng bị bắt ngay trong chuyến đi công tác. Chúng còn nhớ được tên và ngày sinh của chúng, thế mà điên điên thế nào ấy hai thằng cứ bảo chúng là Penziuki hay Menziuki gì đấy, tớ quên khuấy rồi. Vì thế chúng bám nhau không rời, cứ bù khú chuyện về Penza ⁽²⁾ hay Menza ⁽³⁾ nào đấy. Chẳng rõ đó là tên hành tinh, hay tên bộ lạc, hay tên loài thú - tớ chẳng hiểu mô tê gì cả. Nhưng, nếu đó là hành tinh tưởng tượng của chúng thì nó cũng na ná thành phố Tveri ⁽²⁾ của chúng ta. Cũng đường phố chính tên Lenin, nhà ở trung tâm thì cao hơn, còn khắp nơi rất là nhà 5 tầng, buồng xí chung với buồng tắm chật chội, v.v... Chúng tả tì mi như là chúng đã thấy thật. Mà cả hai đứa đều tả như nhau, cho đến tên phố, số xe điện. Lạ thật! Người ta cho cả hai thằng dùng gấp đôi liều lượng sindepal mà chẳng ăn thua mẹ gì. Còn tớ thì công hiệu ngay.

Chúng bảo rằng chúng đã từng sống trên Penza gì đấy và thậm chí đã sinh ra ở đó. Chúng kể rành rọt, cả gia đình, cả con cái, cả công việc làm ăn, hết như cảnh dưới đất chúng ta. Mà chúng cũng giống hết như mọi người chúng ta. Chưa xếp xong buồng cho hai thằng cha này, người ta lại đưa đến thêm những thằng Permiuki nào đấy nữa. Triệu chúng điên cũng giống giống như vậy. Chúng cứ kể mãi về cái quái gì gọi là Permi ⁽²⁾. Bọn này giống người chúng ta, mà thật ra là dân hành tinh khác hay là người tuyết. Còn tàu vũ trụ của chúng đến giờ vẫn chưa tìm thấy, chắc gì

chúng có thể quay trở về được nữa, nếu thật chúng là dân hành tinh khác.

Mẹ nó đừng quên muối dưa cải đấy nhá, chẳng bao lâu tớ sẽ trở về - không có dưa cải thì tớ chịu sao nổi. Gửi lời thăm di Shura nhá. Còn thằng Vitiok thì cứ bảo nó là tớ cho nó dùng chiếc xe máy. Bọn trẻ con nhà thì phải rất nghiêm với chúng. Tớ về tớ sẽ kiểm tra đấy. Còn mẹ nó thì chờ có lèng phéng đấy nhá, liệu chừng đấy, có chuyện gì người ta sẽ kể lại hết cho tớ biết đấy.

Chồng của Sveta đây.
Paska.
Ngày 13.6.1997.

*

Lidia Sundukova đang đi trên đường phố bụi bặm của thị trấn Udovinsk (3) mà chẳng để ý gì đến chung quanh cả. Bỗng ở đám cỏ xanh bên lề đường có vật gì đó lấp lánh. Cô nhìn kỹ và rất đỗi ngạc nhiên: đó là một chiếc nhẫn cổ kính tuyệt đẹp có mặt ngọc bảo lục. Cô chưa hề gặp may mắn như thế. Cô nhặt chiếc nhẫn lên, thổi bụi đi và đeo vào ngón tay. Lần đầu tiên trong đời cô thấy sung sướng vô cùng. Cô cảm thấy dường như mọi người trên đường nhìn ngón tay của cô và thèm chiếc nhẫn đẹp. Bây giờ thì còn có cái gì đáng ước mơ hơn nữa?

Nhưng dần dần chiếc nhẫn thay đổi thế nào ấy, lúc đầu thì rất vừa cỡ ngón tay, nhưng rồi cứ siết chặt dần vào ngón tay. Mỗi lúc lại thấy đau hơn, nhưng tháo nhẫn ra thì không được nữa rồi. Cô đi ra bên đường, dựa lưng vào một thân cây và thút thít khóc. Cô kinh ngạc nhìn vào bàn tay và sùng sốt thấy cả chiếc nhẫn lẫn ngón tay dần dần bé lại. Cuối cùng cả chiếc nhẫn lẫn ngón tay đều biến mất, trên bàn tay chỉ còn lại bốn ngón. Hết đau, cô lại buồn rầu tiếp tục bước trên đường, băn khoăn nhìn mãi bàn tay tật nguyên của mình.

*

Lariska Ermolaeva đi trên đường phố của Udovinsk, bỗng thấy vật gì đấy óng ánh trong cỏ. Cô vui mừng vô hạn: cô tìm thấy một chiếc nhẫn cổ xưa có mặt đá xanh lá cây. Cô đeo nhẫn vào ngón tay, rồi hãnh diện bước tiếp. Tới nay, tiệc mừng ngày sinh của con bạn Zinka, chắc mọi người sẽ thèm rỏ dãi dầy khi thấy chiếc nhẫn của cô. Bây giờ thì còn có cái gì đáng ước mơ hơn nữa? Bỗng cô cảm thấy ngón tay đeo nhẫn đau nhói. Cô nhìn bàn tay và sùng sốt: cả chiếc nhẫn, cả ngón

tay không còn nữa. Lúc đó thì cô sực nhớ, cách đây không lâu, cô thấy một người đàn bà trong tàu điện với ngón tay cụt, còn sáng hôm nay thấy một thằng nhỏ cũng có một ngón cụt trên bàn tay phải. Hình như cô đã hiểu được lý do vì sao. "Thôi được, - cô đọc địa nghĩ thầm - bây giờ ta tịt nguyên rồi, nhưng cứ để cho mọi người cũng tịt nguyên như ta khi họ tìm thấy chiếc nhẫn tai quái này. Ta sẽ chẳng hé mồm báo cho ai biết cả đâu. Nếu ta đau khổ thì cứ mặc kệ cho mọi người cũng đau khổ như ta".

Antonina Baranova đi trên đường đến cửa hàng mua sữa ở thị trấn Udovinsk... Sergei Figurnov đi trên đường đến vũ trường discotek ở thị trấn Udovinsk... Petka đi mua bia ở đường phố thị trấn Udovinsk... Grigori đi trên đường thị trấn Udovinsk đến thăm cô nhân tình... Người qua lại trên đường thị trấn Udovinsk mỗi lúc một nhiều...

*

Mới đây, có một tờ báo y học đăng một bài rất kỳ lạ, xin lược ghi dưới đây:

"Phái đoàn các nhà phẫu thuật thần kinh Nhật Bản đi thăm Viện nghiên cứu khoa học UDO SIM TOS ở thị trấn Udovinsk đã để ý đến hiện-tượng đặc biệt mà các nhà y học địa phương chưa quan tâm đến: hơn một nửa dân số thị trấn này tay chỉ có chín ngón, chủ không phải mười. Nhưng đó không phải là dị thường của loài đặc hữu hay của sự di truyền. Ngón tay của mọi người bị cắt cụt rất khéo và dấu vết còn mới. Nhưng ai cũng quả quyết là do họ bị thương khi còn nhỏ và không ai chịu kể chi tiết. Các nhà y học đang bế tắc không giải thích nổi bí ẩn thiên nhiên này. Chắc chắn là hiện tượng này đáng được theo dõi và nghiên cứu kỹ hơn không những bởi các nhà y học, mà cả các nhà xã hội học, kinh tế học, ngôn ngữ học, triết học, thậm chí cả những nhà ngoại cảm nữa. Đáng tiếc là như mọi khi, Viện nghiên cứu UDO SIM TOS không có tiền để tiến hành việc nghiên cứu tổng hợp cần thiết".

*

Những người đi trên đường phố thị trấn Udovinsk đâu có biết được rằng đúng vào giờ vũ trụ này, ở Phòng thí nghiệm "Tự vệ của các Nền văn minh vũ trụ và Thực hiện những quan hệ nhân văn giữa các cá thể toàn Không gian vũ trụ" trên hành tinh Vasturn, có hai nhà khoa học trẻ tuổi đứng bên mô hình điện tử của hành tinh Trái đất, đang báo cáo trước Hội đồng Khoa học về kết quả nghiên cứu của mình. Luận án Tiến sĩ của hai chàng gồm có phần tích

khoa học, rút ra những kết luận và rất nhiều dữ kiện lấy ở hiện trường đã thu được trong suốt một năm trời nghiên cứu hành tinh xa xôi đó. Cuộc đối thoại giữa các nhà khoa học đại thể như sau:

- Thừa các Ngài, công trình nghiên cứu của chúng tôi cho chúng ta thấy rằng trên hành tinh ấy không những có sự sống, mà hiện đã có những sinh vật có lý trí như bò, chó, chuột, người, dế, cây bồ công anh, cây củ cải đỏ, v.v... Chúng tôi đã chuẩn bị báo cáo về tình trạng tinh thần của những con người trên Trái đất và cho rằng phải có những biện pháp cấp bách vì chúng đang là mối hiểm họa đối với mọi sinh vật trên Vũ trụ.

- Thế hai ông đã hiểu rõ sự phân chia cấp bậc của những sinh vật trên Trái đất hay chưa? Hay là những cấp bậc đó không còn nữa, vì chúng đã chuyển lên giai đoạn tiến hóa cao hơn rồi?

- Đáng tiếc là không những có hệ thống cấp bậc, mà nó còn tăng mạnh hơn nữa. Trên hành tinh Trái đất, sinh vật chiếm ưu thế là con người, còn các sinh vật khác thì bị phụ thuộc vào chúng một cách tột hại nhất. Con người giết tất cả các sinh vật khác, hoặc để làm thức ăn và lấy bộ da lông (bò, cừu, gà, lợn v.v...), hoặc chỉ vì thích giết để thỏa mãn cái thú vui hung bạo mà thôi - đi săn, đi câu, hái nấm. Thậm chí một con nhện nhỏ trên bãi cỏ cũng bị trẻ con giẫm chết theo lời xúi giục của mẹ chúng, mà người mẹ thì không đủ trí thông minh để biết rằng con nhện đó cũng là cư dân trên Trái đất như à ta vậy.

- Thế thì các ông cho con người trên Trái đất mấy điểm về chỉ số bình đẳng và công bằng? Chắc điểm này chỉ chênh lệch giữa điểm 1 và điểm 0, phải không?

- Thậm chí không được điểm 1 đâu, chỉ được điểm 0 thôi.

- Thế là rõ. Còn bây giờ chúng ta hãy xem qua các thông số về phát triển trí tuệ theo tám chỉ số chính: quan tâm đến sự tiến hóa hài hòa của hành tinh và sinh thái của nó, quan tâm về mặt hoàn thiện gien của các cư dân trên Trái đất, vạch ra triển vọng tối thuận về phát triển kinh tế, trí tuệ v.v... tức là theo phương pháp luận nổi tiếng của Nitorello. Có thể phân tích theo từng thông số, rồi lấy tổng số các điểm.

Các Ngài đã thấy chưa? Con người đã đưa Hành tinh của mình đến tình trạng thảm họa và tình trạng ấy ngày càng tồi tệ hơn: lỗ thủng ozon lan rộng rất nhanh, diện tích rừng giảm xuống không ngừng, hàng nghìn loại sinh vật đã bị tiêu diệt và đang tiếp tục bị tiêu diệt, hải dương, đất đai và bầu khí quyển Trái đất bị nhiễm độc nặng nề, các loại chiến tranh tương tàn củ kéo dài từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, do lỗi của con người nên đã xuất hiện hiện

ứng nhà kính và khí hậu nóng lên. trữ lượng tài nguyên ngày càng cạn kiệt và các thế hệ mai sau tiếp tục bị cướp đoạt vì con người hiện nay chỉ hướng tới hưởng thụ xa xỉ phẩm và tiện nghi, đồng thời tạo ra những nhu cầu giả tạo chỉ cho con người mà thôi, trong khi đó chúng tỏ rõ thái độ dăm man và không thèm đếm xỉa gì đến mọi loài khác cùng cư trú trên hành tinh.

- Khi đưa những chỉ số trên vào máy tính thì các ông có tính hay không đến những hàng số về sự thoái bộ về mặt di truyền của loài người do tình trạng sinh thái trên Trái đất bị xấu đi một cách nguy kịch, do đa số những con người trên Trái đất đã mất trình độ cao về tâm linh, do trình độ lệ thuộc không thể cứu vãn được của con người vào thuốc men, vào kích thích tố, vào tiện nghi kiểu nhà kính trong đời sống?

- Có chứ, chúng tôi có tính những điều đó tùy theo hệ số raitoid cho từng lục địa một. Nhưng, ở các lục địa nơi thì chỉ số 0, nơi cao thì chỉ số 1, chứ không thể cao hơn. Nói tóm lại là triển vọng cực kỳ bi đát. Phép nội suy về thời gian cho biết rằng trong vài chục năm tới, loài người sẽ phải chờ đón cái chết đau đớn nhất do chính bầy tay của chúng gây ra. Loài người tự mình là đao phủ đối với chính mình và đối với mọi loài đang sống trên Trái đất. Những gì đã xảy ra trên Trái đất đều do tội lỗi của bản thân con người, hiện nay thì không thể vãn hồi được nữa, mà khôn thay, chúng còn là mối đe dọa trực tiếp cả cho chúng ta, lẫn các hành tinh và các nền văn minh khác nữa, vì con người đang chinh phục vũ trụ với tốc độ điên cuồng, vì chúng tôi gần các hành tinh khác và có thể đưa đến đó các loài siêu vi trùng có khả năng hủy diệt lớn, đó là lòng tham lam, ích kỷ và không có tâm linh. Trong cơn hấp hối, loài người có thể tiêu diệt nhiều nền văn minh khác trên vũ trụ. Chúng không giải quyết được một vấn đề nào trên trái đất cả, trong khi số người bất hạnh từ thế kỷ này qua thế kỷ khác cứ tăng lên mãi, thế mà chúng vung phí hết sức rồ dại nguồn tài nguyên cuối cùng của chúng để chinh phục vũ trụ.

- Thế thì công trình nghiên cứu của các ông đưa ra những kết luận thực tiễn gì?

- chúng tôi đề nghị một phương pháp nhân đạo nhất giúp loài người: để cứu chúng khỏi những đớn đau không cần thiết, và cũng để cứu các nền văn minh khác khỏi mối hiểm họa đang lơ lửng treo trên đầu họ, sắp tới phải nhanh chóng và dứt khoát hủy diệt hành tinh trái đất.

- Hình như hai ông chưa tính đến cuộc đấu tranh trong nội bộ loài. Nếu như bọn cầm quyền trên trái đất đã đưa hành tinh

này đến tai họa sắp tới mà khác hẳn với thần dân của chúng thì sao? Có khi thần dân của chúng không đến nỗi ngu dốt lắm, không đến nỗi nguy hiểm lắm, và nếu vậy thì lối thoát là chỉ cần thay thế bọn cầm quyền trên Trái đất mà thôi. Lúc đó, có khi những người mới này còn kịp cứu vãn hành tinh của chúng khỏi sự tiêu vong, hàng tỷ người khỏi phải chết, còn đối với chúng ta thì phương án này sẽ tiết kiệm chi phí được rất nhiều.

- Tất nhiên, chúng tôi có tính đến khả năng đó. Khi nghiên cứu hiện trường chúng tôi đã áp dụng phương pháp luận tuyệt vời và rất khôn khéo gọi là "chiếc nhẫn bảo lục ngọc" của đồng nghiệp chúng tôi là ông Rin Brin. Kết quả nghiên cứu hiện trường ở hai thành phố Penza và Permi cho biết rằng không có một người nào báo cáo cho đồng bào mình biết về tai họa sắp tới. Trái lại, khi một người nào đó bị cụt ngón tay thì nó lại vui mừng rằng những người sau đó cũng bị như thế. Chúng đều tỏ ra hết sức ích kỷ và vô tâm. Thế mà ai cũng biết "rau nào sâu ấy", thần dân thế nào thì bọn cầm quyền cũng như vậy thôi. Cho nên kết luận của luận án là hoàn toàn đúng. Bây giờ chúng tôi đang tiến hành đợt thí nghiệm kiểm tra cuối cùng tại thị trấn Udovinsk. Sau khi kết thúc đợt này, chúng tôi sẽ đệ trình phương án hủy diệt Trái đất lên Ủy ban hành tinh Vasturn và sau khi phương án được thông qua thì sẽ bắt tay ngay vào việc hủy diệt Trái đất. Còn bây giờ chúng tôi đã thử nghiệm hủy diệt chỉ hai thành phố Penza và Permi mà thôi.

- Thế thì khi áp dụng hủy diệt Trái đất, các ông dùng phương pháp nào để thí nghiệm này được tinh khiết và tránh được sự thất thoát thông tin và sự hoảng hốt của con người trên Trái đất.

- Chúng tôi áp dụng phương pháp đồng bộ và triệt để xóa sạch thông tin trong mọi hệ thống thông tin trên Trái đất, cả hệ thống điện tử, cả hệ thống thư viện, cả hệ thống não bộ, cả hệ thống bản đồ, cả hệ thống điện ảnh, cả hệ thống ngôn ngữ v.v... Bây giờ trên Trái đất không đâu còn từ Penza và Permi nữa, cũng như không còn những từ đồng căn với hai từ trên. Những từ đó hoàn toàn xa lạ với bất cứ thứ ngôn ngữ nào trên Trái đất và không đâu con người hiểu được những từ ấy nữa. Cũng như trước, những con người trên Trái đất hoàn toàn không nghi ngờ gì cả, vẫn cứ làm những việc thường ngày của chúng.

*

Ngày 16 tháng 6 năm 1999, lúc 13 giờ, những con người trên Trái đất đang làm

những việc thường ngày của họ. Lariska ăn cá rán, Antonina Fiodorovna xem ti-vi, Miska Serdiukov đi xe đạp, Svetka mắng con vì chúng nghịch ngợm, Ninka Eremeeva đào đất trồng vườn, Stepan Chernomyrdin vào rừng săn gấu non như mọi khi (4), còn ở trạm thú y gần ga Metro Dynamo, chó vô chủ và chó có chủ bị bắt đang hấp hối rất lâu trong lò khí độc (5).

Ngày 16 tháng 6 năm 1999, Taisia Selleznicova nấu chè lê, tại lò sát sinh như thường lệ người ta giết bò làm xúc xích, trong phòng thí nghiệm Anton Sudarev đang chế tạo thêm một máy bay ném bom nữa, còn nhà thơ Kim Tin Pin dói meo đang sáng tác thêm một bài tụng ca về Đảng và người cầm lái vĩ đại của mình. Cậu Jakemba trẻ và đẹp đang ngắc ngoại chết dưới bụi cây jakava vì giảm phải mìn chống bộ binh, còn ở nhà nuôi người già, bà cụ Sidorova hỏi hám nằm trên mảnh đệm thổi hoắc đang khóc sứt sùi vì nhớ đến các con của cụ: thằng con trai Igor là nhà kinh doanh đi đây đi đó luôn trong chiếc ô-tô Volvo màu xanh của nó và đứa con gái Klavka lẳng lơ, từ lâu bà chẳng được gặp chúng và chắc là không bao giờ gặp lại nữa.

Ngày 16 tháng 6 năm 1999, cô Zoya Andreeva sinh con gái, thằng Vovka học lớp 5 'B' vừa được bố mẹ mua cho đôi giày patanh, còn cụ già Zakhar ở làng Ivanteeka trồng xong bốn bụi tử đinh hương trên mảnh đất hoang. Cụ nói: "Tôi sẽ không được thấy hoa của nó thì có sao đâu, các cháu của tôi sẽ thấy". Nhưng thực ra cụ không có con, mà cũng chẳng có cháu nào cả.

Ngày 16 tháng 6 năm 1999, đã bắt đầu và đã kết thúc trận hủy diệt Trái đất. Nó kéo dài 5 giây đồng hồ thôi và không ai kịp cảm thấy cái gì hết. Tất cả đã biến mất, cả Lariska, cả Nina, cả xe đạp, cả cô bé số sinh, cả bài tụng ca, cả máy bay ném bom, cả mấy bụi tử đinh hương.

Cả tôi lẫn các bạn cũng đều biến mất. Lúc 13 giờ ngày 16 tháng 6 năm 1999, tôi đang làm gì thì tôi không nhớ nữa. Còn lúc đó các bạn đang làm gì nhỉ ?

Ghi Chú :

(1) Truyện ngắn giả tưởng này viết bằng tiếng Nga, do T.M. dịch ra tiếng Việt. Nhan đề do người dịch tự đặt, vì tác giả dùng lối chơi chữ tiếng Nga không thể dịch được.

(2) Địa danh có thật.

(3) Địa danh giả tưởng.

(4) Tác giả nhắc đến vụ xi-căng-đan: năm 1997, Thủ Tướng Nga Stepan Chernomyrdin đi săn gấu bị các tổ chức bảo vệ động vật phản đối.

5. Tác giả nhắc đến việc bắt giết chó chạy rong trong thành phố mà các tổ chức bảo vệ động vật phản đối kịch liệt ●

Trăng Khuyết

"Đời là vạn tình sầu, đi tìm vui chốn nào, ta quen nhau bao lâu nhưng tình đã có gì đâu...". Thằng bạn thân nhất của tôi nằm dài ra chiếc nệm trải dưới đất, tay lật lật tờ tạp chí xe hơi, miệng rên rĩ mấy câu hát không đầu không đuôi, dáng điệu của hắn cứ y như là một gã thất tình thật sự. Nhưng rồi lát nữa đây, hắn sẽ hôn hò như là một người vừa biết tin trúng độc đắc, đi bên cạnh cô bạn mới, mới đúng nghĩa như là chiếc BMW vừa ra lò trong tờ tạp chí mà hắn đang cầm vậy. "Bội bạc!", tôi tặc lưỡi thăm than thở nhưng biết làm sao được. Tháng vừa rồi đây, hắn vừa ca bài: "Vẫy tay vẫy tay chào nhau, một lần đầu và một lần cuối..." với người yêu cũ, nàng đã tìm đến tôi phân trần và đã tổn ít nhất là... nửa kí-lô giấy Tempo lau nước mắt. Tôi đã an ủi nàng rất chân tình, nàng rất cảm động, cảm động đến nỗi nàng cuối cùng trở thành... bạn gái của tôi! Có thể chủ, đàn bà thường lên án đàn ông "bội bạc", nhưng có ai ngờ họ cũng trắng như voi vậy. Tôi biết thế nhưng vẫn đắm đầu yêu nàng, yêu như điên vậy. Mặc cho thằng bạn thân tin biết bao công sức thuyết tôi rằng nàng rất tệ, không đáng tin tưởng đâu, nàng giống như "người nhà trời", một ngày nào đó sẽ mọc cánh bay đi mặc cho chàng Tú Uyên khổ khờ khạo khạo nhỏ nhưng điên đảo.

- Dĩ nhiên là mày không ưa nàng rồi! Tôi phản kích. Có mấy ai lại đi ca ngợi "tình nhân cũ" của mình chứ!

- Rồi mày sẽ hối hận, mày có biết tại sao tao với cô ta chia tay không? Rất dễ hiểu, tại vì cô ta "phúc tạp" quá, tao không thể hiểu được!

- Tao thì khác, mấy người con gái quá đốn giản, mới quen vài tháng đã biết trong tim đen tim đỏ của họ rồi thì chán chết được.

- Xin mời! Xin mời! -Nó nhún vai nhìn tôi với vẻ thương hại- Nhỏ để dành tiền nhiều nhiều, mai một thất tình rú tao đi... nhậu!

Lần đầu tiên khi tôi hỏi nàng muốn đi chơi đâu, nàng trả lời rằng rất thích đi... chùa. Tôi lại là "quý phá chùa" nên sợ muốn chết khi nghe lời yêu cầu đó. Thời buổi này, tìm được một cô nàng thích đi chùa hơn đi Disco cũng hơi... hiếm, tôi đành chiều nàng một lần. Khi còn ở Việt Nam, tôi theo má đi chùa hoài, rồi lúc vượt

biên, cũng từng lăm lăm cầu Trời Phật cho tai qua nạn khỏi, tôi lúc an toàn qua xứ người, bạn học, bạn... chơi, tôi hầu như đã quên mất mình là một người có tôn giáo. Từ "đi chùa" lâu rồi nghe mới xa lạ làm sao đối với tôi. Cuối cùng, vào một ngày nghỉ bình thường, tôi đưa nàng đi chùa, nàng tỏ ra rất vui vẻ nhưng tôi thì mới khổ sở làm sao. Tôi sợ bắt gặp người quen, mấy "bà" sẽ nói:

- Trời ơi! Cậu Hoàng mà cũng đi chùa sao? Chuyện lạ thiệt đó!

Mấy cô trộn mắt:

- Anh Hoàng! Đừng làm em "sợ" nha! Gặp anh trên chùa chắc em về mua vé số quá!

Cuối cùng thì chẳng có gì ghê gớm xảy ra hết. Tôi đã trải qua một cảm giác rất lạ khi quỳ bên nàng trước bàn thờ Phật. Tất cả thật an hòa, bình yên, tôi như trở về thời thơ ấu đi cùng má tôi đến chùa. Hồi đó, tôi ngây thơ chỉ nghĩ Đức Phật "đẹp" tuyệt vời và hiền nhất trên đời này. Còn bây giờ, "con quỷ" quậy phá, ăn chơi trong tôi đột nhiên mọc cánh bay đầu mất, chỉ còn một thanh niên ngoan ngoãn, hiền từ... chưa từng thấy quỳ bên cạnh người yêu thắm thì cầu nguyện. Hương trầm tỏa thơm ngát, lời cầu nguyện của nàng chắc Phật sẽ chứng giám bởi nàng vốn nhân hậu dễ thương, còn lời nguyện cầu của tôi kể ra chắc thiên hạ sẽ cười chết mất.

- Em thấy anh cũng thắm thì gì đó khi anh lễ Phật. Anh cầu gì vậy? Nàng hỏi, khi hai đứa chúng tôi rời khỏi chùa.

Tôi ấp úng nhưng không dám nói dối, ai lại vừa ra khỏi chùa đã nói dối ngay được.

- Anh cầu Phật cho anh được... trúng vé số!?

Nàng bật cười giòn, giọng cười mới dễ thương và vô tư làm sao và tôi biết mình đang đỏ mặt.

- Bộ chuyện đó xấu lắm sao? Nếu anh trúng vé số, anh sẽ đem tiền cúng chùa, giúp người nghèo, người bệnh, trẻ mồ côi, còn hơn là có người trúng số là nghĩ đến chuyện hưởng thụ cho riêng mình có phải không?

- Không xấu, không xấu nhưng mà em biết nói làm sao bây giờ đây? Dù sao đó cũng không phải là tiền do chính công sức

của anh tạo ra mà là anh được trên biết bao người bị mất.

Tôi nhìn nàng, trời đất ơi! Tại sao trên đời này lại có một người con gái hiền đến mức khó tưởng tượng được như vậy. Tôi cố xua đi ý nghĩ là nếu như chọn tôi với bảy triệu đồng độc đắc chắc nàng sẽ lấy điều thứ hai (!) bởi nói thì được mà làm thì đâu dễ gì. Ngoài chuyện thích đi chùa ra, nàng cũng như biết bao cô gái "bình thường" khác là cũng thích đi... ăn kem, xem phim, dạo phố và lâu lâu cùng bạn bè tổ chức picnic ngoài trời có mực... nướng thịt, nàng cũng tham gia nhiệt tình lắm. Thế mà tôi lại cứ sợ sau này sẽ cưới một bà vợ tối ngày bắt chồng ăn rau và tầu hủ chũ. Nhưng cũng vì nàng ăn chay nhiều nên biết tối nào có trứng rằm. Tôi yêu nhất là đôi mắt nàng lúc ngắm trăng rằm. "Anh coi kia, đẹp ghê chưa? Tối nay trăng tròn đó!". Nàng reo lên, ánh mắt vui tươi rạng rỡ hết như một cô bé gái mừng mẹ đi chợ về vậy. Từ lâu rồi, tôi đâu còn có cảm giác lãng mạn ngắm trăng, ngắm sao nữa! Tôi quen ngắm xe hơi, ngắm... tiền lương cuối tháng, ngắm mấy chai bia và thật thà mà nói là mấy cô gái đẹp tôi cũng.... nghĩa qua nữa. Nhưng khi quen nàng, tôi bị lấy vẻ vô tư lãng mạn của nàng, thậm chí có lúc lái xe chạy trên xa lộ với mấy thằng bạn, tự nhiên tôi thốt lên:

- Ê tụi bây! Tối nay trăng rằm đó, đẹp ghê chưa?

- Thôi đi "cha"! Đừng làm tụi con sợ, lái xe thì lo lái xe ở đó mà nhìn trăng nữa, lỗ có bề gì, cả đám lên cung trăng hết bây giờ!

Không trách được tụi nó, bởi vì tôi và nàng là một thế giới khác mà đầu óc trần tục của lũ bạn quý của tôi không thể tưởng tượng được. Có lẽ vì thế mà nàng và thằng bạn thân nhất của tôi đã chia tay nhau chẳng? Tình yêu mà không có sự đồng cảm thì khó bền lắm. Tôi yêu nàng và yêu luôn ánh trăng rằm, những vì sao và những ngôi chùa nhỏ trang nghiêm, ôn hòa mà nàng đưa tôi đến. Nàng nói đúng, khi buồn, tôn giáo là niềm an ủi lớn lao nhất. Thế mà khi xưa tôi cứ nghĩ, khi buồn, chai bia là cách giải sầu hữu hiệu nhất chứ. Nhưng uống tràn, uống cho say tỉnh dậy, tôi vẫn thấy nỗi buồn còn y nguyên như cũ. Nàng không phải là người yêu đầu tiên của tôi, có điều nàng là người con gái đặc biệt nhất mà tôi chưa từng thấy trong cuộc đời phiêu lưu tình ái của mình. Nàng không quan tâm đến lương tháng, căn hộ tồi tàn, chiếc xe cũ kỹ, và lối sống giang hồ lãng tử của tôi "Tại sao em yêu một thằng... như anh?" Tại vì anh tốt bụng và có "Phật tánh", "Tại sao em không yêu anh?". "Tại vì anh không hiểu em". Trời đất ơi! Đúng là đơn giản như đang giỡn vậy.

Tôi không nghĩ rằng nàng là loại người ưa đùa giỡn với tình yêu bởi nàng thật thà và ngoan, hiền, một mẫu thiếu nữ khuê các như trong tiểu thuyết vậy! Có điều thằng bạn thân của tôi nói đúng: Nàng thật khó hiểu. Chắc thế gian này chỉ có Đức Phật mới hiểu rõ được con người nàng, những lúc nhìn nàng trầm tư hay những lúc nàng cười vui, tôi đều khó đoán được nàng nghĩ gì. Nàng không phải là loại con gái nói một đằng làm một ngả. Có điều những việc nàng làm toàn là những chuyện ngoài tưởng tượng của một thằng con trai "tuổi Thân" (không phải là tui thân đâu) như tôi; Chẳng hạn như những ngày mùa đông lạnh lẽo, nàng lại đi mua bánh mì rồi ra bỏ hồ rái cho... vịt ăn.

- Mùa hè ai cũng ra bờ hồ cho vịt ăn, mùa đông lạnh đâu có ai để ý đến tụi nó, tụi nghiệp! Nàng giải thích.

Hoặc là nghe băng Cassette tụng kinh... để ngủ thay vì thiên hạ nghe nhạc nhẹ.

- Em có hiểu hết thầy tụng kinh ra làm sao không?

- Thầy đọc nhanh quá, em đâu có hiểu gì!

- Vậy em nghe để làm gì?

- Em thích nghe vì em tin là mọi điều tốt lành sẽ đến.

Trời đất! Tôi chỉ có nước lắc đầu miễn bình luận. Nhưng có lẽ vì ngoan đạo nên nàng rất thật thà, dịu dàng, hiền hậu, hiền tới mức không dám giết một con kiến và thật thà đến nỗi có lần ở nhà hàng nơi nàng làm, một ông khách đưa dư đến một trăm đồng và nàng đã hoàn lại cho ông ta rất thật tình. Gặp tôi thì số tiền đó chắc đã nằm yên trong bóp rồi. Tiền ai mà "nỡ" chê, nhưng xin thề là nếu đổi nàng để lấy một số tiền lớn không thể tưởng tượng được thì tôi cũng không màng!

*

Trên đời này có rất nhiều chuyện kỳ diệu xảy ra, nhưng mặt trăng mãi mãi tròn suốt tháng, suốt năm là chuyện không bao giờ có...

- Em ơi! Tối nay trăng rằm đẹp ghê chưa?

- Thôi ngủ đi... ông, mai còn đi "cày" nữa! Trăng với chả sao, già đầu rồi còn mơ với mộng gì nữa!

Tôi thò ra, đó là nàng của tôi mười mấy năm về sau. Nàng bảo rằng bản thân như một miếng phó-mát tròn, còn tôi là con... chuột béo. Còn tôi, tôi vẫn yêu nàng dù nàng có mập hơn mười năm về trước đến mười mấy ký, nhưng lỗ lũng đầu đó trong trái tim tôi, nàng bây giờ như một vầng trăng khuyết... ●

Con Mẹ, đứa trẻ lạc loài

*Viết cho mẹ đời lời thơ vụng dại,
Mười mấy năm nghiền bút đã nhạt
phai.*

*Đời tha hương quần quai tháng
năm dài,*

*Chỉ còn lại trong tim hình bóng
mẹ.*

*Nhớ thuở trước, khi còn tằm bé,
Luôn gối hồn mong được mẹ
nựng yêu,*

*Biết mẹ cung phiện quấy đủ điều;
Bao thương quý mẹ dành cho tất
cả.*

*Con đâu biết mẹ trăm chiều vất
vả,*

*Gánh trọn việc nhà, phụng sự
nước non,*

*Dưỡng mẹ cha, tận tụy với chồng
con,*

*Trọn đời hy sinh không lời than
vãn.*

*Lúc hiểu mẹ con đã trên đất bạn,
Vật chất dư thừa, cuộc sống xa
hoa,*

*Nệm ấm, chăn êm, nhưng lựa lượt
là;*

*Nhưng vẫn thiếu, thiếu tình
thương của mẹ.*

*Con mơ ước, con vẫn là đứa trẻ,
Được ngàn năm bên mẹ của ngày
xưa,*

*Say giấc nồng trong sớm nắng
chiều mưa,*

*Mái tranh nghèo ấm lời ru của
mẹ.*

*Con bây giờ, con vẫn là đứa bé,
Đứa bé lạc loài ngơ ngác, bơ vơ!*

● Nguyễn Thị Hoa

TẠP GHI

Mùa Hè

Để mở đầu cho bài tạp ghi này tôi muốn viết ngay đến truyện phim Titanic vừa được trình chiếu trong thời gian qua tại các rạp xi-nê Đức. Titanic là tên của một con tàu vĩ đại, mang theo bao nhiêu điều vui, buồn, vinh hiển, làm than, danh gia vọng tộc, nghèo khó cùng đing, tai trời ách nước và tình yêu... đã vĩnh viễn đi vào lòng đất lạnh cách đây gần một thế kỷ. Nhưng bây giờ, mới đây, khi dựng lại phim, đạo diễn, nhà sản xuất trong tai nạn chung của con tàu Titanic lại muốn thắp hoa riêng cho một mối tình có thật, từ lời kể của cụ bà Rose Calvert về câu chuyện tình của một người con gái có đời sống tưởng giả, nhưng lạ, và khi con tàu chìm nạng mới vừa bước qua ngưỡng cửa hai mươi. Bà chính là cô gái ngày ấy.

Trước đây đã có phim Titanic, trắng đen, làm từ năm 1953 trong truyền hình. Cô tài tử Barbara Stanwyck đóng vai Julia Sturges đã làm cho người xem phim cảm động. Bây giờ kỹ thuật điện ảnh đạt đến tuyệt đỉnh của bộ môn nghệ thuật thủ bày, cộng một mối tình có thật đã được kể ra, cộng người đạo diễn sản xuất Jame Cameron tài ba và... giàu, cộng cặp tài tử... Leonardo Dicaprio (vai Jack Dawson) và Kate Winslet (vai Rose Calvert) đóng rất có hồn, cộng v.v... và v.v... cuốn phim đã chiếm được mười một giải Oscar; cuốn phim được bỏ tiền ra nhiều nhất để thực hiện, và cũng là cuốn phim thu lợi lại nhiều nhất trong tất cả cuốn phim từ trước đến nay. Đơn giản có thể nói cuốn phim thật thành công.

Khi cuộc đời đang ở tuổi hai mươi lăm tôi vẫn chưa hiểu thế nào cho đầy đủ ý nghĩa câu ca dao *Công cha như núi Thái Sơn*. Người cha mất cách đó vài năm tôi vẫn còn thấy lòng xót đau như là mất một người gần gũi thân thương với mình từ bấy lâu nay. Thế thôi. Tôi chưa biết đến những cái buồn sâu xa rằng, vì cha không còn thì người con không có dịp trả hiếu, không có dịp phụng dưỡng để đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục v.v...

Hồi học ở Sài Gòn, tôi có người bạn thân ở tận Long Xuyên, nhưng đang ở trọ nhà chị ruột để đi học. Một lần chỉ tay về phía anh rể, bạn đã kể cho tôi nghe một câu chuyện. Gia đình bạn rất giàu, người chị của bạn hiện tại mà bạn đang ở trọ để đi học đã phải 'thương nhằm' anh này. Gia đình anh thì nghèo. Theo lời dạy của ông bà già vợ tướng lai, buổi chiều, trước ngày cưới chàng rể còn phải lặn lội chèo xuồng đến tận nhà ông bà nhạc lấy món tiền mà ông bà cho mượn tạm để về mà có cho ngày hôm sau trong việc *Bỏ Quả* khi nhà trai mang sinh lễ đến nhà gái xin cưới hỏi, cho nỏ mảy nỏ mắt hai bên họ hàng. Món tiền ở đây chắc chắn không lớn bằng tấm lòng của người nhạc mẫu, và ắt hẳn chàng rể sẽ không bao giờ quên ơn ông bà nhạc. Bởi vậy thỉnh thoảng cuối tuần khi tôi ghé thăm nhà người bạn, gặp lúc má ruột của bạn từ quê lên thăm tôi thấy chàng rể đã đối xử với mẹ vợ không khác gì như với mẹ ruột của mình. Nghe bạn kể, và thấy những hình ảnh ấy, ngày đó tôi như kẻ bàng quang vô tình. Không biết xúc động cũng không biết rút ra một ý nghĩa yêu thương nào từ câu chuyện.

Thời gian phải kéo dài đến gần hai mươi năm sau tôi mới thấm thía được câu ca dao trên, khi mà mọi việc trong nhà thường các con hay ý lại vào người cha người mẹ đang còn tại thế. Chỗ dựa vững chắc cho những lần đau buồn, sa ngã. Nơi chốn quay về cho những con vạc ăn đêm. Bù đắp cho những thiếu thốn. Không có cha, con lại bỏ phí cho mẹ lo toan, khi chưa hiểu biết. Nhưng một ngày nào đó khi chạm trán với đời, con sẽ hiểu sự thiếu vắng tình phụ tử sẽ quan trọng như thế nào. Và thực tế một điều là sẽ phải lo toan mọi việc, đứng đầu với mọi hoàn cảnh khó khăn, như con thuyền đã giương buồm ra khơi, chấp nhận bão tố, như mùa đông thiếu vắng một chỗ vun thân ấm áp để quay về.

*

Mùa xuân về hoa lá trở bông, đủ màu. Tím, Trắng, Hồng, Lam ngọc... Bụi bông vàng rơi rải đầy đường, đến từng nơi chốn. Tin yêu cũng đã đến, khi giọt nắng xuân reo vui ngoài khung cửa. Tình người mở rộng vòng tay ôm ấp. Tiếng ve sầu chưa đến hoặc là không bao giờ đến được một vùng xa lạ nơi này, nhưng tiếng chim muông bao giờ cũng hót vang khi màn sương sắp tan, lúc trời rạng sáng.

Cũng chỉ trong dịp hè sắp về, hơi nóng đã nung ngoài khung cửa mỗi nghe được tiếng ruồi bay. Suốt năm chúng cầm lạng vì lạnh, vì thời tiết này không dung dưỡng

cho chúng sanh ra và lớn lên được. Chỉ khi hậu ấm áp mới tạo cho chúng này sinh. Tiếng ruồi nơi đây, cứ mỗi khi hè đến, gọi nhỏ lại những đàn ruồi dày đặc ở quê nhà, bu đầy mặt mũi trẻ con khi miệng mồm dính đầy chất ngọt; bu đầy bánh trái, lồng bàn. Tiếng ruồi không tạo ra một âm thanh thú vị nào. Chúng chỉ tạo ra hình ảnh què hương trong đầu người viết. Và gọi lại những kỷ niệm. Nhất là kỷ niệm của tuổi thơ bao giờ cũng đẹp. Dù cao sang hay thấp hèn. Dù lọt lòng trong nhung lụa hay ra đời trong khung cảnh hoa đồng cỏ nội, hoặc trong xóm lao động đầy tiếng khóc trẻ con, đầy tiếng than van, máng chửi.

Ở thành phố khi chào đời, khi đã biết, chắc ai cũng nhớ lại tiếng còi xe inh òi trong những buổi trưa hè. Vườn Tao Đàn, khu Sở Thú trong ngày cuối tuần đầy ngập khách. Buổi chiều dạo công viên Bạch Đằng với chị. Buổi trưa chun vào xi-nê có máy điều hòa với anh. Ai cũng yêu truyện "*Cây Leo Hạnh Phúc*" của Duyên Anh. Và thích "*Tuổi Mộng Mơ, Trăng Mười Sáu*" ...

Riêng tôi, ra đời và lớn lên ở quê. Những kỷ niệm riêng cho chính mình cũng có khá nhiều. Nhưng hôm nay, trong bài viết này tôi xin kể lại một vài hình ảnh đẹp của người khác nơi quê, mà tôi còn giữ được mãi cho đến hôm nay.

Trước nhất là hình ảnh bác Sáu già ốm yếu hom hem, và anh con trai tên Thân, quanh năm, đồng cũng như hè, chỉ với chiếc áo thun đen và chiếc quần đùi cũng có màu đen dài đến đầu gối. Cứ mỗi buổi trưa bác nắm tay dẫn thẳng con trai đã bị khập khùng đi vô động để 'ia'. Ngày nào cũng lượt đi lượt về. Đều đặn, chậm rãi, Bác Sáu, người đàn bà nhỏ nhắn, đầy nét phúc hậu, không bao giờ có một lời phàn nàn trách móc khi bà con lối xóm ngồi hai bên đường chọc người con trai mập ú, chậm chạp, tàng... tàng đi ngang. *Anh Thân* (tại sao cứ ai hay khập khùng đều phải mang cái tên Thân cả!) *chúng nào lấy vợ đây?* Thân vừa trả lời vừa cười, giọng nhể nhại: *Vợ đâu mà lấy? Chắc tại anh kén lém chớ gì? Kén gì đâu mà kén!* Tôi đã quên ngày ấy bác Sáu làm gì để nuôi anh Thân, khi không còn chồng và không có một đứa con nào khác. Đan lưới? Hái củi? Làm ruộng? Hoàn cảnh như thế nhưng gương mặt bác lúc nào cũng bình yên, hiền hoà. Trên tay không bao giờ có một cuốn Thánh Kinh hoặc một quyển Kinh Phật, nhưng nụ cười luôn luôn nở trên miệng dính đầy vết trầu màu đỏ. Ai đã cho bác một đời sống lạc quan, không đòi hỏi những cao xa, phụ phiếm?

Hình ảnh thứ hai. Bác Hai Thọ mọc, không vợ không con, nhà ở cuối làng. Cứ mỗi buổi sáng từ cuối làng bác dẫn chiếc xe đạp và bộ đồ nghề làm mọc ra đi. Mặt mày tinh khô bác đến nơi người chủ muốn. Làm trọn một ngày không sai trật. Xong việc, lấy tiền, bác vào quán và uống rượu say mãi cho đến gần nửa đêm mới lúi thủi về nhà. Theo đường bác ngã lè này tấp lè kia, miệng nói to như nhựa hết việc này đến việc khác. Thời buổi chiến tranh, lại ở làng quê nhưng hầu như bác không biết sợ một chút gì. Hai phe đụng trận, *mọc-ché*, tiếng súng... bác coi như không. Về đến nhà, đánh một giấc đến sáng rồi việc đâu lại vào đấy. Một ngày sắp đến giống hệt như hôm qua. Đồi không lo toan cho một ngày mai, ngày mốt nào hết. Chỉ sống trong hiện tại. Lúc tinh bác hiền khô. Lúc say bác không làm mích lòng một người nào, có chăng là làm phiền lòng những cặp chim ban đêm đang ngủ say trên những hàng cây đứng dọc theo hai bên đường.

Rồi quê tôi không biết bác Sáu, anh Thân, bác Hai thọ mọc đã từ già dương thế lúc nào, nhưng tôi nghĩ lúc ra đi các người này tấm lòng thanh thản lắm.

Cuộc đời này luôn luôn là chuỗi dài hư hao, bại hoại. Bình tâm trước những hư hao bại hoại là một điều khó khôn lường. Tôi không thể diễn tả hết lòng mình cho trọn vẹn khi nhìn hình ảnh, gương mặt Đức Đạt Lai Lạt Ma trong một lần trên truyền hình. Tôi chỉ có thể nói một câu ngắn gọn, tôi rất bùi ngùi xúc động khi nhìn miệng ông cười và tia mắt vui nhưng hiền lành bình dị của ông. Người ta đã nói đến ông nhiều và xem ông như một ông Phật sống vì những thực hành trong đời, đã đọc những cuốn sách của ông viết... Riêng tôi, tôi chỉ một lần chiêm ngưỡng ông qua màn ảnh truyền hình, và đã thấy từ ông tỏa ra lòng tử bi, tử tôn vô biên, khi mà sau lưng ông, trong đầu ông, tôi biết, còn biết bao nhiêu là chuyện lo âu cho quê hương cho dân tộc.

Hình ảnh Pol Pot vừa mất và được hỏa thiêu trong thời gian vừa qua là hình ảnh đáng để cho con người nghiền ngẫm về số phận của một đời người. Ông ta 'nổi tiếng' nhờ giết gần hai triệu dân của chính mình! Phim *Cánh Đồng Chết* (The Killing Fields) trước đây đã minh họa cho toàn thế giới thấy hàng hàng lớp lớp những chiếc sọ trắng hếu trên những cánh đồng Campuchia, đáng lẽ nơi đây chỉ dành cho những vật lúa màu vàng trong những ngày hè thu oi nồng hoặc đông xuân tươi mát; đáng lẽ nơi đây chỉ có những vật mạ xanh non lú mầm bên đôi trâu cày bừa. Nhưng trong một thời điểm nào đó nơi đây đã là

nơi nằm của hàng loạt xác dân Campuchia, qua một thời gian sau chỉ còn lại, phơi bày những chiếc đầu lâu! Nhìn xác ông được thiêu với cây rừng cùng nệm ông ngủ và những chiếc vỏ xe hơi (có lẽ cũng là vỏ từ những chiếc xe hơi riêng của ông) người viết tìm thấy như chính cận vệ ông đã muốn xóa sạch tất cả những gì còn dính dáng đến ông. Bởi vì một sự dính dáng đến tai họa, lòng tham và độc ác của một con người.

Nhà văn Mai Thảo đã qua đời trong thời gian qua, và mỗi vừa đây là nhà thơ Nguyễn Sa. Nhắc đến nhà văn Mai Thảo, thường người đọc hay nhắc đến Đêm già tử Hà nội nổi tiếng từ độ nào của nhà văn; nhắc đến một nhóm và tạp chí có tên Sáng Tạo, một ý thức làm mới chữ nghĩa và văn chương Việt Nam sau thời Tự Lực Văn Đoàn; nhắc đến những bài Sở Tay hàng tháng của Mai Thảo trên tạp chí Văn... Nhắc đến Nguyễn Sa thường người ta hay nhắc đến bài thơ Áo Lụa Hà Đông được Ngô Thụy Miên phổ nhạc: *Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát, bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông. Anh vẫn yêu màu áo ấy vô cùng. Anh vẫn yêu màu áo ấy em ơi...* Người viết thật tình không biết là áo lụa Hà Đông màu nào sẽ mát đến cỡ nào, có dịp sẽ hỏi lại mấy cụ lớn tuổi gốc gác Hà Đông, nhưng người viết cũng thấy thích bài thơ, bởi vì nó gợi lại một chi tiết hay hay từ một mối tình xa xưa dễ thương đáng nhớ.

Còn có những gì cần được nhắc nữa không từ hai vị văn thơ quá cố này? Có lẽ còn rất nhiều nhưng người viết không biết, vì không thường thân quen và gần gũi với hai vị. Như việc nhà văn Mai Thảo uống rượu thay nước; như gần cuối đời ông mới viết tập thơ *Ta thấy hình ta những miếng dền*, mà đa số cho là hay. Như Nguyễn Sa chính là giáo sư Triết Trần Bích Lan trong các trường trung học trước năm 1975 ở Sài Gòn v.v... Người viết chỉ xin ghi nhận ở đây như là sự ra đi của những người đã đóng góp ít nhiều cho nền văn học ở miền Nam sau năm 1954.

Từ việc ra đi của con tàu Titanic, đến việc ra đi của những người mà tôi vừa viết ra ở trên. Mỗi cái ra đi có những nỗi phiền muộn u phiền riêng, hoặc làm rúng động cả thế giới, hoặc ra đi thật lặng lẽ, hoặc ra đi trong vòng tay thương tiếc của bạn bè... Nhưng nói chung cuối cùng vẫn giống nhau. Cát bụi sẽ trở về với cát bụi. Như đóa hoa sẽ nở trong những ngày hè sắp đến đây, rồi tàn rụi trong mùa đông tới, và đời sống sinh vật vẫn tiếp tục chuyển động không ngừng trong vòng quay của vũ trụ ●

GIA CHANH CHAY



Canh khoai môn

Vật liệu :

- 1/2 kg khoai môn củ to
- 200 g nấm rơm búp
- 50 g poirée phần thân trắng
- tiêu, muối, nước tương, đường, bột ngọt, dầu ăn, ngò.

Cách làm :

I. Giai đoạn một : chuẩn bị.

- 1) Khoai môn : gọt vỏ, xắt ra từng miếng vừa ăn, rửa sạch, để ráo nước.
- 2) Nấm rơm : gọt rửa sạch với nước có pha chút muối, nấm to chẻ đôi.
- 3) Poirée : lấy phần thân, xắt mỏng, băm nhỏ.
- 4) Xào nấm : bắc chảo dầu nóng, cho 1/2 poirée băm nhỏ vào cho thơm, cho nấm vào xào, nêm chút tiêu + nước tương + đường + bột ngọt cho vừa ăn, nhắc xuống.

II. Giai đoạn hai : cách nấu.

Bắc soong nóng, cho độ 3 muỗng súp dầu ăn vào, dầu sôi, cho 1/2 poirée băm nhỏ còn lại vào cho thơm, cho khoai vào xào sơ cho khoai được thơm, chế nước lạnh vào cho ngập khoai, nêm chút muối + nước tương + bột ngọt cho vừa ăn, nấu cho khoai chín, cho nấm rơm vào. Khi tất cả đều chín, nhắc xuống (nấu nhỏ vớt bọt cho nước được trong).

III. Giai đoạn ba : trình bày.

Múc canh ra tô, trên rắc thêm tiêu + ngò cho thơm. Canh này dùng nóng với cơm.

Số vật liệu trên sửa soạn cho 5 người ăn.

Câu chuyện con thuyền "TITANIC"

*Con thuyền vĩ đại nhất một thời,
Mệnh danh "không đắm" lúc ra khơi,
Nào ngờ con Tào tay ác nghiệt
Cho đùng băng... thuyền đắm... hồi ơi!*

Trước hết người viết xin quý vị độc giả thứ lỗi cho vì đã dùng danh từ "con thuyền" để chỉ chiếc tàu tên tuổi của thời đầu thế kỷ 20, "TITANIC", không phải loại thuyền buồm đóng bằng gỗ xưa kia - đó là một tàu thủy toàn thép, trọng tải khoảng 40.000 tấn, thuộc loại tàu biển lớn.

Tuy vậy danh từ "thuyền" được chọn vì đượm một vẻ thơ mộng, nhẹ nhàng lướt sóng, trong các áng văn chương. "Con thuyền" cũng lại nhắc nhở chúng ta bài hát vài thập niên về trước, như "Con Thuyền Không Bến", hoặc "Con Thuyền Ma", tên một cuốn phim xi-nê Pháp "Le Bateau Fantôme"... Hai danh từ vừa kể lại rất hợp với chuyện "TITANIC" ra khơi Đại Tây Dương, chuyến khánh thành mà Đức ngữ gọi là "Jüngerfahrt", giống như một trình nữ nhấm mắt đưa chân bước lên thuyền tình trên bể ái... Và đúng như câu "Cuộc đời là bể khổ", trong chuyến tàu khánh thành này, với hơn hai ngàn hành khách, một số thuộc hạng thượng lưu quốc tế, tàu đã bị tai nạn khủng khiếp trên Bắc Đại Tây Dương, thụt xuống tuần Tháng Tư năm 1912. Giữa đêm khuya, một băng đảo "iceberg" cao vô thép của tàu, rạch một đường dài chín chục thước, nước biển ào ào đổ vào, tàu chìm dần dần, sau hơn hai tiếng đồng hồ (chúng tỏ khối lượng tàu to lớn chừng nào: bề dài 270 thước, bằng bề dài của ba sân bóng đá; còn bề ngang 28 thước, bằng hai sân quần vợt). Đến khi tàu chìm hẳn, trên mặt biển mờ mịt, không trăng sao, chỉ còn nổi lênh bênh bao nhiêu xác chết nam nữ, già trẻ, chết không vì ngộp thở mà vì nước giá lạnh, trước khi nhắm mắt, nạn nhân chỉ kêu lên được vài tiếng thể thảm gọi chồng, gọi con, gọi người thân yêu lần chót!

Cuốn phim TITANIC được thành hình 86 năm sau đó, do chuyên viên lặn xuống ba ngàn thước tận đáy biển, và máy quay phim tự động di chuyển khắp nơi, ngoài và ngay trong xác con thuyền xấu số nằm trở trở, mờ ảo, nằm lạnh lẽo, im lìm, cái im lặng của ngàn xưa, mà cuốn phim ngày nay hiện giờ ghi lại...

Tai nạn tàu TITANIC, tai nạn hàng hải kinh khủng nhất trong thế kỷ 20 này, đã nhiều lần được báo chí và phim ảnh nhắc đến, nhưng chưa lần nào tinh vi bằng lần này, do đạo diễn James Cameron đích thân điều khiển, chú trọng đến cả chi tiết: các phòng ốc trên tàu, nơi chõ, bàn ghế, y phục của mọi người đúng như xưa.

Khung cảnh cho cuốn phim đã có rồi: mọi việc đều xảy ra trên con tàu định mệnh này. James Cameron đã có sáng kiến đặt một câu chuyện tình duyên thơ mộng, giữa chàng Jack và nàng Rose, từ khi mới chớm nở, đến lúc thành hình, vượt khỏi mọi thử thách (phải chạy trốn, di chuyển qua khắp nơi chõ trong tàu, cho chúng

ta thấy các "cabine" sang, nghèo trên tàu TITANIC to lớn và sang trọng nhất hồi đó)... Nhưng rồi cuối cùng cũng không tránh được nghiệp cay đắng: hơn 2.000 người trên tàu mà con số các chiếc "canots" chỉ đủ để vớt hơn 700 và cuộc tình duyên thơ mộng kể trên bị chấm dứt đau đớn: Thuyền trưởng ra lệnh chỉ vớt đàn bà, trẻ con, nên chỉ có nàng được kéo lên chiếc bè mong manh, nhìn chàng ngăm mình dưới nước chết cứng, chìm dần dần xuống vực thẳm sau vài lời từ biệt!

Câu chuyện phim xuất sắc vì khung cảnh đã được tạo y như thật không đếm xỉa đến chi phí (1) và đạo diễn James Cameron đã lựa được hai tài tử biệt tài đóng hai vai chính, đầu tuổi mới ngoài đôi mươi.

Kết quả phim đã đạt vượt xa mọi ước đoán: chỉ nội trong vài ba tháng mà tiền thu đã hơn một tỷ đô-la! không những thế, hiện nay tại nhiều nơi có "phong trào Titanic" bắt chước ăn uống, y phục, tổ chức đám cưới... Và tại Nhật Bản, nơi bộ phim Titanic được trình chiếu đầu tiên trên thế giới, chàng Léo (tên thân mật gọi tắt của tài tử Leonardo Di Caprio) (2) đã khiến cho các thiếu nữ mất ăn mất ngủ, - ở Paris, ở bên Anh cũng đều như vậy. Mỗi tuần Léo nhận được hàng ngàn bức thư ngưỡng mộ...

Mấy đoạn trên, người viết kể dông dài về con tàu, nay xin nói qua vài cảm nghĩ. Vì một phần khá dài của phim cho thấy cảnh tàu đang chìm dần, với sự nhốn nháo của bao nhiêu người, cuồng cuồng giành giật, tuy vẫn có trường hợp một số người thi hành phận sự, lo an toàn cho đoàn thể. Thêm một điều nữa cho chúng ta, người Việt hải ngoại, một phần lớn đã rời quê hương ra đi, sau Tháng Tư 75... Sự nhốn nháo, lo sợ của mọi người trên tàu Titanic ở ạt xuống các chiếc "canots" làm sao không nhắc lại chúng ta cảnh 300.000 "boat people" đã vội vã, bỏ nhà cửa, để lại bao nhiêu người thân không biết ngày nào sẽ gặp lại! Ba trăm ngàn "boat people" nay đã có cơ nghiệp ở hải ngoại nhờ sự giúp đỡ của người bản xứ. Ba trăm ngàn người này chắc không quên những ngày hải hùng trên biển cả, lênh đênh, thiếu ăn thiếu uống, lại thêm lo nạn cướp biển... Ba trăm ngàn người tốt số! Một số tương tự, theo báo chí hồi đó, cũng đã chịu đựng sự đau lòng lúc ra đi, cũng đã nếm sự hải hùng lênh đênh trên biển cả, nhưng sau cùng đã nếm sự cay nghiệt của số mệnh, phải làm mồi cho cá!

Nếu suy ngẫm thêm, thì từ khi nhân loại có nghề đi biển, biết bao nhiêu ngàn ngàn, triệu triệu người đã bỏ mình ngoài khơi. Chắc quý bạn đọc cũng nhớ cách đây vài năm, Thầy Viên Giác đã lên thuyền ra khơi làm Lễ Vớt Vong, trong lễ khánh thành, cho bao nhiêu người xấu số từ xưa đến nay.

Đọc đến đây, quý bạn có lẽ nghĩ: "Sao mà Thiện Nghĩa bi quan, sầu thảm!". Xin thưa, không sầu thảm, mà trái lại, hy vọng vào một ngày mai tươi sáng sắp đến với năm 2000, bước vào một kỷ nguyên mới, rút tỉa bài học của chiếc TITANIC mà các nhà hàng hải thời bấy giờ, quá tự phụ về máy móc, kỹ thuật tối tân, đã không ngần ngại đặt cho con thuyền này một tên khá kiêu mạn "UNSINKABLE" (không thể chìm được). Trong bài tựa của cuốn sách về tàu TITANIC tác giả James Cameron đã nói lên điều này.

(1) Xưa kia chiếc tàu TITANIC lúc hoàn tất đã tốn 200 triệu Mỹ kim, thì nay, chi phí cuốn phim sắp si số đó (199 triệu) chưa kể các phụ thuộc.

(2) Đóng vai chàng Jack.

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

Trong thời gian qua có một vài Đạo hữu, Phật tử nằm trong Ban Chấp Hành của Chi Hội hay Gia Đình Phật Tử tại CHLB Đức chưa nắm vững đường hướng sinh hoạt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) tại hải ngoại nói chung và tại Đức nói riêng, do đó đã vô tình hay cố ý nghe theo vài Tổ Chức nằm ngoài Giáo Hội đã tổ chức những buổi tu học, gây ra những phản ứng và thắc mắc của Đạo hữu, Phật tử tại địa phương nơi mình cư ngụ, có nơi phải trình về Hội Phật Tử tức thuộc Trung Ương để giải quyết.

Vậy trong hai ngày Đại Hội hôm nay, có đầy đủ các Chi Hội, các GDPT, chúng ta cần phải làm sáng tỏ vấn đề sinh hoạt Phật sự tại mỗi địa phương như thế nào cho thống nhất theo đường lối chỉ đạo của Giáo Hội, của Hội Phật Tử mà từ trước đến nay vẫn áp dụng.

Hoàn cảnh của Phật Giáo Việt Nam trước và sau năm 1963 như thế nào?

Giai đoạn sơ khởi: Phật Giáo Việt Nam đã có trên 2000 năm lịch sử được truyền từ Ấn Độ và Trung Hoa sang vào đầu thế kỷ thứ 2 và thứ 3, càng ngày càng phát triển mạnh qua các thời đại Đinh-Lê-Lý-Trần (981-1225). Thời đại này các nhà vua xem Phật Giáo như Quốc Giáo. Tuy nhiên qua đến triều đại nhà Hậu Lê, Phật Giáo bị suy vong trở lại, cuối cùng bước sang triều đại nhà Nguyễn sau này do Pháp và bọn tay sai của ngoại bang mạnh mẽ tìm cách triệt hạ Phật Giáo với mọi hình thức... Dưới thời Pháp thuộc, từ những năm 1920 đến 1950 tất cả các Tông Phái, Giáo Hội cho đến Tổng Hội muốn có một ý thức chung cho tiền đồ của Phật Giáo, nhưng rồi thực dân Pháp đánh hơi được cho nên ngày 06 tháng 8 năm 1950 Pháp cho vua Bảo Đại và Thủ Tướng bù nhìn Bửu Lộc ban hành Đạo Dự số 10, Điều khoản thứ 44 có nói rằng:

- "Chế độ đặc biệt cho các hội truyền giáo Thiên Chúa và Gia Tô". Đặt Tôn giáo khác vào quy chế Hiệp Hội, như Hiệp Hội Thể Thao, Hiệp Hội Thương Mại v.v... Đạo Dự này đã áp dụng từ lúc đó cho đến năm 1963 mới chấm dứt. Suốt bao nhiêu thập niên trước và sau năm 1963 Chư Tôn Giáo Phàm Tăng Ni, Tín Đồ Phật Tử đã bị bức hại giam giữ và tù đầy, kinh sách, pháp cụ bị tịch thu, chùa chiền, tượng đài bị đập phá. Tuy nhiên vì lòng yêu nước, thương đạo Tu sĩ, Cư sĩ vẫn bất chấp nguy hiểm âm thầm cùng nhau cố sức, xây dựng Đạo Pháp Trường Tồn.

Giai đoạn sau 1963: Sau khi quân đội Việt Nam Cộng Hòa đứng lên lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm vào ngày 03 tháng 11 năm 1963. Phật Giáo Việt Nam mới thoát qua cơn đại nạn. Một lần nữa các Hệ phái nhận thức được tiền đồ của Dân Tộc và Đạo Pháp không thể bỏ mất cơ hội, ngày 31

tháng 12 năm 1963, kết tập được 11 giáo phái họp tại chùa Xá Lợi, thống nhất chung lại một Giáo Hội và trở thành danh xưng là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Giáo Hội được chia ra làm hai Viện. Viện Tăng Thống do Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết điều hành. Viện Hóa Đạo do Thượng Tọa Thích Tâm Châu làm Viện Trưởng. Ngày 12 tháng 01 năm 1964 là ngày lịch sử trọng đại nhất của Phật Giáo Việt Nam, vì Hiến Chương của Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được ra đời, được Chính phủ Thủ Tướng Nguyễn Khánh phê chuẩn với Sắc Luật số 158-SL/CP ngày 14.5.1964. Điều thứ 5 có nói như sau: Dự số 10 ngày 06.8.1950 cùng các Luật lệ trái với Sắc Luật này không áp dụng đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Được Luật Pháp Quốc Gia công nhận hợp pháp và chánh thống. Do đó sau này xảy ra bao nhiêu biến cố do họa ngoại bang, ngoại đạo, cộng sản cố tình phá hoại, gây chia rẽ, Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong cũng như ngoài nước vẫn trường tồn bất diệt.

Sau khi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam, ngày 30 tháng 4 năm 1975, cộng sản lại đàn áp Phật Giáo một cách dã man hơn nữa. Giết hại và bắt tù đầy hàng loạt Tu sĩ, Cư sĩ. Năm 1981 cộng sản muốn sát nhập PGVNTN vào trong Phật Giáo Nhà Nước (Quốc Doanh) do họ dựng lên để kiểm soát và làm tay sai cho chúng. Tuy nhiên đồng bào Phật tử, Tu sĩ cho đến Cư sĩ đa số đã âm thầm chống đối không hợp tác hoặc *giả đại qua khỏi ải*, vì chúng bị thất bại đậm ra cay cú với Giáo Hội PGVNTN.

Giai đoạn hiện nay tại hải ngoại: Chúng ta lần xác định lại rõ ràng vị trí và chỗ đứng của GHPGVNTN trong và ngoài nước. Bốn phận, trách nhiệm của người Cư sĩ Phật tử điều hành trong các Hội, Chi Hội, GDPT phải giải thích cho Đạo hữu Phật tử tại địa phương mình đang ở hiểu rõ chủ trương đường lối của Giáo Hội, vì các thế lực hắc ám không bao giờ để yên cho Phật Giáo Việt Nam được Thống Nhất chung. Họ cố ý tìm mọi cách để gây chia rẽ và lũng đoạn, có như thế dân tộc Việt Nam mới nằm trong quỹ đạo thao túng của họ.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Chi Bộ Đức Quốc, hơn 20 năm qua đã làm được việc gì cho Phật Giáo và Dân Tộc, hội tước trả lời.

- Chúng ta phải tự hào, tại Đức đã có một đội ngũ Tu sĩ và Cư sĩ vững chãi qua sự chỉ giáo của Chi Bộ từ việc tu học đến sự sinh hoạt Phật sự tại mỗi địa phương cho đến Trung Ương một cách liên tục không ngừng nghỉ.

- Chùa chiền, Niệm Phật Đường, các Chi Hội, các Gia Đình Phật Tử mọc lên khắp nơi tại nước Đức và cũng đã lan tràn đến các nước láng giềng bạn trong vùng Âu Châu.

- Xây dựng được ngôi Chùa Viên Giác một cách đồ sộ tại hải ngoại đã là nơi giúp cho hàng ngàn, hàng vạn người về chiêm bái lễ Phật, an ủi tinh thần cho mọi người, nhất là người Phật tử tỵ nạn chúng ta trong cảnh sống không có quê hương, tạm cư nơi xứ người. Chùa Viên Giác không những riêng cho Phật Tử Việt Nam mà lại còn cho

người bản xứ, hiện nay họ đã tìm về phương Đông màu nhiệm. Khoa học ngày càng tiến bộ, Phật Giáo lại càng được mọi người, mọi chủng tộc biết đến và tìm đến. Phật Giáo như là một cái phao cứu hộ, chúng ta cứ nhìn tại Âu Châu này thì thấy rõ, hiện nay đã có hàng hàng lớp lớp người Tây phương đến với Đạo Phật. Mỗi tuần, mỗi tháng tại chùa Viên Giác đã có nhiều người Đức đến xin học và tu Thiền.

- Có được 15 Chi Hội và 7 Gia Đình Phật Tử hoạt động liên tục dưới sự điều hành của Hội Phật Tử thành công không thể phủ nhận được.

- Hiện nay Giáo Hội còn lo học bổng và đào tạo Tăng tài trong và ngoài nước để kịp thời bổ sung, phát triển Phật Giáo trong và ngoài nước cho thế kỷ 21 sắp đến. Đây là điểm son người Cư sĩ chúng ta phải lấy làm tự tin và hãnh diện nơi GHPGVNTN hải ngoại. Giáo Hội đã nhìn xa, biết rộng, do đó chúng ta phải có bốn phận, trách nhiệm hỗ trợ tinh thần lẫn vật chất một cách tích cực cho Giáo Hội.

Chúng ta đã được đào tạo dưới mái chùa của GHPGVNTN, lẽ tất nhiên chúng ta đã hiểu rõ hệ thống tổ chức của Giáo Hội. Là một tổ chức có quy củ, có đường hướng rõ rệt, có một hệ thống hàng dọc từ trên xuống dưới nghiêm túc, cho nên mọi việc làm Phật sự tại địa phương của chúng ta làm sao thoát ra ngoài sự điều hành của Giáo Hội, của Hội Phật Tử. Chúng ta sống trong gia đình cũng vậy, còn thì phải có cha mẹ, ông bà, tổ tiên. Người ta thường nói "*Áo mặc sao qua khỏi đầu*". Vậy chúng ta cố gắng trong tương lai đừng để những gì xảy ra tại địa phương của mình khi không có sự đồng ý của Giáo Hội hay là người trực tiếp điều khiển của mình.

Chúng ta luôn luôn khẳng định Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất là một Giáo Hội truyền thừa. Hòa Thượng Thích Đôn Hậu trước khi viên tịch và Hòa Thượng Thích Huyền Quang đang ở trong nhà tù cộng sản đã gửi tâm thư ra hải ngoại, quý Ngài đặt tin tưởng và kỳ vọng vào Giáo Hội ở hải ngoại trong đó có chúng ta.

Hàng trăm, hàng ngàn Thánh Tử Đạo, bị tù đầy áp bức ở trong nước từ năm 1963 - 1966 cho đến ngày hôm nay cũng vì để bảo vệ Dân Tộc và Đạo Pháp, đánh đổ những bất công của xã hội. Người Phật tử chúng ta không phải đấu tranh để giành lấy một thế lực chính trị nào hay để làm một cuộc cách mạng nào.

Tóm lại Phật tử chúng ta luôn luôn đề cao cảnh giác, cá nhân nào tại CHLB Đức tự ý tách rời ra khỏi Giáo Hội để tạo dựng cho mình một giáo phái riêng biệt cũng như lợi dụng Hội, Chi Hội, GDPT để gây chia rẽ, phân hóa trong nội bộ, nhất là giới Cư sĩ đã quy y Ngũ giới, Thập giới, Bồ Tát giới. Vô tình hay cố ý gây sự hiểu lầm giữa Tu sĩ, Tăng sĩ trong Giáo Hội với nhau, chắc chắn đó là tội phá hòa hợp Tăng.

Đại Hội Thường Niên 27-28 tháng 6 năm 98 tại chùa Viên Giác

Đức Hưởng HỒ THANH

Cảm nghĩ nhân đọc cuốn

"TỬ-VI

&

ĐỊA LÝ"

của Ngô Quốc Phong

Từ lâu, Giáo sư Ngô Quốc Phong được biết đến như là một nhà Tử-Vi Địa-Lý giàu kinh nghiệm và có uy tín đối với đồng bào Việt Nam cũng như đối với những nhà nghiên cứu ngoại quốc. Cũng từ lâu, độc giả chờ đợi một tác phẩm của ông viết về môn học sở trường. Cho nên, ngày nay chúng ta vui mừng đón nhận cuốn Tử-Vi Địa-Lý vừa được ấn hành.

Trước hết, một cách tổng quát, có một đặc điểm đáng chú ý: không giống như một số tác phẩm khác cùng loại, cuốn Tử-Vi Địa-Lý này không chỉ là một tập tài liệu mà độc giả, khi cần đến, mở ra tra cứu để biết số mệnh của mình cùng với những điều hung cát... Tác giả đã đặt hai môn học Tử-Vi Đẩu Số và Địa-Lý Phong Thủy vào đúng vị trí của chúng trong hai dòng tư tưởng kim cổ Đông Phương và Tây Phương. Cái nhìn bao quát ấy - được nâng đỡ bởi một vốn kiến thức sâu rộng về hai nền văn hóa Đông, Tây - đã giúp cho chúng ta có một khái niệm khá chính xác về hai môn học nói trên, về vai trò của chúng trong quá khứ và về lý do tồn tại của chúng trong thời đại khoa học ngày nay.

Tứ tưởng căn bản của tác giả, rút từ Dịch học, là mối tương quan mật thiết giữa con người và vũ trụ. Ông viết: "Các nhà âm dương lý số Đông Phương quan niệm số mệnh con người, là sinh vật sống trong vũ trụ, chịu ảnh hưởng hoàn toàn của vũ trụ, và những định luật biến dịch vận chuyển vũ trụ". Ở một đoạn khác, ông giải thích thêm: "Con người chịu ảnh hưởng bởi sự kết hợp giữa trời và đất, sự giao hòa giữa Âm và Dương trong Thái Cực, nghĩa là con người chịu ảnh hưởng của môi sinh là trái đất và khoảng không gian chung quanh trái đất, và tất cả những hành tinh và định tinh trong

vũ trụ". Dựa trên nhận định đó, Kinh Dịch giúp ta "rõ được đầu mối của Tạo Hóa và thông được lý trong vạn vật, mà một ngành trong Kinh Dịch giúp ta tìm hiểu và khảo sát vận mệnh con người dưới ảnh hưởng các tinh đẩu trong vũ trụ, các vũ trụ tuyến (cosmic rays), là khoa Tử-vi đẩu số".

Nhưng trong cõi nhân sinh phức tạp, mỗi người có một cuộc đời riêng biệt, không ai giống ai, dù cùng sống chung trong một khoảng không gian và thời gian nhất định. Chúng ta thường giải thích sự khác biệt ấy bằng cách nói rằng mỗi người có một số mệnh riêng. Tùy theo tôn giáo hay triết học mà mỗi người tin tưởng, chúng ta có những quan niệm và thái độ khác nhau đối với số mệnh. Có người nhắm mắt khoanh tay, phó mặc đời mình cho số mệnh. Có người tích cực hành động để cố gắng thay đổi số mệnh và tin rằng nhân định thắng thiên. Có người tích lũy phúc đức để gây ảnh hưởng tốt đến vận mệnh. Những quan niệm và hành động ấy sẽ có tác dụng quyết định đến cuộc sống của mỗi cá nhân. Dựa trên những nhận định ấy, tác giả Ngô Quốc Phong đưa ra những phương châm hoạt động. Ông chủ trương rằng chúng ta phải phấn đấu để cải thiện số mệnh, để "cải số". Nhưng chúng ta phải hành động cho hợp với đạo lý: "làm điều thiện, tránh điều ác, thi ân thay vì chước oán, nghĩa là ăn ở sao cho phải đạo làm người". *Tinh thần hướng thiện* của ông thật đáng quý. Cũng trong chủ trương trên, ông nhấn mạnh đến *trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với bản thân mình*: đó là một điều quan trọng trong cố gắng cải thiện đời sống. Đồng thời, ông tạo ra một *niềm tin tưởng*: bằng những hành động hợp tình, hợp lý của mình, nếu không làm chủ được vận mệnh của mình, thì ít ra cũng cải thiện được nó.

Nhưng trong cuộc hành trình mưu tìm hạnh phúc cho đời sống, ông không ngừng lại ở những tác dụng của khoa Tử-vi đẩu số. Ông muốn kết hợp nó với khoa Địa-lý phong thủy. Ông xác định ý định của mình: "Muốn có một đời sống tốt đẹp và thành công hơn, ngoài quyết tâm thực hiện ý chí 'nhân định thắng thiên' qua những hành động cụ thể, con người có thể tận dụng kiến thức hiểu biết về luật tuần hoàn vũ trụ và ảnh hưởng các vũ trụ tuyến để tăng tốt giảm xấu cho gia đình hoặc cho dòng họ, nhờ khoa Địa-lý phong thủy, dương cơ hay âm cơ". Cho nên công cuộc tìm hiểu và cải thiện số mệnh sẽ được hữu hiệu hơn vì được thực hiện trên những căn bản rộng lớn hơn.

Sau khi nhận định, theo tinh thần Dịch học, rằng con người là kết tinh của vũ trụ, và đồng thời tin tưởng rằng hành động của

con người có khả năng cải thiện số mệnh, chúng ta sẽ tự hỏi rằng phải sống như thế nào trong cõi đời này. Tác giả Ngô Quốc Phong không đề cập tới những siêu nhân ngoại hạng với những hoài bão lớn lao, những hy sinh cao cả và những sự nghiệp vẻ vang. Ông quan tâm đến những con người bình thường, với những ước mơ khiêm tốn nhưng có ý chí xây dựng cho cuộc sống của mình được tươi đẹp hơn. Trong tinh thần yêu chuộng thực tế, ông thảo luận về những họa phúc thường xảy ra trong một đời người, và để giúp chúng ta giảm họa tăng phúc, ông đề nghị những giải pháp thực tiễn. Họa có thể đến với ta như một sự tình cờ hay một sự rủi ro mà ta không thể kiểm soát được. Cũng có trường hợp ta tự chuốc lấy họa vì những hành động sai lầm hay vô ý thức... Nhưng ta có thể tránh họa hay chế ngự nó nhờ ở một "thái độ trung chính trong tư tưởng" và "thái độ khôn ngoan trong hành động". Không gieo gió thì ta không gặt bão.

Đặc biệt, ông khuyên ta nên chủ động đi tìm hạnh phúc và không nên tin vào những hoạt động có tính cách hoang đường, mê tín, dị đoan như van vái thần linh, cúng sao giải hạn... Đây là một điểm đáng chú ý vì tính cách thực tế của nó.

Ngoài việc tránh họa tăng phúc, ta còn phải có một quan niệm đúng đắn về sự sống và sự chết. Sống chết là một lẽ tự nhiên trong cõi nhân sinh. Nho học căn cứ trên nguyên lý Âm cực Dương hồi để giải thích sự thịnh suy, bĩ thái. Hơn nữa, Thiên, Nhân hợp nhất: đạo Trời và đạo Người liên hệ mật thiết với nhau. Cho nên, để tồn tại, ta phải giữ cho nhịp sống của ta hòa đồng với nhịp sống của Thiên Nhiên. Hiểu được như vậy, ta sẽ thần nhiên, bình tĩnh trước những biến chuyển của cuộc đời, trước những họa phúc, thịnh suy. Thái độ ấy thật cần thiết và quan trọng cho những ai đang sống trong những xã hội đầy những biến động không lường trước được.

Kể từ tháng Tư định mệnh ấy, sau những nỗi bất hạnh không phải là hiếm có trong cuộc đời tỵ nạn, chúng ta đã suy nghĩ nhiều về cuộc sống, về thân phận của chúng ta. Trên những đổ vỡ, đau thương, hẳn ai cũng muốn xây dựng một nếp sống an lạc trên đất khách. Cùng với quyết tâm của chúng ta, những kinh nghiệm của người xưa và những lời giải thích và đề nghị của tác giả Ngô Quốc Phong sẽ có tác dụng giúp chúng ta chọn lựa một thái độ. Hơn nữa, trong "Tử-vi Địa-lý", tứ tưởng chỉ đạo của toàn tác phẩm, những nhận định và ý kiến đều được phổ diễn thật rõ ràng, khúc triết nên người đọc dễ dàng nắm vững những vấn đề được đưa ra thảo luận. Nhờ vậy, cuốn sách không khô khan mà trở nên

hấp dẫn. Thêm vào đó, những tư tưởng uyên thâm của Đông Phương và Tây Phương cũng như những tục ngữ Việt Nam mà tác giả dày công sưu tầm và tập trung vào cuối cuốn sách, có giá trị như những kim chỉ nam cho những ai đang đi tìm một cuộc sống thật đáng sống trong cuộc đời trần tục này.

Một lần nữa, chúng ta hoan nghênh thiện chí, tinh thần hòa hợp Đông-Tây, và tinh thần hướng thiện của tác giả.

(*) **Vài hàng về tác giả
HOÀNG LIÊN**

Hoàng Liên là bút hiệu của ông Nguyễn Văn Đãi, một giáo sư và cũng là một công chức cao cấp của VNCH. Bị Việt Cộng bắt trong biến cố Tết Mậu Thân (1968) tại Huế, ông bị đưa ra Bắc Việt, và trong suốt 12 năm rưỡi tù đầy trong nhiều trại cải tạo ở biên giới Việt-Hoa, Việt-Lào, phần lớn thời gian trong cảnh biệt giam. Được trả tự do năm 1980, nhưng vẫn bị quản thúc tại gia 4 năm kế tiếp trước khi ông được xuất ngoại để đoàn tụ với các con ở Mỹ. Hiện nay ông đang cư ngụ tại San Francisco, California.

Từ hồi còn là sinh viên, ông làm thơ, viết truyện ngắn, tùy bút, du ký, biên khảo văn học và dịch thuật các sáng tác phẩm ngoại quốc. Dưới nhiều bút hiệu khác nhau, ông đã từng cộng tác với một số tạp chí văn học Việt và Pháp. Ông được giới văn học và độc giả chú ý đến nhiều kể từ năm 1984 khi ông cho đăng trên tạp chí Văn Học (xuất bản ở Cali) cuốn hồi ký **Ánh Sáng và Bóng Tối** viết về cuộc sống lao tù ở Bắc Việt.

Cũng trong mục đích nói lên tâm trạng của kẻ lưu đày và để bố túc cho cuốn hồi ký, ông lại cho in tập thơ **Tinh Tọa**, do Hội Truyền Thống Việt Nam xuất bản năm 1991. Đây là một tập thơ song ngữ Việt-Anh, với bản dịch của các giáo sư có uy tín (Phồn Anh, Huỳnh Sanh Thông, John Schafer và Như Quỳnh).

Gần đây nhà xuất bản Mõ Làng mới ấn hành một tác phẩm của Hoàng Liên, mà nhiều độc giả mong đợi, tập tùy bút **Giữa Hai Chân Trời**. Với những nhận định sâu sắc và lý thú, ông phân tích tâm lý của người Việt tỵ nạn ở hải ngoại, đặc biệt là ở Hoa Kỳ. Cuốn sách lấy San Francisco làm bối cảnh, với những nét đặc thù của một đô thị thơ mộng, để trình bày những trần trở, thắc mắc những hoài vọng và những ước mơ của những kẻ tha hương đang chọn một lối sống, sau khi đã chọn tự do ●



Quỳnh Hoa sưu tầm

**MAU QUÊN?
MỆT MỎI?
CHÁN NẢN?**

Tuyến giáp trạng có thể gây ra tình trạng này. Hơn 10% những người trên 60 tuổi ở Đức bị bệnh về tuyến giáp. Bệnh tuyến giáp có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng. Tuyến giáp sản xuất ra *hormon* (nội tiết tố) quan trọng cho cuộc sống giúp các cơ quan hoạt động đúng chức năng. Sự trao đổi chất, hệ thống tim mạch tuần hoàn thần kinh, dạ dày ruột, cơ bắp, xương, da tóc, ngay cả trạng thái tinh thần, tất cả phụ thuộc vào chức năng của tuyến giáp. Tuyến giáp nằm ở phía dưới thanh quản. Khi mà cơ cấu mô ở cổ to ra hay cổ mập to ra cũng có nghĩa là bướu cổ, dấu hiệu chắc chắn này là do tuyến giáp có điều không ổn. Có trường hợp tuyến giáp tăng hoạt động thì *hormon* do tuyến tiết ra đủ thừa một cách không điều khiển vượt quá lượng nhu cầu cơ thể. Còn ở trường hợp suy giảm chức năng sinh ra thiếu *hormon*. Cả 2 trường hợp bệnh để chẩn đoán, bác sĩ dùng quang tuyến và xét nghiệm để đánh giá lượng *hormon* do tuyến giáp sản xuất. Với sự trợ giúp siêu âm, người ta có thể kiểm tra sự thay đổi của tuyến giáp bị bệnh.



Đối với người lớn tuổi có nhiều rối loạn chức năng không được phát hiện, trong đó sự xuất hiện vô hại của "chứng lão hóa" có thể là dấu hiệu báo động

Trường hợp suy giảm chức năng tuyến giáp

Các bệnh nhân than phiền về tình trạng mệt mỏi, suy giảm trí nhớ, sự thay đổi giọng nói thành âm trầm nặng, da khô và xanh xao, lãng tai (nghe khó), mạch đập chậm lại, cử động rối loạn suy yếu. Nhiều trường hợp gặp phải táo bón do nhu động ruột suy yếu, đau do sỏi mật, khó chịu do thấp khớp, đau dạ dày, tất cả những hiện tượng này có thể do bệnh của tuyến giáp. Khi cơ thể có sự căng thẳng gắng sức, thì có cảm giác lồng ngực "quá chật hẹp".

Điều trị suy giảm chức năng tuyến giáp rất đơn giản bằng những viên thuốc mang *hormon* mà tuyến giáp không còn có thể sản xuất ra đủ cho cơ thể. Trường hợp này được giải quyết bằng cách sử dụng thường xuyên đều đặn thuốc. Ngoài ra để bổ sung bên cạnh *hormon* bác sĩ có thể cho dùng viên thuốc trong đó có chứa *lod* giúp cho hoạt động tuyến giáp của cơ thể. Tuyến giáp cần *lod* để sản xuất *hormon* với liều lượng 200 *Microgram*, nên kèm theo chế độ ăn uống giàu *lod* bằng cách dùng các sản phẩm của biển.

Trường hợp cường giáp (tăng chức năng hoạt động tuyến giáp)

Các bệnh nhân thường dễ xúc động nổi cáu, bàn tay bị run, tim đập nhanh, mạch đập bất thường. Các bệnh nhân than phiền về trường hợp suy yếu, toàn cơ thể bị kích động, khó ngủ, đánh trống ngực, kèm theo tiêu chảy do tăng nhu động ruột, thường có sự thay đổi ở mắt với hiện tượng lộ nhãn cầu (mắt lồi) rõ ràng.

Để điều trị, bác sĩ dùng thuốc để ngăn chặn bớt sự phát triển quá độ của tuyến giáp. Thông thường phải dùng đến phẫu thuật hay

dùng phương pháp trị liệu bằng quang tuyến. Bệnh nhân bị cường giáp (tăng chức năng hoạt động của tuyến giáp) tuyệt đối không được dùng phương pháp trị liệu với thuốc uống có *lod*, vì như vậy sẽ làm tăng lượng *hormon* sản xuất và sự chuyển hóa chất

Trong trường hợp bạn có những triệu chứng đã nêu và tuyến giáp của bạn chưa được khám. Bạn nên đến bác sĩ khám. ●

TIN TỨC THẾ GIỚI

Trong số báo Viên Giác 106 vừa qua, chúng tôi có viết là từ nay đến năm 2000, năm hành tinh trong thái dương hệ trên đường vận chuyển sẽ nằm gần như ngang hàng nhau trên một đường thẳng. Hiện tượng này sẽ gây ra vô vàn thiên tai cho nhân loại trên quả địa cầu này theo như dự đoán của các nhà thiên văn học. Bằng chứng là trong tháng qua nào là lụt ở Trung Quốc làm trên 1/4 dân số tức 250 triệu người bị ảnh hưởng, nào là mưa lụt ở Bangladesch làm hàng ngàn người chết, hàng trăm ngàn người sống trong cảnh màn trời chiếu đất, trên 1/2 diện tích đất đai bị chìm sâu dưới nước, nào là động đất, núi lửa ở Nam và Bắc Mỹ, v.v... Không biết rồi đây bao nhiêu thiên tai sẽ xảy ra đem đến chết chóc và khổ đau cho con người, trong khi con người đã và đang chuẩn bị hoàn thành những công trình vĩ đại để phô trương và chào đón thế kỷ 21 vào năm 2000, như: Expo 2000 tại Hannover, thủ phủ Tiểu Bang Niedersachsen (Đức) - Thế vận hội mùa hè ở Sydney (Úc) - Năm Thánh ở La Mã (das Heilige Jahr in Rom) - Thiên niên kỷ ở London (Millenium Dome) (kỷ niệm 1000 năm vương cung thánh đường ở London), v.v....

TÌNH HÌNH NĂM CHÂU

• PHI CHÂU

Ngày 7.8.98, bọn khủng bố đã đặt chất nổ trước Tòa Đại sứ Mỹ ở Nairobi (Kenia) và Daressalam (Tansania) chúng cho nổ cùng một lúc tại hai nơi gây thiệt mạng 257 người trong đó có 11 người Mỹ và khoảng 5.000 người bị thương. Theo ảnh của máy quan sát quay phim tự động, thì tại Daressalam, tên khủng bố lái một xe bồn chở nước trong để toàn chất nổ, đậu trước sứ quán, xong nó tự khai hỏa cho bom nổ và nó cũng bị nát thây!

Tại Nairobi cũng giống như vậy, tên khủng bố cũng lái một xe hàng loại lớn chở đầy chất nổ ngừng trước cửa chính của sứ quán. Lính gác đuổi không cho đậu, tên khủng bố liền liệng một quả lựu đạn để mở đường, xong lái xe tràn vào cổng chính và

tự khai hỏa cho bom nổ và nó cũng bị nát thây!

Theo nguồn tin tình báo thì những tên khủng bố này là những phần tử Hồi Giáo cực đoan được điều động và khuyến khích bởi những thủ lãnh Hồi Giáo cũng cực đoan quá khích. Những người sau này hứa là nếu những tên khủng bố có chết là họ chết vì đạo và sẽ được lên thiên đàng! Cha mẹ hay vợ con họ được lãnh một số tiền hàng tháng là 700 đô, được gọi là tiền "Hữu Tuân Giáo".

Chính phủ Mỹ hứa là ai điềm chỉ bắt được một tên khủng bố sẽ được thưởng 2 triệu đô-la và sẽ được hoàn toàn giữ bí mật.

Hiện giờ tất cả Đại sứ quán và Cơ sở của Mỹ trên thế giới đều được đặt trong tình trạng báo động "Đỏ".

Trả đũa :

Ngày 20.8.98 lúc 19 giờ 30 (MEZ) để trả đũa lại việc người Hồi Giáo đặt bom hai nơi nói trên, Mỹ đã dùng hòa tiễn tấn công trung tâm huấn luyện tại Afghanistan, và nơi sản xuất chất độc tại Sudan của bọn khủng bố do nhà tỷ phú mà cũng là thủ lãnh bọn khủng bố tên Osama bin Laden (41 tuổi) bảo trợ tài chánh.

Tổng Thống Clinton đưa ra 4 lý do như sau:

- 1/- Chúng ta đã có bằng chứng rõ rệt là những toán khủng bố này đều xuất phát từ hai nơi nêu trên.
- 2/- Cũng những tên khủng bố này trong thời gian qua đã thực hiện những cuộc đặt bom phá hoại tại Mỹ.
- 3/- Họ đã có những kế hoạch là trong tương lai sẽ tấn công và khủng bố dân Mỹ và các cơ sở vật chất của Mỹ ở khắp mọi nơi.
- 4/- Một trong hai địa điểm này, là nơi chế tạo các loại vũ khí hóa học giết người để gieo rắc tai họa cho nhân loại.

Diễn tiến :

19 giờ. Cuộc hội đàm giữa ông Cohen, Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng, ông Cố vấn an ninh và Tổng Thống Clinton đang nghỉ hè tại đảo Martha's Vineyard, thuộc tiểu bang New England.

19g30. Tổng Thống Clinton ra lệnh tấn công.

19g31. Khoảng 100 hỏa tiễn hiệu Tomahawk từ hai chiến hạm, một đậu tại Vịnh Ba Tú, một tại Hồng Hải được lần lượt phóng đi.

Mục tiêu I :

Sáu trại huấn luyện khủng bố tại Schawar Kili Ai Badr cách 120 km phía Nam thủ đô Kabul (Afghanistan). Theo tin tình báo Mỹ thì tại đây hiện đang huấn luyện trên 600 tên khủng bố.

Mục tiêu II :

Hãng bào chế thuốc "El Shifa" tại Khartum (Sudan). Theo tin tình báo Mỹ cho biết là tại đây đã chế tạo loại độc được VX (Nervengift VX). Hãng này do thủ lãnh Osama bin Laden đã bỏ tiền ra xây dựng. Để che mắt thế gian, bề ngoài thì đề bảng là hãng bào chế thuốc tây, nhưng bên trong thì ngoài thuốc tây còn bào chế thêm thuốc độc!

20g43. Theo ảnh từ vệ tinh gửi xuống, cho thấy trại huấn luyện bị hỏa tiễn hủy hoại, khói lửa bao trùm. Còn hãng El Shifa thì hoàn toàn bị phá hủy.

Cùng lúc Tổng Thống Clinton tuyên bố "Hôm nay chúng ta tấn công trả đũa lại bọn khủng bố đang đe dọa sự an ninh của Mỹ và thế giới".

23g30. Tại Afghanistan, Khartum, Pakistan, Bangladesch hàng ngàn người Hồi Giáo tràn ra đường đá đảo Mỹ và thề sẽ trả thù bằng những cuộc khủng bố tắm máu!

Phản ứng của vài Lãnh tụ trên thế giới :

Thủ Tướng Kohl (CDU): Chánh phủ Đức quyết định lên án mọi sự khủng bố đồng tình ủng hộ mọi biện pháp nhằm chống lại những sự khủng bố nhắm vào cộng đồng thế giới.

Thủ Tướng Anh ông Tony Blair (Labor): Tôi hy vọng rằng tất cả mọi người trong chúng ta đều phải hiểu rằng, Mỹ có quyền tự vệ chống lại những cuộc khủng bố.

Thủ Tướng Nhật ông Keizo Obuchi: Quyết định của Mỹ đối với bọn khủng bố rất rõ ràng và phải thông cảm.

Thủ Tướng Pháp ông Lionel Jospin: Bất cứ nơi nào mà bọn khủng bố phá hoại, chúng ta phải dứt khoát và cứng rắn trả lời lại ngay bằng hành động.

Tổng Thống Nga ông Boris Jelzin: Mọi đầu ông hơi đỏ mặt, tức giận, nhưng sau đó ông tuyên bố: Nga và Mỹ cùng ngồi chung trên một chiếc tàu để chống lại bọn khủng bố.

Rõ ràng là việc tấn công của Mỹ vào hai cứ điểm của bọn khủng bố là việc làm thuận với lòng người.

Số lược Tiểu sử của Osama bin Laden (Thủ lãnh khủng bố)

Sanh năm 1958. Con một gia đình tỷ phú ở Saudi Arabien. Trong những năm 1980 anh đã đứng trong hàng ngũ Mudschahedin để chống lại sự chiếm đóng của quân đội



Còn sống sót trong cuộc tấn công của Mỹ tại trại huấn luyện đã thề là sẽ thực hiện một cuộc khủng bố đẫm máu khác để chống Mỹ!

Soviết tại Afghanistan.

1994 - Ngổ nghịch với cha mẹ, rời bỏ gia đình. Bị mất quyền công dân Saudi, vì chống lại nhà vua cho rằng nhà vua làm bù nhìn cho Mỹ. Từ đó Osama được sự bảo vệ của những dân quân Taliban Afghanistan. Theo nguồn tin tình báo Mỹ thì Osama đã liên hệ chặt chẽ với đoàn quân Hồi Giáo đối lập với nhà vua Saudi, kêu gọi "Thánh chiến". Chính Osama đã và đang cung cấp tiền bạc cho quân đội giải phóng của các nước Hồi Giáo, và cũng chính Osama đã ra lệnh đặt bom tại hai Tòa Đại Sứ Mỹ ngày 7 tháng 8 tại Kenia và Tansania. Mục tiêu của Osama là đánh đuổi tất cả quân đội Mỹ ra khỏi các nước Hồi Giáo trên thế giới.

• LYBIA

Lãnh tụ độc tài Muammar el Gaddafi (55 tuổi) biệt danh là "Đại Tá Khùng" vừa qua đã bắt thần thông báo cho "kẻ thù phương Tây" biết là ông ta sẵn sàng cho dẫn độ hai tên khủng bố là Lamen Khalifa Fhimah và Abbel Basset Ali Al-Megrahi đến trước Tòa án quốc tế tại Den Haag - Hòa Lan, về tội đặt bom làm nổ chiếc máy bay hành khách hiệu PanAm. Jumbo trên bầu trời Lockerbie - Schottland trước đây mấy năm, làm 270 người chết.

Gaddafi, con một gia đình du mục, sau khi dùng quân đội đảo chánh cướp được chính quyền, trong 29 năm thống trị đất nước bằng chính sách độc tài, dùng bạo lực đàn áp nhân dân. Mặc dù đất nước có nhiều mỏ dầu, nhưng dân chúng vẫn sống nghèo đói lầm than. Từ năm 1992, Lybia bị cô lập về ngoại giao, bị trừng phạt về kinh tế, tất cả các chương mục ở ngoại quốc đều bị phong tỏa, vì Gaddafi đã huấn luyện và đồ đầu cho bọn khủng bố quốc tế. Ông luôn luôn sống trong tình trạng lo âu, khủng hoảng tinh thần vì sợ bị ám sát. Ngay đến những người dân du mục, tổ tiên ông ta cũng ghét ông ta. Tháng 6/98, sau khi bị ám sát hụt làm 16 người cận vệ bị chết, còn ông thì bị thương phải ngồi trên xe lăn cho đến nay.

Trong vài năm gần đây, Gaddafi tìm cách móc nối để làm ăn với những đại thương và kỹ nghệ gia phương Tây. Thí dụ như vừa mới đây, ông ta đề nghị với chính phủ Ý là Lybia sẽ xây dựng một hệ thống dẫn hơi đốt từ Lybia sang Ý để kiếm ngoại tệ. Nhưng Ý đưa ra điều kiện tiên quyết là: Gaddafi phải nộp ngay hai tên khủng bố nêu trên cho Tòa án quốc tế thì Ý mới chịu mua hơi đốt. Đương cùng, lực tận, Gaddafi phải chịu quay lại với cộng đồng thế giới là tuyên bố chịu nộp hai tên khủng bố này.

TIN GIỜ CHÓT: Hội Đồng Bảo An LHQ đã quyết định giải tòa một phần việc phong tỏa kinh tế và ngoại giao cho Lybia. Lý do là "Đại Tá Khùng" chịu nhượng bộ, giải giao hai tên khủng bố cho Tòa án quốc tế.

Đối với những tên lãnh đạo độc tài, đảng trị, hiện trong nước chỉ biết dùng bạo lực để đàn áp nhân dân, ngoài nước thì gây khủng bố phá hoại, cộng đồng quốc tế phải áp dụng những biện pháp cứng rắn như đã từng áp dụng đối với Gaddafi thì mới mong

sắp xếp lại một trật tự mới trên bàn cờ thế giới.

• NGA

Cuộc khủng hoảng chính trị ở Nga còn tiếp diễn dài dài ngày nào mà đảng CS Nga còn chiếm đa số trong quốc hội (Duma). Tất cả mọi chính sách do chính phủ đưa ra như đối mỗi kinh tế theo kinh tế thị trường, tư hữu hóa ruộng đất cho nông dân v.v... đều bị đa số dân biểu CS tìm cách ngăn chặn. Không đầy một năm mà nước Nga có đến 3 ông Thủ Tướng được chỉ định lần lượt bị thay thế. Trước hết là ông Tschernomyrdin bị cách chức; ông Sergej Kirijenko (36 tuổi) lên thay chưa đầy 4 tháng sau ông bị mất chức đi nghỉ hè ở Úc. Rồi ông Tschernomyrdin lại được chỉ định tái phục chức. Nhưng đa số dân biểu CS trong quốc hội đã hai lần bỏ phiếu bất bỏ. Cuối cùng ngày 7.9.98, Tổng Thống Yelzin chỉ định

bên bờ sông để dân tộc Nga cùng ngồi chung trên một con tàu hưởng về cùng một mục tiêu là **Thịnh Vượng - Vinh Quang**.

Hỏi những người lãnh đạo CS Hà Nội, các người có nghe ông Thầy CS của các người nói không? Hãy tỉnh dậy mà đi cho kịp với xu thế thời đại, các người không thể nào kéo giữ lại thời gian để hưởng thêm đặc quyền đặc lợi. Nếu các người còn cố tình trì hoãn, chậm chân sẽ phải trả giá đắt hơn. Tục ngữ VN có câu: *Trâu chậm uống nước đục!* Xin các người suy nghĩ cho kỹ để nước đến chân chạy không kịp.

• MỸ

Cuộc tình Clinton - Lewinsky

Cổ nhân nói: "**Sắc bất ba đào dị nịch nhân**", có nghĩa là nhan sắc đàn bà không có sóng mà vẫn đánh đắm được người. (Thêm lời người viết: còn làm cho người



Ngón tay trỏ chỉ xuống của Lenin đã báo hiệu ngày tàn của chủ nghĩa CS; một chủ nghĩa không tưởng, được xây dựng bằng bạo lực và tồn tại bằng lừa dối...

đường kim Ngoại trưởng Jewgeni Primakow (68 tuổi) làm Thủ Tướng. Lần này ông được 317/450 phiếu chấp thuận.

Ông tân Thủ Tướng Primakow đã chỉ định hai cựu đảng viên CS vào hai chức vụ quan trọng. Một là cựu Giám đốc Kế hoạch nhà nước Số viết ông Juri Masljukow (60 tuổi) làm Phó Thủ Tướng đặc trách về chính sách kinh tế. Hai là cựu Chủ tịch Ngân hàng nhà nước Số viết ông Viktor Geraschtschenko (60 tuổi) làm Chủ tịch Ngân hàng Trung ương. Ngoài ra Primakow tuyên bố là Nga sẽ tiếp tục trả tất cả mọi món nợ trong cũng như ngoài nước. Vì Nga chưa tuyên bố là "nước Nga bị phá sản". Hiện giờ Nga còn nợ của chính phủ Đức và những đại công ty Đức là 100 tỷ Đức Mã. Riêng trong năm nay số tiền lời về tín dụng là 735 triệu Đức Mã mà Nga cần phải thanh toán cho Đức.

Trả lời câu hỏi của một nhà báo, ông Primakow nói: "Mặc dù trong nội các của tôi có những người CS, nhưng tôi nhất quyết không đi theo con đường "Đỏ". Tại sao? Tại vì con đường này không có tương lai, tuyệt vọng, không thấy ánh sáng ở cuối đường hầm. Bằng mọi giá tôi sẽ đi theo con đường "Xanh", con đường của hy vọng, của tương lai, của tự do dân chủ để phát triển đồng bộ đất nước tôi. Bước đầu, chắc chắn tôi sẽ gặp rất nhiều khó khăn, nhưng những vật cản, những rác rưởi (ám chỉ những tên CS cuối mùa, lạc hậu, lỗi thời) sẽ bị liệng ra hai

thân bại danh liệt nữa!). Trường hợp điển hình là cuộc tình giữa ông Bill Clinton, một vị Tổng Thống quyền lực nhất thế giới với cô Monica Lewinsky (23 tuổi) một tập sự viên tại tòa Bạch Ốc.

Cuộc tình bắt đầu từ lén lút, kéo dài mấy năm nay mới bị phanh phui ra cho bàn dân thiên hạ khắp năm châu biết. Do đó, dưới ánh mặt trời không có gì giấu giếm được dù dưới mái nhà kiên cố của tòa Bạch Ốc!

Trước đây cô Lewinsky thừa ông Clinton về tội ép buộc cô làm tình với ông, thì ông đã phủ nhận tất cả mọi liên hệ về tình dục với cô này.

Nhưng vào tháng 8 vừa qua, trước đại hội thẩm đoàn (Grand Jury) ông Clinton đã khai tất cả sự thật về sự liên hệ tình dục với cô Lewinsky. Vì luật sư của cô Lewinsky đã có đủ chứng cứ. Buổi điều trần này hay nói đúng hơn là buổi hỏi cung kéo dài trên 4 tiếng đồng hồ đã được thu hình vào băng Video.

Ngày 11.9, trên TV ông Clinton đã nhìn nhận lỗi ông, và ông nói: "Xin Chúa tha tội và giúp đỡ con; vì con cũng là người, mà người thì không ai không phạm lỗi lầm". Và cũng lần đầu tiên ông xin lỗi cô Lewinsky và gia đình cô; xin lỗi vợ con và nhân dân Mỹ. Cùng lúc Thượng Viện quyết định công khai hóa hồ sơ tình ái lần nhân dãi 445 trang do ông Kenneth Star điều tra viên đặc biệt làm lên hệ thống Internet :

<http://www.house.gov-icreport>. Độc giả nào có Internet hãy mở ra xem.



Ông Bill Clinton

Rồi ngày 22.9, một lần nữa Thượng Viện cũng chấp thuận cho công khai hóa cuốn băng Video đã thuê hình ông Clinton khai trước đại hội thẩm đoàn. Chỉ trong 2 ngày trên một triệu băng đã bán cho dân chúng xem.

Sự việc này gây ra phản ứng bất lợi cho những người chủ trương làm nhục ông Clinton mà người cầm đầu là ông Kenneth Star và phía sau là Đảng Cộng Hòa, đảng đối lập với ông Clinton (Dân Chủ). Hành động này không đẹp, tiểu nhân. Tục ngữ Việt Nam có câu: **Xấu lá xấu nem, xấu em xấu chị.**

Dân Mỹ đã lấy làm xấu hổ việc làm của vị Tổng Thống mình, lại càng xấu hổ hơn việc làm của những người chủ trương công khai hóa chuyện tình dục bẩn này.



Cô Monica Lewinsky

Rồi đây chức vụ Tổng Thống của ông Clinton sẽ được quyết định trong những ngày sắp tới tại Thượng Viện. Mặc dù tại đây Đảng Cộng Hòa đang chiếm đa số, nhưng chắc gì đạt được 2/3 số phiếu để

traút quyền Tổng Thống Clinton. Ngay trong Đảng Cộng Hòa cũng có người hoàn toàn không đồng ý việc làm tiểu nhân này của những người đồng viện mình. Ngoài ra dân Mỹ vẫn còn ủng hộ ông Clinton trên 60%. Hãy chờ xem nền dân chủ Mỹ đi đến đâu!

• **IRAN**

Chánh quyền Iran vừa quyết định hủy bỏ án tử hình của Văn sĩ Salman Rushdie (dân Anh gốc Ấn). Ông Rushdie đã viết và cho phát hành vào năm 1989 một tập thơ với tựa đề: **"Những Văn Thơ Satãng"** (Satanische Verse). Liền sau đó ông bị ông Khomeinie thủ lãnh Hồi Giáo mà cũng là Tổng Thống Iran lên án tử hình với phần thưởng là 1 triệu đô-la nếu ai hạ sát được Rushdie! Từ đó Iran bị một số quốc gia trên thế giới đoạn giao, cô lập.

Mười năm sau, chánh quyền hiện tại với chủ trương nối lại quan hệ với các nước phương Tây để phát triển đất nước nên mới có quyết định này. Tuy nhiên quyết định là quyết định của chánh quyền, còn những phần tử Hồi Giáo quá khích có tuân theo không còn là câu hỏi. Do đó để bảo đảm an toàn cho hành khách, hãng Hàng không Anh (British Airways) vẫn không chấp nhận cho ông S. Rushdie sử dụng máy bay của hãng này. Còn riêng cá nhân Rushdie cũng chưa dám xuất hiện công khai trước quần chúng.

• **ĐỨC**

Bầu cử Hạ Viện Liên Bang

Cái gì đến sẽ đến (Que sera-sera - Wherever will be-will be). Sau bao nhiêu ngày vận động tranh cử với lời qua tiếng lại của những chánh trị gia các đảng phái. Ngày 27.9.98 từ 8 giờ đến 18 giờ cùng ngày, 82,3% trên tổng số 60,5 triệu cử tri

được quyền đi bầu để chọn những người đại diện cho mình vào Hạ Viện Liên Bang để phục vụ nước non.

Sau đây là kết quả:

Đảng SPD	41%
CDU+CSU	35%
Bündnis-90/Die Grünen	6,7%
FDP	6,3%
PDS	5,1%

Các đảng khác như

DVU, NDP, Republikaner, v.v...	5,9%
--------------------------------	------

Lần đầu tiên sau 8 năm thống nhất, đảng PDS (hậu thân của đảng SED, đảng CS Đông Đức cũ) đã đạt được 5,1%, vượt rào cản chỉ có 0,1% nên được vào Quốc Hội Liên Bang và trở thành một **Khối** (Fraktion) được hưởng các qui chế giống như các Khối khác chỗ không còn một **Toán** (Gruppe) như nhiệm kỳ vừa qua.

Tổng số Dân Biểu (ghế) trong Quốc Hội Liên Bang là: 669 người (ghế). Được phân chia số ghế như sau:

SPD	298	(252*)
CDU+CSU	245	(294*)
B'90/Grüne	47	(49*)
FDP	44	(47*)
PDS	35	(30*)

• Kết quả cuộc bầu cử năm 1994.

Căn cứ vào kết quả trên, lần này đảng SPD đã đánh bại đảng liên minh đang cầm quyền CDU+CSU+FDP một cách rõ rệt. Sự thất bại của ông Kohl và các đảng liên minh không làm ai ngạc nhiên, vì người dân Đức sau 16 năm dài muốn thay đổi bộ mặt mới, dù chưa biết rằng đảng SPD lèo lái nước Đức thống nhất bước sang thế kỷ 21 sẽ đi về đâu? Nhưng không sao, ở một nước dân chủ, người dân và nhất là báo chí có quyền theo dõi và kiểm soát từng hành động và

Sau đây vài điểm khác nhau của hai đảng

SPD

Việc làm:- Phân chia công bằng công việc làm bằng cách rút ngắn thời gian làm việc.

- Uyển chuyển hạn tuổi lao động. Giới hạn công việc 620 DM (620 Mark Jobs) bằng cách bắt buộc phải đóng bảo hiểm xã hội.

Xăng : Chỉ tăng từ 6 đến 7 xu (Pf).

Quân Đội : - Nếu cần có thể rút ngắn thời gian quân dịch hay có thể hủy bỏ.

- Tiếp tục giảm quân số, nếu có nhu cầu cần thiết sẽ nhờ đội mũ xanh của NATO.

- Vẫn giữ lễ tuyên thệ công khai của tân binh (Oeffentliche Gelöbnisse).

NATO : - Chấp nhận và tiếp tục gia nhập khối NATO.

Tiền con : - Đưa con thú 1 và 2, mỗi đứa được 250 DM (hiện giờ 220 DM)

B'90 / GRÜNE

Việc làm : - Ít giờ phụ trội / nhiều công việc làm bằng cách rút ngắn thời gian làm việc trong tuần là 40 giờ thay vì 60 giờ như luật trước đây.

- Nhiều việc làm mới bằng cách giúp đỡ những người phát minh về kỹ thuật mới sinh tân tiến, thí dụ: dùng năng lượng mặt trời.

Xăng : - Tăng ngay 26 xu/lít. Trong vòng 4 năm tăng thêm 50 xu nữa. Tổng cộng là 56 xu.

Ghi chú: Chỉ cần tăng 1 xu/1lít xăng, trong một năm chánh quyền thầu thêm được 700 triệu Đức Mã.

Quân Đội : - Hủy bỏ quân dịch và công tác dân vụ (Zivildienst).

- Giảm 150 ngàn quân trong vòng 4 năm.

- Hủy bỏ lễ tuyên thệ công khai của tân binh.

NATO : - Dài hạn giải thể khối NATO.

Tiền con : - Đưa 1 và 2, mỗi đứa 300 Đức Mã.

việc làm của chính quyền. Nếu chính quyền làm tốt thì 4 năm sau sẽ được bầu lại; còn không tốt, nói được những làm không được thì người dân sẽ dùng lá phiếu của mình để trút phẫn như đã trút phẫn chính quyền Kohl vậy.

Ngày 27.10.98, tức sau 30 ngày theo luật định, tân Quốc Hội Liên Bang sẽ nhóm Đại Hội lần đầu tiên để bầu vị Thủ Tướng Liên Bang. Mặc dù đảng SPD do ông Gerhard Schröder đứng kim Thủ Tướng Tiểu Bang Niedersachsen ra tranh cử chức Thủ Tướng Liên Bang đã thắng, nhưng đảng ông chưa đạt được đa số tuyệt đối (absolute

số Bộ trong chính quyền v.v... và v.v... Chậm lắm là ngày 25 tháng 10 phải xong để ngày 27.10.98 có đủ đa số Dân Biểu hậu thuẫn bầu cho ông Schröder làm Thủ Tướng Liên Bang. Cuộc thường thuyết này sẽ rất khó khăn vì nhiều sự khác biệt về chính sách của hai đảng như giải quyết người thất nghiệp, giá xăng, tiền con, quân đội, khối NATO v.v... và v.v...

Sau đây vài điểm khác nhau của hai đảng SPD và B'90 / Grune (Xem bảng so sánh bên trên) ...

... Và còn nhiều vấn đề khác biệt nhau mà

bên vùng phía Đông (DDR cũ). Tiểu Bang Mecklenburg-Vorpommern, cũ 100 ngàn dân là có 2,69 vụ, kể đến là Brandenburg 2,15; Berlin 1,27.

An toàn và bảo đảm nhất cho người ngoại quốc là Tiểu Bang Niedersachsen và Hessen chỉ có 0,08.

• BẮC HÀN

Ngày 30.8.98, CS Bắc Hàn lại muốn khiêu khích thế giới bằng cách phóng một hỏa tiễn tầm xa loại "Daepodong I" xuyên qua nước Nhật rớt xuống Đại Tây Dương. Phát ngôn viên chính phủ Nhật cho rằng hành động mà Bắc Hàn gọi là trắc nghiệm (Test) là một hành động khiêu khích và tỏ ra hết sức nguy hiểm. Ngụ ý lại một sĩ quan Nga, cố vấn cho quân đội Bắc Hàn thì giải thích rằng hỏa tiễn được phóng đi xuyên qua Nhật là một sự vô tình nhầm lẫn. Không ai tin lời của người sĩ quan Nga này. Vì trong thế giới CS, họ nói một đằng làm một nẽ. Để trả đũa hành động điên cuồng này, Nhật cắt đứt mọi trao đổi với Bắc Hàn và ngừng gửi thực phẩm cứu trợ cho nước này. Chỉ có người dân chết đói, còn đám cán bộ cường tin cuối mùa vẫn sống phè phỡn trên xướng máu của đồng loại mình.

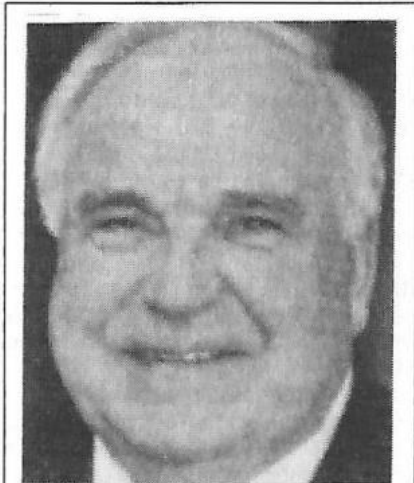
• VIỆT NAM

Nhân ngày Quốc Khánh (2.9.98) nhà cầm quyền Cộng Sản Hà Nội đã trả tự do cho Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Thượng Tọa Thích Trí Siêu, Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, hai chiến sĩ Lý Tống, Trần Mạnh Quỳnh và nhiều tù nhân khác nhưng chưa rõ danh tánh.

Hành động trên, theo quen điểm của Người Quan Sát thì có 3 lý do:

1/- Do sự đấu tranh không ngừng nghỉ trong 23 năm qua của các Đoàn Thể và Cộng Đồng Người Việt hải ngoại, những người yêu chuộng tự do dân chủ ở trong nước cùng với áp lực của quốc tế nên quý vị này mới được trả tự do. Bằng chứng là sau khi được trả tự do, Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã xác nhận là nhờ chánh phủ và nhân dân yêu chuộng tự do trên thế giới, các cơ quan quốc tế, Liên Hiệp Quốc, Chủ Tôn Đức cùng đồng bào ở trong cũng như ngoài nước đã quan tâm vận động và áp lực nên nhà cầm quyền Cộng Sản mới thả chúng tôi ra, cũng như trong thời gian bị giam, họ phải nới tay cho chúng tôi, đối xử tương đối tử tế hơn thời 1977 nhiều lắm. Họ phải đặc biệt quan tâm chỗ không thể coi thường mình được đâu.

Tuy nhiên thành quả này mới chỉ là giai đoạn đầu, hiện giờ Hòa Thượng Thích Huyền Quang, quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN và hàng ngàn người khác còn đang bị NCQCS giam giữ. Do đó chúng ta phải tiếp tục đấu tranh. Đấu tranh trong tinh thần bất bạo động đến khi nào NCQCS chịu thả tất cả tù nhân chính trị, từ bỏ chế độ độc tài đảng trị, thực hiện Tự Do



Cựu Thủ Tướng ông Helmut Kohl, đang tươi cười vui vẻ ra đi sau khi đã ghi vào lịch sử vàng son của nước Đức một trang sử vinh quang là Thống Nhất nước Đức không tốn một viên đạn, một giọt máu. Toàn dân Đức đời đời nhớ ơn Ông! Thay mặt Ban Biên Tập báo Viên Giác chúc ông sau khi rời khỏi chính trường thân tâm thường an lạc.



Tân Thủ Tướng ông Gerhard Schröder cũng đang tươi cười vui vẻ vì sự đắc thắng của mình. Giở đây toàn dân Đức đang mong chờ những gì ông sẽ thực hiện đúng theo lời hứa của ông khi ra tranh cử. Thay mặt Ban Biên Tập báo Viên Giác chúc Ông gặt hái nhiều thành công trong sự nghiệp lãnh đạo quốc gia.

Mehrheit) có nghĩa là chưa quá 50%. Do đó đảng ông cần phải liên minh với một đảng khác như CDU+CSU hay FDP hoặc B'90/Grüne chẳng hạn để đạt được đa số tuyệt đối. Như vậy khi bầu Thủ Tướng Liên Bang ông G. Schröder mới chắc chắn được bầu

Thí dụ nêu:

1/- SPD 298 ghế liên minh với CDU+CSU 245 ghế. Tổng cộng được 543/669 ghế, là số ghế tối đa mà các chính trị gia gọi là: **Liên Minh Lớn** (grosse Koalition).

2/- SPD 298 ghế liên minh với FDP 44 ghế. Tổng cộng được 342/669 ghế cũng được đa số (669 : 2 = 334,5 tính tròn 335 ghế).

3/- SPD 298 ghế liên minh với B'90/Grüne 47 ghế. Tổng cộng được 345/669 ghế cũng vẫn được đa số.

Theo cuộc thăm dò của Bild-Ted ngày 29.9.98, trong vòng 8 tiếng đồng hồ có 211629 người gọi điện thoại tôi, trong số này có 85,4% ủng hộ một Liên Minh Lớn, chỉ có 14,6% đồng ý một sự liên minh SPD với B'90/Grüne.

Nhưng theo đường lối và chính sách của SPD thì ông Schröder cùng ông Lafontaine quyết định liên minh với B'90/Grüne. Kể từ ngày 2.10.98 hai đảng này ngồi lại với nhau để thương thuyết về chạnh sách, phân chia

hai bên phải thảo luận để tìm một đồng thuận trước ngày 27.10.98. Nếu thất bại thì đảng SPD sẽ xin hoãn lại ngày bầu tân Thủ Tướng Liên Bang để tìm một đảng liên minh khác. Khi báo lên khuôn thì cuộc thảo luận của hai đảng vẫn còn đang tiếp diễn.

Một vài con số trong cuộc bầu cử

Trong cuộc bầu cử Quốc Hội Liên Bang ngày 27.9.98 có 5062 ứng cử viên. Trong đó có 1408 phụ nữ. Tổng phí cho cuộc bầu cử lần này là 100 triệu Đức Mã (1994/ 98,7 triệu). Riêng tiền thù lao về ăn uống cho 600 ngàn người phụ giúp việc bầu cử là 18 triệu Đức Mã (30 DM/người).

Quốc Hội Liên Bang nhiệm kỳ 1998-2002 có đến 30,3% dân biểu là phụ nữ! Một kỳ lục mới. Dân biểu trẻ nhất là anh Carsten Schneider (SPD) ở đơn vị Erfurt (Đông Đức) mới có 22 tuổi!

Hữu khuynh quá khích

Theo sự tổng kết của Bộ Nội Vụ thì năm 1997 có 406 vụ tấn công vào người ngoại quốc do những tên hữu khuynh cực đoan thực hiện. Tuy nhiên vẫn còn ít hơn năm 1996 và 101 vụ. Tiểu Bang NRW 82 vụ; Saarland 4; Bremen 3. Một việc đáng buồn là tính theo mật độ dân cư thì dẫn đầu là

- Dân Chủ cho đất nước chúng đó chúng ta mới thôi.

2/- Vào hạ tuần tháng 10/98, Phái đoàn Liên Hiệp Quốc do ông Abdelfattab Amor hưởng dẫn sẽ đến Việt Nam điều tra về sự vi phạm nhân quyền và đàn áp Tôn Giáo của NCQCS Hà Nội. Trước khi lên đường chắc hẳn ông đã có sẵn trong tay một danh sách tù nhân chính trị và lương tâm, cùng những nhà tù giam giữ họ do Cộng Đồng Người Việt hải ngoại trao cho ông. Liệu ông có đủ thẩm quyền để yêu cầu NCQCS Hà Nội cho phái đoàn ông tự ý muốn đi đến trại giam nào chỉ cần thông báo trước vài tiếng đồng hồ thôi. Hay ông và phái đoàn chỉ được phép đến những trại giam do nhà nước chỉ định. Nếu đến các nơi do CS chỉ định, chắc hẳn ông và phái đoàn sẽ thấy nhà tù CS còn tiện nghi và người tù còn sung sướng hơn người dân ở nông thôn hiện nay nhiều, do những màn trình diễn của cán bộ CS. Ai có đi ở tù cải tạo ở ngoài Bắc đều hiểu rõ những màn trình diễn "sáo cẩu" này!

Chắc hẳn bản phúc trình của ông Amor và phái đoàn được trình bày trước Ủy Ban Nhân Quyền LHQ sẽ rất ảnh hưởng đến việc giao tế giữa NCQCS Hà Nội với các quốc gia dân chủ trên thế giới.

3/- Quy chế Tối Huệ Quốc

Sở dĩ CSVN chưa được hưởng quy chế Tối Huệ Quốc do Mỹ ban cho mặc dù NCQCS Hà Nội tìm mọi cách để làm vừa lòng Mỹ đến nỗi cho đào mồ các liệt sĩ trong nghĩa trang để cho Mỹ tìm hài cốt quân nhân Mỹ chết trong trận chiến, bởi còn một vật cản là: NCQCS còn đang vi phạm trầm trọng nhân quyền.

Màn trình diễn đầu tiên của NCQCS để cho phái đoàn ông Amor và thế giới thấy là trả tự do cho quý vị được nêu trên. Nếu trả tự do thật sự theo chánh sách đổi mới, cởi mở để lần lần thực thi Tự Do - Dân Chủ, thực hiện đoàn kết dân tộc để cùng nhau xây dựng đất nước thì điều mà mọi người dân Việt trong cũng như ngoài nước đang mong đợi. Còn trả tự do tạm thời hay nói một cách khác là theo giai đoạn, có nghĩa là khi phái đoàn ông Amor về, và khi NCQCS Hà Nội được hưởng quy chế Tối Huệ Quốc rồi thì họ tìm cách qui tội để bắt giam lại những người họ thả ra như họ đã từng làm trước đây thì đó là điều đại bất hạnh cho dân tộc, sẽ gây thảm họa triền miên cho đất nước. Hãy chờ xem việc làm của NCQCS Hà Nội.

• LẤY CHỒNG ĐÀI LOAN HAY ĐI LÂM NÓ LỆ !?

Nhật báo "Trung Quốc Thời Báo" xuất bản tại Đài Loan, là tờ báo thường xuyên dành một trang quảng cáo món hàng "Gái Việt". Tờ quảng cáo này đăng chân dung 8 cô gái Việt Nam với lý lịch trích ngang, gồm: tên tuổi, năm sanh, nghề nghiệp, chiều cao, v.v... Bên cạnh hình là lời mời mọc của một công ty môi giới có tên là Hỷ Sỹ Đăng đưa ra làm tăng thêm phần hấp dẫn "Chỉ cần có khoảng 6000\$US các ông sẽ cưới được một trong 8 cô này để làm vợ!"

Hiện giờ tại nước CHXHCNVN đang có một hiện tượng xã hội bất thường hay nói một cách khác là một phong trào bùng nổ ở làng quê sông nước Việt Nam, lời cuốn hàng ngàn thôn nữ miền Nam lao vào cuộc hôn nhân sắc mùi đô-la và làm điều oan trái.

• Sau đây là vài thảm kịch gái Việt lấy chồng người Đài Loan

Cuối năm 1997, CT. (17 tuổi), học sinh lớp 11 trường Trung Học Bến Cát - Bình Dương, theo mẹ về Sài Gòn. Trước đó mẹ em đã tiếp xúc với một tú bà cư trú tại Quận 5, khoảng 5 giờ chiều, hai mẹ con đến một quán cơm bên chợ Nhật Tảo lót dạ và đợi thêm một người nữa đó là em ruột của CT. cũng đang học lớp 11. Cả hai chị em được mẹ dẫn đến một quán cà-phê trên đường Bà Hạt. Tại đây hai cô gái tròn xoe mắt khi biết mục đích của chuyến đi này là để gả chồng. Mặc cho những giọt nước mắt xối xả tuôn, hai cô gái vẫn bị dẫn đến nhà hàng Karaoke Thiên Vương trên đường Nguyễn Trãi, Quận 5, và bị buộc phải ngồi đối diện với 3 ông khách cỡ tuổi bố mình. Các ông khách cười hô hố, nham nhở, bỗn cợt và nói một thủ tiếng lạ lùng!

Bên cạnh chị em CT còn có 5 cô gái cùng tuổi được đưa lên từ các tỉnh miền Tây. Theo lệnh tay môi giới, các cô gái bắt đầu trình diễn, đi qua đi lại trước những ông già vừa lùn vừa béo. Sau 30 phút chọn lựa, 4 cô gái bị loại. Hai chị em CT và cô N., quê Đồng Tháp được ở lại. Cuộc mặc cả của hai bên khiến các cô gái run rẩy. Ông khách lớn nhất đưa tay trò CT, mục mỗi yêu cầu 5.000 đô-la. Ông khách lác đầu, 10 phút sau hai bên thỏa thuận 3.500 đô, đặt cọc trước 1.000 đô!

12 giờ trưa hôm sau, CT bị mẹ mới dẫn đến một quán ăn bình dân cạnh nhà hàng Thiên Vương, tại đây có 5 ông khách Đài Loan xí xa xí xỏ. Họ nhà gái gồm chị em cô dâu, bà mẹ và một mẹ mối. Đó là "Lễ Cưới" của một ông khách xứ Đài Loan gần 50 tuổi với cô gái Việt 17 tuổi!

Trời sầm tối, cô gái khóc đòi theo mẹ trở về, nhưng mẹ lái này đẩy cô vào một căn phòng với lời đe dọa "Mẹ mầy đã nhận tiền, mầy là vợ của người ta, muốn ở tù hay sao mà trốn tránh...". Rồi cuộc đời cô gái này sẽ đi về đâu? bị bán vào các thanh lâu ở Macao, Đài Loan, Bangkok hay bị buộc làm nô lệ như thời cổ xưa tại gia đình của người chồng ở Đài Loan, lại vừa phục vụ tình ái không công.

Chưa hết, sau đây là câu chuyện "Hậu" lấy chồng Đài Loan:

Một bà mẹ tử thị trấn Cái Tàu Hạ, tất tã chạy lên tỉnh lý Đồng Tháp kêu cứu: Bà vừa "gả nhầm" đưa con gái 23 tuổi cho "thằng rể Đài Loan lừu lừu" đề nghị nhà cầm quyền ra tay giải thoát!

Ngày 20.7.96, bà Nguyễn Thị O. ở ấp Phú Mỹ Hiệp, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, gả đứa con 18 tuổi cho một người Đài Loan 48 tuổi. Bên trai đi "tiền đây" 3000 đô. Bên gái đòi thợ 500 đô, thù lao mai mối 500 đô. Vị chi còn lại 2000 đô. Năm sau bà gả tiếp đứa con gái 23 tuổi cho một người

Đài Loan 45 tuổi. Bữa nọ bà bỏ công lên Sài Gòn thăm con đang sống với chồng ở một khách sạn lớn. Ai ngờ "thằng rể lừu lừu" trở mặt, không cho bà vào. Sở dĩ gởi nhảm trửng cho ác, bà phải đi cầu cứu...! những cầu cứu với ai? với nhà cầm quyền ư? Vô ích, nhà cầm quyền thì đã bắt tay thông cảm với đám lừu lừu này rồi.

Trong khi bà Nguyễn Thị O. đang khóc thì hàng trăm bà mẹ khác ở Đồng Tháp lại hí hửng cười, coi chuyện gả con cho Đài Loan là một cơ may "xóa đói, giảm nghèo". Theo biểu đồ thống kê của Sở Tư Pháp Sài Gòn các con số cứ luôn nhảy vọt. Tại Sài Gòn năm 1993/1 vụ - 1994/7 - 1995/10 - 1996/54 - 1997/135. Còn toàn miền Nam, theo Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc tại Sài Gòn. Năm 1993/162 vụ - 1994/916 - 1995/1092 - 1996/4090 và 10 tháng đầu 1997/4000 vụ! Cũng theo ông Chiu-Chwei-Ming Trưởng phòng Kinh tế - Văn hóa Đài Bắc xác nhận rằng đa số các chú rể Đài Loan đều thuộc thành phần lao động nghèo nông thôn, trình độ văn hóa bậc tiểu học và có 10% bị dị tật.

Mặc cho sự mĩa mai dè bĩu của người đời, sau lũy tre xanh vẫn có những cảnh đời "tréo ngoe" mà ngay cả "thời chị Dậu" trong cuốn "Tắt Đèn" tưởng cũng không thể có.

Sau đây là một trong 1001 câu chuyện của một cô gái tên Lạc Thị Th., người Việt gốc Hoa 24 tuổi, Phường 6, Quận 11. Sau hai tháng theo chồng về sống ở Đài Loan, kể:

"Chồng em tên Li-Kun-Lu, 40 tuổi. Ông cưới em thông qua môi giới, đi tiền đây 3000 đô. Em vốn biết tiếng Hoa phổ thông tử ngữ, nhưng qua bên đó người ta chỉ nói toàn tiếng Phúc Kiến nên không hiểu được nhiều. Suốt hai tháng trời em chỉ ăn mì gói do khẩu vị không hợp. Bên chồng lại bắt em ăn trâu, nhưng em không chịu. Chồng em lùn, tuy không có đi tạt nhưng rất quái đản, ông đối xử với em như một con ờ, chớ không phải là vợ. Chuyện trong nhà lớn nhỏ gì cũng bắt mình làm, mà không hề cho một đồng ăn sáng. Ông có bốn anh em cùng ở chung một nhà, nếu mình không chiều... ý ông thì dù 1, 2 giờ sáng cũng bị đuổi ra đường. Bên Đài Nam ngoài trời rất lạnh, em mặc 4, 5 cái áo vẫn còn run. Tụi em qua bên một lượt 4 người, do cùng một chỗ môi giới, nên cố nhỏ số điện thoại của nhau. Nhưng ông cấm tụi em liên lạc. Ban em tới chơi, ông vu cáo người ta ăn cắp đuổi ra khỏi nhà. Tụi em muốn gọi điện thoại hay đi Taxi lên Cao Hùng ở Đài Bắc để kêu cứu cũng không được, vì không có tiền. Chịu đựng hết nổi, tụi em viết đơn xin ly dị. Nào ngờ ly dị xong thì lại bị mấy ông chơi đểu, đem giấu hết hộ chiếu và không chịu mua vé máy bay cho tụi em về nước. Mấy cô muốn về nước thì phải ngủ với tụi tôi một tuần nữa, còn không thì ra đường làm điếm để kiếm tiền mà về. Tụi em phải chịu nhục mới về được Việt Nam".

Chuyện của Th. vẫn "chưa là gì cả" nếu so với điều cô kể tiếp:

"Chỗ em có một chị cũng người Việt Nam, bị thằng chồng khốn nạn bán vô nhà chứa. Bà mà chỉ ở bên nước hay được, bán hết nhà cửa, ruộng vườn để gửi tiền qua chuộc,

nhưng mà vẫn chưa đủ. Không biết giờ đây chỉ ra sao?"

May mà có nhà của ruộng vườn bán để chuộc con, còn nếu không có thì con mình sẽ ra sao?"

Thấy bên kia đường một chiếc Toyota 12 chỗ ngồi bóng lộn đón đầu về Sài Gòn, mấy bà mẹ quê bán hàng xén trong chợ Đất Sét nói: "Trời ơi, Đài Loan nó qua đây cười riết hết con gái xứ này. Mai một chắc tôi phiên... tụi mình! Nói xong, mấy bà cùng nhau cười. Cười xong, mắt bà nào cũng ướt..."

(Trích theo bài viết của Nguyễn Hùng và Lê Ha Vân trong báo Thăng Mỏ)

Những chuyện thương tâm trên đây và hàng ngàn hàng vạn chuyện khác đã và đang xảy ra chỉ ở nước CHXHCNVN mà thôi.

Một tên ngoại kiều không rõ "Cha Căng Chú Kiết" của nó là ai, đến Việt Nam chỉ bỏ ra 5000 đô là mua được một cô gái Việt 17, 18 tuổi đem về vừa làm vợ vừa làm người ở và đôi khi bán cho các động mại dâm để lấy tiền. Thật một giá trị của một công dân Việt Nam dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa quá rẻ, rẻ hơn một con chó ở phương Tây!

Tại sao NCQCS không điều tra tông môn, tình trạng gia đình, nghề nghiệp v.v... những ngoại kiều dù quốc tịch nào trước khi cho phép kết hôn và cấp giấy xuất cảnh, để tình trạng cuối ra nước mắt như vậy sẽ không xảy ra. Tại vì tiền, tiền tham nhũng. Đối với đảng hiện nay tiền là tất cả, còn người dân thì sống chết mặc bay.

Đảng CSVN hiện giờ là một đảng giàu nhất thế giới! Trong cuốn "Gà Cung Một Mẹ" trang 140 của Bùi Tín, ông viết: "Đảng có cơ quan kinh tài, một bộ máy khổng lồ có trụ sở ở trường An-Bè-Sa-Rô cũ tại Hà Nội, chiếm nhiều đất đai nhà cửa, biệt thự ở Hà Nội, Hải Phòng, Đồ Sơn, Nha Trang, Đà Lạt, Sài Gòn, Cần Thơ, Vũng Tàu v.v... và họ đang tự ý cho những công ty nước ngoài thuê để lấy tiền bỏ vào quỹ đảng, biến tài sản của nhà nước thành ra tài sản riêng của Đảng Cộng Sản!". Đúng là đảng Tú Sản ĐỒ chó không còn là đảng chuyên chính vô sản như thời còn quanh quẩn ở núi rừng hay ở hang Pắc Pó!

Bây giờ người dân ai cũng thấy rõ là trên 50 năm đấu tranh, đảng CSVN đấu tranh chỉ vì tiền, chó không vì Tự Do - Hạnh Phúc cho dân! Vậy, hỏi những ai đã hơn phân nửa cuộc đời đi theo đảng, phục vụ đảng, giờ đây nhìn thấy rõ là đảng đã phản bội lại lý tưởng của mình thì còn chần chờ gì nữa mà không kết hợp lại lời cổ cái đảng mafia vĩ đại này xuống để cho người dân được nhờ, và chắc chắn họ sẽ nhỏ ơn các người mãi mãi. ●



THÔNG BÁO

Lời kêu gọi chống danh sách Liệt Nữ Việt Cộng

Nhân ngày Quốc Tế Phụ Nữ, Tổ chức Văn hóa Khoa học Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đề ra dự án "Phụ nữ huyền thoại trong lịch sử nhân loại". Nắm lấy cơ hội để tuyên truyền, Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Trung Ương Việt Cộng đã đệ trình Liên Hiệp Quốc danh sách 23 "Phụ nữ huyền thoại Việt Nam". Tuy nhiên danh sách chỉ có 12 người có công với dân tộc và văn hóa, còn lại là 11 nữ cán bộ Việt Cộng đã cưỡng tin theo chủ nghĩa cộng sản mang lại đại họa cho dân tộc và văn hóa Việt Nam.

Bản danh sách do Việt Cộng đưa ra gồm:

1. Quốc mẫu Âu Cơ
2. Hai Bà Trưng
3. Bà Triệu
4. Bùi Thị Xuân
5. Hồ Xuân Hương
6. Nguyễn Thị Minh Khai (VC)
7. Nguyễn Thị Định (VC)
8. Mười cô gái Đồng Lộc (VC)
9. Võ Thị Sáu (VC)
10. Nguyễn Phi Ý Lan
11. Hoàng Ngân (VC)
12. Nguyễn Thị Thủ (VC)
13. Thánh mẫu Thiên Ý A Na
14. Công chúa Thiệu Hoa
15. Mẫu Liễu Hạnh
16. Đoàn Thị Điểm
17. Lê Chân
18. Phạm Thị Trân (VC)
19. Nguyễn Thị Thập (VC)
20. Quách Thị Hồ (VC)
21. Kan Lịch (VC)
22. Nguyễn Thị Chiên (VC)
23. Tô Thị.

Xin đồng bào Việt Nam tại CHLB Đức hãy gửi thư cho Ủy Hội UNESCO Đức, yêu cầu có quan này loại trừ 11 tên nữ cán bộ Việt Cộng ra khỏi danh sách "phụ nữ huyền thoại Việt Nam".

Để thuận tiện cho đồng bào trong việc phản đối, chúng tôi xin soạn sẵn mẫu thư, đồng bào chỉ việc ký tên và gửi đi, theo địa chỉ ghi sẵn trên đầu thư.

Deutsche -
UNESCO-Kommission
Colmantstr. 15
53115 BONN

Sehr geehrte Damen und Herren,

wir erfahren daß die Regierung der Volksrepublik Vietnam anlaßlich des Internationalen Frauentages eine Liste von "23 Frauen der vietnamesischen Legende" Ihrer Kommission vorlege und zwar zur Eintragung in der "legendaerischen Frauen der Welt Geschichte".

Aus dieser Liste bitten wir Sie höflich und flehentlich elf Namen zu streichen, weil sie Mitgliederinnen der vietnamesischen kommunistischen Partei waren oder sind, die schwere Verbrechen an unserem Volk begingen. Sie verdienen es nicht, als "Frauen der vietnamesischen Legende" betrachtet zu sein.

Die elf Namen heißen:

6. Nguyễn Thị Minh Khai
7. Nguyễn Thị Định
8. Mười cô Gái Đồng Lộc (Die zehn Mädchen von Đồng Lộc)
9. Võ Thị Sáu
11. Hoàng Ngân
12. Nguyễn Thị Thủ
18. Phạm Thị Trân
19. Nguyễn Thị Thập
20. Quách Thị Hồ
21. Kan Lịch
22. Nguyễn Thị Chiên

Mit freundlichen Grüßen

Thiết tưởng nên nhắc lại là cách đây mười năm, UNESCO đã dự định tổ chức tôn vinh 100 năm Hồ Chí Minh, nhưng do sự phản đối quyết liệt và rộng lớn của Cộng Đồng Việt Nam hải ngoại - trong đó có đồng bào tỵ nạn cộng sản ở CHLB Đức - nên dự án đó phải hủy bỏ.

CHLB Đức, ngày 16.9.1998

BS Trần Văn Tích

Địa chỉ liên lạc:

Dr. Trần Văn Tích
Kaiser-Karl-Ring 20 A
53111 BONN

Bóng Ma

lý tưởng cộng sản

Năm 1990 chế độ cộng sản trên quê hương "Cách mạng" tháng 10 sụp đổ. Có một nhà báo phỏng vấn ông Đại sứ Cuba ở Mạc Tú Khoa có cảm nghĩ gì khi nhà hàng yêu thích của Mỹ -Mc Donalds- xuất hiện lần đầu tiên trên thủ đô vô sản thế giới? Với lý tưởng cộng sản đã ăn vào từng đường gân sớ thịt, ông ta trả lời ngay: "*Thà ăn cỏ còn hơn ăn thực phẩm Mc Donalds*". Mà đến nay cũng đúng thật, tháng 7 năm nay tổ chức Liên Hiệp Quốc vừa dự tính viện trợ 100 triệu US đô-la cứu đói cho chế độ Cộng Sản Cuba đang cơn nguy ngập. Trong lúc ấy LHQ cũng đang đổ hàng nghìn tấn thực phẩm cứu đói cho cộng sản Bắc Hàn đang gần ngoác ngoài. Mà nên nhớ rằng chi phí cho ngân sách LHQ chủ yếu là Mỹ (kể thù của giai cấp vô sản thế giới). Còn Cộng Sản Việt Nam thì vẫn tiến lên:

- Lấy ngắn nuôi dài
- Lấy Việt Kiều nuôi Việt Cộng
- Lấy tham nhũng nuôi chế độ
- Lấy đô-la nuôi lý tưởng

Bởi vậy mỗi khi cầm tờ "Tiền Phong" - Tiếng nói của Đoàn Thanh Niên CS HCM-, ở đầu trang nhất ta đã thấy mấy câu khẩu hiệu cộng sản hù dọa, xách động tính cuồng loạn CS:

- Vi lý tưởng cộng sản chủ nghĩa
- Vi lý tưởng xã hội chủ nghĩa
- Thanh niên anh dũng tiến lên

Cái lý tưởng đã gây cho nhân loại bao nhiêu tang tóc đau thương, gây cho dân tộc những vết thương không khiếp; bao giờ mới hàn gắn lại được. Để rồi chúng ta hiểu tại sao nhân dân Afghanistan, khi lực lượng Taliban chiếm được thủ đô Kabul, họ không lòng bắt lực lượng quân đội đối kháng đánh lại họ, mà họ bắt ngay Tổng Bí Thư Đảng CS Afghanistan Nabzibulas, lúc này ông ta ở tòa nhà UNO, rồi treo cổ ngay giữa trung tâm thủ đô Kabul. Để rồi chúng ta hiểu tại sao nhân dân Rumania lại tử hình Tổng Bí Thư CS Rumania, ông Nikolai Ceausescu, chỉ mấy phút sau khi tòa án nhân dân kết án.

Tại sao nhân dân các nước lại căm ghét những kẻ cầm đầu lý tưởng CS như vậy? Vậy chúng ta xem có cái gì trong lý tưởng CSCN; lý tưởng XHCN?

Trước hết lý tưởng CS thủ tiêu mất cá tính của con người, mà không thấy con người là một thực tại hiển nhiên, là một tế bào cơ bản của xã hội loài người. Mỗi người theo Đảng trở thành Giáo Đảng (1) cuồng tín, trở thành công cụ của đảng, để Đảng sử dụng vào những công việc tội ác của mình.

Nhân loại bao giờ cũng bao dung, nhân bản, khuyến khích tình thương và giảm thiểu hận thù. Còn những người theo lý tưởng CS thì ngược lại. Lênin nói: "Nhiệm vụ thực tiễn của Đảng là lợi dụng tối đa sự hiềm khích và khích bầy phe này chống đối phe kia" (Lênin tuyển tập - tập 8, trang 284). Còn các tác phẩm theo lý tưởng CS thì như thế nào? Người viết phải thay những phạm trù đạo đức học bằng những phạm trù chính trị. Tất cả những tác phẩm ấy là những công trình chính trị của Đảng và chỉ được hoàn thành một cách vè vang khi theo sát đường lối và kỷ luật của Đảng. Ông Toptchiev một triết gia CS viết: "Các khoa học gia của chúng ta không thể và cũng không được đứng trong hậu trường cuộc đấu tranh ý thức hệ giữa chủ nghĩa Cộng Sản và chủ nghĩa Tư Bản". Do vậy các hoạt động xã hội, kinh tế, giáo dục trong nhà nước CS đều phục vụ cho những mục đích chính trị của Đảng. Chính vì vậy mà các đảng viên CSVN phải thay đổi kịp thời quan điểm để thích hợp với sự đột biến trong đường lối của CS Hà Nội. Do vậy mà chúng ta mới nghe những tiếng nói dân chủ từ ông cựu Thủ Tướng Phạm Văn Đồng lúc ông đã 92 tuổi mà ông ta không nghĩ rằng suốt mấy chục năm làm Thủ Tướng đầu bao nhiêu Sắc lệnh, công văn ông ký đã bóp chết những phôi thai dân chủ trong trứng nước. Những tiếng nói dân chủ của ông Trần Độ với những thách thức của ông: "Không có một lực lượng nào bầy giờ diệt được đảng CSVN". Có phải thế không hay là chính sự độc tài tàn bạo của CS, chính sự sát máu của lý tưởng CS là nguyên nhân mà đảng CSVN sẽ tự tiêu diệt. Tất nhiên mọi sự khởi đầu nan. Cuộc cách mạng nào chả bắt đầu từ con số không với hai bàn tay trắng. Cũng bởi vì thế hệ cách mạng đàn anh đi trước, các lực lượng dân tộc dân chủ đi trước để lại cho chúng ta một gia sản lưu vong. Chúng ta cũng nhầm tính rằng: "Nếu cựu Hoàng Bảo Đại không để đất Bắc Kỳ rơi vào tay CS; nếu Cộng Hòa Miền Nam không tuyên bố đầu hàng mà lập căn cứ kháng chiến, hoặc rút ra nước ngoài lập chính phủ lưu vong; nếu người hùng Võ Đại Tôn (Muốn giết Hồ phải vào hang Hồ) tử bỏ vinh hoa phú quý, già tử gia đình thân thương của mình cùng các chiến sĩ Phục Quốc chịu đựng gian khổ, nguy hiểm cầm tù để lấy lại mảnh đất thân thương của mình thành công v.v... thì cuộc cách mạng tự do dân chủ của chúng ta quá ư là thuận lợi, và chúng ta đã trở thành đại lâm chỏ sung rụng (2). Cũng nên nhớ rằng không có một chế độ CS nào tự trao quyền lại cho nhân dân nếu không đấu tranh (đấu tranh chính trị hay vũ trang). Trong cuộc đấu tranh tự do dân chủ, chúng ta cũng không lạc quan tếu, chúng ta cũng không bi quan, chúng ta cũng không quá thần thánh hóa CS để tạo cho mình một bóng ma cộng sản ám ảnh. Ai biết được Liên Xô thành trì vững chắc của CS thế giới lại sụp đổ. Ai biết được lực lượng Mật vụ CS tinh vi KGB hay Stasi tan rã không một tiếng súng. Chỉ có niềm tin là chiến thắng tất cả, và cuộc cách mạng nào lại chả bắt đầu từ con số không:

Nước lã mà vã bên hồ

Tay không mà nổi cờ đỏ môi ngoan

Ai tin được rằng người lãnh đạo cuộc cách mạng "nhung" ông V. Havel ở trong tù lại điều khiển cách mạng dân chủ tự do của nhân dân Tiệp Khắc thắng lợi. Ai tin được phong trào "Hiến Chương 77" đòi dân sinh dân chủ, lúc đầu chỉ có nhà kịch bản ông V. HAVEL và nữ ca sĩ Kubicova ký và ký xong thì hai người lần lượt bị CS bắt đi tù và tất cả các phương tiện thông tin CS ra sức bôi nhọ và lăng mạ họ mà đến sau này "Hiến Chương 77" lại trở thành cơn bão táp quét ngã chế độ CS Tiệp. Ai tin được rằng người công nhân bình thường ở cảng Gdansk ông L. Wales lại lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ Ba Lan thắng lợi...

Lý tưởng CS con đẻ của CNXH, chủ nghĩa chuyên chế. Chủ nghĩa chuyên chế dù là phát-xít hay CS lớn mạnh đều nhờ bạo lực; chiến tranh thôn tính, chiến tranh cướp quyền, những vụ án giả tạo; những lời khai ép buộc vì bị tra tấn; việc loại bỏ quyền lợi tối sự trợ giúp của luật pháp; sự bác bỏ các quyền dân sự, sự có mặt tất cả những điều này là nguồn gốc của sự khủng bố và đó cũng chính là nguyên lý luật pháp của những người CS. Trang bị lý tưởng CS họ đứng trên cả luật pháp, trên nhà nước và chà đạp lên cả quyền lợi của dân tộc họ. Tất cả vì quyền lợi của đảng vì lý tưởng XHCN, họ chà đạp trắng trợn lên những quyền cá nhân tối thiểu:

Tháng chín có chiếu vua ra

Cấm quần không đày, người ta hãi hùng

Vua nào? chế độ CS ở miền Bắc trước kia có thiếu nữ nào dám mặc váy Đàng đã nói: "Đấy là sản phẩm đòi trụ của tư bản". Đấy là lý do tại sao các đội cờ đỏ của Đoàn Thanh Niên CS cánh tay đắc lực của Đảng thập niên 1970 ngang nhiên làm lâm cầm dao cầm kéo rạch quần rạch váy cắt áo cạo đầu ngay trên đường phố Hà Nội thủ đô mấy ngàn năm văn hiến. Nếu không đứng khuôn mẫu thép của CS; tóc 3 phân (3 cm), không âu phục, không quần loe quần bò... và cần trục xuất đạo đức tu sản còn bị làm trong tâm hồn mình, để ngăn ngừa chúng khỏi đưa họ đến chủ nghĩa xét lại hoặc phản đảng. Phải trung thành với lý tưởng CS chính thống của Đảng. Thế là các cuộc đốt hàng hóa tư bản diễn ra khắp nơi ở miền Bắc, cho dù cái kim sợi chỉ mà của tư bản cũng phải đốt phải phá. Cộng thêm những chiến dịch bài trừ văn hóa "phản động" khá nhiều tác phẩm lịch sử, tôn giáo, triết học, nhạc rất quý với sự nghiên cứu của các nhà học giả nổi tiếng cũng bị đốt cháy chỉ vì nó không mang tính Đảng, lý tưởng CS cộng thêm những Đảng viên cầm đầu "có học" nhưng hăng hái đốt sách, báo, văn hóa nghệ thuật (theo báo Lao Động cuối năm 1997 CS lại đốt 16 tấn sách báo tại Sài Gòn). Chính vì vậy mà chúng ta không lạ gì khi những người "giải phóng" vào tiếp quản Sài Gòn mà "Mý-Ngụy" lúc ra đi để lại thành phố hầu như nguyên vẹn dùng AK bắn không tiếc đạn vào các cửa hàng của hiệu bóng lộn, sạch sẽ, dùng lưới lê rạch thảm, ghé bọc nhung... hàng trăm tấn sách bị đốt cháy. Ngày xưa nghe nói vua Tần Thủy Hoàng đốt sách, chôn sống học trò thì tôi chưa thấy chú thấy CS bây giờ quá ư là tàn

bạo và vô học. Tôi còn nói với một anh bạn của tôi "Mỹ-Ngụy" ra đi để nguyên tất cả kể cả tổng kho Long Bình và 16 tấn vàng để cho anh em họ Lê đục khoét. Còn nếu ngược lại "Mỹ-Ngụy" giải phóng miền Bắc vào tiếp quản Hà Nội thì chắc CS để lại một đồng tro tàn chất đầy xương máu dân nếu không ai theo họ rút chạy bởi chính sách "vườn không nhà trống" không ăn được thì đập đổ theo lý tưởng CS của họ, như họ đã làm ở Huế vào năm Mậu Thân 1968 hay họ đốt phá, giết người khá nhiều khi họ rút chạy khỏi Hải Phòng, Hà Nội năm 1946 khi họ tuyên chiến với người Pháp. Tất nhiên bây giờ thì không như thế nữa, tư bản miền Nam đã giải phóng đầu óc CS giáo điều của vô sản miền Bắc nhiều người đã khen CSVN, cũng không thể bịt mắt dân miền Bắc mãi được. Bánh xe lịch sử CS tự níu kéo ngược lại lắm cũng mỏi tay, dòng văn minh tiến bộ của nhân loại thì quá mạnh nên CSVN không chống lại được. Và đó là cái "đổi mới" của CSVN như nhiều người đã khen CSVN, những cái mà các nước khác có hàng trăm năm nay -nay CS mới thả cho dân để mọi cận bã của tư bản, bởi cận bã vô sản hình búa liềm màu đỏ nay không còn hấp dẫn nữa so với cận bã tư bản màu vàng hình đô-la! Chúng ta cũng muốn CS cho dân tộc ta các quyền như cách mạng Pháp 1789 hay được như thời Pháp thuộc thì mấy tay Việt kiều tay sai CS như kiểu Thành Tâm ở vùng Bergstrabe CHLB Đức (3) chắc cũng hết lòng ca ngợi sự nghiệp "đổi mới" không thể phủ nhận được của Đảng. Không biết hẳn có biết đọc báo đảng không? Tôi mong hẳn với bạn xu nịnh CS cần nhìn vào sự thật bằng chính mắt của mình. Tôi cũng trích dẫn một ít số liệu "tiến bộ" khiếm tốn từ báo đảng của hẳn, để hẳn khỏi chối các tổ chức chính trị hải ngoại "phản động" (ngay nay chúng ta ai cũng biết chỉ các chế độ CS là phản động, đi ngược lại quyền lợi của dân tộc mình, còn người dân thì không bao giờ gọi là phản động cả. CSVN cũng dùng ngôn từ phản động, an ninh để trấn áp những đòi hỏi tự do dân chủ của dân tộc ta). Những vụ tham nhũng, vỡ nợ của các công ty quốc doanh như: Dệt Nam Định 500 tỷ; Tamexco 550 tỷ; Imex thành Hồ 850 tỷ; Tổng công ty Dầu Tố Tầm 388 tỷ... Số liệu thất thoát theo thống kê nhà nước CSVN:

- năm 1994 là 10.774 tỷ;
- năm 1995 là 17.024 tỷ;
- năm 1996 là 25.676 tỷ;
- năm 1997 là 34.069 tỷ;
- năm 1998 là ??? tỷ.

Theo tin Bộ Nội Vụ CSVN cả nước có 130.000 gái mãi dâm, có địa phương có trên 80% gái mãi dâm mà khách hàng là những quan chức CS cao cấp.

Theo báo Lao Động cả nước thiếu 698.988 giáo viên, chỉ tính riêng năm 1996 toàn quốc có 50.000 học sinh bỏ học. CSVN chỉ cho mỗi năm mỗi đầu người 7 đô-la cho giáo dục, 5 đô-la cho y tế. Trong khi đó nhà băng quốc tế cho biết (ngay nay thì rõ ràng) có 2.700 các quan chức CS có tiền gửi ở nhà băng nước ngoài từ 50 triệu đến 400 triệu US đô-la.

Theo tin nhà nước CSVN năm 1997 có 63.110 vụ phạm pháp hình sự, có 2.371 vụ

buôn ma túy, hàng trăm nghìn người nghiện ma túy và bị nhiễm vi khuẩn SIDA.

Tất nhiên những con số đó có xa so với sự thật. Đây là những thành tích của đảng trong hơn 10 năm đổi mới (đổi mới), chủ nền kinh tế tư bản với sở hữu tư nhân, kinh tế thị trường đầu là "sản phẩm" mới của CSVN, các nước khác đã có hàng trăm năm nay rồi kia mà! Thế mà mấy anh Việt kiều dòm (tự xưng) như những đồ trang sức lòe loẹt rẻ tiền lại cứ muốn đánh bóng cho thầy ma CSVN với lý tưởng XHCN đã mục nát.

Những phải công nhận sau hơn 10 năm đổi mới CSVN bây giờ mảnh khỏe hơn, thâm độc hơn, tàn bạo hơn. Chúng cũng không bố đê tiện hơn, bản thù hơn như: Vào nhà ông Bảy Trấn ăn cướp, đập vào xe đạp của ông đang đi, làm ông ngã bị chấn thương nặng; húc xe vào người ông Hà Sĩ Phu rồi đổ cho ông ăn cắp tài liệu mật; đập vào xe máy đang đi dự lễ tang ông Bảy Trấn làm Linh mục Chân Tín ngã bị trọng thương nặng khâu nhiều mũi; ông Nguyễn Ngọc Lan cũng bị chấn thương; cắt điện thoại, cắt điện, hù dọa... đối với các ông Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc. Tôi không biết có nước nào đê tiện vô liêm sỉ với dân mình như vậy không, khi CSVN nắm trong tay một lực lượng công an, quân đội gần một triệu người mà họ lại sợ một người dân tay không và đàn áp họ một cách bản thù như vậy? Cũng nên nói với các ngài Việt kiều đang làm ăn với CSVN rằng: Với cái định hướng XHCN thì CS Hà Nội quốc hữu hóa tài sản của các ông bất kỳ lúc nào để chuyển sang sở hữu tập thể XHCN như họ đã từng trắng trợn ăn cướp tài sản của dân miền Bắc trước kia nếu nhà nào đấy khá hơn cái định mức vô sản một tí (như có cái bút Kim Tinh mới, cái xe đạp mới...) tất cả đều tập thể hóa, CS hóa, tài sản tư hữu đều bốc hơi theo lý tưởng CS quang vinh và CSVN cũng đã ký hàng trăm hiệp định, nghị quyết, sửa đổi hiến pháp nhưng có cái nào họ tôn trọng đâu và với lý tưởng CS họ không có thương thuyết mà chỉ có mặc cả.

Với lý tưởng CS, các chế độ CS thường đẩy nhân dân tới chỗ phải chọn một trong hai con đường để không có quyền lựa chọn gì nữa. Lênin nói: "Chỉ có một sự lựa chọn duy nhất ý thức hệ tư sản hay XHCN; không có khác gì người hai ý thức hệ đó". Cộng Sản không công nhận là có các ý thức hệ khác mà CS không hiểu được rằng: trái đất này khá lớn để có thể chứa nhiều trung tâm thí nghiệm, nhiều nơi học tập và nhiều quan điểm khác. Điều này những người CS cuồng tín nên nhận thức rằng cuộc sống trong tự do là căn nguyên đưa đến nhiều hạnh phúc cho nhân loại, hơn bất cứ một cuộc sống bị ép buộc và giả tạo nào. Những người Việt ở hải ngoại chúng ta có kinh nghiệm, và chúng ta có quyền nói lên sự thật hiển nhiên rằng: ở những nơi mà trí não được tự do vận dụng, sự hiểu biết mở rộng đã đem lại nhiều hạnh phúc cho nhân loại trên trái đất này, mức sống con người được nâng cao lên. Vẫn no thời nay cũng vì miếng cơm tấm áo mà bán rẻ lương tâm cho một lý tưởng mà mớ đã vùi chôn trong đồng rác lịch sử. Cái lý tưởng mà đã trở thành trò cười cho thanh,

thiếu niên các nước Đông Âu Cộng Sản cũ. Khi xem họ biểu diễn các vở tuồng, vở kịch không lời: mặc áo đầy huy hiệu, quốc huy CS nhưng không có quần hoặc mặc quần phục CS đứng canh lăng tẩm vua chúa. Hoặc những hình ảnh các Tổng Bí Thư CS diễn thuyết lúc nói ăm no, hạnh phúc thì lúa gạo trong miệng họ cứ tuôn ra như thác, lúc diễn thuyết về hòa bình thì súng đạn ở miệng họ lại tuôn ra như lũ. Hoặc hình ảnh Mác mặc bộ đồ rách bươm như Robinson Cruso đang tay treo cổ mình dưới giá treo cổ búa liềm với dòng chữ "Thiên đường Cộng Sản". Hoặc hình ảnh một đảng viên CS suốt đời chiến đấu cho lý tưởng đang ăn một bữa ăn "đạm bạc" hay tay cầm búa liềm thay cho thìa, đĩa với mẫu bánh mì lý tưởng cứng như đá để nói lên lý tưởng CS "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu". Thuở học sinh tôi thường nghe nhiều về lý tưởng xây dựng XHCN của các "lãnh tụ" CSVN là "Muốn xây dựng XHCN, phải có con người XHCN" có lẽ họ đã thành công xây dựng được một số con người XHCN, những vấn nô già nua bị bịt mắt không thấy được sự chuyển vận của thế giới, của loài người tiến bộ.

Thập niên 1930 khi Hồ Chí Minh cầm được cuốn Mác-Lê "người" sướng quá phải thốt lên "tự do là đây, cơm áo là đây" (4) và cái học thuyết "tự do cơm áo" ấy "người" truyền bá vào VN. Từ đó cái lý tưởng CS xâm nhập vào VN nó phá hoại tất cả luân thường đạo lý của dân tộc. Cái triết lý tu nhân tích đức của đạo Phật mấy nghìn năm nay cũng bị những người CS làm thui chột. Cái cá tính của con người CS cũng biến mất thay vào đấy cái thú tính của Đảng. Lý tưởng CS không những làm mất, hoặc suy giảm cá nhân tính mà còn làm mất luân tính cảm có bản của cá nhân; những tình cảm mà chúng ta luôn luôn coi là nền tảng của các mối liên hệ giữa con người như tình cảm gia đình công cha nghĩa mẹ, tình cảm anh em ruột thịt, tình yêu, tình bằng hữu, sự cảm xúc, sự âu yếm và những tình cảm giao hảo láng giềng. Thay vào đấy cái tình cảm hận thù giai cấp, gieo rắc hận thù sát máu trong tâm hồn những người CS nằm trong công cuộc huấn luyện lý tưởng CS trong các buổi học tập chính trị. Chính vì thế chế độ CS Hà Nội có những câu khẩu hiệu, văn thơ CS tuyên truyền xách động rất điên cuồng, rất hỗn láo xác xược, man rợ trái với đạo lý Phật Giáo của dân tộc ta mấy nghìn năm nay như:

"CNXH hay là chết", thà hy sinh tất cả..."

**"Giết, giết nữa... cho bàn tay không phút nghỉ
Cho ruộng đồng lúa tốt... thuế mau xong"**

**"Không lo lao động làm ăn
Phụng thờ, cúng kiến, lăng nhăng
nguyện cầu"**

**"Trời ở đâu, Phật ở đâu?
Bùa mê, thuốc lú, gọt đầu nhân dân"**

"Máu kêu trả máu, đầu kêu cạo đầu"

Bella V. Dodd gia nhập Đảng khi còn là một giáo sư trường Đại Học New York, cô đã hoạt động nhiều năm cho Đảng. Cô biết mình chỉ được coi là một người CS thực sự khi chấp nhận những hạn chế do Đảng chủ trương. Cô viết: "Lúc trước tôi không thể ghét bất luận cái gì, tôi đau khổ đến tuyệt vọng khi thấy một người nào bị hành hạ... Vậy mà lần lần tôi có thể thù ghét khá nhiều người; những nhóm và phần tử chống lại Đảng... Đảng có một chủ quyền mạnh mẽ trên lương tâm tôi độ có thể bắt lúc nào là phải thù hận" (5). Chính vậy mà những người CS đã giết người không gớm tay. Năm 1918 tức là gần một năm sau "Cách mạng" tháng mười, những người CS Xô Viết đã giết chết tất cả gia đình Nga Hoàng Nikolaus II từ già đến trẻ và tất cả 4 người phục vụ rồi ném mất xác ở Jekaterinburg (năm 1991 theo Sắc lệnh của Chính phủ Nga và Tổng Thống Jelzin cùng sự tích cực tìm tòi của các nhà y khoa, các nhà lịch sử đến nay đã tìm được những xương không nguyên vẹn của Nga Hoàng Nikolaus II, Nữ hoàng Alexandra và 3 Công chúa Olga, Tatjana và Anastasia cùng 4 người phục vụ cho Nga Hoàng gồm: Bác sĩ, phụ bếp và 2 người phục vụ. Còn xương của Công chúa Maria và Hoàng tử Alexej thì chưa tìm ra. Ngày 17.7.1998 trong lễ trọng thể mai táng gia đình Nga Hoàng về nơi an nghỉ cuối cùng ở St. Petersburg nơi ngự trị của Nga Hoàng trước khi bị những người CS bắt đi thủ tiêu. Tổng Thống Nga ông Boris Jelzin đã nghiêng mình kính cẩn trước vong linh vị Hoàng Đế cuối cùng của nước Nga trên thánh đường Peter và Pauls, ông nói: Tội ác tử Jekaterinburg là trang sử nhục nhã nhất của nước Nga". Ngày 17.7.1998, tiếng súng đại bác trong lễ cải táng Nga Hoàng được xem là ngày lịch sử của nước Nga).

Thập niên 1960 trang bị lý tưởng Cộng Sản Mao cùng Cộng Đảng đã làm cuộc "Cách mạng Văn hóa" long trời lở đất ở Trung Cộng, kết quả nhân dân Trung Hoa xương chất thành núi, máu chảy thành sông. Ở Việt Nam vì lý tưởng Cộng Sản, mà đã làm Việt Cộng trở thành thú tính. Con cồi lên đầu đầu tổ để rồi cắt cổ cha, vợ đầu tổ rồi chém đầu chồng... trong cải cách ruộng đất ở miền Bắc 1954. Hàng nghìn người dân Huế cùng những người nước ngoài bị đập chết, hoặc chôn sống trong các mồ chôn tập thể. Cố đô Huế bị đập phá tan hoang các di tích lịch sử trước cuộc tháo chạy (không ăn được thì đập đổ) của Cộng Sản trong trận Mậu Thân 1968 sau 26 ngày chiếm giữ. Thế mà tên CS nằm vùng Hoàng Phủ Ngọc Tường cầm đầu bọn sát nhân đấy còn bào chữa cho những vụ sát nhân đấy cũng như những tên Hitler bào chữa cho những vụ thảm sát của Đức Quốc Xã trong đệ nhị thế chiến. Vì lý tưởng XHCN thanh niên anh dũng tiến lên! mà những nhân viên bàn giấy, nhân viên thư ký, lái xe... được ông chủ hậu đãi sau theo Việt Minh, dẫn CS về giết ông chủ ân huệ của mình trước con mắt ngạc nhiên của ông chủ tại sao họ lại muốn giết ông? Viên thư ký chồm lên si vào mặt ông và nói: "Mày là kẻ bóc lột. Tao không thể đội trời chung với mày. Mày phải chết". Với lý tưởng CS, với vũ khí chuyên

chính vũ sản những người CS họ làm tất cả những gì theo lệnh Đảng; vì Đảng họ chà đạp lên cả lương tâm nhân phẩm của chính mình, họ giết người còn dã man hơn thời trung cổ. Nếu thủ nghĩa phát-xít giết người tàn bạo trắng trợn thì CNCS giết người tàn bạo tinh vi đấy là cái khác nhau giữa cộng sản và phát-xít.

Một cuộc cách mạng được gọi là cách mạng thường thay đổi cái cũ, cái lạc hậu thay vào đấy cái mới, cái tiến bộ. Nhìn lại tất cả những cuộc cách mạng mà người CS tiến hành thì không thể gọi là cách mạng được, mà là những cuộc nổi loạn rồi tiến lên phá loạn. Sau các cuộc "cách mạng" CS là thu được một mảnh đất tan nát với những đồng ruộng tàn, chỉ có lý tưởng CS "vấn anh dũng tiến lên". Có người còn nói với tôi rằng: "Trước kia nhờ Đảng bao cấp nên cuộc sống đỡ khổ hơn".

Tôi hỏi: Thế Đảng rút tiền túi của Đảng ra bao cấp hay là rút từ ngân sách nhà nước? mà ngân sách nhà nước là từ thuế nhân dân mà ra; từ cưỡng bức lao động XHCN mà cướp được? Thật buồn, đến nay mà cũng còn lắm người bị Đảng xô mũi thâm hại như vậy! Hơn nữa theo chính sách "hồng hơn chuyên" của Đảng và Bác nên những kẻ cầm đầu bộ máy nhà nước CSVN, các xí nghiệp thường ngẩn học, ăn rửng ở bụi chiến khu hàng chục năm, làm ăn thua lỗ là chuyện tất nhiên nên Đảng ta mới lấy những chỗ làm ăn được bù cho mấy ông "Đảng Hồng" thua lỗ. Đấy chính sách nhờ "bao cấp" của Đảng như vậy, nó cũng là chính sách trắng đen như nhau, hòa cả làng của Đảng!

Lợi dụng xương máu của nhân dân trong cuộc xâm chiếm miền Nam, HCM nói: Tất cả vì ấm no hạnh phúc của nhân dân". Quảng Bình từng là tuyến đầu tổ quốc XHCN là bàn đạp đi "giải phóng" bọn tư bản miền Nam của Đảng. Nhân dân thì hết lòng vì ấm no hạnh phúc mà Bác và Đảng sẽ mang lại:

Nhà tan của nát cũng ử
Quyết tâm chống Mỹ cực chủ, sướng sau.

Quê hương mà ra ngô gặp "Anh Hùng" như Đảng đã vỗ về. Nay theo thống kê của tỉnh trên báo "Thanh Niên Anh Dũng Tiến Lên" ngày 2.5.1998. Mức thu nhập bình quân của đồng bào tỉnh anh hùng này là 31,68 US đô-la một năm, không bằng tiền ăn của một con Chó hoặc một con Mèo ở CHLB Đức (nước tư bản bóc lột mà anh Việt kiều yêu nước Thành Tân đang ở) trong hai tuần. Mức đời thường trực của đồng bào ở đây trung bình từ 5 đến 10 tháng. Nhiều nhà lấy cả bằng khen, giấy khen anh hùng, bằng tổ quốc ghi công, bằng gia đình liệt sĩ, bằng vàng danh dự của Đảng "bao cấp" ra cứu đói mà cũng không lại, bà con kêu trời không thấu. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của tỉnh hiện tại là 70%. Tỷ lệ mù chữ là 47,3% sau chính sách "bổ túc văn hóa" của Đảng mới gần 1/2 thế kỷ. Các tỉnh không Anh Hùng khác thủ thống kê xem "ấm no hạnh phúc" trời cho bao nhiêu phần trăm, để xem cái đổi mới của Đảng mang lại sau nhiều năm thấm nhuần lý tưởng CS hoang dã. Rồi để cùng nhau khẳng định rằng: Kinh tế thị

trường chỉ áp dụng cho một nhà nước tư bản tự do dân chủ, không thể áp dụng cho nhà nước cộng sản độc tài được. Muốn xã hội tiến lên thì trước hết phải cải cách dân chủ, sau đấy mới đến kinh tế tự do cái mà CSVN đang làm ngược lại đây là nguyên nhân làm đảo lộn xã hội CSVN hôm nay. Và tất cả giá trị tự do dân chủ nhân quyền là mẫu số chung của loài người cũng như tất cả chúng ta đều có nhu cầu ăn mặc. Còn xã hội XHCN "tươi đẹp" gấp nghìn lần xã hội TBCN như thế nào? Xin đọc một số đoạn trích từ báo Pháp Luật, báo có sự giám sát chặt chẽ của Đảng không bao giờ tiết lộ bí mật Nhà nước:

"Hắn đã chặt thi thể của cô bạn gái ra làm nhiều mảnh, lột da, móc mắt... để phi tang". Có phải đó là một kiểu giết người của con người XHCN trong xã hội XHCN ?

"Vì một đôi bông tai trị giá 100 ngàn đồng VN, tên Lê Thị Loan ở thành phố HCM đã giết chết cháu bé 6 tuổi". Đó là đạo lý của con người XHCN !

Phụ huynh đánh cô giáo dưới mái trường XHCN. "Vừa túm tóc, vừa bẻ tay đến mức trọng thương phải đưa vào bệnh viện".

Ông bí thư Thành ủy hạ nhục thầy trước mặt học sinh "Các anh chị chỉ là sinh thực khí...". Mao và Hồ cũng đã coi trí thức: "giá trị không bằng cục phân".

Trang bị lý tưởng CS Việt Nam bao giờ cũng cho mình là "Đỉnh cao của trí tuệ" và đã đạt được như vậy trong xã hội. Với định hướng XHCN; sạch sẽ, lịch sự kiểu "nhà chân đi đất", Văn dụng sáng tạo kế hoạch kiểu "bán Bò tậu ruộng, mua Dê về cày" của Đảng hay Đảng như Anh Hùng Núp bắn Pháp chảy máu trong tiểu thuyết "Đất Nước Đứng Lên" của Nguyễn Ngọc. Tiểu thuyết được giải văn học Cộng Sản, vì chuyện người Pháp chọc chảy máu khi "nô thần" của anh hùng Núp bắn trúng.

Tóm lại vì để thực hiện lý tưởng CS thì người CS sẽ trở thành công cụ của Đảng để đi gây tội ác. Chính vì vậy mà tiêu diệt ý thức hệ CS được tôn là bốn phần của mỗi người đang chiến đấu vì lý tưởng tự do dân chủ và nhất là những người đang cầm bút ●

Chú thích:

- (1) Giáo Đảng - Từ, tôi chỉ những người mù quáng theo CS và tuyên truyền cho CS.
- (2) Chuyện dân gian - Đại Lân đối quá đến cây sung để ăn, lười đến mức anh ta không trèo hái, không nhặt sung ăn mà chỉ nằm chờ quả nào rơi vào miệng mới ăn.
- (3) Báo "An Ninh Hải Phòng" số 293 bài "thư Việt Kiều tại CHLB Đức" của Thành Tâm (có lẽ nhân viên lãnh sự CS ở Berlin, vì không thấy vùng nào là Bergstrabe cả).
- (4) "Con đường đưa tôi đến CN Mác-Lê" HCM nhà XBST Hà Nội 1960.
- (5) Bella V. Dodd "Ngôi trường hắc ám" New York 1957.



DIỄN ĐÀN DÂN CHỦ

CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN VỚI THẾ HỆ TRẺ TẠI VIỆT NAM

Kính thưa Ban Tổ Chức biểu tình,
Kính thưa các đồng hương Việt Nam tham gia biểu tình nhân dịp ngày 1.6. Kỷ Niệm Ngày Quốc Tế Thiếu Niên Nhi Đồng Thế Giới.

Hưởng ứng ngày đấu tranh cho tương lai dân tộc và thế hệ trẻ của Việt Nam. Tôi lên tiếng tố cáo Đảng và Chính quyền Cộng Sản Việt Nam, đưa đất nước đến đói nghèo, lạc hậu, đạo đức suy đồi, tệ nạn xã hội phát triển lan tràn khắp nơi, tai hại đầu độc các trẻ em Việt Nam nghiện ngập ma-túy, trộm cắp, cướp của giết người.

Những ai phê phán sai lầm của Đảng dám nói lên sự thật xấu xa xã hội và đòi hỏi tự do dân chủ nhân quyền thực sự thì bị bắt giam tù. Chính quyền CSVN mở nhiều nhà tù hơn trường học (qua Nghị định số 31/CP ông Võ Văn Kiệt ký ngày 14.4.1997 để chứng minh cho việc này).

Thưa các đồng hương Việt Nam, Mọi người dân Việt Nam đều biết Đảng CSVN đã tuyên truyền nhồi sọ ăn sâu vào đầu óc trẻ thơ từ khi mới bập bẹ học ăn, học nói và học hát. Qua bài hát truyền miệng chúng, mặc dù nó chưa biết đọc, biết viết nhưng đã thuộc lòng:

"Em là búp măng non, em lớn lên trong lòng cách mạng, ơn nhờ có Đảng tiên phong..."

hoặc là:
"Có sách môi áo hoa đây là nhờ ơn Đảng ta Vui tung tăng hoan ca có Đảng cuộc đời nở hoa..."

Câu hát quen thuộc của trẻ thơ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa từ lâu là sự mỉa mai cay đắng. Mọi người hãy suy tư lại thấy được đứa con người tội bần cùng hóa, nhiều đứa trẻ thơ không được cơm no áo ấm, không được học hành như con nhà "quan cách mạng" tư sản địa chủ mới còn gọi là "Tư sản Đỏ".

Nhiều em phải tự lo cho bản thân mình bằng đủ mọi cách để kiếm sống như trẻ em ở nông thôn thì phải mò cua, bắt ốc bán lấy tiền đóng gạo ăn. Trẻ em ở thành thị thì bán nước chè, thuốc lá, bán báo, đánh giày thuê. Đây là những đứa trẻ biết giữ gìn đạo đức trong sáng của dân tộc Việt Nam, sự giáo dục của gia đình tốt. Nếu không sẽ vào trẻ bụi đời, trộm cắp, cướp giật và móc túi kiếm tiền.

Còn thiếu niên lớn tuổi và thanh niên thì sao? Các em phải bỏ học để tham gia vào tệ nạn xấu của xã hội như: trộm cắp, cướp của giết người, buôn gian bán lận, lừa đảo... Những thiếu nữ bán mình xảy ra nhan nhản ở các đô thị và các bến tàu xe trong cả nước.

Đáng buồn hơn nữa là tình trạng nghiện ma-túy trong thanh thiếu niên, nhất là hiện tượng các em gái ở dưới tuổi thành niên bán mình kiếm sống cũng trở nên nghiêm trọng. Hiện tượng đã đến mức báo động từ lâu. Đến nỗi ngày 31.3.93 Ông Bertilind, Đại diện Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Radda Branen (Thụy Điển) tại Hà Nội đã phải viết thư cho Thủ Tướng Võ Văn Kiệt, nội dung có đoạn viết: "Vội tư cách đại diện của một tổ chức đấu tranh thực hiện quyền trẻ em. Tôi trân trọng mời ông ký vào bản cam kết hưởng ứng chiến dịch (chấm dứt nạn ma-túy trẻ em). Mặc dù đã ký vào bản Công Ước Quốc Tế về Quyền Bảo Vệ Trẻ Em.

Nhà cầm quyền CSVN rõ ràng không có một biện pháp thỏa đáng và lâu dài nào để bảo vệ số phận trẻ thơ đang héo mòn ở Việt Nam, chính quyền CS đưa đất nước với sự phân cách giàu nghèo chênh lệch quá xa. Vì cực khổ đói kém lại do chưa đủ nhận thức cho nên bị lôi kéo hoặc bị ép buộc làm mọi nghề kiếm sống kể cả mất đạo đức và phạm pháp miễn là có tiền. Phần lớn các em phải ngủ bến tàu xe, gầm cầu, hè phố. Mỗi đầu vào giữa năm 1998 tệ nạn bọn du côn đi xe máy đã dùng dao sắc cạo râu, rạch mặt trẻ em trên đường phố Hà Nội và một số nơi, nhưng chính quyền CS vẫn chưa dẹp.

Với bản chất CS nhìn đâu cũng thấy kẻ thù phản động, ai phê phán mở miệng để nói thì ghép tội bỏ tù và tìm cách thủ tiêu. Dân nghèo đói lạc hậu, Nhà nước ngăn cấm các tổ chức từ thiện quốc tế hoạt động rộng rãi ở VN. Điển hình cho đến nay chính quyền vẫn không cho các Nữ tu Dòng Thừa Sai Bác Ái của mẹ Tê-rê-xa làm việc trở lại tại VN, lấy lý do các Nữ tu đó đã tìm cách truyền đạo và cấm kỷ niệm 200 năm dòng tu này vào VN tổ chức vào tháng 8.1998 tại Huế.

Từ bấy lâu nay không ai còn lạ gì việc để giữ vai trò độc tôn lãnh đạo, độc quyền tư tưởng của chính quyền CS. Họ sẵn lòng đánh đổi mọi giá hồng giữ vững chế độ và sống trên mồ hôi nước mắt của dân.

Ở Việt Nam ta có khoảng 40% dân số dưới 18 tuổi đa số thành phần nghèo khổ lại phải sống trong tình trạng giáo dục xuống cấp cùng với sự băng hoại về đạo đức xã hội, coi khinh con người nghèo khổ, tương lai non sông VN, có trở nên tươi đẹp hay không. Tổ Quốc Việt Nam ta có sánh vai với các cường quốc năm châu hay không cũng phụ thuộc vào thế hệ trẻ của ta. Trong khi đó thảm cảnh trẻ bụi đời với nền kinh tế nghèo đói là thảm họa cho xã hội ngày mai. Toàn dân Việt Nam phải cương quyết đấu tranh đòi tự do dân chủ và quyền con người được bảo vệ. Đất nước ta phải đa đảng, đa nguyên chính trị thì mới có ấm no hạnh phúc.

Cám ơn quý vị đã theo dõi lời phát biểu của tôi.

• Nguyễn Thị Thúy Luyến
(Aue/Chemnitz)

CHUYỆN CỘNG SẢN VIỆT NAM HAY LÀ VIỆT NAM CỘNG SẢN

Hai triệu ba trăm ngàn người phải lang thang trên đất khách, đất nước mỗi ngày một thể lương, thuần phong mỹ tục không còn, hơn 23 năm CS đã nhận chìm đất nước, dân tộc xuống bùn đen. Đây là tự do? Đây là dân chủ?. Giả tạo gặt găm, lừa đảo. Đã đến lúc chúng ta phải dứt khoát bằng hành động, kiên trì đấu tranh cho đến ngày CSVN tan rã.

Một ông Bộ Trưởng "lô" tham ô mấy trăm tỷ đồng, khi Đảng biết không thể lấp liếm được nữa thì cũng đành phải công bằng trước dân vậy. Lê dĩ nhiên là số tiền lớn như vậy mà ông đã bắt xén, đánh cắp của số kinh phí để làm đường điện 500 KW chạy dọc đất nước từ Bắc vào Nam. Một công trình lớn của VN năm 93-94 thì ông đâu có thể đơn giản mà ăn một mình được. Thôi thì đem ông ra thế vậy và ông đã đi tù.

Nhưng nhà tù của ông ra sao? Một biệt thự, ông sống trong đó sung túc vui đầy đủ tiện nghi, gọi là tù vì ông không được sống cùng vợ với con mà thôi. Ngày lễ, ngày Tết từng đoàn xe con, chở các đảng viên trẻ tới gọi là thăm hỏi "xếp" cũ.

Trong khi đó một kẻ vô học đã làm điều ngu xuẩn, bơi thuyền ra sông, tạt vào gầm cầu Chương Dương tháo những con ốc vít của chân cầu về bán gọi là sắt vụn để lấy mấy chục đồng, thì liền bị xử bắn vì được liệt vào tội phá hoại đất nước.

Phải! một cây cầu mà bị sập làm tổn hại bao nhiêu tiền của của Nhà nước chủ chưa nói đến có thể làm thiệt bao nhiêu mạng người. Nhưng cả một đường điện 500 KW chạy dọc đất nước như vậy mà bị đổ trong khi đang sử dụng, vì không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật thì thủ hỏi nó còn tổn hại biết bao nhiêu.

Cây cầu và đường điện 500 KW này đều là hai công trình, chưa cần nói đến cái nào lớn, cái nào nhỏ, còn hai kẻ phá hoại thì, một là dân ít học, một kẻ là được đảng CS lựa chọn và đào tạo, hơn nữa ông lại là Bộ Trưởng của chính ngành điện. Thật là mỉa mai một Bộ Trưởng của CS đào tạo lại như một kẻ vô học, vậy mà cũng đứng lên làm lãnh đạo.

Dân thì bị xử bắn, còn ông được dành riêng một nhà tù như vậy với một lý do rất tình người của CS "Đồng chí ấy đã là đảng viên lâu năm hơn nữa lại già yếu cho nên không thể để đồng chí như mọi tội phạm khác". Thật sự chế độ CS nhân đạo và tình người vậy sao?! hay là đảng sau nó có những vấn đề khác.

Nói chung, chuyện đã cũ rồi, song sở dĩ hôm nay tôi muốn viết ra đây để chúng ta càng thấy rõ hơn sự bất công, trắng trợn đến thối tha của CSVN và mong rằng tất cả mọi người chúng ta hãy đồng tâm cùng nhau đứng lên, đấu tranh loại bỏ cái chế độ cộng sản ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

• Ly Thu Thao
Klemenplatz 5b
54309 Newel

CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ SỰ ĐỐI LỬA

Nói đến Cộng Sản Việt Nam là người ta nghĩ ngay đến sự đối lửa. Để đạt được mục đích, họ dùng mọi thủ đoạn lửa đối. Họ đối lửa cả một dân tộc. Họ đối lửa trên nhiều lĩnh vực. Ở đây, tôi chỉ đề cập đến sự đối lửa của họ trên lĩnh vực văn học.

Để động viên nhân dân miền Bắc tiến đánh miền Nam, hàng loạt các nhà văn, nhà thơ nổi tiếng sinh sống tại miền Bắc dưới sự chỉ huy của "Đảng" được mang tên các nhà văn, nhà thơ đang sinh sống tại miền Nam. Hàng loạt các tác phẩm kể về đời sống cùng cực của nhân dân miền Nam dưới ách thống trị của "Mỹ Ngụy" ra đời. Hàng loạt các "anh hùng" chống Mỹ "dorm" ở miền Nam được ra đời dưới ngòi bút tưởng tượng của các nhà văn, nhà thơ miền Bắc. Đặc biệt, có hình ảnh anh Trỗi với tính cách "anh hùng" trước họng súng Mỹ và trước cái chết - Phút cuối, trước khi chết, anh đã dùng cầm hồ vang: "Đà đảo Nguyễn Khánh - Đà đảo Mỹ Ngụy - Hồ Chí Minh muôn năm... !" (Lời thơ của Tố Hữu). Đã gây xúc động lớn cho toàn dân miền Bắc từ già đến trẻ, từ miền ngược đến miền xuôi... Đâu đâu cũng ca ngợi anh Trỗi. Đâu đâu cũng có khẩu hiệu tôn vinh anh Trỗi. Đâu đâu cũng vang lên lời thơ, tiếng hát theo gương anh Trỗi. Và cả miền Bắc sôi sục "cầm hồ vang Mỹ Ngụy, quyết giải phóng miền Nam!" theo tiếng gọi của "Bác, Đảng"! Và... Thế là hàng ngàn, hàng triệu thanh niên miền Bắc đã đổ máu hy sinh trên chiến trường miền Nam để cho ngày nay các "ông lớn, bà lớn" cộng sản sung sướng, phê phán trước sự đối khổ cùng cực của nhân dân. Và... Phũ phàng thay - Làm gì có anh Trỗi! Chúng tôi biết được sự thật đó chỉ sau khi cả nước nằm dưới sự thống trị của cộng sản! Khi nhân dân Việt Nam hiểu ra "anh hùng Trỗi" chỉ là anh hùng "dorm" thì đã muộn mất rồi!

Ngày nay, chính quyền cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục đối lửa, không chỉ nhân dân Việt Nam mà cả thế giới. Họ tuyên bố trước thế giới: "Việt Nam có tự do báo chí, tự do ngôn luận, ... Nhưng hễ ai động đến Đảng thì bị Đảng theo dõi, bắt bớ, cầm tù... Gần đây nhất là nhà văn Tiểu Dao Bảo Cự, các ông Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiên Giang, Nguyễn Thanh Giang, Hà Sĩ Phu, Trần Độ... Chúng ta còn để cho chính quyền cộng sản đối lửa dân tộc ta đến bao giờ nữa ?

• Trần Thị Kim Lan

Thư gửi Ông TỔNG BÍ THƯ ĐẢNG CSVN

(Thư này xin ông Đại Sứ Quán VN chuyển giúp tôi các ông lãnh đạo của chính quyền CSVN)

Kính gửi: Ông Tổng Bí Thư Đảng CSVN.
Đồng kính gửi: Ông Chủ Tịch, Ông Thủ Tướng Chính Phủ, Ông Chủ Tịch Quốc Hội Nhà nước VN.

Kính thưa quý ông,

Trước sự khai tử của chủ nghĩa cộng sản quốc tế và sự sụp đổ của các chế độ chuyên chính độc tài tại Đông Âu từ nhiều thập niên qua. Mặc dù vậy, chính quyền CSVN các ông vẫn tiếp tục áp đặt chủ thuyết Mác-Lênin lỗi thời và vận dụng tư tưởng Mao Trạch Đông vào Việt Nam mà đứng đầu là do Đảng CSVN độc quyền lãnh đạo. Thử hỏi rằng đã đem được lợi ích gì cho Dân Tộc? Đất nước có được thống nhất - song nhân dân ta thực sự chưa có Tự do. Bằng nhiều thủ đoạn đàn áp nhân dân như "Cải cách ruộng đất". Bắt bớ, giam cầm, hành hạ dã man những người khác chính kiến với Đảng như vụ "Nhân Văn Giai Phẩm", ngăn cản tự do tín ngưỡng, như chiếm đoạt đất đai - phá hủy chùa chiền, bắt bớ giam cầm vô cớ những vị lãnh đạo tinh thần Tôn Giáo. Huy động lực lượng Bộ đội, Công an đàn áp các cuộc nổi dậy của đồng bào tỉnh Thái Bình, Xuân Lộc..., hai triệu người dân VN đã phải băng rừng vượt biển ra đi tìm tự do. Đã hơn mười năm mở kinh tế thị trường nhưng theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đường lối lãnh đạo vẫn bảo thủ độc tôn Đảng trị. Đây cũng chỉ là cơ hội cho những thành phần lãnh đạo của Đảng từ cấp trên xuống cấp dưới lạm dụng quyền hành tham nhũng tài sản của nhân dân để làm giàu cho một thiểu số lãnh đạo, vậy Đảng chỉ coi trọng lợi ích riêng trên lợi ích của nhân dân, phó thác tình hình đất nước, mặc cho dân đói khổ, nghèo nàn, lạc hậu, xã hội băng hoại, đạo đức bị suy đồi, giáo dục xuống cấp, bất công tràn lan, nạn thất nghiệp gia tăng, bán rẻ tài nguyên cho nước ngoài...

Kính thưa quý ông,

Trước sự nguy cơ tụt hậu của đất nước VN. Chính vì vậy chúng tôi viết Thư này xin gửi tới quý ông và yêu cầu chính quyền CSVN phải trả lại nhân quyền và các quyền tự do dân chủ cho nhân dân VN và thực thi ngay những điều khoản sau:

1. Phải tôn trọng và thực thi ngay Bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền.
2. Phải trả lại tự do ngay tức khắc cho tất cả tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm và các vị lãnh đạo tinh thần Tôn Giáo vẫn còn bị giam giữ.
3. Phải xóa bỏ ngay tức khắc Nghị định CP 31.
4. Phải từ bỏ ngay đường lối lãnh đạo độc tôn đảng trị và thực thi ngay Đa Nguyên Đa Đảng tại Việt Nam.

Đây là nguyện vọng của toàn thể nhân dân VN từ trong nước cũng như ở hải ngoại, yêu cầu quý ông phải thực thi ngay những điều khoản trên đây, hãy vì quyền lợi của dân tộc và sự phồn vinh của đất nước, có như vậy đất nước VN mới nhanh chóng hòa chung vào cộng đồng thế giới

Xin kính chào quý ông và xin chúc quý ông có sức khỏe tốt.

• Nguyễn Văn Đại

(Thay mặt cho các anh chị em người Việt từ Đông Âu đang xin tỵ nạn tại CHLB Đức)

Thơ - Huy Giang

ngựa già
trên đồi
cỏ non

(Kính tặng ĐH. Thiện Hậu,
Tübingen)



mỗi buổi chiều nhạt nắng
trên lưng đồi cỏ xanh
con ngựa già im đứng
hưởng nắng vờn quanh quanh

thời gian cùng vạn vật
vẫn bốn mùa điểm trang
vẫn hiện ngang đá, suối
vẫn nguồn nước miên man

vẫn hoa vàng - lá tuyết
thơ thả nở - rồi tàn
như ngày với - đêm lại
sóng lùa ánh nguyệt tan!

vẫn chuông Chùa vang vọng
giữa loạn đời sân, si
nghiệt oan, tham, oán, hận
sung sướng và chia ly...

con ngựa già im đứng
lãng quên kỷ niệm xưa
quanh vùng non búp cỏ
quanh trời rộng bao la

con ngựa già đứng mãi
lắng hồi chuông ngân nga
tịnh lòng về bến Giác
Nam-Mô khổ nạn qua.

Giới thiệu
"THUẬT THÀNH CÔNG"
xây dựng quốc gia
dân chủ thời đại mới
của Tác giả Vinh Đức
(Nhà xuất bản Hoa Tiên Rồng - Úc)

Mười năm trước đây tôi tiếp người em kết nghĩa tại tư thất ở thủ đô Vương quốc Bỉ tâm tình từ chuyện văn chương đến vận nước. Sau đó ít lâu chú em đi cùng cựu Ngoại trưởng Trần Văn Lắm vận động đoàn kết người Việt quốc gia. Lúc đó Vinh Đức là Chủ nhiệm Nguyệt san VI Nước ở Úc với nhiều bút hiệu khác nhau.

Vinh Đức là bào đệ của ông Giám Sát Nguyễn Đức Xích, người đã bị Việt Cộng giết trong trại cải tạo Vườn Đào, Cai Lậy, vào tháng 3 năm 1980, và bào huynh của Nam Thiên Nguyễn Đức Sách tác giả bộ Kinh Việt. Ông đến Úc năm 1980, sau khi phải trả một cái giá thật đắt cho tự do, bằng chính mạng sống của người bạn đường của mình.

Ngay khi đến Úc, Vinh Đức đã tham gia vào tổ chức Phục Quốc và là một trong những sáng lập viên Trường Hoa Tiên Rồng đặt vấn đề lý thuyết, chiều sâu vào việc dựng lại Mùa Xuân Dân Tộc. Qua những sinh hoạt chính trị và văn hóa kể trên, Vinh Đức đã đi lại nhiều nơi trên thế giới, lúc âm thầm lúc công khai với ước vọng khai phá một lối đi cho quê hương dân tộc.

Mười năm trước đây người em kết nghĩa với bút hiệu Nguyễn Dũng cho chào đời tác phẩm *Đi Tìm Mùa Xuân Dân Tộc*. Sau khi đọc tác phẩm này tôi viết thư chúc tụng và chờ đợi tác phẩm tiếp theo. Sau gần mười năm, người *Đi Tìm Mùa Xuân Dân Tộc* bắt tay vào việc *Xây Dựng Quốc Gia Dân Chủ Thời Đại Mới*.

Phải mất một thập niên để anh em Hoa Tiên Rồng bắt đầu xây dựng quốc gia thì quả cũng không phải là một thời gian dài.

Tựa cuốn sách nói lên sự thành công chắc chắn cho những ai noi theo những nguyên tắc mà Vinh Đức và các học viên ưu tú của Trường Hoa Tiên Rồng đã dày công nghiên cứu, biên soạn các tài liệu huấn luyện cán bộ, nay được tóm lược để in thành sách, để đại chúng hóa môn chính trị và lãnh đạo, mà đa số đều cho là khô khan, khó hiểu.

Trong Thuật Thành Công Xây Dựng Quốc Gia Dân Chủ Thời Đại Mới chúng ta thấy tác giả đã tổng hợp được phần tinh túy

các lý thuyết, triết thuyết từ Đông sang Tây, từ cổ chí kim với tinh hoa chính trị dân tộc. Tác giả đã đơn giản hóa những từ ngữ bác học, những hình ảnh trừu tượng thành gần gũi với số đông bình dân qua thể văn bình dị, với nhiều thí dụ sát thực tế phù hợp với trình độ nhiều người muốn tìm hiểu, mở mang kiến thức để trở thành chính gia của thời đại dân chủ.

Sách được chia làm hai phần: phần đầu thuộc về chính trị; phần sau luận về lãnh đạo.

Tác giả dẫn dắt người đọc về lại thời xa xưa, thuở phát sinh nhu cầu chính trị đầu tiên với ý nghĩa tốt đẹp mà nó mang trong suốt tiến trình phát triển xã hội loài người.

Sau khi lược qua những kiến thức căn bản về chính trị, điều mà một người tranh đấu chính trị không thể thiếu. Sách kiểm điểm lại các tổ chức đấu tranh và đảng chính trị đã ra đời từ ngày thực dân Pháp xâm lăng nước ta cho đến nay. Tác giả đưa người đọc vào những biến chuyển chính trị của thế giới ảnh hưởng đến Việt Nam. Và ông không che giấu sự lo sợ cho tương lai Việt Nam, không khéo sẽ trở thành bãi rác chửa đồ phế thải hủy hoại môi sinh, và dân mình sẽ là những nô lệ của ngoại nhân trên chính quê hương của mình, bởi tập đoàn ngu dốt và kiêu căng.

Sang phần lãnh đạo, người đọc dù khó tánh vẫn phải đồng ý với tác giả, là muốn lãnh đạo cần vượt thắng chính mình. Sách đã cố gắng trình bày để cho giới Trẻ có đức tính tự tin, những bài học quý giá để trau dồi khả năng lãnh đạo.

Thuật Thành Công là một tác phẩm chuyên đề chính trị và lãnh đạo, một tác phẩm lý luận nhưng không mang nặng về lý luận, và là một tác phẩm được cấu kết bởi sáng tạo khoa học, nhưng đã được hạn chế tối thiểu những từ ngữ chuyên môn khoa học.



Một tác phẩm văn chương mà được đọc giả hân hoan đón nhận đã là một việc khó. Một tác phẩm chính trị và lãnh đạo mà được đọc giả đón nhận lại là một việc khó khăn hơn. Nhưng chúng tôi tin rằng Thuật Thành Công sẽ không làm cho đọc giả thất vọng và là một tác phẩm cần thiết cho tổ chức, cán bộ chính trị để thành công trong việc xây dựng quốc gia thời đại mới.

Ta hãy nghe nhà văn Vinh Đức Nguyễn Đức Đơn luận về Thuật đọc tư tưởng dẫn đến sự thành công của các danh nhân kim cổ:

... Chính từ bước căn bản đọc tư tưởng, cộng thêm sự đam mê nghiên cứu phù hợp khả năng, đã sản sinh những nhân vật lãnh đạo lớn ở nhiều lãnh vực khác nhau, từ khoa học thực nghiệm đến huyền bí. Rồi nghiên cứu sâu vào chuyên môn, các nhà văn, nhà thơ viết lại tâm sự, ý tưởng của đồ vật, sanh vật, các hiền triết tìm ra các tính xấu chung của con người và đưa ra lời khuyên răn, hầu thay đổi bộ mặt xã hội được tốt hơn. Và cũng từ đọc tư tưởng trong lãnh vực huyền nhiệm sản sinh khoa huyền bí như: bói toán, tướng số, nhìn sao trên trời biết chuyện dưới đất, sống hôm nay đoán chuyện xảy ra vài trăm năm sau, như trường hợp Tiên tri Nostradamus của Pháp và Trạng Trình Nguyễn Bình Khiên của Việt Nam.

Về cụ Trạng trình, có rất nhiều giai thoại đã đi vào văn học sử. Ở đây chúng ta chỉ xét đến hai trường hợp liên quan đến tình hình chính trị của thời cụ sống:

1. Thời Lê mạt có hai thế lực mạnh, kinh chống nhau, là hai dòng họ Chúa Trịnh và Nguyễn. Khi Chúa Nguyễn Hoàng vấn kế, cụ phân: "*Hoàn sơn nhất đại vạn đại chung thân*". Chúa Nguyễn y lời cụ, đi xuống Hoàn Sơn ở phương Nam lập nghiệp, tránh họa binh đao.

2. Thường những lời cụ dạy là những câu nói bóng, do đó người nghe cần phải chiêm nghiệm, suy đoán. Trong thời đó có lần Trịnh Kiểm cho người đến thỉnh ý cụ là có nên phế nhà Lê hay không? Cụ bảo: "*Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, nên dùng giống cũ mà gieo*". Rồi cụ lại bảo: "*Giữ chùa thờ bụt thì được an ổn*".

Với hai chuyện trên, ta thấy cụ Trạng Trình quả là một nhân vật xuất chúng, cụ đã đọc được tư tưởng các chúa Trịnh, Nguyễn và chỉ cần vài câu nói bóng, cụ đưa nước nhà thoát cảnh loạn ly, quân binh thế lực chính trị vào thời cụ sống. Ngoài ra các lời tiên báo của cụ đã được ứng nghiệm và ảnh hưởng sâu rộng trên cuộc sống của dân Việt đến ngày nay.

Có lẽ, chuyện đọc tư tưởng người của cụ Trạng ở tột đỉnh, đến mức tiên tri, đoán chuyện tương lai như thần.

Bây giờ, chúng ta bước sang phương diện khác của khả năng đọc tư tưởng người ở mức độ thấp hơn cụ Trạng Trình.

Về mặt quân sự, ta thường nghe nói đến Tôn Ngô binh pháp. Về giai thoại hay lịch sử xoay quanh chuyện binh thư, ta nghe chuyện Tôn Tấn với Bàn Quyên, hai người học binh thư với Quý Cốc. Qua thời gian gần gũi dạy dỗ, quan sát cử chỉ, thái độ, Quý Cốc hiểu được tâm tính của học trò: Tôn Tấn có tài lẫn đức, Bàn Quyên có tài thiếu đức. Vì thế, trước khi cho "xuống núi", ông căn dặn Tôn Tấn: "Hãy đề phòng Bàn Quyên ám hại". Dù biết trước, nhưng Tôn Tấn không tránh được việc bị Bàn Quyên hại.

Nguyên khi xuống núi, Bàn Quyên vốn lanh lợi nên được vua nước Ngụy là Huệ

Vương phong làm tướng quân. Bấy giờ Bàng Quyên cho người liên lạc mời Tôn Tấn về hợp tác, và Bàng Quyên biết Tôn Tấn giỏi hơn mình, rồi vì ganh tài, Bàng Quyên kết tội Tôn Tấn, xâm phạm trên mặt và chặt cả hai chân để Tôn Tấn hết đường thi thố tài năng.

Bàng Quyên tưởng như thế là xong đời Tôn Tấn, nào ngờ Tôn Tấn lên gặp Sứ nước Tề và đem binh pháp ra thuyết. Sứ nước Tề nhận thấy Tôn Tấn là một kỳ tài, bèn đưa ông về nước Tề. Bấy giờ, tướng nước Tề là Điền Kỵ tìm gặp ông, trao đổi kiến thức hành binh đánh trận và rất phục tài ông. Sau đó Điền Kỵ giới thiệu Tôn Tấn với Tề Uy Vương. Vua Tề hỏi Tôn Tấn về binh pháp rồi tôn ông làm thầy.

Lúc Ngụy đánh Triệu, và Triệu cầu cứu Tề, Tề Uy Vương muốn phong Tôn Tấn làm tướng, Tôn Tấn tâu: "Người bị tội, thân hình không toàn vẹn không nên làm tướng". Tề Vương bèn cử Đoàn Kỵ làm tướng, Tôn Tấn làm quân sư. Lần đó, Tề thắng lớn, giải nguy cho Triệu, đánh tan quân Ngụy ở Quế Lăng.

Mười ba năm sau, Ngụy và Triệu đánh Hàn. Hàn xin Tề cứu. Tề đem quân đánh Ngụy. Tướng của Ngụy là Bàng Quyên từ Hàn kéo quân về tiếp cứu. Tôn Tấn bảo với Điền Kỵ:

- Quân Ngụy cho quân Tề là nhát nên coi thường, vậy hãy ra lệnh cho quân sĩ, ngày đầu làm mười vạn bếp, ngày thứ hai năm vạn, và ngày thứ ba làm ba vạn bếp. (Thời đó mỗi binh sĩ đào lỗ nhỏ dưới đất để làm bếp nấu ăn).

Sau ba ngày quan sát tình hình quân địch, Bàng Quyên mừng thầm: "Quân Tề nhát quá, kéo vào đất ta, ba ngày đã trốn quá nửa". Ông bèn chọn lính giỏi, dùng vũ khí nhẹ, gia tăng tốc độ truy kích quân Tề.

Tôn Tấn biết đến tối, quân Ngụy sẽ tới chỗ hiểm trở có đồi núi hai bên. Ông cho quân xạ tiễn mai phục và cho đeo vỏ một thân cây lòn, viết vào mấy chữ: "Bàng Quyên chết dưới gốc cây này", và chỉ thị quân xạ tiễn: "Tối nay thấy đốt lửa thì bắn".

Quả nhiên Tôn Tấn đọc tư tưởng Bàng Quyên không sai. Tối đó, Bàng Quyên thấy có chữ viết trên thân cây thì đốt lửa lên coi, đọc chưa hết thì quân Tề thi nhau nhà tên, quân Ngụy số chết, số bỏ chạy. Bàng Quyên biết mình thua nên than rằng: "Thế là nó thành danh", rồi cắt cổ tự sát.

Đọc chuyện trên ta thấy, Tôn Tấn đoán như thần, ông đọc tư tưởng Bàng Quyên không sai một ly, và ông đã chiến thắng. Cũng trong chuyện trên ta thấy, khoảng thời gian đó Tôn Tấn đâu có giáp mặt Bàng Quyên thì làm sao ông nhìn thấy cử chỉ, thái độ, động tác, giọng nói của Bàng Quyên để ông đọc tư tưởng Bàng Quyên được? Như thế ta có thể kết luận là Tôn Tấn đọc tư tưởng Bàng Quyên ở cấp độ khác, qua bản tính, thói quen suy nghĩ cũng trình độ, cùng nguồn gốc hiểu biết về binh pháp.

Trở lại bước căn bản của khả năng đọc tư tưởng người, ta có thể khẳng định rằng thuật xem tướng là bước căn bản quan sát cử chỉ, thái độ, động tác, âm thanh giọng nói để đoán người, biết người trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Nền tảng tướng học, tựu trung ở câu: "Nhất sắc, nhì thanh, tam hình, tứ tướng", và các thầy tướng khai triển từ gốc đó rồi cộng thêm một số kinh nghiệm để đoán thời vận cho người.

Dù biết thế, ta không cần phát triển khả năng đọc tư tưởng người theo mặt huyền bí, tuy có một số lợi ích, nhưng không mang đến kết quả thực tiễn trong việc lãnh đạo...

... Tóm lại, muốn thành công ta không thể thiếu khả năng đọc tư tưởng người. Thiếu nó ta không biết bạn của ta, khách hàng, đối thủ của ta muốn gì, nghĩ gì và sẽ làm gì, nên không tìm ra phương cách đáp ứng thích hợp, để thành công. Ngoài ra, để thành công trong kinh doanh, ta chia khách hàng theo lứa tuổi, thành phần xã hội, và nghiên cứu nhu cầu mỗi loại người đối với thương vụ, nghiệp vụ hay dịch vụ của ta.

Muốn làm chính trị thành công thì ngoài khả năng đọc tư tưởng người, ta cần phát triển thêm việc đọc tư tưởng một tập thể, tức hội đoàn, đảng chính trị và chính sách của quốc gia, để từ đó tìm phương cách tốt nhất làm cho Việt Nam thoát cảnh bế tắc hiện nay thực sớm hầu hội nhập vào thế giới văn minh tiến bộ...

Tác phẩm Thuật Thành Công của nhà chính luận Vinh Đức Nguyễn Đức Đón cộng thêm với nhiều tác phẩm khác của nhà xuất bản Hoa Tiên Rồng làm cho riêng tôi vô cùng ngưỡng mộ với rất nhiều kính phục những nhà chủ trương nhà xuất bản văn hóa này: ngưỡng mộ vì tâm thức, vì công trình kiên trì lâu dài của những con người đau lòng vì vận nước, ưu tư vì tiền đồ văn hóa Việt... để suốt bao tháng ngày ly hương đúc kết thành một pho sách văn hóa Việt như một cuốn kinh tôn giáo (tôi đang nghĩ đến cuốn kinh Việt, tác phẩm văn hóa không tiền khoáng hậu của nhà văn hóa Nam Thiên Nguyễn Đức Sách cùng của nhà xuất bản Hoa Tiên Rồng này). Với cuốn Đi Tìm Mùa Xuân Dân Tộc xuất bản cách đây 8 năm cùng một tác giả Nguyễn Đức Đón, qua nhiều mẫu chuyện đầy suy tư, hấp dẫn và thú vị. Chính trị học đã trở thành một nền Đạo Học Việt Nam. Đến cuốn Thuật Thành Công này, công cuộc Dựng Nước và Giữ Nước của tiền nhân mà ngày nay chúng ta kế thừa và phát huy thì chính trị học trở về căn bản của nền Triết Học Quang Phục Quê Hương đó vậy. Cũng là người làm Văn Hóa, tôi xin hết lòng thán phục.

Địa chỉ liên lạc:
Vinh Đức Nguyễn Đức Đón
Nhà xuất bản Hoa Tiên Rồng
30 Freeman Rd.
Durack - 4077 AUSTRALIA

● Lê Mỹ Như Ý

Thương Cha



*Tri ân tình Mẹ cho con,
Tri ân phụ tử sắt son thâm tình,
Tri ân tình cảm gia đình,
Bằng hơi thở ấm trăm nghìn vạn
vương!*

*Trái tim còn nhịp yêu thương,
Bước chân còn dọ dẫm đường tương
lai,*

*Thì... còn văng vẳng bên tai,
Lời Cha khuyên nhủ hằng ngày đau
quên!!*

*Mai này cuộc sống lênh đênh,
Thành công thất bại hư nên chuyện
thường!*

*Vẫn hoài thương nhớ song đường,
Dáng Cha, bóng Mẹ gió sương nơi
nào?*

*Quê nhà Cha sống ra sao?
Nơi đây con thấy lòng nao nao buồn!
Đời người như một vở tuồng
Nay vui, mai khổ, một buồn, ai hay?*

*Hôm nay thế sự đổi thay,
Thương Cha, nhớ Mẹ, quất quay cối
lòng*

*Ra đi chấp nhận long đong,
Dấu xa ngàn dặm vẫn mong ngày về!*

*Mắt già mòn mỏi nơi quê,
Ly con biệt cháu lệ thê nỗi sầu.
Phải chi có phép nhiệm màu,
Con về nơi đó giải sầu cho Cha!*

*Ở đây ngày tháng trôi qua,
Lòng con thương nhớ thiết tha vô
ngàn,*

*Cầu xin Trời Phật gia ân,
Cho con được có một lần về thăm!*

(17.9.1998)

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

☐ NGÀY 2.9.1998

● **Lời yêu sách của 4 Giải Nobel đã một phần thể hiện, Ba vị Giáo phẩm cao cấp của GHPGVNTN vừa được trả tự do: HT Thích Quảng Độ, TT. Thích Tuệ Sỹ và TT. Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát)**

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế vừa được Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) trong nước cho biết tin ba vị Giáo phẩm cao cấp vừa được trả tự do trong dịp đặc xá của Nhà nước XHCN Việt Nam. Hòa Thượng tiến sĩ **Thích Quảng Độ** ra khỏi trại B.14 ở gần Hà Nội ngày hôm qua và vừa đến phi trường Tân Sơn Nhất lúc 13 giờ 45 sáng nay 2.9.98. Vé máy bay do Phật Tử Hà Nội mua tặng. Mặc dù không được chính quyền thông báo, và cũng có lệnh không được tụ tập đông người tại phi trường, nhưng 500 Tăng, Ni, Phật Tử đã tự động mang hoa ra đón Ngài và chụp hình lưu niệm; giá hoa tại phi trường tăng vọt gấp đôi nhưng không đủ hoa bán cho mọi người. Cùng ngày hôm qua, Thượng Tọa giáo sư **Thích Tuệ Sỹ** rời khỏi trại Ba Sao, tỉnh Nam Hà, đi Hà Nội gặp HT. Quảng Độ. Thượng Tọa đã lấy chuyến tàu lửa tối qua và sẽ đến Sài Gòn vào trưa ngày mai 3.9.98. Còn Thượng Tọa tiến sĩ **Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát)** rời trại giam Z30A, Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, về tới Sài Gòn ngày thứ hai 31.8.98.

Hòa Thượng **Thích Quảng Độ** (thê danh **Đặng Phúc Tuệ**), năm nay 70 tuổi, nhà văn và học giả, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, đã bị tù đày và quản thúc 18 năm qua. Bị bắt lần đầu năm 1977, bị ngược đãi và biệt giam trong vòng 20 tháng. Nhờ áp lực quốc tế, Hòa Thượng được trả tự do năm 1978. Bị bắt lại tháng 2 năm 1982, vì chống đối việc Đảng CS cưỡng chiếm các cơ sở của Giáo Hội, giải thể mọi cơ cấu sinh hoạt của GHPGVNTN để thành lập Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước làm công cụ chính trị cho Đảng. Hòa Thượng bị đưa về quản thúc nơi nguyên quán ở tỉnh Thái Bình trong vòng 10 năm không lý do, không xét xử. Năm 1992, Hòa Thượng tự ý bỏ nơi quản thúc, trở về Sài Gòn ở tại Thanh Minh Thiền Viện. Ngày 4.1.95, Hòa Thượng **Quảng Độ** bị bắt trở lại. Tòa án Nhân dân TP Hồ Chí Minh ngày

15.8.95 xử Hòa Thượng 5 năm tù cấm cố, vì tội "*lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước*". Thực tế, là vì Hòa Thượng đã gửi một thư ngỏ cho Tổng Bí Thư Đỗ Mười kèm theo tài liệu "**Nhận định về những sai lầm của Đảng Cộng Sản đối với dân tộc và Phật Giáo Việt Nam**". Tài liệu này được Hòa Thượng trao cho ông Louis Joinet, nguyên Chủ tịch Tổ Hành Động chống bắt bớ trái phép của Liên Hiệp Quốc, tại Sài Gòn vào lúc 18 giờ ngày 30.10.94, khi ông này đi điều tra tình trạng các nhà tù, trại cải tạo ở Việt Nam. Sau đó tài liệu đã được Cơ sở Quê Mẹ và Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế ấn hành tại Paris. Tại phiên tòa Hòa Thượng cũng bị kết tội việc tổ chức Phái đoàn Phật Giáo đi cầu trợ nạn nhân lũ lụt ở đồng bằng Sông Cửu Long. Nơi giam cuối cùng của Hòa Thượng là trại B.14 ở Thanh Liệt gần Hà Nội. Trại giam nổi tiếng khủng khiếp. Tại khóa họp tháng 12 năm 1997, Tổ Hành Động chống bắt bớ trái phép của LHQ đã lấy quyết định tuyên xướng Hòa Thượng cùng với hai Đại Đức **Thích Trí Tụu, Thích Thiện Minh** là tù nhân vì lương thức bị bắt bớ trái phép. Năm 1978, Hòa Thượng **Thích Quảng Độ** cùng với Hòa Thượng **Thích Huyền Quang** được đưa tên vào danh sách đề nghị lãnh giải Nobel.

Thượng Tọa giáo sư **Thích Tuệ Sỹ** (thê danh **Phạm Văn Thuởng**), sinh năm 1943, triết gia, học giả, thi sĩ. Giáo sư triết học tại Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn. Tác giả nổi tiếng về Trung Quán Luận, triết học Đông phương và triết học ti giáo Đông Tây. Những khóa giảng về Heidegger, Michel Foucault, v.v... gây hứng thú giới sinh viên thời ấy và gây lòng ngưỡng phục trong giới thức giả Việt Nam. Thượng Tọa Tuệ Sỹ bị bắt chung với TT. Lê Mạnh Thát cùng với 19 Tăng, Ni, Cử sĩ Phật giáo năm 1984. Phiên tòa ngày 30.9.88 tại TP Hồ Chí Minh đã xử tử hình hai Thượng Tọa cùng với ông Trần Văn Lương về tội "*âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân*". Nhờ cuộc vận động của Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam và áp lực quốc tế mạnh mẽ, án tử hình giảm xuống 20 năm tù khổ sai (cho cả 3 vị). Bị giam tại trại A.20, tỉnh Phú Yên, cho đến năm 1994. Do tham dự với trên 200 tù chính trị biểu tình yêu sách gặp Phái đoàn điều tra LHQ, do ông Louis Joinet cầm đầu, đến Phú Yên ngày 29.10.94, 100 tù nhân chính trị đã bị đày ra các trại cải tạo khổ hình ở miền Bắc và Thanh Hóa, Thượng Tọa Tuệ Sỹ bị đưa đến trại Ba Sao, tỉnh Nam Hà, cuối năm 94, và ở đấy cho đến ngày hôm nay.

Thượng Tọa tiến sĩ **Thích Trí Siêu** (thê danh **Lê Mạnh Thát**), sinh năm 1943, một nhà sử học nổi danh. Tốt nghiệp hai bằng Tiến sĩ Triết học và Sử học, cũng như Bác sĩ Y khoa tại Đại Học Madison ở Wisconsin, Hoa Kỳ. Về Việt Nam, Thượng Tọa dạy tại Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn. Tác giả của hàng chục cuốn sách khảo cứu độc đáo về lịch sử Việt Nam và lịch sử Phật Giáo ở 10

thế kỷ đầu Bắc thuộc. Giai đoạn hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào nghiêm chỉnh. Bị bắt cùng với Giáo sư triết gia Thích Tuệ Sỹ và 19 Tăng Ni, Cử sĩ Phật Giáo năm 1984. Hai Thượng Tọa Trí Siêu và Tuệ Sỹ bị kết án tử hình cùng với ông Trần Văn Lương qua phiên tòa xử tại TP Hồ Chí Minh năm 1988. Nhưng do cuộc vận động của Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam và dưới áp lực quốc tế, án giảm xuống 20 năm tù khổ sai cho cả 3 người. Thượng Tọa bị đưa về giam ở trại Z30A ở Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, cho đến ngày 31.8.98. Là một nhà bác học, thông thạo 7 thứ tiếng (Anh, Đức, Pháp, Hán, Tây Tạng, Phạn, Pali), nên GHPGVNTN đã nhờ Thượng Tọa Lê Mạnh Thát cùng với Thượng Tọa Tuệ Sỹ trước tác bộ "*Bách khoa đại từ điển về Phật Giáo Việt Nam*". Nhưng công trình bị gián đoạn khi hai vị bị bắt năm 1984.

Nhiều chính phủ Âu, Á, Mỹ, Úc, LHQ cũng như nhiều tổ chức Nhân quyền, Nghiệp đoàn trong thế giới, cũng như Cộng đồng Việt Nam hải ngoại đã liên tiếp vận động kiên trì bao nhiêu năm qua, gây áp lực mạnh mẽ, mới đưa đến kết quả ngày hôm nay.

Tháng 5 vừa qua, **bốn nhà lãnh đạo giải Nobel Hòa Bình và Y Học** đã ký tên trong thư chung gọi nhà cầm quyền Hà Nội yêu sách trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho Tiến sĩ **Thích Quảng Độ**, Giáo sư **Thích Tuệ Sỹ**, Tiến sĩ **Lê Mạnh Thát** và nhiều vị Giáo phẩm cao cấp của GHPGVNTN khác, như Hòa Thượng lãnh đạo **Thích Huyền Quang**, các Thượng Tọa **Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban** và Đại Đức **Thích Trí Tụu**. Bốn vị lãnh giải Nobel ấy là: Đức **Dalai Lama** (Giáo chủ Tây Tạng), Bác sĩ giáo sư **François Jacob** (Pháp), **Jose Ramos-Horta** (Đông Timor), và nhà văn **Mairead Corrigan Maguire** (Ái Nhĩ Lan). Trong thư gửi chính quyền Hà Nội có đoạn viết "*Bằng sự cảm đoán Giáo hội truyền thống, tức Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, hoạt động và giam tù các nhà lãnh đạo Giáo hội này, quý Ngài đang đàn áp tinh thần của đa số người Việt và làm nguy hại cho sự tái thiết một xã hội thịnh vượng tại Việt Nam*".

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, cơ quan ngôn luận của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, xin cất lời kêu gọi Chính quyền XHCN Việt Nam sau đợt đặc xá, hãy tiến thêm bước nữa, để:

1. Phục hồi quyền sinh hoạt của GHPGVNTN cũng như bảo đảm mọi quyền tự do và sinh hoạt tôn giáo của GHPGVNTN;

2. Trả lại tất cả tài sản, các cơ sở giáo dục, văn hóa, xã hội, từ thiện, chùa viện của Giáo Hội bị cưỡng chiếm từ sau năm 1975; và mặt khác

3. Trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho tất cả Tăng, Ni, Cử sĩ Phật tử còn bị tù đày, quản thúc, hoặc bị đưa vào quy chế "quản chế hành chính" của Chi thị 31/CP,

vi lý do biểu tỏ ôn hòa yêu sách tự do tôn giáo của họ. Đặc biệt, Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang (thê danh Lê Đình Nhân) bị bắt từ năm 1982 và hiện đang quản chế tại Quảng Ngãi, các Thượng Tọa Thích Không Tánh (thê danh Phan Ngọc Ẩn), Thích Nhật Ban (thê danh Hồ Bửu Hoa), Thích Huệ Đăng (thê danh Nguyễn Ngọc Đạt), các Đại Đức Thích Trí Tụ (thê danh Lê Quang Vinh) và Thích Thiện Minh (thê danh Huỳnh Văn Ba).

Làm tại Paris, ngày 2.9.1998

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế

☐ NGÀY 7.9.1998

● HT Thích Quảng Độ gửi lời cảm ơn nồng nhiệt đến các Chính phủ, Cơ quan, Tổ chức quốc tế và GHPGVNTN ở hải ngoại đã đấu tranh cho nhân quyền và tự do tôn giáo tại Việt Nam

● TT. Thích Tuệ Sỹ tuyệt thực 10 ngày trước khi ra tù.

● TT. Thích Trí Siêu sắp công bố những khám phá về lịch sử Phật Giáo Việt Nam.

Liên sau khi Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thượng Tọa Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ vừa ra khỏi nhà tù, Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế đã được hầu chuyện qua điện thoại từ Paris.

* Vừa về đến Thanh Minh Thiền Viện ở Sài Gòn chiều ngày 2.9.98, Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã nhờ Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, cơ quan phát ngôn của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN), gửi lời cảm ơn nồng nhiệt đến các Chính phủ và nhân dân yêu chuộng tự do trong thế giới, các Cơ quan quốc tế, Tổ chức LHQ, và chư Tôn Đức, Phật Tử Việt Nam ở hải ngoại đã quan tâm vận động cho hàng giáo phẩm cũng như Hòa Thượng trong những ngày khó khăn, lao lý. Ngài nói: "Tôi rất xúc động mỗi khi nghe tin. Và xin cảm ơn đến sự quan tâm đối với chúng tôi, không riêng tôi mà cả Thầy Huyền Quang, tất cả các anh em ở bên nhà. Nhờ những hoạt động đó, mà ở nhà họ phải nổi tay cho chúng tôi, đối xử tương đối tử tế hơn thời 1977 nhiều lắm, họ phải đặc biệt quan tâm chữ không thể coi thường mình được đâu".

Trả lời câu hỏi Hòa Thượng có bị đặt điều kiện ra nước ngoài để được trả tự do không. Hòa Thượng trả lời: "Không điều kiện gì cả. Họ biết tính khí tôi rồi, có đặt điều kiện tôi cũng không chấp nhận, mà

tôi cũng không đi. Tôi thà ở tù chứ không đi đâu cả. Minh sinh ra trên đất nước tổ tiên, thì sao lại bỏ đất nước tổ tiên mà đi? Con cá nó sống vì nước, đem cá bỏ lên cạn làm sao cá sống? Các Sư sống với dân, với nước, không thể xa lìa".

Về sức khỏe Hòa Thượng hiện nay rất yếu, "sút hẳn so với những kỳ tù trước". Do "không được quan tâm", hiện nay Hòa Thượng bị bốn thủ bệnh: Áp huyết cao làm nhức đầu, bệnh phổi (ngực đau ran), bao tử (ăn vào là đau), và thấp khớp (đi đứng khó khăn). Răng bị rụng chỉ còn 6 răng cửa. Tuy nhiên Hòa Thượng đã hoàn thành 18.000 trang cuốn Phật Quang tự điển, mà theo Hòa Thượng hai phần ba thời gian là làm trong tù. "Do không được đem các sách tham khảo vào tù, nên về đây tôi sẽ tham chiếu sách vở, nhuận lại và sẽ cho xuất bản".

* Qua cuộc nói chuyện với Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ tại Nha Trang vào sáng mùng 4.9.98, chúng tôi được biết rằng sức khỏe Thượng Tọa rất yếu sau 10 ngày tuyệt thực rồi tiếp đến 36 giờ ngồi trên tàu. Do chế độ ăn uống ở trại cải tạo, răng rụng gần hết.

Ngày 21.8.98, giám thị trại Ba Sao, tỉnh Nam Hà, gọi Thượng Tọa lên và bảo viết đơn xin khoan hồng, ân xá, gửi lên Chủ tịch nước Trần Đức Lương. Thượng Tọa từ chối và nói rằng: "Tôi không chấp nhận khoan hồng. Không chấp nhận ai có quyền ân xá. Vì không ai có quyền xét xử tôi, thì không ai có quyền ân xá! Tôi tuyệt thực một mình, không ai ủng hộ, không có báo chí viết, không ai hay. Tâm trạng của một người chiến đấu một mình trong cô đơn. Tuyệt vọng nữa. Nhưng không thể làm gì khác để tự khẳng định mình". Thượng Tọa cho biết tuyệt thực trong vòng 10 ngày, không ăn, không uống. Ban giám thị trại đã phải chích 7 bình serum trong các ngày cuối. Ngày 30.8.98, chích 2 bình serum cuối cùng, đến sáng mùng 1.9.98 Thượng Tọa mới ngồi dậy được và bắt đầu uống nước. Cùng ngày này, Đại tá giám thị trại tuyên bố trả tự do. Ngày 2.9.98 Thượng Tọa một mình lên xe lửa ở Phú Lý và ngồi suốt 36 tiếng đồng hồ. 19 giờ 30 tối ngày 3.9.98 đến Nha Trang, Thượng Tọa không chịu đựng được nữa, nên xuống ga đi về chùa. Hiện nay Thượng Tọa ở tại Phật Học Viện Hải Đức. Trường hợp này tương tự với Thượng Tọa Thích Nhật Ban ở trại Z 30A, Xuân Lộc, Đồng Nai. Thượng Tọa Nhật Ban được yêu cầu viết đơn xin ân xá, nhưng Thượng Tọa trả lời: "Tôi có viết đơn xin vào tù đầu mà nay viết đơn xin ân xá?". Sau đó, giám thị trại viết sẵn đơn cho Thượng Tọa và nói rằng: "Thôi ông cứ ký vào đây mà về!", nhưng Thượng Tọa vẫn quyết liệt từ chối, nên không được thả.

Thượng Tọa Tuệ Sỹ cho biết ở trại Ba Sao có hai người khác cùng được trả tự do với Thượng Tọa là Linh mục Đình Viết

Hiếu và ông Phạm Anh Dũng. Ông Phạm Anh Dũng, người Pháp gốc Việt cư ngụ ở Paris, bị bắt năm 1992 cùng với nhóm người Việt về từ Canada, Hoa Kỳ, Pháp để thực hiện "Chiến dịch Đông Xuân" nhằm lật đổ chính quyền Cộng sản bằng bạo động. Ông Dũng bị án 20 năm tù.

* Qua cuộc nói chuyện với Thượng Tọa Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát) ngay sau khi Thượng Tọa rời trại Z 30A ở Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, về tới Sài Gòn hôm 1.9.98. Sức khỏe Thượng Tọa coi như khá hơn cả. Suốt cuộc điện đàm Thượng Tọa say sưa nói về những suy nghĩ của mình về tinh thần kỷ diệu của Phật Giáo Việt Nam trong thời gian nằm tù. Thượng Tọa nói: "Trong vùng kinh tế mỗi gần trại chúng tôi, trên cảnh đìu hiu trở trọi, thê mà người lưu dân vẫn dựng ngôi chùa sơ sài gọi là Chùa Tôn (lớp bằng tôn) để thờ cúng và tu học. Chuyện giản dị nhưng sâu sắc lắm. Nó nói lên sự gắn bó của người dân với đạo Phật. Tôi đã viết xong lịch sử Phật Giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến thời Lý Nam Đế (thê kỷ VI Tây lịch). Rồi bị bắt nên gián đoạn. Bây giờ về tôi sẽ bắt tay viết tiếp cho đến thời cận đại. Trong tù tôi có dịp đọc sách của các nhà nghiên cứu Cộng sản, thấy được nhiều chuyện khuất lấp, có cả đó những chùa ai chịu khai thác. Người đem Phật Giáo vào Việt Nam là Ngài Phật Quang, người Phật Tử Việt Nam đầu tiên là Chủ Đồng Tử và Tiên Dung, hiện còn dấu vết ở Cửa Sốt, Hà Tĩnh. Minh cần một tập thể đi khảo cứu thực địa v.v...". Thượng Tọa cho biết sẽ bắt tay ngay vào việc trước tác sau 14 năm tù tội, và sẽ công bố một ngày rất gần đây về Lịch sử Phật Giáo Việt Nam, mà cho đến nay chưa ai để tâm nghiên cứu và nghiêm chỉnh trong công trình, theo Thượng Tọa "các sách mà ta đọc chỉ khai triển cuốn "Phật Giáo Sử Luận" của Thầy Thích Mật Thế, chưa có khám phá gì mới mẻ".

Làm tại Paris, ngày 7.9.1998

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ

Văn Phòng II Viện Hóa Đạo
Hội Đồng Điều Hành

Phật lịch 2542, ngày 08 - 9 - 1998

Kính gửi:

Chư tôn đức Giáo phẩm, Tăng Ni và quý Đạo hữu trực thuộc GH PG VN TN HN - HK - VP II - VHĐ.

Kính bạch Chư tôn đức,
Kính thưa quý Đạo hữu,

Vừa qua, nhân dịp Quốc Khánh của Nhà nước cộng sản, ba vị Giáo phẩm nổi danh của Giáo Hội ta vừa được trả tự do: Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN, trả tự do từ trại B.14, Hà Nội, ngày 01.9.98, về đến Thanh Minh Thiền Viện, Sài Gòn, trưa ngày 02.9.98; Thượng Tọa Giáo sư Thích Tuệ Sỹ trả tự do từ trại Ba Sao, Nam Hà, ngày 01.9.98, về đến Phật Học Viện Hải Đức, Nha Trang, tối ngày 03.9.98; Thượng Tọa Tiến sĩ Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát) trả tự do từ trại Z. 30A, Xuân Lộc, Đồng Nai, ngày 31.8.98, về đến Viện Phật Học Vạn Hạnh, Sài Gòn, cùng ngày.

Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành, sau khóa họp khẩn ngày 08.9.98, xin gởi đến chư liệt vị những nhận định sơ bộ sau đây:

Hai lý do đối ngoại và một lý do đối nội dẫn đến cuộc trả tự do cho chư vị Giáo phẩm của Giáo Hội chúng ta:

1) Phái đoàn LHQ điều tra đàn áp tôn giáo, do ông Abdelfattah Amor cầm đầu, sẽ đến Hà Nội ngày 19.10.98. Do đó nhà cầm quyền Hà Nội phải chứng tỏ việc giam giữ hàng Giáo phẩm Lãnh đạo cao cấp của GHPGVNTN đã được giải tỏa;

2) Áp lực quốc tế đòi hỏi cho nhân quyền và tự do tôn giáo ngày càng đề nặng lên chính quyền Hà Nội. Đặc biệt là áp lực của chính giới Âu-Mỹ và của Ủy Ban Nhân Quyền LHQ. Trong khi ấy, nhà nước cộng sản đang đứng trước những khó khăn kinh tế ngày càng nguy ngập, mà nguyên nhân đến từ cuộc khủng hoảng tiền tệ Á Châu và các nhà đầu tư ngoại quốc ngày càng bỏ rời thị trường Việt Nam. Ngân hàng thế giới và Quỹ Tiền Tệ quốc tế không ngừng cảnh cáo Việt Nam trong vấn đề làm ăn và tổ chức pháp luật. Trước tình hình này, giải pháp phá thế kẹt mà Hà Nội trông chờ là quy chế tối huệ quốc của Hoa Kỳ. Muốn được thế, nhà cầm quyền cộng sản phải nhân nhượng về nhân quyền, mà việc trả tự do là một cử chỉ cụ thể;

3. Nội bộ Đảng lâm khủng hoảng, rối ren. Bên trong thì nạn tranh chấp bè cánh, thêm sự kiện nhiều cán bộ cao cấp lên tiếng đòi cải cách chính trị, dân chủ hóa chế độ. Bên ngoài, nông dân nổi dậy chống tham nhũng và nạn cưỡng hào đỏ. Một Nhà nước xây dựng trên liên minh Công Nông, mà vấn đề 80% dân số là nông dân, nông thôn, nông nghiệp vẫn bế tắc như dưới thời Pháp thuộc, là nguy cơ trầm trọng có thể dẫn chế độ đến sụp đổ.

Tuy nhiên chúng ta cần ý thức rằng vì 3 áp lực nói trên mà nhà cầm quyền Hà Nội phải bước đầu trả tự do cho 3 vị thuộc GHPGVNTN chúng ta, nhưng chưa có dấu hiệu gì cho thấy một chính sách mới nới lỏng quyền tự do tôn giáo. Đặc xá hôm nay vẫn có thể thất bớp ngày mai, bao lâu chưa có những xác định cụ thể bằng pháp lý bảo vệ cho sinh hoạt thuần túy tôn giáo.

Ba văn bản gọi là pháp luật vẫn còn đó để bắt giam không cần lý do bất cứ ai

không phục tùng và ca tụng nhà nước. Một, là Nghị Quyết 49/NQ/TVQH được Quốc Hội thông qua và do ông Trường Chinh ký năm 1961, cho phép bắt giam không cần xét xử từ 3 năm đến vô thời hạn, mở đầu chế độ Trại Cải Tạo. Hai, là Chỉ Thị "quản chế hành chánh" 31/CP do Thủ Tướng Võ Văn Kiệt ký ngày 14.4.97, cho phép quản chế bất cứ ai nguy hại đến an ninh của Nhà nước XHCN, mà không cần thông qua sự xét xử của Tòa án. Ba, là "Các tội xâm phạm an ninh quốc gia" ở Chương I Bộ Luật Hình Sự của nước CHXHCN Việt Nam, hủy bỏ mọi quyền tự do căn bản của người công dân, như tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tín ngưỡng và tôn giáo, v.v...

Trên đây là nhận định theo chủ trương của Nhà nước cộng sản.

Còn theo lập trường của GHPGVNTN, thì "Chín điểm yêu sách gởi Nhà nước CHXHCN Việt Nam" do Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN viết từ Quảng Ngãi ngày 26.6.92 vẫn chưa được giải quyết toàn bộ. Ngoại trừ việc trả tự do rất hạn chế trong yêu sách thứ 3, vào đầu tháng 9.98 này. Sau đây là Chín điểm yêu sách của Hòa Thượng Huyền Quang:

1. Trả lại cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) quyền sinh hoạt bình thường trong pháp luật nhà nước, như trước năm 1975;

2. Nhà nước phải chịu trách nhiệm và trả lời:

a) Về cái chết của Hòa Thượng Thích Thiện Minh, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo tại Nha Công An TP Hồ Chí Minh năm 1978;

b) Về vụ 12 Tăng Ni Phật Giáo tự thiêu ngày 02.11.75 tại Thiền Viện Dược Sư ở Cần Thơ;

c) Về các Chùa chiền và tượng Phật bị đập bỏ để xây cơ sở khác lên;

3. Trả tự do cho tất cả Tăng Ni, Phật Tử, các nhà văn, nhà báo, các nhà chính trị v.v... đã bị giam giữ lâu ngày không xét xử, hoặc xét xử bất công. Tôn trọng tự do tôn giáo và quyền làm người của những ai đã bị tuốt đoạt, trong đó có tôi và chư vị Thích Quảng Độ, Thích Đức Nhuận, Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), v.v... và các Tu sĩ các tôn giáo khác;

4. Trả lại tất cả tự viện, các cơ quan, văn phòng, trụ sở, các cơ sở văn hóa, xã hội, từ thiện v.v... của Giáo Hội chúng tôi, từ trung ương đến địa phương, đã bị Nhà nước và Giáo hội do Nhà nước dựng lên chiếm dụng phi pháp hơn 17 năm qua. Kể cả các tự viện ở miền Bắc bị Nhà nước chiếm dụng sau 1945;

5. Phục hồi quyền sinh hoạt của Giáo Hội chúng tôi với các Chi Bộ Phật Giáo Hải Ngoại như trước năm 1975;

6. Yêu cầu Nhà nước đưa nội vụ tôi từ năm 1945 đến 1992 ra xét xử trước pháp luật. Không thể nhốt tôi mãi mà không xét xử;

7. Minh bạch hóa việc giam giữ các Tu sĩ Phật Giáo, trong đó có tôi, để trả lời cho hơn 20.000 lá đơn của các Tổ chức Nhân quyền, Dân chủ Âu, Mỹ, Úc, Á gởi đến Hà Nội trong thời gian qua;

8. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sẵn sàng góp sức mình trong việc xây dựng đất nước theo truyền thống dân tộc. Nhưng không thể thực hiện việc này dưới sự điều khiển của một chế độ còn xem tôn giáo là kẻ thù, và thường xuyên nhúng tay can thiệp, kiểm soát nội bộ tôn giáo;

9. Tôi nguyện sẽ hiến thân này cho Đạo Pháp và Dân Tộc, khi thấy rằng sự khổ nhục đã đến lúc không cho phép tôi chịu đựng hơn nữa.

Do những phân tích và nhận định trên đây, Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành xin gởi Thông Tú này để xin chư liệt vị cảnh báo, theo dõi và kiên trì tiếp tục cuộc đấu tranh bảo vệ Chánh Pháp theo đường lối cố hữu của Phật Giáo, là bất bạo động, khoan hòa nhưng quyết liệt, cho đến ngày tự do tôn giáo được thiết lập tại Việt Nam và Chín điểm yêu sách của Hòa Thượng lãnh đạo Thích Huyền Quang được đáp ứng.

Không còn nghi ngờ gì nữa; áp lực quốc tế vô cùng quan trọng trong việc nới mở tự do tại Việt Nam, chúng ta cần quan tâm khẩn thiết. Lời nhắn nhủ của Hòa Thượng Thích Quảng Độ với Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế qua cuộc điện đàm ngày 02.9.98 đáng làm kim chỉ nam cho cuộc vận động của chúng ta ở hải ngoại và trên trường quốc tế. Hòa Thượng nói: "Tôi rất xúc động mỗi khi nghe tin. Và xin cảm ơn đến sự quan tâm đối với chúng tôi, không riêng tôi mà cả Thầy Huyền Quang, tất cả các anh em ở bên nhà. Nhờ những hoạt động đó, mà ở nhà họ phải nới tay cho chúng tôi, đối xử tương đối tử tế hơn thời 1977 nhiều lắm, họ phải đặc biệt quan tâm chú không thể coi thường mình được đâu".

Cầu nguyện Đức Phật gia bị Chư tôn đức và quý Đạo hữu Phật sự viên thành, chúng sanh dị độ.

Làm tại Monterey Park
Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành
Hòa Thượng Thích Hộ Giác
(Ký tên và đóng dấu)



Thông cáo báo chí ngày 13.10.1998

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế xin hân hạnh gửi đến Quý Vị bản Quyết Nghị của Đại Hội Thường Niên lần 2 Nhiệm kỳ II GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, và bức Tâm Thư gửi Nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ dưới đây. Trông mong Quý Vị vui lòng loan tải giúp để độc giả và thỉnh giả được theo dõi. Thành thật cảm ơn Quý Vị.

Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế
25 rue Jaffeux - 92230 Gennevilliers (France)
ĐT. (331) 47 93 10 81 & Fax: (331) 47 91 41 38
E.mail: 100302.3100@compuserve.com

Cần biết thêm chi tiết, xin Quý Vị liên lạc về Ông Võ Văn Ái, hiện có mặt tại Hoa Kỳ, ở số Điện thoại: (310) 675 5307.

QUYẾT NGHỊ

của Đại Hội Thường Niên lần thứ 2 Nhiệm kỳ II của GHPGVNTNHN tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, tại Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại ở Dallas, bang Texas, Hoa Kỳ, từ ngày 9 đến 11.10.1998

56 Tăng Ni và 2000 Phật Tử, đại biểu của trên một trăm cơ sở trực thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trên toàn quốc Hoa Kỳ, Á Châu, Âu Châu, Gia Nã Đại, Úc Châu và vùng Dallas-Fortworth đã vân tập về Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại ở Dallas dự lễ khánh thành ngôi Tổ Đình nghiêm trang hùng vĩ vừa hoàn mãn việc xây cất, và tham dự Đại Hội Thường Niên lần thứ 2 Nhiệm kỳ II của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo từ ngày 9 đến 11.10.1998. Qua ba ngày hội họp trong tình tương thân, tương kính, tương sinh để xây dựng nền Phật Giáo Việt Nam trong xu thế mới của thế giới và trước ngưỡng cửa thế kỷ 21, nghe báo cáo Phật sự trong thời gian qua cùng hoạch định kế hoạch phát triển các Hội Đồng cùng như Cơ Sở của Giáo Hội ở bước ngoặt mới đang biến chuyển của tình hình trong nước. Toàn thể đại biểu trực thuộc các Hội Đồng, Vụ, Miền, Phòng và các Cơ Sở địa phương đã đồng thanh quyết nghị:

1. Đại Hội hân hoan chào đón tin Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ và Thượng Tọa Thích Trí Siêu vừa được trả tự do cùng lượt với một số tù nhân chính trị hay tù nhân vì lương thức rất hạn chế so với số lượng tù nhân tôn giáo hay vì chính kiến hiện còn bị giam giữ trong 150 nhà tù và Trại Cải Tạo. Đại Hội nhận định rằng, đây là thành quả bước đầu của cuộc vận động quốc tế kiên trì và liên tục của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, các Tổ Chức của Giáo Hội tại Âu Châu, Úc Châu, Á Châu và Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế;

2. Tiếp tục và phát huy một cách quy mô, rộng rãi, cuộc vận động quốc tế nói trên trước tình hình mới để cho:

a) Nhân quyền được tôn trọng, dân chủ được phát huy, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được phục hoạt tại Việt Nam và chấm dứt pháp nạn dưới mọi hình thức;

b) Hàng giáo phẩm Tăng, Ni và Phật Tử vừa được trả tự do được phục hồi quyền sinh hoạt tôn giáo cũng như các quyền tự do đi lại, tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tự do sáng tác, tự do hội họp... như đã quy định trong bản "Tuyên Ngôn Quốc Tế về Nhân Quyền" và "Công Ước Quốc Tế về các Quyền Dân Sự và Chính Trị" của LHQ mà Nhà nước CHXHCN Việt Nam đã ký kết gia nhập từ ngày 24.9.1982; chủ không còn bị câu thúc vào Chỉ Thị 31/CP bắt quản chế từ 6 tháng đến 2 năm không cần thông qua lệnh của Tòa Án, như trường hợp các Đại Đức Thích Trí Tịnh, Thích Hải Tịnh, Thích Hạnh Đức, Thích Hải Thịnh, Thích Hải Chánh đang bị đối xử từ ngày ra khỏi tù;

3. Kêu gọi Nhà nước CHXHCN Việt Nam trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, hiện bị quản thúc tại quận Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1982, để Hòa Thượng được trở về nơi hộ khẩu thường trú ở Sài Gòn; các Thượng Tọa Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Thiện Minh, Thích Huệ Đăng hiện bị giam giữ tại Trại Z 30A ở Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, cũng như nhiều Tăng, Ni và Phật Tử khác hiện còn giam giữ trong các Trại Cải Tạo hay nhà tù;

4. Kêu gọi Nhà nước CHXHCN Việt Nam khai mở một Nhà nước pháp quyền bằng cách đưa các điều khoản công nhận và bảo đảm những quyền tự do căn bản trong "Công Ước Quốc Tế về các Quyền Dân Sự và Chính Trị" và "Tuyên Ngôn Quốc Tế về Nhân Quyền" của LHQ vào Bộ luật Hình Sự và Tố Tụng Hình Sự hiện hành, hủy bỏ khái niệm "an ninh quốc gia" trong hai bộ luật này như một bình phong để tự do bắt bớ trái phép bất cứ ai phê phán hoặc nói lên một cách ôn hòa ý kiến, ngưỡng vọng, lý tưởng tôn giáo và tín ngưỡng họ trước hiện tình suy thoái đạo đức, khủng hoảng văn hóa, kinh tế, xã hội hiện nay;

5. Kêu gọi Nhà nước CHXHCN Việt Nam tiếp đón ân cần cũng như cung cấp mọi phương tiện di chuyển tiện lợi và nhanh chóng cho Phái Đoàn LHQ điều tra tôn giáo do Giáo sư Abdelfattah Amor cầm đầu đến Việt Nam từ ngày 19 đến 28.10.98 trong thời gian Phái đoàn ở Việt Nam; để Phái đoàn LHQ được tự do đi lại và tiếp xúc bất cứ nhà lãnh đạo tôn giáo nào thuộc các tôn giáo lớn tại Việt Nam, như Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Giáo Hội Thiên Chúa Giáo, Giáo Hội Cao Đài, Giáo Hội Hòa Hảo, Giáo Hội Tin Lành;

6. Đại Hội quyết tâm khai triển nền văn hóa Phật Giáo như bức cẩm nang của thời đại trong việc giao lưu kết hiệp với các quốc gia có truyền thống Phật Giáo ở vùng Á Châu Thái Bình Dương, xem đây như công tác thế kỷ trong việc phục hồi Đạo Phật và bảo vệ hòa bình, an ninh, thăng tiến xã hội tại các nước Đông Nam Á nói riêng và Á Châu nói chung;

7. Đối nội, đặt trọng tâm vào việc kiện toàn Cơ Sở, đào tạo Tăng tài và nhân sự; khởi động sự dẫn thân cố hữu của giới Cư Sĩ theo truyền thống Đạo Phật Việt Nam, nhưng dung hóa linh hoạt với xu thế toàn cầu; thành lập một Trung Tâm Học Liệu; áp dụng và phát triển các phương pháp truyền thông hiện đại trên mọi lĩnh vực báo chí, truyền thanh, truyền hình, internet...; kiến tạo Trụ sở Trung ương của Giáo Hội; cấp tốc tổ chức các đoàn thuyết trình về hiện tình Phật Giáo tới các cơ sở địa phương cũng như quốc tế; hỗ trợ tích cực cho Vụ Thanh Niên phát triển Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ và đặc biệt quan tâm đến thế hệ Trẻ;

8. Đại Hội đề cao tinh thần khai phóng, cứu độ của Phật Giáo Việt Nam thể hiện trong mọi động thái tu học cũng như xã hội, theo châm ngôn tướng sinh chủ không tướng sát, cộng sinh chủ không cộng hủy để Phật Giáo Việt Nam hoàn thành sứ mạng giác ngộ và cứu khổ trừ nguy, đưa dân tộc nhịp bước cùng thế giới vào thế kỷ công tác huynh đệ trong vòng 15 tháng tới. Nhân lành này, mà Đại Hội cứu mang và chuẩn bị, sẽ là thành quả huy hoàng cho tiền đồ Phật Giáo nói riêng và đại số quần chúng Việt Nam nói chung.

Làm tại Dallas, ngày 11.10.1998

*

TÂM THƯ CỦA ĐẠI HỘI

Kính gửi Nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ và chư tôn đức lãnh đạo GHPGVNTN

Phật lịch 2542 - Dallas, ngày 11.10.1998

Ngưỡng bạch chư Tôn Đức,

Năm mươi sáu Tăng Ni và 2000 Phật Tử, đại biểu của trên một trăm Cơ Sở trực thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại trên toàn quốc Hoa Kỳ, Á Châu, Âu Châu, Gia Nã Đại,

Úc Châu và vùng Dallas-Fortworth đã vận tập về Tổ đình Từ Đàm Hải Ngoại ở Dallas, bang Texas, Hoa Kỳ, dự lễ khánh thành ngôi Tổ Đình trang nghiêm, hùng vĩ, vừa hoàn mãn việc xây cất, và tham dự Đại Hội Thường Niên lần 2 Nhiệm kỳ II Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, xin đề đầu dành lễ và vấn an nhĩ vị Hòa Thượng cùng chư Tôn Đức lãnh đạo Giáo Hội.

Dù bề bộn theo các báo cáo Phật sự và ưu tú thảo hoạch chương trình hoạt động tương lai, lòng chúng con vẫn rộn ràng niềm hân hoan với tin Hòa Thượng Quảng Độ, Thượng Tọa Tuệ Sỹ và Thượng Tọa Trí Siêu vừa thoát vòng lao lý trở về nơi viện cũ chùa xưa. Thân tâm chúng con vừa hân hoan, vừa nhẹ nhõm đôi phần trước mặc cảm bất lực khi chư Tôn Đức mỗi mòn nơi lao ngục.

Tuy nhiên, trong hân hoan có lo lắng. Lo lắng cho hoàn cảnh quang thúc của Hòa Thượng Quyền Viện Trưởng Thích Huyền Quang chưa được tự do trở về nơi nhiệm xứ ở Sài Gòn, cũng như biết bao Tăng, Ni, Cư Sĩ giờ này vẫn còn nơi ngục thất.

Nhưng giáo lý vô thượng của Phật Đà đang giúp chúng con hoá chuyển lo âu, mặc cảm, thành hành động đổi thay nghịch cảnh; biến đau thương thành sức mạnh cứu độ.

Ngưỡng bạch chư Tôn Đức,

Chỉ còn 15 tháng nữa là nhân loại bước vào thế kỷ 21. Chúng con, toàn thể Đại Hội, lấy sự nhớ tưởng chư Tôn Đức làm quyết tâm quang hưng Phật Giáo Việt Nam. Vì chúng con tử khước sự tái diễn thế kỷ 20, một thế kỷ tranh chấp, manh động, chiến tranh, do sự hoành hành của các ý thức hệ làm cho số lượng tử vong oan ức lên hàng trăm triệu. Nếu thế kỷ 20 còn gì đáng để lại, thì đó là Ánh Sáng Phật Giáo, Ánh sáng Từ Bi và khai thị các khối sân si, bùng lên từ pháp thân của Bồ Tát Quảng Đức vào ngày 20 tháng Tư năm Quý Mão (11.6.1963) tại thủ đô Sài Gòn.

Chính Ánh sáng ấy dẫn dắt Phật Tử Việt Nam và nhân loại bước lên đường khai hóa thế giới, mà thế kỷ 21 được thừa hưởng để mở ra kỷ nguyên mới thắm nhuần tình huynh đệ.

Ý tưởng như thế, nhưng trong thực tế, thì những quốc thổ Phật Giáo ở Á Châu đang bị các thế lực đen tối và bạo động đẩy lùi từng bước. Do đó, mà nỗi quan tâm của Đại Hội chúng con đặt nặng vào sự khai triển nền văn hóa hòa bình và nhân quyền của Phật Giáo, như bức cấm nang của thời đại, trong việc giao lưu kết hiệp với các quốc gia có truyền thống Phật Giáo ở vùng Á Châu Thái Bình Dương. Xem đây như công tác thế kỷ trong việc phục hồi Đạo Phật và bảo vệ hòa bình, an ninh, thăng tiến xã hội tại các nước Đông Nam Á nói riêng và Á Châu nói chung.

Đường hướng tương lai là như thế. Những hoạt động trước mắt, chúng con vẫn tiếp tục kiên trì trong cuộc vận động quốc tế để giải trừ quốc nạn và pháp nạn. Bằng đấu tranh, chúng con muốn hiện thực sự trông mong của 80% quần chúng Phật Giáo Việt Nam, là phục hồi quyền sinh hoạt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Đây không phải là sự tranh chấp hệ phái hay danh xưng, mà là chữa tận gốc căn bệnh trầm kha của dân tộc ta ngày nay. Căn bệnh này lộ liễu qua tình trạng suy thoái đạo đức, khủng hoảng văn hóa, bạc nhược kinh tế và rối ren xã hội. Gốc trị liệu ấy, là nền Phật Giáo dân tộc với tinh thần khai phóng, cứu độ, được chứng thực qua trường kỳ lịch sử Việt Nam 20 thế kỷ. Tinh thần ấy nhằm xây dựng cuộc sống tương sinh thay vì tương tranh. Tinh thần ấy làm nền tảng cho xã hội cộng sinh chứ không cộng hủy, làm bối cảnh cho sự giải phóng và giác ngộ của mỗi Con Người.

Sự quyết tâm trên đây đã nảy sinh từ ba ngày Đại Hội mà chúng con sum vầy thảo luận trong tinh tướng thân, tướng kính, để tương sinh phục vụ Giáo Hội.

Chúng con mong mỏi sức khỏe của chư Tôn Đức, ý chí bất khuất và đạo phong Đại hùng Đại lực Đại tử bi của chư Tôn Đức là lá bùa hộ mệnh cho tất cả chúng con trên bước đường thể hiện hạnh Bồ Tát của Đạo Phật Việt Nam.

Toàn thể Đại Hội xin đề đầu dành lễ chư Tôn Đức lãnh đạo và cầu Phật gia hộ Nhĩ vị Hòa Thượng cùng chư Tôn Đức pháp thể khinh an, chúng sinh dị lộ.

Kính cẩn bái thủ.

THÔNG BÁO LỊCH KỶ MÃO 1999

Lịch Tử Vi và Lịch Treo Tuồng năm Kỷ Mão 1999, có ngày âm dương đối chiếu đã có tại Chùa Viên Giác, cũng như các Chùa, Niệm Phật Đường và các Chi Hội Phật Tử VNTN tại địa phương.

* Giá thành tại Chùa Viên Giác, Niệm Phật Đường và các Chi Hội như sau:

- Lịch Tử Vi: Hai Mươi Bảy Đúc Mã.
- Lịch Treo Tuồng: Hai Mươi Hai Đúc Mã.
- Nếu Chùa nhận được tiền trước, gửi lịch đi thì giá thành + tiền cước + bao bì, như sau:
- Lịch Tử Vi: Ba Mươi Đúc Mã.
- Lịch Treo Tuồng: Hai Mươi Tám Đúc Mã.

• Còn gửi theo cách Chuyển Hóa Giao Ngân (Nachnahme) thì:

- Lịch Tử Vi: Ba Mươi Bảy Đúc Mã 90/100.
- Lịch Treo Tuồng: Ba Mươi Hai Đúc Mã 90/100.

Ban Phát Hành chúng tôi nhận thấy gửi theo cách chuyển hóa giao ngân (Nachnahme) thì tiền cước quá đắt. Do đó, đề nghị quý vị nên gửi tiền trước về cho chúng tôi bằng ngân phiếu (Check) hoặc tiền mặt gói kỹ bỏ trong bao thư hoặc chuyển vào Konto như sau:

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche
Konto Nr. 109594-307 - BLZ 250 100 30
Postgiroamt Hannover

Trong thư, hoặc trên phiếu chuyển tiền xin ghi rõ loại lịch và số lượng để khỏi bị nhầm lẫn và địa chỉ rõ ràng để gửi lịch. Khi nhận được tiền chúng tôi sẽ gửi lịch ngay cho quý vị.

Kính mong quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần ủng hộ cho.

ĐÍNH CHÍNH

Trong Viên Giác số 106, bài "Bước Thụt Lùi trên con đường dân chủ" của Thiện Xuân Inna Malkhanova, có chỗ in sai, trang 65, cột trái, dòng 5 từ trên xuống.

Thay vì: trong thời gian không dưới mười năm

Xin đọc là: trong thời gian không dưới mười lăm năm

Xin cáo lỗi cùng tác giả Thiện Xuân và độc giả.

THI - HIỀN

HAUPTSTR.32A - 79591 EIMELDINGEN.W. GERMANY

TEL. 07621 / 65178 HOẶC 07621 / 44105

HOẶC 0171 / 2674737

NHẬN ĐẶT NẤU : Tiệc cưới - Sinh Nhật - Họp Bạn

ĐẶC BIỆT : Bánh Đám Hối, Bánh Cốm,

Bánh Phu Thê, Bánh Bún, Trầu Cau Tuổi

Đầy đủ tiện nghi chén đĩa, bếp ga.

Hơn 500 món ăn để chọn lựa

Hạp khẩu vị vừa túi tiền

Được sự khen ngợi và tín nhiệm của

cộng đồng người Việt tại Đức, Pháp,

Thụy Sĩ, Hòa Lan và Đan Mạch



TIN PHẬT SỰ

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam Mô A Di Đà Phật Biến Tri Công Đức

Kính gửi: - Đạo Hữu Hội Trưởng và Các Chi Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức Quốc
- Cùng Quý Hội Phật Tử tại Âu Châu

Thưa quý liệt vị tín tâm hộ đạo thân mến,

Bồ Tát Phổ Hiền thường phát nguyện: Mong sao Tam Bảo tồn mãi ở thế gian, làm cho muôn loài thêm phần lợi lạc; người có đạo tâm đều đồng một quan niệm như thế.

Tại Strasbourg đã 10 năm thành lập Hội Phật Giáo, nhưng duyên lành chưa hội đủ, đến nay tượng Phật phải gởi tạm tại tư gia Phật tử, không nơi phụng thờ. Trước hiện tình tượng tâm ấy, một số Phật tử tha thiết yêu cầu chúng tôi đứng ra vận động, đồng thời Hòa Thượng, Chủ tịch Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu kêu gọi chúng tôi giúp đỡ. Vì thế mặc dù tài đức yếu kém, tuổi già lực ít nhưng đứng trước hoàn cảnh không thể không làm, nên chúng tôi nhận lãnh trách nhiệm. Vậy kính mong quý Hội cùng chư Phật tử xa gần hữu tâm vì tinh thần Bồ Tát đạo tiếp tay với chúng tôi trong công việc vận động xây dựng Chùa Phổ Hiền tại Strasbourg sớm được thành tựu.

Với công đức vô lượng này, nguyện cầu Tam Bảo thường gia hộ đến quý liệt vị, Phật tử tại địa phương thành tựu viên mãn và gia đạo được mọi điều kiết tường như ý.

Thành thật tán niệm công đức và kính chào chư liệt vị.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát tác đại chứng minh.

Thay mặt Hội Phật Giáo và Chùa Phổ Hiền

Trưởng Ban Vận Động
Tỳ Khưu Ni Thích Nữ Như Tuấn

TB. Mọi đóng góp xin quý vị gởi về Chùa Phổ Đà để chúng tôi ghi vào sổ vàng và chuyển lại Hội Phật Giáo Strasbourg. Danh sách sẽ đăng vào Đặc San Hoa Sen và chuyển đến quý vị vào các dịp lễ lớn.
Xin cảm ơn.

Kính bạch Chủ Tôn Đức,
Kính thưa quý liệt vị,
Kính thưa chư Đạo hữu Phật tử xa gần,
Chùa Phổ Hiền tại Strasbourg (Pháp Quốc) thành lập từ năm 1988 và đã trải qua nhiều thăng trầm biến đổi.

Những dù thay đổi gì đi chăng nữa, chủ tôn đức, chủ liệt vị hay quý đạo hữu, trong thời gian qua, đã đến hay nghe nói đến ít ra cũng có một lần. Đó là vào những dịp cầu nguyện, tranh đấu cho nhân quyền, cho tự do tôn giáo tại Việt Nam. Bởi lẽ chùa Phổ

Hiền nằm ngay tại thành phố Strasbourg, nơi có trụ sở Quốc Hội Âu Châu, và Nghị Hội Âu Châu.

Chính vì vậy mà ngày nay chùa Phổ Hiền gặp phải hoàn cảnh khó khăn và hiện nay đang có kế hoạch cứu vãn để xây dựng trở lại, cũng chính là điều mà chúng ta vừa lo âu vừa vui mừng.

Lo âu vì bất cứ giá nào, bất cứ hoàn cảnh nào, phải xây dựng cho kỳ được ngôi chùa Phổ Hiền tại Strasbourg để làm điểm tựa tinh thần cho bà con Phật tử tại Strasbourg cũng như Âu Châu.

Vui mừng vì hiện đang thấy có kế hoạch cứu vãn tình hình khó khăn để xây dựng lại dưới sự hoan hỉ hưởng dẫn tinh thần của Sư Bà Thích Nữ Như Tuấn.

Chúng tôi thành tâm kêu gọi chư Tôn Đức, chư Liệt vị, chư Đạo hữu xa gần, vì tương lai Phật Pháp, vì vị thế đặc biệt của Strasbourg, và tùy theo hoàn cảnh của mình, hãy ủng hộ cho chương trình xây dựng lại chùa Phổ Hiền.

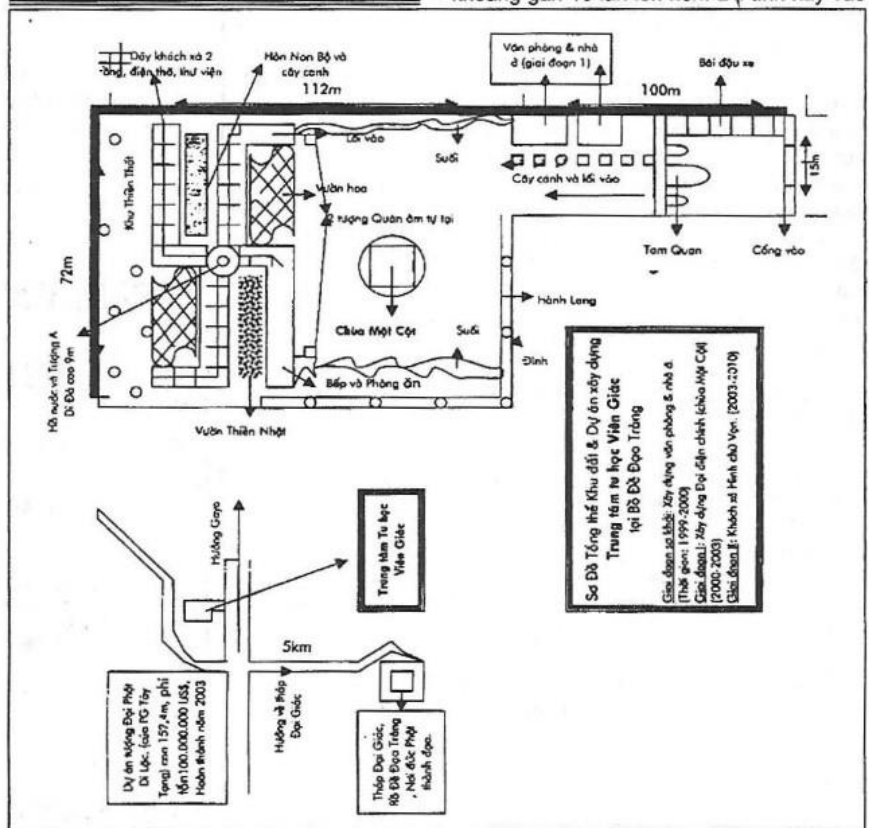
Riêng về chùa Khánh Anh, hiện đang xây cất theo một đồ án quá nặng, cho nên chúng tôi chỉ xin hy vọng tượng trưng hai ngàn quan Pháp (2.000F) gọi là góp phần công đức nhỏ.

Nguyện cầu Tam Bảo chứng minh và gia hộ cho ngôi chùa Phổ Hiền sớm được thành tựu cũng như mọi Phật sự tại đây được khởi sắc trở lại.

Oslo-Na Uy, ngày 20.12.1997
Ngày Đại Hội kỳ 2 GHPGVNTN
Âu Châu

Hòa Thượng Thích Minh Tâm
(Ký tên)

GÂY PHƯỚC DUYÊN NƠI ĐẤT PHẬT



Kính gửi: Quý Đạo Hữu và quý Phật tử xa gần.

Trích yếu: Xây dựng trung tâm tu học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa liệt quý vị.

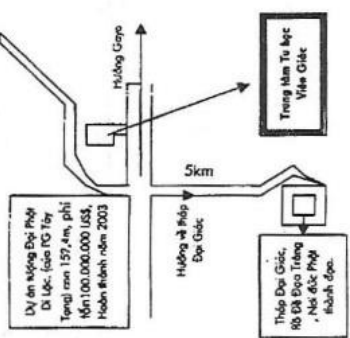
Trong thời gian qua nhờ sự hỗ trợ nhiệt tình của quý vị Phật Tử ở khắp nơi trên thế giới, chúng tôi đã có đủ số tiền để mua được khu đất rộng 10.000 m2 với giá là 125.000 US\$ (kể cả tiền đăng ký điền địa). Đó cũng chính là nhờ hồng ân Tam Bảo gia hộ và sự phát tâm mạnh mẽ của quý Phật Tử khi nghĩ đến duyên lành gây tạo nơi đất Phật, hỗ trợ cho một dự án có đường hướng tạo môi trường chuyên tu cho mọi Phật Tử sau này cũng như nói lên một biểu tượng văn hóa (Chùa Một Cột) đặc thù của dân tộc và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất truyền thống của chúng ta.

Vào tháng 12 cuối năm nay, phái đoàn hành hương sang chiêm bái đất Phật do Thượng tọa Bốn sư của chúng tôi hướng dẫn đoàn sẽ tổ chức buổi lễ đặt viên đá đầu tiên nơi khu đất này để chuẩn bị cho giai đoạn xây cất sơ khởi vào năm 1999, và kiến trúc chánh điện chính vào năm 2000. Chúng tôi dự chi và phác họa cho hai dự án xây cất tối như sau:

1. Xây dựng hai khu nhà để dùng làm Văn phòng, nơi ở cho quý thầy, nhân viên phụ tá và một chánh điện, thư viện tạm để làm nơi lễ bái và tu học hàng ngày. Dự án này sẽ được xây vào cuối năm 99 và hoàn tất khoảng 6 tháng sau đó với dự chi 85.000 US\$.

2. Chùa Một cột sẽ là đại diện chính, được xây theo mô hình chùa Diên Hựu Một Cột ở miền Bắc Việt Nam với kích thước khoảng gần 10 lần lớn hơn. Dự tính xây vào

Sơ Đồ Tổng Kế Khu đất & Dự án xây dựng Trung tâm tu học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng
Giáo. Đăng. số. 166: Xây dựng văn phòng & nhà ở (Tháng 9 năm 1999-2000)
Giáo. Đăng. số. 167: Xây dựng Đại điện chính chùa Một Cột (2000-2003)
Giáo. Đăng. số. 168: Khạch đá Hành đạo Viên. (2003-2010)



năm 2000 và hoàn tất 2003 với chi phí ước tính khoảng 250.000 US\$.

Để có thể hoàn thành hai bước đi kế tiếp một cách viên mãn, chúng tôi kính mong quý vị tiếp tục hỗ trợ cho bằng cách cúng dường (xin tùy hỷ, bao nhiêu cũng được), hoặc cho mượn Hội Thiện (số tiền từ 1000 US\$ đến 5.000 US\$ trong thời hạn 5 năm).

Kính nguyện Tam Bảo gia hộ cho quý vị được vạn sự hanh thông, kiết tường như ý.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

Cung kính.

Thích Hạnh Tấn & Thích Hạnh Nguyễn

Xin liên lạc:

Mỹ Châu: Cô Đồng Từ Nhơn Nguyễn.
1414 Sunshine Ct. San Jose,
CA 95122. U.S.A. Tel: 408-2959867.

Canada: Đạo hữu Huỳnh Ngọc Liên & Bùi Xuân Bách. 2175 Ave Lioned Groulx
App# 2. Montréal. Québec. H3J 1J2.
Canada. Email: bui@videotron.ca

Âu Châu: T.T Thích Như Điển. Chùa Viên Giác.
Karlsruher Str. 6 - 30519.
Hannover. Germany. Tel: 49-511-879630.
Fax: 49-511-8790963. Email:
pvg@mail.comlink.apc.org,

hoặc chuyển thẳng vào trưởng mục đặc biệt được mở giữa T.T Viên Giác và chúng tôi để xây dựng Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Ấn Độ. Xin chuyển vào: Pagode Vien Giác Indien. Deutsche Bank Hannover. Konto Nr. 540 8042 - BLZ. 250 700 70.

Ấn Độ: Thích Hạnh Nguyễn. P.O Box 48.
Kushalnagar. Distt Kodagu -571 234. K.S.
India. Tel/Fax:
91-8276-74652. E-Mail:
tenzin@giasbg01.vsnl.net.in

Thông báo phần tài chánh (tính đến ngày 31-8-1998)

Phật Tử cúng dường từ Mỹ:

Đợt một: 45.564 US\$. Mượn Hội Thiện: 20.000 US\$

Đợt hai: 13.883 US\$

Tổng cộng hai đợt từ Mỹ: 79.429 US\$ (kể cả phần mượn Hội Thiện là 20.000US\$)

Phật Tử từ Canada: 1509 US\$

Tại Đức và các nước khác ở Âu Châu:

Đợt một: 22.874 US\$. Mượn Hội Thiện: 16.666 US\$

Đợt hai: 3541 US\$.

**Tổng cộng ở Âu Châu: 43.081 US\$ (kể cả phần mượn Hội Thiện là 30.000 DM)
Tất cả là: 124.019 US\$**



SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

● LỜI KÊU GỌI TỰ DO - DÂN CHỦ - NHÂN QUYỀN CHO VIỆT NAM

Hãy về Berlin ngày thứ Năm 10.12.98 từ 9:30 đến 17 giờ. Biểu tình tại: Brandenburger Tor Berlin và trước Lãnh sự quán CSVN tại Berlin. Cũng là dịp tham quan thành phố Berlin, là thủ đô Đức Quốc vào năm 2000.

Chúng tôi có tổ chức xe Bus đi từ München, từ đêm ngày 9.12.98 và đón tại Nürnberg, Bayreuth, Hof và Gera... Để tiện cho việc thuê xe, xin quý vị và các bạn ghi danh và đóng 70 DM để giữ chỗ, vì số chỗ có giới hạn nên ưu tiên cho người ghi danh và đóng tiền trước, chậm nhất đến ngày 15.11.98. Mọi chi tiết xin liên lạc:

Tel. 0911/ 8148754 và 089/ 6373565
Ban Tổ Chức trân trọng kính mời.

● THÔNG CÁO KẾT QUẢ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG KỲ II

Việt Nam Quốc Dân Đảng đã khai mạc Đại Hội Đại Biểu lần thứ II vào ngày 28.8.98 tại Orange Country, miền Nam California - Hoa Kỳ. Các Đại Biểu đại diện cơ sở Đảng tại các Tiểu Bang Hoa Kỳ và Âu Châu đã về tham dự Đại Hội.

Suốt trong ba ngày làm việc tích cực, Đại Hội đã ghi nhận các báo cáo công tác do Đại Biểu Khu Đảng Bộ và Châu Đảng Bộ trình bày. Đồng thời Đại Hội đã thông qua Báo Cáo Chính Trị, Đảng Cương, Đảng Quy, soạn thảo Nghị Quyết và Tuyên Ngôn của Đảng.

Trong không khí cởi mở, các Đại Biểu sôi nổi thảo luận Đảng Quy và Đảng Cương VNQDD và bầu các thành viên lãnh đạo Đảng, như: Hội Đồng Pháp Quy - Hội Đồng Giám Sát - Hội Đồng Chấp Hành...

Đại Hội long trọng bế mạc vào chiều ngày 30.8.98 trong niềm tin tất thắng.

● ĐỀN THỜ QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG

Lời kêu gọi của Chí sĩ Trần Văn Ân - vận động lập "Đền Thờ Quốc Tổ"

Kính thưa quý Đồng Hương,

Người Việt Nam chúng ta từ bao đời vốn mang nặng truyền thống "yêu nước, thương dân" dù tình cảm và hành động thể hiện ra sao (ngoại trừ một số ít lãng quên nguồn cội). Truyền thống đó càng thiết tha nơi người Việt hải ngoại luôn mong "Ngày về" với "Mẹ Việt Nam" nghìn đời cao quý, thân thương. Trong lúc chờ đợi "Ngày về" tốt đẹp đó, chúng tôi dự định tạo lập cái "Khung Văn Hóa" cùng "Không khí Việt Nam" nơi hải ngoại bằng cách xây dựng "Đền thờ

Quốc Tổ Hùng Vương" tại Bruxelles, thủ đô Bỉ Quốc cũng là thủ đô của Cộng Đồng Âu Châu. "Đền thờ Quốc Tổ" sẽ là nơi thể hiện truyền thống Việt Nam, một "công trình lịch sử Việt Nam" nơi xứ người, nơi "hội tụ" tinh anh Văn Hóa Việt Nam hải ngoại và cũng là nơi gặp gỡ đồng hương mỗi lần du lịch Âu Châu. Công trình xây dựng đòi hỏi thiện chí và khả năng chung sức chung lòng của tất cả đồng hương chúng ta vốn nặng lòng với "Đất Tổ Quê Cha". Thay mặt Ban Vận Động, chúng tôi chân thành kêu gọi đồng hương hảo tâm đóng góp để công trình xây dựng "Đền thờ Quốc Tổ" sớm được thực hiện.

"Cây có Cội, Nước có Nguồn", chúng tôi tin tưởng quý Đồng Hương, dù thuộc thành phần và lớp tuổi nào, nhiệt tình đồng tâm hưởng ứng việc xây dựng "Đền thờ Quốc Tổ", một công trình lưu lại vết tích Văn Hóa Việt Nam nơi xứ người. Mọi ủng hộ, xin chỉ gửi tiền về Ban Vận Động sau khi chúng tôi thông báo đầy đủ "giấy phép, địa điểm, họa đồ kiến trúc" cũng như ngày giờ diễn tiến về việc xây dựng.

Cầu xin Quốc Tổ linh thiêng soi sáng lòng người và diu dắt toàn thể chúng ta sớm ngày "Quang phục Quê Hương", sớm ngày "Hội tụ non sông" để sung sướng nhìn lại thời gian lưu lạc đã để lại một "Kỷ niệm" khó quên qua một công trình Văn Hóa quy mô là "Đền thờ Quốc Tổ" nơi một miền thế giới ta đã tạm dung.

Trân trọng kính chào quý Đồng Hương và cầu chúc quý Đồng Hương mọi an lành, thư thái.

Rennes, ngày 01 tháng 08 năm 1998

Địa chỉ liên lạc tạm thời: Bà Hoàng Thị Thu. Rue de la Croix de Fer 37 - B-1000 Bruxelles - Belgique. Điện thoại: 02/ 513.92.12

PHỎNG VẤN

BS ĐỖ VĂN HỘI, CHỦ TỊCH ỦY BAN QUẢN TRỊ TRUNG TÂM SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG MỘT TRUNG TÂM ĐA DẠNG, MỘT NỖ LỰC VÀ LÀ NIỀM KIÊU HÂN CỦA CỘNG ĐỒNG TRUNG TÂM FLORIDA

● Từ Nguyễn, Paris

Nhân dịp đến Orlando mỗi đây, chúng tôi đã có cơ hội đến thăm khu đất của Cộng Đồng Người Việt Trung Tâm Florida tựa mãi được ở trung tâm thành phố Orlando. Đây là khu đất khang trang, nằm cạnh bờ hồ, rộng hơn 5 mẫu tây, nơi sẽ xây dựng Trung Tâm Sinh Hoạt của Người Việt Trung Tâm Florida.

Những công trình xây cất đó đang còn trong kế hoạch nhưng trên khu đất đó, cỏ vàng ba sọc đỏ tung bay cạnh cờ sao và sọc, đã có một văn phòng lưu động tạm (office trailer) một sân khấu lộ thiên để cho những cuộc tổ chức tập hợp trong năm, mà mỗi đây nhất là Chợ Tết Mậu Dần...

Phần khởi trước những hoạt động của Cộng Đồng VN tại Orlando đồng thời nhằm giới thiệu với người Việt khắp nơi công trình đại quy mô này nên sau khi rời Florida, tôi đã gửi bài phỏng vấn tới Bác Sĩ Đỗ Văn Hội, Chủ Tịch Ủy Ban Quản Trị Trung Tâm Sinh Hoạt Cộng Đồng. Các câu hỏi và trả lời

được chuyển qua đường điện thủ nguyên văn như sau:

Sáng kiến thành lập

Từ Nguyên: Xin anh cho biết sáng kiến thành lập Trung Tâm Sinh Hoạt Cộng Đồng (TTSHCD) có từ bao giờ và nhằm mục đích gì?

BS Đỗ Văn Hội, Chủ tịch Ban Quản Trị: Ý định thành lập một trung tâm sinh hoạt của Cộng Đồng Việt Nam tại Orlando được nảy sinh từ lâu do từ nhiều vị trong Cộng Đồng với những lý do sau:

- Để có nơi sinh hoạt văn hóa, giáo dục, thể thao, thanh niên, chính trị, nói chung là sinh hoạt của Cộng Đồng, giảm được chi phí và khó khăn khi phải đi thuê hội trường;

- Là nơi để du khách đến thăm viếng; là biểu tượng của Cộng Đồng Việt Nam Tự Do, là kết quả của tình đoàn kết, là niềm tự hào của người Việt tỵ nạn, của Cộng Đồng VN.

Tài sản đó sẽ còn mãi để truyền lại cho thế hệ mai sau...

Một biểu tượng

Hỏi: Quý vị tính ở lại đây muôn đời hay sao mà thành lập Trung Tâm?

Đáp: Cho dù sau này một khi dân chủ tự do được văn hồi trên đất nước Việt Nam, nhiều người sẽ trở về sống trên quê nhà nhưng cũng còn rất nhiều người khác nhất là con, cháu, chắt của chúng ta sẽ ở lại nơi đây. Đây sẽ là một biểu tượng của người Việt, như vườn Nhật ở San Jose, phố Tàu ở Nữu Ước hay ở San Francisco...

Hỏi: Quý vị trong Cộng Đồng đã chuẩn bị như thế nào?

Đáp: Như bạn đọc đã biết, tại Orlando chúng tôi có một tổ chức chung mang tên là Cộng Đồng Người Việt Trung Tâm Florida, viết tắt là CĐVN/TT/FLA, tên Anh ngữ là Vietnamese Association of Central Florida (VACF). Cộng Đồng quy tụ hầu hết các tổ chức, hội đoàn, thành lập từ năm 1988, có giấy miễn thuế lợi tức của Liên Bang. (Với giấy phép đó, ai tặng tiền cho Cộng Đồng được trừ thuế).

Khi chúng tôi được bầu vào Ban Chấp Hành, một trong những dự án chúng tôi đề nghị là xây cất một TTSH. Với nhiệm kỳ hai năm, chúng tôi thiên nghĩ không thể hoàn tất được nên chúng tôi đã tạo một nền móng căn bản để các vị khác tiếp nối.

Yếu tố nhân hòa

Hỏi: Không ngờ rằng chính anh phải công đảng kế hoạch này.

Đáp: Vâng, thưa anh, chuyện là như thế này. Tháng 10.1997, nội quy của CĐ đã được tu chính và thay đổi có cấu của CĐ. Cơ cấu mới của CĐ gồm có:

- Hội Đồng Đại Diện gồm các Chủ Tịch của các Hội Đoàn và 7 thành viên được Đại Hội Cộng Đồng bầu 4 năm một lần. HĐDD đề cử Ban Chấp Hành và Ủy Nam Quản Trị TTSHCD mà tôi là Chủ Tịch Ủy Ban.

Hỏi: Kế hoạch của anh tạo nền móng cho TTSH là như thế nào?

Đáp: Tôi xin tóm tắt như sau:

1. Trước hết phải tạo được sự hỗ trợ của đồng hương đối với dự án xây cất trụ sở và TTSH. Đó là yếu tố nhân hòa quan trọng nhất.

2. Thành lập Ban Vận Động Xây Cất TTSH.

3. Thành lập Ban Quản Trị Xây Cất: Tiền ủng hộ xây cất bỏ vào trương mục

riêng, chỉ dùng cho việc xây cất và do những người có uy tín trong CĐ cất giữ và trông coi. Ủy Ban Quản Trị trước đây gồm những vị rất có uy tín, ai cũng nề phục: Ông Đoàn Thảo, Chủ tịch, Bà Bửu Sao, Phó chủ tịch Ngoại vụ, Ông Hồ Nhơn, Phó chủ tịch Nội vụ, Ông Nguyễn Dồi, Tổng thư ký, Bà Nguyễn Tri Hiệp, Thủ quỹ.

4. Quyền góp một số tiền sơ khởi để đặt cọc mua đất.

Mua đất

Hỏi: Quý vị đã quyền được bao nhiêu để đặt cọc mua đất?

Đáp: Chúng tôi quyền được trên 20.000 Mỹ kim trong một thời gian ngắn.

Hỏi: Tiếp theo, sau khi đã có tiền là tìm mua đất. Orlando đất rộng, người thưa, chuyện này chắc không khó mấy?

Đáp: Chuyện đó dễ mà khó. Florida đất rộng người thưa. Giá nhà đất rẻ chỉ bằng 1/3 nhà đất ở Cali. Thế nhưng kiếm nơi vừa ý thích, hội đủ đa số điều kiện đề ra không phải dễ. May thay, chúng tôi kiếm được miếng đất gần như mong muốn, rộng 5 acres 1/4 (khoảng 4 mẫu ta) nằm cạnh bờ hồ, trị giá 78.000 Mỹ kim. Chúng tôi đã trả trước 20.000, còn lại trả dần. Nay chỉ còn thiếu 40.000 Mỹ kim.

Hỏi: Thưa anh, tôi đã được tới thăm khu đất đó, thật là lý tưởng...

Đáp: Như anh thấy đó. Trong thời gian chưa xây cất, CĐ đã tổ chức nhiều cuộc sinh hoạt ngoài trời trên miếng đất, cờ quốc gia tung bay cạnh cờ Hoa Kỳ, một sân khấu lộ thiên, một văn phòng lưu động tạm, một bờ hồ mát mẻ nên thơ... Chợ Tết Mậu Dần đã được tổ chức tại đây quy tụ đồng bào khắp nơi về dự, mặc dù chưa có hội trường.

Đến nay chúng tôi đã làm xong các giấy tờ hành chánh.

Đất của cộng đồng

Hỏi: Theo giấy tờ hợp pháp thì miếng đất đó là của ai? Của riêng của một người, của nhiều người hay là của Cộng Đồng? Tôi nghe nói có người thắc mắc về điểm này.

Đáp: Cộng Đồng là một tổ chức hợp pháp, có giấy phép của Liên Bang. Đất này là đất của Cộng Đồng chứ không là của ai và cũng không ai có thể nhận làm riêng của mình được. Các giấy tờ hành chánh rành rành ra đó.

Hỏi: Vâng, xin anh bỏ lỗi nếu câu hỏi đó có thể làm anh phiền lòng.

Đáp: Không, tôi biết lắm chứ! Các anh thường hay tìm hiểu cho tôi ngọn ngành những sự thực là như vậy. Mọi hoạt động xây cất đều hợp pháp, tất cả chi tiêu có ghi sổ sách, đều có chứng từ. Tôi xin sẵn sàng trình bày mỗi khi có ai thắc mắc dù nhỏ để mọi người được an lòng.

Kế hoạch xây cất

Hỏi: Sau khi có đất rồi, quý vị bước qua giai đoạn xây cất.

Đáp: Việc xây cất gồm hai giai đoạn: Giai đoạn I, xây hội trường rộng lớn có thể tiếp đón 1.000 người với nhà bếp, phòng đợi, nhà chứa vật dụng... trị giá 400.000 Mỹ kim. Sau khi xây xong, Ban Quản Trị tạo thu nhập hằng tháng để trả tiền vay mượn vốn. Thu nhập hằng tháng là do tiền cho mượn hội trường hằng ngày, hằng tuần, tiếp tục quyền góp...

Dự án quyền góp một số tiền 100.000 Mỹ kim để có thể bắt đầu xây cất.

Sau khi trả hết đợt I, sẽ xây đợt II: Các văn phòng, lớp học, phòng đọc sách...

Sẽ thành công

Hỏi: Anh có thể cho biết chừng nào có thể bắt tay vào các giai đoạn đó không?

Đáp: Xây dựng Trung Tâm Sinh Hoạt Cộng Đồng là niềm mơ ước và là niềm hành động của tất cả mọi người Việt ở Orlando, Trung Tâm Florida. Đây không phải là một việc dễ dàng, vì dễ dàng thì đã có người làm được rồi. Đây là việc khó nên chúng tôi không dám quả quyết sẽ thành công nhanh chóng và thành công 100%. Tuy nhiên, với quyết tâm muốn đem lại một niềm kiêu hãnh đối với người bản xứ, đồng lòng mong muốn để lại cho con em một nỗ lực của thế hệ đi trước, với sự đồng lòng của tất cả mọi người trong CĐ, tôi chắc rằng chúng ta sẽ thành công.

Hỏi: Có một thời hạn nào phải tôn trọng?

Đáp: Thưa anh, có chứ. Nếu CĐ giữ vững ý chí như cho đến ngày hôm nay, tôi hy vọng dự án sẽ kết thúc trong vòng hai năm. Đó cũng là một thời hạn mà chúng ta sau khi được chính quyền chấp thuận, phải khởi công, nếu không phải xin phép lại từ đầu, tốn công, tốn của.

Từ Nguyên: Chúng tôi hết lòng cầu mong cho kế hoạch của các anh sớm thành công. Xin cảm ơn BS Đỗ Văn Hội đã dành cho tôi cuộc phỏng vấn rất súc tích.

BS Đỗ Văn Hội: Xin cảm ơn anh Từ Nguyên và tờ báo vì nhờ đó mà chúng tôi có thể giới thiệu tới bạn đọc là những người chúng tôi hằng quý mến không những về một kế hoạch mà chính là một hoài bão của tất cả chúng tôi ở Orlando. Mong anh khi có dịp về miền Nam Hoa Kỳ, trở lại thăm Orlando, nơi đây cây cối bốn mùa xanh tươi, phong cảnh hữu tình và người Việt luôn luôn thắm thiết. (TN) ●

GIỚI THIỆU CÁC TÁC PHẨM MỚI

● Băng nhạc Cassette **Việt Nam CỦA TÔI** do Nguyễn Đăng Giao chủ trương thực hiện và ca diễn, gồm 12 bản nhạc đấu tranh cho Việt Nam tự do, dân chủ, nhân quyền, trong đó có 6 bản nhạc do chính anh sáng tác và của các nhạc sĩ khác: Tạ Văn Thiệp, Việt Dzũng, Tô Huỳnh Văn.

Việt Nam Của Tôi là tiếng gọi tổ quốc thiết tha, là ước muốn bình thường của người dân Việt được sống trong tự do...

Việt Nam Của Tôi là cuốn băng nhạc góp phần vào đấu tranh chung loại trừ chế độ độc tài của CSVN (Lời tác giả).

**Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Đăng Giao
Leiergasse 7 - 56154 Boppard
GERMANY - Tel. 06742 82037**

● **CD VU LAN NHỎ MẸ CỦA NHẠC SĨ VÔ TÁ HÂN**

Tuyển tập 10 ca khúc nhạc phổ thơ từ những bài thơ ca ngợi về Mẹ của Thanh Nguyên (Ngày Xưa Có Mẹ), Dư Thị Diễm Buồn (Màu Hoa Cài Áo), Sương Mai (Bài Thơ Dâng Mẹ), Thích Quảng Độ (Dâng Mẹ),

Trần Trung Đạo (Đổi Ca Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười), Minh Đức Hoài Trinh (Mở Thấy Mẹ Về, Nhớ Mẹ), T.M.K. (Vu Lan Nhớ Mẹ), Thích Chơn Điền (Nhớ Mẹ), Thích Quảng Thanh (Tạ Ôn Sinh Thành).

Qua sự trình bày của các ca sĩ: Bảo Yến, Khắc Dũng, Trung Hậu, Thanh Long, Nhã Phương.

Hòa âm, phối khí và Mix của Quốc Dũng và các nhạc sĩ Quang Đại, Quang Phúc (keyboard), Kim Tuấn (guitar), Tám Bến Tre (bass), Quốc Dũng (keyboard, drums, percussion, guitar).

Địa chỉ liên lạc: Võ Tá Hân
8 Paterson Hill - Paterson Tower # 10-16. Singapore 238567

● **MỘT THOÁNG TRONG THỞ, TUYỂN TẬP THỞ, NHẠC CỦA NGUYỄN TẤN HÙNG**

Do Miệt Vườn xuất bản, 1997, gồm 64 bài thơ về tình yêu, thân phận, quê hương đất nước và 31 bản nhạc do chính tác giả phổ tử thơ của mình.

Nguyễn Tấn Hùng là nhà văn, nhà thơ rất quen thuộc với độc giả bốn phương, sinh năm 1945 tại Mỹ Tho, cựu sinh viên Đại Học Khoa Học, gia nhập quân đội và tốt nghiệp khóa 17 Sĩ Quan Hải Quân Nha Trang. Trúcc năm 1975, ông cộng tác với Ra Khơi, Lướt Sóng, Ván. Ra hải ngoại, ông viết cho hầu hết các tạp chí, đặc san.

Tuyển tập Thơ Nhạc Một Thoáng Trong Thở, 130 trang, Lời giới thiệu của Phan Ni Tấn (N.D), thay Lời Bạt của Phú Văn. Bìa của Đồng Trung Dư, nh nghệ thuật của Lê Quang Xuân. Trình bày: Hồng Lan. Giá 10 Mỹ Kim

Thư tử và ngân phiếu xin gửi về:
Miệt Vườn
B.O. Box 4084 - Gerden Grove,
CA 92642 - USA

● **SÁCH TỬ VI & ĐỊA LÝ PHONG THỦY DƯỠNG TRẠCH CHO 100 TUỔI (1904 - 2003) CỦA NGŨ QUỐC PHONG: GỒM BA PHẦN:**

Phần 1: Về số phận và vận hạn của con người qua hai khoa Tử Vi Đẩu Số và Địa Lý Phong Thủy:

- Những quan niệm khác nhau về số mệnh con người;
- Tử Vi Đẩu Số là gì? (Can Chi sinh khắc trong năm sinh, Kết hợp mệnh cục, 12 cung trên một lá số;
- Địa Lý Phong Thủy, Âm và Dương Cơ (Một số điều kiêng cử thông thường trong khoa Phong Thủy)

Phần 2: Giải luận về Tử Vi và Đẩu Số cho 100 tuổi, nam + nữ (tên những hướng cát hung và những điều xấu tốt do các hướng mang tới).

Phần 3: Cải số thế nào để cuộc sống dễ chịu hơn (Họa là thế nào, Phúc là thế nào, Tử tướng kim cổ, Đông Tây).

Sách dày trên 400 trang do tác giả xuất bản năm 1997 tại Hoa Kỳ. Giá 26 Mỹ kim.

Liên lạc với:
Gs. Ngô Quốc Phong
14515 Carnidal Creek Ct.
Houston, TX 77062
USA - Tel. (281) 488-7550

● **BẢNG THƠ VIỆT CHỈ NHÃN:**

Với giọng ngâm của các nghệ sĩ: Hồng Vân, Mai Hiền, Huyền Trân, Thúy Vinh, Kim Lê, Bích Ngọc, Bảo Cường và Đoàn Yên Linh qua các thể điệu tao đàn, sa mạc, ru bác, tự sự Huế, tao đàn Huế, tao đàn Nam, hò Đồng Tháp, hát nói, lầy Kiều, bông mạc...; và tiếng nhạc đệm của các nghệ sĩ: Bảo Cường và Song Nguyên (sáo trúc), Thúy Hạnh (đàn bầu) và Thạch Cầm (đàn tranh); qua 24 bài thơ của Việt Chí Nhân: Ngôi Sao Nhỏ, Chỉ Minh Em, Lòng Tôi, Trà Hết Cho Ai, Thao Thức, Tinh Xưa, Tiềm Thức, Giấc Mơng Tỉnh, Nhớ Người Trong Mơng, Nàng Thơ, Có Nhau, Nhỏ, Éo Le, Anh Biết, Lòng Lại Nở Hoa, Xa Nhau, Nhấn Nàng Thơ, Lòng Trinh Nữ, Em Hãy Sống, Nháy Mắt, Về Đi Anh, Ai Bảo Em, Nghe Em Hát, Mối Hối Nào.

Qua Thư Ngô, tác giả viết: Ngâm thơ là một sắc thái đặc biệt và độc đáo của dân Việt, nên chữ ngâm không thể nào dịch sang ngoại ngữ được. Người Trung Hoa cũng có chữ ngâm, nhưng chỉ đọc kéo dài tiếng ra chữ không ngân nga qua nhiều giai điệu khác nhau như chúng ta. Một bài thơ ngâm lên như một người đàn bà trang điểm; vì nếu vốn đã đẹp thì sẽ đẹp lộng lẫy, còn nếu không đẹp lắm thì sẽ đẹp hơn. Cho nên những âm thanh kết tinh dân tộc tính này, những giai điệu quốc hồn quốc túy này cần phải được bảo tồn và phát huy nếu chúng ta muốn không đác tội với tổ tiên...

● **TẬP THỞ NHẠC VÀNG HƯƠNG MỘNG NGỌC CỦA HOÀNG NGỌC QUỲNH GIAO**

Do Bruxelles - Belgique xuất bản năm 1998. Tựa của Giáo sư Nguyễn Đức Hiền (Hoa Kỳ), Bạt của Bác sĩ Trần Văn Tích (Đức). Sách dày 154 trang, gồm 78 bài thơ đủ thể loại và đặc biệt 10 bản nhạc do chính tác giả phổ thơ của mình. Bìa và phụ bản bằng tranh của Quỳnh Giao. Trình bày: Hoàng Anh Hào, Đoàn Thanh Tùng và Hoàng Ngọc Quỳnh Giao.

Hoàng Ngọc Quỳnh Giao - nhà thơ áo trắng - Nữ Bác sĩ Hoàng Ngọc Quỳnh, tốt nghiệp Y Khoa Tổng Quát năm 1983 tại Vương Quốc Bỉ, là nhà thơ quen thuộc với độc giả báo Viên Giác và của các Tập San Y Sĩ (Canada), Nội San Y Sĩ Việt Nam (Hoa Kỳ), Nguyệt San Y Tế (Hoa Kỳ), Nội San Y Sĩ (Pháp).

Địa chỉ liên lạc:
Mme Hoàng Ngọc Quỳnh
6 Ave. L. Houyoux - 1160 Bruxelles - Belgique

hoặc:
Mr. Nguyễn Quang Phong -
245 Basondale Dr.
Mississanre, Ontario L4Z 3T5 - Canada
Giá ủng hộ cho công tác tình thương của Nhóm Phượng Vỹ:
10 Mỹ kim hay 14 Gia kim.

● **TẬP SAN THI CA SỐ 15:**

Do Đức Tường, Hoài Tâm, Lạc Dương chủ trương và thực hiện. Phát hành mỗi năm 4 số. Hình thức báo tặng, tem thư, tài chánh ủng hộ tùy theo lòng yêu thơ, có thể chuyển về cho Tập San THI CA theo địa chỉ: Lê Tuấn Tâm : Konto Nr : 5710 5041
BLZ : 701 50 000 . Stadsparkasse München

TÌM THÂN NHÂN

■ **Tìm bạn Đỗ Quốc Tuấn**, trước ở nhà 6 Nguyễn Tri Phương, Quận 10, Sài Gòn, có nhà là Tiệm phở Tướng Lai, cũng là môn sinh Võ Thuật VOVINAM -Việt Võ Đạo. Khoảng năm 1988 vượt biên, được tàu Anh vớt, định cư tại Canada.

Hiện giờ anh ở đâu xin liên lạc về bạn: Nguyễn Văn Thành - Neunkircher Str. 19 66299 Friedrichsthal-Bildstock W. GERMANY. Tel. 06897 - 842564

■ **Thầy tìm học sinh tên: Nguyễn An Khương**, quê ở Vị Thanh - Cần Thơ, được biết hiện nay em đang sống ở Mỹ.

Được tin này em hãy liên lạc Thầy gặp hoặc bà con nào biết xin chỉ dùm rất cảm ơn.

Thầy: **Trần Văn Sáu** - Hội Thánh TIN L NH - Vị Thanh - Cần Thơ -Việt Nam.

■ **Tìm chú là Phạm Xuân Hải** trước ở tại Zollhaus Str.13

Nay ở đâu tin về cho cháu : Quốc Anh (con bố Mai Sao). Birkenstr.54. 79576 Weil Hoac Tel. : 07621 / 65564.

Handy 01712881377

■ **Biểu xe sinh đôi**
Tôi tên là **Trần Thị Liên** - Địa chỉ Polderweg 12 - 26465 Langeoog. Tel. 04972 - 990069.

Tôi có một chiếc xe sinh đôi để đẩy trẻ con. Nay con tôi đã lớn. Tôi muốn giúp đôi vợ chồng nào có thể đẻ song sinh, gọi điện thoại đến cho tôi, tôi sẽ gửi tặng.

KẾT QUẢ XỔ SỐ VU LAN NGÀY 19.9.1998 TẠI CHÙA VIÊN GIÁC - HANNOVER

Độc Đắc : 1201. Hàng Nhất : 0722
Hàng Nhì : 1267 . 20 Giải Hàng Ba :
0820, 1479 , 0347 , 0165 , 0197 , 0575 , 0236 , 0616 , 0730 , 0781 , 0186 , 1486, 0014 , 0411, 1245 , 1247 , 0437, 0702 , 0161 , 0192.



Thư và Thi

Thu năm ấy khi về
đây rét buốt
Lá vàng rơi nhiều
lắm ngập đường đi
Một mình ta làm
lúi đến trường thi
Đầu trống rỗng, áo
quần vương khói
thuốc
Và như thế: hần
nhiên là thi trượ t...

■ **Đoàn Công**

**● BẢN TIN CỦA TIỂU BAN GIẢI TRỪ PHÁP NẠN
TẠI HANNOVER & VÙNG PHỤ CẬN**

Theo những nguồn tin mới nhận được từ trong nước. Nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam, do sức ép quốc tế, kết hợp với những đấu tranh ôn hòa bất bạo động tại nước ngoài và trong nước, đã buộc phải trả tự do cho một số tù nhân chính trị. Trong đó có một số vị lãnh đạo tối cao của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất như: Hòa Thượng Thích Quảng Độ; Thượng Tọa Giáo sư Thích Tuệ Sỹ; Thượng Tọa Tiến sĩ Thích Trí Siêu. Tuy vậy, theo Thông Tư của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo GHPGVNTN tại Hoa Kỳ, theo lập trường của GHPGVNTN, thì "Chín điểm yêu sách gửi nhà nước CHXHCN Việt Nam" do Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN viết từ Quảng Ngãi ngày 26.06.1992 vẫn chưa được giải quyết toàn bộ. Ngoại trừ việc trả tự do rất hạn chế trong yêu sách thứ 3, vào đầu tháng 9.1998 này. Đón củ như về cái chết của Hòa Thượng Thích Thiện Minh, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, tại Nha Công An TP Hồ Chí Minh năm 1978; Về vụ 12 Tăng Ni Phật Giáo tự thiếu ngày 02.11.1975 tại Thiền Viện Dược Sư ở Cần Thơ, v.v...

Trước sự kiện quan trọng đó, Ban Chấp Hành Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn Đức Quốc (B.B.V.) quyết định gửi về Việt Nam 100 Đức Mã ủng hộ giúp đỡ quý Thầy. Đây tuy là món quà vật chất nhỏ song trong hoàn cảnh còn khốn khổ của Tổ Chức, chỉ mong sao thể hiện được tấm lòng yêu Quê Hương và Đạo Pháp của toàn thể anh chị em.

Với nhu cầu cần thiết về Thông Tin, phục vụ cho mọi hoạt động của mình. Chúng tôi cũng đã liên lạc và đặt Bản Tin của Văn Phòng Phật Giáo Quốc Tế; và tờ báo Quê Mẹ, tiếng nói đấu tranh cho Phật Giáo tại diễn đàn Liên Hiệp Quốc (Paris).

Trong ít tháng qua, vì Tổ Chức BBV gặp một số khó khăn nên vấn đề thông tin có phần bị gián đoạn. Đó cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới cuộc họp vào hồi 15 giờ ngày 20.8.1998, được tổ chức tại trụ sở của Ủy Ban (Chùa Viên Giác).

Thượng Tọa Thích Như Điển, Tổng Thư Ký GHPGVNTN Âu Châu, Trụ Trì chùa Viên Giác đã tới tham dự, gặp mặt toàn thể anh chị em và nói chuyện trao đổi về một số tình hình hiện tại của Giáo Hội, cùng những phương hướng và mục tiêu đấu tranh cho Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam. Đồng thời Thượng Tọa cũng khẳng định rằng GHPGVNTN luôn luôn là chỗ dựa vững chắc cho các Tổ Chức, cũng như Tiểu Ban Giải Trừ Pháp Nạn Hannover và VPC (trực thuộc B.B.V) - một đoàn thể chính trị do GHPGVNTN và Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Đức Quốc thành lập và cổ vũ.

Toàn thể anh chị em đã thu xếp về tham dự đông đủ.

Sau hơn 3 tiếng đồng hồ bàn bạc giữa BCH và toàn thể hội viên, đây là kết quả về nhân sự của BCH trong thời gian từ nay cho tới phiên họp thường niên vào đầu năm 1999. Gồm có:

1. Trưởng Ban : Dương Văn Mạnh
2. Phó Ban Nội Vụ :Thiện Lai Lê Thanh Tùng
3. Phó Ban Ngoại Vụ : Nguyễn Việt Cường
4. Thông Tin Báo Chí : Thiện Hậu Nguyễn Minh Hiền
5. Thủ Quỹ : Đào Thị Kim Loan

Cuộc họp cũng bàn thảo phương hướng kế hoạch trong thời gian trước mắt: Sẽ tham gia phối hợp lập bản thông tin, tuyệt thực, biểu tình... với các Tổ Chức chính trị trong khu vực và các nơi khác, nhân ngày 02.9.1998.

Vào ngày 02.9.1998, tại thành phố Bonn, trước cửa Đại Sứ Quán CS Việt Nam đã diễn ra cuộc biểu tình với mục đích phủ nhận ngày Quốc Khánh do Đảng Cộng Sản tổ chức hàng năm. Vì đây là ngày mà Tổ Chức phối hợp với nhiều Hội Đoàn chính trị tại Đức tiến hành nhiều hoạt động; Do vậy BCH BBV quyết định cử một số thành viên về tham gia phối hợp, do anh Nguyễn Việt Đức (Salzgitter) phụ trách, cùng đi còn có các anh chị em: Phùng Thị Thu Hằng (Hannover); Đoàn Hữu Hải (Salzgitter); Nguyễn Xuân Hùng (Salzgitter); Nguyễn Thành Nam (Fr'hafen).

Cùng thời gian này, tại thành phố Braunschweig, BBV phối hợp với Tổ Chức Thanh Niên Việt Nam Tỵ Nạn tại Peine, tiến hành Tuyệt Thực và lập bản Thông Tin phát truyền đơn với nội dung chính là đấu tranh cho Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam. Kết quả là các thành viên đã thu thập được 73 chữ ký ủng hộ của quần chúng nhân dân địa phương. Theo danh sách mà BCH ghi nhận bao gồm những người tham gia sau đây:

a. Tại Hannover và VPC:

1. Nguyễn Minh Hiền, Hildesheim .
2. Dương Văn Mạnh, Peine .
3. Lê Thanh Tùng, Bad Hrzburg .
4. Nguyễn Thái An, Bad Harzburg
5. Nguyễn Anh Dũng, Salzgitter
6. Nguyễn Việt Đức, Salzgitter.
7. Hoàng Xuân Bốn, Peine.

b. Tại Winsen/ Luhe:

8. Lương Bửu Tấn.
9. Hà Thế Hưng .

c. Tại Đông Đức:

10. Cáp Trọng Dũng.
11. Nguyễn Thanh Hồng.
12. Trần Minh Công.
13. Nguyễn Tiến Vinh

Ngày 30.9.1998 tại thành phố Hannover, Tổ Chức BBV lại tiếp tục xin giấy phép để lập Bản Thông Tin. Sau 3 giờ làm việc kết quả đã thu nhận được 113 chữ ký ủng hộ cho cuộc đấu tranh vì Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam. Tới tham

gia ngày hoạt động nói trên chúng tôi ghi nhận được các anh chị em có tên sau:

Tham gia trọn vẹn bao gồm:

14. Nguyễn Anh Dũng, Salzgitter
15. Nguyễn Minh Hiền, Hildesheim
16. Đặng Thị Hồng, Langenhagen.
17. Nguyễn Thanh Hồng, Möhlau.
18. Nguyễn Thị Hải, Köthen
19. Lê Thanh Tùng, Bad Harzburg
20. Dương Văn Mạnh, Peine.
21. Cáp Trọng Dũng, Möhlau
22. Đỗ Viết Tuấn, Peine .
23. Bùi Thị Hoa, Köthen .
24. Thạch Minh Hải, Bad Harzburg.

Tham gia với ít thời gian gồm có:

25. Hoàng Thị Tấn, Langenhagen.
26. Võ Thị Nga, Hannover.
27. Nguyễn Văn Phước, Hannover.
28. Đỗ Ngọc Oanh, Garbsen
29. Phạm Thị Tuất, Garbsen.
30. Vũ Tất Bằng, Hannover.

Sau một thời gian ngắn tiếp tục làm việc, BCH chúng tôi quyết định soạn thảo tiếp một số Điều Lệ của Tổ Chức cho phù hợp với tình hình hiện tại. Trong tháng tới sẽ quyết định thông qua và phổ biến tới toàn thể Hội viên.

Cuộc đấu tranh của Tổ Chức là bền bỉ và liên tục, góp phần mình vào những thay đổi tốt đẹp về tình hình Phật Giáo trong tương lai.

Ban Chấp Hành B.B.V . Tháng 10/98



Các thành viên của Tiểu Ban GTPN đang xin chữ ký và phân phát tài liệu ngày 30.9.1998 tại thành phố Hannover.

**QUỐC KHÁNH !
Hay nỗi đau của dân tộc Việt Nam ?**

• **Nguyễn Thế Quang** (Garbsen)

Lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam hơn 4000 năm đã có nhiều sự kiện đáng ghi nhớ, ngày 2.9 cách đây 53 năm ông Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên Ngôn khai sinh nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ta đầu có ngở đó chính là ngày khởi đầu cho những chuỗi ngày đau thương tang tóc, uất hận mà dân tộc ta phải gánh chịu suốt 2/3 thế kỷ

Sau thời điểm những người CS lên cầm quyền năm 1945, lịch sử thế giới và khu vực Đông Nam Á (trong đó có VN) có rất nhiều biến n chuyển lớn lao.

Do sự đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa, và ở chính quốc, dưới sức ép của LHQ, buộc các nước thực dân như Anh,

Pháp, Bồ Đào Nha v.v... phải trao trả độc lập cho các nước thuộc địa.

Tận dụng thời cơ này, nhiều nước trên thế giới đã đứng lên giành độc lập, trong đó có Việt Nam. Những người CSVN đã phản bội lại dân tộc, tự nguyện biến mình thành tên lính xung kích cho các thế lực cộng sản quốc tế.

Qua 9 năm "trường kỳ kháng chiến", vào năm 1954 những kẻ khát máu CS đã đặt ách cai trị lên khu vực miền Bắc VN. Với lý thuyết hoang đường và hoang tưởng của chủ nghĩa Mác-Lê, họ xây dựng một mô hình XHCN với những cuộc đấu tố điên cuồng trong đợt "Cải Cách Ruộng Đất" vào năm 1954-1956. Họ bịt miệng, bẻ tay, bẻ bút đối với tầng lớp trí thức, văn nghệ sĩ trong vụ "Nhân Văn Giai Phẩm" vào năm 1956-1958. Thanh trừng nội bộ những đảng viên cấp tiến với cái gọi là "Nhóm Xét Lại - chống Đảng" vào những năm 1958-1960. Bên cạnh đó đảng CS còn tiếp tục phát động chiến tranh bành trướng thế lực xuống miền Nam. Đẩy nhân dân ta vào cảnh huynh đệ tương tàn. Suốt 20 năm qua đã cướp đi 2 triệu sinh mạng của nhân dân vô tội và đến ngày 30.4.1975, miền Nam lọt vào tay quỷ đỏ CS cũng như ở miền Bắc năm 1954. Tại miền Nam đảng CSVN đã tỏ ra bản chất man rợ ngu dốt qua những cuộc cải tạo Công Thương Nghiệp, những cuộc trả thù bắt bỏ những chiến binh Quốc Gia, và cho đến nay dòng người bỏ nước ra đi vẫn tiếp tục. Họ ra đi với một tâm niệm "thả bước vào cõi chết để tìm ra chân lý, còn hồn sống chung với loài quỷ dữ CS ở Việt Nam"

Hơn 20 năm đất nước thu về một mối, dưới sự lãnh đạo của đảng CSVN đã dẫn dắt nhân dân quyết tâm xây dựng XHCN... Sau một thời gian Đảng trị quá dài, nhân dân ta đã gặt hái được những gì? Hiện giờ VN là một trong những nước nghèo nàn nhất thế giới. Với chủ nghĩa Mác-Lê, chế độ CSVN đã hủy hoại đất nước trên nhiều phương diện: Kiệt quệ về kinh tế, Truyền thống và đạo đức suy đồi. Với thiếu số tầng lớp Lãnh đạo Đảng ngang nhiên lộng hành và thâu tóm đất nước, đồng lõa với Tư Bản ngoại bang để bóc lột nhân dân lao động. Độc ác và tàn bạo hơn là những chiến dịch đàn áp Tôn Giáo, chửi rủa tinh thần của nhân dân. "Ồ đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh" là quy luật muôn đời, do vậy có sự "xuống đường" của Tăng Ni, Phật Tử ở Huế vào năm 1994; và gần đây là những phong trào đấu tranh chống cường hào ác bá ở tại Thái Bình, Xuân Lộc - Đồng Nai - ...

Ồ hải ngoại chúng ta cần có một sức mạnh đoàn kết để đấu tranh tiêu diệt nốt chế độ độc tài đảng trị. Đó cũng là những yếu tố cần thiết để dân tộc VN chúng ta vùng bước đi lên cùng với sự phát triển của nhân loại tiến bộ bước vào kỷ nguyên mới ●

BÁO TIN

Thân Mẫu của chúng tôi là :

Cụ Bà MÃ THỊ SÁU

Đã mệnh chung ngày 09.10 nhằm ngày 19.08 năm Mậu Dần tại Việt Nam.

Hưởng thọ 75 tuổi

Lễ an táng lúc 6 giờ ngày 11.10 tại Việt Nam

Tang gia :

Trưởng nam : Hà Văn Hải vợ và các con

Em gái : Hà Thị Lan và các cháu

hộp thư Viên Giác

Trong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

THƯ TÍN

Cử Sĩ Chánh Trực (Canada); Võ Thu Tịnh (Pháp); Inna Malkhanova (Nga), Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn (Úc); TS. Lê Hiếu Liêm; Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế (Paris/Pháp); N.T.N.; Thi Thi Hồng Ngọc (Đức); Tu Di Trần Châu Lam (Hòa Lan); Phan Nam Giang (Thụy Sĩ); Hoàng Liên (USA); Cát Bội (Đức); Hoàng Đức Hà Ngọc Dú (Đức); Nguyễn Minh Trần Thị Túy Thanh (Đan Mạch); Quang Tuấn (Cali/USA); Tùy Anh (Đức); Thu Hồ; Hồng Nhiên & Thiện Căn Phạm Hồng Sáu (Đức); Phạm Thắng (Canada); Lê Mỹ Như Ý (USA); Đức Hướng Hồ Thanh (Đức); Quỳnh Hoa (Đức); Phù Vân (Đức); Sư Bà Thích Nữ Như Tuấn (Pháp); Văn Lang Trần Văn Ân (Pháp); Nguyễn Tấn Hưng (USA); Võ Tá Hân (Singapore); Nguyễn Thùy (Pháp); Ngô Quốc Phong (USA); Trần Minh Hòa (Đức); Tôn Quang Tuấn (Đức); Mai Hồng Khanh (Đức); Hoàng Ngọc Quỳnh Giao (B); Thiện Mẫn Nguyễn Minh Càn (Nga); Huy Giang (Đức); Đoàn Công (Đức); Từ Nguyên (Pháp); Nguyễn Minh Khánh (Canada); Người Quan Sát (Đức); Dr. Trần Văn Tích (Đức); Nguyễn Thế Quang (Đức).

KINH SÁCH & BÁO CHÍ

Đức: Ánh Sáng Dân Chủ số 14, 15; Tuổi Trẻ số 28, 29; Phật Báo Thông Tin số 1; Xa Xứ số 2, 3; Quê Hương số 23; Thiện Chí số 61; Der Mittlere Weg Nr.3; Cánh én số 81; Diễn Đàn Tự Do số 7, 8; Phục Hưng số 18, 19; Entwicklung und Zusammenarbeit 9; Development and Cooperation Nr.5; Développement et Coopération No.5; Bàn Tin Tâm Giác số 9; Bàn Tin Đức Quốc số 147; Tiếng Nói Tự Do số 12; Dân Chủ cho Việt Nam số 23; Tự Do số 33, 34, 35; Dân Chúa Âu Châu số 191, 192; Thông Tin số 4; Đất Nước số 29; Tạp Chí Việt Nam Hòa Bình số 15; Khơi Dòng Kỷ Niệm - Nguyễn Như Cương (Đức); Ánh Sáng số 13; Hướng Quê số 16; Tạp San Thi Ca số 15; Journal für Deutschland 10; Buddhistische Monatsblaetter Nr.4; Nhiệt Huyết số 18; Hưởng Việt số 13/98; Việt Nam Hòa Bình số 16; Dân Văn số 65; Sự Thật tháng 9/98; Phụ Nữ Dân Chủ số 20; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 93; Diễn Đàn Việt Nam số 87; Thời Mỏi số 3; Lotusblaetter.

Pháp: Việt Nam Dân Chủ số 23, 24; Hoàng Pháp số 83; Buddhist Studies Review No.1; Định Hưởng số 16; Nhân Bản số 23; Tiếng Nói Người Việt Quốc Gia số 1.

Thụy Sĩ: Mục Vụ số 170, 171.

Hòa Lan: Việt Nam Nguyệt San số 132, 133, 134; Buddhayana Zeitung Nr.2.

Na Uy: Pháp Âm số 4, 5/98.

Mỹ: Phật Quang Thế Kỳ số 35, 36; Chân Trời Mới số 8, 9/98; Tin Tức Phật Sự Hội Phật Giáo miền Nam Florida; Chánh Tín số 4, 5; Tiếng Yêu - Lê Mỹ Như Ý; Đẹp W. Magazine No.366; Buddha's Light Newsletter; Nguồn Đạo số 45; Giao Điểm số 30; Hồi Dương Nhón Quả.

Canada: Khai Thác Thị Trường số 31; Đi Tòai số 12, 14; Đối Lực số 28; Pháp Âm số 62.

Đài Loan: Liên Hoa Sanh Đại Sĩ; Hiện Đại Phật Giáo số 208, 209; Thiên Phật Sơn số 112; Art News Nr.34; Ch'ien Fo Shan Magazine.

Úc: Chuyển Luân số 10; Kinh Vô Lượng Thọ.

MỘT VĂN HỮU LẠI RA ĐI !

(Lời tiên đưa của nhà văn Phạm Thăng đọc trước huyết mộ của Văn hữu Nguyễn Văn Ba tại Saskatoon, 9:30 sáng ngày 17.8.98)

Văn hữu Thái Minh Kiệt bút danh Nguyễn Văn Ba thương mến!

Tôi xin đại diện văn hữu và bạn bè anh trên khắp Năm Châu đến tiễn đưa anh đây! Thật vô cùng sùng sốt khi chúng tôi được tin anh đột ngột ra đi về Miền Cúc Lạc không lời giã biệt bạn bè và các độc giả đang mến thương anh...

Chỉ còn vài phút nữa đây, anh sẽ nằm yên dưới lòng đất này!

Đúng như lời Phật dạy, thân chúng ta kết hợp bởi tứ đại... vậy thì chúng ta phải trở về với đất thôi... Nhưng anh trở về đột ngột quá. Anh còn bao nhiêu chuyện để biên khảo, để viết về quê hương cho bạn bè, độc giả khắp nơi đọc... Anh còn hẹn đi thăm anh em các nơi... anh còn hẹn về quê hương thăm lại những người thân yêu, thăm lại mái đình xưa gần cầu Nha Môn, tỉnh Sa Đéc, ... thăm lại mái trường của tuổi thơ... Anh chưa đi... vậy mà hôm nay anh nằm nơi đây...

Nhưng tôi tin là xác thân tứ đại nằm đây mà linh hồn anh được về Miền Vĩnh Cửu, vì đời anh đã làm đủ bốn phận của người bạn với bạn bè, đã làm tròn bốn phận người con của quê hương Việt Nam vì anh đã viết về *Cây Trái Quê Minh* cho giới trẻ sống trên xứ người biết, anh đã nhắc những giai thoại vui buồn thành ngữ: *Làm Mai, Lành Nợ, Gác Cu, Cầm Châu*... anh đã đề cao người phụ nữ đất Nha Môn của quê anh, tài đảm đang của phụ nữ Cần Thơ quê chị... về hiểu đạo anh đã viết nhiều về *Người Cha Thân Yêu*..., rồi nào là *Thành Đô Gió Bụi*, những chuyện vui buồn với ngôi trường Phan Thanh Giản, Cần Thơ... nhưng có phải anh có linh tánh gì khi anh viết *Tự Truyện* để coi như là tác phẩm cuối cùng? Đó là đối với dân tộc, còn với Canada, anh là chuyên viên khảo nghiệm Nông Nghiệp tài giỏi nên hiện diện nơi đây ngày hôm nay có rất nhiều bạn láng giềng, nhiều giáo sư trong chánh quyền tỉnh Saskatoon đến chào tiễn biệt anh. Với vợ con anh đã làm đầy đủ bốn phận chồng và cha để rồi chị Nguyễn Bạch Mai sẽ tiếp tục văn nghiệp anh cũng như hai con anh sẽ hũ dụng sau này.

Hiện diện nơi đây chỉ có một số bạn bè thân thuộc cũng như vợ hiền, con ngoan của anh, nhưng tôi tin chắc giờ này trên khắp năm châu, nơi nào có bạn bè của anh, có số độc giả thương mến anh là nơi đó có những con tim đang hướng về đây thương tiếc và cầu nguyện cho anh vì tôi biết chỉ một ngày sau anh nằm xuống, tại Toronto, nhân dịp đến làm Phật sự, Hòa Thượng Thích Giác Nhiên đã cùng bạn bè làm lễ cầu siêu cho anh, tại Calgary, chùa Bát Nhã, Ban Hộ Niệm cùng với tôi đã có buổi lễ và tôi tin chắc tại vùng quê Nha Môn chúng ta, chùa Hội Phước cùng với gia đình anh bên đó đã có lễ cầu siêu cho anh rồi... cũng như tại đây đã

được Thượng Tọa tử Regina đến để chủ trì nghiêm trang lễ tiễn đưa anh...

Thương tiếc anh nhưng ai ai cũng mừng vì tin tưởng anh đã về đến đất Phật.

Thưa chị Nguyễn Bạch Mai, Chị cũng là văn hữu của anh Ba và chúng tôi. Chúng tôi xin chia buồn với chị sự mất mát người chồng... nhưng khuyên chị nên bớt âu sầu vì như chị biết đó: Những người làm văn nghệ ở hải ngoại như chúng ta mà được như anh là quá hân hạnh. Chỉ nội buổi sáng khi được tin anh ra đi... bạn bè khắp năm châu, từ Pháp, Đức, Mỹ, Úc v.v... đã điện thoại báo tin cùng nhau để sùng sốt và vô cùng tiếc thương... Chưa chắc các khách khách được như anh!

Văn hữu Thái Minh Kiệt, bút hiệu Nguyễn Văn Ba hãy mỉm cười ra đi... Tác phẩm của anh vẫn còn mãi trên văn đàn và hình ảnh của anh vẫn còn đậm nét trong lòng gia đình anh cũng như bạn bè anh!

Giờ đây, tôi xin thay mặt bạn bè khắp nơi đến chia buồn cùng chị Nguyễn Bạch Mai và nghiêng mình trước xác thân tứ đại của anh, cầu nguyện linh hồn anh vui sống nơi Miền Cúc Lạc ●

PHÂN ƯU

Vô cùng sùng sốt được tin

VĂN HỮU NGUYỄN VĂN BA

nhà văn của Miền phù sa sông Cửu Long đột ngột ra đi về Miền Cúc Lạc không lời giã biệt các bạn bè và độc giả đang mến thương, lúc 01 giờ 45 rạng ngày 14.8.1998, nhằm ngày 23 tháng Sáu năm Mậu Dần tại Saskatoon.

NHÀ VĂN NGUYỄN VĂN BA

tên thật **THÁI MINH KIẾT**, chủ biên nhà xuất bản Phù Sa, sanh ngày 18 tháng 8 năm Mậu Tý (1948) tại Nha Môn, Sa Đéc, già từ cuộc đời còn nhiều chuyện đang viết của anh trong vòng tay yêu thương của vợ hiền Nguyễn Bạch Mai và hai con.

Từ đây những tác phẩm về quê hương của Anh: *Làm Mai-Lành Nợ-Gác Cu-Cầm Châu, Phận Đàn Bà* (viết chung với Nguyễn Bạch Mai), *Thành Đô Gió Bụi, Cây Trái Quê Minh* (viết chung với Huỳnh Hữu Cửu), *Tự Truyện, Đất Lạnh Tinh Nông*... vẫn còn được mến mộ trên văn đàn hải ngoại, nhưng văn hữu Nguyễn Văn Ba 51 tuổi vui tánh này đã ra đi mãi... !!!

Các văn hữu và gia đình nguyện cầu hương hồn văn hữu **Nguyễn Văn Ba** được tiêu điều Miền Lạc Cảnh và thành thật chia buồn cùng Nữ văn sĩ Nguyễn Bạch Mai (phu nhân văn hữu Nguyễn Văn Ba).

Văn Lang Trần Văn Ân, Hương Giang Thái Văn Kiểm, Đỗ Trọng Huệ, Phạm Thăng, Huỳnh Hữu Cửu, Lê Văn Lân, Hứa Hoành, Xuân Vũ, Hồ Trường An, Kiệt Tấn, Lê Quang Xuân, Lâm Hào Dũng, Trần Long Hồ, Phù Vân, Vũ Nam, Lâm Vĩnh Thế, Dú Thị Diễm Buồn, Thái Dũng-Huyền Châu, Lê Văn Hai, Quách Tii-Kim Son...

Ban Biên Tập Báo Viên Giác, Các bạn Phù Sa Sông Cửu (Hội VL, VN, SĐ), Các bạn trường Phan Thanh Giản Cần Thơ, Các bạn trường Đại Học Hòa Hào Cần Thơ.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu gần xa, Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại, Bà Cố của chúng tôi:

Bà Quả Phụ TRẦN VĂN LỊCH
Nhũ danh Lê Ngọc Dung

Sinh ngày 18.10.1912. Tạ thế ngày 12.08.1998 tại Bretten-Neibsheim, Đức Quốc.

Thượng thọ 87 tuổi.

Lễ cầu siêu được cử hành tại nghĩa trang Bretten. Lễ an táng được cử hành tại nghĩa trang Pforzheim.

Chúng con xin chân thành cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, trụ trì chùa Viên Giác Hannover.
- Chú Hạnh Vân, chùa Viên Giác - Hannover.

Tang quyến chúng tôi cũng chân thành cảm tạ:

- Ban Hộ Niệm Karlsruhe

- Bà con, thân hữu xa gần...

- Anh chị Ngọc Sinh - Diệu Vân. Các Gđ: anh Võ Văn Giũ, chị Kim Phương Lệ, anh Trịnh Văn Ngón, Tuấn-Diện, Tấn-Sen, Giang-Nhàn, anh Khánh cùng các bạn ở Ubstadt-Weiher.

Trong lúc tang gia bối rối, có điều gì sơ sót kính xin quý vị niệm tình tha thứ cho.

Tang gia đồng bái tạ:

- Dưỡng nữ Lê Thị Hoa cùng chồng, các con và các cháu (VN)

- Dưỡng nữ Lê Thị Gấm cùng chồng, các con và các cháu (USA)

- Trưởng nam Mộng Văn Trần cùng vợ, các con và các cháu (USA)

- Thủ nam Trần-Lê Định Quốc cùng vợ và các con (VN)

Thủ nam Trần Bình Trọng cùng vợ và các cháu (Germany)

Cháu đích tôn Trần Kinh Dương (Đức).

Các cháu và chắt (USA & France)

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau buồn xin báo tin: Chồng, Cha và Ông chúng tôi là:

Ông NGUYỄN MẠNH DIỆP
Pháp danh Thiện Cửu

từ trần ngày 27.08.1998 (DL) tức vào ngày mùng Sáu tháng Bảy năm Mậu Dần, tại Mannheim Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Hưởng dương 57 tuổi.

Tang lễ đã được cử hành vào lúc 08 giờ 45 phút ngày 02.09.1998 tại nghĩa trang Mannheim.

Chúng con thành kính tri ân:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện chủ chùa Viên Giác - Hannover.

- Chú Hạnh Vân chùa Viên Giác - Hannover.

Đồng thời gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Quý vị trong Chi Hội Phật Tử Mannheim và phụ cận. Quý vị xa gần đã điện thoại, đến

tận nhà chia buồn và nhất là dành thì giờ quý báu đến tiễn đưa Linh Cửu của Chồng, Cha, Ông chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia hữu sự không sao tránh khỏi những điều thiếu sót, kính mong quý vị niệm tình hy thứ cho.

Tang gia đồng cảm tạ và ghi ơn

- Vợ: Vũ, Thủy Tuyết Phi

- Các con và các cháu.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu gần xa, Vợ, Mẹ, Bà chúng tôi là:

Bà NGUYỄN VĂN BÌNH
Nhũ danh Đặng Thị Hòa
Bi danh Nguyễn Thị Phương
Pháp danh Diệu Phúc

Đã thất lạc ngày 12.8.1998 nhằm ngày 21 tháng Sáu năm Mậu Dần tại Düsseldorf Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Thượng thọ 81 tuổi.

Lễ an táng đã cử hành hồi 13 giờ 30 ngày 18.8.1998 nhằm ngày 27 tháng Sáu năm Mậu Dần, tại nghĩa trang ELLER Düsseldorf. Chúng tôi chân thành đánh lễ và tri ân:

- Thượng Tọa Thích Minh Phú, trụ trì chùa Thiện Hòa,

- Các đại diện Tôn giáo, Đoàn Thể

- Chi Bộ đặc biệt VNQDD

- Đại diện Trung ương VNQDD Mỹ Quốc

- Các Xứ Đảng Bộ, Thành bộ VNQDD Âu Châu

- Cùng các thân bằng quyến thuộc, Bạn hữu gần xa đã gửi thư, điện thoại, phúng điếu chia buồn và đã dành thì giờ quý báu đến tiễn đưa Linh Cửu Vợ, Mẹ, Bà chúng tôi đến nơi an nghỉ ngàn thu.

Trong lúc tang gia bối rối, có rất nhiều điều sơ suất, kính xin quý liệt vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng bái tạ

- Chồng: Nguyễn Văn Bình

- Con gái: Nguyễn Thị Phú Hà, chồng và các con (Đức Quốc),

- Con gái: Nguyễn Thị Ngọc Minh, chồng và các con (Đức Quốc),

- Con gái: Nguyễn Thị Diệp, chồng và con (Đức Quốc).

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin, Em, Chị, Di, Bà của chúng tôi là:

Bà HUỲNH THỊ QUYẾN

từ trần ngày 12.08.1998 tại Landshut (CHLB Đức) nhằm ngày 21 tháng Sáu năm Mậu Dần, lúc 8 giờ.

Hưởng thọ 73 tuổi.

Lễ hỏa táng cử hành tại nghĩa trang Landshut ngày 19.8.1998 lúc 12 giờ.

Gia đình chúng tôi xin tri ân:

- Ban Hộ niệm, Hộ tri Niệm Phật Đường Tâm Giác München đã đến chủ trì tang lễ theo nghi thức Phật Giáo và phát tang.

- Các vị cao niên trong Gia đình Phật tử đã làm lễ tụng niệm, Cầu Siêu.

Tang gia xin chân thành cảm tạ các thân bằng quyến thuộc gần xa đã đến phân ưu, lễ bái và tiễn đưa Linh Cửu đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót, xin quý vị niệm tình thông cảm.

Tang gia đồng bái tạ

- Chị Huỳnh Thị Vĩnh - và các con

- Em: Huỳnh Thị Nga - em rể Trần Ngọc Thận

- Em: Huỳnh Thị Kiêm + Huỳnh Thị Tuyết

- Em Huỳnh Thị Thủy - em rể Nguyễn Văn Quyền

Các cháu:

- Nguyễn Thành Châu - vợ Đỗ Thị Tú Liên,

- Nguyễn Thành Trung,

- Nguyễn Thị Thanh Vân - chồng Trần Văn Quang - và các con,

- Nguyễn Thị Thanh Hà - chồng Trần Minh Tùng - và các con,

- Nguyễn Thanh Toàn - vợ Đỗ Thị Kiều và con,

- Nguyễn Thị Thanh Thúy - chồng Trương Minh Viễn và các con,

- Nguyễn Thành Đức - vợ Trần Thu Hồng,

- Nguyễn Thị Mỹ Dung - chồng Nguyễn Quang Thường - và con,

- Nguyễn Thanh Bình - Nguyễn Thị Mỹ Phương.

CHIA BUỒN

Được tin buồn

Chị Di Bà HUỲNH THỊ QUYẾN (ẢN)

mãn phần lúc 8 giờ sáng ngày 21 tháng Sáu năm Mậu Dần, tức ngày 12.8.1998, tại Bệnh viện Landshut (CHLB Đức).

Hưởng thọ 73 tuổi.

Gia đình em và mấy cháu xin thành kính chia buồn cùng gia quyến và nguyện cầu chư Phật thù từ tiếp độ Hương linh Chị sớm siêu sanh lạc cảnh.

- Gia đình Trịnh Thị Rành - Cuneo ITALIA

PHÂN ƯU

Được tin buồn, Thân mẫu anh Bửu Đạt Nguyễn Thanh Tâm và là Nhạc mẫu chị Thiện Trang, Chi Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử Saarland:

Bác ĐẶNG THỊ TẤT
Pháp danh Thiện Nhiên

đã tạ thế ngày ngày 11.9.98 nhằm ngày 21 tháng Bảy năm Mậu Dần tại Việt Nam.

Thượng thọ 84 tuổi.

Toàn thể Chi Hội thành kính cầu nguyện hưởng hồn Bác Bà sớm siêu sinh về cõi

Tình Độ và thành thật chia buồn cùng hai Đạo Hữu Bửu Đạt và Thiện Trang.
- Chi Hội PTVNTN tại Saarland, Trier & VPC.

PHÂN ƯU

Được tin buồn Thân & Nhạc mẫu Đạo Hữu Bửu Đạt Nguyễn Thanh Tâm & Đạo Hữu Thiện Trang, Chi Hội Trưởng Chi Hội PTVNTN Saarland - Trier và VPC là:

Cụ Bà ĐẶNG THỊ TẮT
Pháp danh Thiện Nhiên

sinh năm 1916 đã mệnh chung vào ngày 11.09.1998 tại Sài Gòn - Việt Nam.

Thượng thọ 84 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng Đạo Hữu và tang quyến. Nguyên cầu Hương linh Cụ Bà Thiện Nhiên Đặng Thị Tắt được vãng sanh về Miền Cực Lạc.

- Bà Tử Minh Lê Thị Ngọc & các con.

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn, Thân Mẫu Đạo Hữu Nguyễn Thanh Tâm, Pd Bửu Đạt, Chi Hội Phó Chi Hội PTVNTN tại Saarland & Trier, là:

Bác ĐẶNG THỊ TẮT
Pháp danh Thiện Nhiên

Thê thế ngày 11.09.1998 nhằm ngày 21 tháng Bảy năm Mậu Dần tại Việt Nam.

Thượng thọ 84 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành chia buồn cùng tang quyến và nguyên cầu Hương linh Bác Thiện Nhiên vãng sanh về miền Cực Lạc.

- Hội Phật Tử VNTN Đức Quốc và các Chi Hội PTVNTN tại địa phương.

- Ban Hướng Dẫn GDPT VNTN và các GDPT VNTN tại Đức Quốc.

PHÂN ƯU

Được tin

Cụ LÊ THỊ MÃO
Pháp danh Đức Hậu

nhạc mẫu anh chị Đặng Đình Lương, đã từ trần tại Aschaffenburg ngày mùng 7 tháng Tám Âm lịch.

Thượng thọ 96 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng tang chủ, đồng thời nguyện cầu cho Hương linh Cụ Bà sớm được tiêu diêu về miền Cực Lạc.

- Liên Chi Hội Phật Tử VNTN tại Aschaffenburg - Frankfurt - Wiesbaden và Vùng Phụ Cận.

CHIA BUỒN

Được tin buồn: Thân & Nhạc Mẫu anh chị Nguyễn Thanh Tâm (ở Trier) là:

Bác ĐẶNG THỊ TẮT
Pháp danh Thiện Nhiên

đã tạ thế ngày 11.9.1998 nhằm ngày 21 tháng Bảy năm Mậu Dần tại Việt Nam.

Thượng thọ 84 tuổi.

Gia đình chúng tôi thành kính phân ưu cùng anh chị TÂM và cầu nguyện Hương hồn Bác sớm siêu sinh nơi miền Tịnh Độ.

- Gđ. Chung vinh Hiếu
Vietnam-China Restaurant
Bambusgarten - Trier

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn, Thân Mẫu & Nhạc Mẫu anh chị Nguyễn Thanh Tâm (Pd Bửu Đạt & Thiện Trang) ở Trier, là:

Bác ĐẶNG THỊ TẮT
Pháp danh Thiện Nhiên

đã mệnh chung vào ngày 11 tháng 9 năm 1998 nhằm ngày 21 tháng Bảy năm Mậu Dần tại Việt Nam.

Thượng thọ 84 tuổi.

Các gia đình chúng tôi thành kính chia buồn cùng gia quyến anh chị TÂM và nguyện cầu chư Phật tiếp dẫn Hương Linh bác Thiện Nhiên được vãng sanh về Cực Lạc Quốc.

- Gđ. Đào Khánh Lộc (Schweich)
- Gđ. Trịnh Quang An (Konz)
- Gđ. Vũ Văn Dũng (Konz)
- Gđ. Trần Thị Yến (Trier)
- Gđ. Nguyễn Hiếu (Trier)
- Gđ. Linh Hương (Saarburg)
- Gđ. Trang (München)
- Gđ. Phường Ngân (Schweich)
- Gđ. Nguyễn Long (Konz)
- Gđ. Nguyễn Minh Tuấn (Qui) (Trier)
- Gđ. Võ Thanh Thi (Trier)
- Gđ. Vân Dự (Trier)
- Gđ. Vũ Thanh (Hermeskeil)
- Gđ. Mỹ.

CẢM TẠ

Gia đình chúng con xin chân thành cảm tạ :
Thượng tọa Thích Như Điển, trụ trì chùa Viên Giác, đã cử chú Hạnh Vân đến hộ niệm cầu siêu.

Đồng thời chúng tôi cũng xin chân thành cảm tạ :

Chi Hội Phật Tử Wiesbaden

Chi Hội Phật Tử Frankfurt

Các cựu đồng nghiệp hãng ITT Frankfurt

Tất cả quý cô, bác, anh, chị, em và bạn hữu gần xa đã phúng điếu, đến thăm chia buồn, điện thoại phân ưu cũng như dự tang lễ hộ niệm và cầu siêu cho hương linh

NGUYỄN VĂN NHỒ
Pháp danh Chánh Tâm
từ trần ngày 4.7.1998
Hưởng dương 50 tuổi

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ suất xin quý vị niệm tình hy thứ

Tang gia đồng bái tạ

- Gia đình Nguyễn Văn Nhồ



TIN VUI

Được tin Chú Thím Trà Bàu làm lễ Vu Quy cho :

Thú Nữ TRÀ THỊ BIÊN
sánh duyên cùng
TRẦN MINH DŨNG

Hôn lễ cử hành vào ngày 22.8.1998 (nhằm ngày mùng 1 tháng 7 năm Mậu Dần) tại Viersen - Đức Quốc
Chúc Cô Dâu & Chú Rể trăm năm hạnh phúc

GĐ. Trần Bá Kiệt

CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin buồn cùng Thân quyến & Bạn hữu xa gần của Em gái, Chị gái, Bà Di, Bà Cố chúng tôi là:

Anna TRẦN THỊ ÊN

Sanh ngày 24.06.1924 tại Sóc Trăng (VN)
Đã mệnh chung ngày 04.10.1998, nhằm ngày 14 tháng Tám năm Mậu Dần, tại Kloster Heiligenborn - Schramberg - Đức Quốc.

Hưởng thọ 74 tuổi.

Tang lễ được cử hành vào lúc 13 giờ 30 ngày 08.10.1998 (nhằm ngày 18.08 Âm năm Mậu Dần) tại Thánh đường Kloster Heiligenborn - Schramberg.

Tang gia đồng khắp báo

- Gđ. Chị: Trần Thị Quế Hương và Châu, Chắt (Mỹ)
- Gđ. Chị: Trần Thị Bưởi (Mỹ)
- Gđ. Em: Trần Thị Phước (Pháp)

PHÂN ƯU

Được tin Cô:

Anna TRẦN THỊ ÊN

Sanh ngày 24.06.1924 tại Sóc Trăng (VN)
Đã mệnh chung ngày 04.10.1998 tại Kloster Heiligenborn - Schramberg, Đức Quốc.

Hưởng thọ 74 tuổi.

Tang lễ được cử hành vào lúc 13 giờ 30 ngày 08.10.1998 tại Thánh đường Kloster Heiligenborn - Schramberg.

Gia đình các cháu thành kính phân ưu cùng Tang quyến. Cầu nguyện Hương linh Cô sớm được siêu thoát.

- Gđ. Huy Giang Trần Ngọc Nam (Schramberg)
và Trang Thị Phụng (Kloster Heiligenborn).

PHÂN ƯU

Được tin

Ông HUỲNH GIA KHÁNH

Đã mất ngày 29 tháng 9 năm 1998.
Hưởng thọ 65 tuổi.

Chúng tôi xin chân thành phân ưu cùng gia đình và Tang quyến. Nguyên cầu Hương linh người quá cố sớm được siêu thăng về miền Cực Lạc.

- Gđ. Nguyễn Thị Nhị
- Gđ. Liễu Thị Thà

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu gần xa của Chồng, Anh, Cha của chúng tôi:

Ông HUỲNH GIA KHÁNH tự Huỳnh Thành

đã từ trần vào lúc 7 giờ 50 ngày 29.9.1998, nhằm ngày mồng 9.8 năm Mậu Dần tại Hannover, Đức Quốc.

Hưởng thọ 65 tuổi

Tang lễ đã được cử hành vào lúc 11 giờ 30 ngày 10.10.1998 tại Hannover.

Tang gia đồng khắp báo

Tang quyến chúng con xin thành kính dâng lễ tri ân:

- Thượng tọa Thích Như Điển, Viện chủ chùa Viên Giác
- Ni Sư Thích Nữ Như Viên
- Sư Cô Thích Nữ Hạnh Ân
- Quý Chú chùa Viên Giác

Đồng thời chúng tôi cũng xin chân thành cảm tạ:

- Ban Hộ Trì Tam bảo Chùa Viên Giác
Quý thân bằng quyến thuộc. Bạn hữu xa gần đã dành nhiều thì giờ quý báu đến thăm hỏi, chia buồn, gửi hoa, gửi thiệp cũng như phân ưu qua điện thoại và đến tham dự lễ an táng cùng tụng kinh cầu siêu cho chồng, Anh, Cha của chúng tôi.
Trong lúc tang gia bối, có điều gì sơ sót. Kính mong quý vị niệm tình hỷ xả.
Tang gia đồng bái tạ

Thay mặt tang quyến:

- Vợ Lưu Anh
- Em Huỳnh Tú Dung
- Các con

LỜI CẢM TẠ

Con nguyện tu tập và giữ giới cho xứng đáng với công ơn của toàn thể Tăng Ni và các Bạn đồng môn trong khóa học Phật Pháp Âu Châu kỳ 10 tại Luzern (Thụy Sĩ).

Quý vị đã hết lòng cầu nguyện cho Con qua cơn bạo bệnh, xuất huyết não, trong suốt thời gian khóa học; Nay Con đã bình phục như xưa.

Con nguyện đem hồng ân Tam Bảo này, chia sẻ với tất cả chúng sinh khắp ba cõi, sáu đường để Công đức của Quý vị được sâu dày xứng hợp với bản hoài của chú Phật.

● Thiện Văn Nguyễn Văn Chưởng

LỜI CẢM TẠ

Con tri ân:

- Thầy Thích Như Điển
- Thầy Thích Quảng Bình
và toàn thể Tăng Ni tại chùa Viên Giác
- Mẹ con Ưu bà di Đạo Minh, người bạn khuyến tu chị Diệu Đông và Cố em Tịnh Trí

cùng toàn thể các Phật tử các Chi Hội tại Đức Quốc;

Đã nguyện cầu trong suốt thời gian chữa trị tại nhà thương với 2 lần mổ và 3 lần cắt động mạch để cứu sống. Nay Con đã bình phục. Con nguyện đem tất cả Công đức này thực hành Sáu Ba La Mật, Bốn Nhiếp Pháp, Bốn Vô Lượng Tâm mà hồi hướng cho chúng sinh trong hồng danh của chú Phật.

● Thiện Văn NGUYỄN VĂN CHƯỢNG

Moskva ngày 3.8.1998

Kính gửi Đạo Hữu Thị Tâm Ngô Văn Phát Hội Trưởng Hội Phật Tử Việt Nam Tự Nạn Cộng Sản tại CHLB Đức

Nam Mô A Di Đà Phật

Thưa Đạo Hữu kính mến,
Trong tháng 6/1998 vừa qua, khi ĐH Thiện Mẫn ghé lại thăm Chùa Viên Giác và kính chúc Thượng Tọa Trụ Trì thọ 50 tuổi, các Chi Hội trong quý Hội Phật Tử Việt Nam Tự Nạn tại CHLB Đức đã góp được một số tiền là 890 DM để cúng dường cho Phật sự của Hội Phật Giáo Thảo Đường ở Moskva và đã trao số tiền đó cho Đh Thiện Mẫn. Đạo hữu Thiện Mẫn đã mang số tiền ấy về Moskva và trao lại cho Hội Phật Giáo Thảo Đường cũng như báo cáo trước anh chị em Phật tử hôm lễ Phật. Danh sách cụ thể những tổ chức và cá nhân đã cúng dường như sau:

Ban Bảo Trợ GĐPT Chánh Niệm	100DM.
2. GĐPT Minh Hải, Norddeich	50DM.
3. GĐPT Chánh Tín, München	60DM.
4. GĐPT Chánh Giác	50DM.
5. Chi Hội Phật Tử Bá Linh	50DM.
6. Chi Hội Phật Tử Nürnberg	50DM.
7. Đh. Thị Chơn	20DM.
8. Hội Trưởng Thiện Sơn	20DM.
9. Chi Hội Phật Tử Mannheim	60DM.
10. Chi Hội Phật Tử Rottweil	30DM.
11. Chi Hội Phật Tử Frankfurt	50DM.
12. Đh. Trúc Ngộ	50DM.
13. Đh. Thiện Hậu	20DM.
14. Chi Hội Phật Tử Saarland Trier	30DM.
15. Chi Hội Phật Tử Hannover	50DM.
16. Chi Hội Phật Tử Freiburg	50DM.
17. Chi Hội Phật Tử Karlsruhe	50DM.
18. Đh. Diệu Đông	50DM.
19. Đh. Thị Lộc	50DM.

Chúng tôi xin thay mặt Hội Phật Giáo Thảo Đường thành tâm cảm tạ Đạo Hữu Hội Trưởng cũng như tất cả quý ĐH ở các Chi Hội Phật Tử đã có lòng nghĩ đến công việc Phật sự còn khó khăn của chúng tôi để giúp đỡ cho Hội Phật Giáo và Niệm Phật Đường Thảo Đường trong việc hoằng dương Phật Pháp ở xứ sở mà Đạo Phật còn chưa phát triển mạnh.

Chúng tôi xin chân thành kính chúc Đạo Hữu Hội Trưởng cùng quý Phật tử trong Hội thân tâm an lạc, vạn sự tốt lành và gia đình hạnh phúc.

Kính thư,

Thiện Xuân Inna Malkhanova
Hội Trưởng Hội Phật Giáo Thảo Đường

PHƯƠNG DANH CÙNG DƯỜNG

(tính đến ngày 11.8.1998)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cùng Dường Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ân Tống Kính, Pháp Bảo, trả tiền bánh trái v.v....

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cùng Dường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhờ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cùng Dường, xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chùa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mỗi báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chủ ĐH (Đạo Hữu) ở bên trên.

● TAM BẢO

ĐH. Phạm Viên (BS) 100DM. Trần Vinh Cam (Münster) 400DM. HHHL ĐH Quách Tâm Pd Thiện Đạt Tạ Ngọc Hoa (Hamburg) 300DM, HHHL ĐH Quách Bình. Lê Thái Bảo (Suisse) 25,65DM. Lê Thị Tuyết Hồng 50DM. Nguyễn Nhân Châu (Hude) 20DM. Đoàn Văn Thời (Pforzheim) 100DM. Trần Văn Phi (Frankfurt) 50DM. Trương Trần Vũ Phan 100DM. Phạm Văn Thái (Memmingen) 20DM. Nguyễn Hữu Hiền (Rosendahl) 100DM. Quách Trang Tân (Bremerhaven) 100DM. Trịnh Lan Văn (Peine) 10DM. Ngô Thị Xuân Hòa 20DM. Trần Chính Thành (Hannover) 10DM. Gründler 10DM. Ricky & Stevan 100DM. Lí Thúy Phượng (Pforzheim) 50DM. Nguyễn Niệm 30DM. Nguyễn Hữu Nha (Ý) 50,000Lire. Nguyễn Bạch & Chúc Tiến (Neu Anspach) 120DM. GĐĐH Trần Văn Quang (Hannover) 650DM, HHHL ĐH Nguyễn Thị Viên Pd Viên Mãn. Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 50DM. Lương Hồng Hạc (Frankfurt) 100DM. Cao Bích Dung (Hilkenbrook) 20DM. Nguyễn Quốc Nguyễn (*) 40DM. Chu Nguyễn (Langenhagen) 20DM. Đặng Việt Hoàn (Chemnitz) 50DM. Hoàng Văn Hải (*) 50DM. Vũ Quốc Kỳ (Berlin) 40DM. Trần Thị Dung (*) 20DM. Hoàng Tuấn Anh (*) 20DM. Nguyễn Xuân Huân (*) 30DM. Tạ Đình Quý 50DM. Trần Thế Toàn (Koblenz) 140DM. Diệu Yên Nguyễn Thị Bình (Rosengarten) 100DM. Nguyễn Hòa (USA) 12US. Nguyễn Văn Đại (Mainz) 10DM. Ngô Thị Nga (Pháp) 100FF. Nguyễn Văn Bi (*) 100FF. Đinh Văn Thu (Speyer) 200DM. Nguyễn Huy Thắng (*) 100DM. Trần Kim Lê (Berlin) 500DM. Lê Trung Hải (Chemnitz) 50DM. Đoàn Quang Khai 50DM. Nguyễn Huỳnh Đức 100DM. Thiện Văn (Karlsruhe) 50DM. Lê Thị Đò (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Thị Ngao (Aschaffenburg) 30DM. Phượng Thị Đại (Kleinostheim) 100DM. Ngọc Hà (BS) 10DM. Chi Hội PT/VNTN tại Frankfurt & Wiesbaden 300DM. Thiên Hùng Vạn 50DM. Ralf. Văn 3DM. Đào Thị Thu Ngọc (Offenbach) 40DM. Lê Vinh & Long 10DM. Tạ Văn Thị (VN) 20DM. Tạ Minh Cường (Sangerhausen) 10DM. Vũ Hùng Hà (Hannover) 20DM. Đặng Thị Phượng 50DM. Trần Thanh Hải

20DM. Hoàn & Di (Garbsen) 10DM. Nguyễn Minh Tuấn (*) 20DM. Ni Cô Trí Niệm (Pháp) 1.000FF. Phạm Thị Kim Oanh & Sơn (Hildesheim) 400DM. Thiện Pháp (Nga) 100US, HHHL ĐH Nguyễn Đức Thịnh. Trương Thị Ven (Lörach) 20DM. Đặng Ngọc Bình (Schrozberg) 10DM. Chí Thành Leuchtweis 200DM. GĐĐH Lê Thị Tâm (Aschaffenburg) 3.110DM, HHHL PT Nguyễn Văn Thanh. GĐĐH Trịnh Thị Cú (Bremen) 500DM, HHHL ĐH Trịnh Thị Cú. Nguyễn Thanh Liên (Spaichingen) 30DM. Nguyễn Thị Phương Hoa 100DM. Trần Thanh Huệ (Münster) 20DM. Đỗ Ngọc Linh 20DM. Eric Boehne 20DM. Bạch Thị Hiền (Bad Hersfeld) 20DM. Tạ Quang Huy (Hamburg) 40DM. Nguyễn Mạnh Hùng (Rotenburg) 20DM. Thu Dung (Burgwedel) 10DM. Trần Ngọc Huệ 40DM. Trần Thị Phượng 100DM. Nguyễn Minh Tuấn (Hannover) 10DM. Apon König 10DM. Tiw Seesa ARD 40DM. Nguyễn Văn Phượng (Delmenhorst) 100DM. Dương Thị Bích Đào (Liên Xô) 20DM. Mã Vinh 100DM. Oranong Hantel (Löhne) 20DM. Thuận (Hòa Lan) 100DM. GĐĐH Lý (Bremen) 2.500DM, HHHL ĐH Trịnh Thị Cú Pd Thiện Hạnh. Lâm Đạo Dũng (Speyer) 50DM. Trần Văn Minh (Mannheim) 50DM. Trần Thị Liên (Đan Mạch) 400Kr. Chung Ngọc Liên (*) 100Kr. Nguyễn Quốc Dân (Frankenthal) 50DM. Bảo Thuần (Sweden) 1.000Kr. Phạm Thị Hiền (Randensachen) 20DM. Nguyễn Văn Lâm 50DM. Nguyễn Gia Trường (Ludenscheid) 100DM. Vũ Chí Thiện (Amstadt) 10DM. Đào Thị Thanh Thủy 50DM. Đặng Văn Chiến 50DM. Lương Thị Hiền 20DM. Chu Văn An & Sen (Dresden) 100DM. Vina Trade Center (*) 200DM. Di Hoàn 10DM. Nguyễn Minh (Đan Mạch) 30DM. Nguyễn Văn Trinh (Neustadt) 50DM. Đoàn Mạnh (Berlin) 20DM. Mai Hồng Tuấn (Magdeburg) 30DM. Trần Dirk & Hằng (Stendal) 20DM. Trần Thị Hường (Garbsen) 20DM. Teiekner (Langenhagen) 40DM. Hồ Văn Điều (Göttingen) 30DM. Nguyễn Thúy Phượng 20DM. GĐĐH Trần Vinh Cam (Münster) 800DM, HHHL ĐH Quách Tâm Pd Thiện Đạt tuần chung thất. Ân danh (BS) 50DM. Phạm Hữu Phước (Berg-Gladbach) 100DM, HHHL ĐH Phạm An. Ngô Thanh Trí (Sigmaringen) 20DM. Ngụy Nhứt Thủ (Hannover) 100DM, HHHL ĐH Huỳnh Thị Xuân. Nguyễn Thị Hường 60DM. Lê Hoàng Anh 100DM. Chế Quang Hiến (Anh) 50 Anh kim. Lê Thị Tú (Burgwedel) 50DM. ĐH. Diệu Nghĩa (Canada) 100Can. Cô Tịnh Hiền & Cô Tịnh Hiếu (Pháp) 1.000FF. Lý Thị Bưởi (Köln) 50DM, HHHL ĐH Trịnh Thị Lệ Huê. Đỗ Thị Kim Hòa 100DM. Hoàng Công Phú 50DM. Lê Hùng Sơn (Schlaitdorf) 50DM. Trịnh Thiên Vương 20DM. Đỗ Mạnh Phấn 200DM. Trương Trần Vũ Phan 100DM. GĐĐH Lương Khai (Bad Iburg) 700DM, HHHL ĐH Huỳnh Xuân Hoa tuần chung thất. Nguyễn Bích Thủy (Hilders) 20DM. Nguyễn Mạnh Hà & Mai (Mainhausen) 100DM. Trần Mỹ Huệ (Münster) 10DM. Trần Thanh Huệ (*) 20DM. Trần Thế Huệ (*) 10DM. Trần Yên Huệ (*) 20DM. Trần Vinh Cam (*) 100DM. Trần Thắng Huệ (*) 20DM. Vũ Thị Hằng (Thalheim) 40DM. Văn An Scharpen (Hannover) 100DM. Bùi Đức Chung (VN) 10DM. Lương Huệ Dinh & Châu (Bad Iburg) 50DM. Phùng Mỹ Linh (*) 20DM. Fam. Lê (Garbsen) 10DM. Đặng Hành Nhơn 100DM. Âu Chí Hùng (Lengerich) 50DM. Nguyễn Kim Cường (Hilders) 50DM. Teiekner (Langenhagen) 5DM. Vũ Công Văn (Hundhaupten) 5DM. Nguyễn Hùng Gy (Zwickau) 20DM. GĐĐH Trần (Hannover) 500DM, HHHL ĐH Trần Nhị Song & ĐH Trần Thị Lan tuần Đại Tường. Huỳnh Hiệp Khoái 20DM. Diệu Đạo Nguyễn Thị Giỏi (Bi) 2.000FB, HHHL ĐH Nguyễn Tấn Liêm. Phan Văn Trộ (Hildrishausen) 30DM. Diệu Giác (Đan Mạch) 500Kr. Nguyễn Thị Lý (Sweden) 300Kr. Nguyễn Thị Sanh (*) 200Kr. Nguyễn Thị Nguyệt (*) 100Kr. Trương Hồng Bảo (Speyer) 50DM. Nguyễn Quốc Thịnh 50DM. Diệu Khánh (Ái Nhĩ Lan) 500DM. Đặng Ngọc Bình 40DM. Huỳnh Hào (Mühlacker) 30DM. Nguyễn Văn 20DM. Trịnh Xuân Sơn 50DM. Bùi Mạnh Cầu (Pháp) 100DM. Vương Khánh Giảng (Oberhausen) 65DM. GĐĐH Trần Văn Quang (Hannover) 470DM, HHHL ĐH Nguyễn Thị Viên. Đỗ Bích Lê (Berlin) 50DM. Nguyễn Huy. Trường (Friedrichsdorf) 20DM. Lê Minh Việt (*) 100DM. Vũ Bích Nga (Tiệp) 30DM. Lê Tùng Phượng (Pháp) 200DM. Nami Shirayama 10DM. Đặng Thế Kiệt

100DM. Vương Mỹ Phượng (Ludwigshafen) 50DM. Trương Mỹ My (*) 20DM. Nguyễn Thị Hà (Cossebad) 50DM. Thiện Tánh 10DM. Đặng Khánh Nam (Frankfurt) 20DM. Vũ Thị Bích Liên (Halle) 20DM. Đỗ Tuấn Anh (*) 10DM. Quan An (Hanau) 20DM. Võ Thành Nhung (Ibbenbüren) 20DM. Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 50DM. GĐĐH Hoàng Ngọc Hoa (Rheine) 1.200DM, HHHL ĐH Vương Thị Hằng tuần Tiểu Tường, T.H.N. 20DM. GĐĐH Lê Văn Bảo (Đan Mạch) 500Kr. Lê Thanh 200DM. Trần Thị Tuyết Phượng (Hamburg) 100DM. Thị Thu Thảo Roman (Osnabrück) 30DM. ĐH Diệu Hường (Nga) 200DM. Trính Trọng Hiếu (Emden) 600DM. Trần Trính Thông 50DM. Bùi Thị HôngSen (Dresden) 100DM. Vũ Quý Giản (Pháp) 100FF. Nguyễn Ngọc Anh (*) 100FF. Chùa Trí Thủ (Suisse) 400FF. Cô Thanh Trà (Canada) 100FF. Nguyễn Đức Hà 100DM. Phạm Phú Đức (Suisse) 80FS. Trần Hiền (*) 100FS. Diệu Lý & Giác Huệ (*) 50FS. Cô Tịnh Hiền (Pháp) 40US. Đoàn Hòa (Mỹ) 50US. Khóa học Phật Pháp Âu Châu kỳ 10 Thụy Sĩ 890DM. Hà Văn Kiên (Phần Lan) 200FIM. Trần Thị Lệ Chi (Anh) 50Anh kim. Trần Xướng Bảo 50DM. Nguyễn Đạo (Hamburg) 100DM. Đào Thị Kim Loan (Langenhagen) 10DM. Trần Xuân Lộc (Frankfurt) 50DM. Hoàng Thị Chung (Weyhe) 10DM. Bùi Thị Mỹ Dung 30DM. Nguyễn Thị Huyền Trang (Hildesheim) 100DM. Phạm Đình Thành (Garbsen) 10DM. Ngô Đào Sơn (Fulda) 20DM. Lê Quang Tùng 10DM. Nguyễn Thanh Bình (Tiệp) 20DM. Võ Văn Dũng 10DM. Võ Thị Hồng Điệp (Anh) 10DM. Đỗ Thị Chí 40DM. Nguyễn Thế Trung (Norddeich) 50DM. S. Brokaup + D. Lenaway (Bad Oelderode) 100DM. Lê Phượng Dương (Brake) 20DM. Hòa + Chánh (Hamburg) 20DM. Fam. Tek + Eng 50DM. Dương Tú Lan (Canada) 20DM. Phan Suy So (Pforzheim) 20DM. Trương Thu Hường (BS) 20DM. Tô Duy Bình (Marl) 10DM. Nguyễn Thị Mai (Berlin) 30DM. Marianne Rauche (Hannover) 40DM. Huỳnh Thiết Huệ 200DM. Lâm Văn Thân (Oberusel) 50DM. Trần Lý Ái Phượng 50DM. Trần Kinh Hùng 100DM. Bùi Xuân Trường (Leipzig) 10DM. Thành + Nga (Oberhausen) 20DM. Nguyễn Thị Lan (Berlin) 20DM. Nguyễn Quốc Minh (*) 20DM. Y. Ooputta 20DM. Nguyễn Song Nam (Meißen) 10DM. Lê Hồng Sơn (Northeim) 10DM. Huệ Từ (Đan Mạch) 20DM. Hoa + Richard Trúông (*) 20DM. ĐH. Bảo (*) 150Kr. Trần Thiện Châu (Watenbüttel) 100DM. Nguyễn Thuận Quang 60DM. Thomas 50DM. Diệu Đế (Đan Mạch) 20DM. Ngô Thị Huyền Trang (Prenzlaw) 10DM. Ngô Duy Trường (*) 10DM. Phạm Thị Thinh (*) 20DM. Trần Đức Cường (Boppard) 100DM. Pionmai Sunarak 20DM. Loscher (Laatzen) 20DM. Trần Thị Thủy 20DM. Trương Quốc Dinh (Bensheim) 20DM. Nguyễn Duy Bình (BS) 20DM. Nguyễn Thị Lan (Berlin) 20DM. Thiện Hào (Koblenz) 500DM. Nguyễn Thanh Long (Berlin) 200DM, HHHL thân mẫu Tô Thị Bạc. Nguyễn Thị Bích Nguyễn (Eningen) 30DM. Nguyễn Thị Kim Thanh 40DM. Biện Thị Mai 50DM. Lý Trần Thị Phượng (Pforzheim) 50DM. Lâm Quốc Cam 200DM. China Rest. Dynastie (Watenbüttel) 400DM. Dương Tấn Phước (Rodgau) 30DM. GĐĐH Diệu Thanh (Na Uy) 2.000Kr. Vũ Thị Minh Lý (Hainburg) 50DM. Đào Thị Thanh Thủy 50DM. Đỗ Thị Ánh Thọ (Pháp) 200FF. HHGL ĐD. Thích Linh Thọ. Lê Văn Anh 50DM. Dương Anh Tuấn 50DM. Ngô Minh Thu (Frankfurt) 30DM. Đào Thiện Mẫn (Ronnensberg) 20DM. Trang Ngọc Tùng (München) 25DM. Thái Văn Mùi (Aurich) 50DM. Vũ Thị Dung 5DM. Trần Châu (Hamelin) 10DM. Hoàng Bergmann 20DM. Wolfgang Kaspar 10DM. Chi Kaspar 30DM. Phạm Văn Hải (Gießen) 20DM. Mai Diệu Khánh (Schwab.) 50DM. Nguyễn Anh Tuấn (Augsburg) 100DM. Lê Hoàng (Nga) 10DM. Nguyễn Tiến Sáng (Hòa Lan) 20DM. Trần Ngọc Phan (Dortmund) 20DM. Thắng + Nga + Linh (Porta West.) 20DM. Trần Ngọc Anh (Regensburg) 10DM. Khánh Hoa 20DM. Nguyễn Thị Mùi (Römenberg) 20DM. Lê Thanh Thanh 50DM. Hoàng (Hamburg) 20DM. Kie Lương Thị Hiền 20DM. Đặng Thanh (Einbeck) 20DM. Lê Quý Dương (Magdeburg) 50DM. Nguyễn Anh Phượng 20DM. Đặng Sĩ Linh 200DM. Nguyễn Thị Văn (Việt Nam) 20US. Thanh + Ngân + Sơn (Berlin)

20DM. Vũ Đình Khang (*) 20DM. Nguyễn Thị Kinh 20DM. Phạm Thị Uân (Hoa Kỳ) 50DM. Từ Châu Trí (*) 100DM. Đặng Thị Tý (Berlin) 20DM. Nguyễn Thanh Sơn (Stuttgart) 100DM. Vũ Thị Dung 5DM. Nguyễn Thu Ngọc 50DM. Lê Thị Bích Tùng (Hannover) 300DM, HHHH thân mẫu Nguyễn Thị Quế. Nguyễn Thanh Long + Nguyễn Thanh Tài + Đặng Thị Đông (Berlin + Hamburg) 100DM. GĐĐH Lê Thị La (Aschaffenburg) 2.000DM + 50US, HHHH PT Nguyễn Văn Thanh Pd Thiện Tĩnh tuần 49 ngày. Anh em bạn của Lương Ngọc Vân 180DM. Trần Thị Thu Thủy (Kleirinderfeld) 20DM. Trịnh Quang Vũ + Hoa 70DM. Teichner (Langenhagen) 10DM. Huỳnh Lục Diệp 10DM. Nguyễn Sinh Viên 50DM. Mã Đào Dân 50DM. Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 30DM. Nguyễn Hải Lượng 50DM. Hoàng Dung (Saarbrücken) 50DM. Trần Văn Liêm (Freiburg) 10DM. Bùi Thị Tuyết Mai (*) 10DM. Hoàng Thị Minh An (Lünen) 20DM. Y Kiến Hùng (Bielefeld) 30DM. Đặng Đức Thái 100DM. Nguyễn Thị Bích Huyền (Ludwigshafen) 50DM. Phạm Vĩnh Biên (Esterwegen) 40DM. Nguyễn Văn Lưu 50DM. Trần Minh Kiên (Hirschborn) 50DM. Lương Minh Trường (Krefeld) 50DM. Lê Thị Tam 50DM. Nyovinassachs Lê (Pháp) 5DM. Phạm Anivanh Thống (*) 5DM. Hoàng Việt 20DM. Nguyễn Văn Tiến (Aschaffenburg) 10DM. Trần Văn Cầu (*) 20DM. Nguyễn Thị Lan (*) 20DM. Trương Mạnh Ngọc 40DM.

● BÁO VIÊN GIÁC

ĐH. Blank, Anton (Balingen) 100DM. Nguyễn Thị Mai Trang (VS-Villingen) 20DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 30DM. Nguyễn Thế Việt 200DM. Phạm Thị Hai (Breuberg) 20DM. Nguyễn Phước Huỳnh (Köln) 20DM. Phạm Thị Thuận (Blasien) 30DM. Đinh Ngọc Nga (Frankfurt) 100DM. Nguyễn Thị Thu Lan (Winnenden) 50DM. Nguyễn Tấn Lộc 35DM. Tạ Mạnh Toàn (Wardenburg) 20DM. Vũ Đình Tùng (Plochingen) 30DM. Diên Văn Nghĩa (Rösrath) 30DM. P. Văn Phi (Hòa Lan) 50Guld. Nguyễn Văn Đại (Mainz) 10DM. Trịnh Ngọc Hiền (Frankfurt) 50DM. Ngô Thị Nga (Pháp) 100FF. Anh Nga (Böblingen) 20DM. Nguyễn Văn Hoàng (Ý) 50.000Lire. Hồ Tác Minh (Stein) 20DM. Hoàng Ngọc Linh (Helburgsdorf) 10DM. Nguyễn Tú Linh (Gütersloh) 20DM. Đàm Quang Anh (Mosbach) 50DM. Quách Mến (Suisse) 60DM. Trần (Salzgitte) 30DM. Nguyễn Thị Hạnh (Ansbach) 20DM. Huỳnh Công Nhan (Pháp) 200FF. Đào Thị Thu Ngọc (Offenbach) 20DM. Ngọc Hà (BS) 20DM. Dương Văn Nhưỡng (Neuss) 50DM. Hoàng Dũng Sĩ (Calw) 20DM. Nguyễn Xuân Cảnh (M'Gladbach) 100DM. Trương Thị Vẹn (Lörrach) 40DM. Dương Tấn Thanh (Wiesbaden) 20DM. Nguyễn Văn Hân (*) 30DM. Rieger, Lua (Drevelid) 50DM. Chi Hội PTNTN Karlsruhe 70DM. Couzet Teng (Pháp) 300FF. Lê Đăng Thủy (Ludwigshafen) 10DM. Hoàng Thị Sen (*) 50DM. Thái Thanh Thủy (Freiburg) 20DM. Trần Cú (Minden) 10DM. Huỳnh Trung Liệt (Norden) 20DM. Nguyễn Kim Thu (Reutlingen) 20DM. Trần Văn Sáu (Bielefeld) 20DM. Đinh Thị Nhón 40DM. Chu Văn An & Sen (Dresden) 50DM. Trần Văn Minh (Mannheim) 50DM. Nguyễn Thị Phê (Salzbergen) 20DM. Ngô Thanh Trí (Sigmaringen) 30DM. Nguyễn Văn Phú (Reutlingen) 50DM. La Kim Thuận (Suisse) 20FS. Bùi Văn Định (Berlin) 50DM. Lê Lan Anh (Neuss) 30DM. Trần Anh Tuấn (Wiesbaden) 30DM. Phan Đình Hào (Westhausen) 50DM. Đỗ Thị Kim Hòa 100DM. Nguyễn Huy Thảng (Speyer) 30DM. Nguyễn Văn Hoàng (Bad Homburg) 20DM. Nguyễn Hoàng Dũng (Mettmann) 40DM. Phạm Văn Phượng (Leonberg) 30DM. Trần Duy Hoàn (Bad Wurzach) 30DM. Phạm Văn Mộc (Langen) 50DM. Trần Ngọc Khu (Neuss) 200DM. Fam. Nguyễn (Lehrte) 20DM. Huỳnh Hiệp Khoái 30DM. Dương Văn Liêm 50DM. Nguyễn Văn Bi (Pháp) 100FF. Bùi Xuân Thao 50DM. Trần Đắc Vinh 700DM. Nguyễn Thị Dung (USA) 30US. Diên Văn Nhan (Bad Beuthheim) 20DM. Nguyễn Thị Thanh Hương (Emmendingen) 30DM. Văn Ngô Hứa (Pháp) 200FF. Vương Khánh Giảng (Oberhausen) 20DM. Ngô Văn Bé 50DM. Nguyễn Văn Lắm (Schaafheim) 50DM. Nguyễn (D'dorf) 20DM. Hà Hiền Thanh (Đan Mạch) 100Kr.

Lê Tùng Phượng (Pháp) 100DM. Nguyễn Xuân Nghiêm (Göttingen) 20DM. Nguyễn Văn Minh 50DM. Nguyễn Thị Leo (Ireland) 20DM. Nguyễn Thị Minh Châu (Siegen) 30DM. Lê Văn Công (Spaichingen) 50DM. Từ Thị Quế (Pháp) 200FF. Hoàng Công Phước (M'Gladbach) 100DM. Dương Thị Thành (Boppard) 20DM. Huỳnh Phi Hùng (Đan Mạch) 200Kr. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 100DM. Nguyễn Tấn Huệ (Ý) 30DM. Trần Anh Tuấn (Suisse) 20DM. Quang Thị Kim Hưu (Braeulingen) 20DM. Vũ Thị Dung (Neuburg) 20DM. Hà Văn Thọ (Pháp) 200FF. Bùi Thị Trâm (Suisse) 50DM. Phạm Văn Út (Ý) 10.000Lire. Trần Trung Trạch (*) 50.000Lire. Vũ Thế Phiệt (*) 20.000Lire. Nguyễn Khắc Sinh (Gelsenkirchen) 30DM. Phạm Bình (Hamelin) 200DM. Nguyễn Thị Nhị Em (Bochum) 40DM. Vũ Thị Hồng Ánh (Leopolshöhe) 250DM. Dương Tuấn Phát (D'dorf) 30DM. Huỳnh Hạnh (Lambrecht) 20DM. Phạm Hoàng Kim Trang (Suisse) 30DM. Trần Thúy Quỳnh (Neumarkt) 30DM. Huỳnh Văn Thân (Đan Mạch) 300Kr. Nguyễn Thị Thâm (Wiesbaden) 50DM. Huỳnh Tuyết Nga (Leer) 20DM. Trần Bá Kiệt (Geretsried) 50DM.

● ẮN TỔNG

ĐH. Ngô Văn Mai (Regensburg) 20DM. Nguyễn Mỹ Hằng (Dortmund) 50DM. Diệu Hoa (Pháp) 1.300FF. Lê Thị Bích Ninh (München) 40DM.

● KINH PHÁP HOA

ĐH. Nguyễn Thị Mai Trang (VS-Villingen) 30DM. Anh Nga (Böblingen) 20DM. Hồi hưởng cầu an ông Đồng Quang Ba & Bà Trần Thị Dứt và Bà Nguyễn Thị Tinh. Nguyễn Thị Bình (Nga) 150US. Lý Cẩm Liên (Braunschweig) 200DM, HHHH ĐH Trịnh Thị Cú Pd Thiện Hạnh. Diệu Đạo Nguyễn Thị Giỏi (Bi) 5.000FB, HHHH ĐH Nguyễn Tấn Liêm.

● THIỀN MÔN NHỰT TỤNG

ĐH. Ngô Quang Diễm Phi (Emmering) 600DM, chuyển từ việc in 1.200 quyển BYTC qua để Hồi Hưởng cho Thân phụ Ngô Quang Phước và Thân mẫu Trần Thị Xuân Pd Viên Mai được bình an mạnh khỏe. Anh Nga (Böblingen) 20DM, Hồi hưởng cầu an Ông Đồng Quang Ba & Bà Trần Thị Dứt và Bà Nguyễn Thị Tinh. Đào Thị Kim Loan + Đào Đức Dinh + Đào Phượng Mai (Langenhagen) 600DM chuyển từ việc in 1.200 quyển BYTC. Nguyễn Thị Phượng + Nguyễn Minh Đăng (Hannover) 100DM.

● NGHI THỨC TỤNG NIỆM

ĐH. Hoàng Thị Nga (Bad Beuthheim) 20DM. Vũ Tuấn Phong & Phượng (Satrup) 600DM, chuyển từ việc ấn tống 1.200 cuốn BYTC sang.

● KINH ĐỊA TẠNG

ĐH. GĐĐH Lý (Bremen) 2.500DM, HHHH ĐH Trịnh Thị Cú Pd Thiện Hạnh.

● MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Nguyễn Thị Lào 120DM. HLĐH Trần Khắc Hoan (Koblenz) 120DM. Bounthavy Kauphet & Trần Thế Cường 120DM. Lê Thị Bích Thảo 120DM. Lại Huỳnh Thiện Mỹ (Frankfurt) 120DM. Trương Thị Ngọc Hoa (Sweden) 1.200DM/10 tượng Phật. Lý Quốc (Vechta) 120DM. Phạm Thị Minh Huệ (Nga) 120DM. Lê Thị Tý (Aschaffenburg) 120DM. Lê Thị Tâm (*) 120DM. Lê Thị Phượng (*) 120DM.

● TƯỢNG QUAN ÂM

ĐH. Lâm Bung Hoàng (Kempten) 100DM.

● TƯỢNG QUAN ÂM THIÊN THỦ THIÊN NHÃN

ĐH. Lâm Bung Hoàng (Kempten) 100DM. Hoàng Minh Ngọc (Schwalbach) 20DM. Nguyễn Thị Phượng (Pracht) 20DM.

● XÂY CHÙA

ĐH. Nguyễn Hạnh Trinh (Kün.) 50DM. Hoàng Thị Nga (Bad Beuthheim) 20DM. Hồng Thanh (Hòa Lan) 25Guld. Nguyễn Thanh Hồng (Möhlau) 40DM.

● PHẬT ĐÀN

ĐH. Nguyễn Mạnh Diệp (Mannheim) 22DM. Ngô Văn Mai (Regensburg) 50DM. Lý Thị Hoa (Pforzheim) 40DM. Lê Văn Thanh (Bi) 500FB.

● VU LAN

ĐH. Bùi Quang Hạt (USA) 40US. Nguyễn Thị Bình (Nga) 50US. Diệp Thị Sơn (Aalen) 20DM. Lê Văn Thanh (Bi) 500FB. Vương Khánh Giảng (Oberhausen) 20DM. Từ Thị Quế (Pháp) 100FF. Đỗ Thị Mùi (Hamminkeln) 30DM. Đoàn Thị Thuận (Suisse) 100FS. Huỳnh Văn Văn (Bi) 500FB. Đặng Thị Đông (Stade) 20DM.

● TRẠI CÙI, MŨ, CÔ NHI VIỆN, VIỆN ĐƯỜNG LÃO

ĐH. Ngô Văn Mai (Regensburg) 10DM. Trần Văn Phi (Frankfurt) 10DM. Hünn Lê (Ludwigshafen) 20DM. Lê Thị Ngọc Diệp 50DM. Hoàng Thị Nga (Bad Beuthheim) 20DM. Vương Khánh Giảng (Oberhausen) 20DM. Lê Thị Ngọc Diệp 50DM.

● GIÚP NGƯỜI NGHÈO VN

ĐH. Hoàng Thị Nga (Bad Beuthheim) 20DM.

● CHÙA VIỆT NAM

ĐH. Hoàng Thị Nga (Bad Beuthheim) 20DM.

● QUỸ HỌC BỔNG NĂNG NI VN

ĐH. Trần Thị 100DM. Dương Văn Bưởi (Ludwigshafen) 30DM.

● AN CỬ KIẾT HẠ

ĐH. Lê Thị Bạch Ngọc (Oberhausen) 30DM. Diệu Đạo Nguyễn Thị Giỏi (Bi) 1.000FB.

● TRAI TẶNG

ĐH. Phạm Thị Minh Huệ (Nga) 50DM.

● HƯỞNG LINH KÝ TỰ

ĐH. Hoàng Trọng Dục & Hoàng Thị Vinh 150DM.

PHƯƠNG DANH CÙNG DƯƠNG

(Tính đến ngày 14.10.1998)

● BÁO VIÊN GIÁC

ĐH. Trần Hu (Sweden) 200Kr. Lê Văn (Spaichingen) 50DM. Thiện Thanh Nguyễn Duyên 50DM. T. Dương (Remchingen) 30DM. Trần Kim (Pforzheim) 50DM. Hồ Phước Ban (USA) 40US. Hà Thị Cẩm (*) 50US. Trịnh Thanh Tuyên (*) 30US. Âu Chí Hùng 100DM. Bùi Thị Thanh Xuân (Schweinfurt) 200DM. Ngô Bích Huyền

(Recheisheim) 20DM. Trần Ngọc Tâm (Wuppertal) 10DM. Nguyễn Thị Hoàn (Na Uy) 300Kr. Đà Lạt Rest. (Stuhr) 185DM. Đặng Thanh Phong 30DM. Nguyễn Thị Huyền Nga (Pháp) 200FF. Lại Ngọc Hải (Frankfurt) 50DM. Đỗ Thúy Hoa (") 20DM. Bathe Diệu Minh (Gießen) 20DM. Lê Thị Nga (Dietzhöztal) 20DM. Đoàn Thị Cẩm Tú (Pháp) 70DM. Lý Nguyên Quý (Bremen) 100DM. Quảng Ngô & Diệu Hiền (Laatzen) 50DM. Diệu Nữ & Thiện Căn (") 100DM. Hải Lan & Tuấn Anh (Dresden) 33DM. Thiện Từ Nguyễn Quang Bi (Hannover) 50DM. Lê Thị Tuyết Hồng (Krefeld) 50DM. Lữ Thị Minh Khánh (Emden) 50DM. Nguyễn Thị Loan (Lehrte) 10DM. Lê Văn Cát (Norden) 20DM. Phạm Văn Đăng 30DM. Phạm Thị Vân (Hòa Lan) 100DM. Nguyễn Hữu Trí 20DM. Nguyễn Hùng (Berlin) 20DM. Nguyễn Duy Doanh (Königsfeld) 20DM. Nguyễn Thế Hiến (Oberhausen) 20DM. Phạm Nguyễn Huy (USA) 20US. Văn Đình Minh (Wiesbaden) 20DM. Bùi Thị Mùi 50DM. Diệp Đức Lành (Canada) 50Can. Nguyễn Thu Thủy (Wittlich) 20DM. Xuân Thị Lande 260DM. Phạm Thị Kim Dung (Kirtorf) 30DM. Nguyễn Văn Quyên (Ergolding) 100DM. Lương Minh Trung (Siegen) 20DM. Trần Thị Đức (München) 20DM. Trần Châu Lam (Hòa Lan) 50DM. Châu Thế Mưu (Frankfurt/M) 20DM. Lê Thị Xuân Mai (Bi) 1000FB. Quan Bảo Cầu (Anh) 10Anh kim. Nguyễn Hào Nhường (Pháp) 300FF. Huỳnh Thị C. (USA) 79,72DM. Lý Thanh Hồng & Nguyễn Phước (Pforzheim) 50DM. Hà Văn Hón (Rosenheim) 50DM. Mme Trần Thị Vân (Pháp) 10DM. Mr. Trần (") 200FF. Gđ. Lâm Văn Hoa (Bi) 20DM. Lâm Thu Thịnh (Papenburg) 20DM. Braun Thu Dung (Altenstadt) 20DM. Nguyễn Phúc Lộc (Pháp) 100FF. Mme Hạng Văn Lương (") 100FF. Gđ. Đỗ Văn Lợi (Meerbusch) 100DM. Lương Tấn Minh (Stuttgart) 20DM. Triệu Cẩm Nguyễn (Halsloch) 20DM. Gđ. Huỳnh Thị Hoa (USA) 20US. Nguyễn Thị Dung (") 30US. Nguyễn Thanh Thủy (Uelzen) 20DM. Chiếu Hoàng Nguyễn Thị Phượng (Krefeld) 30DM. Thiện Như Lê Văn Ngọc (M'Gladbach) 100DM. Ông Trần Tánh (Troisningen) 20DM. Huỳnh Thanh Nhi 30DM. Nguyễn Văn Thành 50DM. Trần Thị Mai 210DM. Tạ Thị Ngọc Hoa (Wedel) 20DM. Nguyễn Thị Hiền (HH) 20DM. Nguyễn Thị Nhiên (Neu-Ulm) 30DM. Trương Kim Học (Landstuhl) 20DM. Nguyễn Đức Hiếu (Wörth) 50DM. Lê Văn Thuận (Göttingen) 20DM. Lân Văn Yến (Saarbrücken) 20DM. Hà Thị Tú (Fürth) 50DM. Trần Thị Kim Loan (Breuberg Neustadt) 20DM. Lai Kim Anh (Cagno Como/Ý) 25DM. Fam. Alberter Mỹ Linh (Hòa Lan) 15Guld. Lý Trọng Kim Châu (Otterbach) 25DM. Trương Quan Phúc & Phạm Thị Mai (Moschheim) 20DM. Lê Hồng Quân (Weingarten) 15DM. Trần Văn Nhung (Canada) 200FF. Bà Lê Khắc Phương Lan (Pháp) 100FF. Mme Songo Rukmany (") 100FF. Khương Bá Nha 30DM. Phan Thị Lan 10DM. Đồng Thị Gái (Ulm Wiblingen) 30DM. Nguyễn Văn Lân (Obrelungwitz) 20DM. Nguyễn Thị Tuyết Trinh (Ludwigshafen) 20DM. Đặng Văn Thịnh (Rötha) 20DM. Vũ Văn Thnh (Borna) 50DM. Lê Thị Mẹo (München) 20DM. Bùi Đăng Khoa (Wiesloch) 20DM. Kim Liên (Giphom) 20DM. Võ Văn Quế (Ý) 50.000Lire. Hà Thị Loan (Hagen) 20DM. Bùi Ngọc Vạn (Göttingen) 40DM. Hoàng Khánh Toàn 30DM. Trần Thị Liên 30DM. Trần Văn Sao (Bielefeld) 20DM. Hồ Thị Hương (Münster) 30DM. Trần Minh Hòa (Salzgitter) 20DM. Đỗ Thị Thu Hương (Pforzheim) 30DM. Lý Thị Mỹ Thu 25DM. Lý Thị Mỹ Dung 25DM. Ngọc Hà (BS) 10DM. Võ Thị Ngọc Em (Regensburg) 20DM. Ngô Văn Tùng (Wilhelmshaven) 20DM. Phan Quang Tú 40DM. Dương Hạnh Nhơn (D'dorf) 50DM. Thái Kim Huệ (Duisburg) 80DM. Lâm Châu Phước (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị Chung (Ludwigshafen) 20DM. Gs. Lê Văn Quĩ (Hòa Lan) 20DM. Nguyễn Thị Leo (Ireland) 100DM. Phạm Mai Sơn (Anh) 10 Anh kim. Trinh Thị Rành (Ý) 20.000Lire. Phạm Thị Ngọc Thủy (") 10.000Lire. Hồ Thị Thanh (Meerbusch) 50DM. Lê Đoàn Quý (Wedemark) 20DM. Trần Thị Mỹ Hạnh (Zappendorf) 20DM. Hélène Antony Đỗ (D'dorf) 50DM. Nguyễn Văn Mỹ 20DM. Thiện Long Nguyễn Đức Năng (Đan Mạch) 20DM. Lê Văn Nhi (Rudersberg) 20DM. Nguyễn Văn Thành (Friedrichsthal Bildstock) 20DM. Phạm Thị Ngọc Hoàng (Merzig) 10DM. Hồ Chí Hòa

(Pháp) 200FF. Võ Hữu Danh (Essen) 25DM. Shaoling Lee (Hòa Lan) 300Guld. Đặng Tuấn René (Altenerding) 50DM. Trần Thị Thu Hằng (Krefeld) 20DM. To Than Hoa (Berlin) 50DM. Oanh Huỳnh (Canada) 30Can. Nguyễn Văn Thuận (USA) 30US. Nguyễn Thị Xuân (Regensburg) 20DM. Gđ. Trần Văn Đường (Wittlich) 20DM. China Rest. Hung Ly (Oldenburg) 85DM. Nguyễn Thị Hoa 50DM. Đặng Văn Uy (Elsenfeld) 50DM. Tố Phú Thái (Rheinheim) 20DM. Nguyễn Văn Tú (Berlin) 20DM. Fam. Đỗ Mạnh Cường (Oldenburg) 40DM. Nguyễn Tấn Thảo (Wernigerode) 20DM. Nguyễn Thanh Bình (Đan Mạch) 100Kr. Mr&Mme Tan Chea (Pháp) 100FF. Phạm Thị My (") 200FF. Trần Hữu Hưởng (Trier) 20DM. Lý Minh Nghĩa (HH) 20DM. Nguyễn Thủy Hồng (Kiel) 20DM. Trần Thị Dung (Bielefeld) 20DM. Nguyễn Ngọc Vu (Fellbach) 20DM. Nguyễn Thanh Nguyệt (Hòa Lan) 25Guld. Lê Thị Lan (Aachen) 50DM. Nguyễn Văn Thịnh (Essen) 50DM. Huỳnh Thị Kim Thảo (Ý) 15.000Lire. Nguyễn Thị Tâm & Văn Búp (Berlin) 20DM. Trương Thị Ven (Lörrach) 50DM. Lâm Chí Trung (Münster) 30DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 20DM. Nguyễn Thị Chiến (Ludwigshaven) 50DM. Vũ Văn Viễn (Nürnberg) 20DM. Vi Trác (BS) 20DM. Ung Đức Dương (Bremerhaven) 50DM. Cao Ngọc Lang (BS) 20DM. Nguyễn Hiệp Diễm (Viersen) 10DM. Huỳnh Bích Phượng (Berlin) 50DM. Thái Túy Phượng 50Guld. Bùi Tấn Long (Spanien) 25Guld. Hoàng Đoàn Trang (Hildesheim) 20DM. Huỳnh Tích Anh (Hòa Lan) 50DM. Nguyễn Văn Hoàng (Münster) 20DM. Nguyễn Văn Tôn (Berlin) 30DM. Lý Tuyết Ngọc (") 20DM. Tôn Kim Lang (") 30DM. Nguyễn Minh Sơn (München) 20DM. Trinh Verda (Lünen) 20DM. Võ Văn Tú (Wiesbaden) 20DM. Nguyễn Văn Chung (Karlsruhe) 50DM. Nguyễn Thế Vinh (Heidelberg) 50DM. Đặng Phúc Tiến (Bayreuth) 50DM. Trần Văn Long (") 50DM. Nguyễn Thị Tân (Berlin) 20DM. Phi Thị Lan Hương (") 30DM. Tăng Như Ân (Ansbach) 20DM. Võ Toàn Trung (HH) 30DM. Lê Thành Trai (Gera) 20DM. Đào Thụy Chiên (Holzwickede) 20DM. Phan Din Lợi (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Tăng Lộc (Nürnberg) 30DM. Phan Văn Hòa (Minden) 20DM. Phạm Trọng Nguyễn (HH) 50DM. Lai Văn Hạnh (Regensburg) 30DM. Phan Văn Khanh (Rostock) 20DM. Đỗ Mạnh Quỳnh (") 20DM. Nguyễn Đình Hồng (Mannheim) 10DM. Trần Phước Cầm (Berlin) 50DM. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 30DM. Lê Thị Xuân Diệu (Bruchsal) 30DM. Khuu Tấn Tông (Ginsheim) 20DM. Lê Thị Mỹ (Schrondorf) 20DM. Trương Văn Xuân (Hannover) 30DM. Nguyễn Ban (Freiburg) 20DM. Quảng Phước (Minden) 20DM. Châu Tú An (Witten) 20DM. Phạm Hồ Lê (Herten) 20DM. Hồ Thị L. Phượng (Nordhorn) 20DM. Nguyễn Văn Thuộc (Marl) 80DM. Nguyễn Đức Phiến (Hildesheim) 20DM. Nguyễn Minh Tâm (Hochdorf) 30DM. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 20DM. Tô Văn Thịnh (B. Homburg) 50DM. Nguyễn Phước Hỷ (HH) 20DM. Cao Văn Biền (Varel) 20DM. Nguyễn Mưa (") 20DM. Bonhage Thu Anh (Osnabrück) 40DM. Ông Văn Hòa (HH) 30DM. Đỗ Thành Ôn (Vechta) 20DM. Hà Văn Trung (Stuttgart) 30DM. Lê Thanh Tung (Hoya) 30DM. Châu Lệ Anh (Sweden) 20DM. Đặng Văn Lục (Seevetal) 50DM. Huỳnh Văn Khương (Buchholz) 20DM. Nguyễn Hữu Hậu (Spaichingen) 20DM. Đặng Phan Chí Huy (Erfstadt) 20DM. Võ Thanh Hùng (Hanau) 20DM. Nguyễn Song Nga (Berlin) 20DM. Huỳnh Văn Bồng (") 20DM. Trần Kinh Dương (Ubstadt) 30DM. Nguyễn Thị Lệ Thanh (Salzbergen) 20DM. Trần Kiên (Bremerwörde) 20DM. Hoàng Quốc Hùng (Haizergode) 20DM. Châu Thị Song (Unna) 50DM. Trương Thanh Hoa (Landshut) 20DM. Liên Anh (Osnabrück) 50DM. Nguyễn Đình Quát (Landstuhl) 20DM. Phạm Gia Hiền (Erlangen) 20DM. Nguyễn Thị Kim Vinh (Nürnberg) 20DM. Hồ Kim Sinh (Pforzheim) 20DM. Hồ Hữu Lợi (Altdorf) 40DM. Hoàng Tôn Long (Frankfurt) 50DM. Nguyễn Phương Thảo (München) 40DM. Nguyễn Thị Ngọc Huyền (Aschaffenburg) 30DM. Lê Quang Yên (Hannover) 30DM. Mai Ngọc Đức (Hamelin) 30DM. Phan Văn Hách (St. Augustin) 100DM. Vũ Thế Hà (Bockelnhagen) 35DM. Kling Diệu (Ludwigshafen) 20DM. Đào Thị Liên (Recklinghausen) 20DM. Đặng Thanh Hải (Hòa Lan) 30Guld. Nguyễn Thị

Năm (Stolberg) 20DM. Gđ. Phạm + Khuu (Unna) 50DM. Đỗ Văn Nguyễn 20DM. Nguyễn Văn Khánh (Ferschweiler) 20DM. Lý Phan Thơ (Göttingen) 20DM. Thành Huệ Chiến (Giengen Brenz) 50DM. Mme Lormeau Marcel (Pháp) 200FF. Tri Túc Phạm (USA) 30US. Nguyễn Ngọc Hải (Leipzig) 15DM. Trần Hữu Hưởng 30DM. Nguyễn Minh Bửu (Hòa Lan) 30DM. Võ Văn Tam (Steinfurt) 20DM. Nguyễn Văn Thanh (Kassel) 20DM. Lý Trường Thị K. Anh (BS) 20DM. Trần Hoàng Ly (Darmstadt) 20DM. Nguyễn Thanh Quân (Heidelberg) 20DM. Khuu Cẩm Vân (Wiesbaden) 50DM. Nguyễn Thị Út (") 10DM. Lý Bình Hiền (BS) 30DM. Gđ. Trần Văn Công 30DM. Phạm Thị Kim Tiên (Bergkamen) 10DM. Thái Lan Nguyễn (Suisse) 20FS. Lê Võ Huỳnh Đức (Zeilnroda) 50DM. Trương Minh Hiệp (Saarlouis) 20DM. Nguyễn Văn Thái (Ausburg) 20DM. Vũ Huy Thục (Dessau) 20DM. Phạm Văn Lý (Weilburg) 30DM. Tú Minh Lê Thị Ngọc (K'lautern) 30DM. Gđ. Nguyễn Văn Nam 20DM. Nguyễn Huỳnh Long (Buxtehude) 20DM. Huỳnh Thanh Hà (Altenau) 20DM. Nguyễn Khuyến 20DM. Đặng Thị Kim Yến (Đan Mạch) 25DM. Trần Thị Thoa (") 20DM. Đồng Thị Gái (Ulm-Wiblingen) 20DM. Nguyễn Thị Lan (Niderau) 20DM. Nguyễn Đức Thụy Tường (Rodgau) 20DM. Trần Xuân Hồng 20DM. Lưu Tiến Tùng 20DM. Trần Văn Minh (Hòa Lan) 25Guld. Trương Hải (") 50Guld. Nguyễn Văn Anh (") 50Guld. Đinh Văn Trấn 20DM. Phan Văn Tuấn (HH) 20DM. Nguyễn Hồng Tú 20DM. Tôn Quốc Vinh (Saarbrücken) 20DM. Trương Văn Thông (Đan Mạch) 200Kr. Nguyễn Thị Thu Hồng (Donaueschingen) 20DM. Nguyễn Thế Quang (Garbsen) 20DM. Trương Thanh Tùng + Hà 20DM. Đinh Văn Tiên (Kaufbeuren) 20DM. Trần Thị Tiết (Eschweiler) 85DM. Nguyễn Văn Hình 80DM. Huỳnh Thị Liễu 65DM. Nguyễn Thị Kim Chi (Lindenberg) 30DM. Lý Văn Anh 55DM. Hồng Quốc Khánh (Wuppertal) 20DM. Nguyễn Thừa Tín (Gelsenkirchen) 50DM. Thiện Văn Nguyễn Văn Chung (Karlsruhe) 50DM. Chúc Lý (Úc) 50 Úc kim. Nguyễn Thị Kiều (") 25 Úc kim. Lê Thị Minh Hiền (Wernigerode) 10DM. Kim Hoa Doba 185DM. Phạm Công Toại (Pháp) 50DM. Gđ. Lưu Anh (Helmstedt) 100DM. Nguyễn Chí Quang (HH) 20DM. Phùng Mạnh Cường (Wolfenbüttel) 20DM. Lý Thị Kim Huệ (Pháp) 100FF.

● ẤN TỐNG

ĐH. Lâm Thúy Nguyễn (Pforzheim) 20DM. Liễu Ngân (Hòa Lan) 25Guld. Trương Thị Ven (Lörrach) 30DM. Quảng Chiếu (Kunzelsau) 20DM. Đỗ Văn Hưởng (Einbeck) 100DM. Phạm Thị Kim Tiên (Bergkamen) 10DM. Nguyễn Đình Hồng (Mannheim) 10DM. Huỳnh Thiện Tâm 20DM. Dương Xiao Ying (Essen) 20DM. Dương Văn Phượng (") 20DM. Dương Thị Quý (") 25DM.

● KINH PHÁP HOA

ĐH. Trần Văn Trung (Heidelberg) 100DM. Tâm Huệ (Bi) 500FB. Tâm An (") 500FB. Gđ. Hà Lâm (M'Gladbach) 50DM. Bùi Hồng Văn (Recklinghausen) 50DM. Vũ Văn Thnh (Leipzig) 20DM. Huỳnh T. Thảo (Köln) 50DM. Thiện Vũ Đào Thị Kim Loan (Langenhagen) 20DM. Tâm Thành Nguyễn Thị Khánh + Thiện Liễu + Thiện Đạo 100DM. Tôn Quốc Vinh (Saarbrücken) 20DM. Lê Thị Bích Ninh (München) 40DM.

● KINH PHÁP BẢO ĐÀN

ĐH. Gđ. Phạm Hữu Phước (Berg Gladbach) 50DM.

● KINH QUAN ÂM

ĐH. Li. Trần Thúy Phượng (Pforzheim) 200DM. Nguyễn Đức Sơn (Ludwigshafen) 50DM.

● KINH DƯỢC SƯ

ĐH. Nguyễn Thị Mai Trang (VS. Villingen) 38DM.

● KINH VU LAN

ĐH. Nguyễn Phương Tâm (Mannheim) 150DM. Dung Yến Anh (Sindelfingen) 100DM + Tâm Loan (Magstadt) 50DM. HHHL ĐH Huỳnh Kim Toàn +

Phan Thị Hạnh, Nguyễn Thị Tuyết (Pforzheim) 50DM. Loan + Quang + Nhật 45,23DM.

● KINH ĐÀ LA NI

ĐH. Nguyễn Phương Tâm (Mannheim) 35DM.

● KINH TỊNH ĐỘ

ĐH. Phan Thị Nhỏ (M'Gladbach) 50DM.

● KINH ĐỊA TẠNG

ĐH. Lâm Văn Sáng (USA) 50US. Nguyễn Phương Tâm (Mannheim) 50DM.

● THIÊN MÔN NHỰT TỤNG

ĐH. Bathke Diệu Minh (Giessen) 50DM. Lê Thị Nga (Diephöitztal) 50DM. Lý Cẩm Lan (Hannover) 100DM. Diệu Nữ + Thiện Cán (Laatzen) 100DM. Thiện Từ Nguyễn Quang Bi (Hannover) 50DM. Thiện Thanh + Nguyễn Thị Tân (Gehren) 100DM. Lý Diên Gia (Wiesbaden) 50DM + Lý Diên Thái (") 20DM + Hà Kim Phúc (") 50DM. + Nguyễn Văn Ý (") 20DM Đặng Văn Tôn (") 20DM + Huyền Quang Thái (") 50DM + Trần Đình Lâm 50DM + Võ Thị Mỹ (") 50DM + Nguyễn Ngọc Châu (") 50DM. Nguyễn Thành Điền (") 50DM + Lý Cường (") 50DM + Đinh Thành Hiệp (") 50DM + Dường Tấn Thành (") 50DM + Tuồng Thị Lành (") 50DM + Lưu Quốc Hùng (") 50DM + Lâm Văn Bé (Frankfurt) 50DM + Nguyễn Ben (") 20DM + Nguyễn Tiến Cường (") 20DM + Trần Đình Lý (") 20DM + Trần H.Q. (") 20DM + Nguyễn Văn Minh (") 20DM + Trần Thanh Quyên (") 20DM + Trần Khánh Dư (") 20DM + Trịnh Thanh Đạm (") 50DM + Vũ Quốc Trinh (") 50DM + Lê Văn (") 50DM, HHHL ĐH Chánh Tâm Nguyễn Văn Nhỏ. Nguyễn Thị K. Nga 100DM. Nguyễn Thị Thu Hồng (Donaueschingen) 150DM. Nguyễn Thanh Tùng + Nguyễn Thị Mỹ Lệ (") 150DM. Thiện Hải Nguyễn Thị Hà (Hildesheim) 20DM. Thiện Hương Đỗ Thị Cúc (") 50DM. Văn Hương (Hamein) 600DM. Chú Hạnh Trí (Chùa Viên Giác) 100DM, Hồi hưởng cứu huyền thất tổ. Lê Thị Ngọc Diệp (Erlangen) 300DM/20 quyển, cúng dường cho Ni Sư Thanh Hà chùa Long Vân ở Bỉ.

● NGHI THỨC TỤNG NIỆM

ĐH. Gđ. Trịnh Minh Tân (Bad Pyrmont) 50DM. Ngô Kim (Hannover) 20DM. Ngo Jan (") 20DM. Phùng Đình Ngọc Thảo (VN) 20DM. Phùng Đình Ngọc Tâm (") 20DM. Ngô Ngọc Huy (Úc) 20DM. Ngô Ngọc Hân (") 20DM. Ngô Thảo Nguyễn (") 20DM. Huỳnh Andrew (") 20DM. Huỳnh Colin (") 20DM. Huỳnh Desmond (") 20DM. Ngô Bạch Gina Phướng Quyên (Hannover) 20DM.

● TƯỢNG PHẬT THIÊN THỦ THIÊN NHÂN

ĐH. Bathke Diệu Minh (Giessen) 50DM. Lê Thị Nga (Diephöitztal) 50DM. Quảng Ngô & Diệu Hiền (Laatzen) 50DM. Diệu Nữ & Thiện Cán (") 100DM. Đỗ Thị Thu Hương (Wuppertal) 100DM. Lê Thị Hoa (Dusslingen) 25DM. Ấn danh (Hannover) 300DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 50DM. Bùi Thị P. Loan (Halle) 40DM. Gđ. Phạm Hữu Phước (Berg Gladbach) 50DM.

● TƯỢNG PHẬT QUAN ÂM

ĐH. Lê Thị Hoa (Dusslingen) 25DM. Đào Thiện Mẫn (Empelde) 10DM. Herrn Leucht Wenis Chi Thanh 200DM.

● XÂY CHÙA

ĐH. Nguyễn Hạnh Trinh (Kun-Belsenberg) 50DM. Phạm Thị Kim Dung (Kirtorf) 20DM. Kim Liên (Gifhorn) 30DM. Đặng Thị Sùng (Saarbrücken) 50DM. Dường Thị Ân (") 50DM. Dr. Nguyễn Xuân Trang (Göttingen) 350DM. Nguyễn Văn Thành (Friedrichsthal-Bildstock) 20DM.

Nguyễn Đức Sơn (Ludwigshafen) 50DM. Trần Thị Sô (Lörrach) 50DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 50DM. Cao Ngọc Lang (BS) 20DM. Nguyễn Hữu Dũng (Regensburg) 20DM. Phan Thị Huệ (Karlsruhe) 10DM. Huỳnh Thị Thu Hiếu (Seesen) 100DM. Lai Thế Hiến (Kassel) 20DM. Nông Tú Anh (") 20DM. Vượng Xám Múi (Schweinfurt) 20DM. Lê Quý Hiếu (") 20DM. Nguyễn Thị Năm (Stolberg) 30DM. Phạm Thị Hoa (Marburg) 20DM. Phạm Văn Thái (Memmingen) 20DM. Nguyễn Thị Ánh Minh (Wismar) 20DM. Nguyễn Thị P. Lan (Gardelegen) 10DM. Huỳnh T. Thảo (Köln) 50DM. Hùng (Göttingen) 50DM. Lê Thị Hoa (Dusslingen) 20DM. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 70DM. Nguyễn Đình Hồng (Mannheim) 20DM. Gđ. Trần Văn Công 30DM. Nguyễn Văn Lắm 50DM. Ấn danh 50DM. Nguyễn Hạnh Trinh (Kun-Belsenberg) 50DM. Nguyễn Ngọc Tuấn (Frankfurt) 20DM ●

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật nên danh sách phưởng danh cúng dường không thể đăng hết được trong kỳ báo Viên Giác số 107. Chúng tôi sẽ tiếp tục đăng các phần cúng dường còn lại vào số báo Viên Giác 108 phát hành vào tháng 12 / 98. Xin chân thành cáo lỗi cùng quý độc giả và quý đạo hữu Phật Tử.

● Chùa Viên Giác

CÁO PHÓ VÀ CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi chân thành cảm tạ, toàn thể thân bằng quyến thuộc xa gần đã đến phân ưu, tụng kinh cầu siêu và tiễn đưa linh hồn tiêu điều nơi miền cực lạc.

ÔNG NGUYỄN VĂN TÂM

Đã từ trần ngày 07.10.1998 nhằm ngày 17.08 năm Mậu Dần tại Bad - Honingen Hướng thọ 63 tuổi

Gia đình chúng con xin cảm tạ và tri ân : Quý sư chú Hạnh Tử và Sư chú Hạnh An tại chùa Viên Giác - Hannover

Gia đình chúng tôi cảm tạ Ông Bà Sáu ở Dietzenbach, Chú Hai Ái ở Essen và Cậu Sơn ở Koblenz.

Đồng thời gia đình chúng tôi chân thành cảm tạ :

Chi Hội Phật Tử ở Wiesbaden
Chi Hội Phật Tử ở Frankfurt
Chi Hội Phật Tử ở Aschaffenburg

Gia đình chúng tôi chân thành cảm tạ các bác và các bạn hữu xa gần quyến thuộc đã điện chia buồn cùng giúp đỡ tận tình, hướng dẫn, tụng niệm hưởng linh.

Trong lúc tang quyến không tránh khỏi sự lỗi lầm và bối rối. Nếu có điều chi sơ suất kính xin quý vị lượng tình thứ lỗi.

Tang gia đồng cảm tạ

Gia quyến quả phụ Giang Tô Nũ

Thơ

● Thị Thiện Phạm Công Hoàng

(Đại diện Tổ chức sinh hoạt người Việt Tị Nạn tại CHLB Đức, Hội Người Việt Tị Nạn Cộng Sản tại Bremen & Gia đình Phật Tử Chánh Giác)



Thưởng nhớ
BÁC QUANG KÍNH

Vừa chuẩn bị lên đường đi xứ Mỹ
Nghe hung tin Bác Quang Kính qua đời

Cầu chư Phật, Bồ Tát khắp nơi
Độ cho Bác thành thoi miền cực lạc
Lúc Bác sống có công lao, thảo vát
Việc gia đình lẫn đạo Pháp hai vai
Khuyên cháu con đã là kiếp làm trai
Hiện tại vững đưa tương lai tươi sáng

Con còn nhớ mỗi năm ngày Phật Đản

Ngày Vu Lan ngày báo hiếu mẹ cha
Bác trên tay với cuốn sổ bốn ba
Đến Phật Tử, Bác nào tha ai cả!

Cúng trai Tăng cúng dường theo vô ngã

Gieo phúc lành được thư thả tịnh tâm

Kể từ đây kính Bác đượm tình thâm
Nay xa Bác này mầm trong tâm khảm

Luật vô thường chúng con càng can đảm

Quyết tâm tu qua nền tảng Từ Bi
Thương chúng sanh đạo Pháp gắng tu trì

Lòng nhớ Bác khắc ghi lời tâm huyết.

(10.6.98 - USA)



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHU TRƯỞNG (HERAUSGEBER & DRUCK)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

CHU BƯT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TOA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

BAN BIÊN TẬP & CÔNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà - Quỳnh
Hoa - Từ Hùng Trần Phong Lưu - Thiện Nghĩa - Phan Ngọc -
Hồng Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phù
Vân

Hồ Trường An (Pháp) - Tùy Anh (Đức) - Nguyễn Văn Ba
(Canada) - Từ Xứng Roland Berthold (Đức) - Thanh Bình
(Thụy Sĩ) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai Lý
Cang (Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) - S.H. Hà Đậu Đông
(Đức) - Phương Hà (Bi) - Thái Tú Hạp (Hoa Kỳ) - Nguyễn
Đình Hùng (Hòa Lan) - Nguyễn Tấn Hưng (Mỹ) - Trần Thị
Nhật Hùng (Thụy Sĩ) - Dr. Thái Văn Kiêm (Pháp) - Nguyễn
Minh Khánh (Canada) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) - Thiện Hữu Trần
Hữu Lộc (Đức) - Huyền Thanh Lữ (Đức) - Thiện Mẫn (Nga) -
Thiện Xuân - Inna Malkhanova (Nga) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị
Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phong Hùng Lưu
Nhơn Nghĩa (Úc) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) - Hoàng Phi Lưu
Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan Hùng Nhôn (Đức) - Nguyễn Việt
Nữ (Hoa Kỳ) - Văn Nường LNC (Pháp) - G.S. Lê Văn Quối
(Hòa Lan) - Giang Phúc Đông Sơn (Đức) - T.S. Lâm Như
Tạng (Úc) - Phạm Thăng (Canada) - Đoàn Văn Thông (Hoa
Kỳ) - Nguyễn Thủy (Pháp) - Võ Thúc (Ấn Độ) - Hoài Việt
(Pháp) - Yên Tử Cử Sĩ Trần Đại Sỹ (Pháp). Võ Thu Tịnh
(Pháp).

KỸ THUẬT AN LOẠT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

CUNG SỰ CÔNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TOA SOẠN & AN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963

E-Mail pagode-vien-giac @oln.comlink.apc.org

VIÊN GIÁC erscheint 6 mal Jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 70
Deutsche Bank Hannover

MỤC LỤC

Trang

Thủ tòa soạn	1
● TÔN GIÁO	
Kề cận tử quang - Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn dịch	2 - 5
Bí ẩn về tiền kiếp và hậu kiếp - Đoàn Văn Thông	5 - 10
Thức thú Tám - TS. Lâm Như Tạng	11 - 14
Thân thể con người - Cử sĩ Tâm Quang	15 - 16
● AUF DEUTSCH	
Weg ohne Grenzen - Thích Nhu Dien	17 - 19
● VĂN HỌC PHẬT GIÁO	
Trang Hoa Phượng : Hồng Nhiên phụ trách	20 - 24
- Một người nghèo lạ - Hồng Nhiên sưu tầm. Gia đình Phật Tử - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu. Việt sử bằng tranh : Huyền sử đời Hùng - Bùi Văn Bảo	
Vườn thơ Viên Giác : Hương mùa thu cũ - Phù Vân phụ trách	25 - 29
● SÁNG TÁC, VĂN NGHỆ, BIÊN KHẢO	
Văn đề phiên dịch Đường thi bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu - Thái Can	30 - 32
Hồ Xuân Hương nàng là ai - Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh	33 - 38
Hóa tình tử những huyền thoại xưa đến thực trạng - Phan Hùng Nhôn	38 - 41
Các siêu cường bí mật phát triển loại vũ khí mới - Đoàn Văn Thông	41 - 42
Đến Sài Gòn từ Thuận Hóa, Thăng Long và Luy Lâu - Lê Hiếu Liên	43 - 47
Bạch Cúc - Giang Phúc Đông Sơn	48 - 51
Di Hòa Viên - Trần Phong Lưu	52 - 57
Các bạn đang làm gì nhỉ ? - Inna Malkhanova	58 - 60
Trăng khuyết - Thi Thi Hồng Ngọc	60 - 61
Tạp ghi Mùa Hè - Vũ Nam	62 - 63
Câu chuyện con thuyền Titanic - Thiện Nghĩa	64
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất - Đức Hương Hồ Thanh	65
Cảm nghĩ nhân đọc cuốn từ vi & địa lý của Ngô Quốc Phong - Hoàng Liên	66 - 67
Y Học Thường Thức : Mau quên, mệt mỏi, chán nản - Quỳnh Hoa	67
Tin tức thế giới - Người Quan Sát	68 - 73
Lời kêu gọi chống danh sách liệt sĩ Việt Cộng - BS. Trần Văn Tích	73
Bóng ma lý tưởng Cộng Sản - Người tị nạn	74 - 76
Diễn đàn dân chủ : Nguyễn Thị Thúy Luyến - Ly Thu Thảo - Trần Thị Kim Lan - Nguyễn Văn Đại	77 - 78
Giới thiệu : Thuật thành công xây dựng quốc gia dân chủ thời đại - Vũ Kỳ	79 - 80
Thông Cáo Báo Chí	81 - 85
Tin Phật Sự - Sinh Hoạt Cộng Đồng - Hộp thư Viên Giác	86 - 91
Một văn hữu lại ra đi - Phạm Thăng	92
Phân úu - Cáo phó - Cảm tạ - Tin vui - Phụng danh cúng dường	93 - 99

● THỞ :

14. Người về nướng cánh cửa không (Tùy Anh). Viễn mộng (Cát Bụi). 24. Bà ngoại (Đông Châu). 29. Ngày mai anh ra đi (Thiện Mẫn Nguyễn Minh Cần). Buồn tàn thu (Hoàng Ngọc Quỳnh Giao). 32. Nếu (Văn Nường). 47. Thôi em đừng khóc nữa (Tu Di Trần Châu Lam). 51. Ngọt ngào tiếng mẹ (Bích Xuân). Nhang ai khóc mẹ (Ỗ Nga). 61. Con mẹ đứa trẻ lạc loài (Nguyễn Thị Hoa). 78. Ngựa già trên đồi cỏ non (Huy Giang). 80. Thương cha (Lê Mỹ Như Ý). 89. Thu và Thi (Đoàn Công). 99. Thương nhớ Bác Quang Kính (Phạm Công Hoàng)

● Hình bia : Thiện Minh Nguyễn Văn Cầm (Úc)

CÁO LỖI

Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến, cũng như mục phụng danh cúng dường không thể đăng hết trong kỳ báo này được. Chúng tôi sẽ tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị

● Ban Biên Tập Viên Giác



Institute of Beauty

KIM'S
Cosmetics
MEROWINGER STR.151
50374 ERFSTADT
TEL. 02235 - 461 368

Tốt nghiệp trường Cao Đẳng Thẩm Mỹ,
Bonn Đức Quốc từ năm 1972. Tốt nghiệp
trường Thẩm Mỹ Thời Trang New York, Hoa
Kỳ từ năm 1971. Tốt nghiệp bổ túc Thẩm Mỹ
Tân Tiến Paris, Pháp Quốc năm 1987. Đã
hành nghề Thẩm Mỹ Viện hơn 20 năm tại Âu
Châu. Giám Đốc 3 chi nhánh Kim's
Cosmetics tại Đức và Hoa Kỳ.

THẨM MỸ VIỆN SỬA SẮC ĐẸP KHÔNG CẦN GIẢI PHẪU

Đặc Biệt : Đại diện độc quyền mỹ phẩm tuyệt diệu quý giá của LCA Cosmetics, Osaka - Nhật Bản tại Orange Country và các vùng lân cận. Một khám phá thành công vượt bậc trên 10 năm qua hiện đang được hàng triệu phụ nữ trên thế giới ưa chuộng, kem dưỡng da được pha trộn vàng nguyên chất và sẽ giúp quý bà trẻ tuyệt vết nhăn, mụn nám, tàn nhang, kết quả nhanh chóng. Dùng mỹ phẩm trộn vàng để dưỡng da.

Quý bạn có thể kéo lại tuổi xuân từ 15 đến 20 năm.

KHUÔN MẶT

◆ Làm tan túi mỡ, mắt sụp làm to. ◆ Làm mất hết nếp nhăn trên mặt. ◆ Da săn tự nhiên. ◆ Nâng cao mũi thích hợp với khuôn mặt. ◆ Mặt to làm bé lại. ◆ Má hóp làm đầy ra. ◆ Nắn sửa khuôn mặt thành trái soan. ◆ Sữa nụ cười cho kín đáo duyên dáng. ◆ Sữa bột hồng và móm. ◆ Lột da mặt theo phương pháp của Đức. ◆ Sửa đổi khuôn mặt, cằm, gò má, môi

1 lần 95 DM 10 lần 895 DM.

MÁY MYOLIFTING NỔI TIẾNG NHẤT THẾ GIỚI LÀM TAN MỠ BỤNG

◆ Làm tan mỡ bụng theo phương pháp đốt mỡ và tạo lại lớp thịt mới. Phương pháp đặc ý nhất của phát minh khoa học Đức Quốc.
◆ Đàn bà sau khi sanh bị nứt da, da nhăn, sẽ được như ý với làn da mới.
◆ Làm cho bụng nhỏ (kể cả các ông). ◆ Không có eo làm cho có eo, eo lớn làm thành eo nhỏ, thân hình hấp dẫn.

1 lần 75 DM - 10 lần 695 DM

TATOO (XÂM) THEO PHƯƠNG PHÁP ÂU CHÂU

◆ Lông mày 450 DM. Mắt 500 DM. Môi 500 DM. ◆ Dạy học viên cấp bằng hành nghề ◆ Táo, học trang điểm cơ bản, dạ hội : học phí mỗi thứ là 900 DM

NGỰC

◆ Ngực ngoại cỡ làm lại nhỏ thật đẹp. ◆ Sửa chỉnh đầu vú hoa (tự nhiên) ◆ Điều chỉnh ngực xệ vì cho con bú
1 lần 89 DM 10 lần 795 DM

**Cũng là kem vàng hiệu "LAC"
được gọi là cái lão hoàn đồng**

- Gold Skin Lotion "làm khít lỗ chân lông" 179 DM
- Gold Skin Milk (dành cho da khô bình thường) 179 DM
- Gold Nirght (cho ban đêm, dành cho da có tuổi và rất khô) 319 DM
- "LAC" mặt ong chứa trộn nhiều vàng và nhiều nhân sâm dành cho da có tuổi, bồi dưỡng khí huyết, sống động của sắc hồng da, tóc ít bạc và trị rụng tóc, kéo lại tuổi xuân 319 DM

VIEN GIAC, KARLSRUHER STRASSE 6, 30519 HANNOVER
PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt H 46298

- Peeling tẩy trắng mịn da 37 DM
- Thuốc mọc lông mày và lông mi 29,50 DM
- Sơn môi giữ được 24 tiếng đồng hồ (có 4 màu) 25 DM
- Thuốc lột nhẹ (có 4 loại) 250 DM
- Thuốc lột mạnh (6 loại) 550 DM
- Thuốc trị nám, tàn nhang (5 loại) 250 DM
- Dành cho da khô (4 loại) 179 DM
- Dành cho da dị ứng (5 loại) 199 DM
- Dành cho da bình thường (4 loại) 179 DM
- Dành cho da nhờn mụn cám (5 loại) 199 DM
- Dành cho da muốn mịn, mịn mịn (6 loại) 199 DM
- Dành cho da có tuổi nhăn nhiều (5 loại) 220 DM

Maurice
MESSÉGUÉ



Kem thảo mộc của Pháp được ưa chuộng từ nhiều năm nay :

- KEM REGENERATIONS :
Chống nhăn, trị mụn, xây da mới, khít chân lông 51,50 DM
- KEM BAN NGÀY CHO DA MỤN :
Thoa vào, mụn sẽ khô đi rụng ra một mình 40,50 DM
- AUGEN GEL
Chống thâm mắt, thẳng da mắt 42,50 DM
- MẶT NẠ LÀM KHÍT LỖ CHÂN LÔNG 34,50 DM

SCHÖNHEITSMASQUE

- Halscreme Chống nhăn da cổ 67,50 DM
- Trione 01 : Dầu chống nhăn, làm mắt sụp, to lên khi dùng hết chai thứ 3 71 DM
- Brust creme : Kem làm ngực to căng lên 69 DM
- 01 bộ kem làm ốm : Dùng xong xuống 4,5 Kg 250 DM
- Thuốc ốm : Tan mỡ sụt cân Một hộp ... 79 DM

NGOÀI RA THẨM MỸ VIỆN CHÚNG TÔI CÒN BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH NHƯ :

- Nhức đầu kinh niên, tê thấp, nhức mỏi, dị ứng, Depressionen (thần kinh, lạnh cảm), phong thấp (Gicht), đau tim, khó ngủ, ghê ngứa, ù lỗ tai, tất cả các bệnh nan y không trị thuốc Medicin mà hết được.

- Trà ốm, làm giảm lượng Cholesterin trong máu 30 DM
- Các thủ thuốc làm tăng cường sức khỏe (không làm mập hoặc lên cân) trẻ và sống lại các tế bào trong cơ thể. Một hộp cho 2 tháng 89 DM

Đặc Biệt : Nếu mua hàng trên 100 DM

Tất cả các loại kem gửi đi theo lối Per nachname (chuyển hóa giao ngân) đều không phải trả thêm tiền cước.